

VIÊN GIÁC



SỐ - NR. **132** TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC
Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland
PL. 2546 . NĂM THỨ 24 - THÁNG 12 . - JAHRGANG 24 . - DEZ. 2002- AUSGABE IN VIETNAMEISCH & DEUTSCH

Chúc Mừng Năm Mới



Xuân Quý Mùi

2003

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

**Thành tâm kính chúc
Chư Tôn Hòa Thượng,
Chư Thượng Tọa
Đại Đức Tăng Ni
Và Đồng Bào Phật Tử
Khắp nơi trên Thế Giới
Một Năm Quý Mùi
Được Kiết Tường Như Ý**

Chùa Viên Giác

HỘI PHẬT GIÁO TĂNG GIÀ THẾ GIỚI

Đại Hội đặc biệt và Đại Hội Ban Chấp Hành lần thứ 2 của kỳ 7 tại Singapore từ ngày 23 đến 27 tháng 11 năm 2002



Chú tôn đức chụp hình lưu niệm sau lễ khai mạc với Phó Thủ Tướng Singapore Lee Hsien Loong (Lý Hiến Long).

Năm nay (2002) Tổng Hội Phật Giáo Singapore đăng cai tổ chức Đại Hội Ban Chấp Hành lần thứ 2 của kỳ 7 và Đại Hội Đại Biểu đặc biệt để tu chỉnh nội quy đã được thành lập từ năm 1966 tại Colombo, thủ đô nước Tích Lan. Có hơn 300 Đại Biểu Tăng Ni của 25 quốc gia trên thế giới về tham dự tại Âu, Mỹ, Úc và Á Châu.

Ngày 24 và 25 tháng 11 năm 2002 là những ngày quan trọng của Đại Hội. Vì lễ lễ khai mạc Đại Hội có sự tham dự của các bậc cao Tăng và ông Lee Hsien Loong (Lý Hiến Long) con trai của ông Lý Quang Diệu, hiện là Phó Thủ Tướng của Singapore đến tham dự tại Hội Trường. Buổi chiều cùng ngày Đại Hội đã đem nội quy ra thảo luận và sửa đổi những điều cần thiết.

Đến sáng ngày 25 tháng 11, Đại Hội vẫn tiếp tục bàn thảo về nội quy và 11 giờ trưa thì Đại Biểu Phật Giáo của 25 quốc gia tham dự Đại Hội vào dinh Tổng Thống để thăm viếng. Được biết Tổng Thống Singapore trong hiện tại là ông Nadan, người có gốc gác Ấn Độ và sau khi hội kiến với Tổng Thống, phái đoàn đã về lại trường Trung Học Bồ Đề để thảo

luận tiếp phần cuối cùng của bản nội quy và tham gia lễ bế mạc Đại Hội. Ngài Long Căn Trưởng Lão, Chủ Tịch Tổng Hội Phật Giáo Singapore, Ngài Liễu Trung, Chủ Tịch Hội Phật Giáo Tăng Già Thế Giới, Ngài Giác Quang, Chủ Tịch Hội Phật Giáo Hồng Kông và Ngài Thư ký Anh văn đã lần lượt lên Phật đài để bày tỏ cảm tưởng của mình khi tổ chức cũng như thành quả của Đại Hội.

Đại Hội cũng đã quyết định là tháng 11 sang năm 2003 Hội Đồng Điều Hành sẽ họp lần thứ 3 của kỳ 7 tại Indonésia và tháng 11 năm 2004 sẽ có Đại Hội Khoáng Đại kỳ 8 sẽ được họp tại Mã Lai Á.

Đại Diện cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu tham dự kỳ Đại Hội này có Thượng Tọa Tổng Thư Ký Thích Như Điển. Ngoài ra có khoảng 20 Tăng Ni Việt Nam đến từ các tổ chức, hệ phái khác nhau cũng đã tham gia Đại Hội này.

(Xem tiếp trang 9)



THƯ TÒA SOẠN

Suốt một năm 2002 vừa qua, cả thế giới nói chung và nước Đức nói riêng đã hứng chịu không biết bao nhiêu là tai trời ách nước, tật họa biến hành và hơn thế nữa thế giới này, vũ trụ này đang trên đà đi đến chỗ suy vi hoại diệt.

Nhìn chung tình hình của thế giới rất bất ổn. Qua sự khủng bố, chiến tranh đã diễn ra khắp nơi tại nước Mỹ, Indonesia, A Phú Hãn, Nga Sô và gần đây nhất là Irak và Do Thái... Tất cả đều do con người tạo ra và làm cho thiên nhiên đất trời phải phẫn nộ. Mọi chất độc hóa học, thuốc súng đã ảnh hưởng đến môi sinh không nhỏ. Do vậy mà thời tiết, khí hậu cả thế giới đều bị đổi thay. Ví dụ mùa hè bị lũ lụt, mùa thu mà tuyết đã phủ kín những vùng đồi núi Âu Châu. Nạn cháy rừng đã xảy ra liên tục tại Úc Châu và còn nhiều tai ương tật ách khác nữa đã xảy ra trong suốt một năm qua trên quả địa cầu này.

Nước Mỹ sống trong thanh bình an lạc, bỗng nhiên nhiều sự kiện sát nhân đã xảy ra liên tục trong tháng 9 và tháng 10 năm 2002 này. Bất cứ ai cũng sợ khủng bố; ví dụ như người tài xế xe Bus, kẻ làm vườn, các em học sinh, bà nội trợ, nhân viên văn phòng, kẻ đi ăn tối tại tiệm v.v... tất cả những sự đau lòng ấy đã xảy đến liên tục tại xứ Mỹ và cuối cùng rồi kẻ sát nhân kia cũng đã bị sa lưới của FBI; nhưng những người đã chết một cách oan uổng như thế thì ai là người chịu trách nhiệm? Xã hội, chính phủ, nhân dân hay vấn đề giáo dục? Tất cả là những đấng cay, khổ lụy mà con người đang chịu đựng, đặc biệt là trên xứ Mỹ.

Tại xứ Đức này cơn lụt thế kỷ đã trôi qua; nhưng những vết thương lòng của người dân xứ Đức và các nước Đông Âu vẫn còn nguyên vẹn ở đó. Mặc dầu chính phủ và nhân dân Đức cũng như Cộng đồng Âu Châu đã kề vai san sẻ những mất mát này; nhưng nỗi hằn trên trán, sự rạn nứt nơi cõi lòng của con người khi mà "đất bằng sóng dậy" thì thử hỏi ai mà không kinh hoàng, hoảng sợ!

Rồi máy bay, xe lửa, xe hơi... những phương tiện di chuyển lâu nay chúng ta nghĩ tưởng đối là nhanh chóng và Âu Châu vẫn còn trong an toàn; nhưng 15 người Đức đã chết cháy một cách vô tội khi di chuyển trên chuyến bay đi Lục Xâm Bảo trong tháng 11 này. Kế đến là xe lửa cũng phát cháy làm cho nhiều người chết và bị thương và tai nạn xe hơi bị tuyệt đối đã chôn vùi biết bao nhiêu con người vô

tội ấy. Có lẽ cái nghiệp của con người đã đến lúc phải trả chung như thế. Vì trong quá khứ ta đã gieo; nên giờ đây cộng nghiệp đã rõ ràng chẳng? hay còn gì nữa?

Nhìn ra bên ngoài xã hội, chúng ta thấy bất an như: Thị trường chứng khoán lên xuống bất thường, nhiều người đã thua lỗ cả lời lẫn vốn, tan gia bại sản. Nhiều xí nghiệp lớn của Đức cũng phải đóng cửa, khai phá sản, sa thải nhân viên; khiến cho bao nhiêu người phải thất nghiệp và chính phủ phải nai lưng ra mượn nợ. Năm nay chính phủ Đức thâm thủng cả hàng 20 tỷ Euro và con số này sẽ còn tăng lên nữa vào những năm tới.

Chính quyền SPD và Grüne đã khó khăn vất vả biết bao nhiêu để vực dậy nền kinh tế của Đức đang trên đà vỡ nợ. Chính phủ tìm mọi cách để thu thuế của dân để bù đắp vào những thặng chi của nhiều cơ quan, ngành nghề khác nhau và nhất là cho những người về hưu, để giữ lời hứa khi 2 Đấng này ra tranh cử vào tháng 9 vừa qua: những được cái này thì cái kia phải mất. Đây là lý nhân duyên và trùng trùng duyên khởi như trong kinh Hoa Nghiêm, Phật đã dạy. Cuối cùng rồi cái khổ của nhân sinh vẫn là một tiêu đề rất lớn mà các nhà chính trị gia, các nhà xã hội học chắc chắn phải đi đầu để cố gắng giải tỏa; nhưng chắc rằng với sức nặng nghìn cân ấy, chưa chắc là cái nghèo, cái đói, cái khổ của nhân sinh không còn đeo đuổi nữa.

Nhìn về quê hương Việt Nam của chúng ta, người Cộng Sản có thay đổi về đường lối kinh tế để sống còn cho chủ nghĩa; nhưng chính trị, tự do tôn giáo, giáo dục v.v... không thay đổi theo chiều hướng dân chủ thì chẳng khác nào người Cộng Sản đang vá lấp nhiều miếng vá chổng lên chiếc áo rách, vốn dĩ đã cũ kỹ rồi, sẽ lại còn tệ hại hơn nữa. Điều ấy chẳng ích gì. Nếu có lợi, chỉ có lợi cho người cầm quyền để tham nhũng, hối lộ; chủ nhân dân chẳng được gì.

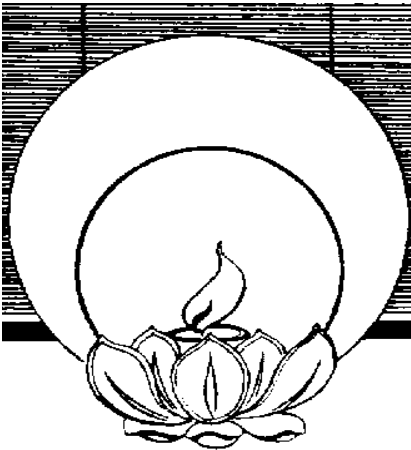
Trong khi đó những tiếng kêu dân chủ do Nhị vị Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Linh Mục Nguyễn Văn Lý, Luật sư Lê Chí Quang v.v... đã vang vọng khắp trời Tây cho nước Việt Nam dân chủ thực sự; nhưng người Cộng Sản Việt Nam đã cố tình làm ngơ và chắc chắn một điều: "tức nước sẽ vỡ bờ"; nếu người Cộng Sản không tiên liệu trước được tiến trình dân chủ này thì cái giá của tự do phải đổi sẽ được nhiều người ủng hộ.

Suốt một năm 2002 như thế; nhưng chúng ta cũng phải tự mở cõi lòng để mời gọi Xuân sang. Người Việt chúng ta sẽ đón 2 cái Tết như thường lệ. Một cái Tết của Âu Mỹ theo dương lịch và một cái Tết cổ truyền theo âm lịch. Có nhiều người trở lại quê hương để tìm chút dư âm của những ngày xa xưa cũ. Có người ở lại đây âm thầm chịu đựng đón Xuân sang khi bên ngoài trời Đông buốt giá, tuyết đổ liên hồi. Ai hiểu được tâm trạng của kẻ ly hương như chúng ta? Nhìn về quê mẹ ruột vẫn còn đau. Nhìn ra ngoài phố nơi xứ này ta vẫn còn lẻ loi lạc lõng với phong tục tập quán và khí hậu. Vậy thì ta phải tìm nơi đâu để có một thú hạnh phúc chân thật và lâu bền? Có phải chăng hạnh phúc là thú mà con người phải biết trân quý những gì chúng ta đang có, chứ không phải là những gì chúng ta đang đi tìm? Vậy thì chúng ta nên trở lại bên trong để tìm lại chính mình, thì lúc ấy mới có một hạnh phúc chân thật được.

Cầu nguyện cho quý độc giả báo Viên Giác có được một mùa Xuân miên viễn của đất trời.

• Ban Biên Tập Báo Viên Giác

TÔN GIÁO



tâm cảnh

Nguyên tác:

The World Within

Tác giả:

Dr. Gina Cerminara

Người dịch:

HOÀNG-PHI

LỮU HOÀNG-NGUYỄN



CHƯƠNG IV.-

CHUNG TỘC

MỤC I.-

VẤN ĐỀ CHUNG TỘC

Mang khoác một thân xác không đơn thuần chỉ là làm đàn ông hay đàn bà mà còn thuộc một chủng tộc nào đó. Và chính nguyên lý tái sinh cho ta cái nhìn mới về thân xác và giới tính, nó còn cho ta thấy vấn đề chủng tộc.

Cho đến giữa thế kỷ 19, những người theo Do Thái giáo thường tin rằng lịch sử nhân loại bắt đầu từ sự tạo dựng con người ở Vườn Địa Đàng vào năm 4004 trước Công nguyên.

Có thể còn một vài hệ phái của Ki Tô giáo Chính thống vẫn tin chuyện này. Tuy nhiên tin như vậy chỉ có thể được duy trì bằng cách phủ nhận nhiều sự thực đã được các cuộc khảo cứu địa lý và nhân chủng học phát hiện. Các bộ xương người hóa thạch được đào lên ở thế kỷ 19 cho thấy con người từng sống trên quả đất này hàng mấy trăm nghìn năm và cũng có thể hàng mấy triệu năm. Câu chuyện về nguồn gốc loài người trong Thánh Kinh có thể đứng trên bình diện biểu tượng, nhưng nó không thể được hiểu theo nghĩa đen từng chữ từng lời và chắc chắn là chẳng thể được tính đúng theo số đã ghi mà không đối nghịch với các chứng cứ rành rành.

Theo ông Cayce, sự tiến hóa xảy ra đối với nhiều sinh vật trên địa cầu như cây cỏ, côn trùng, cá, thú, v.v... Con người cũng tiến hóa, nhưng khởi thủy "con người" được tạo ra hay phát sinh từ một nhóm "linh hồn". Các linh hồn này bay lơ lửng trên mặt đất, mê mẩn với các thân hình của những con thú mà họ thấy, và có lẽ phần lớn vì hiếu kỳ, họ bắt đầu nhập vô thân thú vật và giao hợp với thú vật. Đây là "SỰ SA ĐẠO CỦA CON NGƯỜI", không phải là tình dục mà là thú tính của một thần linh đi giao hợp với thú vật, hay nói ngắn gọn hơn, đây là sự kê-gian đại-trà. Vì thế các linh hồn này vướng mắc vào vật chất, phải chịu sự chi phối của luật muông thú và sự tiến hóa của muôn loài, dù họ vốn là "các tạo vật đặc biệt" chứ đâu phải thú vật. Mấy câu chuyện thần thoại về những kẻ nửa người nửa ngựa (centaur), nửa cá nửa đàn bà (nữ nhân ngư) hay các quái vật khác, có thể theo cách giải thích của ông Cayce đều phần nào có cơ sở. Hình tượng Sphinx, nửa người nửa sư tử, của Cổ Ai Cập có thể nhắc nhở chúng ta về nguồn gốc vừa thiên thần vừa thú vật.

Trong bất cứ trường hợp nào, ông Cayce nói tiếp rằng để giải quyết tình trạng khẩn cấp nghiêm trọng này, Thượng Đế đã tạo ra hình dạng "Adam" như một lối thoát cho những linh hồn bị kẹt trong thể xác thú vật. Và Adam được "phóng chiếu" (theo ngôn từ của ông Cayce) cùng một lúc ở năm nơi khác nhau trên địa cầu. Năm "dạng phóng chiếu" này rõ ràng là năm nguyên mẫu (archetypes) của năm chủng tộc chính: trắng, đen, đỏ, vàng, nâu. Mỗi nguyên mẫu có cơ hội đặc biệt về thể chất, tâm linh để phát triển từ thú tính (vì dù sao con người cũng là

một động vật). Các linh hồn đã có dịp biểu lộ, tự thể hiện qua loại chủng tộc gần mình nhất.

Chuyện kể kỳ lạ này dường như hơi tương ứng với hai chuyện kể khác nhau về việc tạo ra con người trong quyển Sáng Thế Kỳ (1:27: "Và Thiên chúa đã dựng nên người theo hình ảnh mình. Theo hình ảnh của Thiên chúa, Người đã dựng nên nó, là nam là nữ, Người đã dựng nên chúng". 2:7: "Yavê Thiên chúa đã nắn hình người với bụi lấy từ đất đai và Người đã hà hơi sống vào mũi nó và người đã thành mạng sống"), dù sự giải thích toàn bộ quả khó khăn, sẽ có nhiều thắc mắc hơn là lời giải đáp. Chắc chắn hiện nay ta không cách gì biết được đúng hay sai. Nếu đúng, "các tạo vật đặc biệt" hẳn hòa hợp với thuyết tiến hóa. Nó còn đưa ra giả thuyết nhằm bài bác các vấn đề chẳng liên hệ nhau trong các huyền thoại, nhân chủng học, tục lệ bái vật (totemism), tâm lý học, tôn giáo và cõi vô thức của con người.

Tuy nhiên ít ra ở một khía cạnh khác, các dữ kiện của ông Cayce song song với những gì các nhà địa chất học và nhân chủng học tìm thấy: cả hai xác định rằng loài người xuất hiện từ xa xưa lắm. Nhưng các dữ kiện của ông Cayce còn cho thấy thêm là lịch sử nhân loại không sơ khai như ta nghĩ.

Phần nhiều lịch sử thế giới đều dành chương đầu cho thời kỳ Đồ Đá. Chương hai nói về thời kỳ khởi nguyên và phần thịnh của kiến trúc, văn học, tôn giáo của Cổ Ai Cập, bắt đầu từ năm 4.000 hay 5.000 trước Công nguyên và được xem là nền văn minh đầu tiên, to lớn của thế giới.

Nhưng theo ông Cayce thì Cổ Ai Cập chẳng phải là nền văn minh đầu tiên của nhân loại, là bước thứ nhất của con người ra khỏi nếp sống dã man. Dĩ nhiên đây là nền văn minh đầu tiên mà ta thấy được nhờ những vết tích lịch sử, nhưng trước đó đã có nhiều nền văn minh nữa từng hưng thịnh rồi mai một, chúng tiến bộ ngang bằng hay cao hơn nền văn minh hiện đại của chúng ta, đã phát triển rất xa xưa trước khi các Kim Tự Tháp và Đền Karnak được xây dựng.

Sao ta chẳng biết chi về nền văn minh này? Bởi lẽ các di tích bị cuốn đi, chìm sâu dưới lòng Thái Bình Dương và Đại Tây Dương. Con đại hồng thủy không những được ghi trong Thánh

Kinh mà còn được phần nhiều các truyền thuyết của những bộ tộc nói đến như là một sự kiện lịch sử chứ chẳng phải chuyện huyền thoại hay biểu tượng tâm linh.

Theo ông Cayce, Atlantis quả có thật, không là huyền thoại. Nó rất cao về mặt kỹ thuật, năng lực và đời trụ mà thời đại nguyên tử của chúng ta không có. Thế nhưng các máy bay, tàu lặn, các nhà máy phát điện chạy bằng năng lượng mặt trời đều biến mất dưới những làn nước cuồng nộ cùng lúc với các nhà cửa, đền đài và dân chúng vào khoảng 10.000 năm trước Công nguyên (cũng giống như triết gia Plato đã nói) trong trận thiên tai cuối cùng của ba đợt thiên tai nối tiếp nhau).

Một số người sống sót đã đến Peru rồi sau đó một số nhỏ lại rời Peru để lên Bắc Mỹ. Một số khác thoát nạn, đến được Tây Ban Nha. Một số nữa đến Bắc Phi, kết hôn với dân da đen Phi Châu bản địa. Sự pha trộn giữa người Atlantis và da đen tạo ra giống dân và nền văn minh Ai Cập.

Ông Cayce nói lịch sử Atlantis trải dài khoảng 100.000 năm trước khi bị tai trời ách nước. Ông còn nói đến sự hiện hữu của lục địa Lemuria đã chìm sâu dưới lòng Thái Bình Dương và dường như Lemuria (đất của người da nâu) đã hiện hữu khoảng 700.000 năm trước Atlantis (đất của người da đỏ).

Đây là một viễn cảnh khiến ta sững sốt. Nếu suy nghĩ ta thấy ý niệm về một cuộc hành trình rất dài của con người trên trái đất này đâu có phi lý nếu xét về mặt lịch sử hay địa chất. Và lại khi ta nghĩ về trí thông minh và khả năng hiện nay của những người đại diện cao tột nhất của nhân loại, có lẽ hợp lý về mặt tâm lý là những linh hồn này trên bước đường tiến hóa dài đằng đẵng, hẳn phải luân hồi hằng mấy trăm kiếp ở mấy trăm nơi trên quả địa cầu.

Nếu mở đại ra xem bất cứ một hồ sơ nào của ông Cayce, ta thấy là tất cả chúng ta trong quá khứ đã thuộc nhiều chủng tộc và quốc gia. Thí dụ trường hợp một phụ nữ Anh có 3 tiền kiếp là người Đức, Do Thái và da đen. Một thanh niên Ý có tiền thân là người Na Uy, Nga và Ba Tư. Còn một nhà môi giới thương mại giàu có người Bồ Đào Nha đã từng là người Mỹ, Ba Tư và Atlantis. Một vị giảng sư Ấn Độ khá nổi

tiếng thì lại có 2 tiền kiếp là người Anh và người Ấn Độ. Một thiếu nữ Do Thái có tiền kiếp vừa qua là một người Đức theo Công giáo, kiếp này chị là Di Phước Bề Trên ở một Cô nhi viện Công giáo.

Chuyện luân hồi như vậy đầy dẫy trong các hồ sơ của ông Cayce. Một số người Do Thái trước kia lại không phải là người Do Thái, và một số người không phải Do Thái lại có tiền thân là người Do Thái. Một số người Bắc Âu từng là người La Tinh (như Pháp, Ý, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha) và ngược lại. Nhiều người Á Đông có tiền thân là người Âu Châu hay ngược lại. Không thấy có trường hợp những người da đen trong hồ sơ của ông Cayce nên ta không rõ tiền thân của họ. Song có những người Mỹ có họ gốc Anglo-Saxon (Anh) có tiền thân là người da đen sống ở Ethiopia, Phi Châu, hay là người Ai Cập, v.v... và v.v... Họ từng là người Mông Cổ, Trung Hoa, da đỏ, Nhật Bản, Ấn Độ, Tây Ban Nha, Ý, Pháp, Nga, Bắc Âu. Nên hợp lý (vì suy luận theo chứng cứ) khi kết luận rằng: *Ai cũng từng có những tiền thân thuộc nhiều chủng tộc, màu da, quốc gia khác nhau.* Hơn nữa điều này còn được các cuộc thôi miên đưa lui về tiền kiếp (age-regression) giúp cho thấy là đúng.

Người ta ắt muốn biết cái gì khiến có sự thay đổi hay không thay đổi chủng tộc, có chăng là mẫu hình về sự hay tái đầu thai ở một chủng tộc nào đó hay không? Các hồ sơ của ông Cayce không đủ dữ kiện để giải đáp các thắc mắc này. Đôi khi có một chuỗi kiếp nối tiếp nhau đầu thai ở cùng một chủng tộc: một số người Do Thái đã từng có tiền thân cũng là người Do Thái, người Đức đã là người Đức, Đan Mạch đã từng là Đan Mạch, v.v... Nhưng trong nhiều trường hợp khác thì chẳng như vậy. Và ta đâu thể biết có phải ông Cayce bỏ qua không nói đến một số tiền kiếp vì chẳng đặc biệt ảnh hưởng chi đến vấn đề ở hiện kiếp của các thân chủ ông.

Có lẽ cũng giống như việc thay đổi giới tính, không có những mẫu nhất định nào cho việc thay đổi chủng tộc.

t hẳn các nhu cầu của một linh hồn, tương quan với những cơ may của các đặc tính di truyền, đã khiến linh hồn đó đầu thai ở một nước nào đó trên trái đất. Chủng tộc và giới tính dường như

đều tùy thuộc vào *vấn đề tiên quyết là phát triển các đức tính của linh hồn.* Mỗi chủng tộc đều có những lý tưởng, nền văn hóa, tín ngưỡng riêng, cung ứng một môi trường thích hợp cho sự phát triển hay trả nghiệp của nhiều loại người.

Dù thế nào đi nữa, rõ ràng là nếu thừa nhận có sự tái sinh, *ta không thể khinh khi một cách vô tội vạ các chủng tộc, quốc gia khác.* Vì nếu làm như vậy vô hình chung ta khinh khi chính các quá khứ hay tương lai của mình.

Phải luôn nhớ rằng về vấn đề chủng tộc hay vấn đề nào khác, *con người là một linh hồn và có một thân xác để nó sử dụng.* Con người không thể là một thân xác có thể có hoặc không có một linh hồn. Hiểu biết đúng đắn mối tương quan giữa HỒN và THÂN thật cần thiết để ta hiểu được Minh triết của cổ nhân cũng như để hành đạo. Đây cũng là bước tri thức trước tiên về lòng khoan dung trọn vẹn và khoa học chứ không phải phiến diện và cảm tính. Khi hiểu được thân xác chỉ là sự biểu lộ tạm thời, là cỗ xe để chuyên chở linh hồn, ta hẳn thấy rằng việc khinh khi một người nào đó vì màu da, chủng tộc hay quốc tịch của y thì quả thật phi lý như khi ta khinh khi một diễn viên chỉ vì bộ trang phục y đang mặc.

Càng nghiên ngẫm vấn đề ta càng thấy tính phân lập và tự tôn của mình tan biến đi. Bởi nếu linh hồn ta từng mang thân xác đen hay trắng, đỏ, nâu hay vàng, nếu mỗi giống người này từng có thời văn minh rực rỡ ngang bằng hay cao hơn nền văn minh của ta hiện nay, và nếu ta đã từng thuộc các chủng tộc, các nền văn minh đó, dù là một con dân thấp hèn hay bậc cao sang, là cùng đình hay ông hoàng, bà chúa, là thẳng khờ hay vị lãnh tụ, sao ta lại có thể luôn tự hào về tầm quan trọng và tính siêu việt của nòi giống, quốc gia mà ta đang có ở hiện kiếp ?

Ta có thể reo to: *Tôi chúa định tất cả các chủng tộc. Tôi ôm ấp trong tôi mọi quốc gia, mọi sắc dân! Tôi là một phần của tổng thể và tổng thể là một phần của tôi!*

Chắc hẳn có một số người quá thiên kiến, cảm thấy phân lập và tự tôn, đến nỗi chẳng có thứ kiến thức nào có thể thay đổi sự định ninh hay

cách ứng xử của họ về phương diện chủng tộc.

Cũng có nhiều người dù tin ở thuyết luân hồi và chấp nhận ý kiến cho rằng họ từng có những tiền kiếp thuộc nhiều sắc dân và sống ở nhiều nước, song vẫn còn dính ninh một cách kín đáo hay lộ liễu về đặc tính cao quý của hiện kiếp, chẳng hạn là một người thuộc giai cấp Bà La Môn ở Ấn Độ hay một người da trắng, một người Anh theo đạo Tin Lành. Dù biết rằng trong quá khứ họ từng là những ai khác với bây giờ, họ cũng chối bỏ cùng một động cơ tâm lý như "những kẻ mới giàu" (les nouveaux riches), giàu đổi bạn sang đổi vợ, vội quên đi nguồn gốc trung lưu, ghét bỏ những người trung lưu. Đối với họ cái thân trạng mà họ hiện có hiển nhiên là tột đỉnh của tất cả những gì đã qua, là thành tích rực rỡ của mọi thời đại.

Thái độ này quả rất phổ biến ngay cả trong giới huyền bí học (một số người tin rằng "Hội Các Huynh Đệ Da Trắng Vĩ Đại" hay "Các Bậc Thầy của Minh Triết" chỉ có thể có ở Anh quốc). Nhưng thái độ này chẳng thể tồn tại nếu họ trực diện với các chứng cứ khoa học và lịch sử cũng như những suy ngẫm về tâm linh.

Trước hết các chứng cứ khoa học gồm cả sự đóng góp của tâm lý học hiện đại. Các trắc nghiệm tâm thần chứng minh rõ ràng tất cả các chủng tộc lớn trên thế giới đều có các khả năng ngang nhau về trí thông minh và tài năng. Người da đen không thấp kém về khả năng trí tuệ. Dân các nước quanh Địa Trung Hải hay những nước không phải Bắc Âu cũng đâu kém khả năng trí tuệ.

Các chứng cứ lịch sử bổ túc cho những gì tâm lý học đã tìm được bằng cách cho thấy là môi trường và văn hóa đóng vai trò quan trọng cho sự thịnh suy của các chủng tộc cũng như uy thế của họ vào một thời điểm nào đó. Jhi Julius Caesar đổ bộ lên đất Anh vào năm 54 trước Công nguyên, ông thấy dân Anh sống trong cảnh rất sơ khai. Nhà văn La Mã Cicero đã viết thư cho một người bạn như sau: "Chớ có dùng người Anh làm nô lệ vì họ rất ngu ngốc, không thể nào dạy bảo nên chẳng xứng đáng để có mặt trong một gia đình La Mã". Ngay cả vào thế kỷ thứ 9 một nhà trí thức bình luận gia Rập đã mô tả người Anh là bọn dã man không có văn hóa, không có trình độ. Mặt khác ta thấy người Hy Lạp

từng có thời vàng son về triết học và thẩm mỹ thể mà nay nhường bước cho các dân tộc trước kia chả có tầm cỡ gì.

Các sinh viên nhân chủng học đều biết văn hóa có tính cách tương đối, chủng tộc nào cũng "ngang nhau" nếu tính trong một khoảng thời gian dài. Thế nhưng phần đông thiên hạ không biết sự thực này hoặc ngoảnh mặt làm ngơ khi hay tin. Cái Ngã của họ đã giam kín họ lại. Theo ngôn từ của Philip Wylie thì họ đang sống theo các định luật của lừa dối chứ chẳng theo các định luật của sự thực.

Hơn nữa còn có một điểm tâm linh quan trọng cần suy ngẫm mà ở đây ta chỉ nói phớt qua để sẽ bàn kỹ sau này. Đó là ảo tưởng khá phổ biến ở thời đại chúng ta rằng chỉ-số thông minh I.Q., trí óc là tiêu chuẩn duy nhất xác định tính ưu việt. Trí óc có thể đưa ra nhiều phát minh tài tình, nhiều kỹ thuật lớn lao, song trí óc cũng có thể chỉ là công cụ của lòng ích kỷ, ham tư lợi và quyền lực. Không có lòng nhân ái thì trí óc có thể trở thành bệnh hoạn, thoái hóa, thậm chí còn là hung ác. Lòng nhân ái và tâm linh cũng đều là các tiêu chuẩn quan trọng cho các đặc tính ưu việt, ngang bằng với trí óc.

Đồng ý là quả có vài nhóm người trên trái đất ít hoạt động về trí óc và kỹ thuật hơn các nhóm khác, nhưng họ lại có đời sống tâm linh và lòng nhân ái sâu đậm hơn. Dân đảo Samoa chẳng có kỹ thuật của người Bắc Mỹ, nhưng họ đâu mắc bệnh hoạn thần kinh chức năng. Người Mễ Tây Cơ có thể không có hệ thống ống nước như Hoa Kỳ, nhưng họ đâu có thói tự kiêu, tự mãn của giới trung lưu Hoa Kỳ (American Babbitry). Người Trung Hoa có thể có ít máy truyền thanh, truyền hình, phim ảnh hơn Mỹ, song họ cũng có ít vụ thiếu nhi phạm pháp hơn.

Ông Cayce nói rõ là mỗi nhóm chủng tộc đều có những đức tính và khuyết điểm, ông cũng nêu lên các khuyết điểm của nhiều nước hiện nay. Người Anh "cho rằng mình giỏi hơn thiên hạ". Người Pháp "đam mê nhục dục". Người Trung Hoa, Ấn Độ "thích yên tĩnh, ẩn dật, không áp dụng các kiến thức vốn có, ngoại trừ việc áp dụng cho nội tâm". Người Ấn còn thêm đặc tính rất xem trọng cái Ngã. Xem trọng cái Ngã chứ chẳng phải tính ích kỷ".

THƠ

Ngũ Dục Lạc

(Tài - Sắc - Danh - Thực - Thù)



*Tài như sóng phủ đầu cành
Nắng lên tan tác có dành được
đâu ?*

*Sắc Xuân hoa nở trăm màu
Hạ thu đông đến, âu sầu tả tơi.*

*Danh như sóng vỗ ngoài khơi
Sóng xô vào đá, sóng nhờ nát
tan.*

*Thực vào ngũ vị cao lương
Ngày mai rồi cũng ắt tuồng trả
ra.*

*Thù đang mộng寐 chẳng là
Côi này côi tạm ta bà khổ đau.*

Thích Linh Phong

(Xin lưu ý là những điều ông Cayce nói đều trước năm 1945)

Ông còn nhận xét: "Việc có nhiều nước được thành lập có phải là chuyện lạ? Thưa không. Vì phải có đủ loại, nếu không thì làm sao có nhiều cơ may để mọi người biểu lộ bản sắc của Thượng Đế trên thế gian này? Cũng chẳng lạ đâu khi ta có nhiều giáo hội Tin Lành: Hội Giám Lý (Methodist), Cơ Đốc (Christian), Báp Tít (Baptist), Congregation, v.v... để đáp ứng mọi nhu cầu. Và Thượng Đế là gì? Là tất cả cho nhân loại, ai ai chắc cũng biết Ngài. Không ai khá hơn ai".

Các chủng tộc cũng giống như các giáo hội. Mỗi chủng tộc đáp ứng các nhu cầu tâm lý, tâm linh của dân mình. Mỗi chủng tộc phải được tôn trọng, phải được xem như là một mỏ đá quý mà ngày nào đó sẽ trở thành một khối kim cương khổng lồ.

**Xin xem kỹ tới:
Mục II - CHỦNG TỘC VÀ NGHIỆP**



Muôn tâu Ngọc Hoàng
 Hạ thần táo quân
 Cuối năm một lần
 Lên châu Thượng Đế
 Trước tiên xin để
 Bái kiến Thiên Đình
 Sau nữa xin trình
 Tình hình hạ giới
 Kính chúc Thiên Nhan
 Năm mới an sinh
 Triều đình Vạn Tuế

Trước tiên xin kể
 Tình hình Việt Nam
 Thiên tai ngút ngàn
 Tràn lan bốn bể
 Đếm sao cho xuể
 Hai miền Bắc Nam
 Dân tình có hạn
 Màn trời chiếu đất
 Nhà nước đuối sức
 Không sao kham nổi
 Hàng trăm ngàn người
 Nên đành phải thôi
 Không còn ngăn cản
 Tử thiện nước ngoài
 Tổ chức dài dài
 Dân bớt khổ nạn
 Tuy nhiên tôn giáo
 Tự do nhân quyền
 Còn bị chính quyền
 Đàn áp như cũ
 Tiếng nói dân chủ
 Của mọi người dân
 Cũng đều bị đàn
 Quán lý hệ thống
 Thông tin chả được
 Phổ biến ra ngoài
 Tin mỗi mấy ngày
 LS Nguyễn Chí Quang
 Nói lên sự thật
 Cảnh giác Bắc phương
 Âm mưu lấn đất
 Thế mà nhốt ngục
 Kết án bốn năm
 Hết sức oái oăm
 Thật là thủ đoạn
 Sài gòn hỏa hoạn

Thường xá Tam Đa
 (Nay gọi xa hoa
 Trung tâm Thế giới)
 Cháy rụi tiêu ma
 Hón trăm tử nạn
 Chở vào bệnh viện
 Cũng đến hón trăm
 La liệt chỗ nằm
 Không còn phương tiện
 Tình trạng ngộ độc
 Rau cải nhiều vùng
 Thuốc rầy thuốc bọ
 Cũng nhiều lắm đó
 Chỉ dân nghèo khó
 Mỗi chịu gian truân
 (Mùa đông thiếu áo
 Hè thời thiếu ăn)
 Lại thêm hoạn nạn
 Suốt cả một năm
 Thật là rùng rợn
 Nhà nước chẳng cần
 Đoái hoài cứu giúp
 Vì chưa làm chủ
 Vận mệnh quốc gia
 Lúc chạy theo Nga
 Lúc theo Trung Cộng
 Đến khi Trung Quốc
 Bắt phải nhượng đất
 Cắt biển giao Thầy
 Đặt bày giấu nhem
 Bối rối với dân
 Đàng bèn giở trò
 Đứa vụ Năm Cam
 Thanh trừng nội bộ
 Vì trong bụng họ
 Muốn giữ độc tài
 Nên đảng vẫn còn
 Kỳ thị Nam Bắc
 Tôn giáo, nhân quyền
 Chẳng màng tôn trọng
 Chuyên tâm lật lọng
 Nên các quốc gia
 Hợp tác lao động
 Đầu tư hợp đồng
 Cũng phải bái bai
 Dong về tuốt luốt
 Kinh tế dần tuột
 Tham nhũng tăng lên

Tính đến cuối niên
 Con số thảm hại
 Thiên tai hoạn nạn
 Vẫn cứ thêm hoài
 Dân tình xác xài
 Thật là thảm hại

Bước ra hải ngoại
 Tinh thể rối bung
 Thiên tai quá chùng
 Khủng bố tàn bạo
 Thế giới điên đảo
 Đời sống bất an
 Thì biết màn rãng
 An vui hạnh phúc
 Các nước quá khích
 Không ưa bình quyền
 Muốn mình độc đảng
 Ngoan cố làm loạn
 Chống lại hòa bình
 Của toàn Thế giới
 Như bên Irak
 Nuôi dưỡng không tặc
 Dùng bom sinh học
 Hăm dọa thế giới
 Cũng như Bắc Hàn
 Chế tạo nguyên tử
 Nhiều lần đem thử
 Giỏi thiệu uy quyền
 Cho thiên hạ biết
 Dầu dân đói rách
 Cũng chẳng quan tâm
 Nhiều lần Hoa Kỳ
 Và Liên Hiệp Quốc
 Gởi thư cảnh cáo
 Nhưng vẫn trớ tráo
 Tán tận lúông tâm
 Chắc cũng phải cần
 Biện pháp quân sự
 Thiết lập căn cứ
 Chiến lược toàn cầu
 Vận động đồng minh
 Chung vai góp sức
 Thanh trừng hiểm họa
 Nhiều lần Tổng thống
 Bên xứ Cờ Hoa
 Xuôi ngược bốn ba
 Đó đây vận động
 Nhưng vì nhiều nước
 Chả thuận chiến tranh
 Nên không tán thành
 Biện pháp Quân sự
 Thủ thách đủ thứ
 Mỹ vẫn quyết tâm
 Vận động Quốc Hội
 Cùng Liên Hiệp Quốc
 Thông qua dự luật
 Thanh trừng khủng bố
 Còn nhiều biến cố
 Trong mấy năm nay

Hết sức chua cay
 Dân tình khốn khổ
 Nào vụ Ba Li
 Nhiều người chết thảm
 Đến bắt con tin
 Tại bên Moscow
 Đến khi giải thoát
 Sử dụng chất độc
 Nhiều người chết ngạt
 Thật là tàn ác
 Rồi Palestine
 Với quân Do Thái
 Hằng ngày chịu cảnh
 Máu đổ thịt rơi
 Tự sát hàng ngày
 Nổ bom từng bữa
 Cuộc sống không yên
 Thế giới đảo điên
 Dân tình khốn khổ
 Những vẫn dẫn đo
 Một mình Mỹ lo
 Làm sao chóng nổi
 Tuy có thể nói
 Cường quốc số một
 Nhưng thiếu tay chân
 Làm sao cùng tiến
 Nếu không nguy biến
 Sẽ đến láng giềng
 Tai họa liên miên
 Biết sao tránh khỏi
 Cũng may vừa rồi
 Bầu cử Quốc Hội
 Của nước Cờ Hoa
 Phía đảng Cộng Hòa
 Đạt nhiều thắng lợi
 Hy vọng năm tới
 Hỗ trợ chương trình
 Tạo lập hòa bình
 Của Tổng thống Bush
 (Cũng nên biết thêm
 Thế giới biểu quyết
 Chính quyền Irak
 Không được chế tạo
 Sở hữu vũ khí
 Nguyên tử, sinh học
 Hoá học nào cả
 Chính quyền Hoa Kỳ
 Được phép theo dõi
 Nghị quyết Thế giới
 Phải được thực thi
 Giải giới vũ khí
 Hủy diệt tiềm năng
 Của quân khủng bố)
 Điều này thấy rõ
 Thế giới quan tâm
 Đến việc hòa bình
 Của toàn thế giới
 Vài tuần sắp tới
 Nghị hội NA TO
 Tại nước Tiệp Khắc

Mỹ cũng cần nhắc
An ninh phòng vệ
Hoa kỳ đã vẽ
Chiến thuật dự phòng
Tại nơi Hội nghị
Chuẩn bị rất kỹ
Hệ thống an ninh
Để tránh vô tình
Tai bay họa rước
Chính nghĩa sẽ được
Lý tưởng tự do
Sống không còn lo
Nhiều người mong đợi
A Di Đà Phật

Trở lại Giáo Hội
Phật Giáo Âu Châu
Nhân kỳ khóa học
Phật Pháp Âu Châu
Kỳ thứ mười bốn
Tổ chức tại Anh
Dưới sự chứng minh
Hội đồng Giáo phẩm
50 Chủ Tăng Ni
Cùng 480 Phật tử
Đến từ mười lăm
Quốc gia Âu - Mỹ
Chương trình tu học
Cũng như mọi năm
Cấp Một, Hai, Ba
Đặc biệt giữa khóa
Đại hội khoáng đại
Giáo Hội Phật Giáo
Việt Nam Thống Nhất
Âu Châu kỳ ba
Cùng việc thành lập
Hội Đồng Giáo Phẩm
Đại Hội đã bầu
Lại Ban chấp hành
Cho nhiệm kỳ tới
Có nhiều nghị quyết
Cũng được ban hành
Cho sinh hoạt mỗi
Thêm một tin vui
Giáo Hội Âu Châu
Vận động cúng dường
Mái ngói cho Chùa
Khánh Anh Pháp Quốc
Hết sức hoan hỷ
A Di Đà Phật

Thêm một tin mừng
Cộng đồng Âu Châu
Gồm chín Hội đoàn
Vận động đồng hướng
Xây đài Tưởng niệm
Ghi ơn Công đức
Tiền nhân anh hùng
Tử sĩ Quân nhân
Việt Nam Cộng Hòa

Thuyền nhân biển cả
Tưởng niệm tất cả
Linh hồn vô danh
Cùng đã hy sinh
Tinh nhà nợ nước
Công trình sẽ được
Xây trong khuôn viên
Khánh Anh Chùa mỗi
Nhúng có ngô riêng
Đồng hướng mọi miền
Được cùng chiêm bái
A Di Đà Phật

Trở lại Đức Quốc
Phật tử Viên Giác
Tại Hannover
Sau mùa An Cư
Kiết hạ Chủ Tăng
Bốn mươi Tăng Ni
Bảy mươi Phật tử
Được về tham dự
Tu khóa gieo duyên
Thực tập hạnh nguyện
Của người Xuất gia
Chương trình nghe qua
Rất là tinh tấn
Sáng tụng Lăng Nghiêm
Kinh hành nhiều Phật
Hai buổi giáo lý
Dùng cơm quá đường
Công phu sớm chiều
Lạy kinh Niết Bàn
Tán tụng chuông mõ
Thực tập nghi lễ
Đi đứng trang nghiêm
Một ngày chánh niệm
Cũng như giới đàn
Bồ Tát truyền giới
Mười chín giới tử
Mọi người phấn chấn
Phát nguyện tu hành
Thực tập hạnh lành
Tại chùa Khánh Anh
Phật tử Pháp Quốc
Cũng như Khuông Việt
Phật tử Bắc Âu
Cũng đều quy tụ
Về học Gieo Duyên
Cả ba Đạo Tràng
Đạt nhiều lợi lạc
A Di Đà Phật

Ngoài ra sinh hoạt
Giáo Hội Đức Quốc
Năm nay tổ chức
Rất nhiều lễ lạc
Nào việc tu học
Cho các Chi Hội
Thọ Bát Quan Trai
Huân tu Đại Bi

Tam Quy Ngũ Giới
Chuẩn bị năm tới
Kỷ niệm thành lập
Hăm lăm năm Chùa
Và Báo Viên Giác
Dự định tổ chức
Vào giữa tháng sáu
Trong dịp lễ này
Trao quà lưu niệm
Cho những Phật tử
Có công với Chùa
Đồng thời tổ chức
Giải thưởng Viên Giác
Viết Về Âu Châu
Để quý đồng hương
Trao đổi kinh nghiệm
Quá trình hội nhập
Xã hội bản xứ
A Di Đà Phật

Trở lại nước Đức
Tình hình năm nay
Không khá hơn trước
Thiên tai bão lụt
Tháng Bảy vừa qua
Thật là khủng khiếp
Chính phủ khẩn thiết
Kêu gọi toàn dân
Cùng nhau cứu trợ
(Wasserhilfe)
Để mong giúp đỡ
Nạn nhân thiên tai
Nhà cửa hư hao
Cần xây dựng lại
Trong vòng tháng bảy
Tai nạn tiếp theo
Máy bay đụng nhau
Tại Bodensee
Nhiều người chết oan
Chính quyền nơi đây
Cũng đã dựng xây
Đền đài tưởng niệm
Tổ chức một ngày
Cầu nguyện tại chỗ
Cho người quá cố
An ủi tinh thần
Cho những thân nhân
Bớt phần đau khổ
A Di Đà Phật

Qua rồi Nhâm Ngọ
Cũng chẳng hỏn gì
Năm trước Tân Ty
Nhân loại đều bị
Đau khổ trăm bề
Hạ thần kính xin
Thượng Đế quan tâm
Chúng sinh đang cần
Cán cân Công lý
Kẻ gian trừng trị

Nâng đỡ người hiền
Cổ động khắp miền
Cùng nhau đùm bọc
Học đạo thương yêu
Bình đẳng mọi điều
Không phân cao hạ
Họa may có thể
Xây dựng quần sanh
Cuộc sống an lành
Nỗi miền hạ giới
Đừng còn cái cảnh
Vài người phá rối
Gánh chịu muôn dân
Thì thật oái oăm
Dân lành vô tội
Còn nạn Thiên tai
Hạ thần kính xin
Thiên đình giảm bớt
Những cơn bão lụt
Như mấy năm qua
Vì dân nước nghèo
Mỗi năm vị trí
Trong quả địa cầu
Trung tâm cơn bão
Nếu Trời hung bạo
Thịnh nộ mỗi năm
Thì chết dân nghèo
Thiệt là tội nghiệp
Hạ thần khẩn thiết
Cầu xin Ngọc Hoàng
Thượng Đế rãi ban
Ân huệ rộng rãi
Để cho nhân loại
Năm tới trọn năm
Được hưởng an vui
Không còn ngậm ngùi
Cuộc đời dâu biển
Không còn binh biến
Chẳng gặp thiên tai
Cầu mong tướng lai
An vui hạnh phúc
A Di Đà Phật

Đến đây gần hết
Giờ của hạ thần
Được phép trình tâu
Nên thần bái biệt
Hẹn đến sang năm
Sẽ lên bái kiến
Giờ thần xin kiếu
Bái biệt Ngọc Hoàng
Kính chúc Thiên nhan
Vạn tuế... vạn vạn tuế
(Aufwiedersehen)

Cẩn tấu

● Đan Hà



(Tiếp theo trang 2)

Cả 4 ngày Đại Hội gồm 2 ngày chính và 2 ngày phụ, các chương trình thăm viếng và hội nghị được xen kẽ với nhau và cung cách tổ chức cũng như sự điều hành Đại Hội của nước chủ nhà đã làm cho những khách tăng đến từ các quốc gia khác rất cảm phục. Năm 1991 Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Đức của chúng ta cũng đã tổ chức Đại Hội Ban Chấp Hành kỳ 1 của khóa 5 và cũng đã thành công viên mãn. Tuy đơn sơ nhưng cũng đã nói lên tinh thần trách nhiệm của người Tăng Sĩ khi mang giáo pháp đi đến xứ người để truyền đạt cho các thế hệ mai sau.



Hòa Thượng Kim Năng (Chin Neng) và Thượng Tọa Thích Như Điển chụp hình chung với Tổng Thống Nadan của Singapore tại tư dinh của Tổng Thống.



Phái đoàn Phật Giáo đại diện 25 quốc gia đến thăm Tổng Thống Nadan của Singapore tại tư dinh của Tổng Thống.



ĐỨC PHẬT, một nhà "Siêu Chính Trị"

● Nhóm DUYMA



Những tài liệu lịch sử có thật về Đức Thích Ca, những giáo lý, chân lý... của Ngài đã và đang được xuất bản khắp nơi. Ngày càng ngày người ta càng thấy được những chân giá trị của Ngài thật là khoa học, hòa bình và luôn đem hạnh phúc tới cho nhân loại.

Ngài là một người có thật, sinh ra trong thế giới khổ đau, Ngài từ bỏ con đường làm vua đi tìm "cái giải quyết khổ đau" hàng chục năm. Cuối cùng Ngài đã tìm ra "Đòng Vô Minh" là cái làm con người ngập lặn trong đau khổ của sinh, lão, bệnh, tử...

Thương xót chúng sanh, Ngài đã đem trí huệ Như Lai giảng dạy 49 năm khắp nước Ấn Độ. Tùy xứ, tùy thời, mà giải bệnh cho thuốc. Không có một vị thuốc để chữa bá bệnh. Chính vì lẽ đó, Đức Phật hầu như đã đi vào khắp các lãnh vực của đời sống thế gian; văn hóa, khoa học, triết... và cả chính trị để giảng dạy.

Ngài từ chối ngai vàng, từ chối trực tiếp trị dân, nhưng khi đắc đạo, vua và quan nhiều nước đã tìm đến Ngài để học đạo và học cách trị dân.

Các giáo lý trị dân còn ghi lại trong Trung Bộ, A Hàm, Di Giáo... Các vua A Xà Thế, A Dục... ảnh hưởng mạnh giáo lý nhà Phật đã đưa đất nước đến những thời thịnh trị.

Sự đòi hỏi bình đẳng, phi giai cấp, nhân ái... xuyên suốt trong giáo lý của Ngài. Nhiều vị vua quan vừa tu tại gia, trị nước mà vẫn đắc quả.

Nhìn về lịch sử Việt Nam các vua quan nhà Lý - Trần trị nước rất giỏi mà giáo lý nhà Phật rất uyên thâm, đó là do thừa hưởng học thuyết "Siêu chính trị" của nhà Phật.

"Siêu Chính Trị" nhà Phật là đưa ra đường lối trị quốc vô ngã, không vì danh lợi của cá nhân, mà vì lợi ích chung dân tộc, chúng sanh, cho nên những người nào học được học thuyết chính trị của nhà Phật sẽ có cách làm chính trị tuyệt vời:

- Làm vì lợi ích chung
- Danh lợi là đồ bỏ
-

và nhiều người đã đi vào con đường này ở đất nước ta từ xưa đến nay: Trần Nhân Tôn, Tuệ Trung Thượng Sĩ, Khuông Việt, Vạn Hạnh... Thời gian gần đây là Ngài Thích Quảng Đức - trái tim bất diệt...

Chúng tôi đã tham vấn một số Thầy Cô, Đạo Hữu... trong ngoài nước. Mặc dầu Đạo Phật rất tự do tư tưởng "Đại Nghi Đại Ngộ". Nhưng có một số vị đã có ý "Tu là không làm chính trị, chính trị xấu lắm". Đúng! Chính trị salon, chính trị vợ đẹp nhà cao... là đáng nguyên rủa. "Siêu chính trị" vô ngã của nhà Phật phải được trân trọng và bái phục.

Nhìn về trong nước Việt Nam Cộng Sản hiện nay. Làm chính trị vô ngã như hai Cụ Quảng Độ - Huyền Quang bất kể sống chết các Cụ vẫn kêu gào cho tự do, hạnh phúc của hàng triệu dân Việt. Hai Cụ có được gì chẳng, bị bọn Cộng Sản và một lũ "già Tăng quốc doanh" chửi bới.

Chúng tôi xin nhận định một số ý kiến này để quý Tăng Ni, Đạo Hữu tài đức khắp nơi mạnh dạn góp ý và mong rằng đất nước Việt Nam sẽ có ngày sáng sủa như các thời Đinh - Lê - Lý - Trần... Phật tử Việt Nam phải biết làm "siêu chính trị" vô ngã, vô danh vì đó là một cách TU ích lợi chúng sanh. Mong thay!
(N.D.M.)

Một đạo tràng an lạc, thanh tịnh

• Minh Trí

Một đạo tràng an lạc, thanh tịnh
Một đại gia đình quy y Tam Bảo
Một cuộc chạy đua cứu trợ

Đó là ba vấn đề nổi bật của hai ngày Tu Bát Quan Trai Giới và Lễ Phật định kỳ (26, 27.10.2002) do Chi Hội Phật Tử VNTN Reutlingen và VPC tổ chức tại Hội trường nhà thờ St. Andreas, số 186 đường Nürnberger - Reutlingen.



(Lễ Phật)

Năm nay, thời tiết tại Đức thật là đầy "nghiệp chướng". Cuối Xuân thì lũ lụt, một cơn lụt đầu tiên xảy ra từ mấy trăm năm nay, đã lan tràn từ Nam đến Bắc Đức, gây thiệt hại 25 tỷ Euro. Đầu Thu thì tuyết rơi tại một vài vùng ở độ cao và mưa tầm tã. Tuần lễ bắt đầu từ 21.10.02, bầu trời Reutlingen âm u, mưa to gió lớn không ngớt. nên Ban Chấp Hành Chi Hội rất lo cho việc tổ chức hai ngày lễ trên không được viên mãn. Nhưng màu nhiệm thay, lạ lùng thay, đến ngày 26.10.02 không còn một cơn mưa nặng hạt rơi, không còn một luồng gió mạnh thổi, nên bà con Phật Tử khắp vùng Trung-Nam Đức đã vân tập về Hội trường mỗi lúc càng đông, mà người viết xin tường thuật qua các mục với đầy đủ chi tiết dưới đây.

Một phái đoàn Chú Tôn Đức đông nhất

Từ lâu nay, Chi Hội Reutlingen chưa bao giờ có được nhân duyên tiếp đón một phái đoàn Chú Tôn Đức đông như kỳ này. Ngoài Thượng Tọa, Viện Chủ Chùa Viên Giác, còn có Thượng Tọa Tích Lan Rahula, có nhiều duyên lành với Phật Tử VN tại Đức, Đại Đức Thích Hạnh Tấn, vị Trụ trì tương lai của Chùa Viên Giác, Ni Sư Thích Nữ Như Viên, Trụ trì Niệm Phật Đường Tam Bảo, hai vị "Sứ giả Hành thiện" đến từ Việt Nam: Ni Sư Hạnh Nghiệm, Sư Cô Như Giác và hai Sư Chú Hạnh Tuệ, Hạnh Giả.

Dưới cơn mưa nặng hạt không ngớt, phái đoàn đến Reutlingen từ tối thứ sáu 25.10 và gia đình Đạo Hữu Thiện Ngộ đã cung thỉnh về tư gia dùng bữa tối. Sau đó, được phân chia ngủ qua đêm tại tư gia ĐH. Thiện Ngộ, ĐH. Thiện Nguyên và NPĐ Tam Bảo.

Một Chánh Điện được trang trí trang nghiêm

Người viết được biết, mặc dù trời mưa nhiều, nhưng từ chiều tối thứ sáu 25.10, bác Chi Hội Trưởng đã cùng với một số Đạo Hữu thân tín như Thiện Đăng, Diệu Phước, Hoa Xuân, Thiện Hà, Thanh Dung, Minh, Khen... đến Hội trường để lo treo cờ, căng các biểu ngữ, dán các hình ảnh sinh hoạt, chưng bày các lọ hoa tươi đẹp đủ màu sắc, sắp xếp các đĩa trái cây đủ loại, rửa lau các ly, chén... Được biết các loại hoa và trái cây đều do các ái nữ của ĐH Diệu Phước cúng dường, như các cô Thanh Vân, Thanh Thúy, Thanh Phượng, Thanh Dung.

Sáng chủ nhật 26.10, ĐH Diệu Đức đến sớm nhất để lo ủi các màn treo, các khăn bàn; tiếp đến các ĐH trong Ban Tổ Chức đến thiết kế các bàn thờ Phật. Ngoài tôn tượng Đức Thế Tôn và tôn tượng Đức Quán Thế Âm đều có hào quang sáng chói, còn có một cặp chân đèn bằng đồng lớn do gai đình ĐH Đồng Lai cúng dường NPĐ Tam Bảo, một bộ tam sự lớn mới mua từ Việt Nam do gia đình ĐH Cổ Kim Trưởng cúng dường Chi Hội. Thêm vào đó những bình hoa tươi thắm, những đĩa bánh, trái đủ hương vị do bá tánh cúng dường, tạo nên vẻ mỹ quan của bàn thờ.

Trong Chánh Điện còn có những dây cờ Phật Giáo nhỏ treo trên trần, biểu ngữ:

**"Khóa Tu Bát Quan Trai
26+27.10.2002"**

và nhiều hình ảnh sinh hoạt trình bày trên các tường, làm tăng thêm sự trang nghiêm của một Chánh Điện Tịnh Độ Tông.

Một đạo tràng an lạc thanh tịnh



(Đạo tràng thanh tịnh)

Lần này, vì ảnh hưởng thời tiết xấu nên số Phật Tử ghi danh thọ giới Bát Quan Trai chỉ có 80 vị, chưa kể có 21 vị chỉ đến dự những thời Pháp Nhũ. Còn ngày Lễ Phật định kỳ thì tổng số tham dự

khoảng 230, trong đó có 3 vị đại diện Hội Phật Tử VNTN tại Đức Quốc là ĐH Diệu Đông, Phó Ngoại Vụ, ĐH Quảng Đạo, Thư Ký, ĐH Thiện Mỹ, Ủy viên Giáo lý và đại diện các Chi Hội Rottweil, Karlsruhe, Mannheim, Stuttgart, Frankfurt.

Về phần thuyết giảng thì có 4 thời: Ngày thứ bảy 26.10, thời buổi sáng với Thượng Tọa Rahula, thời buổi chiều do Thượng Tọa Viên Giác đảm trách, thời buổi tối với Đại Đức Thích Hạnh Tấn. Qua sáng chủ nhật 27.10 Thượng Tọa Viên Giác ban thêm một thời nữa.

Ngoài các thời Pháp Nhũ, Lễ Truyền Giới, Lễ Cầu An còn có Huân Tu Đại Bi do Ni Sư Hạnh Nghiệm chủ lễ, với sự phụ lực của Sư Cô Như Giác và hai Sư Chú Hạnh Tuệ, Hạnh Giả. Hầu hết các giới tử đều thuộc lâu Chú Đại Bi nên đã trì chú, tụng niệm rất hòa nhịp với tiếng chuông đánh, tiếng gõ mõ, tạo nên một đạo tràng an lạc và thanh tịnh.

Bốn thời Pháp Nhũ khế lý khế cơ

Thông thường, mỗi khóa Tu Bát Quan Trai và Lễ Phật chỉ có hai thời Thuyết Giảng, nhưng lần này, Phật Tử được thọ hưởng bốn thời Pháp Nhũ khế lý, khế cơ của ba vị Giảng sư lỗi lạc: Thượng Tọa Thích Như Điển, Thượng Tọa Rahula và Đại Đức Thích Hạnh Tấn.

1. Giữ giới để hàng phục tâm

Lễ truyền giới Bát Quan Trai vừa kết thúc, đại chúng được hưởng thời Pháp Nhũ đầu tiên với Thượng Tọa Rahula bằng Anh ngữ và được Đại Đức Hạnh Tấn thông dịch. Thượng Tọa thuyết giảng về Ngũ Giới, Ngũ Thúc và Bát Chánh Đạo.

(Nghe pháp)



Thượng Tọa nhấn mạnh: "Đối với con người, Giới là quan trọng, vì Giới là quy luật, là đạo đức, là giá trị tinh thần. Nếu không giữ được Giới thì không kiểm soát được tâm thức và do đó tâm thức không thể phát triển tinh tấn được. Muốn đạt được quả vị Niết Bàn thì phải kiên trì thực hành Giới Định Huệ.

Về Ngũ Thúc thì Thượng Tọa giải thích đó là năm cửa ngõ thâm nhập vào tâm, cho nên người Phật Tử phải kiểm soát cho được năm Thúc, đừng để nghiệp xấu thâm nhập vào Tâm Thức; có như vậy con người mới có giá trị, có đời sống an lạc, có đời sống đạo đức, được tái sanh về Cõi Trời.

Sau cùng, Thượng Tọa giảng tiếp Bát Chánh Đạo, gồm có: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định.

Trong vòng một tiếng đồng hồ, Thượng Tọa Rahula đã dẫn dắt đại chúng kiểm soát lại Tâm Thức mình về Thân Khẩu Ý để chống những ảnh hưởng xấu từ bên ngoài có như vậy mới hàng phục được Tâm.

2. Ý nghĩa chữ Hiếu trong Đạo Phật

Thời Pháp Nhũ chính trong khóa Tu Bát Quan Trai hôm nay được Thượng Tọa Viên Giác thuyết giảng với đề tài "Quy Nguyên Trục Chí". Đây là một bộ sách có từ đời nhà Tống bên Trung Quốc, nói về Thiên Tông và Tịnh Độ Tông. Toàn bộ cuốn sách có 99 chương, nhưng lần này Thượng Tọa chỉ trình bày chương ba, nói về phụng dưỡng, báo ân, báo hiếu cha mẹ của Phật tử tại gia cũng như xuất gia.

Thượng Tọa giải thích, trong đạo Nho cũng như đạo Phật, chữ Hiếu luôn luôn đứng đầu. Lời Phật lấy Hiếu làm tông chỉ - Kinh Phật lấy Hiếu làm lời răn.

Đối với Phật tử tại gia, khi được cha mẹ thương thì vui mừng mà không quên. Khi cha mẹ ghét thì đứng oán, luôn luôn thuận thảo vâng lời, hết lòng lo phụng dưỡng cha mẹ. Như vậy mới tròn chữ Hiếu. Còn đối với người xuất gia thì từ già ân nghĩa của cha mẹ mà ra đi để cứu mình, cứu người thì phải thực hành cho được "Thượng cầu Phật Đạo - Hạ hóa Chúng Sanh".

Thượng Tọa đã đem những câu chuyện hiếu ngoài đời để đối chiếu làm sáng tỏ chữ Hiếu trong Đạo Phật.

3. Hạnh từ bi của Đức Quán Thế Âm

Tối thứ bảy 26.10, thay vào giờ trà đàm, đạo tràng được hưởng một thời Thuyết Pháp của Đại Đức Thích Hạnh Tấn. Thầy đã lấy 12 đại nguyện của Quán Thế Âm Bồ Tát trong Phẩm Phổ Môn để giảng về Từ Bi.

Quán Thế Âm Bồ Tát từ kiếp lâu xa về trước đã thành Phật, hiệu là Chánh Pháp Minh nhưng vì lòng từ bi sâu thiết nên tuy ở cõi Thường tịch, Ngài hóa sanh nơi ba cõi: Thật báo, Phương tiện, Đồng Cư, vẫn khắp hiện thân Phật, Bồ Tát, Thánh Văn, Duyên Giác cho đến thân lục đạo trong mười phương pháp giới để cứu độ chúng sanh. Phổ Đà Sơn chính là nơi ứng tích của Ngài. Thầy đã giải thích từng hạnh nguyện một cách sâu sắc và Thầy đã khởi động tâm từ bi của đại chúng: "Có lòng từ mà không có lòng bi cũng không được, có từ phải có bi".

Đại từ là thương xót chúng sanh
Đại bi là cứu vớt chúng sanh.

4. Phật Pháp bất ly Thế Gian Pháp

Sau lễ Phật cầu an định kỳ, Thượng Tọa Viên Giác thuyết giảng thêm một thời nữa với đề tài: "Phật Pháp bất ly Thế Gian Pháp".

Thượng Tọa nhấn mạnh: "Phật Pháp không ngoài thế gian mà có". Những vị Bồ Tát, A La Hán thành được Đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cũng từ trong thế giới Ta Bà này.

Đạo Phật lấy đóa hoa sen làm tượng trưng là vì hoa mọc ở trong bùn mà không bị bẩn đục bởi mùi bùn.

Phật Pháp là một chất liệu thanh lương giúp cho con người khi mà cảm thấy được an lạc, tự tại, từ bi hỷ xả, khoan dung độ lượng.

Thượng Tọa đem những mẫu chuyện xảy ra trên thế giới để chứng minh rằng, hận thù không dập tắt được hận thù, chỉ có lòng từ bi mới dập tắt được hận thù.

Kết thúc thời thuyết pháp, Thượng Tọa lý giải: "Phật Pháp không có ngoài thế gian, trong một ý nghĩa mà chúng ta phải dùng lòng từ bi đối đãi với muôn loài, thực hiện lòng từ bi đó trong sự sống của tất cả".

Người viết chỉ tóm lược những ý chính của bốn thời Pháp Nhũ, cộng chung trên bốn tiếng đồng hồ. Quý Đạo Hữu cần có đủ nội dung các bài thuyết pháp thì xin liên lạc với:

**Đạo Hữu Dương Tường.
Điện thoại số 07121 - 37 17 51**

*
* *

Một đại gia đình Quy Y Tam Bảo



(Đại gia đình quy y Tam Bảo)

Tại khóa Tu Bát Quan Trai Giới kỳ này có 42 Phật Tử xin Quy Y Tam Bảo, được Thượng Tọa Viên Giác cho là đông nhất từ trước đến nay trong toàn nước Đức.

Trong số, có gia đình cả ba thế hệ với 28 người, vừa lớn, vừa bé, gồm cha mẹ, các con, các cháu. Đó là gia đình Đạo Hữu Trần Sun Sến & Chiêm Thị Hiền.

Trước giờ quy y, bác Chi Hội Trưởng hướng dẫn tất cả vào Tăng phòng đánh lễ Thượng Tọa và Chư Tôn Đức.

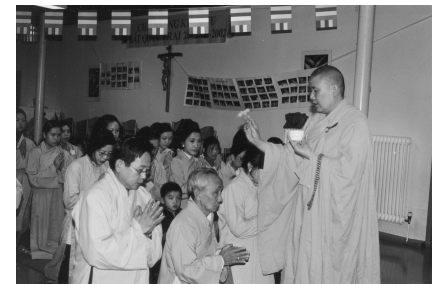
Với con số 28 người quy y, Thượng Tọa đã dựa vào bài kệ của Vạn Hạnh

Thiền Sư để đặt Pháp Danh cho gia đình:

**Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân vinh, thu hựu khô
Nhậm vận thịnh, suy vô bố úy
Thịnh, suy như lộ thảo đầu phò**

Bài kệ này được Hòa Thượng Mật Thể dịch như sau:

**Thân như bóng xế chiều tà
Cỏ xuân tươi tốt, thu qua rụng ròi
Sá chi suy, thịnh cuộc đời
Thịnh, suy như hạt sương rơi đầu cành.**



(Rẫy nước cam lồ)

Cứ mỗi chữ trong bài kệ thêm chữ Thiện vào đầu là Pháp Danh, như Thiện Thân, Thiện Như, Thiện Điện, v.v...

Ngoài gia đình trên còn có gia đình ĐH Lâm Kiến Huệ, Pháp danh Thiện Trí, gồm 3 người: vợ và hai con lớn cũng xin thọ giới quy y.

Được Thượng Tọa Thích Như Điển truyền giới và được thọ hưởng Pháp danh với một bài kệ của Thiền Sư Vạn Hạnh, cả gia đình ĐH Trần & Chiêm, từ ông bà đến con, dâu, rể, cháu nội, ngoại đều rất vui mừng và phấn khởi. ĐH Trần Ngọc Dung, Pháp danh Thiện nh thổ lộ: "Gia đình chúng con rất có phước và được nhiều thuận duyên nên hôm nay mới được quy y với Thượng Tọa Viên Giác và cũng nhờ chú Hiền, Chi Hội Trưởng dẫn dắt nên chúng con mới biết lợi lạc trong việc quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng".



(Quy y Tam Bảo)

Sau lễ quy y, bác Chi Hội Trưởng trao tặng mỗi gia đình một số kinh, sách và băng thuyết pháp. Riêng ba thiếu nữ, được bác tặng mỗi cô một chuỗi tràng 108 hạt.

Một cuộc chạy đua cứu trợ

Tối thứ bảy 26.10, sau thời thuyết pháp của Đại Đức Thích Hạnh Tấn, Thượng Tọa Viên Giác giới thiệu hai vị Nữ Tu Sĩ đến từ Việt Nam, đó là Ni Sư Hạnh Nghiêm và Sư Cô Như Giác và Thượng Tọa yêu cầu hai vị cho biết cảm tưởng trong cuộc viếng thăm các đạo tràng tại Đức cũng như trình bày cho đại chúng biết các chương trình xã hội từ thiện mà quý vị đã thực hiện tại quê nhà.

Ni Sư Hạnh Nghiêm tán thưởng tinh thần tu học của Phật tử tại Đức. Theo Ni Sư, ở hải ngoại mà Phật tử giữ vững niềm tin vào Phật Pháp và tạo dựng được nền tảng tu học thì thật đáng quý và công đức vô lường. Ni Sư chúc tất cả Phật tử luôn luôn giữ vững niềm tin vào Phật Pháp Tăng, phát huy Giới Định Huệ và Bồ Đề Tân kiên cố.

Tiếp theo, Sư Cô Như Giác trình bày việc thực hiện và kết quả của các chương trình xã hội từ thiện tại Việt Nam với sự hỗ trợ của Chùa Viên Giác và Chùa Linh Thứu.

Được biết Sư Cô đã tốt nghiệp khóa 2 Học Viện Phật Giáo năm 1992; có viết nhiều bài tường thuật ngắn về các công tác xã hội từ thiện đăng trên tạp chí Viên Giác.

Sự tường trình của Sư Cô được đại chúng chăm chú nghe và rất xúc động khi Sư Cô nói lên thảm cảnh, những thương đau của một số đồng bào ở các vùng quê hẻo lánh hay các vùng núi sâu xa, như thiếu nhà ở, thiếu cơm ăn, thiếu nước trong sạch để uống, thiếu trường học, thiếu cháo lót lòng của các bệnh nhân v.v...

Hiện nay các vị nữ tu đang thực hiện 7 chương trình xã hội từ thiện như sau:

- Chương trình xe lăn
- Chương trình nôi cháo tình thương
- Chương trình mổ mắt
- Chương trình xây trường học
- Chương trình đào giếng
- Chương trình cấp học bổng và trả lương các cô giáo
- Chương trình làm cầu ván thay các cầu khi.

Sau đó, Thượng Tọa yêu cầu bác Thiện Hậu, Chi Hội Trưởng, phát động việc bảo trợ các chương trình trên. Thượng Tọa cũng cho biết, trước đây hai vị Ni Sư đã đến các đạo tràng kêu gọi lòng từ tâm của đại chúng và kết quả đáng khích lệ, như sau:

-Tại Karlsruhe được	1.530 Euro
-Tại Nürnberg được	1.860 "
-Tại Chùa Linh Thứu được	2.000 "
-Tại Chùa Viên Giác được	2.500 "

Vâng lời dạy của Thượng Tọa, bác kêu gọi bà con hưởng ứng tài trợ 7 chương trình mà bác đặt tên là "7 món ăn chay", làm cho cả Hội trường đều vỗ tay

cười khoái chí. Bác nhắc lại Thông điệp Vu Lan 2546 của Hòa Thượng Thích Huyền Quang, trong đó Ngài có dạy: "*Gặp ai khổ lụy, bần hàn; gặp ai sa cơ thất thế... thì người Phật tử không thể nhắm mắt làm ngơ mà phải đem Tâm Đại Từ bảo bọc chúng sanh, đem Tâm Đại Bi làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh...*". Thì hôm nay, theo bác Thiện Hậu, là một dịp cho chúng ta thực hiện lời dạy của vị lãnh đạo tối cao của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, đem lòng từ bi để cứu vớt đồng bào chúng ta tại quê nhà đang bị lầm than, khốn khổ; chúng ta nên nhiệt thành đem tinh thương của chúng ta để ủng hộ chương trình "7 món ăn chay" của Sư Cô vừa trình bày.

Sau đó, một số đồng bào con đã ghi danh cúng dường được một số tịnh tài. Sáng hôm sau, lợi dụng giờ chỉ tịnh, bác Thiện Hậu kêu gọi thêm những Phật tử mới đến và kết quả được tất cả 2.560 Euro, trong đó có 660 Euro của Chi Hội và Phật tử ở Stuttgart. Một Phật tử vào giờ chót, xin tài trợ 440 Euro, cho đủ chẵn 3.000 Euro, được Thượng Tọa và bà con tại đạo tràng vỗ tay tán thưởng nhiệt liệt. Đó là ĐH Lâm Thị Kim Loan, pháp danh Thiện Liên, ở Neu Ulm, một nữ du học sinh có lòng từ và tâm đạo rất tốt.

Những bữa trai phạn hợp khẩu vị

Hai ngày Thọ Bát và Lễ Phật định kỳ này, các bữa trai phạn đều do các Phật tử cúng dường và được các Phật tử có kinh nghiệm nấu các tiệc cưới đám rước nên các món ăn rất hợp khẩu vị.

Bữa Quá Đường trưa thứ bảy 26.10 do hai bà Bùi Văn Mai và Đồng Lai cúng dường. Bữa Vãng Thực chiều là của hai bà Lâm Kiến Huệ và Nguyễn Thị Phàn, nhờ bà Mười Trường nấu cháo.

Bữa Tảo Thực sáng chủ nhật 27.10 do hai bà Nguyễn Thị Mùi và Trần Thị Phước phụ trách.

Bữa Ngọ Trai trưa chủ nhật do hai gia đình cúng tịnh tài, nhờ Ban Trai Soạn của Chi Hội nấu giúp. Gia đình Chiêm Thị Hiền cúng 200 Euro và gia đình Hứa Xuân Vinh cúng 200 Euro.

Tất cả mọi người đều ngợi khen và vỗ tay tán thưởng sự tận tình phục vụ chu đáo của các Phật tử phát tâm cúng dường và Ban Trai Soạn của Chi Hội.

*

* *

Lễ truyền giới tu Bát Quan Trai bắt đầu lúc 10 giờ sáng thứ bảy 26.10.02 và được chấm dứt lúc 14 giờ ngày chủ nhật 27.10.02, sau lễ Phật định kỳ.

Tại lễ Phật định kỳ, Chi Hội được đón tiếp ông Nguyễn Văn Tộ cùng phu nhân và ông Vũ Văn Cường. Ba vị đến tham dự với tư cách đại diện cho Cộng Đồng Công Giáo của địa phương Reutlingen.

PHÂN ƯU

Nhận được tin Thân Mẫu của Cựu SVSQ / TVBQGVN Trương Văn Xuân K. 30

BÀ TƯỚNG THỊ LỢI

Sanh ngày 8.10.1933

Tạ thế ngày 02.12.2002

(28.10 Nhâm Ngọ)

tại Việt Nam

Hưởng thọ 70 tuổi

Chúng tôi xin thánh thật chia buồn cùng Niên Đệ Trương Văn Xuân và tang quyến đồng thời nguyện cầu hương linh cụ Bà được vãng sanh về cảnh giới Tây Phương Tịnh Độ

- Liên Hội Cựu SVSQ / TVBQGVN tại Âu Châu

- Liên Hội Cựu SVSQ / TVBQGVN tại Đức-Hòa Lan - Bỉ - Na Uy - Ý

Nhân dịp, ông Tộ có phát biểu ý kiến, đề cao tinh thần hòa đồng của hai tôn giáo tại địa phương. Ông cũng bày tỏ sự biết ơn của Hội Tinh Thương Đức Quốc mà ông là Hội Trưởng, với Thượng Tọa Viên Giác, lúc Thượng Tọa thăm hỏi ông, về sự giúp đỡ cho đăng các tin tức và sinh hoạt của Hội trên báo Viên Giác.

*

* *

Khóa tu Bát Quan Trai và Lễ Phật định kỳ được thành công hết sức tốt đẹp là nhờ có bốn thuận duyên:

a) Được Trời Phật thương xót cứu độ chúng sanh nên bầu trời sáng sủa, không khí mát mẻ, tạo điều kiện "thiên hòa" cho bà con đi tu học và cầu nguyện.

b) Trên tinh thần lục hòa, tất cả thành viên Ban Chấp Hành cũ cũng như mới đều tận tâm, tận lực lo chu toàn mọi mặt.

c) Được một Ban Trai Soạn "trú danh" phục vụ các bữa trai phạn đặc sắc.

d) Được bà con Phật tử hưởng ứng nhiệt liệt chương trình "7 món ăn chay" nên đạt được chỉ tiêu do Thượng Tọa Viên Giác qui định cho Chi Hội Reutlingen.

Như vậy chúng ta đã:

.....
Chuyên tâm nói Phật đạo

Thường thực hành tử bi

Tự biết mình là Phật

Quyết định không còn nghi...

(Kinh Pháp Hoa)



SEIN UND NICHTSEIN

● THICH NHU DIEN

Aus dem Vietnamesischen ins Deutsche übertragen von
HANH TAN & HANH GIOI

(Fortsetzung von VG Nr. 131)

**Kapitel IV
Sein und Nichtsein
aus der Lehre des Prajna-Paramitas**

BAND 2

Faszikel 26			
1. Versammlung	Übergabe der Lehre	7-16	9
Faszikel 27			
1. Versammlung	Übergabe der Lehre	7-17	37
Faszikel 28			
1. Versammlung	Übergabe der Lehre	7-18	68
Faszikel 29			
1. Versammlung	Übergabe der Lehre	7-19	98
Faszikel 30			
1. Versammlung	Übergabe der Lehre	7-20	129
Faszikel 31			
1. Versammlung	Übergabe der Lehre	7-21	159
Faszikel 32			
1. Versammlung	Übergabe der Lehre	7-22	189
Faszikel 33			
1. Versammlung	Übergabe der Lehre	7-23	220
Faszikel 34			
1. Versammlung	Übergabe der Lehre	7-24	249
Faszikel 35			
1. Versammlung	Übergabe der Lehre	7-25	279
Faszikel 36			
1. Versammlung	Übergabe der Lehre	7-26	308
1. Versammlung	Ermütigung zum Lernen	8	318
1. Versammlung	Nicht-Anhaftung	9-1	335
Faszikel 37			
1. Versammlung	Nicht-Anhaftung	9-2	341
Faszikel 38			
1. Versammlung	Wirkungsform des Prajna	10-1	375
Faszikel 39			
1. Versammlung	Wirkungsform des Prajna	10-3	440
Faszikel 40			
1. Versammlung	Wirkungsform des Prajna	10-3	440
Faszikel 41			
1. Versammlung	Wirkungsform des Prajna	10-4	467
Faszikel 42			
1. Versammlung	Beispiel	11-1	500
Faszikel 43			
1. Versammlung	Beispiel	11-2	529
Faszikel 44			
1. Versammlung	Beispiel	11-3	559
Faszikel 45			
1. Versammlung	Beispiel	11-4	590
1. Versammlung	Bodhisattva	12-1	615
Faszikel 46			
1. Versammlung	Bodhisattva	12-2	621
Faszikel 47			
1. Versammlung	Mahasattva	13-1	652
Faszikel 48			
1. Versammlung	Mahasattva	13-2	680
Faszikel 49			
1. Versammlung	Mahasattva	13-3	707
1. Versammlung	Schutzpanzer des Mahayana	14-1	721
Faszikel 50			

1. Versammlung	Schutzpanzer des Mahayana	14-2	737
----------------	---------------------------	------	-----

BAND 3

Faszikel 51			
1. Versammlung	Schutzpanzer des Mahayana	14-3	9
1. Versammlung	Analyse im Mahayana	15-1	28
Faszikel 52			
1. Versammlung	Analyse im Mahayana	15-2	39
Faszikel 53			
1. Versammlung	Analyse im Mahayana	15-3	72
Faszikel 54			
1. Versammlung	Analyse im Mahayana	15-4	102
Faszikel 55			
1. Versammlung	Analyse im Mahayana	15-5	131
Faszikel 56			
1. Versammlung		15-6	163
1. Versammlung	Lob des Mahayana	16-1	183
Faszikel 57			
1. Versammlung	Lob des Mahayana	16-2	196
Faszikel 58			
1. Versammlung	Lob des Mahayana	16-3	225
Faszikel 59			
1. Versammlung	Lob des Mahayana	16-4	252
Faszikel 60			
1. Versammlung	Lob des Mahayana	16-5	281
Faszikel 61			
1. Versammlung	Lob des Mahayana	16-6	311
1. Versammlung	Dem Wunsch entsprechend	17	314
1. Versammlung	Nichts zu erlangen	18-1	322
Faszikel 62			
1. Versammlung	Nichts zu erlangen	18-2	343
Faszikel 63			
1. Versammlung	Nichts zu erlangen	18-3	369
Faszikel 64			
1. Versammlung	Nichts zu erlangen	18-4	397
Faszikel 65			
1. Versammlung	Nichts zu erlangen	18-5	424
Faszikel 66			
1. Versammlung	Nichts zu erlangen	18-6	455
Faszikel 67			
1. Versammlung	Nichts zu erlangen	18-7	484
Faszikel 68			
1. Versammlung	Nichts zu erlangen	18-8	513
Faszikel 69			
1. Versammlung	Nichts zu erlangen	18-9	543
Faszikel 70			
1. Versammlung	Nichts zu erlangen	18-10	573
1. Versammlung	Visualisation der Tugend	19-1	586
Faszikel 71			
1. Versammlung	Visualisation der Tugend	19-2	606
Faszikel 72			
1. Versammlung	Visualisation der Tugend	19-3	636
Faszikel 73			
1. Versammlung	Visualisation der Tugend	19-4	660
Faszikel 74			
1. Versammlung	Visualisation der Tugend	19-6	691
1. Versammlung	Nicht-Entstehen, Ungeboren	20-1	703
Faszikel 75			
1. Versammlung	Nicht-Entstehen	20-2	721
1. Versammlung	Reiner Weg	21-1	735

BAND 4

Faszikel 76			
1. Versammlung	Reiner Weg	21-2	9
Faszikel 77			
1. Versammlung	Indra (Herrscher der 33 Himmel)	22-1	33
Faszikel 78			
1. Versammlung	Indra	22-2	58
Faszikel 79			
1. Versammlung	Indra	22-2	85
Faszikel 80			
1. Versammlung	Indra	22-4	113
Faszikel 81			
1. Versammlung	Indra	22-5	141
1. Versammlung	Kinder der Himmelsgötter	23-1	150
Faszikel 82			
1. Versammlung	Kinder der Himmelsgötter	23-2	171
1. Versammlung	Empfang der Lehre	24-1	176
Faszikel 83			
1. Versammlung	Empfang der Lehre	24-2	199
Faszikel 84			

1. Versammlung	Empfang der Lehre	24-3	227
1. Versammlung	Blumenstreuen	25	246
Faszikel 85			
1. Versammlung	Studium des Prajna	26-1	256
Faszikel 86			
1. Versammlung	Studium des Prajna	26-2	284
Faszikel 87			
1. Versammlung	Studium des Prajna	26-3	312
Faszikel 88			
1. Versammlung	Studium des Prajna	26-4	339
Faszikel 89			
1. Versammlung	Studium des Prajna	26-5	365
1. Versammlung	Wunsch nach dem Prajna	27-1	384
Faszikel 90			
1. Versammlung	Wunsch nach dem Prajna	27-2	395
Faszikel 91			
1. Versammlung	Wunsch nach dem Prajna	27-3	425
Faszikel 92			
1. Versammlung	Wunsch nach dem Prajna	27-4	459
Faszikel 93			
1. Versammlung	Wunsch nach dem Prajna	27-5	491
Faszikel 94			
1. Versammlung	Wunsch nach dem Prajna	27-6	523
Faszikel 95			
1. Versammlung	Wunsch nach dem Prajna	27-7	549
Faszikel 96			
1. Versammlung	Wunsch nach dem Prajna	27-8	575
Faszikel 97			
1. Versammlung	Wunsch nach dem Prajna	27-9	601
Faszikel 98			
1. Versammlung	Wunsch nach dem Prajna	27-10	629
1. Versammlung	Lob der Tugenden	28-1	634
Faszikel 99			
1. Versammlung	Lob der Tugenden	28-2	656
1. Versammlung	Segensempfang	29-1	671
Faszikel 100			
1. Versammlung	Segensempfang	19-2	687

BAND 5

Faszikel 101			
1. Versammlung	Segensempfang	29-3	9
Faszikel 102			
1. Versammlung	Segensempfang	29-4	35
Faszikel 103			
1. Versammlung	Segensempfang	29-5	61
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-1	69
Faszikel 104			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-2	88
Faszikel 105			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-3	115
Faszikel 106			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-4	142
Faszikel 107			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-5	169
Faszikel 108			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-6	196
Faszikel 109			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-7	222
Faszikel 110			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-8	250
Faszikel 111			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-9	280
Faszikel 112			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-10	307
Faszikel 113			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-11	335
Faszikel 114			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-12	363
Faszikel 115			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-13	389
Faszikel 116			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-14	416
Faszikel 117			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-15	442
Faszikel 118			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-16	469
Faszikel 119			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-17	495
Faszikel 120			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-18	522
Faszikel 121			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-19	550

Faszikel 122			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-20	579
Faszikel 123			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-21	607
Faszikel 124			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-22	636
Faszikel 125			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-23	664

BAND 6

Faszikel 126			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-24	9
Faszikel 127			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-25	35
Faszikel 128			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-26	64
Faszikel 129			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-27	91
Faszikel 130			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-28	116
Faszikel 131			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-29	143
Faszikel 132			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-30	168
Faszikel 133			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-31	196
Faszikel 134			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-32	219
Faszikel 135			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-33	245
Faszikel 136			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-34	270
Faszikel 137			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-35	296
Faszikel 138			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-36	321
Faszikel 139			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-37	346
Faszikel 140			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-38	370
Faszikel 141			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-39	395
Faszikel 142			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-40	418
Faszikel 143			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-41	445
Faszikel 144			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-42	471
Faszikel 145			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-43	496
Faszikel 146			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-44	521
Faszikel 147			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-45	546
Faszikel 148			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-46	572
Faszikel 149			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-47	600
Faszikel 150			
1. Versammlung	Vergleich der Verdienste	30-48	625

(Fortsetzung folgt)

Impressum

Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche
Abteilung in der BRD (gemeinnütziger Verein e.V)
Die Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in
der Bundesrepublik Deutschland
Verlag
c/o Viengiac Pagode,
Karlsruher Str.6, 30519 Hannover
Tel. (0511) 879630 - Fax. (0511) 8790963
E-Mail : viengiacu@t-online
E-Mail : baoviengiac@viengiac.de
Homepage: http://www.viengiac.net
Herausgeber :
Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirch e.V.
Redaktion :
Vietnamesisch-Buddhistisches Sozio-Kulturzentrum in der BRD (VIBUS)
Erscheinungsweise : 6 mal jährlich
Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt. Nachdruck nur mit schriftlicher
Genehmigung der Redaktion erlaubt.



Tô Vĩ chẵn dê



Tô Vĩ là tôi trung thần của nhà Hán (Trung Hoa) đi sứ Hung Nô. Chúa Hung Nô là Thuyền Vu dụ Tô Vĩ đầu hàng. Tô Vĩ không chịu. Thuyền Vu giận bắt Tô Vĩ nhốt vào hang tối hai ba ngày không cho ăn uống để cho chết. Mắt Tô Vĩ mờ đi, như có màng mây bao phủ. Nhưng có điều lạ, không có lúc nào bằng lúc này, chàng yêu cuộc sống, chàng yêu cung đình bên nước nhà, với những hào hiệp. Chàng phải sống. Tô Vĩ vượt những hạt sương đọng nhấp vào môi, những hạt sương mát lạnh nuôi sống chàng. Chàng nhớ lại lúc chàng lên ngựa từ biệt vua Hán Vũ Đế đi sứ Hung Nô, nhớ lại giữa cung đình Hung Nô, trước những lời dụ hàng ngon ngọt và sự đe dọa của quân thù, chàng đã giận dữ quát mắng Thuyền Vu, chàng đã ném chén rượu ngọc vỡ tan dưới sân rồng. Thuyền Vu tức giận, quát tháo ầm ĩ rồi sai quân áp tải đến hang sâu này, với ý định giết chết sứ thần nhà Hán. Tưởng Tô Vĩ đã chết trong hang, Thuyền Vu cho người vào lôi xác đem chôn. Tô Vĩ chưa chết. Thuyền Vu cho Tô Vĩ là thần nên không dám giết chết, chỉ đẩy chàng lên phương Bắc chẵn dê, dạy rằng chừng nào dê đực đẻ con, sứ thần Tô Vĩ mới được trở về đất Hán.

Cung đình nhà Hán biết tin sứ thần đã nêu tấm gương trung nghĩa với đất nước và đã bị giam trong hang cho đến chết, Hán Vũ Đế vô cùng thương xót.

Năm tháng trôi qua. Tô Vĩ viết thư buộc vào chân chim nhạn, đem tin về cho nhà vua. Nhờ vậy mà nhà vua biết Tô Vĩ còn sống, chàng chẵn dê ở phương Bắc xa xôi và không lúc nào người thương nhớ nước nhà.

Tô Vĩ chẵn dê nơi hoang vu, một thân cô độc, nước mắt đã cạn dòng, ngày ngày chàng ngồi trên mỏm đá nhìn về phương Nam. Ngờ đâu, một buổi sớm, trên đất đai cằn cỗi, rét thấu xương này, bỗng xuất hiện một người trông như thú vật. Hai bên nhìn nhau, thoát đầu lạ lùng, rồi dần dần bốn mắt cùng đắm lệt. Từ ngày ấy, Tô Vĩ làm bạn với người vượn cái, Tình yêu càng ngày càng đậm đà, thắm thiết.

Mười chín năm trôi qua, kể từ khi Tô Vĩ bước chân đi sứ. Trên đất nước lạ, Tô Vĩ cùng người yêu trông đàn dê, bỗng thấy từ xa một đám bụi tiến đến gần. Tô Vĩ đang ngơ ngác thì đoàn ngựa xe đã đến: Một viên quan xuống ngựa, quỳ lạy Tô Vĩ, dâng chàng bức chiếu chỉ của cung đình Hán Vũ Đế. Hai nước đã giảng hòa. Hán Vũ Đế đòi trả tự do cho Tô Vĩ. Người yêu rụng rời, Tô Vĩ sa lệt. Song, chiếu chỉ của vua, ai dám trái lệnh. Thiếu phụ người vượn theo chồng đến cửa ải. Biết bao nhiêu nước mắt, buổi chia ly làm tan nát cõi lòng.

Tấm gương không khuất phục trước kẻ thù, mỗi tình kỳ lạ là một bi kịch của chàng với phụ nữ người vượn là đầu đề của nhiều nhà văn phương Đông. Ngô Chi Lan, nhà thơ nữ Việt Nam vào thế kỷ thứ 15, xót thương mỗi tình dở dang của Tô Vĩ, viết:

"Ngõ ngang khi quẩy gánh, buộc yên.

Rượu một chén, lụy đôi hàng lã chã"

Nhà thơ Nghiêm Công, than:

*"Đưa chàng một chén tử đây
Nhạn về ải Hán, loan bay dặm Hồ".*

•**Hồng Nhiên** sưu tầm
Phỏng theo điển tích văn học
Mai Thực - Đỗ Đức Hiếu



Ông thân nước

Trời vừa sụp tối. Ngôi nhà ông phú hộ lên đèn sáng trưng. Là một gia đình giàu có nhất trong làng, nhưng ông phú hộ cất nhà gần sát bia rừng. Những lúc nhàn rỗi, ông vẫn có thói quen đi dạo thơ thẩn xuyên qua vườn cây trái rộng lớn phía sau nhà, vào tận khu rừng dưới chân núi. Ông rất thích đi dọc theo con suối, nghe tiếng nước chảy róc rách, nhìn những con thú nhỏ chạy trốn vào bụi rậm.

Chung quanh nhà ông phú hộ, sau hai lớp hàng rào là một bức tường rất cao. Ngoài vợ chồng ông và bốn cô con gái, còn có tám người đàn ông khỏe mạnh làm việc. Họ vốn là những người nghèo khó trong làng, ít học nhưng thật thà, chất phác, không mấy khôn lanh nhưng siêng năng, cần mẫn, nên được ông thuê về làm vườn và chăn nuôi. Ngoài khu vườn với nhiều loại cây ăn trái, ông còn đàn gia súc, gia cầm: trâu, bò, dê, ngựa, chó, heo, công, ngỗng, vịt, gà...

Gia đình ông phú hộ vừa ngồi vào bàn, chuẩn bị dùng cơm tối. Đầu bàn, hai vợ chồng ông ngồi đối diện. Cuối bàn, bốn cô con gái bắt đầu giành ăn, giành nói, đánh đá, hỗn loạn. Mỗi bữa ăn, các cô vẫn luôn xô xát, đổ cả cơm canh lên người nhau, mặc cho ông phú hộ la rầy, quát tháo. Vợ chồng ông quá cưng con, nên mắng chửi xong, vẫn đầu vào đấy. Hôm sau, hôm sau nữa, cứ như thế mà tiếp diễn.

Bữa cơm sắp xong, những thức ăn còn ê hề trên bàn. Mấy đĩa ngỗng quay vẫn còn nguyên. Bốn chị em chỉ giành nhau bộ lông béo ngậy. Món dê, bò nấu tương đen mới vui phân nửa. Các cô chỉ quậy đùa, gấp trước mấy khúc sụn giòn, dẻo, béo, bùi. Hai tô ca-ri gà nấu với khoai lang, cà tím, sả tươi, ớt đỏ, đều còn lung lũng. Mấy đĩa rau luộc, rau tươi, cần xào thịt bò, cải xanh hấp với bào ngư đều thừa mứa.

Chợt chẳng biết từ đâu, xông vào bàn ăn, một người đàn ông trung niên đen đúa, dơ dáy, xấu xí, rách rưới, hôi hám. Mọi người chưa kịp phản ứng, ông ta đã tiến sát về phía bốn cô gái, chìa tay xin xô. Cả bốn cô gái đều đưa tay bịt mũi và luôn mồm mắng chửi, xua đuổi. Bà phú hộ nhăn mày, nhăn

mặt. Ông phú hộ kêu réo bọn người làm.

Người đàn ông rách rưới vẫn bước tới, van nài:

- Cho tôi xin miếng nước !

Thật lạ! Nhìn bộ dạng ông ta ốm đói, bần thiêu như ăn mày, nhưng không xin cơm, chỉ xin nước uống.

Bốn cô gái la hét rầm trời, chửi rủa thậm tệ. Mấy người làm từ ngoài chạy vào. Người lạ chột dạ, vội tháo lui. Ông ta vừa đi thụt lùi vừa đưa ngón tay chỉ trỏ lia lịa, miệng như càu nhàu, lảm bảm điều gì !

Ông ta lùi đến cửa, bèn quay lại, bước xuống bậc thềm. Anh Tư Khờ - người làm của ông phú hộ - chạy vội lại, đỡ ông ta xuống thềm. Anh còn đưa bộ mặt khờ khạo ra, cười toe, dặn dò người ăn xin cẩn thận bước.

Phú ông rầy la bọn người làm mấy câu, bảo xem xét, đóng khóa cửa trước, cửa sau, cửa hông cho thật chắc chắn. Tính uống thêm vài chén rượu, nhìn lại mới thấy chén rượu đã cạn, bình cũng rỗng không, ông phú hộ sai Năm Ủ đi lấy bình rượu nếp than.

Bà phú hộ có thói quen thích uống một chén nước rau luộc, có vắt thêm nước chanh, sau mỗi bữa cơm. Bởi bà cứ hay chấm nhiều nước mắm tỏi ớt cho mặn miệng. Chấm chén lên, bà mới hay nước rau trong chén, trong tô cũng chẳng còn.

- Sáu Lé à! Bưng lên cho tao tô nước rau luộc với bình trà. Bà kêu vọng xuống bếp.

Bốn cô con gái ăn tuy ít nhưng lại lâu lắc. Đặc biệt hôm nay các cô buông dưa sớm, vì bức bối, lại không muốn ăn chi nữa. Các cô chỉ muốn đi rửa tay, rửa mặt, tắm rửa thay quần áo, tổng khứ mùi ô uế của ông ăn mày đen - xấu - rách - dơ - hôi cho mau mau.

Bấy giờ, Năm Ủ, Sáu Lé đến bên ông bà phú hộ báo cáo hết rượu, hết nước rau luộc, hết nước trà. Cả nước trong lu, trong vại cũng hết. Từ phía phòng tắm, bốn cô gái la ãm lên, chửi bọn người làm rằng nước trong thau, trong thùng, trong hồ cũng cạn ráo.

Chín Điếc, Mười Chột vội vàng mang thùng ra giếng, nhưng rồi cũng chạy vào, thưa với phú ông, giếng trước cổng, giếng sau vườn đều cạn láng. Họ xin phép để ra suối sau mé rừng gánh nước.

Ông phú hộ bắt đầu hoang mang, lo lắng về chuyện lạ chưa từng thấy trong cuộc đời. Suy nghĩ nhớ lại lời nói, cử chỉ của người ăn mày lúc nãy, ông tự đặt trong đầu bao nhiêu câu hỏi không thể trả lời.

Lát sau, bọn người làm lại hốt hơ, hốt hải từ suối chạy về, trình là cả con suối cũng đã khô cạn. Phú Ông bèn sai người làm đi lấy nước dưới ruộng hoặc nương uống tạm, nếu không có thì hãy vào làng mà xin.

Vào tới làng cũng khá xa, vì còn phải băng qua bao nhiêu là ruộng vườn của ông phú hộ. Thấy trời đã khuya, mấy người làm bảo Tư Khờ trở về trước báo cáo với chủ, rằng chút nước ở ruộng nương cũng không có. Bày người tiếp tục đi tìm chỗ gánh nước.

Khuya hôm đó, cả nhà ông phú hộ khát nước điên cuồng, không sao ngủ được. Tư Khờ về tới nhà, báo cáo với chủ xong, liền trở về dãy nhà dành cho đám người làm. Mệt mỏi, anh ta cởi áo, toan leo lên giường, sực nhớ mình vẫn dựng bình nước mưa ở một góc, để dành uống vào đêm tối, sau khi công việc xong xuôi. Thật may! Bình nước còn độ một phần tư lít. Tư Khờ cầm lên, mở nút, tu một hơi cạn sạch, mới sực nhớ ra nhà chủ đang khát nước, mình phận người làm nên nhường chút nước uống quý báu này cho chủ. Nhưng, đã quá muộn! Trong bình chẳng còn giọt nào. Tư Khờ giận mình khờ khạo, việc gì suy nghĩ cũng chậm lụt.

Vợ chồng Phú Hộ và bốn cô gái cảm thấy trong người nóng như lửa đốt. Hình như, chẳng những nước ở giếng, ở hồ khô cạn, mà nước trong thân thể họ cũng bốc hơi ra quá nhiều, làm đắng miệng, khô môi. Trong khi ông bà Phú Hộ với bốn tiểu thư khổ sở vì cơn khát nước ghê gớm. Tư Khờ đã lên giường, ngủ một giấc ngon lành.

Chẳng biết được bao lâu, Tư Khờ trở mình tỉnh giấc. Lại cái tật uống nước nửa đêm! Như mọi lần, gã mở nửa con mắt, lồm cồm ngồi dậy, đến bên góc phòng. Gã không nhớ ra, trước khi đi ngủ đã uống cạn bình nước, cứ ngơ ngáo cầm bình lên, mở nút, đưa lên miệng tu ừng ực. Uống nước xong, anh Khờ tỉnh hẳn, chẳng biết làm sao bình không lại có nước cho mình uống. Nhưng anh ít khi dùng đầu óc suy nghĩ, tìm tòi như người

khác, chỉ hơi tiếc, lại uống sạch trọn bình nước ngon ngọt mà lúc này giá trị quý hơn vàng, không kịp thời nhớ ra để đem dâng lên cho chủ.

Sáng hôm sau, phú ông ra vườn hái mấy trái cam, mấy trái bưởi vào cho vợ con ăn đỡ khát. Mọi người đều lấy làm lạ, tại sao trước đó, không ai nghĩ đến việc này. Bà cho là, vì khát quá nên đầu óc không hoạt động bình thường. Ông lại bảo, chắc có thần thánh che tối con mắt.

Khổ thay, khát nước lâu quá, mồm khô, môi nứt nẻ, ăn cam bưởi vào thì chua lưỡi thêm rất môi. Hai ông bà phú hộ và bốn cô con gái liếp liếp khổ sở, chỉ ước ao có được một thứ quý nhất trên đời - đối với họ lúc bấy giờ - là nước trong, nước sạch. Để uống cho thống khoái! Để tắm rửa cho hà hê!

Đúng như họ đang mong ước. Mấy người làm lần lượt kéo về với mười mấy thùng nước. Bốn cô con gái xô nhau nhào đến. Ông phú hộ quát lớn:

- Đúng yên đó! Không được giành giật như thế! Phải biết quý từng giọt nước mà mấy anh, mấy chú mới mang về!

Bốn cô gái thất kinh. Run rẩy đứng tại chỗ, miệng mếu, nước mắt lưng tròng. Chưa bao giờ các cô bị cha lớn tiếng như lần này. Nghiêm khắc và quyết liệt. Chưa bao giờ các cô sợ cha như thế, hay là mất ngủ trọn đêm và cơn khát nước ghê gớm đã làm giảm nhiều tánh danh đá, hồn hào của các cô chẳng ?!

Bốn cô đều đứng im chờ nghe cha dạy bảo. Nhưng phú ông chẳng la rầy chi các cô gái nữa, ông đến bên những người làm công thăm hỏi, ủy lạo họ về việc cực khổ đi kiếm nước suốt đêm cho gia đình ông. Ông lại cẩn thận mời họ uống nước trước, rồi mới đến ông bà và bốn cô gái múc nước mà uống từ từ.

Chủ tớ vừa uống nước hà hê xong, Tư Khờ mới chạy vào thưa với chủ:

- Bẩm ông, con rửa mặt, chà răng rồi, mới sực nhớ ra là giếng lại có nước. Lu, vại cũng đầy.

Năm Ủ, Sáu Lé nghe nói, vội chạy xuống bếp, ra nhà sau, rồi lên thưa:

- Bẩm ông, nước trong thau, trong hồ vẫn tràn đầy. Mấy bình rượu vẫn nguyên. Cả nhà ông phú hộ đều lấy làm lạ. Suốt ngày hôm ấy, mọi người chỉ lo đến việc thăm chừng, kiếm tra nước uống.

Sau vụ đó, bốn cô con gái ông nhà giàu thay đổi hẳn. Dường như họ biết quý trọng thức ăn, nước uống hơn xưa, đối xử với mọi người cũng nhu mì, lễ độ hơn trước.

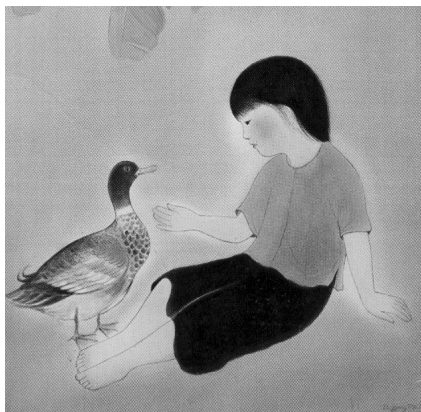
• T.Đ.H.Đ

(Oberhausen, 14.9.02.

"Cảm tác nhân mùa nước lụt 9/2002")

Bé Ngỗng Đen

• Ti Thảo



Có câu nói: "Tôi sinh ra đời dưới một ngôi sao xấu". Nhưng đối với bé Ngỗng Đen, thì phải nói: "Bé sinh ra đời với một ngôi sao khóc". Quả thật thế, ngày đầu tiên, khi một đứa trẻ lọt ra khỏi lòng người mẹ sẽ khóc oe oe ba tiếng, đó là chuyện bắt buộc phải có lúc chào đời. Còn đằng này bé "Ngỗng Đen" tôi khóc luôn cho tới lớn.

Chuyện gì bé cũng khóc dai kinh khủng. Nếu bị đói hay đau mà khóc thì không nói. Có nhiều lúc chẳng có nguyên nhân gì bé cũng khóc. Thích khóc là khóc. Dỗ bé cách nào cũng chẳng nín! Lúc đầu người nhà còn chịu khó dỗ, riết rồi ai cũng chán để cho bé khóc tới chừng nào muốn nín thì thôi. Bé thường hay đứng trong một góc nhà, khó chịu đến nỗi ai đi ngang nhìn bé cũng không cho, đang rên hừ hừ, bé liền khóc lớn: "Hông! Hong được nhìn... hu hu".

Mặt mũi bé từ khi sinh ra cho đến tuổi hiểu biết không khi nào được tươi tắn - (Hè vừa qua đi thăm bà nội của bé. Ngồi chung ăn cơm nhắc lại chuyện xưa, cô của bé cười nói với thằng con trai: "Má con hồi nhỏ, trời ơi! Nhề nhệ tới ngày không ai chịu nổi...") - Đôi mắt của bé vốn đã nhỏ lại khóc hoài nên xưng húp, cho nên không còn

thấy "đôi mắt" ở đâu. Đã vậy bé rất nhút nhát, sợ ma và ăn cơm thì ời thoi khỏi nói; một muỗng cơm ngậm từ "chuối trồng cho đèn chuối trở" bé mới nuốt xuống. Nói tới bé thì thật tình hai bên nội ngoại ai cũng đều ngán ngấm. Lúc lớn lên, đôi khi nhớ lại bé quả thấy mình thật là dễ ghét (?).

Người ta thường nói: Sinh một đứa con ra khóc hoài thì cha mẹ làm ăn không khá! Đã vậy cộng thêm cái nước ăn cơm mà ngậm trong miệng!". Chắc là đúng như vậy hay sao? Mà từ ngày bé được sanh ra cảnh nhà ba má bắt đầu sa sút; đang ở nhà lớn sang qua nhà nhỏ; nhà có xe (xe hơi), đôi ba tháng không còn xe. Có đi Sáu và con dì phụ giúp việc nhà cùng giữ em không đến nữa. Mấy anh chị bé ở nhà nhỏ chật chội, làm việc nhà nhiều nên đôi khi cần nhằn: "*Cũng tại N. Đen, từ ngày có nó, nhà của mình mỗi như vậy!*" Đùng là tại bé mà ra.

Gia đình bên ngoại bé nhiều người, nên mỗi lần có dịp nghỉ các Lễ, Tết, nghỉ hè... Thì mọi người tụ họp lại rất đông, anh chị em bé và các anh chị em họ chơi đùa nô giỡn, nhưng không ai thích bé chơi chung. Vì bất cứ chơi gì không hài lòng một chút là bé khóc té đầu, chơi thua, bị chọc ghẹo là thôi bé bù lu bù loa làm ai cũng mất vui.

Nhà bà ngoại ở miệt Bình Dương có vườn măng cụt rất lớn. Mỗi lần nghỉ học là tụi bé được về nhà Ngoại tha hồ mà chạy nhảy. Ngoài măng cụt ở vườn sau, còn chung quanh nhà và phía trước có rất nhiều cây ăn trái khác như: sầu riêng, vú sữa, ổi xá lị, dâu ta, dâu tay (trái thon dài, lớn, ngọt hơn dâu ta), bưởi, mít v.v... Mấy anh chị leo trèo, hái trái, trong lúc bé chỉ dám bắt cái ghế nhỏ hái những trái ở cành thấp nhất, hoặc bé chun vào dưới gốc dâu, bẻ những chùm ở gần dưới gốc. Bé không thích chơi những trò mạnh bạo như u mọi, kéo dây, cút bắt v.v... Bé chỉ thích chơi nhảy lò cò, đánh đũa và chơi nhà chòi, vớt rong dưới mương, hái lá cây cất nấu, hoặc ngồi trên tàu cau để các anh chị kéo chạy trên đám lá măng cụt dày đặt trên mặt đất.

Ở nhà Ngoại ban ngày thì không sao, nhưng ban đêm bé rất sợ, trong nhà có đèn *măng-xông* tỏa ánh sáng như ban ngày, nhưng chung quanh, nhất là ngoài vườn thì tối đen. Nhà không có muỗi nên không có ngủ mùng, làm bé càng sợ hơn, nên lúc nào bé cũng nhảy vô nằm chính giữa, trùm mền kín mít từ đầu đến gót chân. Dưới bé cũng còn có những đứa em,

nhưng mặc kệ tụi nó, bé phải được ưu tiên. Ai cũng nhường (!) chỉ vì sợ cái nước khóc dai của bé mà thôi.

Bên nhà Ngoại có cái ao lớn, mấy anh chị thường xuống tắm, bé chỉ đứng trên bờ nhìn mọi người ôm bánh xe, cây chuối lội bì bõm rất vui. Bé sợ nước bùn, sợ *ma da* kéo chân nên không bao giờ dám bước xuống. Một hôm, có mấy anh chị họ lớn hơn rủ nhau ra sông cái nước nhiều lội rất thích thú. Bé liền lấy nón đội đầu định đi theo. Chị bé thấy vậy, nói: "Thôi nha, N. Đen ở nhà đi, mầy ra đó cũng đâu có dám xuống tắm, đứng trên bờ rồi mất công tụi tao phải coi chừng mầy nữa". Bé lắt đầu: "Cho em đi". Biết là không cho bé sẽ ré lên liền - Bé mà khóc thì bà Ngoại biết được sẽ không cho tất cả đi, vì thường bà không cho ra sông cái tắm sợ nguy hiểm. Vì vậy các anh chị họ lớn im lặng, lén dẫn bé vòng ra vườn sau tìm đường ra sông. Vườn măng cụt tự thuở rất lớn, ngăn những hàng cây măng chia cách nhau là những mương nhỏ dẫn nước từ sông "Cái" vào, để giúp cây măng luôn được tươi tốt. Những con mương này rộng khoảng 60, 70 phân, nên bé có thể nhảy qua! Nhưng đường ra sông "Cái" thì có những mương nước ngăn lối càng rộng hơn (có cái tới 2 thước bề ngang). Bắt đầu tới những mương nước, mọi người lura thể để phóng qua, chỉ còn lại bé.

Anh bé nói: "Nhảy qua đi N. Đen". Bé nhìn con mương ngao ngán, bé nhìn đám rong xanh nằm trên lớp bùn nâu, mấy con cá lìm kim lội vẩn vơ. Nếu bé té xuống, chìm trong đó, eo ơi, bé sợ lắm. Bé không dám nhảy đâu! Chơi nhảy cao, bé còn chưa nhảy qua được vạt áo, đừng nói là tới nút áo một, đằng này cái mương gần tới thước rưỡi. Thấy bé chần chừ, mọi người giục: "Nhảy qua đi, nếu không, mầy trở về nhà, tụi tao tới trễ, nước sông "Cái" rông thì làm sao tắm". Trở về nhà à? Đường đi trong vườn không xa xôi gì cho lắm nhưng... vắng vẻ, chắc chắn là bé không trở về một mình rồi, mà nhảy qua thì cũng... không nhảy... "Hong, hong em không về".

Ai cũng bực dọc, các anh chị dợm bỏ đi, bé dậm chân mếu máo khóc: "Em muốn đi, cho em theo". Thấy thế anh T. - (Ông anh họ, gia đình anh chỉ có ba anh em trai. Nên anh rất thương chị em bé, nhất là bé, anh thường săn sóc và kiên nhẫn dỗ bé hơn mọi người khi bé không nghe. Anh T. sau lớn lên đi lính Sư đoàn 18 Bộ Binh, ghét Việt

Cộng, nên anh đánh giấc rất xông xáo, bị thương nặng, nên anh được giải ngũ) - thương hại bé, anh nhảy trở qua bên này bờ, khom lưng xuống, bảo: "Nè N. Đen leo lên lưng anh, anh công nhảy qua".

Nhưng tội nghiệp cho anh, bé cũng hơi *sổ sũa*. Nên vì mang sức nặng trên lưng, anh nhảy qua chưa tới phía bờ nương nước bên kia, thì... "à" một tiếng, anh với bé rớt xuống. Đám rong bị đè xuống, lớp bùn màu nâu bị khuấy lên thành màu đen. Trên lưng anh T; bé tím mặt, hồn vía bay đi đâu mất tiêu nên toát miệng khóc thét lên dậy xôm dậy làng.

Đám cá lim kim hoảng hốt lội tuốt về đám rong đặng xa. Chú cá thòi lòi giết mình nhảy phóc vào ngách hang bên bờ. Bầy chim sẻ xao động núp vội vào tàng lá. Tiếng ve đang nỉ non trên cây cũng im bật, lần này tiếng bé khóc lớn hơn nên vang ra khắp cả khu vườn mặng mênh mông. Các anh chị phải bỏ dở cuộc đi tắm để đưa bé về. Mọi người hậm hực nhìn bé vừa đi vừa thút thít và chỉ muốn *xáng* cho bé vài ba bọp tay thì mới hả cơn tức. (Anh T. oi, kỷ niệm của những tháng ngày nơi quê Ngoại của anh em tụi mình còn có rất nhiều; như kỷ niệm ngày anh công em lọt xuống nương thì em còn nhớ mãi như in).

Rồi tới tuổi đi học, tánh tình nhút nhát động một chút là khóc, nên bé luôn bị bọn con trai chọc ghẹo ăn hiếp, hôm nào không có chị bé đưa đi, về, thì thể nào cũng bị bọn chúng giựt cặp, giựt nón... Càng ngày càng lớn hiểu biết bé bớt nhõng nhẽo, bớt khóc dai. Nhưng tánh đa sầu đa cảm vẫn vương mang. Đọc sách, chuyện thương tâm, đau khổ bé khóc ròng, mà được hạnh phúc, vui vẻ cũng làm bé rơi lệ. Xem phim kịch cũng vậy, lúc xem tuồng Thương Khó diễn tích Chúa Giê Su bị quân dữ hành hạ, đội mũ gai, chịu đóng đinh trên cây Thánh Giá, hay sự tích Phật Bà Quan Âm chịu nổi oan tình, những đau đớn mà các Ngài phải chịu làm bé đau lòng khóc thối là khóc.

Lúc trong đoàn Thanh Niên Thiệp Chí, khi được phân công giữ trách nhiệm, trong Nhóm có các anh chị lớn tuổi hơn lơ là không lo hoàn thành công tác, không dám nhắc nhở, bé chỉ dám nói bằng cách... khóc. Nên sau đó mọi người lại chọc bé là điều khiển công việc không bằng tài sức mà bằng nước mắt. Cảm động hay giận tức, gì gì, nói tiếng trước tiếng sau là bé đã rơi lệ.

Rồi nước mắt đã đổ ra thật nhiều khi khóc ngày má của bé qua đời quá sớm - má của bé người thiếu phụ đau khổ đã trải qua những tháng ngày không hạnh phúc vì cuộc hôn nhân không có tình yêu của bà.

Và bởi bé sinh ra trên một quê hương chiến tranh đã có, rồi cứ tiếp diễn triền miên. Tuổi mới lớn, những người con gái như bé hầu hết đều có người thân là lính chiến đã ra đi gìn giữ hai chữ Tự Do, vì bởi bọn Cộng Sản phương Bắc vẫn mang ý đồ muốn nhuộm đỏ luôn phần đất còn lại. Chúng lên lút đưa quân xâm nhập vào miền Nam. Chiến tranh ngày càng trở nên khốc liệt, và bé một lần nữa đã đau lòng chết ngắt, khóc thương một người lính trẻ đã hy sinh nơi chiến trường ngập lửa giao tranh. Anh đã không còn bao giờ trở về chốn cũ. Nghĩa Trang Quân đội u buồn ngày đó, âm vang những tiếng khóc gào vạt và tiếc thương những người trai tuổi đời còn rất trẻ đã ra đi mãi mãi. Nước mắt bé không còn đơn thuần, là những giọt nước mắt trong veo nhõng nhẽo của thời tuổi dại, mà nước mắt giờ đây chỉ ngừng đã lắng đọng trong lòng nỗi đau thương.

Khi ra đời bé lưu lạc ở xứ người. Hoàn cảnh không may mắn, bé phải một mình nuôi dạy các con. Cuộc đời không phải là những con nương hiền lành trầm lặng nơi vườn mặng quê ngoại, mà là những cơn phong ba bão táp. Thăng trầm trong cuộc sống, đôi khi bị đời ức hiếp, bé không hiểu sức mạnh nào giúp một con người nhút nhát như bé có thể chịu đựng, để là trụ cột cho các con dựa vào mà yên lòng ăn học.

Dù bé biết rằng, sự chịu đựng nhỏ nhoi của bé không sánh bằng với những sự chịu đựng lớn lao của rất nhiều người trong cõi thế gian này. Nhưng, bởi bé chỉ là một con bé nhõng nhẽo, nhát gan mà làm ra vẻ cứng rắn như đồng như sắt để nuôi dạy con, nên bé thềm, thềm ghê lắm, được gặp lại anh chị của bé để được lặn vào lòng mà khóc một trận cho hả (chỉ có anh chị của bé, vì má bé đã không còn nữa, còn ba bé là một người lính Hải Quân lẳng tử đào hoa, suốt cuộc đời lênh đênh trên sóng nước, mà mỗi bến bờ là thêm một bóng hồng nhan). Và dù ngày nay bé đã sắp bước vào tuổi làm bà nội bà ngoại, nhưng mỗi khi có ai nhắc nhở đến những đau khổ, chịu đựng trong đời trôi nổi không có người thân ở kề bên, tủi thân bé lại khóc.

Suối lệ trong mắt bé hình như không bao giờ cạn nguồn. Nên vì vậy có thể nói, bé "sinh ra đời dưới một ngôi sao... mau nước mắt!".

• Ti Thảo

Hạnh Phúc Trong Tâm Tay



- M á à! Cho con đi qua Mỹ học nghe má!

Bà Hai đang làm đồ ăn trong bếp, bà ngẩng mặt lên nhìn thẳng Tính. Bà không ngạc nhiên lắm về lời nói của con bà. Kể từ ngày ông Hai mất, niềm đau buồn của bà đã đông đầy, cộng thêm tính nết vô chừng của thằng con út càng làm cho bà buồn rầu, mệt mỏi thêm.

Số là, sau khi học xong lớp mười, Tính đã tròn 18 tuổi, nó muốn đi quân dịch một năm, sau đó đi học lại. Ngày tựu trường đã trôi qua mà cơ quan thu nhận quân dịch không còn chỗ trống. Tính đành phải ở nhà. Anh chơi máy vi tính cả ngày cũng chán; đi phố hàng ngày cũng mỏi chân. Anh đành quần quýt bên mẹ để đòi hết chuyện này đến chuyện khác. Nào "con muốn đi qua Mỹ học tiếng Anh vì trình độ Anh ngữ của con còn kém".

Bà Hai hết lời khuyên giải: "Ở đây học cũng được mà con. Con ráng học cho xong bằng Tú Tài rồi muốn học ngành nào cũng được. Ban ngày con học ở trường, buổi tối học thêm tiếng Anh, con đâu cần phải đi Mỹ, đi Tây mới học được".

Lời khuyên của bà Hai nghe hoài cũng nhảm lổ tai. Con gái đầu lòng

của bà, đã từng đi học xa rồi ra đi làm, ở riêng, cũng khuyên em:

- Em à! Em đi học tiếp cho xong bậc Trung Học, rồi chừng đó em thích ngành nào, hay đi đâu học cũng không thành vấn đề. Ngày trước, khi đổ bằng Tú Tài chị cũng muốn đi học xa gia đình để được tự do. Bây giờ, ở xa cha mẹ chị mới thấy không đâu bằng gia đình mình. Nhưng đã muộn rồi em à!

Tính đành nghe lời chị, chịu đi học tiếp nhưng phải ở tỉnh khác, chứ nó không muốn ở tỉnh nhà và ở chung với má nó nữa.

Bà Hai vừa buồn vừa giận con, nhưng con gái bà cũng nói riêng với mẹ:

- Má à! Má cứ cho em con đi học ở chỗ khác đi. Có đi ra ngoài nó mới tập đời sống tự lập. Còn ở nhà, má lo cho nó, sau này ra đời khó thích nghi với đời sống bên ngoài lắm má.

"Đi cho biết đó biết đây."

"Ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn" má quên rồi sao!

Bà Hai nghe con gái khuyên lơn, giải thích và an ủi nên bà bớt buồn, bà đành phải chiều theo ý muốn của thằng Tính. Bà xin cho nó học ở tỉnh khác, dù sao sự thăm viếng cũng không khó khăn và tốn kém như ra nước ngoài.

Hai mẹ con vừa xuống xe bus ở một trạm của thành phố... cách nơi bà ở chừng vài trăm cây số. Tính cầm tờ giấy có địa chỉ của bạn nó (bạn của Tính cũng đang ở trọ tại đây), nói với bà Hai:

- Má ơi! Nhà này đúng rồi, nhưng sao im lặng quá, rèm sáo đều đóng kín như không có ai ở.

Hai mẹ con đi tới đi lui, chẳng biết làm sao, cũng không biết hỏi ai.

Không một cử chỉ nào của hai mẹ con bà Hai mà không có người theo dõi. Bà hàng xóm bên cạnh đang chăm sóc vườn hoa ngẩng lên nhìn. Bà biết không phải người ở đây, nên bà bước ra trước ngõ ra dấu cho hai mẹ con đến gần. Bà hỏi:

- Bà và con bà tìm ai?

Tính trả lời:

- Chúng tôi tìm đến địa chỉ này. Phải đây là nhà cho học sinh ở trọ không, thưa bà?

Bà Đức (người Đức) gật đầu:

- Trước kia thì có, nhưng mới chừng vài tháng nay chồng bà ấy mất nên bà bán nhà để đi theo ở với con gái. Còn chủ mới là ai tôi không biết, nhưng chắc chắn là mua để ở chứ không cho

bọn trẻ mượn như bà bạn tôi ngày trước đâu. Buồn thật!

Bà Hai nghe mập mờ nhưng cũng hiểu nghĩa câu bà Đức nói. Tự nhiên khơi dậy mối thương tâm của bà. Bà Hai nghĩ "Gia đình nào cũng có vấn đề, người nào cũng có nỗi khổ riêng". Ngày trước, gia đình bà nhiều người ở nhà lớn. Bà vất vả trong chuyện bếp núc nhưng sống rất vui vẻ, ấm cúng. Rồi những năm trôi qua, các cháu lớn (con người chị) lần lượt đi học xa, đi làm xa rồi có gia đình. Kể đến con gái bà cũng không ngoại lệ. Ông Hai (chồng bà) sau mấy tháng nằm nhà thương rồi cũng theo ông theo bà. Gia đình bà đã năm lần bảy lượt thu gọn lại (đổi nhà), giờ thì chỉ có hai mẹ con. Rồi con trai bà cũng chấp chững như chim non rời tổ mẹ, Bà chẹp miệng "thời gian trôi qua, không bao giờ trở lại" và "nước mắt chảy xuống".

Bà Hai giật mình vì thằng Tính khều nhẹ tay bà, nói khe "má".

Bà Đức nói tiếp:

- Chắc mẹ con bà tìm phòng ở trọ phải không? Nhà tôi không cho thuê, nhưng nhìn hai má con tôi biết là người thiệt thà, nếu con bà muốn ở đây thì tôi có một phòng bên cạnh.

Bà Hai nhìn vào thấy ngôi nhà rộng lớn, sang trọng của bà Đức mà ái ngại. Con mình làm sao trả nổi tiền phòng.

Thấy bà Hai ngần ngại, bà Đức nói một hơi dài:

- Đây là phòng của con trai tôi, ngày trước nó thường hay đi sớm về muộn nên tôi làm cửa riêng. Sau này nó đi làm xa nên tôi đóng cửa, thỉnh thoảng nó mới về thăm một lần. Còn ông nhà tôi làm ở Bộ Ngoại Giao, ông thường đi công tác nước ngoài, ít khi về nhà. Tôi ở một mình cũng buồn, bà và cháu đừng ngại, tiền bạc đối với tôi không thành vấn đề. Tôi sẽ làm giấy tờ cho cháu xin trợ cấp xã hội, tôi chỉ nhận một số ít tượng trưng, còn lại bao nhiêu phải để cho cháu ăn tiêu nửa chứ. Con trai mà!

Bà Hai xá dài, có lẽ ơn trên ban phúc cho mẹ con bà.

Đã hai tuần qua, thằng Tính ở trọ nhà bà Đức, ngày nào nó cũng điện thoại cho mẹ với lời lẽ nhẹ nhàng, khác xa lúc trước, nào là:

- Má ơi! Con nhớ má quá! Con nhớ nhất là món ăn má nấu. Ở đây mấy ngày đầu con chẳng nấu nướng gì (mặc dầu đã có bếp riêng), con mua Pizza, Spaghetti về ăn, lúc đầu ăn ngon, dần dần chán, bà Đức thấy vậy

tội nghiệp con, bà đem súp cho con ăn. Có lần bà mua chả giò về chiên lại cho con và bà ăn. Chả giò ở siêu thị dở quá, má làm ngon hơn nhiều. Tính càng kể lể, bà Hai càng thương con, nước mắt chảy dài. Bà ngầm nghĩ "con ơi, giờ con mới biết, con cũng giống như chim con mới nở, mỗi ngày chim mẹ phải bay tìm mồi về mớm cho con. Thời gian sau, chim con đủ lông đủ cánh, chấp chững bay ra khỏi tổ, lúc đầu bay gần rồi bay xa hơn, đến khi tự tìm mồi được thì bay đi luôn không bao giờ quay về tổ cũ.

Tiếng chuông reo ngoài cổng, Tính đoán chắc tuần này má nó sẽ xuống thăm. Nó vội chạy ra mở cổng, bà Đức đi theo sau. Gớm! Mới vài tuần mà thằng Tính tưởng chừng như mấy tháng không bằng. Hai má con ôm chầm lấy nhau, nếu không có bà Đức tinh mắt đỡ cái giỏ nặng trong tay bà Hai thì chắc chắn đồ ăn trong giỏ đã đổ hết rồi.

Bà Hai cẩn thận bày lên bàn món chả giò và các món khác (các món ăn mà lúc ở nhà con bà thích). Bữa cơm này bà mời bà chủ nhà cùng ăn. Bà Hai hết lời cảm ơn bà Đức đã quan tâm thằng Tính. Quần áo nó thay ra bà giặt. Bà Hai ái ngại thì bà Đức nói: "Má giặt chứ tôi có giặt đâu". Còn chén bát của thằng Tính ăn xong bà cũng hoan hỉ "máy rửa, ít nhiều gì cũng rửa một lần".

Nhờ bà Đức có trình độ tiếng Anh mà Tính khỏi phải đi học thêm. Mỗi ngày bà bỏ ra một hai tiếng đồng hồ dạy thêm tiếng Anh cho nó, trong giờ học bà còn bắt Tính phải nói chuyện bằng tiếng Anh với bà.

Ăn xong, Tính thu dọn chén đĩa, nó còn rót cho bà Đức và má nó mỗi người một ly nước, công việc này tuy không khó nhưng lúc ở nhà Tính chẳng bao giờ làm.

Lúc vắng mặt bà Đức, Tính tâm sự với má nó trong thời gian ở đây, nó hứa với bà sẽ cố gắng đạt được thành quả mà bà mong muốn.

Bà Hai yên lặng nhìn con trai. Bà thấy nó đã trưởng thành. Bà thầm cảm ơn Trời Phật đã thương hoàn cảnh của bà. Cho dù xa con mà nó nên người còn hơn ở gần mà bà không dạy dỗ được. Thật là "Hạnh phúc trong tầm tay", bà không cần tìm kiếm đâu xa.

• **Hồng Nhiên** - Willich



Gia Đình Phật Tử

Thiện Căn Phạm Hồng Sáu

Tỉnh giác mở hoa

Đàn én bốn phương bay về, đem lại cho trần gian tin xuân vui tươi đầm ấm. Ánh triều dương sắc vàng rực rỡ, làn làn lan rộng, phá tan màu khói sương vẫn màu sữa đục của buổi bình minh. Hai hàng cây bên vệ đường đã trút sạch lớp áo vàng để thay vào đó những mầm non mập mạp, mạnh mẽ. Ngọn gió đông dịu mát mang đầy sinh khí, nhẹ nhàng thổi lướt trên những đám cỏ xanh. Thành Thất-La-Phiệt vào buổi mai, âm thầm tràn ngập vẻ thanh hòa dịu êm đáng mến.

Phút chốc vàng hồng đã lên cao lung linh ánh nắng.

Trên con đường lớn quanh co hướng đến thành, một đoàn Sa-Môn có hơn nghìn người đi nối tiếp nhau trông như một con rồng lượn khúc. Các Tăng-sĩ vị nào cũng có vẻ điềm tịnh đoan trang, mắt nhìn xuống lặng lẽ bước, dáng đi xem rất tự tại thoát trần. Dẫn đầu là một bực tôn túc, thân sắc vàng ánh, tướng tốt trang nghiêm, đi chậm rãi oai nghi như voi chúa. Sau đấng ấy, một vị Tỳ-kheo trẻ tuổi ôm bát theo hầu. Đây là Đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni cùng Thị giả A-Nan và chư Tăng vào thành khất thực. Bấy giờ, những người có lòng tin ngôi Tam Bảo, Muốn gieo trồng giống phước, đem thức ngon vật lạ cúng dường Phật và chúng Tăng. Lại có kẻ không dưng cúng, nhưng thấy dáng điệu trang nghiêm siêu thoát của đức Phật và các Đại đức Tỳ-kheo, cũng họp nhau đứng nơi cửa trông ra, hoặc đứng lại hai bên đường để nhìn ngắm.

Từ nơi cửa sổ trên lầu cao, nàng Ma-Đăng-Dà, một bậc nữ nhi tài sắc trong thành Thất-La-Phiệt, nghe tiếng động, khẽ vén bức rèm thêu, đưa mắt nhìn xuống. Nhưng sống với hương tình vị ái của tuổi xuân, nàng làm sao nhận thức được sự giải thoát, đức thanh cao nơi các nhà tu sĩ. Trông qua lớp áo hoại sắc của những vị Sa-Môn, rồi nhìn lại y phục xa hoa lộng lẫy nơi

thân của mình, nàng tự thấy mình phong lưu sang trọng. Bằng sự kiêu hãnh, nàng nhẹ điểm trên môi một nụ cười. Nhưng bỗng ngạc nhiên, Ma-Đăng-Dà chăm chú nhìn vị Tỳ-kheo trẻ tuổi đứng đầu sau đức Phật. Ôi! giữa trần gian này sao lại có trang nam nhân đẹp đẽ đến thế? - Nàng tự nghĩ thầm - Nếu được người này kết duyên để chung hưởng hạnh phúc trăm năm, dù phải nghèo nàn, khổ nhọc ta cũng ưng lòng và không còn ước mong gì hơn nữa! Mắt vẫn nhìn, trí vẫn suy nghĩ miên man, Đức Phật và chư Tăng đã đi khuất từ lúc nào, nàng Ma-Đăng-Dà còn ngồi ngơ ngẩn dường như không hay biết. Đến chùng định thần lại, nhìn ra khoảng đường vắng vẻ, nàng buông một hơi thở dài và tâm trí đầy bàng khuâng tiếc nhớ...

Không rõ A-Nan xinh đẹp thế nào, mà Đức Phật không cho ông ta mặc áo trần vai, vì sợ hàng phụ nữ trông thấy động tình luyến ái. Và ngài Văn-Thù-Bồ-Tát từng khen tặng ông rằng: Mặt như vàng trắng sáng, mắt tựa cánh sen tươi. Thế thì cô kiêu nữ kia đem lòng yêu mến ông điều ấy cũng không lấy chi làm lạ.

Nàng Ma-Đăng-Dà từ khi trông thấy A-Nan mỗi tình si dường như vấn vương khó dứt. Mỗi ngày, nàng thường lên lầu, trông ra cửa sổ, chờ chư Tăng đi khất thực, mong sao cho được thấy mặt người yêu. Sống trong tình khát ái khó nổi tỏ lòng, Ma-Đăng-Dà tâm thần ngơ ngẩn, quên ăn uống, biếng nói cười, gương mặt xinh tươi dần dần hóa ra tiều tụy. Thân mẫu nàng thấy con có những trạng thái bất thường như thế, sinh nghi nên đôi ba lần gạn hỏi. Không thể che giấu, nàng phải đem sự thật tỏ bày và van xin mẹ làm thế nào cho mình khỏi thất vọng. Nghe xong, mẹ nàng lộ vẻ ngậm ngùi bảo: - Con ơi! Điều con muốn khó thực hiện được.

A-Nan là người hầu cận thân tín của Phật, ông ấy và những Sa-Môn đệ tử của ông có nhiều phép thần thông kỳ diệu. Những bậc cao đức trong hàng lục-sư (sáu ông thủ lãnh ngoại đạo nước Ấn Độ lúc bấy giờ) còn phải chịu nhường họ, thì mẹ đâu có tài gì làm thỏa nguyện cho con được. Hơn nữa A-Nan là người thuộc dòng tôn quý, con của ông Hộc-Phạn-Vương, nếu không xuất gia có lẽ y sẽ thay thế cho Thái tử Tất-Đạt-Đa làm vua trong một nước, mẹ con ta là phận thấp đầu mong gì sánh được với người. Thôi! Con hãy xóa bỏ những ý nghĩ ấy và khuấy khỏa nỗi sầu khổ để cho mẹ vui

lòng. Mất A-Nan này sẽ có A-Nan khác, trong bốn phương thiên hạ lẽ nào không tìm được một người đẹp như thế hay sao? Nghe mẹ nói, tuy lặng yên không đáp, song nàng Ma-Đăng-Dà thật trăm phần đau đớn. Trước kia, một tia hy vọng lập lờ trong trí, nay đã hiểu qua mọi nỗi khó khăn, nàng tự cảm thấy như rơi vào cõi âm u ghê sợ.

Tâm tư tràn ngập nỗi buồn thương thất vọng, nàng thầm than: Thôi, thế là hết! Đòi ta đã đến giai đoạn kết cuộc tử hôm nay...

Thế là bệnh của Ma-Đăng-Dà mỗi ngày một nặng. Trong cơn mơ thấy A-Nan đi đến, nàng vô cùng mừng rỡ, vội chạy đến choàng vai, nhưng vị Tỳ-Kheo trẻ tuổi nhẹ nhàng thoát khỏi tay nàng rồi biến mất; nàng cất tiếng khóc to lên thì vừa thức giấc... Thân mẫu nàng thấy con khi mê khi tỉnh thoát khóc, thoát cười, lấy làm buồn rầu lo lắng, một mặt khuyên dỗ, một mặt chạy chữa đủ thứ thuốc thang, song vẫn không hiệu quả.

Một buổi tà dương tiết trời dịu dịu, gió bên ngoài nhẹ thổi động bức rèm thêu lụa không khí trong mát vào phòng, cơn sốt như được giảm bớt, Ma-Đăng-Dà lặng lẽ thức tỉnh. Nhìn lại thân hình vô vàng gầy héo, lộ vẻ chua cay, nàng nhẹ nhếch một nụ cười. Nhưng vừa khi ấy nàng bỗng ngạc nhiên, vì nhận thấy hôm nay gian phòng trang hoàng rất sạch sẽ. Đối diện nàng bức họa: vườn xuân dưới nắng mai, được thêu lên với vẻ mỹ thuật. Và, chiếc lọ thủy tinh cắm đầy hoa tươi, ai đã đem đến để ngay ngắn giữa mặt bàn, như tắm thắm màu xanh tươi. Để ý trông qua khe cửa Ma-Đăng-Dà thấy mẹ đang ngồi tiếp chuyện với một vị đạo sĩ râu tóc bạc phơ, vàng trán sáng suốt, nét mặt trầm ngâm. Hai người nói chuyện gì nàng không nghe rõ, nhưng hình như xem mẹ nàng có vẻ chú trọng lắm. Ma-Đăng-Dà chưa hiểu, còn đang nằm yên suy nghĩ, thì nghe có tiếng giày của mẹ đi nhẹ vào phòng. Nàng nhắm mắt giả vờ như không hay biết, tiếng giày đi lại gần bên giường chợt im bật hồi lâu, thốt nhiên nàng cảm thấy bàn tay từ mẫu đặt trên trán mình và tiếp theo đấy, nổi lên một giọng đều đều êm dịu: Con ơi! Chớ nên buồn rầu! Con là lẽ sống duy nhất của mẹ; với lòng quý mến con, mẹ có thể hy sinh tất cả hạnh phúc trên đời. Vì thế vừa rồi mẹ có mời được một đạo sĩ danh tiếng, ông ấy đã truyền cho mẹ bài mật ngữ

tên là: Ta-ti-la-Phạm-thiên-chú. Theo lời ông mặt ngũ ấy có năng lực làm mê hoặc người, dù người ấy đạo hạnh đã đến mức cao siêu. Nếu học thuộc thần chú này, con có thể thực hiện nguyện vọng của mình bằng cách mê hoặc A-Nan, khiến cho y mất sức tự chủ và hoàn toàn bị sai sử tùy theo ý con muốn. Máu nóng chảy rần rần trong huyết quản, Ma-Đăng-Dà như cảm thấy có một nguồn sinh lực màu nhiệm làm cho nàng mạnh mẽ hơn hồi chưa bệnh, sau khi nghe được mấy lời ấy; gương mặt nàng tươi tỉnh hẳn lên, nàng nói với giọng run run vì sung sướng, cảm động: - Thật thế hở mẹ? Nếu vậy bệnh con sẽ lành và con không còn lo buồn gì nữa! Rồi nàng trở dậy như người không có chuyện gì hết.

Nửa tháng sau khi sức khỏe gần bình phục, Ma-Đăng-Dà đã thuộc lòng bài mật ngữ. Nàng còn chờ một thời gian ngắn cho trong người thật mạnh sẽ thi hành ý nguyện, lòng chứa chan hy vọng, tin chắc thế nào mình cũng đắc thắng bằng hai lợi khí: nhan sắc và thần chú nhiệm màu.

Rồi một buổi sớm mai, nàng trang sức rất đẹp, sẫm sẫm những thức cúng dường để gọi ý trung nhân. Nhưng bóng mặt trời lên càng cao, Ma-Đăng-Dà trông hoài mỗi mắt, cuối cùng phải thất vọng, vì đã quá trưa mà vẫn vắng bóng hành khách của chư Tăng. Hoài công chờ đón như thế đến bốn năm hôm, hỏi ra nàng mới biết lúc này vào đầu mùa mưa, chư Tăng theo thường lệ mỗi năm phải an cư ở một chỗ trong vòng ba tháng. Nghe được tin ấy, nàng âu sầu khổ não, song cũng phải dần lòng đợi dịp, không biết làm thế nào hơn.

Lá tươi rồi héo, hoa nở lại tàn, cảnh vật âm thầm biến chuyển mau lẹ theo thời gian đi, thấm thoát đã đến ngày chư Tăng mãn hạ. Đối với nàng Ma-Đăng-Dà, ba tháng thật là dài như mấy năm trường đằng đẵng! Nhưng việc sẽ đến tất phải đến, hôm nay nàng sẽ cảm thấy sống dậy một mùa xuân tươi đẹp - mùa xuân ở cõi lòng - Từ sáng sớm, những thức cúng dường đã được sắp đặt đều vào đấy. Công việc xong xuôi, Ma-Đăng-Dà đến trước gương trang điểm và vừa đọc nhẩm mấy câu Phạm chú với vẻ vui tươi đặc ý hiện rõ trên mặt nàng. Giai nhân lồng bóng trong gương, hai dáng xinh đẹp in nhau phảng phất như cánh hoa hồng ngọc. Khi ánh nắng mai chiếu vào song cửa, trên con đường vào thành,

hình dáng của đoàn Sa-Môn đi khất thực lần lần hiện rõ và cũng lại gần, Ma-Đăng-Dà vô cùng mừng rỡ, định thỉnh riêng ông A-Nan đến trước nhà để tiện bề dùng huyền thuật. Nhưng lần này nàng rất ngạc nhiên, vì không thấy vị Tỳ-Kheo trẻ tuổi theo hầu Đức Phật. Thêm một điều lạ nữa: chư Tăng cũng đi thẳng, không dừng lại từng nhà để nhận thọ cúng như mọi khi. Ma-Đăng-Dà để ý nhìn từng vị Sa-Môn lần lượt đi qua, nhưng cũng không thấy người mình muốn gặp. Một nỗi buồn không tả xâm chiếm tâm hồn nàng, khi vị Sa-Môn cuối cùng vừa đi khuất. Nàng để rơi mình xuống ghế hai tay bưng mặt, choáng váng cả tâm thần. Không biết ngồi như thế được bao lâu, khi ngược đầu lên, Ma-Đăng-Dà chợt thấy từ xa tiến đến một hình dáng quen thuộc. Nàng mở to đôi mắt nhìn kỹ người ấy, không ai đâu lạ, chính là vị Tỳ-Kheo trẻ tuổi mà nàng đã thương nhớ từ lâu. Lòng rạo rục, nỗi vui mừng không thể tưởng tượng được, nàng vội vã đứng dậy đón chờ.

Tại sao lại có việc như thế?

-Nguyên vào lúc các vị Tỳ-Kheo mãn hạ, nhân ngày kỳ phụ vương Ba-Tu-Nặc sắm những thức ăn quý lạ, mời Phật và chư Tăng thọ trai trong hoàng cung. Đức Thế Tôn thân lãnh các vị Tỳ-kheo thẳng đến cung vua để ứng cúng, nên không theo thường lệ đi từng nhà khất thực. Duy có ông A-Nan trước đã chịu người mời riêng, đi xa chưa về không kịp dự hàng trai chung. Vì về trễ, ông đi giữa đường một mình. Nhớ lời Đức Phật đã quở Tôn-giả Ma-Ha-Ca-Diếp và Tu-Bồ-Đề làm A-la-hán tâm không quân bình, ông kính vâng lời dạy vô giá của đức Phật, ôm bát theo thứ lớp ghé vào từng nhà để giữ phép xin ăn.

Khi A-Nan đi đến, nàng Ma-Đăng-Dà mang thức ăn ra cúng dường, đồng thời gọi thầm tên vị Tỳ-kheo trẻ tuổi và đọc mấy câu Phạm-chú, đoạn nàng quay lưng trở vào nhà. Tay chân bủn rủn, thần trí không định, A-Nan cũng nối gót theo sau. Lúc hai người đã vào đến phòng, như cây héo gặp mùa xuân, Ma-Đăng-Dà dờ dờ trò khêu gợi quyết làm nổi dậy ngọn sóng tình trong con người tịnh hạnh. Trong giờ phút nguy hiểm ấy, tuy bất lực, song cũng còn tỉnh trí, A-Nan tha thiết tưởng nghĩ: -- Hỡi Đức Từ Nghiêm (chỉ Đức Phật) ! Nay con bị nạn, ngài đành bỏ con sao? ! ..

Khi ấy Đức Như-Lai thọ trai xong, đã về đến tịnh-xá và đang ngồi thuyết

pháp giữa vô số thánh chúng. Đấng Từ-nghiêm trí huệ thần thông nghe thấy ông A-Nan mắc nạn, liền từ nơi nhục-kế trên danh, phóng ánh sáng trăm thứ báu rất tự tại nhiệm màu. Trong ánh sáng có vô số hóa Phật, mỗi vị đều ngồi trên tòa hoa sen nghìn cánh, đồng thời nói ra thần chú bí mật. Đức Như-Lai khiến ngài Văn-Thù phụng trì chú ấy, đến dẹp trừ tà chú đem ông A-Nan về. Ngài Văn-Thù vâng lời đến, phóng ánh sáng chiếu vào chỗ A-Nan, Ma-Đăng-Dà, trong ánh sáng nói lại bài thần chú bí mật. Bấy giờ ông A-Nan tâm trí sáng suốt, như cá đã thoát khỏi lưới, vụt chạy ra ngoài. Chưa được thỏa nguyện, bỗng mất người yêu, Ma-Đăng-Dà cũng chạy theo A-Nan tâm trạng như người cuồng dại. Khi ra, người đã đến tịnh xá, lòng si ái quá nặng, Ma-Đăng-Dà sầu khổ bạch với Phật:

- Xin Ngài trả ông A-Nan lại cho tôi.

Đức Phật mỉm cười, dùng phương tiện bảo:

- A-Nan là kẻ xuất gia, nàng là thế tục, hình thức và đời sống của đôi bên đều khác, thế thì làm sao gần gũi nhau được? Nếu nàng chịu cạo tóc, mặc áo cà-sa, ta sẽ giao A-Nan lại cho.

Trước tiên Ma-Đăng-Dà còn dùng dằng, nhưng bị ái tình làm mù quáng, đã thương trót phải liều, nàng nghĩ: - Nếu Phật không giữ lời hứa, ta sẽ nắm áo ngài và ông A-Nan. Nghĩ như thế nàng liền ưng thuận, sau khi đã hoàn toàn đổi hình thức xuất gia, Ma-Đăng-Dà lập lại yêu cầu khi trước.

Đức Phật không đáp hỏi lại:

- Nàng thương A-Nan vì chỗ nào?

- Tôi thương đôi mắt xinh đẹp của ông.

- Mắt A-Nan chỉ là hai khối thịt hôi, trong ấy chứa những nước mắt, ghen đơ, có chỗ nào tinh sạch đặt cho nàng mến.

- Tôi thương cái mũi của ông A-Nan.

- Mũi của ông ấy có những chất dơ bên trong và thường chảy ra thứ nước không sạch, nàng chẳng nên ưa thích.

- Tôi thương cái miệng ông A-Nan.

- Miệng A-Nan có những nước miếng, đờm, dãi, nếu ông ấy không năng súc rửa, nơi đó sẽ đóng cáu bợn và tiết ra mùi hôi. Thế thì không đáng cho nàng yêu chuộng.

Sau khi đánh tan những chỗ ái chấp của Ma-Đăng-Dà, đức Phật lại vì nàng giải thích, chỉ rõ thân người không sạch, mong manh chóng suy tàn, là nguyên nhân của sự đau buồn

trong hiện tại và vô lượng nỗi khổ về sau.

Nghe lời chánh chơn hợp lý của đức Phật, như người trong bóng tối chộp bắt gặp ánh sáng, Ma-Đăng-Dà đứng lặng suy nghĩ. Trước kia, nàng lầm tưởng ái tình là vườn hoa tươi đẹp, đầy màu sắc rực rỡ, hương vị thơm tho, nơi ấy hẳn hứa hẹn cho thế gian một điểm phúc tuyệt trần. Nhưng hôm nay nhìn sâu vào thực tế, nàng mới biết nó là một mũi gai độc ẩn núp dưới lớp lá xanh một sợi dây vô hình lôi kéo người vào ngục tối đau khổ. Tình giấc mơ hoa, nàng quan sát những lý: Bất tịnh, khổ, vô thường, vô ngã của đức Phật vừa khai thị, liền chứng được quả A-na-hàm (Quả vị thứ ba trong Phật giáo). Vừa mừng rỡ vừa tủi thẹn nàng cúi đầu xuống đánh lễ đức Thế-Tôn, xin trọn đời làm đệ tử và phát nguyện sẽ dẫn dắt chúng sanh thoát khỏi vòng hoa mộng, vào bản thể an vui trong sạch...

• **Thiện Căn**

(Phỏng theo thuật giả Trí Hiền)

**

PHẬT PHÁP

Vấn: - Nếu Phật giáo là tốt, tại sao các quốc gia Phật giáo lại nghèo như vậy ?

Đáp: - Nghèo, nếu bạn muốn nói rằng vài quốc gia Phật giáo nghèo nàn về mặt kinh tế, thì thật sự là đúng. Nhưng, về: - phẩm chất của đời sống, thì có lẽ vài quốc gia Phật giáo rõ thật là khá giàu. Mỹ quốc chẳng hạn, là một quốc gia phong phú cường thịnh, nhưng tỷ lệ số phạm trọng tội cũng cao nhất trên thế giới, hằng triệu người già yếu bị con cháu lãng quên và chết cô đơn trong các trại dưỡng lão, tình trạng hỗn loạn trong gia đình và trẻ con bị ngược đãi là những vấn đề quan trọng. Trong ba gia đình có một cặp vợ chồng ly dị, báo chí và phim ảnh khiêu dâm được buôn bán dễ dàng. Giàu có về mặt tiền của, nhưng phẩm chất của đời sống thì có lẽ là nghèo nàn. Bây giờ hãy nhìn lại xứ Miến-Điện, một quốc gia hậu tiến về mặt kinh tế. Nơi đây, cha mẹ được con cái trọng đãi và tôn kính, tỷ lệ tội phạm tương đối thấp, trường hợp ly dị và tự sát hầu như không nghe đến, những cuộc xô xát trong gia đình và trẻ con bị ngược đãi cũng vậy, sách báo và phim ảnh khiêu dâm cũng như tình trạng mãi dâm không có.

Về mặt kinh tế thì Miến-Điện là một quốc gia hậu tiến, nhưng về phẩm chất của đời sống thì có lẽ cao hơn những quốc gia giàu có phồn thịnh như Mỹ quốc. Tuy nhiên, nếu ta chỉ xét về mặt kinh tế mà thôi, một trong những quốc gia có nền kinh tế vững mạnh nhất trên thế giới ngày nay là Nhật Bản, và 93 % người Nhật là Phật tử.

(Tham khảo từ sách *Khéo vấn, khéo đáp* của Tác giả Ven. Shrivasti Dhammika - dịch giả Phạm Kim Khánh)

• **Thiện Căn Phạm Hồng Sáu**

TIN TỨC GDPTVN / ÂC

Lồng trong khóa tu học Phật Pháp Âu châu kỳ thứ 14 tại Wymoudham - Anh quốc, từ ngày 22 đến 31.07.2002 vừa qua. Một Đại Hội Huynh Trưởng toàn Âu Châu kỳ 5 được triệu tập và khai diễn vào các ngày 23, 24.07.2002. Mục đích để các Htr. tường trình về những sinh hoạt GDPT/ VN của mình tại các quốc gia đang cư ngụ. Soạn thảo chương trình sinh hoạt cho năm 2003 và bầu lại Ban Hướng Dẫn GDPT/ÂC cho nhiệm kỳ 2002 - 2005 .

Thành phần BHD/GDPTVN/ÂC kết quả như sau:

a. Ban Thường Vụ:

Trưởng ban: Htr. Chí Pháp Nguyễn Thanh Quang

Phó Trưởng ban : Htr. Thị Lộc Võ Văn Mai

Tổng Thư ký : Htr. Tâm Ngọc Lê Giao

Phó Tổng Thư ký: Htr. Từ Đường Hồ Thị Kim Hiếu

Thủ Quỹ : Htr. Tâm Cừ Trương Tôn Châu

b. Các Ủy Viên chuyên môn:

Ủy viên Giáo dục : Htr. Tâm Bạch Trần Nguyễn Huyền Đan

Ủy viên Doanh tế, xã hội : Htr. Diệu Huệ NguyễnThị

Ủy viên Tu thư, Kỹ thuật : Htr. Phúc Tâm Ngô Đình Trí

Ủy viên Văn mỹ nghệ : (Sẽ mời sau)

c. Các Ủy Viên ngành:

Ủy viên Thanh Nam : Htr. Thị Hiên Nguyễn Hữu Lộc

Ủy viên Thanh Nữ : Htr. Nguyễn Trí Nguyễn Thị Diệu Hạnh

Ủy viên Thiếu Nam : Htr. Nguyễn Mãn Nguyễn Đình Hưng

Ủy viên Thiếu Nữ : Htr. Thiện Hạnh Võ Thị Mỹ

Ủy viên Oanh Vũ : Htr. Tâm Ngọc Lê Huyền Trang

d. Đại diện BHD các miền:

Miền Bắc Âu : Htr. Tâm Nguyễn Trịnh Đông

(Các miền khác sẽ mời sau).

e. Phụ tá:

Phụ tá Trưởng ban : Htr. Huệ Kha Khu Thêm Đồng

Phụ tá Thủ quỹ : Htr. Nguyễn Hoàng Trương Minh

Phụ tá Ủy viên Oanh vũ: Htr. Chúc Phục Võ Ngọc Thịnh

Các Ủy viên được Đại Hội khuyến khích mời người phụ tá. Anh Tân Trưởng Ban thay mặt quý anh chị em Htr. tác bạch phát nguyện trước Tam Bảo và Đoàn Kỳ GDPTVN sẽ cố gắng chu toàn sứ mệnh của mình dưới sự chứng minh của Thượng Tọa Thích Như Điển Tổng vụ Trưởng Tổng vụ Thanh niên GHPGVNTN Âu châu.

• **Thiện Căn Phạm Hồng Sáu**

**

Lượn về mùa Xuân



C uối cùng rồi thì mùa Đông cũng đi qua để nhường chỗ cho „nàng chúa Xuân,, bước vào! Cái

lạnh giá của ngày Đông giờ đã tan biến, thay vào là những tia nắng ấm áp đầu mùa làm sáng rưng cả một bầu trời trong xanh. Vạn vật như bừng tỉnh giấc sau một thời gian dài ngủ vùi trong tuyết trắng!!!

Nàng chúa Xuân; chỉ với 3 chữ này thôi các nhà Văn sĩ, Thi sĩ đã thể hiện được tất cả những đặc điểm tuyệt vời của mùa Xuân. Nó gọi cho người ta nghĩ đến hình ảnh của một Nữ hoàng trẻ, đẹp, tràn đầy sức sống và uy quyền. Và đã được ví von như vậy thì mùa Xuân tất phải trội hơn hẳn ba mùa còn lại là mùa Hạ, Thu và Đông.

Mùa Xuân đến mang theo một làn không khí ấm mát, dễ chịu; không nóng bức như mùa Hè, cũng không trở trời hoặc lạnh lẽo như mùa Thu & mùa Đông! Mặt trời giờ đã xuất hiện thường xuyên hơn để dùng tia nắng màu vàng kỳ diệu của mình thay cho những tầng mây màu xám. Chúng giờ đây đã trở nên những gương mặt mới; những đám mây trắng như bông treo lơ lửng trên bầu trời trong xanh, một màu xanh mà mọi người đều ưa thích: màu xanh da trời, màu tượng trưng cho ước mơ và hy vọng. Và cũng chính những tia nắng ấm đó đã đánh thức sự sống của các loại thảo mộc, các loại côn trùng. Từ những bãi ruộng đất thênh thang, những vườn hoa trong công viên, trên đại lộ, trên đường làng, cho đến những khoảnh vườn bé nhỏ trong sân nhà hoặc chỉ trên một lối đi nhỏ con con, khắp mọi nơi ở chỗ nào có đất, tất cả được vun bón, hoặc không được vun bón thảy đều xuất hiện màu xanh của hoa lá cỏ cây, màu của sự sống bắt diết để làm tươi đẹp cho thiên nhiên, trang điểm cho sự sống của loài người. Nếu được người chăm sóc tốt bông hoa sẽ tươi thắm và rực rỡ thêm hơn; tuy nhiên những bông hoa dại, mặc dù nhỏ bé và màu sắc không rực rỡ nhưng vẫn luôn luôn giữ một vị trí không kém phần quan trọng trong việc tô điểm màu sắc của bức tranh thiên nhiên. Những bụi cây bụi lá, cành nhánh khẳng khiu tưởng chừng như đã khô cạn nguồn sống thì giờ đây khi mùa Xuân đến đã vươn mình trở lá, những chiếc lá xanh non mơn mớn, chẳng mấy chốc đã rợp cả tàng cây làm nơi trú ẩn cho chim muông. Chúng cũng vui mừng vì không còn phải trốn vào tổ suốt ngày nữa, mẹ gọi con ríu rít; chúng đùa giỡn ca hát tạo nên một âm thanh thật vui tai. Vạn vật trong mùa Xuân sống động hẳn lên. Chính vì mùa Xuân đẹp như thế nên con

người thường mang ra làm đề tài để ca ngợi; để tỏ tình cảm của mình dành cho mùa Xuân; chẳng hạn như mấy câu thơ của nhà thơ Tản Đà trong bài „*Gặp Xuân*,,:

Xuân ơi Xuân hỡi!

Vắng Xuân lâu ta vẫn đợi chờ mong

Trãi bao nhiêu ngày tháng Hạ, Thu, Đông

Ròng rã nỗi nhớ nhung, Xuân có biết?

Như đã nói trên, mùa Xuân được quý mến thương yêu rất mực nên được hình tượng hóa là „nàng chúa Xuân,, cũng giống như cô gái đang trưởng thành được người ta gọi là „tuổi Xuân thì,, để biểu hiện cho lứa tuổi đẹp nhất của đời người. Tuổi Thanh xuân, đặc biệt ở người Thiếu nữ thể hiện rõ nét bóng dáng của „nàng chúa Xuân,, đó là tuổi trưởng thành toàn vẹn cả về thể chất lẫn tinh thần; lứa tuổi với những ước vọng tốt đẹp về tương lai, sâu sắc hơn là lý tưởng và hoài bão cao đẹp. Tuổi Thanh xuân cho dù là Thanh nam hay Thanh nữ vẫn đẹp như nhau và đều có vị trí quan trọng trong xã hội; bởi vì người Thanh niên nói chung có nhiều điều kiện hơn cả, là tài nguyên quý báu được xã hội đưa đến địa vị „Thanh niên là rường cột của nước nhà!,,

Mùa Đông đã đi qua để lại cho mùa Xuân đến, người ta vui mừng hồ hởi đón mừng mùa Xuân, người Nhạc sĩ viết khúc nhạc chào Xuân, người Thi sĩ viết bài thơ tình Xuân... nhưng cuối cùng rồi mùa Xuân cũng sẽ đi qua, cũng như tuổi Xuân rồi cũng có lúc phải chấm dứt! Mùa Xuân đi qua rồi mùa Xuân sẽ trở lại, nhưng tuổi Xuân của con người thì sẽ không bao giờ trở lại và đó là một „định mệnh khắc khe,, mà tạo hóa đã trao tặng cho con người bên cạnh những ưu đãi khác. Thật ra đó sẽ là những tâm hồn yếu đuối nếu như họ mãi tiếc nuối về quá khứ, về mùa Xuân đã đi qua. Chân giá trị của mùa Xuân sẽ còn mãi với thời gian, trong mỗi con người, ở mọi lứa tuổi nếu như ta luôn có nghị lực cho tương lai, trau dồi trí tuệ trong cuộc sống cùng với một trái tim hướng thiện.

• Diệu Ngọc



TRẠI HUẤN LUYỆN HUYNH TRƯỞNG SỞ CẤP LỘC UYỂN

từ 03.-06.10.02 tại Aurich

Trong Gia Đình Phật Tử danh từ **Huynh trưởng** được dùng chỉ những thành viên cán bộ của tổ chức, người coi một Đoàn, một Nhóm, giữ một Chức vụ trong Gia Đình đều được gọi bằng **anh Huynh trưởng** hoặc **chị Huynh trưởng**. Một trong các điều kiện để trở thành Huynh trưởng là phải qua các trại Huấn luyện mà trại Huấn luyện đầu tiên lấy tên khu vườn nơi Đức Phật thuyết Pháp Tú Diệu Để cho 5 anh em ông Kiều Trần Như có tên là Lộc Uyển. Trại Lộc Uyển đào tạo Huynh trưởng cấp nhỏ nhất là cấp Đoàn phó. Muốn trở thành Huynh trưởng thực thụ phải là Đoàn viên chính thức, đã quy y Tam Bảo, có Pháp danh, phải có quyết định trúng cách trại Lộc Uyển của Ban Hướng Dẫn sau 6 tháng kể từ ngày tham dự Trại cũng như phải sinh hoạt liên tục với Gia Đình và phát nguyện trở thành Huynh trưởng, lễ Phát nguyện sẽ do Ban Hướng Dẫn tổ chức.

Nhằm đáp ứng nhu cầu nhân sự cho các đơn vị Gia Đình Phật Tử địa phương, Ban Hướng Dẫn Đức đã mở Trại Lộc Uyển kéo dài 4 ngày tại Aurich với sự bảo trợ của Chi hội Norddeich và GĐPT Minh Hải, nơi đây tuy ít Phật tử nhưng Chi hội và Minh Hải đã cố gắng lo cho toàn Trại thật chu đáo. Trại quy tụ được 34 trại sinh, xa nhất là Chánh Tín với đoạn đường gần 1000 cây số, Chánh Dũng hơn 800 cây số, Chánh Niệm 500 cây số, gần nhất là Minh Hải, Chánh Giác, Pháp Quang và Tâm Minh đặc biệt có 2 Trại sinh đến từ GĐPT Chánh Tín Hòa Lan.

Ban Quản trại với sự Cố vấn của anh Thị Lộc Võ Văn Mai và sự điều động của anh Trại trưởng Thị Hiện Nguyễn Hữu Lộc đã cùng với các Huynh trưởng Ban Quản trại hoàn thành công tác một cách tốt đẹp. Trại được sự chăm sóc của Thầy Hạnh Tấn, trong suốt 4 ngày trại Thầy đã đến với các em bằng những bài Pháp và những buổi Thảo luận đầy thích thú. Trại sinh Lộc Uyển khóa này

xuất sắc ngoài dự đoán của Ban Quản trại, các em phát biểu hay, điểm thi viết cao. Trại sinh trẻ nhất chưa tròn 18 tuổi và lớn nhất chưa đầy 40.

Trại Lộc Uyển kỳ này được cải cách với tài liệu Hàm thụ mới và một chương trình Huấn luyện ngắn gọn hầu thích nghi cho thế hệ trẻ hiện tại đang độ dầm tập sự để bước vào ngưỡng cửa làm **Huynh trưởng**. Trại kết thúc bằng bài thi trắc nghiệm và một trò chơi lớn, trò chơi dưới mưa tuy không trọn vẹn nhưng đã để lại rất nhiều kỷ niệm khó quên. •

**

Thơ

Ngược về chốn thời gian

*Có một bà cụ già
Bên góc đường phố nhỏ
Ngồi bán những bó hoa
Đồng quê nhiều hỏi cỏ*

*Cuối tuần lấm người qua
Có chút mưa gần xa
Lấm tấm khăn choàng tóc
Màu thời gian đã già*

*Hoa tím với hoa vàng
Hoa trắng với lá xanh
Tùng bó trong ngày tháng
Lớn, nhỏ, vừa - mong manh...*

*Khách dừng chân ghé mua
Trời mùa thu giữa trưa
Hoa mặt trời độ ẩm
Một ngày thu đầu mùa*

*Chiếc váy dài phết gót
Che gió lạnh hắt mưa
Có chút gì thiếu sót
Trong tí hưởng dư thừa...*

*Bà cụ già ngồi, đứng
Vài ba bước tới lui
Chiếc ghế gỗ thật vững
Đỡ chân cụ ngược xuôi*

*Ngày tắt rồi - Chợ vắng
Khách bước dạo lang thang
Kiếm tìm trong quên lãng
Ngược về chốn thời gian...*

• Hạ Anh



Đội Kiều Trần Như



Đội Ác Bê



Đội Bạc Đề



Đội Ca Diếp



Đội Câu Ly





TIN TỨC NƯỚC ĐỨC

• NGUYỄN LÊ HOÀNG VIỆT *phụ trách*

• Tân nội các của Schroeder

Berlin: Có vài thay đổi trong nội các mới của liên minh cầm quyền Xanh-Đỏ. Thủ tướng Đức, Gerhard Schroeder đã đề cử Wolfgang Clement (SPD), đương kim Thống Đốc NRW, lên làm tân Bộ Trưởng hai bộ Lao Động và Kinh Tế thay thế Bộ Trưởng Lao Động Riester (SPD) và Bộ Trưởng Kinh Tế Mueller (trung lập).

Ngoài Siêu Bộ trưởng Wolfgang Clement ra, thành phần nội các mới của liên minh Đỏ-Xanh nhiệm kỳ 2002-2006 gồm có những người sau đây:

- Thủ Tướng: Gerhard Schroeder (SPD),
- Bộ Trưởng Ngoại Giao kiêm đại diện Thủ Tướng: Joschka Fischer (Xanh),
- Bộ Trưởng Nội Vụ: Otto Schily (SPD)
- Bộ Trưởng Tài Chánh: Hans Eichel (SPD)
- Bộ Trưởng Quốc Phòng: Peter Struck (SPD)
- Bộ Trưởng Phát Triển: Heidemarie Wieczorek-Zeul (SPD)
- Bộ Trưởng Gia Đình: Renate Schmidt (SPD)
- Bộ Trưởng Y Tế: Ulla Schmidt (SPD)
- Bộ Trưởng Giáo Dục: Edelgard Bulmahn (SPD)
- Bộ Trưởng Giao Thông: Manfred Stolpe (SPD)
- Bộ Trưởng Tư Pháp: Brigitte Zypries (SPD)
- Bộ Trưởng Môi Sinh: Juergen Trittin (Xanh) và
- Bộ Trưởng Bảo Vệ Tiêu Thụ: Renate Kuenast (Xanh)

So sánh với nội các cũ chúng ta thấy trong nội các mới của Schroeder có 4 tân Bộ Trưởng, đó là: ông M. Stolpe, bà B. Zypries, bà R. Schmidt và ông W. Clement.



• Moellemann từ chức

Berlin/Duesseldorf: FDP đang lo sợ và lưỡng cống vì vụ lem nhem tiền quyền góp của Juergen Moellemann. Theo người thủ quỹ của FDP cho biết, sau khi kiểm soát lại sổ sách của đảng, thì Tỉnh bộ trưởng bang Nordrhein-Westfalen

(NRW) Moellemann, có lẽ đã vi phạm luật quyền tiền dành cho các đảng phái! Bản báo cáo tương tự đã được Guenter Rexrodt FDP đệ trình lên Chủ Tịch Quốc Hội, Wolfgang Thierse.

Như Guenter Rexrodt cho biết thì số tiền 840 ngàn Euro do Moellemann quyền góp đã được chia nhỏ ra từ 1000 cho đến 8000 Euro rồi được chuyển nặc danh vào lại một trương mục đặc biệt của vị chủ tịch FDP bang Nordrhein-Westfalen mà theo Rexrodt có thể đi từ vài số tiền quyền lớn mà ra. Với số tiền này, Moellemann đã chi cho chiến dịch in truyền đơn bài Do Thái vài ngày trước khi bầu cử Quốc Hội vào tháng 9.2002 vừa qua.

Theo lời Rexrodt thì việc sử dụng số tiền quyền nói trên đã được giấu tên và như thế là bất hợp pháp. Có tất cả 145 sự quyền góp tiền được trả vào 14 ngân hàng khác nhau. Đảng FDP khước từ số tiền lạc quyền này và muốn tìm cho ra những ai đã bỏ ra những số tiền nêu trên! Sau khi nội vụ bị phanh phui ra và sau nhiều ngày bị áp lực từ ban lãnh đạo đảng FDP, Moellemann đã tuyên bố từ chức Tỉnh bộ trưởng NRW cũng như chức đại diện cho đảng trưởng Westerwelle.

Như trút đi được một gánh nặng, Rexrodt nói qua báo chí là FDP từ nay có thể chú trọng nhiều hơn đến vai trò đối lập của FDP mà không còn lo âu gì nữa về cái gánh nặng "chửi bới nhau" vì nhân sự! Westerwelle còn nói thêm, dù Moellemann từ chức nhưng không vì thế có thể ngăn cản được FDP trên phương diện phải tìm và khám phá ra những liên quan tới sổ trương mục đặc biệt của Moellemann cũng như các uẩn khúc liên hệ đến chuyện quyền góp tiền bạc nói trên. FDP luôn mong đợi rằng Moellemann sẽ góp phần của mình vào để làm sáng tỏ vấn đề.

• Muetzelburg kế vị Kastrup

Berlin: Phát ngôn viên chính phủ cho biết nhà ngoại giao chuyên nghiệp, Bernd Muetzelburg, 50 tuổi, sẽ là người kế vị ông Dieter Kastrup, 65 tuổi, chính thức về hưu kể từ 01.09.2002 trong chức vụ cố vấn về ngoại giao và an ninh cho Thủ Tướng Gerhard Schroeder.

Muetzelburg vốn là đại diện của một Giám đốc thuộc Phủ Thủ Tướng, đặc trách về ngoại giao và an ninh từ 1999-2001. Trước đó ông ta đã từng là Đại sứ Đức tại Kenia và Estland. Ông Muetzelburg bắt đầu nhậm chức cố vấn từ 01.11.02. Kể từ đầu năm 2002 đã có hai lần thay đổi cố vấn ngoại giao, một chức vụ rất quan trọng đối với G. Schroeder.

Cựu Đại sứ UNO, Kastrup đã thay thế Michael Steiner vào tháng 01.02 sau khi ông này từ chức vì đã chửi vài người lính Đức tại phi trường Moskau. Ngay từ đầu Kastrup đã nói là ông sẽ làm cố vấn về ngoại giao cho Schroeder cho đến tuổi

về hưu. Một trong những nhà chính trị khác có triển vọng kế vị Kastrup phải kể đến Đại sứ Đức tại Washington là ông Wolfgang Ischinger!

• Thierse là tân chủ tịch Quốc Hội

Berlin: Với một kết quả tệ nhất từ 30 năm, đương kim Chủ Tịch Quốc Hội (QH) Wolfgang Thierse đã được tái tin nhiệm trong chức vụ này với số phiếu ủng hộ là 59,9% trong tổng số đại biểu Đức tại Quốc Hội. Cách đây 4 năm vào 1998, Thierse đã chiếm được 76,9%. Ngoài ra liên minh cầm quyền Xanh-Đỏ đã phủ quyết yêu cầu của CDU/CSU muốn có thêm 1 đại diện Chủ Tịch QH cho khối mình. Theo truyền thống, Chủ tịch QH cũng được bầu với số phiếu của các Thượng Nghị Sĩ thuộc khối đối lập. Cho tới nay, thông thường kết quả cho vị Chủ tịch QH nhiều hơn 75%. Chỉ có hai lần trong quá khứ, vào năm 1954 và 1969, Chủ tịch QH đã được bầu với số phiếu ít hơn 60%!

Thierse được 357 phiếu thuận, 219 phiếu chống và 20 phiếu trắng. Điều này chứng tỏ là đa số đại biểu khối đối lập không ủng hộ Thierse. Lý do là vị Chủ tịch QH làm việc có tính cách thiên vị cho đảng SPD của mình trong nhiệm kỳ vừa qua. Ngoài ra còn có 4 đại diện cho W. Thierse cũng đã được bầu, đó là: bà Susanne Kastner SPD với 70,9%, Norbert Lammert CDU với 84,3%, Antje Vollmer (Xanh) với 64,1% và Hermann Otto Solms FDP với 84,3% phiếu thuận.

• Schaeuble thất bại

Hannover: Khối Dân biểu CDU/CSU tại Quốc Hội đã bầu lại ban lãnh đạo mới, tuy nhiên đối với cựu đảng trưởng CDU Wolfgang Schaeuble thì đây lại là ngày



thiếu may mắn cho ông ta! Schaeuble, đặc trách về ngoại giao và an ninh nội địa, chỉ được có 133 phiếu tín nhiệm trong tổng số 183 đại

biểu trong cuộc bầu cử 8 vị đại diện cho bà Angela Merkel, nữ đảng trưởng CDU kiêm Chủ tịch khối Dân biểu CDU/CSU tại QH. Ông Friedrich Merz là người chiếm số phiếu nhiều vào hạng ba, hơn Schaeuble 36 phiếu, đại diện cho Merkel và sẽ là đối thủ của W. Clement (Bộ Trưởng Kinh Tế và Lao Động) cũng như của Hans Eichel (Tài Chánh), cả hai đều là thành viên của đảng SPD.

Được tin nhiệm nhất trong chức vụ đại diện Merkel đặc trách về nội địa và luật là Werner Bosbach với 179 phiếu. Sau đây là những đại biểu khác của CDU cũng được bầu vào chức vụ đại diện bà Merkel: Arnold Vaatz, CDU-Ost, được 170 phiếu đặc trách về kiến thiết Đông Đức, Klaus Lippold (Giao Thông, Xây Cát, Môi Sinh), Maria Boehmer (Gia

Đình, Nghiên Cứu). Từ đảng CSU có ba người được bầu vào chức vụ đại diện bà Merkel, đó là: Michael Glos, Horst Seehofer (đặc trách về Xã hội và Sức khỏe) và Gerda Hasselfeld (đặc trách về Nông Nghiệp và Bảo vệ Tiêu thụ)

• Chính sách của liên minh Đỏ-Xanh

Focus 22.10.02: Sau nhiều tuần thương thảo liên minh cầm quyền Đỏ-Xanh đã thỏa thuận với nhau kế hoạch cầm quyền nhiệm kỳ 2002-2006.

Sau đây là những điểm cơ bản của kế hoạch cầm quyền:

- Lao Động:

Kể từ 01.2003 phát thảo của Hartz sẽ được áp dụng nhằm mục đích làm giảm số người đang thất nghiệp. Giới hạn mức lương cho những việc làm nhỏ (Minijobs) được tăng lên 500 Euro. Những người làm công việc này phải đóng góp tổng quát 10% bảo hiểm xã hội. Cho những ai làm thêm không trả thuế thì mức lương giới hạn vẫn là 325 Euro như từ trước đến nay. Những ai thất nghiệp dài hạn sẽ nhận được trợ cấp thất nghiệp ít hơn (Luật trợ cấp thất nghiệp mới loại II) nếu vợ hay chồng lao động.

- Kinh tế:

Để cho chuyện thay đổi thế hệ (Generationswechsel) dễ dàng hơn những người thợ phụ (Gesellen) được quyền tiếp quản một xí nghiệp thủ công nghệ, nhưng họ phải thu nhận thêm một người thợ cả (Meister) vào làm việc.

- Tài chính:

Để chặn đứng thâm thủng ngân sách quốc gia hiện tại, khoảng 14,2 tỷ Euro, chính phủ sẽ mượn thêm nợ là 2,6 tỷ Euro cũng như sẽ cắt giảm hay tiết kiệm thêm 11,6 tỷ Euro. Trong đó Tổng Cục Lao Động, bảo hiểm thất nghiệp và hưu trí sẽ bị cắt giảm để tiết kiệm thêm được 7,4 tỷ Euro.

Sự lợi thuế và tiền trợ cấp sẽ bị hủy bỏ. Những gia đình không con sẽ không nhận được trợ cấp mua nhà nữa, trong tương lai chỉ còn phụ cấp con cái mà thôi. Tiền lời mua bán chứng khoán và đất đai sẽ bị đánh thuế. Dự tính sẽ đánh thuế tối thiểu các hãng xưởng. Chuyện không phải đóng thuế phụ trội cho những chuyến bay trong Liên Hiệp Âu Châu sẽ bị hủy bỏ. Thuế môi trường (Oekosteuer) như dự tính sẽ được tăng từ 01.2003.

- Gia đình:

Trong 4 năm tới đây, các tiểu bang sẽ nhận được tất cả 4 tỷ Euro để thiết lập 10 ngàn trường học cả ngày. Cho trẻ em dưới 3 tuổi, liên minh định bỏ ra cho tới năm 2004 khoảng 1,5 tỷ Euro để thành lập thêm nhiều nhà trẻ hầu từ đó người mẹ có cơ hội để đi làm.

- Môi sinh:

Khuyến khích nhiều hơn việc đổi mới những hệ thống năng lượng, khí thải ô nhiễm cần phải giảm hơn nữa.

- Giao thông:

Sông Elbe sẽ không được nối rộng ra. Thuế phụ trội đường hỏa xa viễn thông

từ 16% sẽ được giảm xuống chỉ còn 7% vào 2005. Luật về tiếng động máy bay sẽ được thay đổi.

- Bảo vệ tiêu thụ:

Cải cách về nông nghiệp vẫn được tiếp tục, bảo vệ tiêu thụ chịu trách nhiệm cho tất cả mọi lãnh vực.

- Hưu trí:

Nguyệt liễm hưu trí sẽ tăng từ 19,1% lên 19,3% vào năm 2003. Tại Tây Đức phải đóng bảo hiểm cho tới mức lương chưa trừ thuế là 5100 Euro, tại Đông Đức 4275 Euro/tháng (cho tới nay nằm ở mức độ 4500/3750 Euro (West/Ost), tính ra tại Tây Đức, giới chủ nhân và những ai làm lương cao phải trả thêm hàng tháng 62,40 Euro vào quỹ hưu trí.

- Sức khỏe:

Vấn đề thay đổi bảo hiểm cho những người mới bắt đầu đi làm sẽ khó khăn hơn. Chỉ được đổi sang các hãng bảo hiểm tư những ai kiếm lương chưa trừ thuế hơn 5100 Euro/ tháng (so với hiện tại là 3375 Euro/ tháng). Ngoài ra liên minh cầm quyền còn muốn thông qua nhanh đạo luật để tiết kiệm thuốc men khoảng 1,4 tỷ Euro mà những hãng chế thuốc, các đại thương gia buôn bán thuốc cũng như các nhà bán thuốc tây sẽ phải hứng lấy gánh nặng này.

- An ninh nội địa và luật pháp:

Luật di dân mới sẽ được thực hiện và sự hội nhập sẽ được khuyến khích. Bộ hình luật được bổ túc thêm một đạo luật là nếu bị can chịu giúp tòa án điều tra hay ngăn chặn được tội phạm hình thì sẽ được giảm án.

- Ngoại giao:

Cột gốc là một sự toàn cầu hóa đúng đắn, chống khủng bố, hội nhập vào khối Liên Hiệp Âu Châu cũng như sự thân thiện đối với nước Mỹ. Chống khủng bố là trách nhiệm hàng đầu của liên minh. Trọng điểm là giải quyết sự tranh chấp khu vực (regionaler Konflikt). Chính quyền Đỏ-Xanh tán thành hiệp ước ổn định khối Liên Hiệp Âu Châu (EU-Stabilitaetspakt).

- Tài trợ cho các quốc gia đang phát triển:

Cho tới năm 2006 phương diện công cộng để giúp cho các quốc gia đang phát triển sẽ được tăng từ 0,27% lên 0,33% tổng số lượng sản xuất nội địa cho tới năm 2006.

- Lực lượng vũ trang:

Vấn đề di quân dịch sẽ được cứu xét lại.

• Định cắt giảm trợ cấp thất nghiệp

Berlin: Để giảm bớt ngân quỹ nhà nước mỗi năm hàng tỷ Euro, liên minh cầm quyền đang có ý định sẽ cắt giảm thật nhanh luật trợ cấp thất nghiệp hiện hành. Qua đó, cứ một trong 4 người thất nghiệp lâu dài sẽ bị ảnh hưởng. Như báo Frankfurter Rundschau cho biết, qua biện pháp tiết kiệm này, ngân quỹ nhà nước sẽ tiết kiệm được 2,3 tỷ Euro trong năm 2003. Cho năm 2004 khoảng 5,1 tỷ Euro. Cũng qua tin trên, trong tương lai sẽ có chừng 27% trong số 1,3 triệu người bị

thất nghiệp dài hạn sẽ không nhận được trợ cấp nữa. Đó là những người thất nghiệp có "tiền tiết kiệm". Gia tài cao nhất của người thất nghiệp không bị đụng đến, nhưng thay vì là 520 nhân với số tuổi (Altersjahre) thì chỉ còn có phần nửa thôi (260 x Altersjahre). Ngay cả số tiền lương của vợ (hay chồng) trong tương lai cũng bị tính vào tiền trợ cấp thất nghiệp.

• Bưu điện đóng cửa 1000 chi nhánh

Bonn: Ngay cả bưu điện cũng phải tiết kiệm! Khoảng 1000 trong tổng số 13 ngàn chi nhánh bưu điện sẽ bị đóng cửa. Khoảng 1000 thùng bỏ thư sẽ bị dẹp đi và có khoảng 10 ngàn chỗ làm sẽ bị cắt giảm. Như một phát ngôn viên cho biết, biện pháp tiết kiệm này không thể tránh được bởi vì hãng bưu điện hàng năm bị lỗ đến 300 triệu Euro; ngoài ra bưu điện còn phải trả lại 850 triệu Euro tiền trợ cấp của liên bang (Bundesbeihilfe) mà bưu điện đã nhận được bất hợp pháp. Nghiệp đoàn Verdi phản đối bưu điện việc họ định cắt giảm chỗ làm!

• Bộ Trưởng bang Thuringen từ chức

Thuringen: Bộ Trưởng Nội Vụ bang Thuringen, Christian Koeckert CDU đã từ chức. Qua đó ông chịu trách nhiệm cho việc một CD có những tài liệu mật bị thất lạc. Koeckert nói, trong năm vừa qua, ông đã đưa cho phát ngôn viên của ông 1 CD để so sánh lại nội dung một bài báo. Vị phát ngôn viên này đã hoàn lại CD cho ông, nhưng CD này lại biến mất không tìm ra được. Trong CD này có chứa những tin tức liên quan đến bí mật bảo hiểm cũng như những phương thức để phòng an ninh nội địa. Người phát ngôn viên nói trên hiện đã bị sa thải... vì bị nghi là đã đưa tài liệu mật nói trên cho phóng viên nhà báo vào mùa hè 2001.



• Tiễn chăm sóc cho cha mẹ

Karlsruhe: Tòa án liên bang BHG đã chuẩn y 1 bản án có giá trị chung cho tất cả những ai phải đưa cha mẹ vào những viện chăm nom người già, trong tương lai không phải bồi hoàn lại nhiều cho những cơ quan xã hội, nếu xã hội chịu trả tiền cho viện nuôi dưỡng người già này vì đương sự không có đủ hưu trí hay không có đóng đủ bảo hiểm nuôi dưỡng để trang trải mọi phí tổn.

Qua bản án căn bản nói trên của Tòa án liên bang Karlsruhe thì mặc dù con cái phải bồi hoàn lại tiền nuôi dưỡng nhưng không phải vì thế mà phải chấp nhận chịu thiệt thòi mức sống căn bản của chính họ. Theo Tòa án thì con cái cũng cần phải có đủ tiền để sống và phòng hồ về tuổi già cho chính mình. Ngoài ra, bản án trên cũng giới hạn quyền đòi tiền bồi

hoàn từ Bộ Xã Hội. Nếu Sở Xã Hội đòi lại quá trễ thì sự đòi hỏi đó sẽ không có hiệu lực và khó mà đạt được kết quả. Tòa đã phủ quyết một phần sự đòi bồi hoàn của Sở Xã Hội đối với một ông 67 tuổi, cư ngụ tại Bingen, đã về hưu phải hoàn trả 83 ngàn DM (khoảng 43 ngàn Euro) là số tiền nuôi dưỡng cho cha mẹ ông (hiện họ đã qua đời). Lý do là... Sở Xã Hội đòi tiền bồi hoàn 1 năm rưỡi sau khi cha ông ta chết và 1 năm sau khi mẹ ông ta cũng mất sau đó. Các quan tòa cho là Sở Xã Hội đòi quá trễ bởi lẽ người con qua thời gian lâu như vậy nghĩ rằng mình sẽ không phải bồi hoàn gì lại cho Sở Xã Hội nữa sau khi cha mẹ mất!

• **Đòi đuổi Moellemann ra khỏi đảng**

Berlin: Trong nội đảng FDP nhiều người đã lên tiếng đòi đuổi Moellemann là kẻ đã gây ra chiến dịch phát truyền đơn bài Do Thái cũng như đã quyền tiền bất hợp pháp ra khỏi đảng. Bà Tổng Thư Ký của đảng FDP, Cornelia Pieper, cho rằng một phương thức như vậy để loại Moellemann, cựu tỉnh bộ trưởng FDP bang NRW, ra khỏi đảng có thể xảy ra. Đảng trưởng FDP, ông Guido Westerwelle, còn nói thêm rằng chuyện Moellemann đối với ông và FDP coi như đã xong. Theo ông, vấn đề loại Moellemann ra khỏi đảng chỉ còn lệ thuộc vào sự xác nhận có hiệu lực về pháp lý (rechtskraeftige Feststellung) đối với Thượng Nghị Sĩ Moellemann mà thôi!

• **Xếp báo Spiegel R. Augstein đã chết**

Hamburg: Sáng lập viên kiêm nhà xuất bản tuần báo Der Spiegel, Rudolf Augstein đã chết, hai ngày sau sinh nhật thứ 79 của ông vì bệnh viêm sung phổi (Lungenentzuendung).

Augstein đã cho xuất bản báo Spiegel lần đầu tiên vào ngày 04.01.1947. Tờ báo của ông chủ trương "tìm hiểu nguyên nhân của những tệ trạng về chính trị nội địa (innenpolitische Skandale) Đức". Vì vụ Spiegel-Affaere vào năm 1962, đưa đến sự từ chức của Bộ Trưởng Quốc Phòng thời đó là F. J. Strauss (CSU); R. Augstein đã bị bắt vào tù.

R. Augstein sinh ngày 05.11.1923 tại Hannover, là con của một người bán máy chụp hình. Sau khi xong Tú Tài thì ông làm cho tờ báo "Hannoverschen Anzeigen". Cơ hội duy nhất đến với ông sau khi chiến tranh chấm dứt: ông ta trở thành nhà xuất bản tờ báo "die Woche" của quân đội xâm chiếm Anh quốc, và sau đó được xuất hiện với tên "Der Spiegel" kể từ 01.01.1947.

Năm 1972, ông đắc cử qua đảng FDP vào Quốc Hội Đức. Tuy nhiên chức vụ Nghị Sĩ của ông đã chấm dứt sau 44 ngày. 20 năm sau đó ông nói là "ông ngu" khi đã ứng cử vào Quốc Hội! Tuy nhiên ông cũng đã học thêm được... Augstein, cưới vợ bốn lần và có 4 con, không chỉ giới hạn việc làm của mình vào

ngành họa báo. Ông đã từng viết kịch, làm hơn 20 bài thơ và viết rất nhiều sách, điển hình "Preussene Friedrich und die Deutschen" hay "Jesus Menschensohn".

• **Steinbrueck Tân Thống Đốc NRW**

Duesseldorf: Nghị viện tiểu bang Nordrhein-Westfalen (NRW) đã bầu ông Steinbrueck SPD, đương kim Bộ trưởng Tài Chánh, vào chức vụ Thống Đốc bang NRW. Trong một cuộc bầu cử kín,



Steinbrueck đã được tin nhiệm với 120 phiếu trong khi ông chỉ cần có 116 phiếu. Liên minh

Xanh-Đỏ cầm quyền tại bang NRW chỉ có tất cả 118 đại biểu, vị chi Steinbrueck đã được thêm 2 phiếu ủng hộ từ khối đối lập. Steinbrueck đã tuyên thệ nhậm chức sau đó và là người kế vị cựu Thống Đốc W. Clement, rời NRW lên Berlin làm siêu Bộ Trưởng hai bộ Kinh Tế và Lao Động liên bang.

• **Nguyệt liễm hưu trí tăng lên 19,5%**

Berlin/Muenchen: Bảo hiểm hưu trí sẽ tăng từ 19,1% lên 19,5% kể từ 01.01.2003. Như vậy đảng SPD, dưới sự chủ tọa của Thủ Tướng Schroeder, đã áp lực và đã thông được bất đồng với đảng Xanh mặc dầu trước đây thỏa thuận với nhau trong khế ước cầm quyền là 19,3%. Và đây là một thất bại của đảng Xanh! Phó Chủ Tịch đảng CDU, Christian Wulf, đã quả trách liên minh cầm quyền lần nữa đã lừa dối dân chúng qua việc tăng bảo hiểm hưu trí nói trên. Wulf nói qua báo "Chemnitzer Freien Presse": Hai năm trước đây chính liên minh cầm quyền Xanh-Đỏ đã hứa là nguyệt liễm hưu trí vào năm 2003 sẽ giảm xuống 18,7%. Theo Wulf, nếu lưu ý đến việc tăng thêm 12% giới hạn mức lương đóng bảo hiểm hưu trí thì... đúng ra tiền bảo hiểm hưu trí cho năm 2003 sẽ tăng đến 19,7% nhưng vì sợ ảnh hưởng không tốt đến vụ bầu cử sắp đến tại hai tiểu bang Niedersachsen và Hessen nên Liên minh cầm quyền không muốn mạo hiểm thêm nên đã phải dùng thủ đoạn uốn cong sự thật về chính sách hưu trí hiện tại.

• **70 tuổi mới được về hưu?**

Berlin: Quỹ hưu trí càng ngày càng ít đi! Các chính trị gia cũng như những chuyên gia nghĩ rằng chuyện gia tăng tuổi lao động là điều không thể tránh được!

Chủ tịch giới chủ nhân, Dieter Hundt, cho rằng công nhân trong tương lai phải lao động lâu hơn để quỹ hưu trí khỏi bị xẹp! Ông ta nói thêm, nếu về hưu với 65 tuổi thì quỹ hưu trí về lâu về dài sẽ không thể nào kham nổi nữa. Chủ tịch của Nghiệp đoàn Kỹ nghệ và Thương mại (DIHK) thì đề nghị là trong giai đoạn đầu nên tăng tuổi lao động lên thêm 2 tuổi, quan trọng là 67 tuổi mới cho về hưu.

Xuân trở lại

*Em tôi độ ấy tuổi trắng rằm
Đi lễ chùa cầu Phật Quán Âm
Hội Tết xuân này chàng cũng đến
Năm rồi ngõ tối bước âm thầm!*

*Mơ chuông hồi cuối tiếng ngưng
êm*

*Kín đáo cô em rảo mắt tìm
Xuân trước rõ ràng chàng đứng đợi
Đuối giàn hoa giấy mái tây hiền.*

*Một lần hồ hững tại em thôi
Đường vắng người ta muốn ngó lời
Em né bên lề như cố tránh
Giả vờ còn bé lắm, anh ơi!*

*Lòng buồn ngỡ ngẩn trở về nhà
Ai thiếu tìm em nỗi xót xa
Cũng bởi tại mình e thẹn quá
Xui chàng hồn dỗi một năm qua.*

*Đường về cảm thấy như thu gần
Cây ổi trước nhà mé cổng sân
Anh ấy thẩn thờ đang ngóng đợi
Em mừng như thể pháo chào lân.*

Nguyễn Văn Cường

Ngày cả cựu Thống Đốc bang Sachsen, Kurt Biedenkopf (CDU) cũng đồng quan điểm là công nhân nên về hưu trễ hơn hiện tại (65 tuổi chính thức nghĩ làm). Lý do là ngân khoản để chi cho những người về hưu ngày càng tăng, trong khi số người đóng tiền vào quỹ hưu trí ngày lại giảm đi. Vì vậy theo Biedenkopf, tuổi bắt đầu để được về hưu phải là 67 hay cao hơn. Ngoài ra ông Biedenkopf còn dự phóng là nếu cần... phải ép buộc công nhân viên lao động tới 70 tuổi vì quỹ hưu trí trước sau gì "cũng sẽ cạn" trong thời gian sắp tới.

• **Nguyễn Lê Hoàng Việt (E-11.2002)**

Sưu tầm và phiên dịch từ các báo SZ, Muenchner Merkur, der Spiegel, Handelsblatt, Focus, N-TV, AZ, TZ, Bild.



Mùa Xuân bên dáng Mẹ hiền

*Dĩa rau giọt sữa nuôi con lớn
Thưởng Mẹ gian nan quá tảo tần!..*

(trích trong "Bông SEN"- Thơ: Huy Giang)

*** Kính dâng lên Má, và thưởng gỏi
các em của tôi.**

Cách nay hơn 4 năm, ngày tôi cùng gia đình khăn gói xuống miền Nam Đức cư ngụ - bởi tôi được lệnh đi nhận nhiệm sở mới từ một chi nhánh hãng đang làm việc. Bé Hằng, đứa con gái lớn của vợ chồng tôi, khi nghe được tin này trong lúc đang chơi đùa với mấy nhỏ bạn gần nhà thì nó bỗng bỏ ngang; thẩn thờ xuôi hai cánh tay, gương mặt nhăn nhó, miệng không ngớt cần nhả: "*Con không chịu đâu! Ở đây vui hơn hà... ba má ơi...*".

Bé Hằng, nó nói cũng phải đó, vì chưa đầy 1 năm cùng má sang Đức theo diện sum họp gia đình với người cha có quá trình lý lịch: Sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, sau khi thoát khỏi trại tù cải tạo vội vàng vượt biển tìm tự do - mà từ lúc tuổi nó lên chưa đầy 2 đã xa cách và, cứ ngỡ rằng sẽ không còn có một phép lạ nào nữa ban đến cho gần gũi được người cha thương yêu!

Mà việc này tôi "bờ hơi tai" lo lắng, chạy gần như hầu hết các cơ quan có thẩm quyền bên Đức đầu nọ, tới đầu kia với những giấy tờ bảo lãnh, ngay khi vừa đặt bước chân đầu tiên lên vùng đất tạm dung. Ngặt nghèo hơn hết là bên tập đoàn cộng sản Việt Nam *vội muôn đời thủ tục đầu tiên* "bóc lùm", áo quần 4 túi may *càng lớn càng đựng "đủ mọi thứ" cho thật nhiều và, dĩ*

hiên là không bao giờ "miệng túi được quay trở xuống"; bọn chúng ra mặt gây khó khăn đủ mọi lẽ rùng rú dưới dây Trường Sơn. Tôi cần rằng ngậm trái bồ hòn bẻ nát vỏ trong cổ họng, như mấy năm chịu đựng trong trại tù cải tạo, tốn kém sạch láng hết trơn hết trọi số tiền bạc dành dụm bao năm rồi, mới được thông qua!

Gia đình yên ấm chưa thờ trọn hơi thờ dài; nay chúng tôi phải đi "ty nạn cây bừa" trên phần đất mới khác. Phần vợ tôi, mồ côi cha lẫn mẹ, nàng có bản tính vốn ít nói, cho nên chỉ biết nhìn tôi rồi nhè nhẹ lắc đầu - có lẽ, nàng sống dưới thể chế *củ sừng* suốt từ ngày 30 tháng Tư đau thương của năm 75, cho đến khi dất diu được đứa con thơ sang đoàn tụ bên chồng, nàng đã tận hưởng men vị *thể chế chủ nghĩa* qua từng chuỗi đắng cay có hơn chục năm dài đắng đắng, nên sự chịu đựng (cộng thêm bản tính bẩm sinh) âm thầm sống dưới sự lãnh đạo diệt chủng của đoàn quân xâm lăng Bắc phương; vì vậy, nơi đây, trên miền đất mới tạm bợ, dù có trọn vẹn hạnh phúc trong bốn phận người vợ, người mẹ; nhưng trong đôi mắt nàng vẫn thỉnh thoảng còn có vương vướng nét u trầm mờ đục lờ mờ, khi trí óc quay trở về bên sự suy tưởng cho những thân nhân cật ruột mãi còn cầm nín chịu đựng, như nàng hứng chịu trước kia!

Rồi thì tới ngày chúng tôi cũng phải khăn gói chất chồng lên chiếc xe cũ mèn, cả rịch cả tang chạy xuống miền Nam Đức; nơi một làng nhỏ (gần như không có tên trong bản đồ, nằm ẩn mình giữa trùng trùng điệp điệp núi đồi cao ngất, xanh đen), mà cư ngụ trong một chung cư Xã hội cũng thật nhỏ, do

anh bạn người bản xứ trước kia học chung một nghề giới thiệu cho chúng tôi. Thôi thì tạm ổn định đời sống, cả hai vợ chồng chúng tôi đều có chung một ý nghĩ là, được mái nhà lành lẽ để che sương đụt tuyết - còn hơn là mái lá dừa nước, vá vúi mấy tấm giấy *các-ton*, với đủ mọi loại cây ván vật vãnh gán ghép làm vách, làm phên cho cái chòi khi trời mưa thì dột tứ bề dựng nhờ ở bên mương nước, trên đám vườn cây trái cần khô mà người chủ đã bị đánh tư sản bỏ đi biệt tăm (lúc tôi được tạm tha tù cải tạo trở về quê quán, đứng rung rung nước mắt chứng kiến sự chịu đựng uẩn khúc trước từng cơn đau đớn gậm nhấm của người vợ hiền gầy còm - hơn tám thân tù của tôi - ngồi ôm đứa con nhỏ, mòn mỏi đón nhận sự chết chập đến xoay thung lên thân thể từng hồi vật vã, mà xung quanh hoạt cảnh của vụn vặt nằm lẫn lộn mòn mỏi dưới hàng hàng, lớp lớp đủ mọi loại kích thước của từng lá cờ rực màu máu phủ trùm trên đất nước có tên Việt Nam!).

Con gái chúng tôi - bé Hằng - chỉ độ hơn tuần sau đã được vào trường Tiểu Học; tôi thì nhận nhiệm sở mới gần nơi cư ngụ thật suôn sẻ; *nhà tôi* trông coi, lo lắng công việc gia đình trong ngoài. Nghĩa là, mỗi một người đều có trách nhiệm riêng cho việc cần thiết phải giải quyết theo bước nhảy của chiếc kim đồng hồ đo thời gian đi lên - Thực hành trách nhiệm, và bốn phận thật khoan thai, trật tự; không vội vã trong nề nếp, luôn giữ gìn phong tục, tập quán, văn hóa người công dân Việt Nam vì một lý do chánh đáng bắt buộc phải rời xa Quê hương; trong khi đó, hằng ngày giao thiệp tế nhị với người dân bản xứ nói chung, nhất là những gia đình láng giềng cư ngụ xung quanh.

Chỉ có mấy ngày, sau khi bé Hằng được đi học. Một hôm - khi bữa cơm chiều vừa xong - lúc tôi ngồi thành thoi nơi phòng bếp đưa ánh mắt nhìn ra cửa sổ, phía xa xa tận chân trời với chập chùng những dãy đồi xanh thẫm, chen diu diu; thông thường cô bé được mẹ cần dặn trước là, đúng vào lúc này mới được phép mang bài vở học nơi lớp ra trình tôi xem lại, hoặc nhờ tôi dạy thêm, hay hỏi những điều thắc mắc riêng tư khác mà đầu óc tí tẹo cô bé không thể hiểu biết hoàn toàn được. Nhưng bữa chiều nay lại khác hẳn, cô bé không trình bài học nơi lớp trong ngày, mà lại rút tách trà bung đến để nơi góc bàn trước mặt tôi rồi, kéo ghế

vừa ngồi ăn sang bên cạnh tôi, cô bé tỏ thè:

- Con mời ba uống trà...

Tôi gật đầu, nhìn thoáng bé Hằng, trả lời:

- Cám ơn con... Hôm nay con không có bài học mới à, Hằng?

- Dạ không, thưa ba.

- Sao vậy?

- Bữa nay, cô giáo nói hết cả lớp học ôn lại bài học ngày hôm qua. Rồi, cô giáo hướng dẫn qua phòng thể thao ca hát và, ra sân trường chơi đùa ba ạ.

- Úa nhỉ, nay thì tháng sáu, đầu mùa hạ rồi; cho nên thời tiết nắng tốt, ấm áp; chơi đùa ngoài không khí thiên nhiên trong lành, có lợi cho sức khỏe lắm đó con.

Bé Hằng nắm lấy bàn tay tôi, lắc nhẹ:

- Dạ... Ba ơi, bữa nay con có quen thêm một nhỏ bạn, đó ba.

- Vậy à.

Mắt bé Hằng hình như sáng lên long lanh, tiếp lời:

- Nhỏ ta là người Việt Nam như mình đó ba.

Tôi ngạc nhiên.

- Thế à?

- Dạ, nhà nó ở gần bưu điện, con học lớp 2A còn nhỏ ta thì lớp 2B. Nhỏ ta tên là Minh Minh.

- à há. Để ba coi lại trong sổ điện thoại, biết được địa chỉ chắc chắn rồi gọi điện thoại tới ba má Minh Minh. Gia đình mình nên làm quen với gia đình ba má Minh Minh lắm đó con. Tìm được một người Việt Nam ở đây... khó lắm.

Bé Hằng reo vui.

- Ồ, thích quá... Con thích được nói chuyện với nhỏ Minh Minh bằng tiếng Việt cơ.

- Sao vậy, Hằng?

- Vì con... nói chuyện với mấy nhỏ bạn người Đức trong lớp học dở quá hà ba! Con nói tiếng Đức chưa được rành... đó ba!

- Điều này con đừng nên để ý, thì tốt hơn. Theo như ba biết thì, mỗi đứa trẻ có thể thu nhận một hay là hai, có khi ba ngôn ngữ cùng lúc. Tùy theo đứa trẻ đó thu nhận chậm hay mau thôi.

- Ờ...

Xoa đầu con và, kéo ngả vào lòng. Tôi âu yếm vuốt nhẹ lên mái tóc ngắn đen óng ả vừa chấm xuống bờ vai nhỏ, nói với bé Hằng như một lời trần tình đã giấu kín từ lâu:

- Ba má chỉ sợ con quên tiếng Việt đó thôi bé Hằng ạ. Ba má nhắc nhở

hoài, nếu như con hãnh diện là người Việt Nam sống và lớn lên giữa một đất nước xa lạ; mà lại không đọc, không viết được Quốc ngữ của chính quê hương mình. Thì đó là điều bạc phước nhứt trong cuộc đời làm người Việt. Con biết không, Hằng?

Bé Hằng hình như đã ghi nhận được vào tâm trí những gì tôi vừa căn dặn, cho nên cô bé gật nhẹ đầu, đáp khê:

- Dạ... Con hiểu rồi, thưa ba.

Thế là ngay buổi tối tôi đã tìm ra được địa chỉ gia đình anh chị Huy - ba má của Minh Minh - Và anh chị Huy đã hân hoan chấp nhận, khi tôi ngỏ lời xin được đến thăm viếng. Đường xá thì không xa xôi gì cho lắm giữa ngôi làng bé xiu, chỉ cách vài ba trăm thước từ nơi gia đình chúng tôi cư ngụ - mà dẫu cho xa năm mươi cây số đi nữa, chúng tôi cũng cố gắng tìm đến nhau làm quen. Ở một địa phương hiu quạnh như thế này, trên một đất nước gần như quanh năm băng giá! Quen biết một gia đình đồng hương thì thật là quý giá biết bao nhiêu!

Những bước nhảy tung tăng dưới màu nắng sớm hiền hòa, miệng không ngớt nói cười như chim sáo của bé Hằng, khi hướng dẫn chúng tôi ngay trong ngày cuối tuần đến nhà của gia đình anh chị Huy khiến cho tâm hồn chúng tôi cũng rộn lên nỗi niềm vui tươi là lạ. Và, nối tiếp nhau hai bên lề đường từng khu vườn táo, từng dãy đồi cỏ mênh mông có lẽ thấm ngát thêm sắc hương, nên dập diu đây đó cánh bướm bay chập chờn trong gió nhẹ. Trong căn nhà lớn cao ba tầng nơi ngã tư đường "Bưu điện" (Poststr.), gia đình anh chị Huy là một trong sáu gia đình cư ngụ nơi đây. Cháu Minh Minh ngoan ngoan khoanh tay cúi đầu, khi cháu ra mở cửa chào chúng tôi:

- Cháu kính chào hai bác. Minh Minh chào Xuân Hằng - Rồi thân mật nắm lấy cánh tay bé Hằng nói. Hằng võ phòng Minh Minh, chúng mình chơi đùa với nhau nha?

Bé Hằng gật đầu, bước theo chân Minh Minh vào phòng riêng, sau khi khoanh tay cúi đầu chào anh chị Huy. Điều chúng tôi chú ý lẫn ngạc nhiên - có thêm sự thán phục, lúc được anh chị Huy mời vào phòng khách là, giữa phòng anh chị đặt chiếc tủ xua trang nghiêm thờ Phật Thích Ca Mâu Ni, A Di Đà Phật và Quán Thế Âm Bồ Tát, nằm sát bên cạnh - nhưng thấp hơn, thờ Tổ Tiên Cha Mẹ; anh chị Huy có lối trang trí gia đình thật đơn giản, mà lại

ấm cúng theo nề nếp cổ truyền Đông phương. Cũng tại nơi đây, chúng tôi được chị Huy giới thiệu má của anh Huy; bà cụ đang ngồi trên chiếc ghế nệm lớn, dáng gầy gầy mặc bộ ba ba nâu nhạt, bên ngoài khoác thêm chiếc áo lạnh mỏng; mái tóc bà bạc phơ chải bới gọn ghẽ, nên trông bà cụ hãy còn có vẻ khỏe mạnh dù rằng tuổi già gần đã 90 (sau này tôi được anh Huy nói lại); tay bà chậm rãi lần chuỗi Bồ Đề 20 hạt và, nhứt là với nụ cười hiền như Vị Bồ Tát khi đáp lễ chào của chúng tôi - Dáng dấp bà cụ, khiến cho tôi đột nhiên phải chạnh lòng nhớ Má - chắc tuổi hạc Má tôi cũng cao gần như bà cụ, giờ hãy còn ở lại quê nhà, trong căn nhà xưa mái ngói luôn râm mát bởi tầng che cây vú sữa trước góc sân nhà; thành thốt mi mắt tôi giăng mờ mờ màn sương mỏng!

...

Theo gót Cha

con lên đường chiến đấu

Vì Quê Nhà chứa dất cuộc can qua

Bỏ Mẹ già và vò

cuối trời xa

Ôi

đời Mẹ

chỉ nhận toàn mất mát!

...

(trích Hoa Tóc Mẹ Hiền -
Thơ: Thơ Chi Việt)

Từ giây phút đó, tâm trí tôi băng khuâng hoài liên tưởng tới Má tôi, qua hình ảnh bà cụ - Má của anh Huy, cho đến khi bước trên đường quay trở về nhà; ký ức tôi lúc nào rộn ràng, cũng như đang được coi cuộn phim trình chiếu qua muôn vạn hình ảnh tuyệt đẹp. Tiếc thay, cuộn phim lại có lúc hình ảnh thật rõ ràng, sống động; có lúc như lung linh nhạt nhòa, thấm ướt; "nó" cứ ẩn, cứ hiện để rồi vội vã trôi ngược theo dòng kỷ niệm thương yêu của những ngày thơ ấu.

Ôi, miền man trong tận cùng nỗi nhớ...

Nằm bên bờ sông Kiên, cách thị trấn Tĩnh lý không xa mấy, có một căn nhà ngói ba gian xưa xưa trầm mặc đứng giữa mảnh vườn cây trái nho nhỏ, dưới tầng cây vú sữa bông trái sai oằn đong đưa theo từng cơn gió nhẹ. Cứ vào mỗi dịp mùa xuân đến, hay suốt bốn mùa rậm rạp tầng thủy chung che bóng mát nửa gian nhà trước và, sân cây kiểng. Đó là căn nhà truyền đời của gia đình tôi, địa phương đã cất rún chôn nhau, nuôi dưỡng tuổi thơ của tôi lớn lên trong vòng tay, trong hơi thở

nồng ấm yêu thương của hai đấng sanh thành, với nhịp vông cùng quanh quần điệu ru hiền như bông lúa, đậm đà như vắn ca dao chất phác, trữ tình ngân dài theo tiếng "ầu ơ...", hoặc giọng "ví dầu..." run nhẹ xạc xào trên đầu ngọn trúc phía sau nhà...

Có lẽ, vì tôi được sanh ra sớm hơn ba đứa em, cho nên đã vui hưởng trước trọn niềm ưu ái đầu tiên của Ba Má ban cho và ngược lại, sau này chia sẻ với đàn em hai trai một gái niềm thuận thảo, yêu thương cùng đùa chơi bên luống cà, dây đậu v.v... của Má, hay bên những chậu kiểng của ba hoài hoài thắm tươi bởi lưu lượng phù sa ẩn chứa trong dòng sông Kiên mỗi sáng chiều Người nặng công vun tưới. Anh em chúng tôi thêm sức lớn lên không những do sự hy sinh, lo lắng, chăm sóc bất kể thời gian tính của Ba, của Má; cho tới cây lá, thiên nhiên cũng đã góp phần không ít vào kiếp làm người hiện hữu bằng một hay nhiều hơn nữa - Ví tựa hồng huyết cầu của mạch máu luân lưu nuôi dưỡng tấm thân tứ đại giữa cảnh đời *Mạt Pháp*.

Vàng Thái dương dịu dàng rụng xuống, treo trên đầu hàng cây dừa nước tận hướng Tây xa mùt tầm mắt, báo hiệu buổi chiều tới cho ngày sắp hết. Thì cũng như mọi buổi chiều khác, Má tôi tay xách chiếc thùng nhỏ, thong thả Người bước xuống cầu ván dưới ao cá cạnh hông nhà, khom lưng múc nước tưới cho những luống dây đậu, khóm cà, hàng bông Vạn thọ, bông Trang, đám cải... Dáng Người tỏa ra tứ phía rực rỡ in trên nền trời tựa màu lá xanh già cây vú sữa, nền trời có trải phớt ngang thêm vài thảm mây trắng mỏng mong manh, làm ánh lên lát đất mép viền xiên xiên sợi nắng cuối; gió thoảng về mát rượi khắp cùng khiến cho một vài sợi *hoa* tóc bạc của Má tôi rơi lên vàng trán lung linh sương khói; đàn cò giương đôi cánh dài dịu dàng bay qua ruộng lúa trĩu bông, với khắp cùng cây lá tươi màu, bông thắm sắc hương, giọng chim hót líu lo dịu dàng bắt chợt nương lại với nhau, hòa nhập lẫn nhau reo vui hiền hòa cùng ngàn ngàn, triệu triệu mảnh vụn kim cương trôi trên mặt nước sông Kiên ánh vàng hào quang lấp lánh.

*Hoài nhỏ trong tâm chuỗi ngọc ngà
Đời tôi lưu luyến những ngày qua
Vườn cây xanh trái màu tươi tốt
Ruộng lúa vàng thắm sắc mặn mà
Nhỏ Mẹ chiều chiều sương ẩm ướt*

*Thượng Cha sớm sớm nắng chan
hòa*

*Lệ hoen mi mắt người muôn dặm
Thống khổ còn thêm nỗi xót xa!*

(Hương Xưa - Thơ: HG)

Tuổi thơ của anh em chúng tôi tận hưởng ân mạch phù sa ngọt mát của sóng nước sông Kiên; của hương thơm từng nụ bông cây vú sữa truyền đời, vào xuân rộ trái chín oằn sum sê chen tàng lá tím xanh thắm thắm. Thêm nữa, cảnh vật thiên nhiên rộng bao la bất tận đã chất chứa khả năng tiềm tàng sức sống thâm thúy, muôn muôn màu sắc ngày đêm nuôi lớn hình hài anh em chúng tôi, tạo dựng âm thầm theo từng chuỗi hạt ca dao mộc mạc, chất phác trong tâm hồn; khiến cho sự bình dị, hiền hòa trũng điệp có khác nào hơi thở Quê hương ẩn kín - tuy rằng an trụ nơi châu thân nhưng mà luôn luôn luân lưu, luôn luôn ấp yêu từng tinh cầu thuần tịnh của Trí huệ Tinh tấn, Từ bi.

Từng buổi sáng sớm, anh em chúng tôi tung tăng đôi chân đi dưới hai hàng cây trái, bên luống cải dây cà, hạp đoàn vui vẻ nói cười cùng các bạn trên con đường mòn nhỏ, qua bến đò ngang trong màn sương mỏng, dẫn đến ngôi trường Vĩnh nằm cạnh con đường lớn mang tên vị anh hùng kháng chiến Nguyễn Trung Trực chống thực dân Pháp. Ôi, biết nói sao cho hết ngàn bông màu mực tím thương thương...

Có phải một câu thơ của thi nhân sáng tác kính dâng lên Quê hương, lên Từ Mẫu, hay tiếng đàn độc huyền, giọng sáo vút cao được đàn, ngân hoặc ngâm trong đêm vắng nơi xứ lạ quê người, cũng đủ làm cho kẻ lãng tử thành thốt rơi giọt lệ nhớ thương cổ Quốc từ thuở nào mịt mù xa cách?

*Thưởng biết làm sao hình bóng Mẹ
Gầy nhom Hạc đứng dáng mong
manh*

*Trữ vai nặng gánh đời trôi nổi
Oằn theo
bạc tóc sáng long lanh*

*Mẹ tôi tám-bốn dài niên kỷ
Ô, tám-bốn năm
một cuộc đời
Đầu dãi nắng mưa cùng hôm sớm
Giờng khoai
nuống sẵn...*

chẳng hề ngơi

*Chất ngất hy sinh
tròn tình nghĩa
Chồng
con
một dạ với thượng yêu
Sáng sáng
canh chầy
đèn đóm lẻ
Âm thầm
cay đắng
Mẹ cô liêu!*

*Mẹ vui
theo tiếng cười con trẻ
Ngoài hiên vàng tỏa ánh trăng đầy
Trái vú sữa căng thơm da mỏng
Con uống no
ngoan giấc nồng say*

*Mẹ ơi
ân nghĩa
hoài ân nghĩa
Tâm con chất chứa biết sao cùng*

*Đó Thái Sơn
đây Nguồn nước đổ
Hình hài này
nghĩa Mẹ
ân Cha.*

(Mẹ Tôi - Thơ: hg)

Vũ trụ xoay tròn

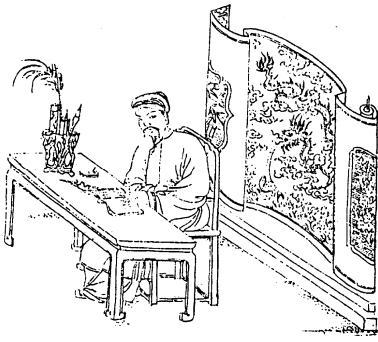
Thế nhân chia ra thành một năm, một năm chia ra được thêm bốn mùa

Nhưng chắc chắn mỗi một mùa như vậy (trong tâm linh tôi) sẽ là mùa Xuân, có thêm vóc dáng gầy gầy của người Mẹ hiền kính yêu vây quanh rực rỡ.

Đồng thời, tuổi thơ tôi cũng nương theo đó hoài hoài trong sáng như dây tinh hà ngự trị tuổi đời - của hiện kiếp mà thời gian âm thầm gặm nhấm cho hao mòn, cho tàn phai vội vã!

(núi Sam, Pl. 2546)





Bữa tiệc nửa đêm

• Dương Khánh Sơn

Trần trở mãi vẫn không ngủ được, cụ Chánh chống tay lòm khòm ngồi dậy. Trên giường bên cạnh, bà Chánh nằm nghiêng một bên, hơi thở đều đặn, chắc đã ngủ say lắm. Tuy cụ bà cũng gần bảy mươi như chồng, nhưng sức khỏe dồi dào, ăn được, ngủ được. Gần đây bà lại lên năm, sáu ký, da dẻ hồng hào, trông mặt mày càng thêm phúc hậu.

Trong nhà, kẻ ăn người làm có đến mấy chục, nhưng giờ này không một tiếng động. Mọi người đã yên ngủ, chỉ có mình ông từ đầu hôm đến giờ chưa chợp mắt. Ông cứ ngồi xoa mặt, xoa tai, thở dài thườn thượt. Từ ngày cáo lão hồi hương đến nay, cụ Chánh gầy rạc hẳn đi. Ăn uống đã ít, ngủ nghe càng ít hơn. Có đêm, cụ chỉ ngủ được chùng một, hai tiếng. Nhớ thời còn quan chức, dù ban ngày công việc bề bộn, ban đêm còn phải tính toán nghĩ suy, cụ vẫn ngủ được ngon giấc. Sau khi trả áo mão chức quan, đem số tiền dành dụm trong mấy mươi năm làm việc về quê, cụ Chánh mua lại mười mẫu ruộng, thuê người làm. Ngày nào cụ cũng chịu khó thăm nom tá điền, trông coi cấy gặt, đi mãi bên ngoài mà tối về vẫn trần trọc, không sao đỡ được giấc ngủ.

Có lẽ đã quá nửa đêm, cụ Chánh ngồi lặng buồn trong đêm khuya, cảm thấy thèm một miếng thuốc. Không muốn phá giấc ngủ của vợ, cụ Chánh nhẹ nhàng đứng dậy, bước ra phòng khách. Đến trước bàn thờ ông bà, cụ đốt thêm cây đèn lớn cho sáng sủa, mang cây đèn nhỏ đặt trên bàn ở giữa phòng để tiện việc hút thuốc. Vừa cầm ống điếu lên tay, bỗng cụ Chánh lạnh người. Sau cánh cửa khép sát vách tường, cụ thấy hai bàn chân to tướng. Hai cườm chân đen đúa, gân guốc, lớn gần bằng hai bắp chuối của ông. Mấy ngón chân chề bè. Đúng là bàn chân của một người lực lưỡng, của người chuyên cày cuốc, không bao giờ mang dép mang giày. Các cửa sổ và cửa lớn

phòng khách vẫn đóng kín. Cửa xuống nhà bếp cũng cài then. Cánh cửa nối liền với phòng ngủ của vợ chồng cụ, ngạch cửa khá cao, cánh cửa mở qua bên trái, đục vách tường, tạo thành một góc kín đáo. Hai thằng con trai của cụ, lúc còn nhỏ, vẫn thường nấp vào đó để trốn nhau. Bây giờ, hai con đang trọ học trên tỉnh, chẳng ai dám phá phách cái góc nhà đó nữa, cụ Chánh bèn đóng đinh, treo mấy cái áo dài. Trong nhà cũng có mười mấy người đàn ông, cụ Chánh nhìn thoáng đã biết không phải bàn chân của người nhà. Cụ hoang mang tính toán: Nên la lên chẳng? Không biết y là kẻ trộm hoặc người có ý định mờ ám chi khác? Y đã vào nhà bằng cách nào? Nếu biết bị phát giác, y sẽ giết người diệt khẩu? Mình đã sáu mươi tám tuổi đời, chỉ cần nhay vài bước, y sẽ bẻ cổ mình như vụn cổ gà. Tim cụ Chánh đập thình thịch. Tay cụ cầm ống điếu run rẩy muốn rớt xuống bàn. Tóc gáy cụ dựng lên. Sau lưng và hai chân của cụ lạnh toát. Cụ đâu có phải là quan võ của triều đình, đã từng xông pha giết giặc ngoài chiến trận, xem cái chết nhẹ tựa lông hồng! Mấy chục năm nay, cụ hành xử thanh liêm, chính trực, nhân hậu, bao dung, đâu gây thù chuốc hận với ai! Hai năm nữa, cụ sẽ ăn mừng thượng thọ 70 tuổi, nhưng biết lúc đó có còn mạng hay không, hay sau đêm nay đã sứt tay gãy gối. Cụ giận mình không kềm được cơn sợ hãi, đầu óc bấn loạn, chẳng biết phải làm sao. Chỉ mới vài giây thoáng qua, cụ tưởng như thời gian đang trôi vùn vụt, giờ phút cuối cùng của cụ đã cận kề! Chợt cụ Chánh nảy sinh ý niệm sinh tồn, một ý nghĩ vừa thoáng qua trong óc, cụ cất tiếng:

- Bà nó ơi! Gói thuốc lào tôi mới sai đi mua hồi chiều đâu rồi? - Vừa gọi vợ, cụ Chánh vừa chăm chú theo dõi biến động bên kia cánh cửa, chờ người nhà đến tiếp ứng.

Bà Chánh tựa mình, ngồi dậy, mở cửa phòng ngủ. Vừa bước ra ngoài, bà vừa kêu vọng ra dãy nhà sau:

- Đại à! Con mua thuốc cho ông rồi để ở chỗ nào?

Cụ bà là người hiền đức, tốt bụng với kẻ ăn người làm, thích đi lễ chùa vào ngày rằm mỗi tháng, thường giúp đỡ người nghèo khổ và không dám trái ý chồng bao giờ. Việc quan trường của ông, bà cũng chẳng hề hỏi tới, chỉ biết ở nhà nuôi dạy con cái, chăm sóc gia đình. Dù giữa đêm khuya, nghe ông gọi, bà cũng không hề nấn ná phút giây nào, lo việc tìm thuốc hút cho chồng ngay lập tức.

Bây Đại trước là cận vệ trung thành của cụ Chánh, tuy võ nghệ cao cường, nhưng chẳng ăn học bao nhiêu. Cụ Chánh thương yêu anh ta như con ruột, lo cả việc cưới vợ cho anh, rồi đùm bọc cả vợ và con anh ở luôn trong nhà. Đến khi, vì sức khỏe yếu kém, cụ Chánh treo ấn từ quan, anh vẫn theo sát ông cụ, về chốn ruộng vườn. Bây Đại nghe bà Chánh gọi, vội vàng ngồi dậy, bước ngay lên phòng khách. Thấy gói thuốc lào nằm trên bàn, ngay trước mặt cụ Chánh, anh ta rất ngạc nhiên, nhưng ông đã khoát tay lia lịa, ra dấu bảo anh lại gần. Bà Chánh cũng vừa bước vào phòng khách. Nhìn thấy gói thuốc trên bàn, bà càng ngạc nhiên hơn Bây Đại. Chưa kịp nói, bà đã nghe ông bảo:

- Bà nấu giùm tôi bình trà!

Bà Chánh quay xuống bếp, không hiểu chồng đã lẩn thần, hay đang giở trò, vì buồn bực, mất ngủ.

Bây Đại gần ba mươi tuổi, tay chân nhanh lẹ nhưng đầu óc chậm lụt. Anh lại gần chủ thưa:

- Bẩm ông, gói thuốc con để trên bàn.

Cụ Chánh đã bình tĩnh trở lại. Thứ mà cụ cần trong hoàn cảnh cực kỳ nguy hiểm vừa rồi, là chàng trai khỏe mạnh, tay chân múa quyền như sấm sét chứ không phải gói thuốc vô hồn, có thể sẽ là vật chứng tại hiện trường sau này, nếu kẻ đứng sau cánh cửa nhay ra, bóp cổ cụ già ốm nhom chết tươi tại chỗ. Đưa ngón tay trở lên môi, ra dấu cho Bây Đại đừng lên tiếng, cụ nghĩ cách xử tội kẻ đứng sau cánh cửa:

- Bác gái xuống bếp rồi, thôi ra đây đi cháu! Cụ Chánh nhỏ nhẹ nói.

Từ sau cánh cửa, bước ra một người đàn ông rách rưới. Anh ta bước tới trước mặt cụ Chánh, xụp xuống lạy lia lịa:

- Con trót đại, xin ông tha cho con. Con còn vợ và hai cháu nhỏ đang đói ở nhà. "Này" sau con xin chữa. Con cần cò "này" ông!

- Cháu mau đứng dậy, kéo bác gái lên, trông thấy thế thì thật không tốt! Kéo ghế ngồi đi cháu! à, mà tên cháu là gì nhỉ? Bác thật già cả, lắm lắm! - Cụ Chánh nói ôn tồn, thân mật như nói với người nhà.

- Bẩm ông, con tên "nà" Sơn ạ. Xin ông tha cho con! Con "nằm" ruộng mất mùa mấy "lắm lay", cả nhà con đều đói "nằm" ạ! - Tên trộm đứng dậy, vừa nói vừa chấp tay vái vái ông Chánh.

- Ngồi đi cháu! Hút thuốc đi cho ấm! - Cụ Chánh đẩy ống điếu và gói thuốc vào trước mặt về phía Sơn. Có Bày Đại đứng sau lưng, cụ đã lấy lại phong độ của người có quyền thế, nói năng chững chạc.

Tên trộm ngạc nhiên, sợ hãi, không biết chủ nhà muốn đùa giỡn gì, anh ta cũng không dám trái ý cụ Chánh, mặc dù trong bụng lo lắng, chỉ muốn chuồn ra ngoài càng nhanh càng tốt. Thấy Bày Đại cứ nhìn mình không chớp mắt, cặp mắt tuy mới ngủ dậy vài phút đã sáng quắc, khuôn mặt xương, quai hàm bạnh, cần cổ to tướng, hai vai nở nang, bắp thịt cuộn cuộn nổi lên sau lớp vải áo, Sơn đành gượng gạo kéo ghế ngồi.

Đến khi cụ Chánh bảo hút thuốc lần thứ ba, Sơn mới miễn cưỡng cầm ống điếu, cho thuốc vào. Bày Đại đứng kế bên chủ. Tuy anh chẳng phải là người sáng dạ chi lắm, nhưng nhìn thấy một người rách nát, trốn sau hóc cửa vào lúc nửa đêm, cũng thừa biết y không phải là khách quý. Anh bước tới mời lửa cho Sơn, luôn tiện quan sát hẳn thật kỹ, xem hẳn có giấu dao búa vũ khí trong người không.

Cầm ống điếu đưa lên môi đợi Bày Đại mời lửa, Sơn ngáp ngừng nhìn cụ già đang ngồi đối diện lần nữa, rồi mới bập bập kéo một hơi thuốc. Hẳn đói mấy ngày, chỉ ăn được một ít rau và uống nước cầm hơi. Tuy nghĩ ông già đang chơi trò "mèo vờn chuột", nhưng lỡ rơi vào tay ông ta, Sơn đành bậm bụng ngoan ngoãn nghe lời, vì nhắm có bỏ chạy, cũng không thoát khỏi bàn tay Bày Đại. Hơi khói vừa vào tới phổi, Sơn bật ngửa, dựa vào thành ghế. Hẳn say thuốc, chóng mặt quay cuồng, phải đưa cả hai tay bấu chặt cạnh bàn.

Bấy giờ, cụ Chánh mới ngấm nghĩa tên trộm cho rõ hơn. Chắc chắn hẳn đã ngoài ba mươi tuổi. Mặt chữ điền, mũi to và dài. Hai cánh mũi nở nang,

không lộ không. Trán tuy không cao rộng, nhưng không đến nỗi quá hẹp. Hai tai khá lớn mọc cao hơn chân mày. Cằm vuông vức có khí thế. Chỉ có cặp mắt chó sói, trông hơi dữ tợn. Tuy khuôn mặt hẳn ốm o xương xẩu và nước da đen đúa râm nắng, đôi tròng mắt lơ lơ vì say thuốc, nhưng cụ Chánh đoán hẳn nhất định không phải là kẻ thậm tệ xấu xa, chuyên nghề trộm cắp. Bất hẳn giải lên quan hoặc trói lại, đánh cho một trận, hăm he cảnh cáo rồi thả về? Cụ Chánh thăm suy tính.

Sơn còn ngỡ ngáo trong cơn say thuốc, hồi hận đã quá muộn màng, thầm nghĩ: "Quả thật gừng càng già càng cay" ! Bây giờ, hẳn muốn van cũng không chạy van được, muốn chạy cũng không chạy nổi, đành để cụ già muốn xử sao tùy ý.

Cầm bình trà nóng khói lên nghi ngút, bước vào phòng khách, bà Chánh ngạc nhiên, thấy ngoài Bày Đại, còn có một người lạ, ngồi đĩnh đạc trước mặt chông. Chưa kịp đặt bình trà trên bàn, bà Chánh đã nghe ông nói:

- Này bà, đây là anh Sơn, con người bạn đồng liêu của tôi. Bà kêu mấy đứa nhỏ thức dậy, làm cho tôi bữa cơm để tôi đãi khách. Anh Sơn từ xa đến, đã đói lắm!

Sơn lí nhí vài câu chào hỏi vì chưa tinh táo hẳn. Bà Chánh lại quay trở ra. Xưa nay, bà vẫn phục tòng chồng, ít khi hỏi tới hỏi lui. Bày Đại theo chủ đã lâu, biết tánh ông cụ không làm điều chi quá khích, nhưng khuya nay cũng lạ lùng với lời nói vừa rồi. Tuy vậy, anh vẫn giữ im lặng theo thói quen, và cứ đứng yên cạnh chủ.

Với tay lật ngửa ba cái tách, tay kia cụ Chánh cầm bình trà nhưng Bày Đại đã trở tới, nhanh nhẹn đón lấy, rót trà ra tách.

- Con mời anh Sơn xơi cho nóng, rồi ngồi xuống đó nói chuyện cho vui - Cụ Chánh nói với Bày Đại, rồi quay lại hỏi Sơn:

- Thế, bố có khỏe không, cháu?

Sơn ấp úng hồi lâu, trả lời:

- Bẩm cụ, bố con... mất "núc" con còn... bé rồi ạ!

Cụ già vội vàng suýt xoa:

- Ô! Tội nghiệp cho cháu quá! Bố mất sớm thế rồi làm sao mà sống. Có đi học không cháu?

- Bẩm... Thưa... Con không được đi học...! - Sơn cúi mặt xuống, tủi thân trả lời.

Ba người chuyện vãn hồi lâu, hay, đứng ra chỉ có cụ Chánh hỏi và Sơn ấp

úng trả lời. Từ dưới bếp, người nhà cụ Chánh đưa thức ăn, đặt tuần tự lên bàn: Nào cá nướng, một con gà luộc, một đĩa chả lụa, một tô miến gà; nào nước mắm ớt, nước mắm gừng, muối ớt dỏ tươi, muối tiêu pha nước chanh sệt sệt v.v... Tên trộm nhìn thức ăn đặt đầy bàn, mũi người mùi cá, mùi gà, mùi hành, mùi tiêu, mùi chanh, mùi mắm... nước bọt cứ tươm ra, tươm ra đầy miệng. Hẳn không sao nhịn nổi, phải nuốt nước bọt ừng ực. Thò tay cấu vào đùi đau điếng, Sơn sợ mình đang mơ, chỉ một hai khắc trước, mình còn đứng run rẩy sau cánh cửa, sợ bị bắt, sợ bị ngồi tù, bỏ lại con thơ vợ đại... Xuất thân bản cố nông, từ nhỏ đến lớn Sơn chưa thấy bữa tiệc tùng nào thịnh soạn như đêm nay.

- Cầm đĩa đi cháu! - Cụ Chánh ngọt ngào bảo Sơn. Quay qua Đại, cụ nói:

- Con cầm đĩa tiếp đãi anh Sơn!

Bày Đại to con, mạnh khỏe, luyện tập võ nghệ mỗi ngày, ăn giờ nào cũng thấy ngon nên chẳng đợi bảo lần thứ hai. Sơn rụt rè một lát, rồi khách sáo mới tới mời lui, đoạn cũng cầm đĩa gấp chả lụa nhai chậm chậm.

Cụ Chánh gắp một miếng gà luộc bỏ vào chén cho có lệ. Chuyện bất ngờ, ông không tính trước, nhưng vốn giàu có khá giả, bày một bàn tiệc lúc nửa đêm có khó khăn chi? Gà vịt trong chuồng, cá lợi dưới ao, người nhà lại đông đảo. Nhưng ngồi chung bàn tiệc với kẻ trộm trong đêm khuya, thật là chuyện hi hữu. Lần đầu tiên trong đời, ông cụ bị đạo chích vào nhà "hỏi thăm sức khỏe" !

Bà Chánh bắc ghế ngồi tránh một bên. Bà không đói, không thích tiệc tùng ăn nhậu rùm beng.

Sơn ăn nhỏ nhẹ, cầm chừng. Dù cụ Chánh nói thế nào, anh ta cũng chẳng uống được gánh lo, nhưng ông cụ cứ gắp cá, gắp thịt vào chén, ép anh ta ăn. Nhai miếng thịt gà ngáp tận chân răng, Sơn nghĩ liều: "Mặc kệ, có chết, mình cũng ăn no, rồi hãy chết!". Hình như, cả cái ý nghĩ trong đầu của Sơn cũng không qua mắt được cụ già đã từng kinh nghiệm trường đời. Chờ cho Sơn nhai vài miếng thật sự ngon lành, cụ Chánh quay qua, nói với vợ:

- Bà đi lấy vài bộ quần áo, chục đấu gạo, năm mươi đồng bạc Đông Dương đem đây cho tôi!

Bà Chánh không hề hỏi lại, đứng dậy, lo các việc chồng nhờ. lát sau, bà và hai người làm trở vào với đầy đủ quần áo, gạo, tiền. Bà còn cần thận

sai lấy cả thúng, gióng và đòn gánh để con của bạn chồng mang đồ đi cho được tiện.

Sau khi dứt khoát tư tưởng, Sơn ăn uống ngon lành. Món nào anh cũng thử qua. Chậm rãi, anh ta ăn từng miếng nhỏ, như một người trong giới thượng lưu được mời dự đại tiệc, đang ung dung thưởng thức các món ngon... Vừa buông đũa, Sơn đã nghe cụ Chánh dặn dò, gửi lời thăm hỏi và ân cần bảo gánh tiền gạo mà về, kéo ở nhà có người trông đợi! Anh ta ú ớ không nói nên lời, cảm động sứt sùi, mắt rưng rưng hai dòng lệ chảy. Quày gánh lên vai, tên trộm vái cụ Chánh và mọi người, gạt nước mắt, cất bước biến vào bóng đêm...

**

Mười lăm năm sau ...

Nhìn hai con trai, cụ Chánh chậm rãi căn dặn:

- Thôi, mình cứ phó thác cho trời. Hai con đừng lo lắng lắm! Năm nay bố đã hơn tám mươi tuổi, cũng tạm gọi là hưởng đủ mùi đời, không còn điều chi ân hận. Nếu họ có đem bố ra đấu tố trước Tòa án Nhân dân như những địa chủ khác, bố sẽ cắn lưỡi mà chết, để khỏi bị họ hành hạ lâu dài, tránh bị chôn sống càng thêm đau đớn. May mà mẹ hai con đã đi sớm một bước, không phải lâm vào tình trạng thế lương ngày hôm nay! Bố sẽ nói với họ, việc đất đai đều do một tay bố. Hai con đi học và làm việc trên tinh không hề dính dáng đến việc ruộng đất. Bố có chết đi, hai con cứ dâng hết đất đai, nhà cửa cho họ, rồi tìm đường di cư vào Nam mà sống cho được yên thân.

Hai người con của cụ Chánh càng thêm thương tâm, thò dài ào nào. Sống trong lo sợ đã mấy tháng nay, kể từ ngày có cuộc Cải Cách Ruộng Đất do Đảng Cộng Sản phát động. Bao nhiêu địa chủ đã lần lượt gục ngã trước những cuộc đấu tố tàn bạo, dã man... Nhìn bố đã gần đất xa trời, còn phải đứng trước một tình trạng thế thảm, sẽ phải bị bịt mắt, trói tay, bỏ đói, phơi nắng cho đến chết, hai người con không sao không lo sợ, rầu rĩ, bỏ ăn bỏ uống...

Nhưng, ngày lại ngày trôi qua, vẫn chưa có công an, cán bộ vào nhà công cụ Chánh giải đến pháp trường, hoặc ra trước tòa án... Vẫn chưa thấy khuôn mặt "đại diện cho nhân dân" vào nhà cụ Chánh hạch hỏi chi cả. Cho đến một hôm, mấy chiếc xe hơi rề rề đỗ lại

Du Xuân

(Kỷ niệm di tích Chùa Núi Tà Cú - Bình Thuận - Việt Nam)



Thi nhân viễn cảnh bồng lai
Giữa mùa xuân chín ngắm mai chạnh lòng
Bâng khuâng đặt bút đôi dòng
Nguyện cùng xuân ý đẹp lòng xa nhân
Nhấn ai trong cõi hồng trần
Trút vòng danh lợi, bạc, tiền xá chi
Về đây rừng thẳm yêu vì
Suối ngậm thanh khiết gọi đi tục phàm
Nhạc rừng thánh thót âm vang
Bên ngàn chim hót rộn ràng mừng xuân
Hàng đêm bóng nguyệt trong ngàn
Mây hồng phiêu lãng ngỡ đàn hạc bay
Tủi bi Phật rộng vòng tay
Đón người phận bạc chôn này tịnh thân
Thi nhân gót bụi phong trần
Chợt mê đạo Phật thấy lòng nhẹ tênh.

● Trần Thanh Cường

trước cổng nhà cụ Chánh. Mấy chục người nhảy xuống xe, giữ an ninh chung quanh. Một người cao lớn với cặp kính đen bước xuống, đi một mình vào nhà, cất tiếng hỏi:

- Thưa, có cụ Chánh ở nhà không ạ?

Từ nhà sau, cụ Chánh bước ra:

- Tôi đây! Mời ông ngồi! Ông hỏi tôi, có việc gì? Cụ Chánh ung dung trả lời, chuẩn bị sẵn sàng cái chết.

- Thưa Cụ, cụ còn nhớ con không ạ? - Người lạ đưa tay tháo cặp kính đen xuống.

- Mắt tôi kém quá, không nhớ nổi! Xin ông tha cho! - Cụ Chánh ngỡ ngỡ nhận ông ta hơi quen mặt, nhưng không rõ ràng là ai.

- Con "nhà" Sơn đây, cụ ạ! Mười mấy năm trước, cụ đã giúp đỡ cho con qua cơn hoạn "lạn" ... Con vẫn ghi ơn của cụ vào tận đáy "nòng" ... Thưa cụ, cụ vẫn khỏe ạ?

- Cảm ơn ông, nhờ ơn Bác và Đảng, tôi cũng... sống được. Không ngờ chuyện nhỏ mọn của mười mấy năm trước mà ông còn nhớ! - Cụ Chánh nhìn kỹ người đối diện, cẩn thận trả lời.

- Thưa cụ, đối với con, đó "nhà" một chuyện "nón" nhất trong đời. Nhờ tiền, gạo của cụ cho, vợ con của con qua được cơn đói kém. Sau đó, con vào kháng chiến "kiểu lược" cho đến ngày "lay".

Lại mang cặp kính đen thui lên mắt, Sơn từ già cụ Chánh, quay ra xe. Đoàn người bao vây nhà cụ Chánh cũng rút lui, tiền hồ hậu ủng Sơn lên xe, để lại cụ già với bao nhiêu kỷ niệm xưa cũ đang lần lượt kéo về ...

Gia đình cụ Chánh được để yên đến ngày cụ Chánh qua đời, vì tuổi già, hơi sức không còn nữa... Ông cụ thọ được 89 tuổi.

(10 tháng 10.2002)



Nhà thơ Hữu Loan và bài thơ bất tử

● **Trịnh Hưng**

Trong dịp về thăm quê hương vừa qua, tôi may mắn được gặp nhà thơ Hữu Loan, người anh kết nghĩa của tôi trong thời gian kháng Pháp (45-54) mà tôi đã xa cách hơn 50 năm.

Nhà thơ Yên Thảo (tác giả bài thơ Nhà Tôi), người bạn cùng đơn vị bộ đội ngày xưa đã cho tôi biết là muốn tìm anh Hữu Loan thì phải đến Hội Văn Nghệ. Vì từ ngày Đảng coi trọng văn nghệ sĩ thì các văn nghệ sĩ từng bị Đảng đối xử tàn nhẫn thua một con chó đã được phục hồi danh dự và được công nhận là Hội viên Nhà văn Việt Nam.

Tôi đến Hội Nhà Văn ở đường Nguyễn Đình Chiểu để tìm danh sách và may mắn gặp được người cùng quê với nhà thơ Hữu Loan đã chỉ đường cho tôi đến thăm anh.

Nhà thơ Hữu Loan ở thôn Vân Hườn, xã Nga Lĩnh và nằm ở một vùng xa xôi hẻo lánh. Người lái xe ôm đưa tôi đến trước cổng rộng độ 3 mét. Anh ta gọi to:

- Cụ Tú ơi! Ra có khách lạ ở xa đến thăm cụ đây này.

Tôi nghe trong nhà có tiếng đáp lại: "Ồ! Tôi ra ngay đây".

Một ông già cao lớn, tóc đã bạc trắng, dáng dấp còn khỏe mạnh, nhanh nhẹn chạy ra. Ông cụ mở cánh cổng được buộc ba vòng dây thừng và đứng sững nhìn anh em tôi với vẻ ngạc nhiên và dò xét:

-Thưa các ông là ai, các ông muốn gặp tôi có việc gì không?

Tôi hiểu anh bị quản thúc tại gia mấy chục năm nên bị cô lập, cấm liên hệ với mọi người, bây giờ thấy người lạ thì hơi ngạc nhiên và nghi ngờ. Để đánh tan sự nghi ngờ của anh, tôi chạy đến ôm anh và nói:

-Em là Trịnh Hưng, em vợ của anh Lê Khải Trạch nhà ở Thanh Hóa. Những năm kháng chiến anh hay lại chơi, uống rượu với anh rể em và anh Quang Dũng. Có một lần anh đã dẫn em và anh Quang Dũng vào Nông Cống thăm mộ chị Ninh, vợ anh.

Nhắc lại kỷ niệm xưa, anh mừng và nắm chặt tay tôi:

- Chú là chú Hưng đánh đàn guitare. Anh nhớ ra rồi. Anh kéo tôi vào nhà và nói chuyện.

Căn nhà của anh tưởng được xây bằng xi-măng, mái ngói đã cũ. Nhà có ba gian nhưng trống rỗng hầu như chẳng có gì. Một gian có cái giường tre để đôi vợ chồng già ngủ, gian giữa là bàn thờ gia tiên, còn gian tôi đang ngồi có một cái bàn vuông cũ kỹ và 4 cái ghế, trên có một bình nước vối và mấy cái ly. Anh rót nước mời hai anh em tôi và nói:

- Nhà anh uống nước vối quen rồi, với lại anh trồng vối nên có uống quanh năm.

Anh thong thả hỏi thăm anh chị của tôi. Tôi kể lại cho anh nghe chuyện anh Trạch đã chết từ năm 1979. Anh bị bắt và bị thủ tiêu. Năm 75, cộng sản chiếm miền Nam xong thì đến năm 1977, một đêm khuya công an khám nhà, tịch thu mọi thứ và bắt anh Trạch mang đi nhốt vào trại giam Phan Đăng Lưu. Đến năm 79, chị tôi vào trại thăm nuôi thì công an nói là đã trốn trại rồi. Chị tôi biết anh Trạch lúc đó đã quá già thì còn sức đâu mà trốn trại. Dù biết có điều không may mắn cho chồng nhưng chị vẫn chờ.

Hơn một năm sau, có người được thả về, họ đến nhà cho chị hay là vào một đêm khoảng 12 giờ, công an đã vào trại gọi anh xuống và không cho anh mang theo một thứ gì. Mọi người đều nghĩ rằng anh được gọi đi hỏi cung. Nhưng tại sao lại hỏi cung vào

lúc nửa đêm? Và kể từ đêm đó không một ai còn gặp lại anh. Anh Trạch đã bị thủ tiêu. Chị tôi lấy ngày đó làm giỗ và sau đó có làm đơn khiếu nại gửi cho Bộ Nội Vụ, Thủ Tướng và Bí Thư Đảng xin cho biết tin tức nhưng chỉ nhận được vòn vện có vài hàng chữ là "chờ để điều tra". Người thiếu phụ âm thầm đau khổ mòn mỏi chờ chồng đã hơn 20 năm vẫn chưa có câu trả lời của nhà cầm quyền CS Hà Nội.

Anh Hữu Loan hỏi tiếp:

- Còn chú ra sao? Ở đâu về và làm gì mà đến bây giờ mới đến gặp anh?

- Sau năm 1952, bỏ kháng chiến em theo anh Trần Chánh Thành về Hà Nội rồi di cư vào Nam. Em tiếp tục sống với nghề sáng tác nhạc và dạy học. Năm 75 miền Nam mất, em không có điều kiện di tản nên ở lại Việt Nam tiếp tục công việc sáng tác của mình. Năm 1982 họ bắt đứa con trai lớn đi nghĩa vụ ở Cao Miên. Con trai em đã đào ngũ trốn về được 3 năm thì công an bắt và nhốt nó một đêm tới sáng thì nó chết. Em uất ức nên sáng tác bài hát nội dung nói CS và lão già Hồ tàn ác. Em đã bị bắt đi cải tạo 8 năm vì sáng tác bài hát "Ta Quyết Tâm Giết Lũ Hồ".

Chú em đi chung với tôi biết đến thăm anh Hữu Loan nên đã thủ sẵn một lít rượu bổ thuốc Bắc. Chú rót ra một chén mừng tuổi anh nhân năm mới. Tôi cũng mời anh một ly, anh cười vui vẻ uống cạn. Hơi men bốc lên, lại nghe tôi kể những câu chuyện bi thảm của gia đình nên anh chửi đổng:

- Mẹ cha cái thằng Hồ tặc, cái thằng hít đít đó chết rồi mà còn giết hại bao nhiêu người vô tội và làm hại đất nước, tổ tiên.

Anh còn chửi một lúc nữa về chế độ tham tàn của gia Hồ để lại. Tôi nhìn quanh nhà, thấy cảnh nhà đơn chiếc, nghèo nàn mà chán lòng. Mắt tôi chợt chạm phải hai câu thơ kiểu tranh cổ, thi thư pháp viết bằng quốc ngữ:

**Chào người Màu Tím Hoa Sim
Chào chòm râu bạc đi tìm ban sơ**

Bút danh người tặng đã bị phai mờ vì thời gian và chỉ có anh là người biết tác giả hai câu thơ đó mà thôi.

Tôi nói cho anh biết bài thơ Màu Tím Hoa Sim đã trở thành bất tử, không những ngày xưa ở Sài Gòn nhạc sĩ Dũng Chinh và Phạm Duy phổ nhạc mà hiện nay ở hải ngoại, người Việt tỵ nạn vẫn hát và thu đĩa để bán. Tôi cũng nói cho anh biết là có một thi sĩ

trẻ tên Kim Vũ ở Hoa Kỳ khi hay tin tôi về Việt Nam có gởi cho anh Hữu Loan một bài thơ mà anh đã dịch sang Anh ngữ và gởi thêm 50 đô-la mừng tuổi anh nhân dịp xuân về. Tôi cũng trao lại cho anh 200 F của nhà thơ Đỗ Bình gởi tặng với tất cả tấm lòng ngưỡng mộ. Biết anh Hữu Loan ở vùng quê hẻo lánh, muốn ra thành phố đổi tiền mất nhiều thì giờ và tốn tiền xe nên tôi đổi sẵn tiền Việt Nam để trao cho anh. Anh Hữu Loan cầm số tiền trong tay mà nét mặt anh rất xúc động. Anh nhờ tôi chuyển lại lời cảm ơn đến hai người bạn chưa quen.

Chúng tôi ra về và hôm sau lại đến thăm anh. Anh kể lại cho chúng tôi nghe cuộc đời gian truân của mình...

Hữu Loan tên thật là Nguyễn Hữu Loan, quê anh ở thôn Vân Hườn, xã Nga Lĩnh, huyện Nga Sơn, Thanh Hóa. Cha Hữu Loan là một nhà nho nghèo. Lúc còn nhỏ Hữu Loan thường nghe cha mình ngâm thơ của cụ Nguyễn Công Trứ và Hữu Loan đã thấm nhuần hai câu thơ:

***Làm trai đứng ở trong trời đất
Phải có danh gì với núi sông.***

Khi đi học, Hữu Loan thường nghe thầy cô dạy rằng "có chí thì nên", do đó mà anh rất chăm học và năm nào cũng đứng nhất lớp. Học ở trường huyện thi đậu bằng Tiểu Học Pháp mà lúc bấy giờ là rất hiếm người đạt được. Anh quyết chí đi học tiếp Trung Học nhưng muốn vậy thì phải ra tỉnh mới có trường. Nhà nghèo ham học nên anh mong muốn ra tỉnh vừa tìm việc làm vừa đi học. Một hôm tình cờ anh may mắn xin được dạy kèm cho các con ông Lê Đỗ Hữu Kỳ, Kỹ sư Canh nông ở Pháp về, hiện làm Thanh Tra cho Bộ Canh Nông của Pháp. Nhà ông có 500 mẫu ruộng, gia nhân làm việc 5, 6 chục người. Ông có nuôi thêm một miếng ăn thì cũng chẳng thấm vào đâu. Bà Kỳ là một người rất rộng lượng và tốt bụng và thường hay giúp đỡ người nghèo nên bà sẵn lòng cho anh ăn ở, dạy kèm cho các con. Nhờ vậy, Hữu Loan đã an tâm đi học. Thấy anh hiền lành, lễ phép nên bà Kỳ rất mến và nhận anh làm con nuôi cho ăn học thành đạt.

Khi anh bước chân vào nhà ông Kỳ ở, thì bà Kỳ sinh cô Ninh ở nhà hộ sinh. Hai ngày sau, anh xin phép vào thăm. Thấy cô bé bụ bẫm xinh đẹp nên Hữu Loan bế lên nâng niu trên tay.

Cô bé mới sinh có hai ngày mà cứ nhìn anh cười. Anh vội nói với bà Kỳ:

- Mẹ à! Em mới có hai ngày mà đã biết cười. Không hiểu sao em cứ nhìn con cười.

Mấy bà đỡ đẻ cũng nói con nít sinh ra là khóc, còn con bé này thì không khóc một tiếng nào mà nó lại biết cười ngay. Đó là một điều lạ.

Từ đó anh an tâm học hành, các con ông bà Kỳ rất mến anh. Anh hay dẫn các con ông Kỳ đi chơi và ẵm bồng cô bé Ninh. Đến kỳ thi Trung Học anh đậu hạng tối ưu. Ông bà Kỳ rất mừng và khuyến khích anh học tiếp. Năm 1941 đến kỳ thi Tú Tài ở Hà Nội anh đậu hạng ưu. Sau đó, người Pháp xem bài thấy anh thông minh nên họ mời anh vào làm tại phủ Toàn Quyền có lương bổng cao. Hữu Loan lúc đó ghét Tây nên đã khước từ và về Thanh Hóa sống với gia đình cha mẹ nuôi và đi dạy học. Hữu Loan gặp được cụ Trần Trọng Kim, lúc đó cụ đang thành lập Hội Thanh Niên toàn tỉnh. Cụ thấy anh nhanh nhẹn, thông minh nên giao cho nhiệm vụ làm Tổng Đoàn Trưởng Thanh Niên của cụ.

Cô Ninh mỗi ngày một lớn và xinh đẹp, phúc hậu. Cô rất thương mến và giúp đỡ người ăn kẻ ở trong nhà. Hữu Loan thương yêu cô như em gái và chủ nhật nào cô cũng đòi anh dẫn cô ra phố chơi. Một hôm, anh dẫn cô đi ngang rạp hát, thấy quảng cáo phim, anh muốn vào xem nhưng cô không chịu mà đòi về nhà ngay để học chữ. Từ đó, cô không cho gia nhân phục vụ cho anh nữa mà mọi ngày quần áo của anh, cô tự giặt lấy, ủi thẳng tắp và xếp gọn gàng vào ngăn kéo cho anh. Cô còn chăm sóc cho anh những chuyện lật vật khác.

Hữu Loan cũng được biết bà Kỳ rất thương anh nên định gả em gái bà cho anh nhưng cô ấy đẹp lại không ham chuyện trần duyên và rất say mê học đạo nên đã xin vào tu viện. Bà Kỳ không gả em gái cho anh được nên muốn gả cô Ninh cho anh.

Năm cô Ninh 13 tuổi, một hôm tôi ngồi học ở trong nghe bà Kỳ nói với cô Ninh:

- Con à! Mai này mẹ gả con cho anh Loan, con có bằng lòng không?

Tôi không nghe cô nói gì cả. Thế rồi một tuần sau, anh đang học, cô Ninh đang ủi quần áo cho tôi bên ngoài. Bà Kỳ đến bên tôi dịu dàng nói:

- Mẹ thương con lắm! Mẹ có ý định là vài năm nữa em Ninh lớn một chút

mẹ gả em Ninh cho con làm vợ, con có bằng lòng không?

Anh bị hỏi đột ngột nên bất ngờ quá, lúng túng không biết trả lời ra sao. Bà Kỳ lại tiếp:

- Sao, con có bằng lòng không?

- Dạ thưa, con cảm ơn mẹ vô cùng. Con thú thật là con rất thương yêu em Ninh nhưng lấy em thì ngược làm sao ấy, con không dám đâu vì em Ninh là em nuôi của con. Con được ba mẹ nuôi trong nhà, bây giờ lấy em Ninh con sợ người ta nói con là thằng bất nghĩa.

Bà Kỳ cười rồi bỏ đi làm anh nghĩ ngợi cả đêm. Không ngờ cô Ninh nghe câu chuyện nên nói với anh:

- Anh không yêu tôi, không muốn lấy tôi. Điều đó tôi không cần. Tôi chỉ biết tôi yêu anh là đủ rồi. Nói xong cô bỏ đi.

Anh vẫn ở trong nhà ông bà Kỳ và cô Ninh vẫn đối đãi với anh như xưa. Hàng ngày anh vẫn học thêm và đi hoạt động với anh em trong Đoàn Thanh Niên. Ngày 19.8.45, cuộc Cách Mạng của Việt Minh đã thành công ở Hà Nội, các tỉnh đã thành lập chính quyền, anh và các anh chị em trong Đoàn Thanh Niên rất vui mừng. Anh hào hân chúng đi cướp chính quyền một cách dễ dàng. Và được bầu làm Chủ Tịch Ủy Ban Nhân Dân lâm thời tại Thanh Hóa. Đến Tuần Lễ Vàng, cô Ninh cũng hăng hái tham gia cổ động dân chúng đóng góp vàng ủng hộ. Hữu Loan lúc đó là một thanh niên yêu nước nhiệt thành nên rất hăng hái và làm việc không biết mệt. Năm 46, chiến tranh Việt Pháp bùng nổ. Anh không thích làm Chủ Tịch tỉnh nên đã xin từ chức và nhường cho người khác để lên đường ra mặt trận. Hữu Loan tham gia vào Sư đoàn 304 do tướng Nguyễn Sơn chỉ huy. Anh được giao cho nhiệm vụ làm Trưởng Phòng Tuyên Huấn sư đoàn với cấp Chính Trị Viên tiểu đoàn.

Nguyễn Sơn là một vị tướng trẻ nhưng rất giỏi, anh lại là người mê văn nghệ và hiểu biết tất cả mọi bộ môn thơ văn nhạc nên Hữu Loan rất quý mến anh và ngược lại Nguyễn Sơn xem Hữu Loan như một người bạn hơn là một thuộc cấp.

Trong quân ngũ rất bận nhưng Hữu Loan vẫn thường xuyên về thăm nhà. Gia đình ông bà Kỳ vẫn thương yêu anh như xưa. Cô Ninh thì đã lớn, cô quán quít bên anh như hồi nào. Thế rồi tình yêu giữa Hữu Loan và cô Ninh đã đến lúc nào Hữu Loan cũng không

biết. Hai ông bà Kỳ thì càng vun xới cho tình yêu hai trẻ. Hữu Loan thú thật với bà Kỳ và xin cưới cô Ninh làm vợ. Ông bà Kỳ lo đám cưới sớm cho đôi trẻ. Trong thời kháng chiến thì không làm rầm rộ theo tục lệ xưa. Thường đám cưới chỉ làm ở ngôi đình làng, khách họ hàng và viên chức xa đến chào cờ, chúc tụng rồi tuyên bố, còn trên bàn chỉ có vài đĩa kẹo thô gọi là đám cưới nhân dân kháng chiến. Nên có vài ba cặp thì tổ chức ăn mừng cũng vậy và gọi là đám cưới tập thể.

Ông bà Kỳ thì lại không muốn gả chồng cho con theo kiểu đó vì ông bà là người giàu có, điền chủ và lúc bấy giờ ông lại là Dân Biểu Quốc Hội đầu tiên của chính phủ nên làm tiệc tại nhà một tí mâm cơm tươm tất, rồi mời Ủy Ban Nhân đến tham dự. Đám cưới của Hữu Loan và cô Ninh rất đơn giản. Ngày cưới cô dâu không mặc áo cưới và chú rể mặc quần áo nhà binh đôi giày dính bột bụi hành quân.

Cưới nhau xong năm ngày là anh lại trở về đơn vị. Anh đi được hai hôm thì ở nhà, một buổi sáng cô Ninh ra sông Nông Cống giặt quần áo, không ngờ nước sông chảy quá mạnh, cô trượt chân té xuống nước, bị nước cuốn cô trôi đi và chết đuối. Mãi 3 ngày sau, xác cô nổi lên, dân thuyền chài họ vớt xác cô mang về nhà ông bà Kỳ chôn cất.

Hai tháng sau, trong lúc đang ngồi uống trà tại một quán nhỏ, Hữu Loan mới hay tin người vợ trẻ ở nhà đã chết. Anh sa sầm mặt lại, da tái xanh, tay anh run rẩy làm đổ cả ly nước đang cầm trên tay. Quá đau đớn với cái tin bất ngờ, anh vội vàng đạp xe về nhà và thấy bà Kỳ đang ngồi khóc bên mộ người con gái mà bà yêu thương nhất. Hữu Loan nhìn thấy trên mộ là chiếc bình hương trên mộ chí. Anh quá đau đớn phủ phục bên nắm mồ vô tri và than khóc.

Rồi sau đó, anh trở về đơn vị, cả ngày như người mất hồn. Vào một buổi trưa, niềm đau đớn đã tuôn trào và anh viết thành bài thơ Màu Tím Hoa Sim. Anh viết một mạch bài thơ để nói lên tất cả tâm tư của mình chỉ vồn vện hai tiếng đồng hồ. Hữu Loan xếp bài thơ cất vào túi áo. Vì quá thương nhớ vợ nên anh ngã bệnh. Một chú bộ đội đàn em của anh đang làm tờ báo Chiến Hữu của Sư đoàn đã đến chăm sóc cho anh. Lúc chú giặt quần áo cho anh và bất ngờ thấy bài thơ trong túi áo. Chú cất đi và giữ gìn cẩn thận. Rồi

một ngày chú về quê gần làng bà Kỳ, chú lấy đọc cho bà Kỳ nghe. Bà Kỳ khóc và bắt chú chép lại cho bà. Thế là bài thơ tự nhiên được phổ biến mau lẹ ai cũng thuộc, cũng biết. Lời thơ trung thực, toàn bộ bài thơ đọc rất cảm động vì xuất phát từ con tim của nhà thơ Hữu Loan...

Anh chỉ cho tôi xem chiếc bình hoa ngày cưới mà anh luôn gìn giữ và ngày ngày nhang khói cho người vợ quá cố. Anh trao cho tôi bài Màu Tím Hoa Sim do chính tay anh viết. Anh còn giảng cho tôi nghe những từ ngữ và cách ngắt câu là dụng ý diễn tả tình cảm trong bài thơ. Anh nói có nhiều nơi họ in không đúng với ý của anh.

Trong ba ngày tôi ở chơi với anh, anh đã kể cho tôi nghe rất nhiều chuyện vui buồn và số phận định mệnh đã đưa đẩy cho anh vào cuộc sống nghèo triền miên suốt mấy chục năm qua.

Tôi nghe anh kể mà thương anh nhiều hơn, một trí thức đầy nghị lực, chí khí. Dù quãng đời còn lại của anh phải gánh chịu nhiều đau khổ, mất mát nhưng tinh thần bất khuất nơi anh không bao giờ mất.

Thơ là anh

Là em gái anh

Là người vợ anh

Là đồng đội, bạn hữu anh.

Những người Vệ Quốc Quân đánh Pháp, bảo vệ tổ quốc hơn nửa thế kỷ trước đã có bao nhiêu người có cuộc sống ảm no. Những người chiến sĩ từng chung vai sát cánh với Việt Minh đánh Pháp có bao nhiêu người được đối xử xứng đáng với tấm lòng yêu nước và sự hy sinh của họ. Hay xác thân họ chỉ là trâu ngựa, là chiếc đinh vít đã rỉ sét bị vùi dập trong đồng gạch vụn của ngôi nhà XHCN mục nát. Và còn biết bao nhân tài, bao văn nghệ sĩ bị chết tức tưởi vì chế độ bạo ngược của cộng sản cho đến chết không có một chén cơm độn no lòng. Tôi nghĩ đến Quang Dũng, Trần Dần, Tú Phác... và đến số phận nhà thơ Hữu Loan để nói với chế độ cộng sản bất nhân rằng chế độ đó không thể tồn tại mãi với thời gian và tôi mong họ hãy trả lại cho nhân dân Việt Nam cuộc sống tự do, no ấm.

Trịnh Hùng (Nhạc sĩ)

Paris, 15.6.2002

Khóc Chị Quỳ Hương



*Ôi người chị tài hoa rất mực !
Tôi nghe tin mà thực không ngờ.
Vừa phone nói chuyện văn thơ,
Vẫn cười khúc khích, vẫn đùa lai
rai.*

*Vẫn nhắc đến những bài đã viết,
Vẫn tấm lòng tha thiết như xưa.
Đành rằng sớm nắng chiều mưa,
Vô thường lẽ ấy có chừa một ai ?*

*Đâu có phải vì tài mà lụy ?
Vì văn chương tận tụy bạc đầu.
Dù cho nghèo khổ, sang, giàu,
Làm sao tránh khỏi nhịp cầu tử
sinh ?*

*Đang còn đó, thanh linh đã mất,
Tám tư năm (1), dắc thất những gì
?*

*Bạn bè lại nhỏ chị Quỳ (2)
Dư hưởng lãng đãng đi về đâu
đây !*

*Ôi! Bóng khói, làn mây tan hộp
Cảnh phù du choáng ngợp mà
đau !*

*Sống ta vẫn quý yêu nhau,
Tuy xa lòng vẫn trước sau như
gần.*

*Mất chỉ mất cái thân tạm bợ,
Còn là còn món nợ non sông.*

*Chị ôi! Chị có biết không ?
Danh kia hồ dễ uống công vun
bồi ?*

*Rồi đây sẽ đâm chồi, nảy lộc,
Ngàn năm sau ai đọc Quỳ
Hương?*

*Ngùi ngùi rỏ lệ cảm thương,
Cũng là món lãi văn chương để
đời...*

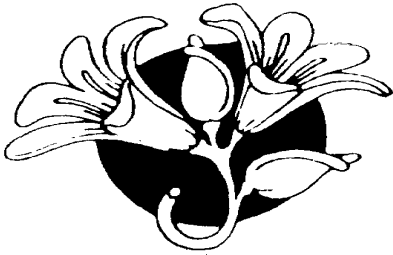
• HÀ THUẬN NHÂN

(1) Nữ sĩ Quỳ Hương thọ 84 tuổi

(2) Nữ sĩ Quỳ Hương tên thật là
Đào Thị Quỳ.

Giải thoát thơ

● Trần Thị Lộc Quê



Trong sinh hoạt hằng ngày của đời sống con người, không chỉ làm việc để tạo nên của cải vật chất cung ứng cho đời sống. Cũng chưa phải ăn uống ngủ nghỉ để giúp cho cơ thể được thoải mái mới gọi là hạnh phúc. Vì trong cuộc sống nếu không giải tỏa nghi vấn, không san bằng nghịch cảnh, không dung hòa những định kiến, thì cuộc đời sẽ bất an, tương lai sẽ bị lẩn quẩn giữa vòng tư duy mâu thuẫn khôn cùng. Nỗi thao thức ấy, chẳng thể đem đến cho chúng ta một nguồn sống an vui, vì biết tìm đâu ra suối nguồn diệu giác để tắm gội thân tâm vốn đã bị bụi hồng trần lấm lem nhơ nhuốc.

Vì cái thấy cái biết của con người vẫn còn giới hạn, chưa thể nào có thể giải đáp được những ưu tư, nghi vấn mà mỗi lúc cứ chập chùng ẩn hiện như những đợt sóng trên biển cả mênh mông, muôn trùng bờ bến. Khó lấp, khó hàn gắn những ray rứt khôn nguôi trong lòng nhân thế.

Vì vậy mà con người muốn tìm về nẻo đạo, để tạo cho mình một cuộc sống an lạc. Muốn tìm một món ăn tinh thần để cho cuộc đời được thanh nhàn, thoải mái. Tinh thần là chức năng dẫn đường cho cuộc đi, mong ước một chốn đến không bị ngăn ngại bởi chướng duyên. Món ăn tinh thần này, ngoài đạo giải thoát cũng còn có văn thơ là một giá trị không kém như đạo giáo. Vì nền văn hóa là phương tiện để hướng dẫn chúng ta đi vào nẻo đạo. Hướng dẫn chúng ta đi đến mục đích, mà con người muốn đạt đến. Như một câu hỏi mà từ xưa nay vẫn làm thao thức của nhiều thức giả:

-Chúng ta sinh ra và sẽ đi về đâu?

Câu hỏi này cũng đã được một vị thiền sư khai thị:

-Nếu biết rằng trong hiện tại chúng ta đang đi về đâu, thì sẽ biết tưởng lại đi về đâu?

Cũng thật là thâm thúy và thực tế biết bao. Vì đường đời thì trăm hướng, nếu chúng ta bây giờ chọn hướng nào, thì mai sau sẽ đi theo hướng ấy. Như người Phật tử bây giờ siêng năng đi chùa, tinh tấn tu hành, sẵn sàng dần thân vào việc từ thiện... thì rồi tương lai sẽ đưa chúng ta đi theo con đường thiện lành, và sẽ dẫn đến bến bờ hạnh phúc. Còn ngược lại nếu bây giờ giải đãi, không chọn cho mình một hướng đi, thì dĩ nhiên sẽ nằm lì, hay đi về một hướng khác, mà hướng ấy như thế nào cũng còn tùy hạnh duyên từng người. Chứ còn hỏi là chốn nào thì đó ai mà biết được?

Trong sinh hoạt dân gian, thơ văn cũng đóng một vai trò rất quan trọng, được thể hiện qua ca dao, tục ngữ... là con thuyền chở đời qua sông. Vì bên này là thực tại lối mòn, mà bên kia là chân trời mơ ước. Vì thời gian và không gian thì vô cùng, mà nơi đây chỉ vo tròn trong miệng giếng. Thì trời đất bao la kia có phải là khung cảnh thần tiên cho cánh chim bằng bay lượn về chân trời mơ ước?

Trong văn học của tôn giáo, thơ văn cũng đóng một vai trò rất quan trọng để chuyên chở muôn lòng trở về nhất quán. Nơi ấy không còn mong ước sẽ về đâu nữa, vì là chốn tột cùng mơ ước của con người. Nơi ấy là nơi "ngã tướng bất sinh", thì còn đâu cho ước mơ của chúng sinh về đâu?

Nhớ một lần tu học, nghe thầy Thích Đồng Văn kể lại một giai thoại văn thơ thật tuyệt vời. Giai thoại này đã đưa thơ ra khỏi những đối đãi thị phi. Không còn một ngăn cách thiện ác, không còn một hoài nghi sai khác, không còn chấp ngã đời thường. Mà thơ thăng hoa lên trăng sao vàng vạc, cho muôn đời không héo úa tàn phai. Vì thơ đã cất cánh, thơ đã tung bay như muôn vàn hoa đốm hu không kết tụ. Cho thơ muôn đời được kết hương hoa dâng tặng. Thơ dâng tặng cho đời để làm hành trang, để dùng phương tiện này trong việc tìm hướng đi cho cuộc đời. Là bức thông điệp truyền đi để báo hiệu cho biết một điều vô cùng huyền nhiệm. Khuyến cáo cho đời đừng đối đãi thị phi, để thông dong cùng nhau bước đi về miền chân cảnh.

Chuyện kể: Ngày xưa có một vị thiền sư, ung dung tự tại nhờ Kinh kệ đã nhuần, tương chao đã thấm cho nếp sống thanh cao có cơ phát triển cả thể xác lẫn tinh thần. Chốn tu hành cũng được thanh tịnh trang nghiêm, nên thiên nhiên đã dung thông, tâm tình đã thuần nhất một màu giải thoát. Cuộc sống thông dong tự tại của vị thiền sư

đã toát ra một màu tinh khiết, qua một trí tuệ thâm uyên Phật pháp nhiệm màu.

Vị thiền sư ấy vốn đã đầy đủ những hành trạng cần thiết, để du hóa cứu độ chúng sinh, không còn vướng mắc một mây may nào hệ lụy. Vì chí nguyện tu hành đã thành tựu đạt (Tự giác giác tha, giác hạnh viên mãn) không còn hoài nghi, nên nhìn thế sự chẳng mây may vướng bận. Lòng thanh thoát, trí kiên cường và cuộc đời vô ngã, vô úy ấy đã thể hiện trên bước hoằng hóa của Người mong muốn cho chúng sinh được thâm nhập kinh tạng, trí tuệ như biển. Mong muốn cho tất cả chúng sinh đạt thành thệ nguyện của Bồ tát: Thành Phật để cứu độ chúng sinh.

Nhờ thâm nhập kinh tạng nên đã tạo cho Người một tâm hồn thơ rất phong phú. Vì kinh điển được chuyển dịch bằng các thể văn vần... lối văn rất dễ dàng huân nhập vào lòng người. Như sương ngàn gió núi tưới tắm cho cỏ cây hoa lá, cho bông hoa tô thắm thêm hương sắc.

Thỉnh thoảng thiền sư cũng có làm thơ, tuy ý thơ thì thanh thoát, nhưng thuật thơ vẫn còn ảnh hưởng vào kinh kệ công phu. Nên đều bị các huynh đệ chê thơ chỉ in như những bài kệ, những bài sám. Do đó mà thơ chưa thể thoát ra khỏi những khuôn môn. Để thơ được bay bổng với trăng sao, thơ được thăng hoa với niềm rung cảm của thế nhân một cách tự nhiên mà không cần đến lý luận.

Loại thơ này thì thú thực Thiền sư chưa từng làm. Tuy nhiên, nếu gặp một khung cảnh nào thuận duyên để cho thơ tung bay, thì lúc ấy thơ sẽ hiển hiện như bóng trăng vàng vạc. Như giọt sương long lanh, đang phản chiếu. Sẽ soi đến muôn trùng, tìm thấy chân nguyên.

Một hôm có người sư đệ thách thầy làm được một bài thơ cho nên thơ. Phải thơ mộng và quyến rũ như tình tự của thế nhân, như giấc mộng hoang đường, để làm cho nhiều người mê đắm. Phải là thơ và rất thơ.

Vị thiền sư liền ứng khẩu đọc:

Long lanh như ánh trăng vàng

Như Lai, Điều Ngự trên làn tóc em.

Thật tuyệt vời làm sao vì chợt dung mà thấy được bóng Như Lai, Điều Ngự. Vì tinh thể của thơ đã được xuyên suốt qua một tâm hồn mênh mông, và cái cảnh huyền diệu kia được cơ may dung hóa, để ngẫu nhiên mà ngụ, vô tình mà hiện.

Long lanh

Như ánh

Trăng vàng

Tôi thử đọc lại một cách chậm rãi, ngắt quãng và xuống hàng như trên, để được nhìn lâu, nhìn thấu suốt cái tính chất long lanh của hiện tượng. Một hiện tượng thật có, thật không trong sự chuyển hóa của muôn trùng. Cho đầy đủ mọi yếu tố của bao la bát ngát, của hội ngộ trong một niềm hân hoan vô biên. Cho niềm hân hoan ấy được niềm hoa vi tiếu, và để lại cho đời từng chuỗi ngọc muôn màu ào diệu. Một cảnh giới huy hoàng tráng lệ, mà đời thường khó bề thấu suốt. Và đọc chậm rãi, để như thấy bước thiền hành của hành giả đang cảm nhận từng nguồn an lạc, đang thấm nhuần trong từng bước tỉnh thức.

Nhưng tiếc thay, vừa nghe qua người sư đệ này đã thẳng thừng phản đối:

- Sao thầy lại làm thơ tình?... diễn tả thế giới tục lụy? Như Lai, Điều Ngự sao lại ở trên làn tóc em? Thiếu nghiêm túc, không chính xác, thật không xứng đáng cho sư đệ tôn kính! Tuy sở học của sư đệ chưa bằng sư huynh, chưa thấu đạt được lẽ sắc không... nhưng khi đọc bài thơ trên của sư huynh, chắc chắn nếu ai mà phân tích bài thơ, thì cũng sẽ tìm ra cái tinh thần thiếu trung thực của sư huynh, như sư đệ đã thấy vậy.

Vị Thiền sư ôn tồn trả lời:

- Trên làn tóc em? Nơi ấy là chốn giải thoát, trên sự giải thoát... vì như đức Phật cũng có dạy: Con người có khả năng thành Phật, tức là có khả năng giải thoát... và như vậy, có phải là Như Lai đã giải thoát trên sự giải thoát rồi chăng? Cũng như hoa sen, từ trong bùn nhơ nước đọng, được vươn lên khỏi tầm ô uế ấy, thì cũng đã tượng trưng cho sự giải thoát. Đức Phật và chư vị Bồ tát được dùng tòa sen để làm biểu tượng cho sự giải thoát...

Phàm nghĩ người ta dùng con mắt thường để thấy, thì cái thấy ấy nó vẫn lẫn quẩn trong nhị nguyên đối đãi, và sự ấy cũng sẽ luân chuyển trong vòng sinh tử luân hồi, không bao giờ ra khỏi.

Muốn "Thoát" thì phải thực tập thế nào để có cái nhìn chân chánh, suy nghĩ chân chánh và lời nói cùng việc làm đều phải chân chánh. Được như vậy mới có thể đạt đến Định và Huệ.

Và ở đời việc gì cũng phải có lý sự viên dung. Như Chùa chiến ngày xưa thì phong cảnh u nhã, thanh vắng nhờ vậy mà giữ được cho đạo tràng thanh tịnh. Nên đã giúp cho thiền sinh nhiều điều kiện thuận lợi để tu hành. Mặc dù thỉnh thoảng cũng có khách thập phương đến viếng chùa ngắm cảnh, cúng dường... đây cũng là thường tình. Nhưng không vì thế mà có thể cho rằng khách thập phương đến sẽ làm

cho cảnh chùa mất đi vẻ trang nghiêm; hay làm vơi bớt lòng thanh tịnh của những vị tu hành đã đạt đạo?

Cảnh thanh tịnh của đạo tràng, lòng thanh hương của thiền sư xuyên qua những tâm hồn thành tín của khách hành hương, với những tấm lòng trong trắng, đang dâng lên Tam Bảo những lời nguyện thiết tha, như những đài hoa cúng dường. Chợt thiền sư thấy long lanh bóng Như Lai đang ngự trên tất cả và nở hào quang chiếu rọi, như ánh trăng vàng soi khắp trần gian. Sự hiện hữu này rồi có thường tại hay không, hay cũng chỉ là như hình ảnh của thiền sư Hương Hải: *Nhận quá trường không. nh trầm hàn thủy...* còn lưu lại hay chỉ thoảng qua? Như bóng trắng vàng, vầng mây xám, mọi thứ đều chuyển hóa khôn lường, biến dịch khôn tả.

Hay như cảm nhận của cố thi sĩ Vũ Hoàng Chương, khi "Trẩy Hội Chùa Hương":

*"Suối biếc chuyển lời kinh vọng khắp
Bụi hồng theo ngọn gió tung hé
Bỗng đứng tìm thấy con người thật
Của chính mình xưa trót lạc đề"*

Ngoại giới thanh tịnh, giúp cho nội giới được sáng suốt để chợt bừng lên cái thấy, cái biết chân thật cũng là một duyên lành vậy.

"Long lanh", cái ngữ này cũng đã vô cùng ảo hóa, sự biến thiên của hiện tượng đối với con mắt trần tục làm sao mà thấy? Một giọt sương đọng trên ngọn cỏ, lung linh qua ánh sáng trắng, ngời lên muôn màu là vẻ đẹp tuyệt vời, nhưng cũng diễn tả được tính sắc không: Sắc bất dị không... trong kinh Bát Nhã. Vì vẻ đẹp ấy sẽ không thường tại, không trường tồn theo triết lý duyên khởi.

Nhưng qua lấp lánh của bóng trắng còn đọng lại, vẫn còn thấy đó như những chứng tích của sự hiện hữu bóng trắng cũng lại diễn tả được tính bất nhị: Không bất dị sắc... vì cái thấy biết của chúng ta là xuất phát từ ngũ uẩn, mà ngũ uẩn thì lại giai không. Cho nên muôn sự chỉ trùng trùng, khi cái nhận biết của con người trần tục vẫn nằm trong sự đối đãi phân biệt của nhị tướng. Và ánh trắng vàng muôn thuở vẫn còn đó hay không, hay cũng chỉ là biến thiên của tạo hóa, có rồi không? Như ánh trắng vàng, hay là không như...?

Và câu kệ cũng hãy đọc tiếp cách chậm rãi như trên:

*Như Lai, Điều Ngự...
Trên làn*

Tóc em.

Trong sự cảm xúc của tâm bình đẳng, đã bừng lên trí tuệ siêu việt để

được thấy bóng Như Lai, cũng là điều bất khả tư nghĩ. Thì đâu thể đem ra phân tích với lý trí tầm thường. Vì hiện tượng chúng ta thấy cũng vẫn chỉ là hiện tượng của trần gian muôn trùng. Dĩ nhiên mắt thường khó bề nhìn thấy. Quan niệm cao thấp, như sạch có lẽ không dính dấp chi với cái "Tâm vô trụ xứ". Hay nói như Zarathustra: *"Phải là đại hải thì mới có thể đón vào lòng mình một dòng sông nhỏ bản mà mình không đến nổi phải chịu phạt nhờ theo"*.

Thật thế, lòng bao dung, tính độ lượng mới có thể dung chứa tất cả, chứ như vị kỳ hẹp hòi thì chứa đựng được những gì?

Hiện tượng Như Lai đứng trên tòa sen, tượng trưng cho sự giải thoát. Thì Như Lai trên làn tóc em, lại không thể gọi sự giải thoát trên sự giải thoát được hay sao? Không thể gọi đó là con đường đạo bị ngại để cho tín nữ thiết lập hạnh nguyện của đấng Như Lai?... Vì như Ngài Quán Tự Tại, khi soi thấy năm uẩn đều không có tự tánh, Ngài liền thoát khỏi mọi tai nạn khổ ách. (Bát Nhã Tâm Kinh)

Hay lời dạy của đức Thế Tôn bằng một bài kệ rằng:

*Nhược dĩ sắc kiến ngã
Dĩ âm thanh cầu ngã
Thị nhơn hành tà đạo
Bất năng kiến Như Lai*

(dùng sắc để thấy Phật, dùng âm thanh để cầu Phật, thì đó là tà đạo, không bao giờ thấy được Như Lai).

Không cầu mà thấy, không mong mà đạt mới là cái thấy viên dung.

Hai câu thơ của cố thi sĩ VHC:

*Chữ bay từng cánh chim ngàn
Mỗi câu là mỗi Niết bàn hóa thân.*

Chữ bay hay ý tưởng của thơ bay, hay từng cánh chim ngàn bay, để nối kết thành những câu, xâu thành những chuỗi ngọc cho người đời trang sức? Và có thể trang sức được hay không, vì thơ sẽ hóa thân thành một Niết Bàn?

✽

Long lanh như ánh trăng vàng

Như Lai, Điều Ngự trên làn tóc em

Cảnh tuyệt đẹp ấy mấy ai mà nhìn thấy, mấy ai mà xuyên suốt được tư tưởng phi phạm của thiền sư, hay của thi nhân đã nhìn thấy như một ngẫu nhiên. Mà có lẽ không phải là ngẫu nhiên đâu, theo tôi nghĩ. Vì có đạt được một trí tuệ siêu nhiên mới thấy được cái tự nhiên, có lên được trên cao mới thấy được toàn thể của vũ trụ. Chứ cứ luôn ôm hoài cái thành kiến ếch ngồi đáy giếng, thì biết đến bao giờ... mà đến được với cảnh giới: "giải thoát thơ" ?!

Người Thầy cũ

• Thích Như Điển

Trong tất cả chúng ta từ khi mới sinh ra đời cho đến lúc lớn khôn, lúc già, lúc chết và ngay cả đến lúc tái sinh, chẳng ai là không có nhiều vị Thầy để dạy cho ta bằng nhiều hình thức khác nhau, để cho ta vào đời cả. Tôi là một chúng sanh như bao nhiêu tỷ tỷ chúng sanh khác, chỉ trên quả địa cầu này thôi cũng không ra ngoài thông lệ ấy.

Tục ngữ Việt Nam có câu:

"*Không Thầy đổ mầy làm nên*"

Do vậy mà bất cứ cái gì cũng cần phải có Thầy chỉ bảo cả. Trong trường hợp không có Thầy chỉ bảo mà làm được thì chỉ xảy ra ở một trong hai trường hợp mà thôi. Đó là làm sai, làm bậy. Hoặc giả quá thông minh, học một biết mười; nên không cần đến Thầy dạy mình, mình vẫn biết.

Ngày xưa Nho gia có câu:

"*Nhất tự vi sư, bán tự vi sư*"

Nghĩa là: "Một chữ cũng Thầy, nửa chữ cũng Thầy" để nói lên cái tình nghĩa của con người đối với ơn huấn dục mình ở dưới nhiều hình thức khác nhau. Do vậy mà công ơn của Thầy nhiều khi còn cao hơn cả ơn sinh thành dưỡng dục của mẹ cha ta nữa. Vì cha mẹ chỉ cho ta tấm thân này. Còn Thầy cho ta cả cái tinh thần và uốn nắn ta thành người hữu dụng trong xã hội.

Người Thầy mà gần gũi ta đầu tiên trong cuộc đời. Đó là cha mẹ của mình. Mẹ đã tập cho ta ăn, dạy cho ta nói, ru cho ta ngủ, hát cho ta nghe và nhiều khi còn dạy cho ta đánh vần mấy chữ đầu đời nữa. Sau khi biết đi thì cho ta đi học ở mẫu giáo. Nơi ấy có những Thầy Cô dạy cho ta đánh vần từng mẫu tự a, b, c... Rồi thì năm tháng dần qua tự mình ráp vần được để đọc,

để viết và để hiểu được mấy câu ca dao như:

"*Công cha như núi Thái Sơn*

*Nghĩa mẹ như nước trong nguồn
chảy ra*

Một lòng thờ mẹ kính cha

Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con".

Rồi đến Tiểu Học ta trưởng thành thêm một chút nữa. Bấy giờ ta gặp những vị Thầy, Cô rất nghiêm khắc, đồng thời cũng không thiếu những Thầy dễ dãi. Có Thầy, Cô còn chăm sóc sức khỏe cho ta và lo hỏi han ta tại sao ta học bị kém v.v...

Bước thêm một bước nữa ta vào Trung Học. Với 7 năm dài ấy có người thi đậu, có kẻ thi rớt. Có người phải bỏ học để đi học nghề, nhằm sớm có tiền để phụ giúp gia đình, vì gia đình đang nằm trong hoàn cảnh khó nghèo. Cũng có người nhờ Thầy hay bạn tốt mà đường công danh lại rộng mở để đi sang bậc Đại Học. Ở đó học 4 năm, chúng ta cũng phải cần những vị Thầy hay Cô có sở học rộng hơn, hiểu biết nhiều hơn so với thời Trung Học và Tiểu Học. Rồi sau đó nếu còn nhân duyên đối với học đường thì đi tiếp thêm 2 năm ở bậc Cao Học và 3 năm nữa ở bậc Tiến Sĩ. Lúc này thì cần những vị Thầy gần gũi hơn nữa để giúp ta hoàn thành những luận án quan trọng của ngành mình theo học.

Nghĩa là từ đầu đời cho đến giữa đời hoặc cuối đời, chỉ riêng con đường học vấn thôi, ta đã cần không biết bao nhiêu vị Thầy rồi. Nào Thầy dạy Việt Văn, Cô dạy Toán Lý Hóa, Vạn Vật, Sử Địa, Thể Thao, Nữ công gia chánh v.v... cho đến những vị Thầy dạy ngôn ngữ Anh, Pháp, Đức, Triết học v.v... Tiếp đó ta đi vào lãnh vực chuyên môn của ngành nghề Giáo dục, Y khoa, Tâm lý xã hội, Ngôn ngữ v.v... tất cả đều phải cần người dìu dắt ta đi vào đời.

Đó là học chữ. Còn học nghề thì ta có Thầy dạy làm cái bánh, dạy cho ta chưng bình hoa cho đẹp, dạy cho ta sơn sửa nhà cửa, dạy cho ta làm đẹp một chiếc xe hơi; xây một bức tường cho thẳng, đóng một cái bàn thật đẹp, làm một cái khung hình thật xinh. Nếu nói đủ nghề nghiệp trong nhân gian này phải kể đến số trăm. Do vậy mà trong đời ta chắc cũng có hơn một trăm vị Thầy. Trong hơn một trăm vị

Thầy đó có người ta thương, có người ta ghét, có người ta oán, hoặc giả cũng có vị Thầy ta chẳng dám nhìn mặt vì nhiều lý do khác nhau.

Riêng tôi còn có thêm một số quý Thầy khác ở trong Đạo nữa. Nào là Thầy Bốn Su, Thầy Y Chi Su, Thầy Giáo Thọ v.v... Ở mỗi một giai đoạn trong cuộc đời tu hành, tôi đều có một vị Thầy như thế. Sống trong thiền môn từ hồi 15 tuổi đến giờ; nay đầu đã bạc, sau gần 40 năm tương chao, kinh kệ, tôi đã nhận được biết bao nhiêu lời giáo huấn của nhiều vị Thầy khác nhau và ơn giáo dưỡng ấy sống thì không được phép quên, mà chết thì phải mang theo để được ơn đền nghĩa trả. Đó là cái đạo làm người và làm học trò vậy. Ở đời hay ở Đạo cũng thế, nếu chúng ta sống mà thiếu cái đạo này, thật là xấu hổ với cỏ cây hoặc loài điều thú. Vì loài vật đôi khi còn báo ân cha mẹ, Thầy bạn, huống nữa là người.

Từ khi ra làm việc đạo đến bây giờ tôi cũng đã làm Thầy truyền giới, Thầy Bốn Su cho không biết bao nhiêu đệ tử tại gia và xuất gia. Tôi đã học ở họ rất nhiều và đồng thời họ cũng đã tham cứu học hỏi ở nơi tôi không ít. Do vậy mà tôi vẫn thường hay nói rằng: bất cứ ai cũng là Thầy của mình cả. Nếu vị ấy dạy cho mình những điều mình chưa biết. Đồng thời mình cũng là Thầy của mọi người; nếu người khác có cái gì đó cần mình giúp đỡ, dạy dỗ. Khi nhìn vấn đề và sự việc như thế thì ta sẽ thấy nhẹ nhàng khi làm học trò hay ngay cả khi ta đóng vai là vị Thầy dạy học, Thầy lãnh đạo tinh thần v.v... Vì lẽ trong chúng sanh có sự hiện hữu của ta và trong ta không thể nào thiếu sự hiện hữu của chúng sanh cả. Vì một là tất cả, mà tất cả cũng là một. Trong này có cái kia và trong cái kia có tồn tại cái này.

Tôi được may mắn làm người có đầy đủ lục căn như thế này là một hạnh phúc rất lớn. Trong khi đó còn có biết bao nhiêu người bất hạnh khác; kẻ bị thiếu cái tay, người bị cụt cái chân v.v... thì quả là điều bất hạnh vô cùng, mà tất cả cũng đều do nghiệp duyên tạo tác và ngày hôm nay do kết quả luân tập mà thành thôi.

Hôm nay tôi viết một câu chuyện kể về một vị Thầy người Nhật có tên là Takeda Hideo. Ông ta là một Thầy giáo dạy tiếng Nhật cho tôi ở 2 năm

cuối Đại Học từ năm 1975-1977. Nếu kể thêm thời gian thì từ ấy đến nay cũng đã trên 25 năm rồi. Trong hơn 25 năm ấy biết bao nhiêu là vật đổi sao dời; nhưng vị Thầy ấy vẫn còn nhớ đến tôi và mới đây vào thượng tuần tháng 9 năm 2002, cả hai vợ chồng của Thầy đã đến chùa Viên Giác Hannover, ngồi nơi chánh điện trong tư thế của người Nhật, đã làm cho tôi có một ý niệm thật tốt đẹp về những vị Thầy đã trải qua trong cuộc đời sinh viên của mình.

Những giờ Nhật ngữ học thêm với Thầy Takeda tại Đại Học Teikyo ở Tokyo trong những năm ấy đã hiện về rõ ràng trong trí óc của tôi khi Thầy ấy nhắc lại rằng: Thuở ấy tôi đang dịch sách Truyện Cổ Việt Nam của Nguyễn Đổng Chi từ tiếng Việt sang tiếng Nhật và Thầy ấy là người sửa bài cho tôi; đến khi người giới thiệu bài dịch của tôi cho Thầy Kikuchi thì Thầy ấy phán cho một câu mà cho đến bây giờ tôi vừa sung sướng vừa hổ thẹn: "Thiên tài của ngôn ngữ học đấy". Không biết câu ấy hiện giờ có còn đúng không nữa. Vì thời gian trôi qua, tiếng Nhật của tôi bây giờ chắc không còn như dạo ấy nữa.

Thầy Takeda bảo rằng: Thầy Kikuchi khi chết không mời Thầy Nhật nào tụng kinh siêu độ cho cả, mà đã dùng băng tụng kinh của tôi bằng tiếng Nhật và tiếng Việt, bài kinh Bát Nhã trước đây 25 năm ở nhà Thầy Takeda mà tôi đã tụng để làm lễ di quan, trong khi bao nhiêu giáo sư Đại Học dự đám không biết tại sao có cái duyên kỳ ngộ như thế?

Đại Học Teikyo ở Tokyo là một Đại Học nổi tiếng về phân khoa y khoa và thể dục. Trong khi đó tôi học giáo dục của niên khóa đầu tiên 72-77. Do vậy mà thuở ấy phân khoa này chưa có gì đặc biệt lắm. Chứ bây giờ, nếu ai đó lên mạng Internet để xem thì Đại Học này phát triển rất rộng rãi trên thế giới.

Tôi đã đến Nhật và đã ở lại Nhật chỉ hơn 5 năm thôi; nhưng trong hơn 5 năm ấy tôi đã học được ở người Nhật rất nhiều và ngày nay khi nhìn những thành quả tôi có được ở Đức thì Thầy Takeda cũng rất ngạc nhiên. Vì không biết rằng phép màu nào đã đưa đẩy tôi như vậy. Tôi có trả lời Thầy ấy rằng: Kết quả của ngày hôm nay là do tôi thâm nhập được từ nền giáo dục của

người Nhật và người Đức đó. Thầy ấy nhoen miệng cười.

Một hôm nhân việc đi dự lễ Vu Lan tại chùa Thiện Hòa tại Mönchengladbach vào ngày 7 tháng 9 năm 2002, trong khi ngồi dùng trà với chư Tăng, Thầy ấy nói với Thầy Đồng Văn bằng tiếng Anh rằng: "Thầy Như Điển ngày xưa, gần 30 năm về trước, là học trò Nhật ngữ của tôi, còn bây giờ Thầy ấy là Thầy dạy đạo cho tôi đấy!". Tôi nghe rất bàng hoàng. Vì không ngờ đang có một Giáo Thọ Sư nổi tiếng tại Đại Học Vũ Tạng (Musano Joshi Daigaku) mà Thầy có thể thốt lên được lời đó thì đúng là làm cho tôi hổ thẹn và tôi cũng ngẫm vui rằng: may mà lúc ấy mình là một trong những sinh viên giỏi của trường. Nếu là người học dở thì chắc rằng mình phải che mặt lại khi gặp Thầy ấy quá.

Thầy và Cô đã cùng chúng tôi đi đến phố Düsseldorf để cho Thầy ấy thấy rằng nơi đây có một mảnh quê hương nho nhỏ của xứ mặt trời và Cô đã hi hà khi mua được một số đồ kỷ niệm, mà ở Nhật phải trả giá gấp đôi chưa chắc gì đã có được. Bà vợ của Thầy Takeda bảo rằng: "Nếu sau này tôi đến Đức để dạy trà đạo đâu cần phải mang theo đồ linh ngình từ Tokyo sang, mà tại nơi đây, ở Düsseldorf này đủ hết cả". Tôi trả lời bằng một nụ cười đồng ý.

Rồi một hôm chúng tôi ngồi bên tách cà-phê nóng ở vỉa hè phố cổ thuộc thành phố Celle, đã nói chuyện về những năm tháng đã trôi qua cũng như những tháng ngày sắp tới. Chúng tôi đã hợp trọn không gian và thời gian; lúc bấy giờ tình nghĩa Thầy trò chỉ còn là những tư tưởng giống nhau của bằng hữu nhiều hơn là những dị biệt. Ngồi bên tách cà-phê, vợ của Thầy Takeda đã chia cho tôi mấy tấm hình chụp tại nhà Thầy vào năm 1987 khi tôi có dịp quay lại Nhật và có ghé lại nhà Thầy thăm. Thế mà tôi đã quên và lúc ấy tôi có học chế trà theo kiểu Nhật và tại Đức sau này có đôi ba lần tôi đã tổ chức trà đạo như thế cho những vị tham dự tu Bát Quan Trai thực hành.

Rồi một hôm chúng tôi đi vào một mảnh vườn xinh xắn mang tên Vô Thúc Cốc và Vô Học Cốc để giới thiệu cho Thầy Cô về nghệ thuật làm vườn của người Đức cũng như của người Việt.



Tôi vốn sinh ra từ nhà quê; nên rất thích ruộng vườn và cây cỏ. Cho nên lúc nào cũng muốn nơi ẩn cư của mình cũng phải có cỏ cây, sông núi, ao hồ thì mới vui với thiên nhiên mà sống trong những ngày còn lại của cuộc đời. Nên chùa Viên Giác đã tạo được những thuận duyên như thế.

Trong ngôi vườn này có một căn nhà nhỏ nhỏ 2 gian mà ai đến đây cũng thích ngồi thiền, dạy trà đạo, tĩnh tu... trong ấy có cả Thầy Takeda và Cô. Tôi đặt tên cho Cốc này là Vô Học. Hạnh Giới người lo thủ Cốc tại đây, đang trình Luận án Tiến Sĩ về Ngôn Ngữ Học và Tôn Giáo Học tại Đại Học Hannover mà cho là Vô Học thì cũng hơi khó nghe với người chưa hiểu đạo. Còn kẻ đã lướt qua Tam Tạng Thánh Giáo của Như Lai thì Vô Học có nghĩa là Vô Sanh, là A La Hán, là những vị đã chứng quả giải thoát rồi, không còn học nữa và không còn sanh tử luân hồi, lại qua trong lục đạo nữa.

Thượng Tọa Tiến Sĩ Seelawansa, Giáo sư Đại Học Wien - Áo Quốc, khi sang đây cũng rất thích và hè năm tới Thầy ấy sẽ hướng dẫn một khóa Thiền Vipassana cho một số người Đức, cũng muốn tổ chức tại Vô Học Cốc này. Chung quanh vườn có hồ nhỏ, có cây ăn trái, có nhiều loại hoa đẹp hiếm quý của Đức. Từ từ sẽ có những cánh hoa Á Châu sẽ được trồng xen lẫn vào đây, để vườn hoa văn hóa của xứ Đức này có thêm nhiều màu sắc long lanh hơn.

Sau khi nhận vườn đã có mấy lần Picnic cho cả chùa và các anh em công quả. Ai cũng khen là vườn đẹp, nhà lớn, khung cảnh nên thơ. Có trời, có trăng, có mây, có gió lộng. Bởi thế mà vợ chồng Thầy Takeda từ Nhật Bản xa xôi đến đây; nơi mà tắc đất tắc vàng, thấy khung cảnh thiên nhiên này rất thích và đề nghị để chỗ này dạy trà đạo theo kiểu Nhật khi Thầy Cô ấy về hưu. Dĩ nhiên là tôi đã đồng ý và thời gian ấy chắc cũng chẳng còn xa.

Các anh em công quả phá đi một số cây dại và thay thế vào đó bằng những luống cải bẹ xanh mùa đông. Trong vườn này chắc độ giữa tháng 11 năm nay mới thu hoạch lần đầu; chứ bên vườn của Hạnh Tấn, có cái Cốc tên là Vô Thức ấy thì rau đã xanh lắm rồi và đợt gặt hái đầu tiên vào tháng 10 vừa qua được mọi người tán thưởng.

Rau cải thiên nhiên, trồng không bón phân hóa học, chỉ toàn là cây lá mọc của mùa cũ đem bón phân cho cây cỏ năm này; nên khi dùng những đặc sản này chúng ta lại gần gũi với thiên nhiên hơn mà không sợ những phản ứng phụ của chất hóa học gây ra.

Thầy Takeda ngồi trầm ngâm nơi vườn ngoài của Vô Học Cốc, còn Cô thì huyền thuyên mọi điều đề nghị cho một phong trang có tính cách dân dã ấy và dĩ nhiên là tôi đã dạ dạ thưa thưa rất đúng với lễ nghi và phong cách của người Nhật để Thầy Cô ấy yên lòng. Đoạn Thầy hỏi về sự phát triển của Phật Giáo tại Đức và có lúc Thầy sánh tôi với Giám Chân Hòa Thượng, người có công mang Phật Giáo từ Trung Quốc sang Nhật Bản vào thế kỷ thứ 6. Còn tôi mang Phật Giáo từ Việt Nam và Nhật Bản vào đất nước này cũng là kẻ tiên phong. Dĩ nhiên là tôi rất xấu hổ với lời ca tụng này. Vì lẽ tôi không là gì cả. Chỉ là một hạt cát nhỏ trong sa mạc mà thôi.

Vi sao vậy? Vì việc khen chê ở cuộc đời này là sự thương tình. Ta phải bình tĩnh trước lời chê và nhún nhường trước lời khen và tốt nhất hãy xem sự khen chê ấy không là gì cả. Vì tất cả đều là pháp hữu vi, có đến phải có đi, có còn phải có mất. Người nào đó, khi còn sống cũng như khi chết, họ khen ta không bút mực nào tả hết; nhưng nếu rui ro có một việc gì đó không như ý họ, thế là thần tượng, minh sư, kẻ đạo cao đức cả kia trở thành địa ngục A Tỳ, nơi giam giữ những tội nhân của thần tượng kia bị sụp đổ. Ta tu học Phật không phải như thế. Ta phải đứng vững trên đầu sóng ngọn gió, không vì lời khen mà vui, cũng chẳng phải vì chê mà buồn. Phải chấp nhận những tương đối trong cuộc đời này. Tôi luôn quan niệm rằng cuộc sống của mỗi người trong chúng ta có lúc bình yên, có lúc gợn sóng. Khi con thuyền lên đến tột đỉnh của ngọn sóng cũng có nghĩa là gió bão càng to hơn, càng lớn hơn và càng gào thét nhiều hơn. Lúc ấy ta phải làm gì? Nếu ta không vững tay chèo, sẽ dễ bị chao đảo con thuyền, sẽ có nguy cơ ngập nước và chìm sâu vào đại dương, cũng chỉ để cho nhân thế cười chê là ta không có bản lãnh. Do vậy phải hiểu rằng sau cơn gió to, sóng lớn ấy, bầu trời và mặt nước sẽ quang đãng, bình yên trở lại, để ta tiếp tục lái chiếc thuyền nan tiếp

tục cuộc hành trình trong sanh tử của ta.

Tôi đã chấp nhận mình là đất để hứng chịu những sạch nhơ của nhân thế và chấp nhận mình là nước để chuyên chở những trong đục của cuộc đời thì cần gì phải biện luận. Đây là hạnh của Ngài Địa Tạng và Ngài Quan Âm mà tôi đang thực hiện. Ngày xưa khi Phật còn tại thế có một câu chuyện được kể lại như thế này:

"Có một vị Tỳ Kheo không tinh chuyên giới luật; nhưng lúc nào cũng ganh tị với Ngài Xá Lợi Phất. Do đó vị Tỳ Kheo ấy đặt điều nói xấu Ngài Xá Lợi Phất với chúng Tăng. Một ngày nọ đến tại Đức Phật và Đức Phật cũng đã quán chiếu sự kiện này rõ ràng, sau đó kêu Ngài Xá Lợi Phất và vị Tỳ Kheo này vào để nghe lời giải thích.

Ngài Xá Lợi Phất thưa rằng: Lâu nay con thực hiện hạnh của đất, cho nên bất cứ ai bỏ một vật gì xấu lên đó con cũng chẳng buồn, mà đâu có liệng một cành hoa đẹp lên mình đất thì đất cũng chẳng vui. Do đó sự vu cáo của vị Tỳ Kheo kia đối với con không có ý nghĩa gì cả.

Đức Phật chỉ rõ sự sai trái của vị Tỳ Kheo nọ và vị ấy sám hối trước Ngài Xá Lợi Phất cũng như Đức Phật".

Đây là câu chuyện có thật khi Đức Phật còn tại thế và ngày nay ta đem câu chuyện ấy áp dụng vào tự thân của mỗi người khi thực hành Bồ Tát Đạo vẫn còn có giá trị như thường.

Trong Đại Trí Độ Luận, Đức Phật có dạy một câu chuyện rất hay. Chuyện kể rằng: Hai vị Tỳ Kheo đang bàn nhau về hình thức và nội dung của sự tu và sự chứng. Có vị thì bảo rằng sự chứng đạo có giá trị như vàng thật và có vị thì bảo rằng sự trong sáng thanh tịnh cũng giống như ánh sáng của chân lý. Đức Phật hỏi:

Nếu vàng ấy được chứa trong một cái túi dơ, thì các người lấy vàng hay lấy túi? hoặc giả bỏ túi lấy vàng?

Nếu trong đêm tối có một người hủi cầm đuốc soi đường. Vậy các người chê người hủi không cần đến đuốc? hay nhận đuốc mà không cần người hủi?

Cuối cùng rồi Ngài đã dạy: Tất cả những gì ở thế gian này đều thuộc về

đối đãi, đều có tính cách phương tiện. Hãy chấp nhận phương tiện để đi đến cứu cánh Niết Bàn. Nếu không có cái túi dơ ấy thì không có gì thay thế để đựng vàng được và nếu không có người cùi hủi ấy thì ai giúp mang ánh sáng đến cho ta? Do vậy mà tất cả đều cần thiết để thành tựu đạo nghiệp khi chọn con đường Bồ Tát Hạnh là thế.

Tôi cũng đã trải qua nhiều sự thử thách của cuộc sống. Cho nên những lời dạy như thế, những bài học như thế quả là giá trị vô song trên hành trình tu học của mình. Ai trong chúng ta khi sinh ra cũng đều tục lụy cả và trong cái tục lụy ấy nếu ta biết hướng thiện thì chúng ta sẽ làm chủ của sanh tử luân hồi. Còn chúng ta buông lung thì chúng ta mãi đắm chìm nơi bùn sâu nước đọng ấy.

Chẳng ai trong chúng ta khi sinh ra là Thánh nhân cả, mà phải đi từ con người, đặc biệt là con người biết tu học để trở thành Thánh, thành Tiên, thành Phật. Do vậy phải dụng công thật nhiều thì mới mong hạt minh châu nơi cõi lòng, tự tánh nơi tâm thức mới trở thành vàng thật và ánh quang minh rực rỡ của đêm đen được.

Thầy Takeda và Cô ở lại chùa Viên Giác Hannover 2 ngày. Sau đó Thầy lại về Nhật mang theo một số tài liệu bằng tiếng Đức có giới thiệu về sự phát triển Phật Giáo tại đây do tôi cung cấp, để sau khi về Nhật, Thầy giới thiệu với các sinh viên Đại Học của Thầy ấy và chắc rằng Thầy ấy kể lại cho họ nghe như sau:

"Tôi đến Hannover vào một chiều thu của năm 2002 để thăm người sinh viên Tăng sĩ Thích Như Điển, đã học tiếng Nhật với tôi cách đây hơn 25 năm về trước tại Đại Học Teikyo ở Tokyo; nhưng điều đặc biệt là Thầy Cô đến đó đã không liên lạc trước bằng điện thoại. Có thể gây cho người Tăng sĩ Việt Nam này một sự ngạc nhiên và biết đâu người ấy lại nhớ tôi. Vợ chồng tôi đã vào ngồi nơi chánh điện chùa Viên Giác theo kiểu Nhật, dĩ nhiên là Thầy ấy biết là người Nhật; nhưng đã chẳng biết là Nhật nào. Mà quả đúng như vậy, sau khi có người báo tin cho biết, Thầy ấy đã lên chánh điện gặp tôi và vợ; nhưng đã chẳng nhận ra. Chỉ mới 16 năm thôi mà. Vì năm 1987 Thầy ấy có gặp tôi khi trở lại thăm

Tokyo lần ấy. Có lẽ tôi đã già? Hay Thầy ấy đã có quá nhiều chuyện để phải lo, đâu có cần lưu tâm làm gì đến một ông giáo già dạy Nhật ngữ? Có phải thế không các bạn?

Nhưng không đâu - Sau một phút giới thiệu là Thầy ấy đã nhớ ra rồi. Tiếng Nhật vẫn còn sôi sục. Thật đúng với câu: Thiên tài của ngôn ngữ học mà Thầy Kikuchi đã khen Thầy Như Điển khi nào. Chúng tôi đã đàm đạo suốt 2 ngày liền và cũng đã nói cho Thầy ấy nghe về dự tính của chúng tôi sau khi hưu trí ở Đại Học.

Thời gian trôi qua nhanh quá phải không các bạn. Mới đó mà tôi đã quá già và chàng thanh niên Tăng sĩ Việt Nam ngày ấy, bây giờ tóc cũng đã hoa râm và đang trụ trì một tự viện rất lớn tại Hannover - Đức Quốc, mang tên là Viên Giác Tự. Còn đây là những tác phẩm bằng tiếng Việt đã được dịch ra tiếng Đức của Thầy ấy. Các bạn hãy xem đi! Và có lẽ cũng chẳng hiểu gì. Vì tiếng Đức đâu phải là một ngôn ngữ đơn giản như các bạn biết đó.

Tôi không ngờ tình Thầy trò lại có thể bền lâu như thế. Nhiều lúc nó còn bền lâu hơn cả tình nghĩa vợ chồng. Có phải thế không các bạn? Nếu không tin, thời gian càng lâu sẽ chứng minh được câu nói của tôi là đúng.

Dĩ nhiên là Thầy ấy chẳng cần khen. Vì Thầy ấy tu theo Phật Giáo và biết rõ sự vô thường, sự giả tạm của thế gian; nhưng không khen sao được, khi người đó, chính là học trò của mình hơn 25 năm về trước. Nhưng bây giờ các bạn có biết không? Có lần tôi bảo: Thầy Như Điển là Thầy của tôi rồi đó! Các bạn chắc chẳng tin đâu. Làm gì có chuyện đó. Nhưng đó là sự thật. Vì Thầy ấy ngày nay, không phải là người sinh viên của Đại Học Teikyo vào năm 75-77 của năm thứ 3 và năm thứ 4 ngành giáo dục nữa, mà Thầy ấy là người của quần chúng, của mọi chúng sanh và tôi cũng là một chúng sanh trong ấy...".

Đó là một dự đoán của tác giả, cũng có thể Thầy Takeda nói khác đi, hay hơn thế nữa, tốt hơn thế nữa; nhưng đồng thời cũng có thể xấu hơn thế nữa. Ví dụ như suốt mấy ngày chỉ cho ăn bánh mì Đức, cơm Việt Nam mà chẳng có Misosuru (súp đậu nành) của Nhật v.v... và v.v... nghĩa là còn

những chuyện để kể cho sinh viên của Thầy Takeda nghe trong suốt mấy giờ đầu của khóa mùa đông năm học 2002 này.

Hôm nay ngày 17 tháng 10 năm 2002 nhằm ngày 12 tháng 9 năm Nhâm Ngọ, tôi đã cúng lễ kỵ đầu của Sư Phụ tôi, người đã có công cho tôi xuất gia học đạo, thế phác quy y. Người cũng đã là một ánh sáng cho tuổi thơ của tôi khi mới chập chững vào đời. Hôm nay Đại Chúng làm lễ tưởng niệm Người và đã đọc một phần tiểu sử của Thầy tôi trong những năm cuối cuộc đời. Tôi thấy Thầy mình vĩ đại quá, cao cả quá mà trong quá trình làm chủ tiểu của tôi từ năm 1964 đến năm 1968 ở hai chùa Phước Lâm và Viên Giác tại Hội An tôi đã chẳng nhận ra được. Nếu có nhận ra thuở bấy giờ cũng chỉ là những điều nhỏ nòi, cục bộ; chỉ biết bảo vệ cho cái tự ngã của mình để phán đoán một vấn đề; chứ không phải như ngày hôm nay. Không biết có phải rằng bất cứ ai trong chúng ta cũng phải đợi cho người thân chết rồi ta mới nhận ra được điều đó chăng. Hay có người đang sống vẫn hưởng được những hạnh phúc an lạc trong khi sống và thực hành giáo lý của Đức Như Lai? Nghĩa là: chơn thật bất hư.

Giới thu đang lay mạnh những cành cây bên hông chùa làm tôi chợt tỉnh cho cơn vô thường của nhân thế và tôi cũng biết rằng một ngày nào đó mình phải ra đi. Khi ra đi chúng ta sẽ mang theo được gì và gởi lại nơi nhân thế này những gì; thiết nghĩ ngay bây giờ hãy chuẩn bị cho gói vào hành trang của mình và tha nhân ở kiếp này cũng như mai hậu có một cuộc sống tâm linh đầy ý nghĩa, không hận thù, chia rẽ mà lúc nào cũng như lúc nào tình thương trí tuệ vẫn là những chất liệu dưỡng sinh trong cuộc sống của mình.

Hướng về vị Thầy cũ và nhiều vị Thầy cũ; trong đó có vị Thầy dạy học mà cũng có vị Thầy dạy đạo, tôi thành tâm cảm niệm những thâm ân của bất cứ ai đã giúp mình có được một cuộc sống cao đẹp, có giá trị miên viễn trong tình thương yêu của Đức Phật và nhất là tư cách, phẩm giá của một con người và con người đó dẫu dưới bất cứ hình thức nào cũng mang một giá trị tâm linh cao thượng của nó.

Viên Giác tự một chiều thu của năm 2002

Ký Sự DƯỚI CHÂN THẦY CON ĐÁNH LỄ

*Đường về Già Lam mưa thấm ướt,
Chân người viễn xứ chột nao nao!*

Một tháng hè nghỉ ngơi của chúng tôi đi qua thật nhanh. Dĩ nhiên được thư giãn tôi có nhiều thời gian để hoàn thành những nguyện vọng riêng của mình và của bạn bè gởi gắm. Đó là viếng thăm Thầy Thích Tuệ Sỹ.

Trên đường đưa đến chùa Già Lam, mưa rơi tầm tã. Mọi người đều ướt át thấm lạnh, riêng tôi cái lạnh này có lẽ không phải do mưa rơi bên ngoài mà là lòng tôi thấm lạnh khi nghĩ tới Thầy. Vào chánh điện gặp cửa đóng then cài, tôi tìm người hỏi thăm để xin vào đánh lễ Phật. May quá chú hương đăng ở đầu đi ra mở cửa khi được thông báo có Phật tử tới viếng chùa. Thấy chú nhả nhận, vui vẻ khi lễ lạy xong được nước tôi ngập ngừng "đòi hỏi": "Thưa Thầy chúng con xin phép gặp Thầy Tuệ Sỹ!". Lần đầu đến đây chưa phân biệt ai là Thầy ai là chú để xưng hô đúng thủ bậc, thôi cung kính gọi Thầy là ổng nhứt dù trong đạo dạy phải coi cái "Ngã" là vô Ngã. Chú hương đăng đưa tay chỉ hướng khác rồi nói "Thầy ở trên đó!". Trước khi quay lưng để đưa đường dẫn lối, chú tò mò nhìn chúng tôi, hỏi "chị ở bên đây?"

- Dạ bên kia! Tôi đáp gọn.
- Vậy chị ở Mỹ?
- Dạ Đức!

Nghe xứ Đức coi bộ không nổi tiếng bằng xứ Mỹ hay chẳng chú lại hỏi lạc đề:

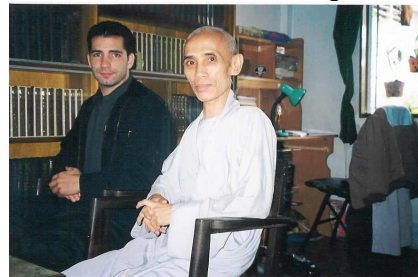
- Bên Mỹ nghe nói có nhiều chùa lắm phải không?
- Dạ nhiều, nhưng con chưa đi Mỹ lần nào nên không biết!

Thôi rồi chú gặp phải người nhà quê mới ra tỉnh hỏi chi cũng không biết nên chú im luôn.

Tới trước phòng thầy chúng tôi dừng lại chờ chú vào trình báo. Thời gian lúc này đi từng bước hay sao, hay muốn tập cho tôi thêm tánh kiên nhẫn đợi chờ? Rồi thì con tôi quay lại nhắc khẽ: "Thầy ra kia!".

Việc gì tới cũng phải tới. Chồng con tôi đứng trước Thầy cúi đầu đánh lễ.

Thầy đưa tay yên lặng chỉ ghế cho chúng tôi ngồi. Nhìn dáng Thầy gầy gò khác khổ nhưng đôi mắt sáng tinh anh nghiêm nghị, như có gì xui khiến tôi vội sụp xuống lạy ba lạy mà không ngăn được lệ trào. Đây là sự thực chớ nào phải trong mơ vì tôi cứ ước được một lần đánh lễ, tạ ơn thầy đã vì Phật tử chúng con mà chịu lặn lội lao đao chốn lao tù oan trái. Câu đầu tiên là lời vấn an sức khoẻ, Thầy trả lời "không khoẻ lắm!". Tôi nghĩ đến chị Nam đã dặn dò "Thầy rất yếu, chị về Sài Gòn nhớ mua trà sâm, sữa, mật ong cùng chút tịnh tài gỏi cúng đường dùm tôi để Thầy có sức khoẻ!". Vì chưa được hội ngộ với Thầy lần nào, vì sợ thất lời hứa như năm ngoái hoặc không biết Thầy có bận rộn việc phật sự đi vắng hoài như các Thầy bên này không nên khi xe tới Sài Gòn tôi cho trực chỉ tới chùa G L để thăm viếng sơ khởi



rồi xin hẹn sẽ được viếng lần thứ hai. Chưa sắp xếp chương trình nên tôi không hứa chắc ngày nào sợ Thầy bận tâm. Ra ngoại quốc chúng tôi là kẻ sống đời lưu vong, vô sản, tuy có nhà cửa tạm trú qua ngày nhưng không thể nói được câu nói "cái nhà là nhà của ta...". Giờ đây trở lại quê hương tôi vẫn là kẻ không nhà không cửa, nay ở đây đôi ngày, mai tấp chỗ khác đôi hôm như lục bình trôi nổi.

Hai ngày đầu tôi theo con cháu về miền Tây nghỉ ngơi, bớt mệt đã vội trở lên Sài Gòn trước là thăm viếng Thầy, bạn bè bà con và sau là được đi lại trên con đường Duy Tân với cây dài bóng mát của ngày xưa. Nhưng than ôi! Con đường kỷ niệm vẫn còn đó và bóng mát của hàng cây bên đường vẫn còn đây nhưng sao nó không làm cho đôi chân của khách lữ hành được đôi giây êm dịu, tinh lặng như bước chân người thiền giả? Tôi buồn nhưng xin đừng hỏi vì sao tôi buồn! Trong chuyến về thăm quê năm ngoái tôi cũng lập chương trình cùng ý định viếng Thầy, không những một mà cả hai lần hứa và hẹn để rồi cuộc tối giờ phút chót gặp lý do "làng xệt" khiến xe tôi chùa Già Lam rồi mà tôi đổi ý chạy

tới nơi khác. Tôi biết mình chưa tới duyên để được gặp nên khiến như vậy thành ra tôi rất bình tĩnh không một chút buồn phiền. Trái lại con tôi đi chơi không mục đích mà tình cờ có dịp ghé chùa vì bạn học cũ thuở nhỏ của nó ở gần đây, nên được gặp Thầy. Không có chuẩn bị, con tôi không mang máy theo để chụp kỷ niệm tấm ảnh Thầy một mình ngồi nghiền ngẫm câu công án "tôi nhìn tôi trên vách" rồi dùng ánh mắt từ bi nhẫn nhục để chỉ tìm thấy lỗi mình mà không thấy lỗi người như lời Phật dạy. Thầy biểu chúng tôi và gia đình anh Nam mỗi người một cuốn sách. Biết chúng tôi là đệ tử Thầy Viên Giác nên Thầy hứa sẽ gởi tặng Sư Phụ một cuốn sách đang in. Quan sát thư phòng Thầy rất đơn giản, ngoài cửa bước vào bên tả là tủ sách lớn có một bàn nhỏ để Thầy viết lách, bên hữu có một ghế thấp đặt máy thu băng, tôi đoán có lẽ khi rảnh rỗi Thầy mở nghe tụng kinh niệm Phật chẳng? Chúng tôi không dám nói chuyện và hỏi thăm nhiều sợ Thầy mệt chỉ đưa mắt nhìn Thầy để cố thu vào bộ nhớ hình bóng gầy gò kham nhẫn để về đây vẫn không quên hạnh nguyện của Thầy. Thấy bên ngoài cửa sổ có một hành lang hẹp, một người thợ đang đóng đinh để treo những chậu hoa Lan, kể đó có một người Cư sĩ trung niên đứng coi thợ làm việc, thỉnh thoảng quay vào ngó chúng tôi. Vì lịch sự, chúng tôi không muốn cản trở sự làm việc của họ, hơn nữa tôi cũng có dẫn theo đám "tùy tùng con nít" khá đông, sợ chúng thất bỏ đề tâm ngồi chờ lâu quá khi mình muốn gieo duyên cho chúng nên đành kiếu Thầy và hẹn lần sau tới đón sách Thầy đã hứa. Rồi bốn hôm sau tôi mang tịnh vật của chị Nam và gia đình tôi tới để nhân mùa Vu Lan báo hiếu, hai gia đình chúng tôi được dâng cúng trai tăng. Biết nơi Thầy trú rồi nên hai mẹ con tôi đích thân lên gặp Thầy, chồng tôi ngồi dưới chánh điện lạy Phật, chờ tôi. Tới nơi có chú điệu nhỏ trạc mười lăm tuổi ngồi chơi trước cửa trả lời "Giờ này Thầy không tiếp ai hết!". Tôi lo sợ vẫn vợ và bắt đầu lời "thức" và "tưởng" ra để suy nghĩ và đoán. Thôi đành xuống nước nhỏ với chú điệu "mâm non" này xem sao:

- Chú làm ơn nói thầy cho tôi gặp liền được không vì tôi ở xa và xe Taxi không chịu chờ lâu!

Chú vào báo cáo rồi chậm rãi trả lời:

- Thầy chỉ tiếp người Mỹ (hay bên Mỹ?) tôi nghe loáng thoáng chữ Mỹ vì chú nói nhỏ quá.

- Tôi ở Đức, Thầy có gặp một lần rồi và hẹn lần này tới thỉnh sách. Tôi thì thăm vừa đủ nghe như chú lí nhí trả lời hộ Thầy. Lần này chú cũng chịu khó vào trình và trở ra tươi cười dặn:

- Mười giờ thầy mới tiếp tự do!

Tôi thở phào nhẹ nhõm rút lui xuống dưới lầu ngồi chờ ba mươi phút nữa. Mười giờ quá năm phút tôi trở lên và được gặp Thầy. Qua vài câu hỏi thăm ngắn ngủi thì có khách ngoại quốc tới, Ông ta là người Mỹ dạy học ở Việt Nam, theo đạo Tin Lành nhưng về sau muốn nghiên cứu thiền nên đến thỉnh giáo Thầy, chúng tôi lại lui ra để ông được ưu tiên. Độ mười lăm phút vị khách này ra về chúng tôi lại lên lầu lần nữa giống như Đường Tam Tạng khi xưa đi thỉnh kinh. Ngồi chưa yên thì một bà khách bước vào, giống như lần trước tôi định đứng dậy nữa thì Thầy khoác tay bảo ngồi yên và giới thiệu đó là má chú điệu mang cơm đến lo cho chú độ nhật. Thầy cho biết trong tuần Thầy có hai ngày dạy cho các Tăng sinh. Tôi thêm được nghe giảng nên hỏi xin dự thỉnh, Thầy bảo không được vì Thầy chỉ dạy chữ Hán chứ không thuyết pháp, tôi nghe cũng không hiểu. Biết hai con tôi đều là thanh niên Gia Đình Phật Tử nên Thầy khen ở nước ngoài Phật tử tu hành tinh tấn hơn trong nước. Không biết nói gì hơn mặc dù trong lòng còn nhiều khúc mắc, thôi đành kiêu ra về sợ Thầy mệt mỏi và hẹn ngày ra phi trường sẽ đến đón sách vì sách tới khoảng đó mới in xong.

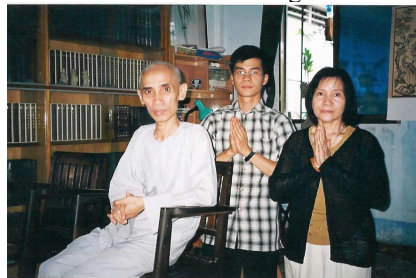
Đại lễ Vu Lan đã tới tôi còn lưu lại Sài Gòn để chờ đi một vòng hành hương các kiếng chùa ở đường Lê Quang Định này. Đó cũng là mục đích chính của chuyến đi năm nay. Đã hai lần được gặp Thầy, ngày Vu Lan tôi yên tâm tới chùa tụng kinh cầu an lễ Phật nhưng không ghé qua thăm Thầy nữa vì muốn Thầy được yên tịnh.

**"Nhưng ai tâm xao lãng,
"bước vào chùa tháp Phật.
"Nói con tôn kính Ngài,
"Đều đã thành phật đạo!"**

Những dòng kệ này khắc trên vách khi bước vào chánh điện đã làm tôi xao xuyên. Ba má tôi rồi kể kiếp gia đình tôi, mấy mươi năm qua sống kề cận xung quanh chùa Già Lam mà có bao giờ tôi bước vào lễ Phật để thốt lên câu

"nói con tôn kính ngài!". Tôi chỉ bước vào để cầu phúc, cầu may và thật hiếm hoi chỉ vào chùa có ba lần lễ lớn trong năm để ăn cơm chùa khi bà hàng xóm bên cạnh có rủ mới dám đi.

Đây là trước khi chúng tôi ra nước ngoài kia! Vì mong mỗi được xuất ngoại sớm nên đến chùa cầu xin Phật giúp đỡ. Tâm tôi là đứa con hoang đi biển biệt, không ai nhắc nhở để lôi kéo trở về nhà. Hôm nay đứng trong chánh điện chùa Già Lam, được nghe quý Thầy tán tụng theo lễ nhạc miền Trung, tôi bỗng nhớ những ngày lễ lớn nơi chùa Viên Giác quá chừng! Cũng các chú Tăng áo vàng rực rỡ, chính giữa có ba Thầy lớn, hai bên tả hữu các Thầy đứng tụng hòa theo với chiêng trống vang rền. Bên dưới là Phật tử và quan khách tham dự. Nào có khác gì đâu khi tâm chúng ta hướng đến Phật, mặc dầu chúng tôi và các bạn đồng đạo ở Việt Nam bị ngăn chia bởi những bến bờ đại dương mênh mông nên chúng tôi không được cùng nhau nối rộng vòng tay và cùng ngồi dưới Phật đài lặp lại lời nói của đấng Từ Phụ: "Ngài là Phật đã thành, chúng con là Phật sẽ thành!". Ngày Vu Lan tháng hội con hèm chùa Già Lam rộn rịp hẳn lên, Phật tử ra vào tấp nập. Một hàng người ăn xin đứng tụ tập trước cổng để mong chờ thí chủ thập phương bố thí. Trong khuôn viên chùa có một cây to cành lá sum xuê, đặc biệt cây đang trở hoa đầy cành. Hoa rất lạ, cánh hoa dày màu đỏ huyết dụ, nhụy vàng như nhụy sen nhưng đài hoa mỏng manh hơn. Phân nửa đang ra hoa và



phân nửa đã kết trái thành từng chùm như trái sung. Đứng quan sát cây cảnh trước tượng Quan Âm thì một cánh hoa rơi xuống bên tôi. Ngõ hoa cũng như hoa sứ thỉnh thoảng rơi rụng bình thường nên tôi chẳng để ý, bỗng một nhóm cô gái trẻ vội vàng tranh nhau lượm, trong tôi tự nhiên có liên tưởng đến cây bồ đề bên đất Phật ở Ấn Độ. Người ta chờ lá rụng để nghĩ rằng đó là lộc phật đến tay mình. Tôi bắt đầu chú ý và thắc mắc muốn biết tên hoa này. Chưa thỏa tò mò thì một cậu bé tinh nghịch ném tung chiếc dép để cho hoa và trái rụng xuống

nhưng chỉ được một hai trái nhỏ như trái trứng cá rơi xuống. Tôi chán nản cho cánh "hái lộc" kiểu này nên không buồn nhặt. Bên tai nghe tiếng la rầy của các cô gái chưa dứt thì kia có bóng dáng vài Thầy đi tới, một trong mấy cô hỏi cây này tên là gì thì Thầy cho biết đó là cây Sa La thời Đức Phật ở Ấn Độ có trồng. Biết được tên cây và hoa quen thuộc này bỗng dưng tôi ước ao có một cánh hoa để gọi là "lộc kỷ niệm chùa Già Lam" nhưng chắc gì hoa sẽ rụng hoài hoài đâu mà ước và chờ cho mệt. Tôi đi tới đi lui lượm một cánh hoa đã héo rơi ra đất tự bao giờ không ai thèm nhặt định cất vào bóp, như có sự cảm ứng hay sao, một cánh hoa khác rơi xuống bên tôi. Nhanh nhẹn tôi chụp ngay lấy và đưa lên mũi hôn để thăm cảm ơn, hoa rất tươi và có mùi thơm nhẹ như hương sen. Được toại ý hai mẹ con tôi đến đánh lễ tượng Quan Âm bên cạnh để ra về. Vì còn phải đi nhiều chùa nên chúng tôi không ở lâu một chỗ nào. Trở ra là gặp Tịnh Xá Ngọc Phương và đầu hèm là chùa Từ Thuyền, bước vào cửa chúng tôi được các Sư cô chặn lại để cài hoa hồng lên áo, lên chánh điện lạy xong trở xuống được các cô giữ lại dùng cơm chay. Tôi không đợi mời lần thứ hai và rất "tự nhiên như người Hà Nội" bởi bụng tôi đang kêu gào rồi. Vừa thưởng thức vừa để ý những món nào bên này bà con chúng tôi không có nấu dạng ghi nhận về báo cáo cho cô Trưởng ban Trai soạn bắt chước. Tiếp theo là chùa Liên Ứng nằm tận cùng hèm còn nhà chúng tôi ở khi xưa thì nằm ở gần đầu hèm. Lần thứ nhứt tôi mới có duyên bước vào chùa này khi tôi ở đây từ nhỏ tới lớn mà vô tình quá hay vô duyên quá chưa một lần bước chân vô. Trạm chót để chấm dứt chuyến hành hương là chùa Dược Sư. Ban sáng tôi đã ghé trước nhứt gặp chùa đang làm lễ và các Phật tử đang dâng y cúng dường quý sư. Giờ trở lại lễ đã xong và Phật tử thưa thớt đang dùng cơm chay. Tuy không đói nhưng muốn quan sát nhà bếp và Ban trai soạn của chùa để học hỏi nên tôi nán lại dùng thêm. Bên chùa Từ Thuyền thì thức ăn dọn sẵn ra bàn, ai tới cứ tự nhiên ngồi dùng còn nơi đây bà con phải xuống bếp tự "servir" lấy. Dùng xong mang muỗng đĩa ra cho ban rửa chén làm việc. Những chùa tôi đi viếng đều gần kề nhau nên Phật tử không đổ dồn về một chỗ chen lấn mệt mỏi.

Ngày ra phi trường về lại Đức, như đã hứa tôi tới tạm biệt Thầy và nhận sách biểu. Thấy cửa đóng then cài, tôi gõ cửa nhưng không ai lên tiếng. Hơi lo vì hẹn mà không nói ngày nào nên Thầy đi vắng chăng? Bây giờ đâu thể hoãn lại



được, may quá có một chú học tăng đi tới tôi nói lý do xin gặp Thầy chú lắc đầu làm khó dễ "không được! Thầy không tiếp ai hết!". Hoảng hồn tôi phải nói rõ đã có hẹn trước, chú thương tình bảo "gõ cửa thử xem! nếu có chú điệu trong đó thì chú sẽ mở", tôi gõ ba, bốn hiệp cũng im ru. Bóng chú tăng kia đi khuất rồi tôi lại phải chờ nữa mà không dám đi tới đi lui, lại sợ đủ thứ vô vẩn. Trời không phụ người lành, một chú khác đi tới, tôi lại trình nữa, chú này "biết điều" hơn hỏi tên gì, ở đâu, lại kê khai thêm. Chú nhanh nhẹn mở cửa và biến mất vào trong. Chỉ một giây chú trở ra trên tay cầm ly nước và mời tôi ngồi như thông cảm sự "khổ sở" chờ đợi của tôi. Bóng Thầy xuất hiện kèm hai quyển sách dày trên tay. Tặng Phật tử thì Thầy ký tên đóng dấu, tặng Sư Phụ tôi Thầy chỉ nói "thôi không cần phải ghi chi cả!". Nhớ lời anh Nam căn dặn "Thầy biểu bao nhiêu chị cứ mang về tôi thỉnh hết!", rồi nghĩ đến mình cũng muốn mang về hết nếu Thầy tặng nhưng eo ôi! hành lý tôi dự trữ cho "quả giò chót" này chỉ vài ký là cùng nên không dám hỏi thỉnh thêm. Đâu phải chỉ có sách thôi, ông chồng tôi chia nhau công việc chạy qua chùa Dược Sư để lấy áo đã đặt nhưng tới giờ phút chót mới xong. Mọi việc đã ổn, xe tôi đẩy áp hành lý cùng người đi đưa nhưng vẫn bon bon nhẹ tênh chạy ra phi trường vì xe cùng người có sự thông cảm lẫn nhau. Còn nhớ khi trở lại chào Thầy có hỏi "anh chị về Sài Gòn thấy vui không?"

- Bạch Thầy, "vui và buồn và nặng nề khó thở vì bụi cùng xe quá nhiều!"

- "Chị về tháng này là đỡ, mấy tháng trước nóng lắm, trong phòng nực nội tôi cũng muốn điên luôn!"

Tôi thông cảm với Thầy vì về đây tháng hè là không tránh khỏi cơn nóng "chảy mồ chảy dầu". Tuy trời có mưa,

ANH-THƯ Ngọc-Hạnh

(Mến tặng nữ chiến sĩ Việt Nam NGUYỄN THỊ NGỌC-HẠNH đang bị "cầm tù chính trị" tại Mỹ - 10/2002)

Ngọc-Hạnh, Người ơi, đẹp tuyệt vời:
Người đem mình liều chống đười-ươi !
Quyết vung tay ngọc, trừ quỷ đỏ,
Má đào, gan thép, diệt ma-troi!

Vạch mặt, điểm tên lũ gian tà,
Lột trần tội ác Cộng yêu ma!
Người nguyện một thề, vì chính nghĩa,
Lòng son, chí lớn, gấm thêu hoa !



Tám hướng biết chẳng ?
Có thấu chẳng ?
Cán cân công lý phải thẳng bằng !
Bia miệng thiên thu! Bia đá tạc !
Chớ làm hậu sử phải ăn năn !

Ngọc-Hạnh, Người ơi, sáng như sao:
Gương anh-thư Việt rạng trời cao !
Uy danh rực lửa, bùng tranh đấu,
Cổ kim Việt-nữ vẫn anh-hào !

Paris, thu 2002
Nam Thiên Hàn Sĩ
Hồ Trọng Khôi

(Chúng ta có gần 80 triệu chứng nhân - nạn nhân CS - vẫn chưa đủ cho Mỹ hiểu thế nào là "toàn dân Việt Nam chống Việt Cộng độc tài" hay sao ?)

nhưng không thấm vào đâu cả. Có một điều tôi để ý, hình như khí hậu tại quê nhà nóng hơn lúc tôi chưa ra nước ngoài vì hồi xưa nóng gì nóng các cô gái cũng vẫn mặc quần dài tất cả mà bây giờ trong tháng hè này nhìn đâu đâu cũng chỉ quần lửng lửng tới đầu gối. Ngay cả dưới quê miền Tây khí hậu để chịu hơn họ cũng mặc quần ngắn như vậy.

Tới phi trường vào phòng cách ly chờ cân hành lý, tôi biết chỉ còn hơn tiếng đồng hồ là tôi sẽ bỏ lại tất cả những gì mà tôi lưu luyến yêu thương như ngày tôi bỏ nước ra đi.

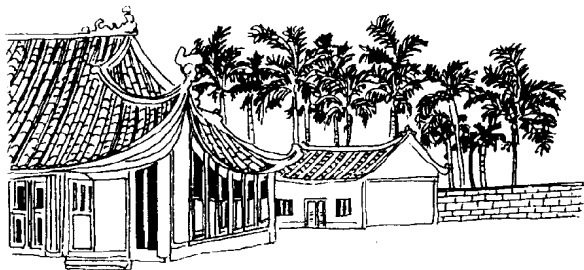
"Mai này tôi bỏ quê tôi
"Bỏ trắng, bỏ gió chao ôi bỏ
chùa!"

Nhưng có một cái tôi không sao vứt bỏ được là tình yêu quê hương đất nước. Mẹ Việt Nam hãy thông cảm cho đàn con "hư thân" đi biệt biệt không về bên mẹ. Mộng hải hồ của chúng con chưa phải thì xin mẹ tha tội khi chúng con chưa thốt lên được câu nói:

"Ta về ta tắm ao ta,
"Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn!"

• THIÊN - HẬU (München)

Những ngôi chùa Việt Nam tại Thái Lan



● Thích Huệ Giáo

Có lẽ chỉ có một vài trang tài liệu trong thư tịch Phật giáo Thái Lan (PGTL) nói về Phật Giáo Việt Nam (PGVN), tuy nhiên với sự động viên của Chư tôn đức và nhu cầu tìm hiểu về PGVN tại Thái Lan của đông đảo Phật tử, chúng tôi mạo muội giới thiệu vài nét chính về những ngôi chùa thuộc Phật Giáo Việt Nam hay còn gọi là Việt Tông (Annamikaya) tại xứ sở này.

I/ Nguồn gốc:

Sử thuyết cho chúng ta biết Phật Giáo Việt Nam đến Thái Lan vào khoảng thế kỷ thứ 18, bằng nhiều lý do và nhiều con đường khác nhau, tựu trung gồm những lý do chính:

- Lý do chính trị: Khi đất nước lâm nguy, từ nội chiến ngoại chiến, nhiều người Việt Nam đã tìm cho mình con đường thoát thân, xứ sở của hòa bình là đất lành mà con người tìm đến. Đây là dấu hiệu tất yếu của loài người và các quốc gia luôn bị ngoại xâm. Thái Lan là một trong những miền đất hứa lúc bấy giờ cho người Việt di cư.

- Lý do tôn giáo: Sự phát triển và truyền bá tôn giáo, PGVN cũng như các nước Phật giáo khác, không đóng khung trong khuôn khổ phạm vi lãnh thổ của mình, mà còn vượt qua các nước láng giềng khi có cơ hội.

- Lý do hòa nhập: Lý do này là tiền đề của tất cả sự bang giao về phương diện văn hóa của khu vực và những nước láng giềng. Sự thu nhận các yếu tố văn hóa ngoại lai để làm phong phú màu sắc truyền thống văn hóa của sứ xứ mình, đó chính là xu thế phát triển của văn minh con người và xã hội. Do đó, dân chúng Thái Lan đã tiếp cận được một luồng gió mới là Phật Giáo Đại Thừa Việt Nam, và cũng chính là mấu chốt, yếu tố thật sự quan trọng để PGVN tồn tại nơi đất nước này.

Trong trào lưu truyền bá và hội nhập văn hóa đa phương, với những lý do trên PGVN vào đất Thái đầu tiên bằng con đường chính trị. Nội chiến xảy ra tại Annam đã đưa đẩy Hoàng Đế Gia Long đến với đất nước Xiêm La. Vua Gia Long sang đất Xiêm vào năm B.E.2325- 1781.AD¹, đầu tiên để lánh nạn. Tuy nhiên, yếu tố phục quốc hay lấy lại những gì của Tổ Tiên tạo

dựng là nỗi niềm khát khao của những người mất ngôi và mất nước.

Trong đoàn người cùng tháp tùng với Vua Gia Long, bao gồm cả Tướng, Sĩ, Thế dân chạy sang nước Xiêm, hầu hết là những người con Phật. Đã là người con Phật, dù đi đâu, trong hoàn cảnh nào Phật chất trong tâm của họ vẫn tồn tại, nhất là Phật tử Việt Nam, nơi nào họ cư trú nếu có thể nơi đó đã thành Phật đường, thế là những ngôi chùa được xây dựng. Từ đó, PGVN ghi dấu sự có mặt của mình trong trang sử Phật giáo Thái Lan. Cho đến hôm nay, dư hương của Vua Gia Long vẫn còn lưu nét trong trí óc của người dân Thái khi họ có cơ hội nhắc đến Việt Nam xưa (Annam) với tên gọi và phiên âm thân thiện Ong Ziang-Sue (Ông Thiên Tử).

Tuy nhiên, dựa theo sử liệu, thì Vua Gia Long không phải là người có công trong việc truyền bá và xây dựng ngôi chùa đầu tiên của PGVN, mà đó chính là một vị quan của triều đình, được đọc và phiên âm là Ong Ziang- Zun (B.E 2316-1772 A.D) (?). Nói về Ong Ziang - Zun, có một Giáo sư Việt kiều Thái cho rằng đó là quan tướng Tôn Thất Thuyết (???). Song, vì Ông này không phải là một Thiên tử do đó ít được nhắc đến trong cộng đồng dân Thái. Tuy nhiên, nói về người có công xây dựng ngôi chùa Việt Nam đầu tiên thì sử sách phải lưu truyền. Hai ngôi chùa đầu tiên được xây dựng trong thời trị vì của vua Taksin, vua của Dhonburi (1768-1782) B.E 2319². Và hai ngôi chùa kế tiếp được xây dựng ngay thời điểm Vua Gia Long cư trú ở đất Xiêm vào triều đại mới của Hoàng gia Thái Lan, triều đại Rama (B.E. 2325)³. Cũng từ thời điểm này PGVN nhận lãnh một cái tên cao quý được đức Vua Thái Lan ban sắc đó là Annamnikaya. Annamnikaya có từ thời Vua Yodfah chulaloke- Rama I (1782-1809) vẫn mãi lưu truyền cho đến hôm nay Vua Rama IX và sẽ mãi cho đến ngày sau.

II/ Sự Phát triển của Annamnikaya:

Sau khi ngôi chùa mang tên Thái là Wat Mongalasangom⁴, tên Việt Chùa Hội Khánh đầu tiên được thành lập, PGVN không ngừng tại đây. Chư Tăng Việt tông cũng đã có cơ hội truyền thừa và an vị tại xứ sở này. Trải qua thời gian dài, nhiều giai đoạn, từng địa phương khác nhau những ngôi chùa thuộc Annamnikaya được xây dựng, đáp ứng nguyện vọng của cộng đồng Việt kiều. Bên cạnh đó, người dân Thái đã có nhiều ưu ái và tín ngưỡng dành riêng cho PGVN. Trong đó không ít người Thái xuất gia trở thành những tu sĩ làm ruộng cật để truyền bá PGVN cho đến hôm nay.

Tính đến thời điểm hiện nay, Annamnikaya đã có 16 ngôi chùa nằm rải rác trên toàn đất nước Thái. Ngôi chùa mới đang được xây dựng gần đây nhất là Chùa

² Giả thiết ngôi chùa xây dựng từ năm này, tuy nhiên tác giả vẫn còn đang kiểm chứng.

³ Đây là năm xây dựng những ngôi chùa kế tiếp

⁴ ngôi chùa này là một trong 2 ngôi chùa đầu tiên được xây dựng, tuy nhiên đã được di dời và tái xây dựng lại từ năm 1956. Một trong ngôi chùa khác theo Ngài tăng trưởng Annamnikaya cho biết vì thời gian đó không có người trông coi, do vậy bây giờ thuộc dưới sự quản lý của Chinenikaya (Phật giáo Trung Hoa).

¹ Tài liệu giảng dạy Phật giáo Thái Lan, của trường Đại học Mahachulalongkorn Thái Lan, bởi phó giáo sư tiến sĩ Phramaha Somjin Sammapanno

Phổ Chiếu do Hòa Thượng Thích Kính Chiếu Tăng trưởng của Annamnikaya đứng trông coi xây dựng, cũng được biết đây là ngôi chùa đánh dấu sự nghiệp hoàng pháp của Ngài và được sự ủng hộ tinh thần nhiệt tình của Ngài phó vua Sãi tại Wat Sisaket (Chùa Tháp Vàng). Ngoài ra, 15 ngôi chùa khác hiện nay cũng đã tiến đến hoàn thiện trong nhiều mặt và luôn vẫn gìn giữ hành trì theo truyền thống PGVN, có thay đổi một ít sinh hoạt để phù hợp với truyền thống Phật giáo Nguyên thủy Thái Lan và văn hóa của người Thái. Địa chỉ những ngôi chùa Việt Tông như sau:

Tại thủ đô Bangkok có 7 ngôi:

1. *Wat Kusolsamakorn (Chùa Phổ Phước)*⁵
97, soi watkuson, Ratchawong, rd
Sampanthawong, Bangkok 10100.
2. *Wat Ananamnikayaram (Chùa Quảng Phước)*
27, Praccharat road 1,
Bangsue- Bangkok 10800.
3. *Wat Lokanuckor (Chùa Từ Tế)*
126, Ratchawong-Chawarat
Sampanthawong-Bangkok 10100.
4. *Wat Samananamborihan (Chùa Cảnh Phước)*
416 Lugluang- Siyak mahanak
Dusit- Bangkok 10300.
5. *Wat Upairadchabamrung (Chùa Khánh Vân)*
864 Charoenkrung- Taladnod
Sampanthawong- Bangkok 10100.
6. *Wat Chaiyapummikaram (Chùa Tỉ Ngạn)*
30 Yaovapanid- Chakrawad
Sampanthawong- Bangkok 10100.
7. *Wat Mongkornsamakom (Chùa Hội Khánh)*
48 Plangnam-Sampanthawong, Sub
Sampanthawong-Bangkok 10100.

Những ngôi chùa ở miền Nam Thái Lan:

8. *Wat Thamkhounoy (Chùa Khánh Thọ)*
18/1 Mou 5 Muangchum
Thamuang- Kanchanabury 71000.
9. *Wat Thawornwararam (Chùa Long Sơn)*
03 Chaokunen- Bannue
Mueng- Kanchanabury 71000.
10. *Wat Khednabunryam (?)*
28 Khuang- wadmai
Mueng- Chantabury 22000.
11. *Wat Mahayankanchanamadrabamrung (?)*
9 Mahapad- Sateng
Mueng- Yala 95000.
12. *Wat Annamnikaya (Chùa Tam Bảo Công)*
208 Mou 1 Donmanao
Songpinong- Suphanburi-72100.
13. *Wat Upaipatikaram (Chùa Khánh Thọ)*
475/ Supakid- Banmai

⁵ Nguồn lấy từ văn phòng của Ananamnikaya, tên Việt tác giả đọc từ chữ Hán cổng tam quan mỗi chùa. Những chùa chưa có tên Việt tác giả chưa có cơ hội để đến. Chùa Phổ Chiếu đang xây dựng chưa có địa chỉ chính thức.

Mueng Chachoengsao- 72100.

14. *Wat Thawornwararam Hadyai (?)*
45 Sangchan- hadyainai
Hadyai- Songkla 90110.

Miền Đông Bắc Thái Lan:

15. *Wat Sunthonpradid (Chùa Khánh An)*
44/3 Aduded- Magkhang
Mueng- Udonthani 41000.

Tất cả những vị trú trì những ngôi chùa này đều được nhà Vua Thái sắc phong, hơn một nửa số vị trú trì tuổi đã lớn. Tổng số Tỷ kheo và Sa di trong Annamnikaya không quá 500 vị so với con số 300 ngàn chư Tăng toàn đất nước Thái quả là khiêm tốn (!), tại Thái Lan Việt tông không có Chú Tiểu chỉ có Sa di dưới 20 tuổi và Tỷ kheo khi trên 20 tuổi đời, bất kể xuất gia ở thời điểm nào.

III/ Sinh hoạt và hoàng pháp hiện tại:

Chùa Phổ Phước do Hòa Thượng tăng trưởng Annamnikaya trụ trì hay còn gọi là Học Viện Tăng Già Phổ Phước, và cũng là văn phòng của Việt tông. Chùa Phổ Phước hiện nay là nơi chốn để chúng ta có thể đánh giá và biết được sự phát triển của Việt tông hiện tại cũng như tương lai. Bởi vì, nơi đây thanh quy của thiền môn vẫn đang được gìn giữ nghiêm mật, chư tăng được khuyến tấn tu học, Hòa Thượng trụ trì vẫn còn luôn khao khát tái hiện toàn bộ sinh hoạt của PGVN, những gì mà Ngài được học từ các vị tiền Tôn túc.

Về hành trì-tu học:

Hiện chùa này có trên 100 Tăng sĩ đang tu học, con số này vẫn luôn được duy trì mỗi năm, các Sa di được đào tạo theo chương trình giáo dục phổ cập của Bộ Giáo dục Thái. Sau khi tốt nghiệp ở học viện, các Sa di được và đủ tuổi để nhận lãnh cụ túc giới và tiếp tục theo học một trong nhiều trường Phật học cũng như là Đại học của Thái Lan hoặc trở về gia đình là một thiện tín. Riêng số chúng Tỷ Kheo ở Annamnikaya thì quá ít, thậm chí không đủ để phụ trách công việc của Học viện cũng như là giảng dạy và ứng phó đạo tràng.

Mặc dầu tu học theo hình thức PGVN, tuy nhiên chư Tăng vẫn áp dụng nhiều hình thức như một tu sĩ Nam truyền Thái Lan nghĩa là phải đi khát thực vào mỗi buổi sáng sớm, và gìn giữ đầy đủ quy chế Tăng sự của giáo hội Phật giáo Thái bên cạnh luật quốc gia dành cho tu sĩ Phật giáo. Từ đây, chúng ta có câu trả lời, tại sao giới Bồ tát hoàn toàn không được trao truyền trong Tăng sĩ Việt tông, vì nếu nhận mà không thực hiện được thì không nhận là biện pháp tốt nhất.

Vì phần lớn thời gian dành cho việc học tập, chư Sa di ở đây mỗi ngày chỉ thọ trì hai thời kinh Tịnh Độ và Công phu khuya. Trong những thời tụng kinh chúng ta luôn được nghe âm thanh đầy ca điệu Việt Nam, hoàn toàn bằng tiếng Việt, pha lẫn chút đỉnh thanh giọng Trung Hoa. Bên cạnh, ngoài thời gian học tập suốt ngày tại lớp, chư Sa di vẫn thường xuyên được Hòa Thượng

hướng dẫn cách đọc kinh tiếng Việt cho đúng và luôn được chính đốn chính xác, đây là công việc không mệt mỏi của Hòa Thượng Tăng trưởng, một tấm gương gìn giữ Phật chất Việt Nam đáng khâm phục. Sắc phục lúc hành lễ của Tỳ Kheo giống như Việt Nam, tuy nhiên khi ra bên ngoài cả Tỳ Kheo và Sa di không có áo nhật bình dài (có lẽ lúc bấy giờ chiếc áo nhật bình chưa ra đời, do đó chưa được truyền vào), thay vào đó chiếc y quấn ngang qua vai, đây là một hình thức khác với sắc phục thường nhật khi ra ngoài của PGVN quê nhà, tuy nhiên hình thức này là bất di dịch bởi đã được Đức Vua chỉ phong.

Về Ứng phó đạo tràng:

Có thể nói rằng ngoài công việc học hành, việc đáp ứng cầu an, cầu siêu bên ngoài là công việc chính của chư Tăng PGVN hiện nay, ngoài ra không còn một công việc nào khác như giảng pháp, hướng dẫn Phật tử tu tập, làm từ thiện, tham gia công tác xã hội v.v... bởi lẽ nhân sự đã quyết định trong yếu tố này. Đại giới trai đàn chẩn tế vẫn thường xuyên được tổ chức và cũng đã thể hiện đặc thù chất giọng Nghi lễ Phật giáo miền Nam Việt Nam.

Về Giáo dục:

Giáo dục đào tạo những Tăng sĩ có học là ước vọng và hoài bão chung của chư vị Tôn đức, ở đây đặc biệt là Ngài tăng trưởng, và từ đây chúng ta cũng có quyền hy vọng rằng Việt tông vẫn sẽ được duy trì, nếu có một phương pháp giáo dục Phật học chính thống. Hiện nay, Annamnikaya đã đầy đủ trường lớp cho mọi cấp học từ Tiểu, Trung và Đại học nằm ba miền của nước Thái. Đặc biệt, một trường Đại học chuyên về giảng dạy giáo lý Phật Giáo Bắc truyền mang tên Đại trí Văn Thù gọi tắt là Đại trí của Việt tông đã chính thức chiêu sinh trong năm này (4-2002). Đây là một sự phấn đấu không ngừng, một chiến lược đầu tư nhân lực lâu dài, một sự nỗ lực âm thầm ngày đêm của Chư Tăng Việt tông và quan trọng hơn cả là sự san sẻ thiếu sót của hệ thống giáo dục Phật học Thái Lan, nơi có những ngôi trường Phật học thành lập hơn cả trăm năm, có một chương trình đào tạo nhiều khoa, ngành mang tầm vóc quốc tế, vậy mà không có Khoa Phật Giáo Bắc Truyền!

Thiết nghĩ cần phải nói thêm về trường đại học này, theo như lời của Ngài Tăng trưởng, trường đại học này sẽ giảng dạy cả hai truyền thống Phật giáo, đặc biệt là tư tưởng Phật giáo Việt Nam làm nòng cốt, bên cạnh được mời sự cộng tác của Phật Giáo Đài Loan, Phật giáo Trung Hoa, Phật Giáo Malaysia cả Phật giáo Việt Nam, nghị quyết này cũng đã được phê chuẩn trong nghị định thành lập nhà trường, và đã in tằm trên tờ bướm của trường đại học. Tác giả bài viết này cũng thiết tha kêu gọi toàn thể người con Phật Việt Nam trên toàn thế giới đồng hướng tâm ủng hộ, để Phật sự này được thăng quang tốt đẹp.

Chương trình của trường đại học này không khác mấy trong hệ thống giáo dục Phật học các nước, ngôn ngữ giảng dạy tùy thuộc vào ngành học của sinh viên bao gồm: Trung văn, Anh Văn, Việt ngữ và Thái ngữ,

được biết đến đầu năm tới sẽ có chế độ tuyển sinh viên quốc tế và thi tuyển chọn ngay tại quốc gia của sinh viên muốn theo học đang cư trú, riêng sinh viên Việt Nam trúng tuyển sẽ được đài thọ toàn bộ học phí. Những môn thi chuẩn bị là Trung Văn, Việt văn và Anh văn trên nền căn bản Phật học.

IV/ Kết luận:

Như ở trên đã nói, đây mới chỉ là một sơ thảo do vậy chúng tôi giữ lại toàn bộ ý kiến, dữ liệu cung cấp, hiện là tài liệu giảng dạy môn Phật giáo Thái Lan của trường đại học Phật giáo Mahachulalongkorn dẫn chứng để viết bài này. Chúng tôi không so sánh, không đánh giá, tuy nhiên trong lòng vẫn canh cánh tìm tòi, và khám phá thêm độ chính xác của sử liệu. Bởi vì, với một mảng đề tài có bề dày lịch sử hơn 200 năm thế mà trong thư tịch Phật giáo Thái Lan chỉ vồn vện có vài trang giấy và được trích đi giảng lại không có gì mới lạ và thường bị sai lệch bởi các học giả dẫn chứng khác nhau. Hơn thế nữa, đây là công việc mà các học giả Thái thờ ơ nếu không muốn nói là họ không muốn nghĩ đến và quan tâm. Từ suy nghĩ cho là vấn đề thứ yếu, ngoài truyền thống, do đó cho đến hiện nay chưa có một văn bản nào về Annamnikaya được các học giả Thái công bố trong mức độ tối thiểu nhất, và chưa có một văn kiện nào được dịch ra từ tiếng Thái một cách nghiêm túc. Do vậy, từ lý do này chúng tôi vẫn luôn hoài nghi và đang theo đuổi tìm kiếm để có được một tài liệu giới thiệu tổng thể bức tranh lịch sử con đường của PGVN đến Thái lan.

Với công việc vượt ngoài khả năng như hiện nay, chúng tôi mong mỗi được lắng nghe, chỉ dạy từ các bậc Tôn túc am hiểu về Phật giáo Việt Nam tại Thái Lan, các vị học giả, những nhà sử học đóng góp và bỏ sức để vấn đề được sáng tỏ, làm giàu thêm trang Phật sử nước nhà. Đặc biệt, Annamnikaya có được một văn kiện lịch sử chứng minh họ đã có nguồn gốc rõ rệt chứ không phải chỉ là những minh chứng truyền khẩu như hiện nay.

Trong những sơ thảo kế tiếp chúng tôi hy vọng sẽ sớm giới thiệu, những vị cao Tăng nào đầu tiên đã đến đất nước này, và ai là người đã làm rường cột chấn hưng lòng tin của dân bản xứ vào PGVN, cũng như trạng thái chùa Việt hiện nay tại xứ sở của những chiếc y vàng.

Tài liệu tham khảo

1- Phra, Rajavaramuni, **Thai Buddhism in the Buddhist world**. Mahachulalongkorn Buddhist University, 4th printing- April B.E./2530/1987 C.E, ISBN 974-8356-75-2. Printed in Thailand by Amarin Printing Group.

2- Jumsai, M.L. Manich, **Popular History of Thailand**. Published by Chalermnit, 6th Edition, September 2000, Bangkok.

3- **Buddhism in Thailand** tài liệu giảng dạy tại trường Đại học Phật giáo Mahachulalongkorn- Bangkok- Thái lan, do phó giáo sư tiến sĩ Phramaha Somjin Sammanpano biên soạn.

Tâm tình người thiếu phụ

Nguyễn Tấn Hưng



Kể từ ngày Xa Càng miền Tây được thành lập ở mũi dùi Phú Lâm và Xa Càng miền Đông được xây cất ở ngã tư Hàng Xanh, ngoài tắc-xi, xích lô máy, xích lô đạp, và Honda ôm, ngành chuyển vận hành khách bằng xe Lam ba bánh đã phát triển mạnh mẽ. Xe đồ, xe lô ở miền Trung cũng như ở Lục Tỉnh không còn được phép léo hánh, bẹo hình bẹo dạng trên các nẻo đường hoa lệ dọc ngang, ngang dọc của thủ đô nữa. Quang cảnh xung quanh bến xe An Đông, bến xe Chợ Lớn càng ngày càng xơ xác, tiêu điều.

Mặc dầu Hồ Điệp và con nàng, thằng nhóc An, khởi hành từ tờ mờ sáng đầy sương, nhưng sau hơn một tiếng đồng hồ ngồi xe lô từ Mỹ Tho lên Sài Gòn, bây giờ, mặt trời đã lên cao. Những tia nắng chói chang đang rải tung tóe khắp ruộng đồng, phường xóm như muốn báo hiệu là thêm một ngày hè nóng nực nữa lại sẽ đến. Phản chiếu từ góc cạnh của những căn phố lâu mới cất bao quanh vòng đai và những chiếc xe đồ sơn đủ màu xanh đỏ trắng vàng, thỉnh thoảng lóe lên một vài ánh hào quang pha sắc tím, sắc hồng vô tình đập mạnh vào những con mắt đang còn gật gù, ngái ngủ vừa mới tỉnh giấc, hoàn hồn bởi những

tiếng động ồn ào náo nhiệt, vang dội bên tai.

Quả thật chẳng khác nào như một cái chợ, chợ đời. Đủ hết mọi hạng người. Không thiếu những tay thầy chú mặc trọn bộ veston ba mảnh, những cô nương gấm vóc lụa là, quần nhung áo nhiễu, cùng những hàng túi vải áo ôm, những đứa trẻ rách rưới lang thang không cửa không nhà, cũng như những tên ăn mày run run đói khát, bị mang gậy chống... Có đứng trước cảnh kẻ ở người đi, tới lui nuốm nượp như vậy mới thấy hết cái hình ảnh muôn mặt, nghìn phương của cõi ta bà, trần tục này. Ở đây, ngoài khí trời oi ả, nóng bức lại còn thêm nực nồng mùi danh lợi bon chen, giựt giành nhau từng phút từng giây...

- Về đâu cô Hai? Lên đây tui đạp cho một vòng khỏi đi bộ mỏi chun!

- Sài Gòn, Chợ Lớn... Sài Gòn, Chợ Lớn hông? Đi xe tui đi, tui tính giá rẻ cho!

- Chị Hai về đâu, chị Hai? Lên xe 90 này em chờ chị đi lẹ hơn!

Mèng ơi, xích lô máy, xích lô đạp thì được chứ xe Honda ôm mà mời mọc cái nổi gì, Hồ Điệp tự nhủ! Chỗ đâu mà ngồi, và chỗ đâu mà chất cho đủ? Bộ không thấy hai giò xách đầy ắp đồ đạc và thằng con trai cung của nàng đang lũng củng chạy theo mình hay sao, Hồ Điệp cười thầm cho mấy chú em còn trẻ dại? Phải chi ai đó có xe nhà, xế hộp thì đỡ cho nàng biết mấy! Cũng tại mình thôi, nàng nghĩ, mấy lần rồi Hiếu bảo đi học lái xe mà nàng cứ vẫn không chịu. Không dám thì đúng hơn. Để giờ đây đành phải bỏ chiếc xe La Dalat nằm chèo queo trong sân trước, bước lên xe đồ, xe lô đi quá giang với người ta.

Không thêm trả lời trả vốn gì với ai hết, Hồ Điệp khệ nệ xách hai giỏ đồ tà tà tàn bộ đến bến xe Lam đi Xa Càng miền Đông. Người chủ xe thân mật đón khách:

- Lên đi cô, xe sắp chạy rồi...

Nữa, lại nói nghe ngon vậy chứ sắp chạy đâu mà sắp chạy? Mới có nửa

xe, bốn người, hai người đàn ông và hai người đàn bà. Kể luôn cả nàng là năm. Xe chạy theo chuyến thì phải đầy khách mới rời bến, ai mà không biết chớ? Hồ Điệp đỡ An lên trước, đặt hai giỏ đồ ngay giữa sàn xe rồi mới vén áo dài, đặt mông lên băng ngồi cạnh hai cô gái. Nhìn quanh toàn là người lạ, thằng nhóc An không dám ngồi riêng một mình cho dù kể bên, khe ne khúm núm vạch đuôi mẹ xà vô lòng. Ừa, trước sau gì cũng phải vậy thôi, nàng ngẫm nghĩ. Mua thêm một vé nữa cho con thì cũng được nhưng hơi kỳ kỳ, có về... học làm sang không đúng chỗ. Vì nếu là người có tiền thì họ sẽ không đi xe Lam mà gọi tắc-xi trả giá theo giờ hoặc theo cây số.

Từ xa bỗng có bà bạn hàng tuổi sồn sồn, mặc bộ đồ bà ba đen, đầu quấn khăn rằn hương, miệng ăn trầu môi hồng cắn chỉ..., bang bang đi tới. Đặt nhẹ đôi gióng thúng không đang quảy trên vai xuống đất, bà ta mở miệng nói oang oang:

- Nè, nhớ ràng cho chặt nghen Bày! Mây làm bay lần nữa là tao bắt đền đó!

Gặp khách quen, ông tài xế lẳng lặng, nhanh nhẹn làm công việc của mình, bê bộ gióng thúng chất lên mui, ràng rịch cẩn thận cho bà bạn. Trong khi đó, bà ta lại quay sang Hồ Điệp, nói tiếp:

- Cô làm ơn cho tôi ngồi ngoài bìa này đừng tôi để phệt cổ trâu!

Lạ lùng chưa, sao băng bên kia còn trống lổng trống trơn mà bà không kêu người ta nhường chỗ? Mình có con nhỏ, ngồi phía ngoài là phải thế rồi! Hừm, hay là bà cũng ngán mấy tay đàn ông? Hoặc giả, bà muốn phệt cổ trâu vô lẽ chớ không muốn phệt ra giữa đường? Thôi kệ, từ đây lên ngã tư Hàng Xanh cũng chẳng bao xa. Nghĩ vậy, Hồ Điệp xích xích vào trong.

Nhưng mà, tuồng như được nước làm tới, bà bán hàng lại tiếp tục phàn nàn, dạy dỗ:

- Sao cô không nói thẳng Bày để mấy giỏ đồ này lên mui xe cho trống chỗ? Để ở đây làm sao người ta lên xuống?

Hơi do dự ngập ngừng, nhưng Hồ Điệp cũng phản ứng lại:

- Dạ, ở trong giỏ toàn là đồ ăn không hà... Để ở trên mui gió, bụi...

Như bị ai chọt lét, bà bán hàng cười ngất ngất:

- Trời đất, dưới thế gian này thì ở đâu mà hồng gió, hồng bụi?

"Gió bụi hồng trần", Hồ Diệp cảm thấy "quê quê" với lời lẽ có vẻ "xác đáng" của mụ bán hàng. Nhưng rồi, cũng may, bà chẳng đòi hỏi gì thêm nên nàng cứ đứng đung ngồi yên, không thèm đá động gì tới hai giỏ xách...

Hừ, phải biết ở trong hai cái giỏ đó toàn là "cao lương mỹ vị" do chính tay nàng lựa chọn, làm lấy. Nào là gà rô-ti cơm nếp, bánh hỏi thịt quay, bánh mì bì xá xíu, tép bạc rang dừa, mắm ruốc xào sả ớt với thịt ba rọi..., rồi hột gà tẩm bột, trái cây tráng miệng đủ thứ như chuối hương, cam mật, mận hồng đào. Có chất chiu lo cho chồng mới thấy là quý giá. Bà già bán hàng rong kia đâu có thiếu nỗi sự tình.

Nghĩ cũng hơi "tức tức" vì lúc Hồ Diệp cố tình đi một mình để dễ bề tâm sự thì lại bị người ta "bắt nạt, ăn hiếp". Mấy lần trước đi thăm Hiếu, chung với nàng, khi thì có má chàng, bà Ba Điểm, khi thì chị chàng, chị Kim Liên, hoặc giả em gái chàng, con nhỏ Kim Yến bạn học của nàng, chẳng thấy ai dám hó hé, xua đuổi một lời. Lần này khác, chỉ vì nàng muốn có những giây phút riêng tư với Hiếu mà bị người ta nói xéo, nói xiên. Ôi, mà tranh hơn tranh thua làm gì với mấy bà dân chợ, tránh voi cũng chẳng xấu mặt nào, nàng nhủ thầm.

Thêm một cặp trai gái ra vẻ sang trọng, mô phạm vừa trở đến. Người thì sơ-mi trắng thắt cà-vạt sọc nghiêng xanh trắng đỏ, kẻ thì mặc áo dài màu hường nhạt, làm nền cho những cánh hoa hướng dương vàng vàng thêu tay tổ bố, không biết là tình nhân hay đã nên vợ nên chồng. Tuy nhiên, Hồ Diệp cảm thấy như mình có thêm đồng minh. Vì, không phải là làm cao, song một mình mình... lịch sự, sạch sẽ ngồi giữa những người buồn gánh bán bưng, đầu tắt mặt tối kẻ cũng hơi lạc lõng. Lịch sự, sạch sẽ ở đây cũng chỉ là bề ngoài thôi, nhờ sáng này nàng chịu khó trông vô cái áo dài "ba-tít" tron màu trắng vô hột gà. Chẳng lẽ đi thăm chồng mà mặc đại áo bà ba hoặc đồ bộ thì coi sao được?

Không kể hai người đến trước, được ưu tiên chiếm chỗ ngồi chung với chủ xe, chỉ riêng hai băng ở đằng sau, rớt cuộc rồi chẳng ai chịu ngồi xen kẽ. Mà là đàn ông ngồi với đàn ông, đàn bà ngồi theo đàn bà. Cái câu "nam nữ thọ bất tương thân" lại được mang ra áp dụng một cách hết sức tình cờ. Bởi, chờ cho người con trai, rồi đến người con gái ngồi vào chỗ trống xong xuôi

đâu đó, bác tài liền nổ máy, rồ ga khởi hành ngay.

Tất cả mọi người đều vui vẻ bỏ lại sau lưng những náo động, những hơn thua của mảnh đất tứ chiếng, giang hồ. Gió mát len lỏi phả vào lòng xe làm ai ai cũng thoải mái, dễ chịu hơn. Không buồn trao đổi với nhau một câu nào, mạnh ai nấy theo đuổi những ý nghĩ riêng tư của mình. Ngay cả thằng nhóc An cũng vậy, lén lén nhìn người này hết đến người khác mà chẳng dám hé môi. Cũng may là hai cô gái ngồi bên trong ốm nhom ốm nhách, đẹp lép như xay con khô cá lép nên thằng nhỏ có được một chỗ đứng vừa phải, tiện bề xoay trở.

Mãi cho đến khi đi ngang qua chợ cá Trần Quốc Toàn mới có người lên tiếng. Chẳng ai khác hơn là bà bán hàng rong. Phệt xuống lề đường một ngum cổ trâu đỏ chạch như máu, bà bỗng phát thình không:

- Hồng biết mắc chứng ôn gì mà mấy ống lại cho lập ra cái chợ cá ở ngay giữa trung tâm thành phố như vậy? Hứ, vậy mà coi được! Ông đi qua bà đi lại, nếu không bịt mũi thì cũng thêm mùi dầu nhĩ thiên đường!

Sau khi quẹt nhanh vào mũi mình một vệt mỏng, cô gái ngồi kế bên Hồ Diệp nhanh nhẹn chia ra chai dầu, mời bà bán hàng:

- Dạ, bác xúc một miếng hông?

, thì ra bà già cũng thình mũi thiệt. Bà lại muốn xúc dầu ké, không mất tiền mua đây mà. Mặc dầu có nhiều cặp mắt đang ngó về chai dầu, nhưng bà ta vẫn cầm lấy, quẹt quẹt, xúc xúc rất là tự nhiên:

- Cám ơn cô. Mọi khi tui cũng hay bỏ theo một chai kẻ kẻ trong túi, vậy mà bữa nay lại quên.

Có lẽ để cho bà đỡ quê, người con gái nhanh nhẩu, lẹ miệng đáp gọn:

- Dạ, không có chi bác!

Úi chà, bà biết mở miệng nói cám ơn thì cũng là... lịch sự đó chứ, Hồ Diệp "khen" thầm. Nhưng ngay sau đó, á, nàng chợt nhận ra dường như mình có chút chút "ác cảm" đối với mụ già vô duyên này. Ấy chết, thân nghiệp hay ý nghiệp gì gì cũng đều mang tội hết. Thôi thì nàng cũng nên bỏ bụng nụ cười làm hòa và gác mọi chuyện liên hệ với bà già qua một bên...

Không giống Honda ôm, tặc-xi, xích lô máy hay xích lô đạp, hình như những chiếc xe Lam xuất phát từ Xa Càng, miền Đông cũng như miền Tây, đều có một lộ trình riêng biệt. Ngoài những chiếc thay thế những chiếc xe

buýt to lớn, cồng kênh, hao xăng, nặng bảo trì trên những lộ trình cũ, phần lớn số còn lại chạy về các vùng ngoại ô lân cận Sài Gòn như Thủ Đức, Gò Vấp, Hóc Môn, Chợ Đệm, Nhà Bè, Cát Lái. Hoặc là nối liền hai Xa Càng với nhau như chiếc xe Lam mà nàng đang đi. Vì chỉ thấy chạy thẳng một mạch theo đường Trần Quốc Toàn, qua Trường Đua, Ngã Bảy, và tiếp nối sang đường Phan Thanh Giản qua bệnh viện Bình Dân, nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi rồi mon men ra xa lộ mà không ngừng nghỉ hay ghé vào một nơi nào.

Xui xẻo gặp chiếc xe cà tàng! Tuy nhiên cà rịch cà tang, ráng ẹ ạch chạy xịt khói, thiều điều muốn dứt hơi, gần cả tiếng đồng hồ rồi cũng tới nơi. Lại một vùng trời giang hồ, tứ chiếng mới. Lại một cái chợ, chợ đời. Tuy không rộng lớn, sầm uất bằng cái kia nhưng những tiếng rao hàng, tiếng mời mọc khách, cùng những tiếng còi xe bóp inh ỏi liên hồi khắp đây đó cũng dễ làm mọi người nhức óc, điếc tai.

Sau cuộc đồng hành ngắn ngủi, tất cả hăm hở xuống xe và cũng theo thường lệ, chẳng ai buồn để ý đến ai. Tự động gom góp hành trang, đảo mắt ngó quanh một vòng tìm phương hướng rồi thẳng một mạch về những điểm đến không hẹn trước của mình. Hồ Diệp, cũng trong hoàn cảnh đó, thong thả dắt An đi lần lại một bến xe Lam khác. Người tài xế còn trẻ đã vui vẻ cất tiếng chào từ đàng xa:

- Một chỗ nữa thôi, một chỗ nữa thôi... Đi Thủ Đức hả chị Hai? Lên xe đi, xe chạy liền một khi...

Thiệt tình, mình thứ ba mà ai cũng gọi cô Hai, chị Hai! Miệng nói chân chạy, anh ta hồi hà đưa tay đỡ nhẹ hai túi xách đem chất gọn gàng trên mui xe. Hồ Diệp bỗng bé An đặt đứng trên sàn xe trước rồi mới nhóng người, khòm lưng nhẩn mông vào chỗ trống hẹp té ngoài bia. Tuy chặt chẽ nhưng lại dễ thở hơn, nàng tự an ủi rồi ôm chặt con vào lòng. Kéo dây ràng rịch đầu đấy xong xuôi, không chần chừ thêm một phút một giây nào nữa anh tài xế rồ máy xe phóng ra đường cái. Tiếng máy nổ giòn tan... bong bong bong, như muốn chứng tỏ mọi thứ trên chiếc xe này đều còn mới cáu cạnh.

Trong im lặng, Hồ Diệp đưa mắt nhìn quanh một vòng. Ngoài ông lão râu dài tóc bạc, mặc bộ đồ bà ba nhục nhục tiếp với màu râu ngồi tuốt trong góc, đám còn lại toàn là lũ lố chốt loai choai, trai có gái có. Đáng dấp sinh viên hoặc học trò nữa thì phải. Vì

màu quần sắc áo tuy có phần sai biệt, nhạt phai lợt lạt, nhưng cũng là đồng phục. Áo trắng quần xanh đậm cho bọn con trai. Còn con gái, thông thường vẫn là áo dài trắng quần đen. Có điều không thấy đeo băng tên. Có lẽ các cô cậu đang trốn học, vọt lên đây dạo mát các vườn cây Thủ Đức, thăm thú phong cảnh dọc bên suối Lò Ông, hoặc ngắm nhìn trời mây trên đỉnh núi Châu Thới?

Bỗng, cô gái ngồi kế bên Hồ Diệp bạo dạn gọi chuyện, hỏi thăm nàng:

- Chắc chị đi lên thăm ai ở quân trường Thủ Đức?

Hồ Diệp định nói "cô đi lên thăm thầy", vì hơi hơi quen miệng, nhưng thôi. Nàng từ tốn:

- Ủa, chị đi thăm chồng chị! Còn mấy em đi đâu?

Đứa con trai ngồi đối diện với nàng xía vô, nói chồm qua:

- Ủa, tụi em cứ tưởng mấy ông sinh viên sĩ quan Thủ Đức đều là mấy anh chàng độc thân vui tính không chớ. Ai dè, thì ra cũng có người có gia đình... Sẵn dịp có mấy giờ trống hồng có giáo sư, tụi em đi theo mấy cô bạn đây đi lên thăm mấy ông anh bà con của mấy cô...

Cho dù chẳng phải ngụ ý "chọc què" gì nàng, nhưng lời nói bung khơi đó làm nàng cũng hơi ái ngại. Không riêng gì cho nàng mà cho cả Hiếu nữa. Vì mấy năm trước đây, khi có lệnh học tập quân sự, các giáo sư trung học cũng được gửi về trường Thủ Đức huấn luyện, song họ không những chỉ học có chín tuần mà còn được bổ sung, thành lập những đơn vị, những đại đội, những tiểu đoàn riêng. Bây giờ thì bất kể giáo sư, thầy bà, sư huynh, nghệ sĩ gì gì đều cùng chung một số phận. Độc thân hay có gia đình gì gì cũng đi chung một xuống. Không phải chín tuần nữa mà là chín tháng chẵn. Kể như hơi non ngày non tháng vì thiếu đi mười ngày, nhưng các "con cá vàng" kia rồi cuộc rồi cũng sẽ được, không phải nở nhụy khai hoa, mà là dứt đuôi thành... Thiếu úy gân. Chẳng biết Hiếu có đủ sức để theo kịp bọn trai trẻ hay không, nàng thăm lo!

Đánh trống lảng, Hồ Diệp hỏi lại:

- Em có đi lên Thủ Đức lần nào chưa?

- Dạ có, em đi nhiều lần rồi. Tuy nhiên, thằng này mới đi lần đầu.

Được bạn mở lời giúp, người con trai ngồi kế bên cũng không ngần ngại góp chuyện:

- Tụi em phải đi lên đó thăm dò, tìm hiểu trước. Để rồi vài ba năm nữa nếu học lên không xong thì tụi em cũng dễ bề tìm đường đăng lính, nhập ngũ.

Cô gái ngồi trong góc xen vào, hỏi cắc cớ:

- Anh đi rồi anh bỏ... con nhỏ hàng xóm cho ai?

Đứa con trai trợn mắt, lườm lườm:

- Bỏ cho ai thì người đó biết, bày đặt hỏi tới hỏi lui...

Cô hàng xóm? Cách nhau một giậu mồng toi hay một dây bàn đây? Ủa, một lối diễn tả người bạn gái cùng lớp cũng nên! Câu nói liếng thoảng giữa hai cô cậu đã gọi lên trong đầu Hồ Diệp nhiều câu hỏi liên quan đến thời mới lớn, tuổi cấp sách đến trường!

Tuổi trẻ bao giờ cũng hồn nhiên, vui vẻ cho dù là tuổi "ăn chưa no lo chưa tới" đi nữa. Những tiếng trà treo, cười đùa kia vô tình nhắc lại một thời đã qua của nàng ở thành phố Mỹ Tho bé nhỏ. Giờ chỉ còn đọng lại ở đáy sâu tiềm thức, lâu lâu được khơi dậy một lần. Ở đó, có những đứa bạn rất thân của mình, như Kim Yến, Cẩm Vân, Ngọc Lệ... đã từng gắn bó, sống chết có nhau. Và một lũ bạn qua lại nhưng không thân lắm, đám con của các chủ tiệm như tiệm vàng Ngọc Quế, tiệm thuốc bắc Thọ Nam Đường, tiệm vải Mỹ Đạt Hàng và Tân Đạt Hàng, tiệm uốn tóc Ba-Lê, tiệm sách Hoa Việt, tiệm thuốc tây Lê Lợi, tiệm chụp hình Cảnh Trung, tiệm may Văn Minh, tiệm bán phụ tùng máy duôi tôm Phạm Đức Nguyên...

Sở dĩ không thân lắm có lẽ vì bọn nó con nhà giàu, làm cao nên có phần cách biệt. Với lại, hình như đám con gái con nhà giàu không có đứa nào đẹp đẽ, sắc sảo. Từ thường thường đến coi được mà thôi. Vì, lẽ dĩ nhiên, chỉ có "cha mẹ cũ" mới hi vọng "đề con tiên". Để rồi chẳng biết có phải bởi lý do không ai thèm dòm ngó mà trong số đó có vài đứa lại bỏ đi tu! , hay là muốn gánh vác phần nào tội lỗi cho cha mẹ mình, đã một thời buôn bán làm ăn không được đàng hoàng, chân thật cũng không biết chừng? Vì miệng thì nói cứu nhân độ thế mà mắt thì chỉ nhìn thấy vàng vòng, hột xoàn. Vì chân thì hay đi chùa chiền mà tay thì lo tóm trâu, thu vén. Một cắc một xu cũng không màng bố thí cho những người nghèo khó, tật nguyên...

Xe đã qua ngã ba Cát Lái. Hai bên xa lộ ruộng đồng trống trải mênh mông. Như một tấm thảm xanh nối liền nhau bằng nhiều đường gân sậm.

Những đám lúa nở bụi, sắp trở dòng đồng, nhớn như phơi mình dưới ánh nắng vàng hanh đang từ từ biến sang chói chang, âm ỉ. Từng đợt gió thổi qua, những lượn sóng nổi lên giữa mông lung, đuổi bắt nhau chạy mãi đến mút chân trời xa tít. Chìm trong cơn gió vi vu, tiếng máy xe bỗng trở nên rù rì, ru ngủ. Một vài con cò trắng ngưng ngưng động tác tìm mồi, ngo ngác nhóng cổ nhìn quanh...

Chợt, An vỗ vỗ nhẹ trên đùi mẹ:

- Má, má... coi kia, coi kia...

Miệng nói tay chỉ, thằng nhóc đã đánh tan bầu không khí im lìm trong xe và làm mọi người để ý đến chiếc xe đồ to lớn đang chạy theo phía sau với vận tốc khá nhanh. Ô, xe Minh Trung chạy đường Sài Gòn - Vũng Tàu. Trong phút chốc đã có tiếng còi tin-tin, ròi... vút, chiếc xe đồ phóng qua mặt một cái vù, làm chiếc xe Lam chòng chành như thuyền đi trên mặt nước. Hồ Diệp khẽ ôm con, đặt ngồi trên bắp đùi cho đỡ mỏi chân. Một thoáng xôn xao chợt đến chợt đi, để rồi mọi người lại rơi vào cõi riêng với cơn buồn ngủ dâng lên tận mi mắt.

Hồ Diệp ngẫm nghĩ lại thấy cuộc đời nàng kể ra cũng thuộc loại bình thân, êm đềm như con nước chảy xuôi. Không ồn ào náo động, không trắc trở long đong, không ba đảo sóng gió. Ngày nào còn nhỏ đi học, sáng chiều cấp sách đến trường, ê a cùng bè bạn. Đến tuổi dậy thì, tối tối rong chơi, bỏ bịch lẳng nhặng qua quít. Yêu người mình yêu và yêu lại mình. Rồi đi đến hôn nhân, sum vầy chồng vợ. Tiếp đến, còn làm mẹ với đứa con trai đầu lòng. Kể như tông đường bên nội có người nối dõi. Nhìn vào cảnh gia đình nàng êm ấm trong ngoài, dám chắc có nhiều người thèm thường, mơ ước.

Thực vậy, chẳng mấy khi có chuyện lục đục xảy ra giữa Hiếu và nàng. Vì tánh chàng cũng hay chiều chuộng, nhường nhịn, và biết bốn phận với vợ con. Lại ít bạn bè, không rượu chè hút sách, bê tha trác táng. Chỉ biết chí thú làm ăn, lo lắng cho gia đình. Đúng là mẫu người đàn ông lý tưởng cho những người đàn bà thích sống trong thâm lặng, cổ tích như nàng. Mà có lẽ nằm trong thông lệ chung, ngoại trừ những người đàn bà thượng hạng ngoại hạng, hầu hết phụ nữ trên cõi đời này đều mong muốn một cuộc sống bình thường như nàng thôi, nàng quả quyết như thế.

Kể từ ngày đơn xin hoãn dịch vì lý do gia cảnh bị bác và liền theo đó

không bao lâu Hiếu bị động viên vào Thủ Đức, cảnh nhà nàng bỗng trở nên hoang vắng, buồn tênh. Những tháng ngày đầm ấm, hạnh phúc dường như đã đi qua nhường lại cho những thương nhớ, mong chờ. Cuộc đời bình thản và xuôi chày trước đây, với hàng ngày Hiếu và nàng cùng đi dạy, tuy cũng xa nhau nhưng biết chắc rằng mình ít ra sẽ còn hợp mặt, hội ngộ vào cuối tuần..., giờ chỉ còn là kỷ niệm. Bốn phận làm trai trong thời chinh chiến là phải xông pha ra chốn sa trường và bốn phận người con gái đành phải chấp nhận đóng vai trò chinh phụ ôm con, chờ chồng. Nghĩ đến cảnh đất nước loạn ly, Nam Bắc tận tình chém giết nhau, mà nàng bắt giặc khê thờ dài.

Nhớ lại ngày tiễn đưa Hiếu lên đường nhập ngũ, bữa tiệc chia tay cũng chỉ là những người thân trong gia đình và lựa thưa một vài đồng nghiệp dạy cùng trường hoặc đang công tác tại thị xã. Vui buồn lẫn lộn, nhưng hiển nhiên, cũng đã làm nàng mấy lần bỗng dưng rưng rưng nước mắt. Và đến lúc đêm về, khi chàng đã đi xa, nàng mới thực sự cảm nhận ra nỗi buồn ly biệt, âm thầm ôm con lặng lẽ khóc suốt canh thâu. Để rồi liên tiếp mấy ngày sau, nàng cứ hay dẫn bé An về nhà ông bà ngoại chơi cho vui bớt nỗi sầu héo, cô đơn.

Chính vì vậy mà nàng càng dậm lo chẳng biết rồi đây tánh tình cũng như con người của Hiếu có bị thay đổi hay không, sau khi tốt nghiệp căn bản quân sự tại ngôi trường chuyên môn đào tạo hàng vạn sĩ quan cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa kia? Làm quan làm lính chắc phải khác xa với làm thầy làm trò chớ, nàng tự kết luận suông!

Xe trở đến ngã tư Thủ Đức. Anh tài xế cẩn thận quẹo phải rẽ vô con đường nhỏ, tuy cũng được tráng nhựa nhưng không bằng phẳng trơn láng như xa lộ, nhấp nhô tiếp tục cuộc hành trình. Hai bên đường, đá và đất đỏ đã bắt đầu pha nhuộm màu không gian, tạo thành một nét lạ đập vào mắt những người dân lục tỉnh mới tới đây lần đầu. Một vài rặng trâm bầu nhô lên giữa khoảng đồng không mông quạnh. Xa xa, đôi ba căn nhà lá khuất bóng dưới rặng cây cao, vườn tược sum xuê...

- Ô, ô, ô...

Vừa la vừa hoảng sợ, An ôm chặt vào cổ mẹ. Xe vừa sụp ổ gà, chao đảo như muốn lật xuống ruộng. Mọi người lại tỉnh giấc. Đưa con trai ngồi trong,

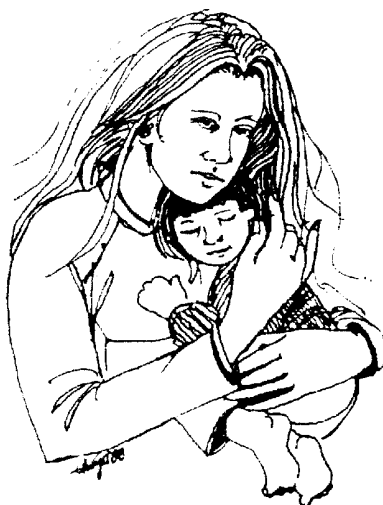
mới đi lần đầu, nhường mắt hướng qua đám con gái hồi trống:

- Sắp tới chưa vậy?

Cô gái có vẻ dạn dĩ, rành rẽ đường đi nước bước vội trả lời:

- Độ năm, mười phút nữa! Chỉ còn khoảng một cây số mà thôi!

Hồ Điệp ngó ra ngoài và đoán chừng chắc cũng không sai gì cho lắm, vì thấp thoáng trong cánh rừng thưa tiếp giáp với ngọn đồi Tăng Nhơn Phú đã thấy mấy chòm thông ẩn hiện rải rác đó đây. Rất có thể là những bãi thực tập của đám tân binh lẫn *alpha* mà đôi lần Hiếu đã nói qua cho nàng nghe cũng không biết chừng.



Quả thật vậy, độ một chập sau, xe đã băng qua Chợ Nhỏ nằm phía bên tay trái và tấp vô bến. Hơn một tiếng đồng hồ ngồi bó gối trên xe, bây giờ sắp được tự do thông thả cho nên mọi người đều hồi hả phóng xuống xe. Như muốn trốn chạy cảnh tù túng, khổ sai. Để rồi còn chuẩn bị hành trang tiếp tục... lên đường, vì phải lội bộ thêm vài trăm thước nữa mới đến cổng trường. Cho những ai đã cụ bị sẵn sàng đầy đủ mọi thứ, như Hồ Điệp chẳng hạn, không phải mua sắm thêm một món gì ở cái chợ nhỏ xập xệ, tồi tàn đúng như tên của nó.

Cũng giống như mọi khi, thủ tục "thăm người thân" chẳng có gì thay đổi. Sau khi trình giấy tờ, ghi tên người mình muốn gặp thì đám thân nhân được hướng dẫn đi đến khu tiếp tân. Theo một lộ trình duy nhất. "Con đường tình sử nằm đây", dành riêng cho những đôi uyên ương, non thề biển hẹn cũng rất hợp lý, hợp tình. Độ hơn một trăm thước thì tạt vào khuôn viên chờ đợi, nằm phía bên tay phải. So với những căn nhà dành riêng cho sinh

viên sĩ quan ở cũng như các dãy lớp học được lợp ngói Tây đồ au, ngôi nhà lớn trong khuôn viên này rất khác biệt, vì chỉ được lợp tranh. Do sinh viên sĩ quan làm lấy và hầu như, tùy theo khóa, được tu bổ, thay đổi luôn. Có khóa đắp thêm tượng Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Trần Hưng Đạo... Có khóa đào hồ, dựng hòn non bộ...

Và chẳng khác gì... Vườn Tao Ngộ, vì quang cảnh xung quanh kể ra cũng có phần hữu tình, thơ mộng. Với đầy đủ cây cao bóng cả, hoa lá cảnh. Đặc biệt là có nhiều cây bả đậu có lá lớn như lá bồ đề. Và không thiếu những bụi rậm um tùm để có thể... trùm *poncho*, hôn hít nếu cần. Một cách biểu lộ nồng nhiệt "tâm tình" của những "người lính trẻ". Chớ còn lính già và vợ con dùm dùm đề đề như Hiếu thì chắc cũng không đến nỗi nào, có thể tự kiểm chế ở những gì nhà nhận thanh tao hơn, thay cho những nóng bỏng bỏng bột, Hồ Điệp nghĩ.

Trên hệ thống loa phóng thanh, tên họ của những "người hùng" đầy may mắn đã được đọc lên trong khoảnh khắc. Tuy nhiên, là một trong những người đã có thừa kinh nghiệm với đợt chờ theo kiểu này, Hồ Điệp không nôn nóng gì cho lắm. Vì càng nôn nóng thì chỉ càng tự làm khổ cho mình mà thôi. Bởi, Hiếu đã kể cho nàng biết rằng đoạn đường từ trại chạy ra khu tiếp tân tuy thấy gần như vậy nhưng lắm lúc lại hóa ra xa. Nếu ca-lô, nón này không được chỉnh tề. Nếu áo quần không được sạch sẽ, thẳng thớm. Nếu đôi giày boots-sô chưa láng đến độ rười rượi phải chống gậy. Vì đàn anh hằng hà sa số, lênh khênh như muối Cà Mau, đĩa Năm Căn. Nhứt là mấy anh chàng con bà phước, không ai thân thuộc, ở tuốt ngoài miền Trung hay lạng qua lạng lại để tìm đàn em phật chơi cho bố ghét, cũng như... đỡ buồn. Lắm khi thân nhân phải lên khiếu nại đôi ba lần thì anh chàng "lính mới tở te" kia mới được buông tha theo lệnh cán bộ.

Vừa rồi Hồ Điệp có ý định đi thăm Hiếu bất chợt một lần để xem anh chàng phản ứng ra sao. Biết đâu lại chẳng khám phá ra một vài điều bí mật, riêng tư như... bặt mí một vụ lén lút vợ, có "mèo" chẳng hạn. Đàn bà nào không ghen và nàng, mặc dầu biết chồng mình một lòng một dạ chung tình, nhưng cũng nên nghi ngại phòng xa, ngăn ngừa bệnh hơn là chữa trị bệnh. Vậy mà rốt cuộc rồi sau vài lần đoán suy nghĩ, nàng lại viết thư báo

trước cho chàng. Nàng không muốn cơm ghe bè bạn, khăn gói lên đây để rồi đánh mất một buổi hội ngộ trùng phùng. Trở về tay không, sau màn mờ mông chờ đợi, chỉ vì chàng rời trại thay đổi bầu không khí, về nhà vui chơi với các bạn cùng khóa ở Sài Gòn, Bình Dương, hay Biên Hòa...

Kỳ này hên, không bao lâu đã thấy Hiếu lò dò đi ra. Kèm theo, có anh bạn chắc cũng thuộc hàng tứ cố vô thân, chẳng ai quen biết, họ hàng. Thằng nhóc An chỉ chò, phát biểu trước:

- Ba, ba... Ba kia má...

Hiếu bỗng con lên hun hít chùn chụt rồi mới giới thiệu:

- Đây là bà xã tao. Còn đây là anh Lâm, bạn cùng khóa với anh nhưng ở khác đại đội. nh cũng là dân tốt nghiệp Đại học Sư Phạm, học trước anh một lớp...

Lâm tươi cười, đơn đả:

- Dạ, chào chị...

Hồ Điệp cũng thân mật:

- Dạ, chào anh. Quê anh ở đâu lận?

Lâm than thở:

- Dạ, ở tuốt ngoài Tuy Hòa chị à. Bối vậy cho nên, ngoại trừ những trường hợp đặc biệt, lâu lắm tụi tôi mới có được vài ngày phép về thăm nhà.

Nghe qua, Hồ Điệp bỗng thấy tội nghiệp cho những kẻ ở xa, định tìm lời an ủi, nhưng đột nhiên anh chàng tưởng chừng như sáng mắt ra, hướng về cái bàn có đông người ngồi trong góc, mừng rỡ:

- Ủi chà, hình như tao có người quen Hiếu ời. Thôi, để tao xáp lại đằng đó. Chúc hai vợ chồng may vui về, hạnh phúc...

Nói chưa xong Lâm đã vội bươn bả phóng đi một nước. Vậy cũng được, yên ổn mọi bề, Hiếu nghĩ. Vì chàng cũng định mời bạn mình thưởng thức qua cái hương vị đậm đà của các món ăn thuần túy miền Nam, thay cho... cá mồi chiên, thịt trâu xào triền miên ở những buổi cơm trưa ngán ngẩm, nuốt không vô vào cuối tuần như hôm nay. Bây giờ, biết đâu thịt đông, giò thủ, cà pháo, mắm tôm hoặc là bún bò, nem tré, bánh nậm, bánh bèo, bánh bột lọc... lại chẳng hấp khẩu hơn? Hiếu quàng tay ôm vợ, nói nhỏ:

- Hay là mình đi thẳng ra ngoài vườn sau đi em. Hy vọng chỗ cũ của mình không bị ai chiếm đóng.

Đặt nhóc An đứng xuống đất, Hiếu tiện tay xách hai túi đồ ăn thay cho vợ.

Hồ Điệp nắm tay An, lẳng xằng dắt con đi theo chồng. Phân tán mỏng khắp các lùm cây bụi cỏ, lỉnh trợn và người thân quây quần với nhau từng nhóm nhỏ. Không màng để ý đến ai, hai vợ chồng rảo bước đi xa hơn, ra tuốt ngoài bìa rừng, gần đến hàng rào vòng đai. Nơi đó, ngoài mấy cây thông già khẳng khiu đong đưa theo gió, còn có vài bụi lá duối, lau sậy mọc cao khỏi đầu. Dây bìm bìm bò vôi, leo chằng chịt khắp mọi nơi, trổ hoa tím tím như những đóa phong lan. Dưới tàn cây râm mát mà hình như mọi người vẫn cảm thấy nóng nãy có lẽ vì vàng thối dương lên đã quá cao, xéo xéo đỉnh đầu.

Hiếu moi trong giỏ, lấy ra tấm ny-lông màu xanh nước biển trải lên thảm cỏ non mới mọc, èo ượt và trắng nõn như những cọng giá vì bị thường xuyên che đậy, thiếu ánh sáng mặt trời. Hồ Điệp vội bày thức ăn, trước hết, món bánh hỏi mỡ hành, thịt quay vàng ngậy gói trong bọc lá chuối. Vừa múc nước mắm tòi ớt từ chiếc keo thủy tinh ra cái chén nhỏ, nàng nhìn chồng, âu yếm:

- Ăn đi anh, món ruột của anh nè...

Hiếu thông thả:

- Ủa, em và con ăn với anh nữa chứ. Anh ăn một mình coi sao được.

Với tay lấy mấy trái cam và con dao nhỏ, Hồ Điệp buồn buồn:

- Để đó em. Anh lo dứt cho An đi, nó đang dòm miệng kia kia. Ồ, xấu quá, nhưng chắc đói bụng dữ rồi hả con?

Hai cha con đang ăn ngon lành, bỗng Hiếu ngừng dũa:

- Ở nhà có gì lạ không em? Bộ có chuyện gì không vui xảy ra hả? Trông em bèo nhèo như người bệnh mới bớt. Đã vậy, đi đường xa mà cũng chẳng sửa soạn, son phấn gì hết. Phải cho ra vẻ để giữ gìn thể diện với người ta chứ em. Em làm anh "quê, xệ" quá!

Hồ Điệp cố ngăn tiếng thở dài, tiếp tục cắt trái cam ra làm hai. Vui làm sao được khi hai đứa hai nơi, xa cách gần chia? Vui làm sao được khi tình hình tài chánh càng ngày càng eo hẹp? Tiền lính tính liền, đâu làm sao so sánh với lương giáo sư dạy trường công lẫn dạy giờ trường tư thực như ngày trước. Nếu nàng không biết tiện tặn, dành dụm thì lạng quạng cũng có ngày không đủ tiền ăn chớ đừng nói đến có dư để đổ xăng. Rồi còn nữa, nàng có hơi ngạc nhiên, giựt mình khi Hiếu vẫn hay để ý đến diện mạo, dung nhan của nàng. Đã mang thân phận đàn bà thì ai lại không muốn mình xinh

đẹp, nhưng thử hỏi sửa soạn son phấn để làm chi một khi tâm hồn nàng đang mang nặng nỗi niềm người chinh phụ:

*Nường song luống ngẩn ngó lòng
Vắng chàng điểm phấn trang hồng
vội ai? (1)*

Phải chi đất nước đang hồi thanh bình, không có chiến tranh thì... buổi họp mặt ngày hôm nay phải là một buổi picnic, cắm trại ngoài trời thật nên thơ, tình tứ.

Nàng mỉm cười, giả là trả lời Hiếu:

- Đâu có chuyện gì không vui xảy ra ở nhà đâu. Chỉ tại em nhớ anh nên tất cả mọi thứ đều buồn lây với em chút chút vậy thôi.

Hiếu nhướng mày, thờ phào nhẹ nhõm:

- Thiệt hả? Em đừng làm anh lo nghen!

Rồi chàng nói tiếp một hơi về những dự định tương lai:

- Chẳng còn bao lâu nữa tụi anh sẽ ra trường. Việc trước tiên phải lo là xem anh đổi đi đâu. Hy vọng anh sẽ được đổi về gần nhà, vòng vòng các tiểu khu Long An, Kiến Hòa, Mỹ Tho, Gò Công... Mà nói chớ đổi đi đâu thì đổi, thế nào anh cũng tìm cách sắp xếp cho em và con đi theo anh... Ủa, biết đâu anh được biệt phái trở về dạy lại?

Biệt phái trở về dạy lại? Một giấc mơ quá lớn, có phải? Vì ngoài việc hội đủ tiêu chuẩn tối thiểu phải dạy trên ba năm còn phải dựa vào thể lực kim tiền hay con ông cháu cha nữa. Hồ Điệp tự biết vợ chồng nàng không đủ khả năng, cũng không biết cách chạy chọt, lo lót. Cũng đành phó mặc cho số phận may rủi, hên xui chớ biết làm sao hơn. Nàng cố gắng gượng làm vui:

- Thôi, anh ăn đi,... nguội lạnh hết. Chuyện đó để từ từ rồi hẵng tính. Em đâu làm sao bỏ cha, bỏ mẹ, bỏ sở, bỏ trường cho được? Với lại, hứ, hồng ai thêm đi theo anh đâu mà đòi sắp với xếp...

Hồ Điệp đặt mấy miếng cam cắt nhỏ vào chiếc đĩa mù, ân cần đẩy lại gần phía Hiếu... Trên cành thông cao vút, chẳng biết vì mùi thơm nức mũi của thức ăn hay là muốn chia vui xẻ buồn cùng vợ chồng nàng, đôi chim mất khoen màu hoàng yến vụt xà xuống, đáp nhẹ trên chòm lau sậy gần bên, buồng tiếng kêu tíu tít, hồn nhiên...

(1) Chinh Phụ Ngâm•

Hành trang ngày trở lại

Chuyến về Việt nam lần ấy, Quang mang trong lòng nhiều nỗi lo âu. Mấy năm qua tình hình Âu Châu đã trải qua rất nhiều chuyển biến. Việc loại bỏ biên giới để liên kết các nước thành viên trong một tổ chức chung đã kéo theo nhiều xáo trộn về kinh tế. Thêm vào đó việc sát nhập các đại công ty còn làm thặng dư nhân lực. Công nhân bị sa thải, các hãng nhỏ bị phá sản và bóng ma thất nghiệp lâu nay chập chờn ẩn hiện đang dần dần lộ ra rõ nét, trở thành nỗi ám ảnh cho mọi người. Công việc cố định và đời sống bảo đảm, một đặc tính truyền thống lâu đời của nước Ý cũng đang dần dần biến chất. "Tăng di động", tiếng gọi thời thức theo mô hình Mỹ đang là một triết lý về phát triển kinh tế ở đây. Nhưng nếp sống của người Mỹ, vốn thờ ơ với nơi sinh trưởng và hội hợt trong quan hệ láng giềng, nay sống tiểu bang này, vài tháng sau lại khăn gói lên đường chạy về tiểu bang khác, không đợi thời gian bèn rề... liệu có dễ thích ứng với những tập quán của mình chăng? Quang suy nghĩ miên man và mấy tháng qua đầu óc anh vô cùng căng thẳng. Công ty anh đang làm có nguy cơ bị sáp nhập vào một tổ chức siêu quốc gia đã và đang thực hiện sự tập trung kinh tế, nhằm bảo đảm độc quyền phân phối trong chiến dịch toàn cầu. Bởi thế, sau hơn ba mươi năm sống và làm việc ở Âu Châu, trong chuyến về thăm nhà lần đầu Quang vừa muốn nghỉ ngơi, vừa muốn tìm một cách nghĩ Á Đông nào đó khả dĩ giúp anh quên đi nỗi ưu tư về một tương lai mù mịt, lâu nay cứ ám ảnh trong hồn. Ngồi trên máy bay Quang nhớ lại cuộc đối thoại giữa Trung và Hưng vài hôm trước ở nhà mình. Hai người bạn có quan điểm hoàn toàn trái ngược. Khi Trung chỉ trích xã hội hiện tại thì Hưng đã hùng hồn biện hộ:

Tao thấy không nên phủ nhận xã hội hôm nay. Bọn mày không thấy là điều kiện vật chất đã hoàn toàn tiến bộ trong những thế kỷ sau này sao. Ngày xưa phần lớn trẻ em chết yếu ở những năm đầu và rất nhiều phụ nữ tử trần trong thời kỳ sinh nở. Lúc xã hội còn phôi thai đời sống thực nhọc nhằn và khốn khổ. Người ta sống trong những căn nhà không sưởi ấm, ăn uống thiếu thốn, trẻ em không được học hành và sinh mạng luôn luôn bị đe dọa vì bệnh dịch. Hôm nay tất cả những vấn nạn đó đã được giải quyết nhờ tiến bộ kỹ thuật và phát minh y học. Những việc nặng nề, lặp đi lặp lại hôm nay đã không còn nữa; các phương tiện lưu thông đã thành cực nhanh và trong nhà đầu có thiếu những máy móc giúp chúng ta tiết kiệm thời gian trong những công việc lặt vặt và chán ngấy mà trước đây chúng ta phải bỏ ra hàng giờ mới lo cho xuế. Đừng! Tao mong rằng bọn mày đừng có luyến tiếc quá khứ, mang nặng cái tinh thần hoài cổ để làm chậm bước tiến hoá của loài người.

Không! Không thể nào sống như quá khứ. Xã hội nhất định không thể đi lùi, nó phải đi tới và nếu cần, sửa chữa những sai lầm để vươn lên. Tao mong là bọn mày hãy từ bỏ những quan điểm lạc hậu. Còn tao, tao tin là với sự trợ lực của computer, loài người sẽ còn tiến bộ hơn, không phải chỉ để sinh tồn mà còn để sống một cuộc sống tốt đẹp. Bọn mày không thấy là toàn thế giới đã bị "tóm" vào một mạng lưới đó sao? Ngồi thoải mái trong căn nhà ấm cúng mà chúng ta vẫn có thể đi từ thư viện Nữ Ước, Viện Bảo Tàng Luân Đôn đến việc viếng thăm một ngôi chùa cổ ở Bắc Kinh trong thời gian thực?

Nhưng lập luận của Trung cũng không kém phần sắc bén:

-Không ai phủ nhận sự tiến bộ kỹ thuật. Nhưng sự tiến bộ ấy dùng để làm gì? Đời sống xã hội chỉ chạy theo vật chất và bỏ quên con người. Chính vì thế mà nguy cơ tha hóa đã và đang xuất hiện, sự ô nhiễm môi sinh, thất nghiệp lan tràn và những khoảng cách không thể nào lấp nổi giữa những xã hội giàu sang với những nước kém mớ mang. Hiện nay trên thế giới có hơn 800 triệu người nghèo đói, và trong đó có khoảng 200 triệu trẻ em dưới 5 tuổi đang thiếu ăn, suy dinh dưỡng. Phương tiện di chuyển tối tân, thông tin nhanh chóng để làm gì, khi những bất công này càng ngày càng trở nên trầm trọng?

Nhưng ngay trong lòng xã hội Tây phương cũng không phải không có những phần tử kém may mắn, bị hất

sang bên lề vì không hội nhập được với đời sống mới. Họ lạc lõng và bơ vơ trong một nền văn hoá càng ngày càng sa đọa và chủ nghĩa vật chất đang phát triển đến độ hung hãn nhất. Mấy không thấy TV và ciné chỉ thuần chiếu những phim khêu gợi dục tình và bạo lực đó sao? Chúng ta đang hưởng thụ một cách thô bạo và giải trí bằng cách xem giết chóc với sự tàn nhẫn ở mức cao nhất. Xã hội băng hoại này đã phát sinh ra chính trường đầy những kẻ đầu cơ chính trị, tham lam, những bác sĩ chỉ nghĩ đến chuyện kiếm tiền thay vì chữa trị, lớp quan toà chỉ thích hạch hỏi để biểu thị quyền uy hơn là thi hành công lý, còn hãng xưởng thì đầy rẫy những kẻ kiêu căng, nịnh bợ, đầu óc lúc nào cũng mang một ước mơ tiến thủ và làm sao chen ép để đè bẹp đồng nghiệp, bạn bè mình.

Thú thực có đôi lúc tao cảm thấy nghi ngờ cái mỹ từ gọi là văn minh tiến bộ. Trên phương diện vật chất chúng ta đã đi một bước khá dài so với những thế kỷ trước nhưng về phương diện tinh thần thì vẫn nghèo như xưa, chẳng tiến được chút nào; bằng cố là chúng ta vẫn tiếp tục những sai lầm quá khứ. Những lỗi lầm đó tao thấy càng ngày càng nặng nề thêm, hậu quả tất yếu của hoạt động kỹ nghệ nên chưa bao giờ chúng ta ý thức về sự hiện hữu của đời mình hay đặt lên nghi vấn là tại sao mình mãi làm như thế. Toàn bộ thời gian chúng ta tự giam trong cô độc, xung quanh chỉ toàn máy móc mà vắng bóng con người, để quần quật sản xuất và tích lũy cho nhiều sản phẩm. Rồi với nhịp độ càng ngày càng tăng, một ngày nào đó chúng ta sẽ đồng hoá với nhịp máy, trở thành phẩm vật, để cuối cùng âm thầm biến mất, như hàng triệu đồ vật đã ngày đêm tạo ra hay mua sắm.

Những năm gần đây các cơ quan truyền thanh và báo chí còn không ngừng nhắc đến toàn cầu hoá nhằm thúc đẩy sự tiến đến một nền kinh tế duy nhất trong đó các lục địa sẽ liên kết với nhau qua mạng lưới điện tử. Chưa ai hình dung được xã hội đó sẽ như thế nào, nhưng tao chắc chắn là con người sẽ càng ngày càng ngăn cách nhau hơn, sự tiếp-xúc-**Thực-giữa-người-và-người** sẽ giới hạn vì đã được **nói-Áo-với-nhau** trong một **vũ-trụ-siêu-kỹ-thuật**. Con người lúc ấy sẽ biến thành một công cụ kinh tế, ai ai cũng suy nghĩ và hành động giống nhau, cùng cúi đầu vận hành theo những giáo điều có sẵn. Và các sắc dân sẽ vĩnh viễn mất đi bản sắc dân tộc của mình.

Thực là phi lý cái hệ thống kinh tế mà người ta tin là tiến bộ và sẽ cứu thế giới: Nó không đặt căn bản trên tinh thần cộng tác mà chỉ khai thác nguyên lý cạnh tranh, nhằm nâng cao lợi nhuận. Thường trường thành chiến trường, đó là triết lý sống mà xã hội Tây Phương đang áp đặt lên toàn thế giới.

Cuộc tranh cãi sôi nổi, và hôm ấy Quang thấy mình thật khó mà tán thưởng bên này hay phản đối bên kia. Ai cũng có lý riêng, nhưng nghĩ kỹ anh thấy mình tâm đắc với những suy nghĩ của Trung hơn. Nhiều lần anh cảm thấy hoang mang về đời sống Tây phương. Không phải anh là loại người mang nặng lòng hoài cổ, nhưng gần đây với sự phát triển ào ạt của computer, đôi lúc anh có cảm giác là đời sống của con người đã bị bỏ quên, dễ dàng bị xoá đi như một file trong bộ nhớ.

Ngày xưa mọi chọn lựa đều có một giới hạn, con người chỉ có một ý nghĩ, một con đường. Hôm nay khả năng chọn lựa có nhiều, nhưng bù lại sẽ làm cho chúng ta mất định hướng và phân vân hơn về ý nghĩa của đời mình. Ngay việc mua sắm chúng ta cũng bị giằng co vì trăm lời mời mọc. Các thầy phù thủy hiện đại, những nhà tiếp thị đã tung bùa hóa phép để phát sinh một thứ Tôn Giáo Tiêu Dùng. Thứ tôn giáo chủ trương tích lũy vật chất, du lịch hàng loạt. Nó không cần nhà thờ hay chùa chiền vì đã có các trung tâm thương mại: để gặp gỡ và sinh hoạt, để trao đổi, bán buôn. Đó là nơi vui chơi, giải trí. Tất cả mọi nơi trên thế giới đều như nhau. Và giống nhau.

Thế giới hiện đại hình như đã đánh mất tất cả những nấc thang giá trị và không còn gì nữa, không còn lý tưởng, không còn niềm tin, không còn điều gì vĩ đại để tin theo, vì xung quanh chỉ có một ước muốn duy nhất: kiếm tiền để thoả mãn vật chất.

Nhưng quả thật đời người chỉ có một mục đích duy nhất ấy hay sao? Càng nhìn quanh càng thấy đời sống của mình như vô nghĩa. Chúng ta luôn luôn mệt mỏi vì đời sống máy móc, ràng buộc bởi nhiều thứ bổn phận khác nhau. Những chiếc hóa đơn chạy đến dồn dập, đôi khi trả giá cho những nhu cầu *không-thật-sự-cần-thiết*. Trong khi đó mọi quan hệ công việc luôn luôn giả tạo, khó khăn. Chúng ta lúc nào cũng thiếu –hay tưởng mình thiếu- thì giờ, nên chẳng bao giờ có lúc dừng chân. Không lúc nào chúng ta không cảm thấy cô độc và bất an, vì những điều này điều nọ phải làm, hoá đơn này, chi phí kia phải trả. Cuộc sống

của chúng ta chìm ngập trong âu lo hay trực diện với những tháng ngày buồn nản, đều đều, trống trải, đầy bế tắc. Sau một ngày căng thẳng vì công việc, đêm về với giấc ngủ đầy trăn trở, sáng vừa thức dậy là chúng ta chỉ nghĩ đến chạy. Như một phản xạ. Và tất cả đều chạy. Mà chạy đi đâu? Không ai biết. Nhưng đã có mấy ai bình tĩnh dừng chân? Đổi hướng. Hay can đảm đi tìm một lối sống khác.

Quang về đến Việt nam ngay giữa thời mở cửa. Thời đại kinh tế thị trường. Ai ai cũng bàn về sự bùng nổ về xây dựng. Những hàng cây trước căn nhà của người anh ở Sài Gòn đã bị đốn ngã để mở rộng lòng đường. Thành phố bắt đầu mọc lên những toà nhà chọc trời bằng bê tông. Quang chợt nhận ra là càng ngày chúng ta càng sống xa rời thiên nhiên. Hình như Âu châu đang bắt đầu nhận ra sai lầm đó và đang tìm cách cứu vãn trong khi thành phố Sài Gòn lại đang muốn trở thành một thành phố Tây phương, nhập cảng vô tội vạ những mô hình phát triển của người mà không chút đắn đo, gạn lọc. Mỗi năm hàng nghìn người dân quê rời bỏ ruộng vườn... để sống chui rúc trong các khu ổ chuột bên lề thành phố, trong những toà nhà ciment, trong các chung cư một, hai phòng...

Một buổi chiều khi đi ngang trường cũ Quang trông thấy những đứa bé mình trần trụi đang bơi đống rác bên cầu Trương Minh Giảng. Có em bới bằng tay để tìm những đồ thừa giữa một mùi xú uế bốc lên lợm giọng. Bên cạnh đó, một bà lão khệnh khạng, bước thấp bước cao, tay cầm xi rượu uống từng ngụm, rồi chốc chốc lại cười lên khanh khách.

Quang rờ máy xe chạy đi, nhưng về phía chợ anh còn thấy một thanh niên cụt cả hai chân, chiếc nón méo đeo trước cổ, vừa lết vừa ca một bài ca nào ruột. Phía bên phải, trên lề đường, trước một căn nhà đóng cửa, có hai người nằm ngủ, co ro dưới một mảng thùng giấy rách bươm đắp lên tận cổ. Quang xót xa nhìn những sản phẩm của cuộc chiến chưa được lãng quên và sản phẩm của thời đại kinh tế hôm nay, rồi cảm thấy là cả hai đều có cùng một cường độ tàn ác như nhau.



Những ngày đầu sống gần gũi với gia đình thật là vui vẻ. Nhưng, giống như những lần trước, chỉ hơn tuần lễ chung đụng Quang buồn bã nhận ra những va chạm khó thể hàn gắn lại

trong gia đình và thân tộc. Không khí có khi căng thẳng nặng nề. Chiến tranh lạnh âm ỉ giữa bà con, cô, chú thì anh có thể phớt lờ, nhưng cuộc tranh cãi khá gay gắt giữa mẹ và chị dâu đã làm anh đứt ruột. Không biết tại sao họ luôn luôn mâu thuẫn với nhau như thế. Nhiều khi anh thấy thực không có gì đáng để xung đột cả. Anh chưa bao giờ bận tâm phân tích để tìm xem ai trái ai phải, vì anh thấy cả hai đều hẹp hòi và cố chấp những điều rất nhỏ nhoi, do những thành kiến bắt nguồn từ thuở xa xưa nào. Nhưng anh thấy mẹ thật tội nghiệp. Dẫu sao bà cũng đã lớn tuổi, thường tủi thân và nhiều nước mắt, cả ngày chỉ biết lên chùa lễ Phật rồi về nhà nặng nhọc leo lên lầu thấp nhang trước bàn thờ người chồng vắng mặt. Thời gian còn lại bà lặng lẽ ngồi thu hình ở góc nhà như một cái bóng, không ai gọi chuyện, hỏi han. Anh ứa nước mắt. Nếu một mai mẹ có mệnh hệ gì, chắc cũng chẳng ai hay!



Chán ngán cuộc sống tù túng và không khí ngột ngạt của Sài Gòn nên Quang đã đáp xe lửa về Quy Nhơn sớm hơn dự định. Nhưng ngay hôm vừa đến, cái nóng oi nồng của thành phố đã làm anh ứa oái. Buổi chiều anh lấy xe Honda của em gái chạy dọc theo đường Nguyễn Huệ. Bãi biển lúc ấy khá vắng người. Anh dựng xe trong sân một quán nước và gọi ly chanh muối.

Quang nằm duỗi chân trên ghế bố, gió biển hiu hiu mát nên anh thêm thiếp. Bỗng một bọn trẻ ở đâu ào tới, vừa văng tục với nhau vừa giành nhau mời anh mua kẹo, mua báo, mua vé số...

- Đi ra chỗ khác!

Bà chủ quán vừa cầm cây chổi vừa tiến tới với bộ dáng đầy hăm dọa. Lũ trẻ chạy tán loạn. Bà nhìn Quang như phân trần:

- Ông có chừng bọn nhãi này. Vừa làm ồn vừa hay cắp vặt.

Nói xong bà đi cất chổi và trở lại quầy, nhưng sau đó có lẽ thấy vắng khách nên bà đi sang quán bên trò chuyện.

- Mời chú mua...

Một thằng bé chừng 11-12 tuổi đang tiến đến. Không hiểu có phải tại vết sẹo dài trên mắt trái đã làm Quang có ác cảm hay bực mình vì sự yên tĩnh bị quấy rầy. Anh lớn tiếng:

- Không bán mua gì cả! Đi chơi chỗ khác!

Thằng bé nhìn anh sững sờ. Vết sẹo bên mắt trái như nở to hơn nên trông càng đáng ghét. Nhưng lạ thay, giọng nói của em lại vô cùng lễ độ:

- Cháu mời chú, chú không mua thì thôi chứ sao lại mắng cháu?

Quang chưng hửng. Đột nhiên anh thấy mình vô lý. Nhưng giọng lý sự của thằng bé làm anh đâm ra tự ái nên anh chỉ yên lặng chứ không mở lời xin lỗi. Mặt anh vẫn còn hầm hầm nhìn nó

Đó là một thằng bé ốm tong teo, tóc hớt ngắn, mặc một chiếc quần đùi đã bạc và trên người khoác một chiếc áo nhà binh hơi quá khổ. Trông đáng điệu có vẻ xốc xếch nhưng không dơ bẩn.

- Cháu ngồi chỗ kia, không làm phiền chú đâu. Khi nào đói bụng, mời chú mua dùm cho cháu nhé!

Giọng nói lễ phép đã làm nguội nổi bực dọc của Quang. Nhưng anh không nói gì thêm, quay nhìn ra phía biển rồi lim dim đôi mắt.

Lát sau khi Quang tỉnh ngủ, anh thấy thằng bé vẫn còn ngồi dựa lưng vào một góc dứa đang chăm chú viết, thúng quà bánh được đặt nắp và bỏ qua một bên.

- Này, em bán gì đấy?

Thằng bé vội xếp sách, ôm thúng quà chạy tới.

- Dạ bắp nấu. Mời chú mua dùm cho cháu. Vừa nói em vừa lựa một trái dưa cho Quang.

Vừa ăn bắp Quang vừa hỏi chuyện. Có lẽ sau khi nghỉ được một lát, tinh thần khoan khoái nên giọng anh ôn hoà:

- Lúc này chú thấy cháu viết gì đó?

- Dạ thưa cháu đang làm bài tập.

- Cháu học lớp mấy?

Mặt em bé hơi sưng lại. Quang thấy em buồn buồn.

- Dạ lớp bảy. Rồi em hạ thấp giọng và nói tiếp:

- Nhưng hai năm nay cháu không có thời giờ đến trường nữa.

Quang ngạc nhiên.

- Ủa! Không đến trường sao cháu còn làm bài tập?

- Thưa chú, cháu muốn đi học nhưng không có thì giờ đến trường. Cháu mượn tập của bạn để học thêm lúc rảnh.

Quang ồ lên một tiếng. Giờ anh mới vỡ lẽ. Trong một thoáng anh chợt nhớ tới những đứa trẻ cùng tuổi ở Âu Châu, giờ này đang ở trong một căn phòng ấm cúng và đầy đủ tiện nghi, đang say sưa điều khiển những trò chơi điện tử. Chúng không cần chơi với ai và cũng không chịu học.

Trước mắt anh giờ đây là một thằng bé chững chạc, và hoàn toàn khác hẳn những đứa bé thị thành mà anh từng gặp trên đất Ý. Đây là hình ảnh của một người đã trưởng thành, là một thứ *trái-cây-chín-sớm* bởi gió bão cuộc đời.

- Cháu tên gì? Quang vừa hỏi vừa lựa thêm vài trái bắp nữa bỏ vào túi nylon.

- Dạ tên Bảo.

Quang đưa tiền cho Bảo. Thấy em đang đếm tiền để thối lại, anh bảo thôi, cứ giữ lấy nhưng Bảo vẫn dúi số tiền đã đếm vào tay anh. Quang hơi bất ngờ, nhưng thấy thằng bé biết tự trọng anh không nài thêm; tuy nhiên anh nhanh trí mua thêm một trái nữa rồi bỏ hết số tiền thối vào túi Bảo.

- Cám ơn chú. Chiều mai chú xuống tắm nhờ mua dùm cho cháu nhé!

Chiều ấy ở biển về, Quang thấy lòng lâng lâng vui vẻ. Khi đi qua công viên, anh chia bắp cho một bọn trẻ con đang đánh bi dưới bóng cây. Lũ trẻ reo lên mừng rỡ. Quang mỉm cười bước đi và đầu óc anh cứ vương vấn hình ảnh Bảo. Hình như trong trí anh lúc này, chiếc thạp không những đã không làm cho em xấu xí mà trái lại, nó còn làm nổi lên đôi mắt đầy nghị lực, tự tin ở sức mình và chất chứa trong lòng một niềm tự trọng.

Sáng hôm sau ra biển thì Quang lại gặp Bảo. Lúc này em đang bán báo. Anh mua hai tờ và cũng như hôm trước, khi trả tiền, anh đành phải lấy thêm mấy tờ khác nữa thì Bảo mới chịu nhận lại số tiền thối mà anh đã quyết định chối từ.

Suốt một tuần ngày nào cũng thế. Buổi sáng Quang thấy Bảo bán báo và buổi trưa thì bán các thứ quà vặt. Lúc nào anh cũng thấy em vui vẻ và lễ phép. Những lúc rảnh anh để ý thấy em chăm chú đọc sách hay hí hoáy làm bài tập.

Một buổi tối sau khi tan buổi trình diễn văn nghệ, Quang vừa bước ra thì thấy Bảo đang ngủ gà ngủ gật trước rạp Trưng Vương. Gần nửa đêm rồi. Gió khuya không lạnh lắm nhưng anh thấy em bé đang run run dưới manh áo mỏng. Quang hỏi:

- Bảo, coi bộ cháu mệt rồi sao không về nghỉ?

- Không. Cháu chưa mệt. Cháu chờ vãn hát để bán cho hết số bánh chưng vì để lâu rất dễ bị hư. Thường thường khi tan hát khán giả sẽ mua hết.

Quang định hỏi thêm, nhưng đông người quá anh thấy không tiện. Làn sóng người đang ào ạt tủa ra.

Sáng hôm sau gặp Bảo ở biển. Anh hỏi:

- Chú thấy cháu làm việc nhiều như vậy. Lúc nào chú cũng thấy cháu bán hết thứ này đến thứ khác, từ sáng đến tối. Cháu dành tiền để làm gì?

Anh thấy mặt thằng bé tái đi. Em mở to mắt nhìn Quang, không đáp, rồi quay nhìn ra biển.

Quang hỏi dồn:

- Bộ cháu tính tiêu gì lớn lắm hả? hay dành tiền mua xe gắn máy?

- Dạ thưa không. Cháu cần rất nhiều tiền, nhưng không phải để tiêu hoang. Rồi như nghĩ sao em nhìn anh một giây rồi ngáp ngừng:

- Dạ cháu có ý...

Nhưng đột nhiên Quang đọc thấy trong mắt em một cái nhìn ngáp ngừng của một kẻ chưa sẵn sàng thổ lộ một tâm sự gì bí ẩn. Anh hơi ân hận, nên vội ngắt lời để em khỏi phải khổ tâm:

-Chú chỉ tò mò vậy thôi. Cháu không bắt buộc phải trả lời!

Băng đi vài ngày, vì lên Pleiku thăm thân nhân nên Quang đã không còn nghĩ đến thằng bé. Nhưng khi về lại Qui Nhơn thì một buổi sáng anh lại gặp Bảo ở bãi biển.

- Này Bảo, chú sắp đi rồi. Chú có thể giúp cháu được gì không?

Quang thấy nét mặt em hơi buồn, nhưng cuối cùng em lắc đầu, nhìn anh:

- Bảy lâu nay chú mua dùm hàng cho cháu là cũng đã giúp cho cháu nhiều rồi vậy.

Rồi em quay đi. Quang không biết nói gì thêm. Anh yên lặng nhìn theo, và sau đó chỉ còn nghe tiếng rao của em như chìm trong gió biển.

Một buổi chiều chửa nhật lúc Quang lái xe Honda chạy dọc theo bờ biển để hóng mát trước khi rời quê hương thì thấy Bảo. Mới đầu anh định kêu em, nhưng không hiểu sao lại đổi ý. Có lẽ tại Bảo hôm nay rất khác thường. Em mặc một chiếc áo sơ mi trắng, áo bỏ trong chiếc quần Jean đã bạc màu. Trên tay phải em cầm một gói giấy và tay trái cầm một bó hoa nhỏ. Quang bỗng nổi ý tò mò. Nhất định là chiều nay em không đi làm, và trông bộ dáng tung tăng kia thì chắc là em đang vui lắm. Giữ khoảng cách, anh chậm rãi đi theo, dù trong tâm anh không tin là em bé mới lớn kia đang làm gì mờ ám.

Khi đến trước cổng bệnh viện thì Bảo rẽ vào trong. Quang không biết làm sao, nhưng rất nhanh, anh vội vã đi gửi xe Honda rồi hốt hải chạy theo.

Quang vừa đi trên con đường lát gạch vừa quan sát khu bệnh viện. Mấy dãy lầu thấp một tầng, quét vôi vàng trông cũ kỹ và buồn thảm. Đã nhiều năm không tu bổ gì thêm nên bệnh viện Quy Nhơn trông như hoang phế. Anh theo thằng bé bước lên lầu. Vừa đi hết cầu thang, anh đã nghe mùi rượu hòa với mùi thuốc sát trùng xông lên khứu giác. Trên những chiếc giường sơ sài trải chiếu, nhiều người bệnh la liệt nằm tréo đầu lại với nhau. Một số mặc pijama trắng, băng bó quấn trên đầu hay tay chân đang đi lại ngoài hành lang. Có vài người chống nạng. Vài cô y tá bưng chiếc khay đã sờn, trên đó nằm loe hoe vài lọ thuốc. Tất cả vẽ nên khung cảnh của một bệnh viện nghèo. Rất nghèo. Quang lần bước đến bên cửa nhìn vào và trông thấy thằng bé đang loay hoay bên một chiếc giường kê ở góc phòng. Trên chiếc bàn con gần đó có một bó hoa cắm trong ly, một đĩa cam sành và vài hộp tân dược. Sát đầu giường anh còn thấy dựng một đôi nạng gỗ. Lúc ấy Bảo đứng một bên, đang xoa bóp cho một người đàn bà có khuôn mặt rất giống em. Bà ta khoảng chừng bốn mươi tuổi. Quang chú mục nhìn vào. Không bao giờ anh quên được đôi mắt của người đàn bà đó. Cái nhìn đầy âu yếm và trên môi đang nở một nụ cười như vừa kiêu hãnh vừa mãn nguyện. Quang biết chắc đó là hai người hạnh phúc nhất trần gian.

Nếu không tự kiểm chế thì có lẽ Quang đã bước vào để góp vào niềm vui của họ, nhưng anh thấy mình không có quyền xen vào để làm rối cuộc họp thân mật của gia đình Bảo. Anh yên lặng đứng nhìn và lòng cũng vui lây.

- Thưa ông tìm ai ạ?

Quang giật mình, quay lại. Đó là một người đàn bà mặc áo trắng, khuôn mặt hiền từ, đang bước về phía anh. Anh ra dấu để bà ta yên lặng và hạ thấp giọng:

- Dạ, tôi theo một em bé vào đây? Vừa nói anh vừa ra dấu chỉ vào phòng.

- Ủa, ông có quen với em Bảo hả?

Quang ngạc nhiên. Ở đây người người la liệt, làm sao mà một bà y tá luôn bận rộn lại nhớ cả tên một em bé vô danh như vậy? Anh vẫn tất tưởi đã quen biết Bảo trong trường hợp nào, và hôm nay vào đây chỉ do một sự tình cờ.

- Đó là một em bé tuyệt vời. Bà y tá chép miệng.

- Ủa, bà biết em Bảo rõ lắm sao?

- Ở đây ai mà không biết Bảo. Tất cả đều thương mến và cảm phục em.

Thấy Quang trở mắt ngạc nhiên, bà y tá dịu giọng nhìn anh:

- Nếu ông muốn nghe chuyện em Bảo thì mời ông vô đây.

Quang theo bà bước vào phòng. Sau khi cầm phích nước rót trà vào chén để mời Quang, bà cũng hớp một ngụm rồi chậm rãi kể:

Bảo không phải là người Quy Nhơn. Hình như cha mẹ em ở Đồng Phó hay Định Quang gì đó, tôi không còn nhớ rõ. Cha Bảo sinh sống bằng nghề thợ may nhưng hình như vì thời buổi khó khăn, ở quê không ai may vá gì nên khoảng năm 82-83 ông dẫn gia đình về Quy Nhơn sinh sống. Nhà em ở trong khu sáu. Cha Bảo là một thợ may khá lành nghề nên đời sống gia đình tương đối sung túc, Bảo được cha mẹ cho ăn học đường hoàng. Nhưng đầu năm 90, lúc Bảo vừa lên sáu, cha em bỏ đi đâu biệt tích. Có người đồn là ông ta đã đi theo vợ bé vào Sài Gòn, có người nói là ông ta đã bí mật làm hồ sơ để đi bảo lãnh với một tình nhân trẻ tuổi. Thực không ai biết đích xác là chuyện gì đã xảy ra. Tuy đứt ruột nhưng mẹ Bảo vẫn tiếp tục táo tợn nuôi em ăn học, chỉ tiếc là thời gian sau này kinh tế khó khăn, em phải bỏ học để đi làm giúp mẹ.

Nhưng bất hạnh không dừng lại ở đó. Mấy tháng trước mẹ em gánh hàng rong đi bán thì bị xe Honha hất ngã, lưng đập vào lề đường và từ đó một chân bị liệt, không đi đứng gì được nữa. Kinh tế gia đình đang lúc khó khăn giờ lâm ngay vào cảnh vô cùng túng quẫn. Hiện nay em không còn ai là người thân, trừ người mẹ bệnh tật mà ông vừa thấy đó.

Bà y tá rưng rưng nước mắt:

- Không ai tưởng tượng nổi sự can đảm và đức chịu khó của em. Sau khi mang mẹ đến bệnh viện, em phải quần quật làm việc suốt ngày để tự kiếm sống, ngoài ra còn phải chăm nuôi và kiếm tiền để thuốc thang cho mẹ. Một mình cáng đáng mọi việc nhưng lúc nào em cũng vui vẻ, không bao giờ than thân trách phận. Thì giờ rảnh em còn tranh thủ học thêm nên ai thấy cũng đều thán phục. Mỗi chiều chủ nhật em thường đến đây tự tay săn sóc mẹ, và ông biết là từ sau giải phóng, bệnh viện đâu có kinh phí nhiều, hầu hết thuốc men đều phải mua ngoài. Thuốc tây thì đắt đỏ, vậy mà tuần nào em cũng mua được cho mẹ những toa thuốc cần thiết mà bác sĩ đã ghi. Thời gian gần đây em còn thổ lộ với tôi là sẽ cố gắng kiếm nhiều tiền để có thể mang mẹ vào Sài Gòn chữa trị cho chóng khỏi.

Câu chuyện kể đến đây thì cả Quang và bà y tá cùng lặng thinh. Thời gian như ngừng lại và không gian như yên

tĩnh lạ thường. Quang mơ hồ như nghe thấy một tiếng chuông chùa từ xa đưa lại và những điều vừa nghe như gọi dậy trong anh một sự hồi sinh. Bỗng dưng Quang xấu hổ nghĩ rằng lâu nay mình đã để cho niềm thất vọng lồi cuồn và đã đánh mất niềm tin ở con người. Giờ thì anh nhận ra niềm an vui là sống thế nào để có ích cho người khác và dẫu nghèo khổ đến đâu, khi biết yêu thương, người ta sẽ hạnh phúc. Đó là một điều đơn giản. Nhưng lòng anh lâng lâng và thanh thoát như vừa khám phá một chân lý cao siêu. Cảm xúc lạ lùng và kỳ diệu ấy đã bắt nguồn từ sự hy sinh quên mình của một đứa trẻ.

Quang lấy xe Honda và chạy về phía biển. Anh dựng xe lên bãi cát rồi bước dọc theo mé nước, có khi dừng lại, đứng ngắm một hồi lâu. Trời đã bắt đầu tối, những ngôi sao lấp lánh trên bầu trời và trên mặt biển có những làn hơi nước bốc lên như một làn sương mỏng.

Đêm ấy Quang cứ suy nghĩ mãi. Mình có thể làm gì để có thể đổi thay số phận của nhiều người? Có thể làm gì để gỡ bớt gánh nặng oằn vai của một đứa trẻ đầy phẩm giá? Anh phân vân vô kể. Mấy năm trước anh thường tự hào –và tự phụ- là có thể cáng đáng mọi gánh nặng cho những người thân còn sống ở Việt nam. Nhưng thực tế và phù phàng đã làm anh đứt ruột. Nhiều đêm anh lặng lẽ khóc ray rứt bằng trái tim rướm máu của mình. Thôi. Có lẽ không nên tự cuu mang cho mình những món nợ tình thân là hay hơn cả. Mỗi người đều có một định mệnh và chỉ có thể sống theo cách của họ mà thôi...

Nhưng buổi sáng trước khi rời Quy Nhơn anh chạy đi tìm Bảo để đưa cho em tất cả số tiền còn lại. Bảo ngạc nhiên chưa biết phản ứng ra sao. Khi em cố chạy theo để gọi "Chú ơi, con không dám nhận đâu!" thì Quang đã rồ máy Honda chạy mất. Gió thổi bạt về phía sau, tiếng anh khàn và đục "Giữ đi cháu, cháu sẽ xử dụng nó một cách xứng đáng hơn chú nhiều".

Trưa hôm ấy chuyển xe lửa từ Ga Diêu Trì mang Quang về thành phố và buổi tối khi ngồi trên máy bay về lại Ý anh thấy lòng thanh thản, như vừa trút xong những lo lắng của mấy tháng vừa qua. Từ chuyến về thăm nhà lần ấy, nếu làm một cán cân kinh tế, Quang thấy anh là người có lợi. Anh chỉ cho Bảo một số tiền nhỏ mà đổi lại, Bảo đã dạy anh một bài học yêu thương, nhân nghĩa, hiếm hoi lắm trong thời đại hôm nay. ●

FENG-SHUI

trên đất Mỹ

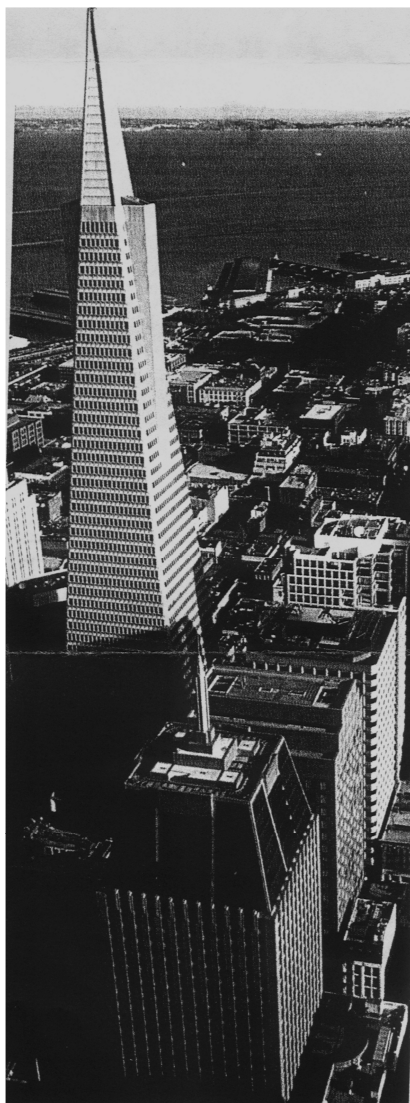
Ngày nay phần lớn người Mỹ thường hay nhắc tới hai chữ FENG-SHUI đôi khi trở thành như cái mốt mới mà người Mỹ ưa chuộng, họ áp dụng Feng-Shui ngay trong nhà, trong khu vườn hay trong văn phòng làm việc với tất cả sự chú tâm, ham thích và tin tưởng.

Feng-Shui là tiếng dựa vào cách phát âm từ người Hoa (Phung-Suây) và người Việt gọi là Phong Thủy. Phong là gió và Thủy là nước. Các triết gia Trung Hoa thời cổ cho rằng Gió và Nước là hai yếu tố quan trọng tác động ảnh hưởng lên môi trường sinh sống của mọi sinh vật. Lý thuyết Phong Thủy xuất hiện ở Trung Hoa cách đây khoảng 3000 năm. Lý thuyết Phong Thủy giúp con người sống hòa hợp với môi trường đất đai nơi chốn và với cả vũ trụ. Do đó Phong Thủy không chỉ gồm hai yếu tố Gió và Nước mà còn liên kết với Khí và cả lý thuyết Âm Dương Ngũ Hành.

Đối với người Mỹ thì Phong Thủy được hiểu theo cách đơn giản và thực tế hơn, đó là vấn đề sắp xếp, bố trí đồ đạc trong nhà, nơi cơ sở làm ăn hay cây cối trong vườn theo một quy tắc nào đó nhằm giúp đạt được sự hài hòa thuận lợi với con người, nơi chốn và vũ trụ. Từ kết quả đó sẽ dẫn tới sự thành công và sức khỏe trong cuộc sống. Trong thời đại hiện nay tại các nước phương Tây, nhất là Mỹ quốc thì Phong Thủy đã trở thành một trong các bộ môn Khoa học và Nghệ thuật.

BÓNG DÁNG PHONG THỦY BẢN BẠC KHẮP NƯỚC MỸ

Khó có câu trả lời dứt khoát về vấn đề người Mỹ từ lâu đã tin và thực hành theo lý thuyết Phong Thủy. Nhưng nếu chịu khó quan sát tìm hiểu, phân tích nhiều mặt khắp nước Mỹ ta lại bắt gặp một số hơi hướm và bóng dáng Phong Thủy trên đất nước này.



Tòa cao ốc nhọn thuộc hành hỏa tại Sanfrancisco là hình ảnh của sự phát triển và khổng lồ.

SÁCH VỎ, TÚ LIỆU VÀ VIỆC GIẢNG DẠY PHONG THỦY TRÊN ĐẤT MỸ

Ngày nay, tại Mỹ, nhiều sách báo tạp chí chuyên về Phong Thủy do người Mỹ viết hay cùng viết chung với các nhà Phong Thủy Á Châu bày bán khắp các tiệm sách trên đất Mỹ. Các Câu Lạc Bộ, các Hội Phong Thủy, các lớp học chuyên về Phong Thủy được mở ra và đã được rất đông học viên Mỹ ghi tên theo học. Điều kỳ lạ là dù học phí rất cao, đôi khi chỉ học có hai ngày mà học phí là 400 đô-la mỗi người, có nơi mở lớp học một khóa 1200 đô-la. Dù học phí cao nhưng vẫn thu hút hàng trăm người theo học. Tuy nhiên trên thực tế học viên khi học xong vài ba ngày hay một khóa đi nữa thì họ cũng chỉ mới biết qua đại cương về Phong

Thủy mà thôi. Nếu muốn thành thạo, thực hành đúng lý thuyết Phong Thủy thì còn phải qua nhiều lớp khác nữa nhất là lớp học về Kinh Dịch, vì Phong Thủy liên quan nhiều tới Kinh Dịch (I Chin -Yin and Yang).

Các lớp học thường được các nhà Phong Thủy mở ra để dạy về một số đề tài liên quan tới Phong Thủy như làm thế nào để sắp xếp bố trí một văn phòng làm việc đem lại thành công. Hay bố trí chỗ ngủ như thế nào. Rộng lớn hơn là cách sắp xếp bố trí một cửa hàng như thế nào cho hợp Phong Thủy để thu hút khách hàng, gặt được nhiều lợi nhuận. Cũng có lớp dạy cách trang hoàng theo Phong Thủy hay bố trí cây cảnh nơi khu vườn sao cho hài hòa, hoặc chọn đất đai nơi chốn thế nào để có được "vùng đất cát địa", được "tàng phong tụ khí", được "Long bàn Hồ cú". Thịnh thoảng các trường Đại Học ở Mỹ cũng có mở các lớp học Phong Thủy như những năm mới đây (1996, 1997, 1998, 1999 và đã được nhiều người theo học như ở Đại Học San Francisco, Đại Học Princeton. Nhiều người Mỹ ham thích Phong Thủy đã không ngại xa xôi tốn kém qua Úc để học Phong Thủy tại trường Đại Học nổi tiếng Patoben, nơi đây còn có cả chuyên khoa nghiên cứu về Phong Thủy.

MỘT SỐ NHÂN VẬT NỔI TIẾNG NƯỚC MỸ TIN VÀO PHONG THỦY

Điều đáng lưu ý trước tiên là một số nhà tai mắt của nước Mỹ rất tin vào Phong Thủy. Có thể đơn cử những nhân vật có tiếng như vợ chồng Tổng Thống George Bush đã quyết định làm thủ tục đổi số nhà riêng của mình vì thầy Phong Thủy cho biết số nhà ấy không hợp Phong Thủy. Nhà đại tư bản Donald Trump là tay trùm Địa Ốc nổi tiếng tại Mỹ, ông cho rằng nghề nghiệp của ông cần tới lý thuyết Phong Thủy hỗ trợ. Còn Tổng Thống Bill Clinton thì khi gặp phải chuyện rắc rối lằng nhằng với cô gái tập sự trong tòa Bạch Ốc đã phải nhờ đến một nhà Phong Thủy quan sát nơi văn phòng làm việc của mình.

Nhà Phong Thủy cho rằng: Chỗ ngồi của Tổng Thống B. Clinton tại tòa nhà bầu dục bị phạm Phong Thủy vì ghế ngồi của Tổng Thống đặt quá sát vách tường sau lưng. Đó là hình ảnh của sự bị dồn vào đường cùng, khó vùng vẫy. Quả thật trong thời gian bị tai tiếng, Tổng Thống Bill Clinton hầu như bị dồn

vào cuối chân tường và ông đã ra sức chống đỡ trong cô đơn.

Hiện nay, một số đại minh tinh tài tử Hollywood rất tin vào khoa Phong Thủy. Nhiều người có thầy Phong Thủy riêng cố vấn cho mình. Đại tài tử Hugh Grant và vị hôn thê là Nữ minh tinh gạo cội Elizabeth Hurley luôn luôn sử dụng Thủy tinh cầu (Crystal ball) vì họ cho rằng đây là vật dụng Phong Thủy có khả năng thu hút năng lượng vũ trụ tiếp nạp cho cơ thể họ. Phần lớn các tài tử đều thích treo Wind-Chimes (Phong Linh) nơi cửa sổ hay nơi vườn cho gió làm lay động phát âm thanh trong trẻo giúp thanh thoát tâm hồn như tài tử Dean Martin và Marlon Brando ... Nhiều tài tử khác lại thích treo cây sáo trúc nghiêng 45 độ nơi cái sà ngang (beam) ở phòng ngủ, phòng khách hay phòng đọc sách... Nữ tài tử nổi danh Halle Berry tin tưởng tuyệt đối vào khoa Phong Thủy nên căn nhà cô xây cất ở Hollywood Hill cũng như trình bày trang trí nội thất đều theo đúng quy luật Phong Thủy. Nơi đây, các nhà Phong Thủy thường đến theo lời mời của nữ tài tử này để xem xét, quan sát nhà, vườn và cho ý kiến cùng lời khuyên của họ.

MỘT SỐ CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC LIÊN QUAN ĐẾN PHONG THỦY

Nhà Địa Ốc nổi danh Donald Trump đã từng phát biểu rằng: "Nếu xây cất đúng lý thuyết Phong Thủy thì cơ sở bạn sẽ không gặp sự cố bất lợi nào mà còn được nhiều may mắn tới nữa...".

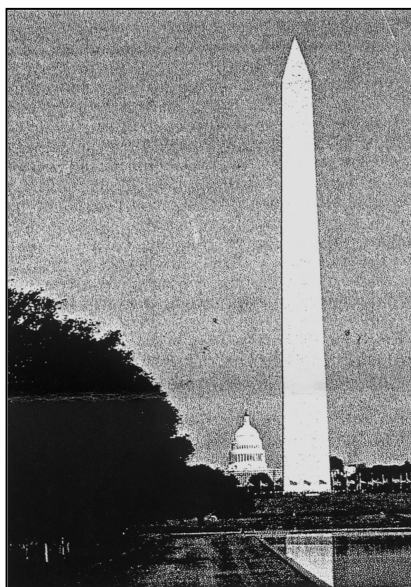
Hiện nay phần lớn các công ty xây cất lớn tại Mỹ đã cầu viện đến các nhà Phong Thủy mỗi khi họ chọn đất đai để xây cất những cơ sở thương mại hay nhà cửa. Các sách quảng cáo trình bày các mẫu nhà của các đại công ty xây cất thường có ghi thêm một câu: Feng-Shui activation: ý nói các căn nhà, vị trí đất đai ấy đều đã có sự khởi động, tham khảo, giám sát về mặt Phong Thủy rồi. Các cửa chánh của các căn nhà xây cất mới đây tại Mỹ của các công ty xây cất lớn thường làm đúng theo kích thước Lỗ Bang. Đặc biệt các cầu thang không còn đổ thẳng ra đường... hay phòng ngủ không nằm ngay trên bếp lò...

Nhiều công ty lớn của Mỹ bị lỗ lã suy sụp cũng nhờ nhà Phong Thủy tới hóa giải những điểm xấu để trở nên phát đạt thuận lợi. Tháng 8 năm 1998 các báo ở San Jose, đặc biệt là báo Mercury News đã cho hay công ty

Kaufman and Broad đã mời hai nhà Phong Thủy tới làm phép hóa giải cho vùng đất rộng 95 mẫu mà họ dự định xây cất 538 căn nhà để bán. Vùng đất này khi khai phá đã phát hiện 133 bộ xương người Da Đỏ thuộc bộ lạc Olone. Theo báo Mercury News thì công ty trên đã trả khoảng 10.000 đô-la cho hai nhà Phong Thủy.

Theo một số nhà Phong Thủy thì thật ra Phong Thủy đã xuất hiện trên đất Mỹ từ lâu đời. Chỉ cần nhìn một số công trình kiến trúc như Linh Trụ Obelisk, Washington D.C, Tòa Bạch Ốc, Ngũ Giác Đài, trường Đại Học, các cơ sở Casino... cũng ẩn tàng lý thuyết Phong Thủy bên trong.

TRỤ THIÊNG PHONG THỦY CẮM TRÊN ĐẤT MỸ



Trụ thiêng Obelisk cao 555 bộ ở Washington D.C. dưới mắt nhà Phong Thủy là vật trấn yểm của nước Mỹ.

Không phải tự nhiên mà chính phủ Mỹ từ năm 1880 đã phải bỏ ra số tiền lớn vào thời đó là 100.000 đô-la để mua một trụ đá của Ai Cập và đã khổ công chuyên chở về Mỹ cắm tại trung tâm công viên gần Viện Bảo Tàng Metropolitan. Một thời gian sau khi trụ đá đã cắm. New York phát triển, thịnh vượng một cách lạ lùng. Người Ai Cập từ ngàn xưa đã gọi trụ đá ấy là trụ thiêng Cleopatra, theo họ thì trụ thiêng cắm ở vùng đất nào thì nơi đó có được thần linh ngự trị che chở. Trụ thiêng chính là Trụ Phong Thủy của Ai Cập. Người Mỹ gọi trụ thiêng là Obelisk. Có lẽ thấy tác dụng hữu hiệu của trụ Phong Thủy Obelisk tại New York nên

chính phủ Mỹ đã tự thực hiện cho chính mình một trụ Obelisk vĩ đại (gồm 36.000 khối đá hoa cương ghép lại) cắm trên vùng đất của Đài Tưởng Niệm tại Washington D.C. Ngay tại lăng mộ của cố Tổng Thống Washington tại núi Vernon cũng có một Linh Trụ Obelisk. Khi đặt chân đến New York hay Washington D.C., các nhà Phong Thủy không quên chiêm ngưỡng 2 trụ Phong Thủy đầy năng lực ấy. Nhiều đồn đoán cho rằng hai trụ Phong Thủy vừa kể là hai vật trấn yểm mạnh mẽ chống lại bất cứ những tai họa nào giáng xuống đất nước này.

Một số lớn nhà Phong Thủy cho rằng: vượng khí bao bọc Washington D.C. là do sông Potamac tỏa ra. Từ cao độ nhìn xuống ta thấy rõ dòng sông đang rộng như đôi tay ôm lấy Đài Tưởng Niệm và Tòa Bạch Ốc. Nhiều nhà Phong Thủy còn thấy rõ nơi đây hình ảnh của biểu tượng về đất Văn Học phát vượng, đó là Trụ Phong Thủy Obelisk là biểu tượng cây bút và sông Potamac là nguồn mực không bao giờ cạn.

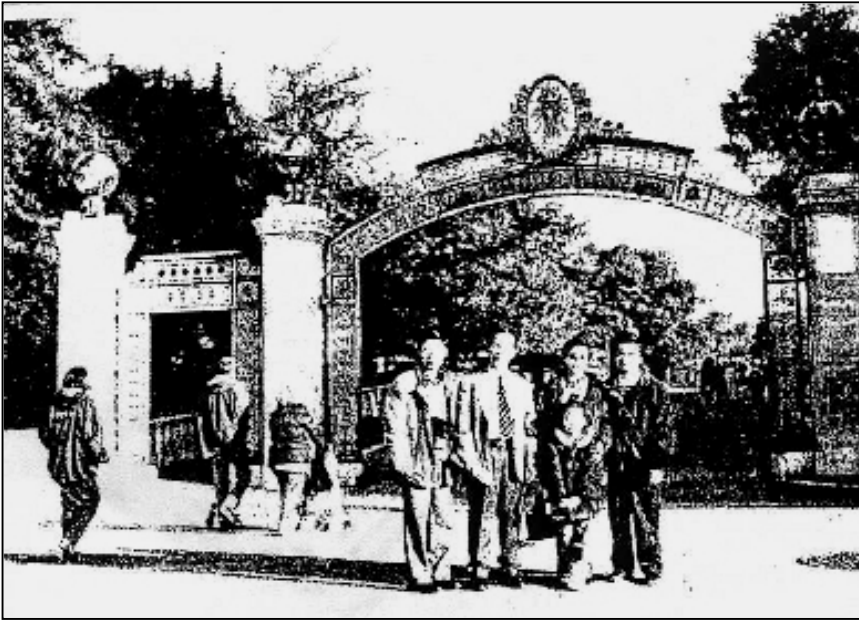
THÁP TRỤ Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC



Lý thuyết Phong Thủy cổ xưa cho rằng các ngôi tháp là những vật thu Khí của vũ trụ. Các ngôi chùa thường xây bảo tháp để nạp Khí của Trời Đất. Tháp trụ còn là biểu tượng của cây bút, biểu tượng của văn học. Vô tình hay hữu ý, phần lớn các trường Đại Học ở Mỹ thường có ngọn tháp cao. Như trường Đại Học Berkeley là một thí dụ điển hình về những công trình xây dựng phù hợp với Phong Thủy. Ví dụ như

ngôi tháp cao ở phía Thanh Long là biểu tượng cây bút và phía phải có cái hồ tròn đầy nước, biểu tượng hũ mực.

bất cứ vùng đất nào tọa lạc trong phần miệng của nó nữa.



Hình chụp cổng chính của trường Đại Học Berkeley. Cổng này quay về hướng Nam. Đây là cổng thuộc loại cổng Tam Quan, gồm: một cổng chính ở giữa và hai cổng phụ hai bên. Cổng giữa có hình dạng Hành Kim và phía trên là huy hiệu sao 5 cánh (5 Hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ) tỏa rạng ánh sáng.

Đây là biểu tượng về văn học. Cổng chính trường quay về hướng chánh Nam là hướng Danh Vọng. Trường tọa Bắc triều Nam. Hướng Nam lại có biển (Minh Đường Thủy tụ). Sau lưng trường là đồi núi hợp thế Huyền Vũ bao bọc. Cổng trường là cổng Tam Quan, hình ảnh của người Luyện Công (theo Trương Huệ Dân). Dưới cổng chánh có dòng suối chảy ngang, hình ảnh tương tự Ngộ Môn quan nơi cổ cung Trung Hoa thời xưa cổ.

Có nhà Phong Thủy cho rằng vùng đất này ở vào miệng Hồ. Quả thật, khi xem dạng thể trên bản đồ nơi vùng vịnh San Francisco ta sẽ thấy ngay dạng thể vùng bờ biển này giống miệng con hồ đang há hoác ra và vùng đất Berkeley lại tọa lạc trong đó. Tuy nhiên, nếu quan sát kỹ hơn ta lại thấy miệng Hồ sẽ không bao giờ khép lại được bởi nó đã bị 2 cây cầu lớn là cầu San Francisco Oakland Bay và cầu San Rafael trấn áp vào hàm trên và hàm dưới của miệng Hồ. Vì thế Hồ không còn đủ năng lực tác động lên

NGŨ GIÁC ĐÀI VÀ PHONG THỦY

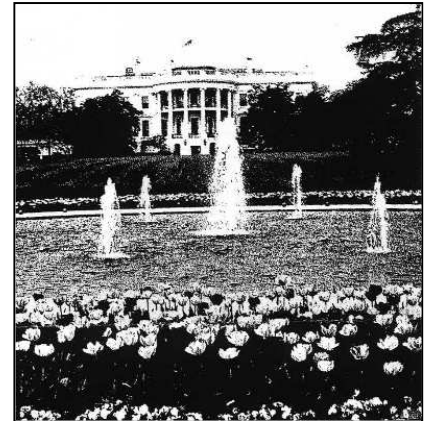


Bên cạnh dòng sông Potamac còn có một công trình kiến trúc vĩ đại liên quan về quân sự, đó là Ngũ Giác Đài (Pentagon). Mặc dầu Ngũ Giác Đài 5 cạnh nhưng dưới mắt nhà Phong Thủy, Ngũ Giác Đài là hình ảnh của cái Bát Quái, hình tượng mà người Hoa và người Việt Nam thường dùng để trấn yểm.

Từ máy bay nhìn xuống Ngũ Giác Đài ta có cảm giác như có một Bát Quái Đồ nằm trên mặt đất. Câu hỏi được đặt ra là tại sao Ngũ Giác Đài không là 8 cạnh mà 5 cạnh? Trước tiên 5 cạnh là biểu tượng của Ngũ hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Theo Kinh Dịch, Hà

Đồ, Lạc Thư thì số 5 thuộc Tam Thiên lưỡng địa. Ngũ Giác Đài phân ra 10 ô tương ứng với Hà Đồ gồm 10 số (từ 1 tới 10 - các số lẻ là số Trời và các số chẵn là số Đất. Số Trời và số Đất cộng lại là 55). Theo Dịch hệ từ thượng thì số này đã kích động nên sự biến hóa và điều hành của Quý Thần.

PHONG THỦY TÒA BẠCH ỐC

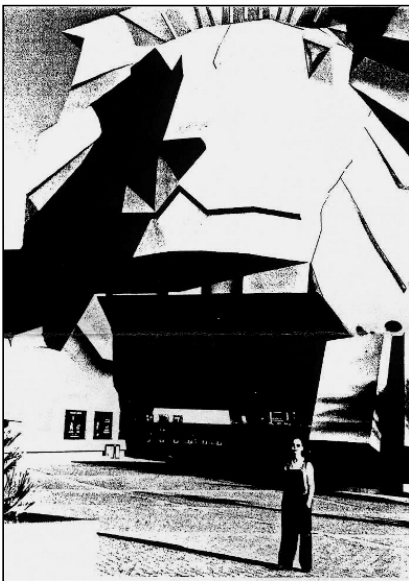


Tòa Bạch Ốc (White House) là nơi mà nhiều nhà Phong Thủy lui tới quan sát tìm hiểu. Từ đó đã có những phê bình, đề nghị về mặt Phong Thủy như sau:

- Dạng thể tòa nhà rất thuận hợp với lý thuyết về cấu trúc Phong Thủy.
- Phương hướng và vị trí của văn phòng làm việc cũng như gia đình Tổng Thống cư ngụ đều hợp Phong Thủy.
- Con đường số 16 thẳng tắp như một lưỡi gươm đâm vào tòa Bạch Ốc là một sai phạm lớn về Phong Thủy. Bà Nancy đã từng nhìn con đường 16 và cho biết rằng: Đó là hình ảnh sinh sát do con đường trực xạ vào tòa nhà gây nguy hại cho các Tổng Thống Mỹ. Theo bà Nancy thì cứ khoảng chu kỳ 20 năm thì lại có một Tổng Thống Mỹ bị nạn. Điều tác hại ấy đã từng xảy ra nếu ta chịu khó nhớ lại:
 - Năm 1841, Tổng Thống William Harrison chết bất ngờ.
 - Năm 1865, Tổng Thống Abraham Lincoln bị ám sát chết.
 - Năm 1881, Tổng Thống James Garfield bị ám sát chết.
 - Năm 1901, Tổng Thống William Mc. Kinley bị ám sát chết.
 - Năm 1923, Tổng Thống Warren G. Harding chết một cách đột ngột.
 - Năm 1945, Tổng Thống F. Roosevelt qua đời.
 - Năm 1963, Tổng Thống John Kenedy bị ám sát chết.

-Sau đó khoảng 20 năm lại có một Tổng Thống khác bị hại, đó là Tổng Thống Reagan bị ám sát nhưng may mắn đã thoát chết như một phép lạ. Một nhà Phong Thủy Đài Loan đã báo động về con đường 16 như một lưới gươm đâm vào tòa Bạch Ốc rất nguy hiểm nên đề nghị biến cải lại hướng con đường ấy hay tăng cường bồn phun nước lớn trước tòa nhà giúp làm tán ác khí đi, vì nếu không sẽ còn nhiều Tổng Thống Mỹ khác sẽ bị hại.

CÁC SÔNG BÀI CASINO



hoác miệng để thay vào đó là một cổng ra vào hình chữ nhật. Trong tháng 5 năm 2000, tại miền Bắc California, một đài truyền hình Mỹ đã chiếu một phóng sự về Las Vegas và có nhắc đến trường hợp Đầu Sư Tử khổng lồ MGM há hoác cổ họng đã bị hủy bỏ vì lý do một số nhà Phong Thủy đã cho biết hình ảnh của công trình to lớn ấy làm nhiều người vào chơi bài ái ngại. Ngoài ra đài truyền hình lúc đó cũng có cho biết là hầu hết các kiến trúc và biểu tượng của các khu giải trí ở Las Vegas đều không ít

thật nên hình ảnh cuộc hải chiến trung thực, sống động hơn, hấp dẫn nhiều người hơn. Dĩ nhiên sẽ ảnh hưởng lên tinh thần người xem hơn. Theo nhận xét của các nhà Phong Thủy thì rõ ràng những Casino ở Mỹ đã sử dụng hình tư tưởng liên quan tới Phong Thủy có tác dụng hữu hiệu hơn Hồng Kông, Ma Cao rất nhiều. Càng ngày con người càng văn minh, họ càng nghĩ ra những biểu tượng thâm sâu vi diệu hơn khi áp dụng vào mục đích Phong Thủy mà khách bàng quan đôi khi không nhận ra. Chỉ có một trường hợp hy hữu



Công trình kiến trúc đồ sộ của MGM. Đó là hình tượng cái đầu sư tử khổng lồ đang há hoác cổ họng ra và cái cổ họng to lớn ấy lại chính là cửa ra vào. Nhiều du khách bước vào đây để chơi bài, nhiều người có cảm giác là mình đã tự nguyện bước vào họng sư tử. Tuy nhiên, có lẽ hành hóa thường được tận dụng nói các cổ số giải trí, sông bài. Hành hỏa làm hành kim bị nóng chảy - mà hành kim là tiền bạc.

Tại các trường đua ngựa hay sông bài ở Hồng Kông từ thời xưa cũng đã sử dụng hình tượng Phong Thủy. Đó là phương cách mà bất kỳ cơ sở nào dù Đông hay Tây cũng đều phải tận dụng vì giúp họ sinh tồn, nếu không thì sẽ rất dễ bị phá sản. Chỉ có điều là sử dụng Phong Thủy như thế nào? ẩn tàng hay lộ liễu mà thôi. Khi đến Las Vegas, nhiều nhà Phong Thủy đã thấy ngay hình biểu tượng lộ liễu về Phong Thủy thể hiện qua công trình kiến trúc đồ sộ của MGM. Đó là hình tượng cái đầu Sư Tử khổng lồ đang há hoác cổ họng ra và cái cổ họng to lớn ấy lại chính là cửa ra vào. Nhiều du khách bước vào đây để chơi bài, nhiều người có cảm giác là mình đã tự nguyện bước vào họng Sư Tử. Tuy nhiên, có lẽ hình ảnh biểu tượng đó bất lợi cho sự thu hút khách vào nên trong năm 1999, MGM đã quyết định phá hủy hình ảnh đầu Sư Tử há

thì nhiều có liên quan về Phong Thủy bởi lý do là du khách ngày càng nhiều người Á Châu. Nếu du khách có dịp qua Hồng Kông, Ma Cao, vào các Casino, họ cũng thường bắt gặp những mô hình, kiến trúc liên quan về Phong Thủy. Những mô hình này là những biểu tượng tạo nên hình tư tưởng ảnh hưởng lên người chơi bài. Ví dụ ở Hồng Kông, khách vào chơi bài phải bước qua một hành lang mà trên trần đèn chiếu sáng các hình ảnh của thuyền cướp biển với đoàn hải tặc đang hầm hè ra uy đoạt tiền mãi lộ. Trước khi chơi bài mà hình ảnh ấy in vào tâm trí thì rõ ràng theo hình tư tưởng trong khoa Phong Thủy khách chơi bài khó mà được thắng. Tuy nhiên đây chỉ là biểu tượng bằng hình ảnh mà thôi. Trái lại ở nhiều khu giải trí khác ở Mỹ như Las Vegas chẳng hạn thì, cướp biển là người thật, diễn xuất

vì quá lộ liễu về sử dụng Phong Thủy qua hình ảnh con Sư Tử vĩ đại của MGM mà nay đã phá bỏ, còn những mô hình, cấu trúc khác khó có người hiểu được thâm ý Phong Thủy bên trong.



Du khách đang xem tàu của quân cướp biển

Khoa tâm lý học Tây phương từ lâu đã công nhận tác động ảnh hưởng của hình tư tưởng. Khoảng ba nghìn năm trước, những nhà Phong Thủy lừng danh Trung Hoa đã khám phá và áp dụng vấn đề này.●



Vô đỉnh trí

Hôm nay chủ nhật, tuy không đi làm nhưng Đại tá Tân vẫn bận lòng ưu tư về công việc ở cơ quan. Hẳn thầm nghĩ chỉ có nơi này mới có thể tìm ra tận ổ của chúng nó. Nghĩ vậy Tân bảo người tài xế kiêm cận vệ đưa hẳn về phía Gia Định. Hẳn ghé chợ mua vài trái cây làm quà biếu bà chị.

Kể từ ngày cộng sản chiếm miền Nam, Tân được Đảng chỉ định phụ trách an ninh tỉnh báo ở thành phố Hồ Chí Minh. Ở chức vụ này hẳn đã phá vỡ nhiều âm mưu chống phá nhà nước và cách mạng. Sở dĩ Tân lập được công trạng này vì hẳn là người miền Nam, dễ la cà gây cảm tình với những người dân mất điểm tựa chính trị.

Cùng sinh thời với học sinh Trần Văn Ôn, nhân cái chết của người này, hẳn thấy rõ mặt thật của thực dân Pháp, lòng yêu nước của tuổi trẻ thức dậy Tân tham gia các tổ chức chống Pháp. Sau đó, vì non kém chính trị nên bị cộng sản đánh lừa. Nhờ có học thức chút đỉnh, hẳn dần dần được theo học các khóa chính trị cao cấp về lý thuyết cộng sản. Trong Cục Chính Trị của Đảng, Tân được xếp vào hàng có căn bản vững chắc. Với Tân, Các-Mác đúng là đỉnh cao trí tuệ của loài người.

Tân có người chị góa bụa. Trớ trêu thay, ông anh rể lại chết về tay cộng sản. Vì thế nên hai chị em không tránh khỏi ngỡ ngàng pha lẫn cay đắng trong ngày tái ngộ. Để lấp bốt hổ ngấn cách về ý thức chính trị và ngăn cách bởi hậu quả tang tóc xảy ra cho gia đình bà chị, Tân tìm cho Thảo, con bà Hai, một chỗ làm trong cơ quan của Tân.

Thảo là sinh viên dưới thời Việt Nam Cộng Hòa. Nhờ không dính dáng đến quân đội hay cơ quan công quyền của chế độ cũ, chàng không bị tập trung vào tù. Thảo không thể nào thích hợp với Tân, người cậu của thế giới vô sản, nhưng vì hoàn cảnh và

vì một lý do riêng mà chàng chấp nhận sự giúp đỡ của Tân.

Hôm nay Tân ghé thăm bà Hai, ngoài ra hẳn còn mục đích thăm kín khác.

Bước vào nhà trong lúc bà Hai đang chưng dọn bàn thờ Phật để cúng rằm, Tân chào chị:

- Thưa chị Hai, hồi này nhân đi ngang qua chợ Bà Chiểu, thấy có mấy trái cây tươi, tôi có mua một chục đem biếu chị, sẵn dịp thăm chị luôn. Hôm nọ, nghe thằng Thảo nói chị không khỏe nhưng vì bận việc cơ quan nên chưa đi thăm được, hôm nay chị khỏe chưa?

Bà Hai vui vẻ trả lời:

- Cậu Ba nó còn nhớ tới chị là quý lắm rồi. Đừng bày vẽ mua sắm cho tốn tiền. Cha mẹ mất đi chỉ còn lại hai chị em mình, nay mình cũng đã lớn tuổi, ráng tu nhơn tích đức cho con cháu đời sau. Hôm nay rằm, sẵn có trái cây của cậu Ba nó, để chị cúng Phật xong, ở lại ăn cơm một thế.

Lâu nay, Tân không tán thành sự tín ngưỡng của chị. Ít khi hẳn đề cập đến chuyện Trời Phật. Nay sẵn dịp hẳn không bỏ lỡ cơ hội:

- Trước cách mạng chị cũng thường đi chùa, nhưng mấy lúc gần đây, vì đa đoan nhiều công việc nên chị chỉ ở nhà lo tụng niệm thôi. Chỉ khi nào có rằm lớn thì chị mới bảo thằng Thảo nỏ chở đi. Chùa của thầy bốn sư chị ở tận trên đường đi Lái Thiêu lận.

Tân đi sâu vào câu chuyện:

- Chị cũng biết nhà nước cách mạng rất tôn trọng tự do tín ngưỡng. Lâu nay bận lo chống Mỹ cứu nước nên chẳng còn tâm trí đâu để nghĩ đến chuyện Phật Trời. Đạo này, ngày một lớn tuổi, tôi thấy cũng muốn có một chỗ nương tựa cho đời sống tinh thần. Vậy hôm nào có dịp, chị cho tôi theo đến chùa lễ Phật. Thú thiệt với chị, đảng và nhà nước tuy chấp nhận tự do tín ngưỡng nhưng không khuyến khích chuyện cúng kiếng, vì trong thực tế Trời Phật đâu có lo chuyện no cơm ấm áo cho mình được, nhưng cá nhân tôi lại nghĩ khác. Giáo lý của đức Phật chắc cũng có điều hay nên mới có nhiều tín đồ như vậy. Tôi mong có ngày được nghe quý vị cao tăng thuyết pháp để được hiểu rõ hơn.

Bà Hai nghe nói thế, nghĩ rằng cậu em thật lòng muốn cải tà qui chánh nên hẳn tiếp lời:

- Nghe cậu Ba nói vậy, chị thiệt mừng trong lòng. Cảm ơn Trời Phật. Để chị biếu thằng Thảo nó đưa cho cậu vài cuốn kinh cho cậu đọc tụng.

Nói xong bà Hai gọi vọng ra nhà sau:

- Thảo ơi, có cậu Ba tới chơi nè con, ra chào cậu Ba đi con.

Thảo từ trong nhà bước ra chào Tân:

- Thưa Cậu Ba mới tới chơi. Con đang bận tay ở nhà sau nên không nghe cậu đến.

- Bà Hai nói với Thảo:

- Cậu Ba mày hỏi má về giáo lý nhà Phật nhưng má có biết gì đâu mà nói, vậy con coi có cuốn kinh nào để tụng để cậu con tụng.

Bà Hai lâu nay chỉ biết đạo Phật qua việc tụng niệm, cúng sao, cầu an nên mới nghĩ

là cậu em muốn tụng kinh như bà. Tự này giờ Thảo cứ ngỡ là mình nghe lầm. Chàng nhìn Tân với cặp mắt dò hỏi, trong khi đó Tân trả lời bà Hai:

- Thoì được chị Hai, tôi chưa có thì giờ để đi chùa tụng kinh như chị đâu, để hôm nào tìm gặp quý Thầy để nghe giảng có lẽ tiện hơn.

Bấy giờ Thảo mới biết mình không nghe lầm. Chàng đâu có nghĩ là cậu mình buông dao mổ heo sớm quá vậy, nhất là một người cộng sản thuộc hàng cao cấp như Tân. Lòng Thảo cảm thấy có điều chi không ổn, vội nói cho qua chuyện:

- Hôm nào cậu rảnh, con đưa cậu đi chùa gặp Thầy trụ trì cậu sẽ hỏi rõ hơn.

Không ngờ Tân lại tán đồng ngay:

- Cũng được, nhưng chùa có xa không?

- Nói xa thì cũng không xa, mà gần thì cũng không gần. Nếu cậu thích thì ta đi vậy.

Ngôi chùa nằm ở ngoại ô, thuộc về vùng Gia Định trên đường đi Lái Thiêu. Chùa trông có vẻ quá cũ kỹ, không được trang hoàng sáng sủa và điều đáng buồn là chùa không tấp nập tín đồ như dưới thời chế độ cũ. Trụ trì là một vị sư già thường được gọi là Sư Bảy, thuộc thành phần không tên tuổi từ dưới thời Việt Nam Cộng Hòa. Sư ông không thuộc phe Ấn Quang hay Việt Nam Quốc Tự. Hằng ngày Sư vẫn săn sóc mảnh vườn nhỏ nhỏ cùng với đám rẫy để có cơm rau qua ngày.

Thảo và Tân đến gặp Sư đang làm cỏ ngoài vườn. Thảo cung kính chào Sư đồng thời giới thiệu Tân:

- Mô Phật, thưa thầy con mới đến, và đây là cậu Ba của con.

Tân cũng lễ phép chào Sư Bảy:

- Mô Phật, kính chào Hòa Thượng.

Sư Bảy chấp tay xá lại:

- Mô Phật, chào đạo hữu, chào con. Lâu nay ít gặp, trông con khác trước nhiều. Chúng ta hãy vào chùa dùng nước.

Cả ba im lặng đi vào chùa. Trong khi Sư Bảy đi rửa tay, Thảo lên chánh điện lễ Phật.

Tân không đến nỗi xa lạ với những lễ nghi này vì hẳn đã từng nương tựa vào cửa thiền trong thời gian hoạt động bí mật. Hôm nay Tân mới có dịp chiêm ngưỡng tượng Đức Phật. Tuy là tượng đất nhưng ánh mắt Ngài dường như tỏa ra niềm an lạc. Lòng Tân chợt cảm thấy chùn xuống, bao nhiêu dự tính trong lòng bỗng tan biến trong không gian.

Cả hai trở vào nhà khách vừa lúc vị trụ trì đang rót nước trà vào tách. Sư Bảy phá tan bầu không khí xa lạ:

- Hôm nay con và đạo hữu đây chắc cũng nhân rồi nên mới đến chùa lễ Phật?

Thảo vội đáp:

- Bạch Thầy, riêng con cũng muốn đến van an Thầy, tiện thể cậu Ba của con muốn tìm hiểu giáo lý nhà Phật, kính xin Thầy hoan hỉ dành cho một buổi pháp thoại.

Vị Sư hướng mắt nhìn Tân chờ đợi Tân vào đề:

- Bạch Hòa Thượng, tôi thấy người ta đi chùa cũng như đi nhà thờ để khẩn nguyện cầu xin Phật hoặc Thượng Đế ơn phước nhưng tôi chưa hề thấy kết quả thực tiễn

của sự thành tâm ấy. Và nếu quả thật các vị ấy có quyền năng tuyệt đối với chúng sinh, thế nào các vị ấy không tự chứng tỏ được sự hiện hữu của mình? Tôi thấy Thượng Đế không có thực.

Và để biện minh cho lập trường của mình, Tân say sưa nhai lại những lý luận cũ rích của tổ sư Các-Mác:

- Tôn giáo xuất hiện khi con người rơi vào cảnh đau khổ tuyệt vọng. Khi gặp cảnh ngộ nan giải trong lúc bất lực và vô vọng không còn chỗ bám víu, con người mới nảy sinh ý tưởng cầu cứu một đấng vô hình. Và có khi một sự ngẫu nhiên trong muôn một, nếu có một trường hợp được vượt qua khổ nạn, đấng vô hình đó trở thành linh thiêng. Kế tiếp là huyền thoại được thêu dệt.

Thượng Đế hay Đấng Toàn Năng được ra đời từ những tưởng tượng như vậy. Nếu con người sống trong vật chất đầy đủ thì chẳng mấy ai nghĩ đến thần linh. Như vậy khi một xã hội với đầy đủ tiện nghi và có vật chất sung túc thì tôn giáo sẽ chẳng có cơ hội xuất hiện. Hòa Thượng nghĩ sao về điều này.

Vị Sư ôn tồn trả lời:

- Tôi chỉ có thể trả lời những gì thuộc phạm vi hiểu biết của mình. Đối với tín đồ ở đây, tôi không hề bảo họ cầu xin chư Phật ban ơn phước. Người Phật tử đến chùa để tu tập sửa đổi tánh hạnh xấu của mình. Việc lễ lạy Phật là để tỏ lòng tôn kính đối với bậc giác ngộ chứ không phải van xin cầu khẩn một sự ban phước. Phật là một người bình thường như chúng ta. Phật nhận chân cuộc đời này là khổ, nên tự tìm con đường giải thoát. Sau khi giác ngộ, Người dùng mọi phương tiện để lưu truyền pháp môn cao quý đó đặng người sau thực hành hầu tự cứu mình, chứ Đức Phật không hề tự tôn vinh mình là Đấng Toàn Năng có quyền phán xử người khác. Trọng tâm của giáo lý đạo Phật là chỉ cho chúng sinh vô minh con đường tự giải thoát những khổ đau của cuộc đời chứ không mưu tìm sự hiện hữu của Đấng Tối Cao.

Sư Bày dừng lại nhắm chút trà thắm giọng và tiếp tục:

- Chủ trương của đạo hữu về cuộc sống vật chất đầy đủ không cần đến tôn giáo, tôi nghĩ là hơi cực đoan. Vì một xã hội dù được thỏa mãn hoàn toàn về vật chất, con người vẫn không thoát khỏi cái khổ gây ra bởi cái già, cái bệnh, cái chết, cái khổ do lòng mong muốn vô độ, sự giận hờn ganh ghét và sự ngu muội. Đạo Phật đến với thế gian để giúp con người thoát khỏi những cảnh khổ đó. Đạo Phật không chủ trương hạ thấp giá trị con người bằng cách dạy bảo tín đồ van xin cầu khẩn ở Thượng Đế. Khi đi sâu vào giáo lý đạo Phật, đạo hữu sẽ thấy rằng người Phật tử phải ý thức trách nhiệm về hậu quả của hành động gây ra do bản thân mình, qua thuyết nghiệp báo. Vì thế vấn đề Thượng Đế không phải là mối ưu tư của người con Phật.

- Hòa Thượng nói thế tức là đạo Phật không màng đến sự hiện hữu của Đấng Tối Cao. Như vậy thì Các-Mác có cùng chủ trương với Đức Thích Ca ?

Câu hỏi của Tân không làm vị Sư giao động mà người vẫn nhỏ nhẹ trả lời:

- Đạo hữu kết luận quá sớm sẽ không tránh khỏi sai lầm. Vấn đề thuộc lãnh vực vô hình, tôi không nói có và tôi cũng không nói không có. Dù thực sự tôi biết điều ấy có thực, tôi không thể chứng minh một cách cụ thể để cho đạo hữu có thể cảm nhận được. Tương tự như vậy, khi tôi nói không có thì tôi cũng không thể giải thích cụ thể rõ ràng về những hiện tượng siêu nhiên. Nếu câu trả lời dừng ở nơi đây chắc đạo hữu sẽ không thỏa mãn. Nhưng nếu muốn đi sâu vào vấn đề, trước hết đạo hữu phải buông bỏ những thành kiến đã có trong tư tưởng đạo hữu, đặc biệt là thiên kiến chấp không. Có như vậy đạo hữu mới thấy được phần nào đạo lý cao siêu và màu nhiệm của Đức Phật.

Chờ Tân thâm nhập những lời của mình, vị Sư tiếp lời:

- Trước tiên những danh xưng về các đấng vô hình mà thế gian thường dùng chỉ là những quy ước, khái niệm chứ không nói được thực chất của vấn đề. Có và không là hai biên kiến của ý niệm. Rơi vào cái có đạo hữu không giải quyết gì được thực trạng của con người. Rơi vào cái không thì thực trạng đó càng trở nên tồi tệ hơn. Khi nào không có một ý niệm nổi lên về cái có hay cái không, về Thượng Đế hay Ma Quỷ thì bấy giờ cái mà đạo hữu đang thắc mắc sẽ bày biện rõ ràng.

Tân lộ vẻ ngạc nhiên của mình:

- Hòa Thượng bảo những danh xưng về các đấng vô hình chỉ là những khái niệm, thế có khác nào Hòa Thượng đồng ý với Các-Mác rằng Thượng Đế chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng của con người. Nói thế có khác gì không có Thượng Đế? Hơn nữa thuyết nhân duyên và lý vô ngã của nhà Phật cũng chủ trương vô thần giống như Các-Mác, đỉnh cao trí tuệ của loài người?

Vị Sư vẫn kiên nhẫn:

- Đạo hữu ơi, hãy lắng lòng mình lại. Thoạt tiên, Đức Phật thuyết nhân duyên là để giải tỏa thắc mắc của người đời về sự hình thành của vạn hữu. Chỗ gút mắc là khi ưu tư về vấn đề trên, người ta đã dính mắc trong tâm rằng vũ trụ này đã do một bàn tay nào đó đã tạo ra hoặc do thuyết ngẫu nhiên hay tự nhiên hay gì gì đó sinh ra. Lập luận của thuyết nhân duyên rất chặt chẽ, mãi cho đến ngày nay vẫn chưa ai phá vỡ được, nên có người vội vã kết luận là đạo Phật vô thần. Thật ra, theo kinh Lăng Nghiêm thuyết này chưa phải là Đệ Nhất Nghĩa Đế. Dụng ý của Phật khi dạy về thuyết nhân duyên là để phá cái chấp trong tâm của người đời về sự hình thành của vũ trụ dưới bất cứ luận thuyết nào.

Cũng như thế lý vô ngã là để phá cái chấp trong tâm của những người tin quyết rằng có một Thượng Đế toàn năng, sáng tạo và cai quản vũ trụ. Cái mà đạo hữu cho rằng không có Thượng Đế cũng chỉ là một ý niệm. Nếu cái ý niệm đó không được khơi dậy thì vấn đề có Thượng Đế hay không có

Thượng Đế phải chỉ là lông rùa sừng thỏ hay không ?

Tâm cảm thấy bối rối trước lập luận của nhà sư nhưng hẳn vẫn không nhượng bước:

- Nhưng chắc Hòa Thượng cũng nhất trí với tôi rằng giữa vật chất và tinh thần, cái mà Hòa Thượng gọi là ý niệm, vật chất là cái có trước rồi tinh thần mới nhân đó mà sinh ra? Ví như nhờ có sự hiện hữu của trái cam mới có cái biết về trái cam. Nếu không có trái cam thì cái biết về trái cam sẽ không sinh ra.

Nhà sư điềm đạm trả lời:

- Lý luận của đạo hữu dựa vào các hiện tượng ngoại giới. Tôi sẽ nương vào đó mà hầu đáp đạo hữu. Trái cam mà đạo hữu nói đó có thường còn hay sẽ hoại diệt? Chắc chắn nó sẽ theo thời gian mà bị hư hoại. Cần cứ vào mọi hiện tượng xảy ra trên đời này có cái gì sinh ra mà không diệt không? Không có cái gì đi ngoài định luật thiên nhiên đó, có đúng thế không? Nay tôi hỏi đạo hữu, cái biết, được sinh ra từ trái cam đó có thường còn hay cũng hoại diệt?

Dừng lại vài giây để cho Tân theo kịp vấn đề, nhà sư chậm rãi tiếp tục:

- Nếu nó thường còn thì trái với định luật sinh diệt của thiên nhiên, nhưng nếu nó hoại diệt theo trái cam, nghĩa là khi trái cam bị hư thối và hủy diệt thì cái biết sẽ không còn. Cái biết theo trái cam mà hoại diệt, vậy sao khi thấy cái xe thì đạo hữu lại biết đó là cái xe, khi thấy cái nhà thì đạo hữu lại biết đó là cái nhà? Chẳng lẽ cái biết đó lại cứ sinh sinh diệt diệt theo cái nhà, cái xe và trái cam? Hơn nữa, nếu trái núi tồn tại ngàn năm thì cái biết kéo dài ngàn năm hoặc già con muỗi sống vài ngày thì cái biết chỉ bằng với đời sống con muỗi? Lại nữa khi cái biết bị hủy diệt theo trái cam thì đạo hữu sao khi nghe ai nói về trái cam thì hình ảnh và cái biết về trái cam lại hiển hiện trở lại? Vậy đạo hữu có thấy là thuyết này không đứng vững không?

Bị nhà sư hỏi vặn một thôi, Tân thấy choáng váng. Trong khi Tân chưa tìm được lối thoát, nhà sư lại bồi thêm:

- Theo như lý luận của đạo hữu, trái cam sinh ra cái biết, vậy tại sao cùng một trái cam lại sinh nhiều cái biết khác nhau? Ví dụ như người bị loạn thị sẽ có cái biết về trái cam khác với người khác với người có con mắt bình thường?

Để có lối thoát Tân hỏi vặn lại:

- Nếu nói như Hòa Thượng, thì tinh thần sinh ra vật chất hay nói cách khác, tinh thần có trước vật chất?

Nhà sư mỉm cười rộng lượng:

- Có bao giờ tôi bảo như thế đâu? Khi đặt vấn đề trước hay sau, đạo hữu đã khơi dậy ý niệm về khởi thủy và tận cùng. Đạo hữu lại rơi vào biến kế chấp. Thực thể của vấn đề là, nếu thế gian này không có con người thì mọi vật trở thành vô nghĩa.

Tân lại có chỗ bám víu:

- Nhưng con người là tổng hợp vật chất, và cái biết của con người xuất phát từ khối vật chất đó. Tân yên trí nhà sư sẽ bị bắt bí bởi câu hỏi trên.

Sư Bày chậm rãi mời Tân uống trà. Đợi khi Tân đưa tay cầm lấy tách trà, nhà sư làm như vô tình cầm lấy bình trà châm vào tách cho Tân, nhưng nguyên vì nước nóng từ bình trà tuôn vào bàn tay của Tân khiến Tân suýt làm rơi tách trà. Hần xuyết xoa bàn tay và tuy trong lòng không được vui nhưng Tân vẫn cố làm như không quan trọng. Sư Bày tỏ lời xin lỗi về sự vô ý và cũng nhân đó trả lời câu hỏi của Tân.

- Nay đạo hữu, bàn tay của đạo hữu vừa bị nóng. Cái cảm giác nóng đó đang hiện hữu nơi các tế bào trên tay của đạo hữu. Giả sử rằng cảm giác đó phát sinh từ cái tổng hợp vật chất này, nhưng có một điều chắc chắn là cảm giác đó không phải là vật chất thì hiện giờ nó ở trong cơ thể của đạo hữu, đạo hữu hãy mang nó ra đây cho tôi sờ mó nó xem sao. Chắc chắn đạo hữu sẽ không làm được vì cảm giác không thể là vật chất.

Sau khi uống một hớp trà để thấm giọng cũng là để cho Tân và Thào bình tâm lại, nhà sư tiếp tục:

- Đến đây mới là vấn đề trọng yếu mà tôi muốn nói với đạo hữu. Nơi tay đạo hữu bây giờ có cảm giác đau, vậy phải có cái biết để đạo hữu biết cái cảm giác đó chứ. Vậy hãy tạm cho rằng cái biết được phát sinh từ cái cảm giác đau, và theo như lý luận của đạo hữu thì rõ ràng cái biết được phát sinh từ một cái không phải là vật chất. Đạo hữu nghĩ sao về vấn đề này?

Trong khi Tân chưa tìm được câu trả lời thì nhà sư tiếp:

- Nay đạo hữu, trong kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật có ví dụ như thế này. Ngài bảo ông La Hầu La đánh một tiếng chuông rồi Ngài hỏi đại chúng có nghe không. Đại chúng trả lời là có nghe. Đến khi tiếng chuông dứt, Phật hỏi lại câu cũ, đại chúng trả lời là không nghe. Phật bảo ông La Hầu La đánh thêm một tiếng chuông, xong Phật lại hỏi đại chúng là có tiếng không, đại chúng đáp lại là có tiếng. Đến khi tiếng dứt, Ngài lại hỏi là có tiếng không, đại chúng đáp là không tiếng. Nhân đó Phật dạy: Khi nghe tiếng chuông không phải vì tiếng chuông mà cái nghe phát sinh, đến khi hết tiếng chuông thì không nghe, đừng tưởng là cái nghe đã diệt theo tiếng chuông. Vì khi cái nghe đã bị diệt sao lại nghe được cái không tiếng. Đừng lầm giữa cái không tiếng và cái không nghe. Vậy tiếng là thanh trần giả dối, do duyên hợp mà sinh, còn cái nghe là bản tính chân thật nơi mỗi con người, không sinh diệt theo các tiền trần giả dối.

Đến đây quả thật Tân đã đuối lý trước nhà sư nhưng vẫn gắng gượng:

- Nhưng Các-Mác nói rằng vật chất là yếu tố quyết định, vật chất chi phối đời sống con người. Điều này tôi nghĩ không sai vì người xưa nói rằng có thực mới vực được đạo, Thầy nghĩ sao?

Thào nhận ra Tân thay đổi cách xưng hô, gọi Sư Bày là Thầy, lòng chàng cảm thấy vui vui, bầu không khí trở nên thân mật và gần gũi hơn. Nhà sư vẫn an nhiên tự tại như bao giờ, ông trả lời Tân:

- Cái tay sai sử ý tưởng của đạo hữu hay ý tưởng điều động cái tay? Khi này tôi rót nước lên bàn tay đạo hữu là cái ý chủ động chứ đâu phải cái tay tự tung tự tác muốn làm gì thì làm. Tôi nói như thế để đạo hữu buông bỏ ý nghĩ rằng vật chất là yếu tố quyết định, chứ không phải tôi muốn nói tinh thần chi phối vật chất. Vì nếu nói như thế thì tại sao ta không bảo được vật chất biến mất trên cõi đời này? Tôi nghĩ đạo hữu đồng ý với tôi rằng vật chất và tinh thần có mối tương quan không thể tách rời.

Nhưng ở đây tôi muốn nói vật chất duy trì sự sống con người, vì nếu không ăn con người sẽ chết.

Thân thể của đạo hữu thuộc về hình sắc hữu vi, dĩ nhiên phải hòa hợp đồng điệu trong thế giới của nó. Thân thể của đạo hữu vi như cái xe, chân tâm vi như người tài xế; cái xe phải ăn xăng uống nhớt mới chạy được, chứ người tài xế có uống nhớt ăn xăng để mà sống bao giờ?

Tân bây giờ như người mới được lột xác, thử người ra đó, chìm đắm trong rừng ánh sáng mới. Lâu nay Tân hấp thụ cái học một chiều hoàn toàn bung bít và nhồi sọ nên trong một phút giây không thể xóa tan hết tà kiến được huân tập từ lâu. Tân trở nên lễ độ hơn hỏi nhà sư:

- Thưa Thầy, vậy thì quan niệm của đạo Phật như thế nào đối với tiến trình thay đổi của xã hội loài người?

-Y đạo hữu muốn nói về các giai đoạn kinh qua của con người từ hình thức công xã nguyên thủy cho đến tư bản rồi đến cộng sản? Các-Mác đã hết sức sai lầm khi tưởng tượng ra cái khởi thủy. Vì có cái bắt đầu nên phải có chỗ chấm dứt. Với Các-Mác, xã hội cộng sản là xã hội tiến bộ tốt cùng. Theo ông đó là điểm tiến trình cuối cùng của xã hội. Vì nếu nó tiến nữa tức là kinh qua một hình thái xã hội tiến hóa hơn, thế có nghĩa là chủ thuyết cộng sản chưa hoàn hảo. Do đó để bảo vệ lập trường của mình, Các-Mác phải chấm dứt tiến trình ở đó. Nhưng khi làm thế, ông ta lại phản bội lại với lập luận căn bản của mình. Đó là sự mâu thuẫn nội tại tuy rằng lý thuyết này vay mượn Hêghen, nhưng nó giữ vai trò quan trọng trong chủ thuyết cộng sản. Theo đó một cái gọi là tự nó mang tính A dương. Trong tính A dương này tiềm ẩn một lực đối nghịch A âm. Theo tiến trình, tính A âm phát triển cho đến lúc nó tương đương với A dương và cả hai phá hủy lẫn nhau để cuối cùng cái A sinh ra cái B. Đại lược là như thế và thế giới vật chất cứ như vậy mà phát triển. Theo lý luận này thì yếu tố mâu thuẫn nội tại trong hình thức xã hội cộng sản ở đâu?

Uống thêm một miếng trà và không chờ Tân có ý kiến, Sư Bày tiếp luôn:

- Nếu nó có thì xã hội cộng sản sẽ không còn là xã hội tiến bộ tốt đỉnh; nhưng nếu nó không có thì hóa ra Các-Mác phản bội lại lập thuyết của mình. Chọn câu trả lời nào, chủ thuyết cộng sản cũng rơi vào chỗ bế tắc. Do đó nhân quan của Các-Mác rất giới hạn và cái biết của ông không vượt ra khỏi cánh rừng khái niệm. Đối với vấn đề này, Phật giáo nhìn sự vận hành của vũ trụ như

là một chuỗi luân hồi tiếp nối không ngừng. Thế nên tự nó không có điểm bắt đầu thì làm sao có chỗ tận cùng. Đạo hữu có thấy chỗ khác nhau giữa cái trí của bậc giác ngộ và tư tưởng của người tự trời buộc mình vào khái niệm của chính mình về ra?

Tân ngời há hốc, không có được một lời, nhà sư chờ cho cả hai thấm nhập những lời vừa qua, rồi chậm rãi tiếp tục:

- Từ điểm này, tôi muốn nói với đạo hữu một điều hết sức quan trọng. Đó là đạo Phật không có lập thuyết.

Cả Tân lẫn Thào đều ngơ ngác. Cả hai không hiểu nhà sư muốn nói gì. Bây giờ Thào mới lên tiếng:

- Thưa Thầy, con quá hoang mang ở điểm này, Thầy bảo đạo Phật không có lập thuyết thế thì Tứ Diệu Đế là gì? Thập Nhị Nhân Duyên là gì?

Sư Bày từ bi ngược nhìn người đệ tử của mình:

- Tất cả những thứ con vừa kể cùng tất cả những lời dạy quý báu của Phật không phải là chân lý rốt ráo. Nhưng vì chúng sinh thường chấp giữ những sở học nên Đức Phật phải đưa ra những lập luận kiên cố và vững chắc như vậy để phá vỡ sự cố chấp trong tâm họ, chứ Phật không muốn người sau khư khư ôm giữ những lời Phật dạy như là khuôn vàng thước ngọc. Do đó sau hơn bốn mươi năm lặn lội đi truyền bá giáo lý nhiệm màu, Đức Phật không muốn người sau ôm giữ cứng ngắc những giáo lý đó, như những người cộng sản ngày nay đối với chủ thuyết của Các-Mác và Lê-Nin. Cũng như trong hàng Phật tử có người nghĩ rằng thuyết nhân duyên và thuyết vô ngã là chân lý nên đi đến kết luận là đạo Phật vô thần. Biết trước tâm niệm chúng sinh hay chấp giữ như thế nên Ngài mới nhiều lần nhấn mạnh trong kinh Kim Cương:

- Pháp ta nói ví như chiếc bè sang sông. Đến bờ bên kia rồi thì hãy mạnh dạn buông bỏ chiếc bè, hoặc

- Như Lai nói không có pháp nào là pháp được đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác, hoặc

- Nếu có người nói rằng Như Lai có nói pháp, tức là người đó báng Phật vì họ không hiểu nghĩa ta nói. Ngoài ra trước khi nhập Niết Bàn Phật có nói rằng, suốt thời gian qua, ta không có nói lấy một lời. Vậy những gì thấy nói đây không ngoài ý đó.

Đến đây sư bảo Thào đi gọi chú tiểu Minh vào cho người dạy việc. Khi chú tiểu vào, sư bảo chú lấy cho sư bộ kinh Lăng Già. Quay sang Tân và Thào, sư bảo:

-Tiện đây tôi cho hai người xem một đoạn kinh để làm sáng tỏ vấn đề. Đây là quyển kinh Lăng Già, một yếu chi của nhà thiên. Kinh này rất khó hiểu, khó vào. Tôi chỉ tạm trích một đoạn liên hệ đến vấn đề đang nói. Kinh viết rằng: Khi ấy Bồ Tát Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Như Thế Tôn một hôm nói rằng các luận thế gian, mọi thứ biện thuyết dè dặt chớ gần. Nếu gần gũi thì chấp nhận tham dục chẳng chấp nhận pháp. Thế Tôn có sao nói lời như thế? Phật bảo Đại Huệ:

-Ngôn luận thế gian, các thứ cú vị, ngôn duyên thì dụ, gom nhóm trang nghiêm dẫn

du, đối gạt kê phạm phu, ngu si không vào được chân thật tự thông, chẳng giác tất cả pháp, vọng tưởng điên đảo rơi vào hai bên. Kê phạm phu lầm mà tự phá hoại, tiếp nối sanh trong các cõi, không thể giải thoát, không thể giác biết, tự tâm hiện lượng chẳng lia tánh tự, tánh vọng tưởng, chấp trước bên ngoài. Thế nên ngôn luận thế gian, các thủ biện thuyết chẳng thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo buồn khổ não đối gạt mê loạn.

Đại Huệ! Thích Đế Hoàn Nhân rộng giải các luận, tự tạo thanh luận, thế luận kia, có một người đệ tử giữ hình tượng rồng, đền thiên cung Đế Thích dựng lập luận tông, cốt phá bánh xe ngàn cãm của Đế Thích. Nếu tôi chẳng bằng xin chặt mỗi đầu để đền chỗ thua. Tạo lời cam kết ấy rồi, liền dùng pháp Đế Thích đè bẹp Đế Thích. Đế Thích thua liền phá bánh xe kia. Rồi ông ta trở về nhón gian. Như thế, Đại Huệ! Thế gian ngôn luận nhón dụ trang nghiêm, cho đến súc sanh cũng hay dùng các thủ cú vị làm hoặc loạn chủ thiên kia và A Tu La kẹt trong kiến chấp sanh diệt, hưởng là loài người. Thế nên Đại Huệ! Thế gian ngôn luận nên phải xa lìa, bởi hay chước lấy nhân sanh khổ, dè dặt, chỗ gần gũi.

Trước khi giải thích đoạn kinh này, tôi muốn lưu ý các người một điều. Muốn hiểu kinh Phật phải lìa văn tự. Nếu khu khu lập lại giống như y kinh viết thì đó không phải là cách đúng đắn của người học đạo. Đoạn kinh tôi vừa đọc, nói rằng các luận thuyết của thế gian luôn luôn chỉ đưa chúng ta vào mê hồn trận của rừng khải niệm, cuối cùng càng thêm não loạn. Điểm mà kinh muốn nhấn mạnh ở đây là vấn đề lập thuyết. Sau đây là các điểm trọng yếu trong kinh mà chúng ta phải lưu tâm để nhìn thấy chủ ý của Đức Phật muốn nói.

-Thứ nhất: Thích Đế Hoàn Nhân đã dựng lập thuyết của riêng mình.

- Thứ hai : Người đệ tử của Thích Đế Hoàn Nhân giữ hình tượng rồng. Người đệ tử tức là người trong nội bộ hay là người nhà của Đế Thích. Rồng là một biến thể của rắn trong trạng thái hoàn mỹ nhất; rắn tượng trưng cho lòng thâm hiểm xấu xa. Vì thế kinh nói rằng, người đệ tử giữ hình tượng rồng tức là mằm mống ung thối đã tích lũy sẵn từ trước. Thâm ý của đoạn này là hạt nhân hủy hoại luận thuyết của Đế Thích xuất phát ngay từ trong luận thuyết đó.

- Thứ ba : Người đệ tử dựng lập luận tông, cốt phá bánh xe ngàn cãm của Đế Thích. Đoạn này muốn nói luận tông của người đệ tử sẽ phá vỡ luận thuyết của Đế Thích. Bánh xe tượng trưng cho yếu tố nòng cốt của bánh xe. Một bánh xe mà thiếu các cây cãm thì không thể gọi là bánh xe được. Ở đây muốn nói luận thuyết của Đế Thích rất vững chắc, lập luận chặt chẽ, dựa trên cả ngàn yếu tố căn bản.

- Người đệ tử cam kết bị chặt đầu nếu bị thua.

- Cuối cùng người đệ tử đã dùng pháp của Đế Thích mà đè bẹp Đế Thích khiến ông ta phải trở về nhân gian.

Tổng hợp những điều vừa nêu chúng ta thấy Đức Phật dạy rằng bất cứ một chủ thuyết nào được dựng lập, càng chi tiết và càng chặt chẽ bao nhiêu thì càng dễ bị phá vỡ bởi những yếu tố mằm mống xuất phát từ chỗ lập luận căn bản của chủ thuyết đó. Nói cách khác, Đức Phật dạy chúng ta về yếu tố mâu thuẫn nội tại, cái mà Các-Mác đã vay mượn của Hê-Ghen để dựng lập luận tông của mình. Đạo hữu có thấy rằng Đức Phật đã đi trước Các-Mác quá xa không? Và cũng từ điểm này, tôi lập lại với các đạo hữu một lần nữa, đạo Phật không có lập thuyết. Ngay cả thuyết cũng không lập nữa thì lấy gì làm nhân tố nội tại để bị hủy diệt? Đó là lý do vì sai đạo Phật tồn tại với thời gian, mặc dù tôn giáo này không có tổ chức chặt chẽ và hệ thống hóa như các tôn giáo khác.

Trong các thế luận ngày nay, chủ thuyết cộng sản tương đối có phần chặt chẽ hơn cả. Và rồi các người này sẽ thấy chủ thuyết này sẽ sụp đổ và kẻ phá vỡ chủ thuyết lại chính là môn đệ của Các-Mác và mằm mống làm ung thối chủ thuyết này xuất phát từ những điểm căn bản lập thuyết của nó. Do đó không phải là những điều tôi phỏng đoán mà là những lời Đức Phật dạy cách đây hơn 2.500 năm rồi. (Bài này viết khi Liên Bang Xô Viết sụp đổ)

Nhìn về Tân vị sư hỏi:

- Đạo hữu còn gì thắc mắc không? Cứ tự nhiên nêu lên. Cái gì giải quyết được hôm nay đừng để lại hôm sau. Hãy sống với thực tại.

Mất đi về cao ngạo lúc mới vào, Tân kính cẩn thưa:

- Tôi thành thật cảm ơn Thầy đã mở rộng tầm mắt cho tôi. Thế mà lâu nay tôi mù quáng và ngu muội nghĩ rằng Các-Mác là đỉnh cao trí tuệ của loài người. Thật là khoác lác. Giờ đây tôi xin cáo từ. Một ngày không xa, tôi xin được phép trở lại viếng Thầy.

Tân mỉm cười nói, đến khi nhìn lên thì nhà sư đã nhắm mắt từ lúc nào rồi. Trong tư thế nhà sư thật là siêu thoát. Tân liếc nhìn Thảo để ngầm hỏi ý kiến, Thảo ra dấu hãy nhẹ nhàng ra về. Cả hai ra sau chùa để cáo biệt các sư sãi.

Trên đường về Tân không quên thắc mắc

- Thảo này, Thầy nhắm mắt lại là ý gì vậy, bộ Thầy mệt và không muốn nghe tao nói hả?

- Thật tao hết hiểu nổi. Đang nói chuyện ngon lành bỗng nhiên lại nhắm mắt ngồi yên như chết. Trời mà biết!

Cả hai yên lặng, mỗi người theo đuổi ý nghĩa riêng của mình. Bỗng Tân chép miệng nói, thảo nào! Thảo không nghe rõ hỏi lại:

- Cậu nói gì?

- Tao có nói gì đâu.

- Thế sao cậu vừa kêu tên con những đến hai lần?

- Tao đâu có kêu mày mà tao muốn nói hèn chi.

Câu trả lời của Tân khiến Thảo càng thêm mù tịt:

-Cậu nói gì thật con không hiểu.

-Tao nói thảo nào, có nghĩa là hèn chi ngày trước lúc còn sống, bác Hồ căn dặn tui tao là phải canh chừng Phật giáo triệt để. Ông ấy bảo rằng Phật giáo là đạo đi sát với đời sống nhân dân. Các sư sãi là người có đạo đức, đặc biệt là đạo lý của họ. Xem qua lịch sử đất nước mới thấy sư sãi ngày trước được trọng vọng không phải là vô cớ. Bác Hồ căn dặn nhiều lần là Phật giáo còn là cộng sản có cơ nguy, vậy phải tiêu diệt tận gốc Phật giáo. Ngày nay tao mới thấy là ông ta đúng. Vì thế tao mới gạ gẫm mày đưa tao đi chùa đặng tao phá vỡ tận gốc phong trào bất bạo động đang bành trướng trong nhân dân chống phá cách mạng.

Nghe Tân nói mà Thảo thót ruột từng cơn, làm bộ ngây thơ hỏi lại:

- Bộ có chuyện đó nữa sao hả cậu?

Tân cười lớn:

-Thôi đi ông non. Đừng có giả mù sa mưa, lấy vài thua che mắt thánh. Ông là một trong những thằng chủ chốt phát động phong trào bất bạo động dựa trên căn bản đạo lý nhà Phật. Phong trào này làm tao mất ăn mất ngủ bấy lâu nay. Bao nhiêu sách lược đối phó của nhà nước đối với phong trào này giống như là băng mà gặp phải nước nóng, giống như là gió vào nhà trống mất tầm hơi.

Thảo thấy lạnh xương sống, rụng rời cả tay chân. Lâu nay chàng tưởng Tân không biết những hoạt động của tổ chức chống phá nguy quyền cộng sản. Không ngờ Tân rõ tất cả và đang quăng một mẻ lưới bắt trọn ổ. Vô tình Thảo đưa qui về phá nhà trai. Thảo đau buồn quá. Chàng đã làm liên lụy đến sư phụ kính yêu của mình.

Bỗng nghe Tân nói:

- Nhưng mà mày đừng lo. Hôm nay tao khác hôm qua rồi. Ngày mai tao sẽ thả bọn con Loan với thằng Phong. Tụi nó là cán bộ nòng cốt của phong trào bất bạo động của mày đấy phải không? Nhớ bảo tui nó là mai mốt phải kỹ lưỡng và kín đáo hơn. Nếu bị bắt lại thì thật là khó xử cho tao. Bù lại, mày phải hứa làm cho tao một việc.

Thảo mừng trong bụng như mở cờ, sốt sắng đáp ứng ngay:

- Cậu muốn gì con cũng cố gắng hết mình.

- Được rồi mai mốt sẽ cho biết. Bây giờ thì mình chia tay.

Thảo không ngờ trong cái rủi lại có cái may.

Sáng nay, trong khi Thảo đang lui cui quét dọn nhà phụ bà Hai thì Tân đến. Sau khi chào hỏi bà Hai xong, Tân nói riêng với Thảo:

- Đi mày.

- Đi đâu cậu?

- Mày không nhớ đã hứa với tao cái gì hôm nọ à?

Thảo à lên một tiếng, hỏi lại:

- Nhưng mà đi đâu và làm gì mới được chứ.

- Để thôi, mày đưa tao đi gặp sư phụ.

Thào chung hứng, nhưng chàng vẫn đi thay quần áo và xin phép mẹ để đi với cậu. Trên đường đi, Tân thổ lộ dự tính của mình:

- Tao muốn nhờ mày xin cho tao được qui y với thầy.

- Tưởng việc gì chứ việc đó thì không dễ...

Thào cố tình kéo dài cho Tân nóng ruột rồi nói tiếp:

- ... Mà cũng không khó.

Tân cười vui vẻ:

- Mày có lỗi nói chuyện giống Thầy quá vậy?

- Đệ tử không giống Thầy thì giống ai?

Thào định nói chẳng lẽ giống bác Hồ, nhưng vội thảng kịp vì dù sao ông ta vẫn còn là thần tượng của Tân.

Cả hai trò chuyện quên đường dài. Đến trước cổng chùa, Thào cảm thấy có gì khác lạ. Cổng chùa sao lại khép kín. Lòn tay vào bên trong Thào mở chốt cổng dễ dàng. Cả hai đi ngang bên ngoài chánh điện, nhìn vào cửa sổ thấy chú tiểu Minh đang ngồi bất động trước quyển kinh đang mở ra. Đi lần lần vào trong, cả hai không tìm thấy bóng dáng Sư Bày ở đâu. Nhìn ra vườn rau, vườn rau trơ ra đó. Thào đành đi vào chánh điện hỏi chú tiểu Minh. Đáng lý Thào không nên quấy rầy như vậy, nhưng chàng linh cảm một điều gì khác thường nên đành phá lệ. Vào gặp chú tiểu Minh, Thào thấy gương mặt chú buồn thiu, đôi mắt đỏ hoe, Thào vội hỏi:

- Có gì thế chú Minh? Thầy đâu rồi? Không cầm được giọt lệ, chú tiểu nghẹn ngào:

- Thầy đã đi rồi.

Thào sững sờ và dồn dập:

- Thầy đi đâu và hồi nào?

- Thầy đi ngày hôm qua và bảo rằng có việc phải đi. Và Thầy còn dạy rằng, có hợp ắt phải có tan, lâu nay chúng mình như là hành khách chung xe. Đến đây Thầy phải xuống trạm này để đi xe khác, còn con nếu làm đúng theo lời Thầy dạy sau này sẽ gặp lại Thầy.

Thào run giọng:

- Thầy còn nói gì nữa không?

- Có, Thầy để lại hai phong thư bảo giao lại cho huynh và chú Tân đây.

Nói xong chú tiểu đi lấy thư cho hai người. Tân run run mở thư ra đọc:

Thân gửi đạo hữu Tân,

Cuộc hội ngộ giữa chúng ta không phải tự nhiên mà có. Tất cả đều do nhân duyên ngày trước. Nay vì có Phật sự mà tôi phải đi xa một thời gian. Có gì không rõ thì thảo luận với Thảo. Đạo không phải do nói mà được, phải ngay nói lý mà ngộ và từ nói sự mà thành. Đừng tìm cầu ở ngoài. Hãy buông bỏ chuyện thế gian, xoay cái nghe lại nghe tiếng nói của tự tâm sẽ ngộ lại chính mình. Chúc đạo hữu sớm thành công.

Thân ái.

Tân đọc lại nhiều lần bức thư nhưng vẫn chưa thỏa mãn. Tân nôn nóng hỏi Thảo:

- Thầy có dặn mày điều gì không?

Thào đưa cho Tân bức thư Thầy gửi cho mình.

Thảo con,

Thầy đã gặp người Thầy cần gặp. Duyên hợp không còn thì chia ly là điều không tránh khỏi, vậy con đừng buồn. Sau đây là mấy lời dặn sau cùng, lý sự gồm đủ, con hãy cố gắng theo đó mà thực hành, buổi gặp lại Thầy sẽ không xa.

Đại địa sơn hà sớm làm sao?

Đầu lông sao lại lọt ngay vào,

Lôn to, bé nhỏ không qua niệm,

Niệm niệm lồng nhau thật khít khao.

Diệt niệm qua thân khác,

Dứt niệm, đồng cỏ đại,

Giác niệm niệm, hũu nhị,

Niệm niệm giác, không hai.

Thường con,

Thầy.

Ngoài ra Sư Bày còn để lại bộ kinh Lăng Nghiêm để tặng Tân và kinh Lăng Già tặng Thảo. Cả hai cảm thầy bụi ngùi. Cảnh chùa trở nên vắng vẻ đìu hiu. Sau đó cả hai lặng lẽ ra về. Tân buồn bã tâm sự với Thảo:

- Không quay lúc đồ tể buông dao mổ heo thì Phật quay lưng lại, mình muốn quy y thì Thầy đã ra đi.

Thào an ủi:

- Cậu nói thế e là không đúng. Trong Pháp Bảo Đàn Kinh, Lục Tổ Huệ Năng dạy rằng: Quy y Phật là nương về cái tính diệu giác của mình, quy y Pháp tức là nương theo sự chân chính trong tánh minh, quy y Tăng là nương về cái thể thanh tịnh trong tánh mình. Cậu đừng nghĩ rằng phải quy y một ông Tăng hay một ông Sư nào đó thì mới được. Gặp phải các tăng hay là tà sư mà quy y thì cả thầy lẫn trò đều xuống địa ngục. Đành rằng thiện trí thức là điều cần, nhưng không bắt buộc phải có. Lục Tổ cũng dạy rằng: Nếu tự mình hiểu rõ thì chẳng cần cầu nơi Ngài. Bằng một mực cố chấp cho rằng phải cầu bậc thiện trí thức mới mong đạt giải thoát thì không có lý như vậy; bởi trong tâm mình có sẵn cái cơ tri thức tự ngộ. Vậy cậu đừng bận tâm vấn đề quy y. Khi Thầy bỏ đi bất ngờ như vậy, chắc là Thầy đã rõ là cậu có thể tự ngộ được đạo.

Tân vẫn ầm ức:

- Nhưng trong buổi nói chuyện hôm nọ, tao còn có chỗ chưa thông suốt.

- Cậu còn thắc mắc chỗ nào?

- Thầy dẫn giải một hồi rồi quy tất cả về ý niệm. Thật tao còn quá mơ hồ.

- Lý thì vô cùng tận, nhưng sự thì phải chính mình bước vào mới nhận được nó.

- Nhưng tao chưa có một hình ảnh rõ ràng về hai chữ ý niệm do đó tao mới hoang mang.

- Cậu muốn thấy được vấn đề, cậu phải thực hành, tự cậu quan sát nội tâm của mình, lâu dần cậu mới nhận diện được nó. Để con kể lại một ví dụ đã được Thầy dạy ngày trước. Ví như ở sở làm cậu thường thường có một người đồng nghiệp tên A hay đùa nghịch quấy rối cậu do đó cậu không mấy thiện cảm với người đó. Một hôm cậu thấy cây viết, thường ngày để trên bàn, bị biến mất. Ý định đầu tiên đến với cậu là anh A đã chơi nghịch lấy mất cây viết. Kế đó là vô số ý tưởng khác liên tiếp nổi dậy chung

quanh vấn đề cây viết bị mất và anh A. Phân tích câu chuyện cậu sẽ thấy rằng:

- Thứ nhất: Thấy được cây viết bị mất là việc của nhận thức.

- Thứ hai: Tại sao cậu lại nghĩ ông A mà biến chuyển vòng tâm thức của cậu lúc đó chính là ý niệm. Niệm đầu vừa diệt thì vô số niệm khác tiếp nối nhau sinh sinh diệt diệt không ngừng; ví như cậu sẽ hạch hỏi ông A về cây viết như thế nào, sẽ gây gỗ ra sao, sẽ làm gì...

- Thứ ba: Tại sao cậu lại nghĩ ông A mà không nghĩ ông B hay ông C? Là vì trong lòng cậu đã chấp giữ những ý niệm xấu về ông này, lâu ngày trở thành thành kiến trong tâm cậu. Điều đó khiến phán đoán của cậu không được vô tư.

Tân chợt ngất lời Thảo:

- Nhưng nếu như tao đoán đúng là thằng A đã lấy cây viết thì tao đâu có lỗi làm gì?

Giờ đây đến lượt Thảo cười rộ lên:

- Cậu chưa nhìn đúng phương hướng cậu ơi! Mấu chốt của câu chuyện là cậu đã khơi dậy một ý niệm chứ không phải vấn đề ý niệm đúng hay ý niệm sai. Dù đúng hay sai thì bản chất của hai biên kiến đó là 2 ý niệm. Khi một niệm mới khơi dậy thì cậu sẽ chìm ngập bởi vô lượng ý niệm khác tuôn nhau tràn tới và tư tưởng cậu sẽ nghiêng ngả một trong hai bên, đúng hay sai, phải hay trái, thương hay ghét... Lúc đó đều gì sẽ xảy ra nơi cậu? Tình cảm thương ghét giận hờn sẽ theo đó làm cho tâm trí cậu mất quân bình. Đồng thời cậu sẽ đánh mất thực tại. Thực tại lúc bấy giờ là cậu mất cây viết. Là người biết nắm giữ thực tại, cậu nên tìm cây viết, nếu chuyện đó thực sự cần thiết. Nếu không thì cậu hãy sống với những gì cậu đang sống.

Đang ngon trớn, Thảo tiếp luôn:

- Như bài thơ của Thầy để lại không ngoài ý này. Kinh Hoa Nghiêm nói rằng cõi Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới để trên đầu một sợi lông mà thế giới đó không nhỏ lại cũng như đã không to lớn hơn. Cả hai chõng khít vào nhau. Phật muốn dạy rằng, cực đại và cực tiểu là hai cực đoan chỉ là những biên kiến của ý niệm. Do vì có cùng bản chất nên chúng mới có thể chõng khít lên nhau, vì cực đại chính là cực tiểu cũng như Tâm Kinh thường dạy rằng: sắc tức thị không, không tức thị sắc; sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Yếu chỉ của đạo Phật là khi một niệm mống dậy thì sẽ rơi vào một trong hai cực đoan của vấn đề. Do đó Tổ Huệ Năng dạy rằng: đối cảnh mà một niệm không sanh chính thị là Pháp không hai vậy

Tân chợt reo lên:

- Như vậy phiền não tức thị Bồ đề rồi, có phải thế không Thảo?

Thào vui lây trước niềm hân hoan của Tân:

- Chúc mừng cho cậu. Nhưng cậu nên nhớ rằng tất cả những gì cậu vừa nói cũng chỉ là vọng tưởng mà thôi. Muốn vào chỗ phiền não tức Bồ đề cậu phải quyết chí và tinh tấn thực hành thiền định, có vậy mới không phụ lòng từ bi của Thầy đối với chúng ta.

Tâm mơ màng nói cho chính mình nghe:

- Trí của Phật mới thật là vô đình trí. ●



Hồng Hạnh

• HUỖNH TRUNG CHÁNH

(Tiếp theo VG số 131)

Tuy tài sản của Thái vốn đồ sộ, nhưng sau bao năm phải trang trải chi phí thuốc thang đắt giá, đến khi chồng lia trần, thì của nả dành dụm cơ hồ đã cạn, Hồng Hạnh chỉ còn làm chủ ngôi biệt thự và mớ tư trang sinh lễ ngày xưa mà thôi. Không thể kéo dài tình trạng ăn không ngồi rồi với anh chồng vô nghề nghiệp, Hồng Hạnh quyết định bán ngôi biệt thự Mỹ Tho, mang tiền lên Saigon, tìm phương cách sinh nhai. Ở Saigon thì “thân ai nấy lo, hồn ai nấy giữ”, nàng thỏa thích yêu cuồng sống vội với người chồng trẻ, khỏi phải ngay ngáy lo sợ bà con chòm xóm đa sự “trê”, “nhún”, khinh khỉnh nữa. Hồng Hạnh mua ngay một căn phố ở mặt tiền đường vùng Phú Thọ, do vị trí căn phố thuận tiện cho dự trữ mở tiệm buôn nhỏ sau này, ngoài ra, nàng cũng ưng ý về căn phòng ngủ ấm cúng và cái nhà bếp khoảng khoát nhìn ra khoảng đất nhỏ, đã sẵn có cội mít già, mấy khóm rau thơm và một chuồng gà sập xệ... Thế nhưng, tự thở giờ Hồng Hạnh chỉ lẩn quẩn trong nhà, nấu nướng giặt giũ còn có kẻ ăn người làm lo lắng, nên suy tìm hoài cả năm trời, nàng chẳng tìm ra được ngành nghề gì hợp với khả năng cả, trong khi đó thì tiền bạc cứ rỉ rả hao mòn khiến nàng xốn xang tắc dạ. Phần Thịnh, hẳn được nàng “thần phục” nuông chiều, nên cứ nhờn như lối sống vô trách nhiệm, phó mặc cho nàng gánh vác mọi chuyện, kể cả hành vi cục cung phục vụ hần. Thật ra thì hần không hề có ý “lắt hấu bao” hay

trấn lột nàng quá đáng. Hần chỉ đòi sắm cho được chiếc xe đạp nhôm hảo hạng hiệu Alcyon chùi láng bóng, lặn theo chút ít tiền cà phê, rồi nhong nhong cỡi xe đi chơi suốt ngày, miễn là khi về nhà có đủ hai bữa cơm thịt cá ê hề, kèm với chai la-ve nhậu lai rai là vui vẻ rồi. Cơm nước không tươm tất thì hần nổi sùng văng tục ngay, nhịn thì tốt, còn dám hó hé lời qua tiếng lại thì hần thẳng tay đánh đập chẳng chút xót thương. Sau bao ngày suy tính thiệt hơn, Hồng Hạnh liều mạng mở tiệm bán hàng vải, loại hàng hóa nhẹ và sạch sẽ, tương đối phù hợp với nếp sống nhưng lựa ngày xưa của nàng. Thế nhưng khu phố Phú Thọ quá bình dân, vải vóc là loại nhu cầu xa xỉ, thành thử cửa hàng lâm cảnh ế ẩm dài dài. Sau hai năm chịu đựng, nghiên cứu lại thị trường nàng quyết định bán đồ bán tháo mớ vải vóc, rồi xoay ra buôn bán chạp phô. Tiệm chạp phô đông khách, đồ đạc linh tinh đủ loại, có thứ nặng cần khiêng vác, mà không có chồng đỡ đần nên nàng phải thuê người phụ giúp. Buôn bán lẻ tiền lời lắt nhắt, thuê mướn người thì hao hót, nên cơ sở buôn bán của nàng cứ lụn bại lần, cuối cùng đành phải đóng cửa. Bà con lối xóm xầm xì rằng toàn dãy phố này đã được xây cất trên miếng đất của ngôi chùa hoang phế xa xưa, các “vong” nghiệp nặng còn lẩn khuất đâu đây ám chướng, nên chẳng mấy ai khá giả cả. Nghe lời đồn đại này, Hồng Hạnh lo lắng muốn dọn nhà đi chốn khác, nhưng vốn liếng đã khô cạn, thay đổi chẳng phải là chuyện dễ dàng. Trong hoàn cảnh bi đát này, nàng quờ đại mấy con gà nuôi sau nhà

làm thịt, cầu may mở quán cháo và bất ngờ món ăn này được thực khách chiếu cố, nhờ vậy, nàng thừa tiền sống qua ngày và lúc nào cũng có cặp đùi gà vàng hực sẵn sàng dâng cho ông chồng lai rai ba sơi. Từ khi phải cơ cực vật lộn với cuộc sống mới, “cô Ba Cháo Gà” Hồng Hạnh, cần cỗi mau chóng, nhưng ngoài những lúc phải đón nhận cơn thịnh nộ bất chợt của chồng, Hồng Hạnh vẫn cảm thấy hài lòng và hạnh phúc với người chồng trẻ.

Một hôm hần đi không về khiến nàng phập phồng lo sợ, vì trong sáu năm qua dẫu say sưa với bè bạn thế nào hần vẫn lết về nhà ngủ. Hôm sau hần lững thững về nhà, tình tuồng như chuyện bình thường, nàng vừa thắc mắc hỏi han thì hần sùng sộ, đành êm ru nhẫn nhịn. Hần bắt đầu vắng nhà thường xuyên, tuy sợ chồng nhưng ghen tức ầm ứ không nhẫn nhịn được, thỉnh thoảng nàng cũng cảm râm trách móc, dù mỗi lần cãi vã là mỗi lần bị đánh đập tàn nhẫn. Cuối cùng thì hần đi luôn chẳng trở về. Ghen tuồng lồng lộng, nàng đóng cửa quán cháo gà, đi khắp nơi han hỏi sục tìm hần. Một bà hàng xóm cho tin rằng hần “lấy” con Tám, bạn hàng cá chợ Cầu Ông Lãnh từ lâu, con nhỏ đã mang bầu sắp sanh rồi. Nghe chỉ điểm nàng giận run, lặn theo con dao phay, đón xe đi chợ Cầu Ông Lãnh tức khắc. Nàng rình rập thấy hần đang kê cận thân mật với tình nhân, tiếp tay con “ngựa cái” thè lè bụng chứa làm cá. Tuy sợ chồng khủng khiếp và tuy thấy con đó đang cầm con dao lạng lạng cá bén ngót, nàng vẫn kiên tiết phóng tới điểm mặt hét: “Đồ con đĩ thú vị giết chồng...” Nàng chưa hết hét câu thì đã bị Thịnh nắm cổ lôi đi xềnh xệch. Sức hần mạnh như voi, nàng lại sợ hần như cọp dữ, nên đành cầm họng riu riu đi theo hần đến chỗ giữ xe đạp. Hần bảo nàng ngồi lên yên sau, đèo nhau về nhà. Nàng mừng mừng tủi tủi thầm nghĩ: “Chồng chịu về nhà là thắng lợi lớn rồi!”. Chừng bước xuống xe, nhìn bản mặt hung tợn của hần, nàng mới hốt hoảng van lạy lia lịa. Lạnh lùng chẳng nhếch môi, hần nắm đầu nàng lôi vào nhà, đóng kín cửa, cột tóc nàng vào chân giường, rồi mới nghiêng răng kèn kẹt gằng tằng

tiếng: “Tao đập cho mày bỏ cái tật ghen tuông! Nghe chưa?”. Dứt lời, hấn bắt đầu đánh đá nàng toi bời, mặc cho những tiếng rên khóc thảm thiết và những lời van xin năn nỉ của nàng. Khi thấy nàng ngất xỉu nằm im lìm, hấn mới dừng tay định bỏ đi, nhưng cơn giận chưa nguôi nên hấn vừa bước tới cửa bỗng quay trở lại, lấy kéo xõn hết tóc nàng, rồi ung dung cỡi xe đạp ra đi. Hồng Hạnh lần lần hồi tỉnh khi trời vừa sụp tối. Toàn thân đau đớn rã rời, nhưng cái đau thể xác đó chẳng thấm tháp gì cả nếu so với nỗi chán chường khổ não chất ngất trong lòng. Nàng đã đánh đổi tất cả chỉ vì hấn để cuối cùng lãnh lấy kết quả phũ phàng tàn nhẫn ngày hôm nay. Tuyệt vọng, không lối thoát, nàng quyết tâm tìm cái chết. Nàng lê lét lục tìm được sợi dây khá chắc làm thòng lọng, mang ra sau vườn nhắc ghế máng lên cành cây mít, dút đầu vào, rồi hất chiếc ghế ngã nghiêng, buông tay treo tòn ten...

Hồng Hạnh cảm thấy ngột thở, rồi thân người nàng chao đảo, đoạn lao vùn vụt xuống một hố thẳm đen ngòm, đang rơi, bỗng nhiên nàng nghe tiếng gọi: “Thí chủ! Thí chủ! Biển khổ mênh mông, mà hễ biết quay đầu thì sẽ thấy bến bờ!”, thì bị hất văng trở lại. Nàng nhòm dậy chợt thấy có vị vấn y vàng đứng trước mặt, vội quì xuống lạy liên hồi:

- Kính lạy Bồ Tát Quan Âm. Con xin cảm tạ Ngài đã cứu vớt con.

Người mặc y vàng từ tốn:

- Ta chẳng phải là Bồ Tát Quan Âm và cũng chẳng phải là người đã cứu thí chủ. Ta chỉ là một phàm tăng, đã từng là pháp đệ của thí chủ từ kiếp trước, theo duyên nghiệp đến đây gặp thí chủ để nhắc nhở chuyện xưa.

- Thân con như vậy mà đã từng làm huynh đệ với Sư sao? Chuyện lạ quá, con không thể tin hiểu được?

- Cuộc đời huyền hóa này thật khó ước lường, nhưng tất cả diễn biến đều do nghiệp duyên chẳng chịt lỗi kéo mà hiện hành, ngay như tên Hồng Hạnh của thí chủ cũng là tiền duyên. Kiếp trước chúng ta là đệ tử của thiền sư Như Hóa, trụ trì chùa Đại Giác, tỉnh Biên Hòa, thí chủ mang pháp danh Hồng Hạnh, và ta là Hồng Huệ, tính theo kệ

truyền phái của tổ Đạo Môn, thì chúng ta là hậu duệ đời thứ 39 dòng Lâm Tế (4). Trong khi chúng ta cùng tu học tại Giác Lâm, ta mãi say đắm Pháp Bảo Đàn kinh, mà không am hiểu đến nơi đến chốn nên sanh tâm cuồng ngạo, lúc nào cũng ngông nghênh sánh mình là bậc thượng căn thượng trí trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật. Lúc đó pháp huynh thương tình nhắc nhở ta: “Đệ tử coi mình ngang hàng với Phật, với Tổ, nhưng Ông Phật Hồng Huệ có khi nào thường trực quán sát tâm mình, thử coi mỗi ngày tâm mình thanh tịnh được mấy phút chẳng?”. Ta giựt mình nhìn lại con người thật của mình, và càng nhìn lại, ta càng thấy rõ tâm ta loạn động liên miên, sơ hở một chút là dun rủi theo tham sân si chẳng dừng lại được. Ta biết ta hư đốn khó chữa trị, bèn lui về nương với sư phụ ngày đêm sáu thời lễ bái sám hối và niệm Phật A Di Đà cầu vãng sanh Cực Lạc. Ta may mắn được vãng sanh và nhờ vậy mà hôm nay có thể nương theo hồng lực của Đức Phật A Di Đà gặp thí chủ để nhắc nhở đôi điều.

- Sư cho biết kiếp trước con cũng là tu sĩ như sư. Tại sao sư tu đắc đạo còn con thì ra nông nổi như thế này? Chuyện mù mịt khó hiểu quá sư à?

- Kiếp trước, thí chủ chính thực là một tăng sĩ tài hoa nổi danh một thời nên sớm được cung thỉnh về trụ trì ngôi chùa cổ tại chốn này. Thí chủ hãy quay trở về với dĩ vãng, nhìn lại hành hoạt của mình tại chốn này để hiểu biết nghiệp duyên của mình thì sẽ rõ hơn. Thí chủ nhớ ra chưa? Sau khi nhận lãnh ngôi chùa, thí chủ sửa sang chỉnh đốn tất cả, và ở ngay địa điểm này đây, thí chủ đã đích thân trồng cây mít này! Nó được gắn gũi với cửa Phật, có linh tánh (5), đối với thí chủ ân tình vấn đậm đà nên đã chẳng nỡ chứng kiến cảnh thí chủ lia trần...

Hốt nhiên một cảnh chùa bỗng lần lượt hiện ra rõ ràng trước mắt, Hồng Hạnh thấy mình trong tư cách một nhà sư uy nghi đang phát họa kế hoạch tái thiết ngôi chùa tầm thường sở tại thành một ngôi già lam nguy nga vĩ đại. Sư đăng đường thuyết pháp, hướng dẫn Phật tử tu tập, uy danh lan rộng lần, rồi bắt đầu vận động quần chúng đóng góp

tài vật cho công tác Phật sự. Đệ tử tề tựu về quy y với sư khá đông, giới xuất gia có bảy vị đứng đầu là sư chú Nhựt Tân, các sa di Nhựt Thái và Nhựt Thịnh, phần tại gia cư sĩ có đến hàng ngàn người. Bận bịu với kế hoạch phát triển sư chưa có thời giờ lưu tâm đến việc dạy dỗ đệ tử về nội điển, sư chỉ tạm hướng dẫn vài phương pháp xã giao cần thiết để xử dụng nhất thời khi tiếp xúc với thiện tín mà thôi. Tuy vậy, sư khéo léo xử dụng đệ tử theo khả năng nên rất được họ phục tùng. Nhựt Thịnh dốt nát, hiểu biết hời hợt, kinh điển chẳng thông, nói năng lại thô tháo, nhưng thuộc loại vai u thịt bắp nên sư khuyến dụ chú lãnh canh tác thửa ruộng 5 mẫu thuộc quyền sở hữu của chùa tại Phú Lâm, sư dự trù Nhựt Thịnh sẽ đóng góp công sức không nhỏ khi sư khởi công tái thiết ngôi tự viện. Nhựt Tân lanh lợi, tụng kinh lưu loát, giao tiếp thiện tín khéo léo, nên sư cử làm trụ sự, quản trị ngôi chùa theo sự sắp xếp của sư. Nhận thấy Nhựt Tân có khả năng và có ý hướng muốn lập chùa riêng, trong khi sư bận việc thường đi vắng rất cần một viên trụ sự giỏi, sư vội hứa hẹn sẽ cử đệ tử này kế thế trụ trì, và cho biết sư sẽ sớm ẩn dật tịnh tu sau khi hoàn thành công tác tái thiết chùa. Sa di Nhựt Thái là thị giả trung thành, thương kính thầy và tận tụy hầu hạ thầy vô cùng chu đáo, nên cũng được thầy yêu thương nhất. Nhựt Thái chỉ có khuyết điểm là tuy quyết chí xuất gia nhưng vẫn còn thích nuôi sáo nhồng, có lần Nhựt Thái kiếm đầu được một sáo con lén giấu kín trong phòng, bắt ngờ chú có việc phải về thăm nhà, rồi bị bà mẹ cưng lời kéo mãi, cả tuần mới trở về chùa được thì con chim dói rét nằm rũ liệt, bị bảy kiến bu đen nghịt cắn xé đang thoi thóp chờ chết. Tuy sư cũng biết rõ nội vụ nhưng cung người đệ tử thân thiết, sư lơ là bỏ qua không răn dạy một lời.

Công cuộc vận động tài chánh tiến triển rất khả quan, sư đang chuẩn bị lạc quyền đợt chót trước khi khởi công, thì một duyên may đã đưa đẩy bà góa phụ triệu phú họ Trần đến viếng chùa. Cảm phục đạo đức và lòng nhiệt thành vì đạo pháp của sư, bà triệu phú hứa hẹn sẽ

cúng dường sư một số tịnh tài vĩ đại. Quý trọng vị đại thí chủ, sư thường xuyên viếng thăm, săn sóc, tán thán... nên tình thầy trò ngày càng thêm khắng khít. Một buổi chiều hè, sư ghé nhà bà triệu phú hàn huyên, trời bỗng đổ mưa, mưa ồ ạt và kéo dài mãi không dứt, khiến sư đành ở lại nhà nữ thí chủ ngủ đêm. Đêm đó mắc chứng gì, mà sư bị trúng gió nhảy mũi liên hồi, nữ thí chủ hoảng hốt đích thân thuốc thang chăm sóc, bà lại cạo gió cho sư, và ngồi cạnh canh chừng suốt đêm. Sáng hôm sau, thân thể khỏe hẳn lại, trong giây phút cảm động dạt dào không kềm chế được, sư nắm tay người nữ thí chủ để bày tỏ lòng biết ơn sâu xa. Người thí chủ đã đáp lại bằng tất cả nhiệt tình, thế rồi!... thế rồi!... sư bị lôi cuốn mờ mịt, chẳng còn chống chọi gì được nữa...

Sau giây phút yếu lòng, sư Hồng Hạnh ăn năn tìm cách lẩn tránh bà triệu phú. Sư giao chùa cho sư chú Nhựt Tân, dự định sẽ hành hóa vùng Thất Sơn một thời gian dài. Trong cơn bận rộn này, thị giả Nhựt Thái lại bỗng từ trần, sau một cơn bệnh ngắn. Sư phải ở lại lo tang ma cho đệ tử, và nhân nỗi đau buồn này, sư tuyên bố tịnh tu, chỉ lẩn quẩn trong liêu chẳng tiếp xúc với bất cứ Phật tử nào cả. “Cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng”, sư tưởng trốn trong liêu thì yên thân, ngờ đâu bà triệu phú mỗi ngày đều tìm đến. Mấy ngày đầu bà còn dè dặt thăm hỏi, đến ngày thứ ba thì bà ngang bướng lục lạo khắp nơi, rồi xông thẳng vào trong liêu bất chấp mọi ngăn cản. Gặp sư, bà thí chủ khóc lóc bù lu bù loa, kể lể nỗi niềm thương nhớ chẳng úy kỵ gì cả, sư sợ có người nghe được thì lâm nguy nên phải xuống nước năn nỉ bà im lặng, hứa hẹn sẽ tìm gặp bà ngay. Sư đến thăm bà thí chủ thì bị kéo lôi, và “bồn cũ soạn lại” càng ngày sư càng đắm chìm trong biển tình không cách gì cựa quậy được. Cuối cùng sư Hồng Hạnh chọn giải pháp hoàn tục, nhưng sư vốn là người khôn ngoan, sư chuẩn bị chuyển ra đi rất chu đáo: sư gom góp tiền bạc đã lạc quyền, sư cũng bán luôn sở ruộng chùa tại Phú Lâm, mang về giao cho tình nhân cất giữ. Đêm đó, sau khi dệt mộng sẽ đưa nhau đến một tỉnh

miền duyên hải sống an nhàn trọn đời, hai người tổ chức liên hoan, đang cơn hứng chí bỗng nhiên sư bị trúng gió trên mình ngựa ngã lăn chết tức thời.

Tin tức động trời đó bay về chùa khiến đám đệ tử ngỡ ngác rụng rời. Đau lòng nhứt là chú Nhựt Thịnh, chú hăm hở làm lụng vô cùng cực khổ, chắc mót từng đồng dâng lên cho sư phụ xây chùa, ngờ đâu sư phụ đem xây tổ uyên ương. Chú chửi thề ồm tỏi, rồi bỏ về nhà một nước, thể trọn đời chẳng bước đến một ngôi chùa nào nữa. Sư chú Nhựt Tân hy vọng sẽ tiếp nhận trụ trì một ngôi chùa khang trang tài sản dồi dào, ngờ đâu, giờ đây phải kể nghiệp ngôi chùa đổ nát, tài sản bị vét sạch gọn ghẽ, nên cũng đau lòng không kém. Tuy vậy, sư chú vẫn ẩn nhẫn tiếp tục chăm sóc ngôi chùa, với hoài bão khôi phục uy thế ngôi chùa như xưa. Thế nhưng hành vi tác tệ của sư phụ Hồng Hạnh quá tai hại, Phật tử chẳng một ai tin tưởng, họ rủ nhau tránh xa thành thử ngôi chùa ngày càng vắng vẻ và kiệt quệ, sư chú Nhựt Tân thua buồn hoàn tục bỏ ngôi chùa hoang phế theo thời gian...

Tiền duyên nghiệp chướng như cuộn phim ảnh hiện rõ ràng trước mắt, càng nhìn Hồng Hạnh càng bồn chồn lo lắng, nàng bật tiếng than: “Ôi! Thì ra ba đời chồng là ba con nợ nghiệt oan! Hỡi ôi! Còn nợ nần bốn tên đệ tử nhỏ, còn nợ nần vô số thí chủ nữa thì mình phải trả cách nào đây?”. Hồng Hạnh buông tiếng thở dài thườn thượt, nỗi kinh hoàng bất thành linh xâm chiếm khiến nàng run rẩy toàn thân. Nàng vận dụng hết sức mình để chống trả cơn run, thì chợt mở choàng mắt dậy, thấy mình đang nằm co rúm lạnh buốt da bên cành cây mít gãy, với sợi giây thòng lọng còn quấn ngang cổ. Trời vừa hừng sáng, tiếng gió lao xao lá mít như điệu nhạc chào mừng, và mấy con gà giò đang nhốt trong chuồng – đáng lẽ đã phanh thây trong nồi cháo, mà thoát nạn – bỗng cất tiếng gáy vang.

Thì ra, khi Hồng Hạnh vừa ngộp hơi thì cành cây chịu đựng không nổi sức nặng đã gãy lìa, nàng rơi xuống đất, khí trời lạnh ban mai đã giúp nàng lẩn lẩn hồi tỉnh. Còn những

điều đã phát hiện như chuyện hoang đường trong cơn mê, thực hư thế nào, chính Hồng Hạnh vẫn mơ mơ màng màng phân vân chẳng có câu giải đáp. “?”. “?”. “?”.

(Tháng 8.2002)

* **Lời cuối truyện :**

Trước năm 1975, tác giả có đọc tập sách: “Cô Ba Cháo Gà nói chuyện âm phủ”, trong đó, sư cô Huệ Hiền tục danh Cô Ba Cháo Gà kể chuyện cô chết xuống địa ngục mới được biết kiếp trước cô là một vị Hòa Thượng trụ trì tại một Tổ đình tại vùng Phú Thọ, đã phạm giới thông dâm với gái tơ và lấy của thường trụ nuôi gái. Kiếp này cô Ba Cháo Gà đã phải khổ sở phục dịch bảy đời chồng, là bảy đệ tử kiếp trước đã ra công phục vụ cho sư phụ, mà không được sư phụ dạy dỗ đạo pháp... Tác giả xin miễn phê bình về tính chất thực hư, đúng sai của câu chuyện. Tác giả chỉ xin nhắc lại phần ghi trên, phần đã gợi ý tác giả phóng tác thành chuyện Hồng Hạnh này.

Ghi chú :

(4) Dòng kệ truyền pháp của tổ Đạo Môn như sau:

*Đạo Bản Nguyên Thành Phật Tổ Tiên
Minh Như Hồng Nhựt Lệ Trung Thiên
Linh Nguyên Quảng Nhuận Từ Phong Phố*

Chiếu Thế Chơn Đấng Vạn Cổ Truyền.

Tính ra thì chữ Đạo thuộc thế hệ thứ 31 phái Lâm Tế, chữ Như thế hệ thứ 39, chữ Hồng thế hệ 40, chữ Nhựt thế hệ 41.

(5) Cây mít: là loại cây ăn trái mà gỗ thường được dùng để tạc tượng Phật tại các ngôi chùa xưa nên rất gần gũi với các Phật ở Việt Nam. Theo Chu Quang Trứ (trong Sáng Giá Chùa Xưa), cây mít được người Thiên Trúc gọi là Paramita, âm Hán Việt là Ba La Mật nghĩa là báu bí ngạn, nên ngày nay ở Huế có người vẫn gọi mít là cây Ba La Mật. Chu tổ sư thích trồng cây mít trong khuôn viên chùa, để mỗi khi nhìn thấy cây thì liên tưởng ngay đến thuật ngữ Ba La Mật để thúc liễm thân tâm tu hành. Theo truyền tụng dân gian thì cây mít trồng trong chùa thường có linh tánh, đặc biệt là tình nghĩa với chư Hòa Thượng, mỗi khi quý Ông (Hòa Thượng) từ trần người ta vẫn cho cây mít để tang Ông, nếu không cây mít sẽ tui thân mà chết. •



TIẾNG SÁO MA

• Giang Phúc Đông Sơn

(Tiếp theo VG số 123)

Nói xong ông xoay người bước ra ngoài, Vương Chính nghiêm mặt nhìn bọn tuần canh một cái rồi đi theo họ Triệu. Ra đến bên ngoài, Vương Chính nhanh nhẹn vòng tay:

- Chúc mừng sinh nhật quan lớn! Thuộc hạ mới về, không biết hôm nay quan lớn có sinh nhật nên không có quà biếu, mong quan lớn thứ lỗi!

Triệu Thiên Cảnh khoát tay, lắc đầu:

- Người đừng áy náy! Nếu không có những biến cố quan trọng xảy ra thì hôm nay ta đã tổ chức sinh nhật ngũ tuần rồi. Thôi gác chuyện đó qua một bên, bây giờ việc đầu tiên là phải tìm cho ra Tiểu Kỳ, hấn biến đâu mất dạng? Tại sao hấn dám giả danh ta đem rượu cho bọn lính tuần canh uống? Chắc chắn hấn phải có một âm mưu gì đó!

Ông ngừng lại, suy nghĩ một lúc rồi quay sang Vương Chính:

- Người cho người đến mời Quách lão gia tới cho ta bàn chuyện gấp!

Vương Chính dạ một tiếng, chấp tay xoay người đi ngay. Chờ cho Vương Chính vừa khuất dạng, Triệu Thiên Cảnh đi nhanh vào thư phòng, khóa trái cửa lại. Đến bên một kệ sách ông rút ra vài quyển, dứt tay vào chỗ trống, xoay một cái nút lớn.

Một tiếng cạch khô khan vang lên, chiếc kệ từ từ xoay tròn mở ra một cái cửa nhỏ vừa cho một người đi qua lọt. Căn phòng bí mật này, ngoài Triệu Thiên Cảnh ra chẳng ai biết, ông bước nhanh vào trong, thắp chiếc đèn lồng lớn lên.

Ánh sáng vừa tỏa rộng, Triệu Tổng Đốc hử lên một tiếng đầy giận dữ. Quả như ông dự đoán, hai chiếc rương đựng đầy vàng bạc, châu báu, của cải mà ông đã bòn rút, dành dụm từ bao nhiêu năm qua bị mở toang. Tuy nhiên cũng còn may cho ông, là kẻ gian có lẽ vội vã nên chỉ lấy đi được một số nhỏ. Vừa tiếc của, vừa căm tức, nhưng là người trầm tĩnh, ông lẳng lặng cúi xuống nhặt lại mấy đồng tiền vàng bị rơi vãi trên nền nhà, môi cắn chặt để khỏi bật ra một tiếng nguyền rủa.

Đóng lại nắp hai cái rương, Triệu Thiên Cảnh ngồi thừ xuống chiếc giường nhỏ kê cạnh đó, với tay lấy chiếc dọc tẩu thuốc phiện gắn trên tường. Nhồi thuốc vào cối, ông châm lửa, bập bập vài hơi cho thuốc cháy đều, đoạn rít một hơi thật dài, rồi ngả lưng xuống giường nhà khói ra thật từ từ. Hơi thuốc phiện làm ông thấy tỉnh táo, sáng suốt hơn. Chắc chắn ngoài Tiểu Kỳ, tên lính hầu thân cận của ông ra, chẳng ai có thể mò mẫm tìm biết được chỗ này. Nhưng lý do nào hấn lại làm phản ông, cho bọn lính tuần canh uống rượu say sưa, lấy đi một số vàng bạc rồi biến mất? Điều này thật ông không thể nghĩ ra. Cách đây hơn mười năm, hấn nguyên thủy là một tên đạo chích ở phố Tùng, bị bắt trong lúc ăn hàng. Trên đường giải giao về huyện thì tình cờ ông đi ngang qua, thấy mặt mũi hấn khôi ngô, sáng sủa, ông đã dùng quyền hạn của mình xin Tri huyện sở tại tha cho hấn. Cảm tạ ơn đó hấn tình nguyện xin theo hầu ông suốt đời. Bấy lâu nay hấn đã chứng tỏ là một kẻ gần như trung thành tuyệt đối với ông, không ngờ đột nhiên hấn làm phản, trở lại nghề cũ mà ông lại chính là nạn nhân đầu tiên của hấn. Suy nghĩ một lúc Triệu Thiên Cảnh

chợt nhớ ra việc sai Vương Chính đi mời Quách gia Mộc, ông hấp tấp đứng dậy, đóng hai cái rương lại, thổi tắt đèn, bước ra bên ngoài sau khi đã xoay cái kệ sách nằm vào chỗ cũ.

Không bao lâu sau đã nghe tiếng ngựa rầm rập chạy vào sân, Triệu Thiên Cảnh nhìn ra, thấy Vương Chính cùng hai ba tên lính và một người đàn ông trạc độ ngũ tuần, mắt mũi hồng hào tráng kiện, y phục sang trọng, theo sau có một người hầu, xuống ngựa. Vừa định đưa tay lắc chuông kêu Tiểu Kỳ chuẩn bị rượu, ông lại nhớ ra hấn đã bỏ trốn, Triệu Thiên Cảnh chắt lưỡi, xô ghế đứng dậy. Chưa rời khỏi bàn, ông đã nghe tiếng chào hỏi ồn ào:

- Quách tiểu đệ kính chào Triệu Tổng Đốc! Tổng Đốc bình an, khang kiện chứ?

- Kính chào quan lớn! Quan lớn mạnh khỏe a?

Triệu Thiên Cảnh bước ra cửa, hướng về phía người khách ăn sang trọng ông tươi cười, đưa tay mời:

- Đa tạ! Đa tạ! Nhờ hồng phúc Hoàng Thượng bản chức vẫn bình yên! Quách tiên sinh cùng quý vị đây mạnh khỏe cả chứ?

Người được gọi là Quách tiên sinh, chính là bá hộ Quách Gia Mộc, vòng tay về phía Triệu Thiên Cảnh xá xá mấy cái, khuôn mặt có vẻ buồn rầu:

- Cám ơn Triệu Tổng Đốc! Đệ vẫn bình thường, chỉ thương cho dưỡng tử mệnh yếu, bị kẻ gian sát hại.

Khuôn mặt Triệu Thiên Cảnh trầm hấn lại, ông đỡ tay họ Quách đi vào trong phòng, quay lại Vương Chính ông nói:

- Người xuống chỗ đội ẩm thực, sai người ra chợ mang nhanh về đây ít rượu ngon để ta và Quách tiên sinh đối ẩm hôm nay!

Vương Chính dạ một tiếng xoay người đi. Chờ cho hấn vừa đi khuất Quách Gia Mộc lấy trong người ra một cái bao nhỏ, lão trân trọng cầm hai tay đưa cho Triệu Thiên Cảnh:

- Có chút quà mọn, nhân tiện qua chơi biếu Triệu Tổng Đốc.

Ánh mắt Triệu Thiên Cảnh sáng lên, ông cười sảng khoái:

- Ô! Quách tiên sinh qua chơi là quý hóa rồi! Lại còn bày vẽ quà cáp nữa, bản chức thật áy náy không biết phải làm sao?

Vừa nói ông vừa đón lấy chiếc bao, lắc nhẹ đoán xem là gì rồi nhanh nhẹn nhét vào người. Quách Gia Mộc lại búng tay một cái, tên người hầu của lão này giờ đứng yên liền bước tới, đặt lên bàn một cái hộp sắt nhỏ khá nặng rồi lùi ngay lại. Quách Gia Mộc mở hộp ra, những nén vàng nhỏ đựng bên trong làm chói mắt họ Triệu, ông ngạc nhiên nhìn Quách Gia Mộc dò hỏi. Họ Quách đẩy chiếc hộp về phía Triệu Thiên Cảnh:

- Số vàng này đệ đóng góp vào công quỹ để Triệu Tổng Đốc rộng tay kiếm thêm người trợ thủ trong việc truy lùng kẻ đã sát hại dưỡng tử.

Triệu Thiên Cảnh chợt hiểu, ông đưa tay đóng nắp hộp vàng lại, cầm nhét xuống học bàn:

- Quách tiên sinh cứ cho biết cao kiến!

Quách Gia Mộc chồm người tới, ghé sát vào tai họ Triệu thì thầm vài câu, chỉ thấy ánh mắt Triệu Thiên Cảnh sáng lên, ông gật đầu:

- Được lắm! chờ Vương Chính về đến ta sẽ bàn thêm với hắn!

Hai người nói chuyện được một lúc thì Vương Chính bước vào, trên tay hắn xách hai vò rượu lớn và một túi thức ăn. Chờ cho hắn bày chén đĩa ở chiếc bàn ăn bên cạnh xong, Triệu Thiên Cảnh đứng dậy đưa tay:

- Xin mời Quách tiên sinh!

Vương Chính kéo ghế cho Triệu Tổng Đốc và Quách Gia Mộc ngồi xong, định bước ra ngoài thì họ Triệu đưa tay ngăn lại:

- Người ngồi xuống đây đi!

Ông chỉ cái ghế bên cạnh mình, Vương Chính ngạc nhiên nhưng không nói gì, dù mới về làm việc với ông ít lâu nhưng hắn đã hiểu tính khí ông nên lẳng lặng làm theo lời ông. Rót rượu cho họ Quách xong Triệu Thiên Cảnh lấy thêm một chén rượu cho Vương Chính, rót đầy cho hắn, cử chỉ ít khi ông làm cho thuộc hạ khiến hắn cảm động, cầm chén bằng hai tay đứng dậy cúi đầu cảm tạ và chúc tụng ông, Triệu Thiên Cảnh khoát tay ra dấu cho hắn ngồi xuống.

Uống được vài chén, Triệu Thiên Cảnh mới lên tiếng hỏi Vương Chính:

- Người từng qua lại trong chốn giang hồ! Theo người thì ai có thể gọi là hào thủ hiện nay?

Vương Chính suy nghĩ một lúc rồi trả lời:

- Về phương Bắc thì Thiết thủ Hồ Quyền có thể gọi là vô địch, phía Nam thì Thần Tiễn Khiết Dương là kẻ khó đến gần.

Quách Gia Mộc gật đầu, chen vào:

- Thiết thủ Hồ Quyền thì đệ không biết nhưng Thần Tiễn Khiết Dương thì đệ đã nghe nói nhiều. Tài bắn cung của hắn nghe đồn có phần trội hơn Dương Tiễn khi xưa vì một lúc hắn có thể bắn ra cả chục mũi vào cùng một mục tiêu.

Vương Chính tiếp lời:

- Quách tiên sinh nói đúng! Ngoài tài thiện xạ, cây cung của họ Khiết còn được chế biến khác thường, một lúc có thể bắn được cả chục mũi.

Triệu Tổng Đốc hỏi tiếp:

- Còn Thiết Thủ Hồ Quyền?

- Thiên hạ xưng tụng hắn là Quyền Vương chắc phải có lý do. Về tài nghệ thì thuộc hạ chưa thấy hắn giao đấu với ai, nhưng đã chứng kiến tận mắt với hai bàn tay không, hắn chặt gãy sừng và đâm tiếp một cái chết tươi con bò rừng nặng cả tấn.

Triệu Tổng Đốc ngạc nhiên:

- Người thấy thật ư? Chuyện xảy ra bao giờ?

Vương Chính gật đầu:

- Cách đây hơn bốn năm! Trong lần tuyển người cho đội Thị Vệ của Hoàng cung! Đáng lẽ lần đó Hồ Quyền đã trở thành Đội trưởng thị vệ trong hoàng cung nhưng vì bản tính ngang tàng, không chịu khuất phục, dưới trướng ai nên hắn bỏ đi.

Triệu Thiên Cảnh hỏi thêm:

- Còn nhược điểm của họ, người có biết chăng?

Vương Chính thoáng ngạc nhiên, nhưng hắn chợt hiểu ra ý định của Triệu Thiên Cảnh nên hỏi lại:

- Triệu Tổng Đốc muốn kéo họ về đây?

Triệu Thiên Cảnh nghiêm mặt nhìn Vương Chính:

- Phải! Như người đã thấy, tình hình trong tình mấy lúc gần đây quá bất an, từ sau khi Xích Long bị giết rồi tới Thảm Họa và Quách Nhược, ba vụ thảm sát không tìm ra thủ phạm khiến ta ăn ngủ không yên. Thủ phạm hành động xuất quỷ nhập thần, không hề để lại dấu vết tung tích. Nếu không nhanh chóng có biện pháp, ta sợ rằng nay mai sẽ có biến cố ngay trong dinh này. Với đội binh mã trong dinh ta e rằng khó đương đầu với kẻ địch. Vì vậy ta

quyết định kiếm thêm vài tay cao thủ trong giang hồ về đây trợ lực trong việc ngăn chặn kẻ gian. Việc đó ta muốn ủy thác cho người, có được không?

Vương Chính ngần ngừ:

- Thần Tiễn Khiết Dương thì có thể dùng sắc đẹp để mua chuộc, còn Thiết thủ Hồ Quyền không phải là người ham mê tửu sắc nên thuộc hạ e hơi khó...

Triệu Thiên Cảnh mỉm cười, ông đứng dậy bước qua bàn làm việc, mở hộp vàng Quách Gia Mộc đã đưa, lấy ra một ít, đặt trước mặt Vương Chính:

- Hắn không mê tửu sắc thì ắt chẳng chê thứ này?

Vương Chính sáng mắt lên:

- Triệu Tổng Đốc hào phóng như vậy thì thuộc hạ thấy chẳng còn gì trở ngại. Thuộc hạ có thể khởi hành ngay.

Triệu Thiên Cảnh chặn hắn lại:

- Khoan đã! Đây chỉ là số chi phí dọc đường cho người. Cứ nói với Hồ Quyền, xong việc thì bao nhiêu ta cũng không tiếc, nếu ta không có đủ thì đã có Quách Tiên sinh đây đóng góp thêm, chớ ngại!

Nói xong Triệu Thiên Cảnh quay sang nhìn Quách Gia Mộc, họ Quách gật đầu, cầm lấy số vàng trên bàn dúi vào tay Vương Chính. Hắn hiểu ý, đứng dậy nghiêng mình chào hai người rồi đi ra ngoài.

Quách Gia Mộc vẫy tay xua nốt người hầu ra ngoài. Trong phòng chỉ còn lại hai người, họ vừa uống rượu vừa bàn tính phương cách đối phó với kẻ thù chưa lộ diện.



Vương Chính cột ngựa vào một gốc cây, bước lại bên bờ suối, hắn soi mặt xuống dòng nước trong vắt, cúi xuống hớp vài ngụm đoạn vốc nước rửa mặt, dòng nước mát lạnh làm cho hắn tỉnh táo sau gần nửa ngày trên lưng ngựa. Trời đã về chiều, ước lượng còn chừng hơn ba chục dặm đường là về đến nơi, Vương Chính tháo bọc hành trang trên ngựa xuống, lấy lương khô ra ăn. Vừa ăn hắn vừa suy nghĩ đến cuộc gặp gỡ Thiết thủ Hồ Quyền vừa qua, Hồ Quyền thật đúng là một tay cao thủ, trầm tĩnh, lạnh lùng và ít nói. Hồ Quyền đã nhận lời giúp với giá khá cao là 70 chục lượng vàng, hẹn trong vòng ít ngày sẽ có mặt tại dinh Tổng Đốc họ Triệu. Nhớ lời Triệu Thiên Cảnh hắn

lập tức ứng ngay cho Hồ Quyền ít vàng nén rồi trở về báo tin cho Triệu Thiên Cảnh biết để ngày mai xuống phía Nam gặp Thần Tiên Khiết Dương nữa. Vương Chính mỉm cười khi nghĩ đến tật háo sắc của Khiết Dương, hẳn nhũ thắm:

- Chắc phải nhờ Thúy Liễu mới xong!

Thúy Liễu là người kỹ nữ nổi tiếng của Bát Tiên Lâu, một thanh lâu nổi tiếng ở thị trấn Nam An, cách Phúc Thành hơn chục dặm, nàng đàn hát hay, lại xinh đẹp và duyên dáng, không hiểu sao lại trôi giạt vào chốn thanh lâu? Vương Chính yêu nàng tha thiết, nhưng Thúy Liễu dường như không yêu hắn, nàng đối với hắn có phần đặc biệt hơn với khách hào hoa phong nhã khác, nhưng bao giờ cũng giữ khoảng cách, có lẽ vì nàng phải dựa vào Vương Chính để không bị người khác quấy nhiễu. Cả tháng rồi Vương Chính quá bận bịu công việc nên không ghé thăm Thúy Liễu, chuyến này về phải đến thăm nàng mới được, nghĩ đến lúc kề cận bên người đẹp Vương Chính xao xuyến cả người, hẳn vút miếng lương khô vào một bụi cây, nằm xuống bãi đất nhớ về Thúy Liễu.

Đang mơ màng Vương Chính giật mình khi chợt nghe tiếng sáo vắng vắng đâu đây. Hắn ngồi bật dậy, đảo mắt nhìn quanh. Tứ bề vắng lặng, chỉ có điệu sáo vang lên thoát đầu buồn bã, sau trở nên thể lương, ai oán. Vương Chính lẩm bẩm:

- Người này ắt hẳn phải có công lực ghê ghớm lắm, tiếng sáo ở xa, nghe tuy nhỏ mà xoáy vào tai người như là đứng bên cạnh.

Hắn đứng yên lắng nghe để tìm vị trí người thổi. Định được phương hướng, hắn dùng quy tức công, nín thở, nhẹ nhàng lần theo bờ suối đi tới. Càng tới gần tiếng sáo nghe càng rõ, Vương Chính giật mình khi nhận ra người thổi sáo chính là chàng trẻ tuổi đã gặp trong tủu quán Kỳ Phương, cùng lúc đó hắn cảm thấy nhộn nhạo khó chịu trong người, máu huyết, kinh mạch như bị đảo lộn hẳn lên, tứ chi rũ liệt đi, tay hắn đã đặt lên chuỗi kiếm mà không sao rút ra được. Vương Chính sợ hãi toát mồ hôi hột, lần đầu tiên trong đời hắn rơi vào một tình trạng nguy hiểm lạ kỳ. Vừa lúc đó tiếng sáo chợt ngưng bật, chàng trẻ tuổi

đứng dậy, trên khuôn mặt thanh tú đầy nét u buồn hai dòng nước mắt chảy xuống má. Vương Chính há hốc mồm, đứng yên nhìn ống sáo dài đen tuyền có hình dạng kỳ dị, chẳng hiểu làm bằng gì trên tay chàng trẻ tuổi. Chàng trẻ tuổi cầm ống sáo đưa cao lên ngang mặt rồi bất ngờ vung tay múa tít.

Trời đất bỗng nhiên tối sầm hẳn lại, gió thổi ào ào, cát bụi bay mù mịt tạt vào mặt Vương Chính rất rát... Hắn cố gắng thêm mấy lần nữa để rút kiếm ra tấn công mà không được, tay chân dường như bị điểm huyết không nhúc nhích gì được nên đành đứng yên nhắm mắt chịu trận. Một lúc sau, khi mọi vật đã trở lại yên tĩnh, Vương Chính mới mở mắt ra, hẳn sững sờ không thấy bóng dáng chàng trẻ tuổi đâu nữa. Vương Chính lạnh người, là một kiếm thủ dù chưa phải là vô địch nhưng tương đối có danh trong chốn giang hồ, đụng trận cũng đã nhiều, thế mà hắn đã không phản ứng gì được. Nhớ lại lời của tên gia nhân nhà họ Quách, hẳn rừng mình, lưng ướt đẫm mồ hôi, không ngờ tình cờ hắn lại gặp mặt kẻ đang bị mình truy nã trong một tình huống không lấy gì làm vinh dự cho lắm. Cũng may là chàng trẻ tuổi đã không nhìn thấy hắn, nếu không thì chắc cái mạng của hắn chẳng khác gì Xích Long hay Quách Nhưượng.

Thở dài một tiếng, Vương Chính chán nản quay trở lại chỗ cột ngựa, hẳn biết mình chẳng bao giờ có thể là đối thủ của chàng trai trẻ, hy vọng ở Hồ Quyền và Khiết Dương xem chừng cũng rất là mong manh. Đang loay hoay cởi dây cột ngựa, con vật chợt hí lên một tiếng dài đầy sợ hãi, vùng vẫy, giật tung vó lên cao. Vương Chính chỉ thoáng ngạc nhiên, hẳn buông dây ra cho con ngựa chạy đi khi ngửi thấy một mùi hôi nồng nặc xộc vào mũi, mùi hôi không thể làm lẫn được của chúa sơn lâm. Kinh nghiệm đi rừng cho biết hẳn đang ở trong tình trạng cực kỳ nguy hiểm, chỉ một cử động sơ sẩy hẳn sẽ khó bảo toàn tính mạng vì mùi hôi nồng như vậy chắc chắn chúa sơn lâm đã đến rất gần. Vương Chính nín thở đứng yên, đảo mắt nhìn quanh, ánh mắt của hắn chạm phải cặp mắt của một con hổ vằn thật lớn chỉ cách hắn chừng hai trượng, đang chăm chăm nhìn hắn như thôi miên. Hai bên nhìn nhau một lúc, Vương Chính thở ra nhẹ

nhẹ, hẳn biết tình trạng này không thể kéo dài nên từ từ đặt tay lên đốc kiếm cùng lúc đó con hổ cũng rùn chân xuống chuẩn bị phóng tới. Nhưng kiếm của Vương Chính chưa ra khỏi vỏ thì trời đã tối sầm lại, gió bụi nổi lên ào ào, xen vào đó là một tiếng gầm khùng khiếp rung động cả cánh rừng. Tất cả chỉ xảy ra trong thoáng mắt, gió bụi tan đi thì chúa sơn lâm đã nằm gục trên mặt đất, không nhúc nhích. Vương Chính thở ra một tiếng đi lại vạch xác con hổ ra xem xét, hẳn đoán không lầm, chỉ có một ít máu chảy ra từ một vết đâm nhỏ xíu ở sau lưng ra trước ngực con hổ. Vương Chính thở dài đứng dậy, hoang mang nhìn quanh, vô tình hay hữu ý, chàng trẻ tuổi đã cứu mạng hắn?

Về đến dinh Triệu Thiên Cảnh, thấy phòng làm việc của ông còn ánh đèn sáng, Vương Chính giao ngựa cho một tên lính canh, hấp tấp đi vào phòng họ Triệu báo cáo tình hình. Vương Chính quyết định giấu kín những việc xảy ra trong cánh rừng vì nghĩ cho cùng, nói ra không có lợi cho hắn mà còn làm cho Triệu Thiên Cảnh hoang mang hơn. Chỉ bằng cứ để đó, có xảy ra chuyện gì sẽ tìm cách ứng biến sau.

Triệu Thiên Cảnh ngồi nghe, khuôn mặt ông hơi nhăn lại khi biết Hồ Quyền đòi giá 70 lượng vàng cho việc trợ thủ tìm diệt kẻ sát nhân. Tuy nhiên ông chẳng nói gì, chỉ hỏi thêm khi hắn dứt lời:

- Ngày mai người đi gặp Khiết Dương?

Wương Chính gật đầu, Triệu Thiên Cảnh suy nghĩ một lúc, ông lấy thêm một ít vàng vụn trao cho Vương Chính:

- Người cầm cái này mà tiêu pha dọc đường!

Wương Chính có vẻ xúc động:

- Bẩm quan lớn! số vàng quan lớn trao thuộc hạ chỉ mới ứng trước cho Hồ Quyền một ít làm lệ phí đi đường, phần còn lại thuộc hạ vẫn giữ nguyên chưa dùng tới.

Triệu Thiên Cảnh gật đầu:

- Ta biết người là người thiện tận dù người về với ta chưa lâu. Tuy nhiên khi gặp việc, người không được hà tiện, có nhiều việc cần phải rộng rãi mới xong được.

Wương Chính chẳng phải kẻ không hiểu chuyện giang hồ, nhưng vì chưa

hiểu rõ tính khí của họ Triệu nên hẳn không dám vung tay, giờ được lệnh, hẳn mừng rỡ cúi đầu, vòng tay:

- Đa tạ lời dạy của quan lớn!

Triệu Thiên Cảnh phát tay:

- Thôi! người về nghỉ ngơi để sáng mai còn khởi hành sớm!

Vương Chính dạ một tiếng rồi quay ra, trở về phòng riêng của mình. Hắn tắm rửa, ăn uống xong leo lên giường nằm nghỉ, định bụng ngủ một giấc rồi đi sang Nam An thăm Thúy Liễu, đồng thời nhờ nàng cùng đi gặp Khiết Dương. Nhưng dù mệt mỏi Vương Chính vẫn không ngủ được, khuôn mặt chàng trẻ tuổi với hai dòng nước mắt và ống sáo lạ lùng khiến hắn băn khoăn, trăn trở xoay trở mãi.

Nằm mãi không ngủ được Vương Chính bực mình ngồi dậy, thay quần áo dạ hành, đeo kiếm vào người đi ra ngoài. Thấy đèn đuốc mấy trạm gác trong dinh vẫn sáng, hắn yên tâm định đi xuống chuồng ngựa thì chợt nghe tiếng người nói lao xao rồi tiếng quát tháo của lính canh ngoài cổng, Vương Chính ngạc nhiên hấp tấp bước ra:

- Có chuyện gì đó?

Thấy Vương Chính, hai tên lính gác cổng mừng rỡ chỉ tay vào một người đang bị hai ngọn giáo của họ chặn lại:

- Báo cáo đội trưởng! Tên tiểu tử này giữa đêm hôm khuya khoắt xin đến gặp Triệu Tổng Đốc, bọn thuộc hạ đã giải thích là không được, có gì phải chờ tới sáng mai nhưng hắn cứ cương quyết đòi gặp gấp, nói là có chuyện quan trọng không chờ được. Hỏi chuyện quan trọng gì hắn không chịu nói, bọn thuộc hạ nghĩ là thích khách nên đang định báo động...

Vương Chính đưa mắt quan sát người khách lạ, dưới ánh sáng của hai ngọn đuốc lớn hắn thấy người lạ chỉ là một thanh niên trạc độ 20, 22 tuổi, y phục có vẻ phong trần, hông dắt trường kiếm, lưng đeo sáu lưỡi đao nhỏ, dài, chìa lên trời, khuôn mặt khô ngô nhưng cặp mắt sắc lạnh. Hắn chợt nhớ ra có lần thoáng nghe trong một túm quán về một tay cao thủ còn rất trẻ chuyên sử dụng sáu ngọn phi đao nên nhẹ nhàng gạt hai lưỡi giáo trên ngực người lạ ra tươi cười:

- Nếu Vương Chính này không làm thì tiểu huynh đệ đây là Lục Phi đao Đường Thanh có phải không?

Người khách lạ vòng tay:

- Không dám! Chút danh mọn không ngờ cũng đến tai Vương đội trưởng.

Vương Chính cũng vòng tay:

- Đường huynh đệ đến đây giữa đêm khuya ắt hẳn có việc quan trọng?

Đường Thanh chồm người tới thì thào vào tai Vương Chính mấy câu khiến hắn giật mình kêu lên:

- Thật ư? Đường huynh đệ chờ đây một chút!

Nói xong Vương Chính đi vội vào trong, lát sau dẫn ra hai con ngựa, trao cho Đường Thanh một con, hắn quay lại nói với hai tên lính gác cổng:

- Sáng mai nếu ta không về thì nhớ báo cho Triệu Tổng Đốc biết là ta đi gặp Khiết Dương luôn nghe!

Chưa nói dứt lời hắn đã rút lấy một ngọn đuốc, phóng người lên ngựa giật cương chạy đi, Đường Thanh cũng vội vã chạy theo. Trời tối nhưng Vương Chính có vẻ thuộc đường, hắn dẫn họ Đường đi đường tắt, chạy xuyên qua một cánh rừng, vừa chạy vừa nhìn các vì sao để nhắm hướng, một lúc sau hai người đã đến thị trấn Nam An. Vương Chính mới chạy chậm lại, hắn hỏi Đường Thanh:

- Đường huynh đệ chắc chắn tên tiểu tử đó còn đây chứ?

Đường Thanh gật đầu quả quyết:

- Hắn không thể đi xa được vì đã bị tại hạ phóng phi đao trúng vào vai, tại hạ thấy rõ hắn lao đảo muốn té nhưng rồi gượng nhảy lên ngựa chạy đi được. Tiếc quá! Khi đó tại hạ không có ngựa chứ nếu không thì hẳn đã không thoát được.

- Sao Đường huynh đệ biết là hắn chạy về đây?

- Lúc trời vừa sẩm tối, tại hạ bất ngờ gặp hắn ở bìa rừng cách đây hai dặm, hắn đang ngồi ăn cơm chiều, ngựa ở bên cạnh. Vừa thấy hắn, tại hạ động thủ ngay vì biết chậm trễ sẽ mất ưu thế. Quả nhiên hắn không kịp phản ứng, trúng một phi đao của tại hạ ngã bật ra sau, nhưng lao đảo đứng dậy được, nhảy lên ngựa thoát đi theo hướng vào thị trấn Nam An này. Hắn bắt buộc phải tìm người băng bó vết thương ngay vì nếu không máu ra nhiều sẽ chết. Vương đội trưởng xem đây thì biết!

Nói xong Đường Thanh rút một lưỡi đao sau lưng trao cho Vương Chính, lưỡi phi đao có một đường rãnh dài chạy dọc theo lưỡi, Vương Chính hiểu

ngay công dụng của đường rãnh đó, người bị trúng đao sẽ mau kiệt sức vì máu sẽ thoát ra theo rãnh trên đao. Vương Chính không ngờ Đường Thanh còn trẻ mà đã sử dụng vũ khí thâm độc như vậy, hẳn nhủ thầm trong bụng phải đề phòng tên Lục Phi Đao này mới được.

Hai người thả ngựa đi chậm chậm theo con phố. Nam An là thị trấn lớn thứ hai của tỉnh Nam Hoa sau Phúc Thành nhưng chắc cũng đã quá giờ Hợi nên đa số hàng quán đã đóng cửa, chỉ còn vài ngọn đèn lồng sáng rải rác ở các lối đi, từ lâu... Vương Chính dự tất đốc nhắm hướng Bát Tiên Lâu đi tới.

Đến nơi, dù thấy cửa đã đóng nhưng Vương Chính vẫn ra hiệu cho Đường Thanh cột ngựa lại. Bên trong đèn vẫn sáng, tiếng đàn hát vẫn vang ra diu dặt, nho nhỏ, Vương Chính đưa tay gõ cửa. Từ trong một giọng nói nhỏ nhẹ vang lên:

- Ai đó? Quán đã đóng cửa! Mời quý khách ngày mai trở lại.

- Vương Chính đây!

Có tiếng lách cách rồi một khuôn mặt sơn phấn lộ ra, kêu lên vui vẻ:

- Ủa! Vương đội trưởng!

Cánh cửa mở rộng, Vương Chính cùng Đường Thanh đi vào, cô gái vừa mở cửa nhìn nét mặt Vương Chính, đoán biết có việc nghiêm trọng nhưng vẫn tươi cười:

- Có việc gì mà Vương đội trưởng đến khuya thế? Chị Thúy Liễu hôm nay bị bệnh không tiếp khách được, Vương đội trưởng cảm phiền.

Vương Chính hơi thất vọng trong lòng, nhưng ngoài mặt vẫn thản nhiên, hắn khoát tay:

- Không sao! Hồng Nhung đem cho tại hạ cùng tiểu huynh đệ đây một bình rượu nóng và ít đồ nhắm!

Nói xong hắn đưa mắt ra hiệu cho Đường Thanh, hai người chọn một chiếc.

Cô gái tên Hồng Nhung đi vào trong, lát sau bưng ra một chiếc khay, trên có bình rượu, hai cái ly, một đĩa đồ nhắm nhỏ và hai đôi đũa. Chờ cho Hồng Nhung sắp xếp các thứ lên bàn xong, Vương Chính quay sang nói nhỏ vào tai Đường Thanh mấy câu đoạn đứng lên:

- Hồng Nhung tiếp tiểu huynh đệ đây dùm tại hạ! Tại hạ lên hỏi thăm Thúy Liễu một chút!

Chưa dứt câu, hấn đã lách người bước đi khiến Hồng Nhung ngỡ ngác không kịp phản ứng. Vương Chính đi thẳng lại phòng Thúy Liễu, thấy cửa phòng đóng chặt, hấn định đưa tay lên gõ cửa, nhưng chợt nghe dường như có tiếng thì thào nói chuyện trong phòng nên khựng lại. Hấn định thần cố lắng tai nghe, nhưng tiếng nói chuyện quá nhỏ nên hấn không nghe được điều gì. Đúng như thế một lúc thấy bất tiện, hấn quyết định đưa tay gõ cửa. Tiếng người nói chuyện im bặt rồi tiếng Thúy Liễu hỏi vọng ra:

- Ai vậy?

Đã có chủ ý, Vương Chính nhỏ nhẹ trả lời:

- Vương Chính đây! Nghe nàng bị bệnh, lòng ta lo lắng nên vội đến thăm!

Im lặng một lúc, Thúy Liễu mới lên tiếng:

- Đa tạ Vương huynh! Tiện nữ hôm nay rất tiếc, khó chịu trong người nên không thể tiếp khách, mong Vương huynh thông cảm.

Wương Chính vội nói:

- Hồng Nhung đã nói với ta chuyện đó! Nhưng ta có việc quan trọng muốn nhờ nàng, để chậm trễ e hỏng việc.

Có tiếng thở dài, rồi Thúy Liễu mở hé cửa ra, khuôn mặt xinh đẹp có vẻ mệt mỏi:

- Việc quan trọng lắm sao mà Vương huynh nửa đêm còn tất tả như vậy?

Wương Chính gật đầu, vừa thì thầm vào tai Thúy Liễu ý định nhờ nàng thuyết phục Khiết Dương, vừa cố gắng đưa mắt qua khe cửa nhìn vào bên trong, nhưng cánh cửa mở chỉ hé ra, hấn không nhìn thấy được gì. Trong lúc Thúy Liễu ngần ngừ chưa biết phải quyết định ra sao thì trong phòng chợt có tiếng Mô Phật rồi một giọng nói thật nhẹ và trầm nhưng cũng thật rõ vang lên:

- Liễu cô nương! Nên mời Vương đội trưởng vào trong nói chuyện! Đúng ngoài bất tiện!

Nghe vậy Thúy Liễu vội lùi lại, mở lớn cửa, hơi cúi người đưa tay ra dấu mời. Vương Chính bước vào, hấn ngạc nhiên khi thấy một nhà sư trạc ngũ tuần, khuôn mặt phúc hậu với đôi mắt thật sáng đang ngồi ở chiếc bàn trong phòng, trước mặt là mấy chén thuốc

còn nóng, hơi bốc lên nghi ngút. Thúy Liễu đưa tay chỉ chiếc ghế còn trống bên cạnh nhà sư nói:

- Đây là sư Chính Tâm! Xin mời Vương huynh!

Wương Chính vòng tay vái nhẹ nhà sư rồi ngồi xuống, đầu óc hấn hoang mang xoay chuyển với nhiều ý nghĩ. Sư Chính Tâm gọi chuyện trước:

- Vương đội trưởng công việc đa đoan nhỉ? Đã giờ Tí rồi mà còn tất bật việc quan nha!

Wương Chính giật mình, hấn vốn dĩ là kẻ ít để ý những người tu hành, cũng chưa hề biết hay nghe nói sư Chính Tâm này là ai nên hơi bối rối, ngỡ rằng sư Chính Tâm đã nghe được chuyện của mình nói với Thúy Liễu, hấn nhỏ nhẹ hỏi nhưng ánh mắt đầy nghi ngờ, dò xét :

- Đêm hôm khuya khoắt, Hòa Thượng sao không ở chùa tu hành, niệm Phật, đến chốn này làm gì?

Thúy Liễu vừa bung ra một chén rượu hâm nóng đặt xuống bàn, nghe Vương Chính hỏi vậy, tái mặt, ấp úng chưa kịp nói gì thì sư Chính Tâm cười nhẹ:

- Vương đội trưởng chớ nên nhìn ngoại cảnh mà luận chân tướng! Đội trưởng há chẳng nghe, thứ nhất là tu tại gia, thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa ư? Tâm đã vững thì xá chi ngoại cảnh?

Chỉ mấy chén thuốc trên bàn, sư ngừng lại một lúc rồi mới tiếp:

- Có người bệnh nguy kịch nên bần Tăng phải thân hành đến đây sắc thuốc, chẩn bệnh.

Wương Chính tròn mắt quay qua nhìn Thúy Liễu:

- Nàng bị bệnh nặng vậy ư?

Thúy Liễu cúi mặt nhìn xuống đất, gật đầu nhẹ. Vương Chính đứng lên, bước tới cầm lấy tay nàng, dịu dàng:

- Xin lỗi! Ta tưởng nàng chỉ bị bệnh qua loa nên mới tự tiện quấy rầy như vậy. Thôi nàng hãy nghỉ ngơi đi, ta xin kiếu. Để ta đi gặp Khiết Dương xong, khi về sẽ đến thăm nàng.

- Mô Phật! Đội trưởng muốn đi gặp Khiết Dương, bần Tăng e đã trễ!

Sư Chính Tâm bất ngờ nói chen vào. Vương Chính giật bắn người, hấn tưởng mình nghe lầm nên quay sang nhà sư, hỏi vặn:

- Hoà Thượng nói sao? Chuyện gì đã xảy ra cho Khiết Dương?

- Cách đây ít ngày; cây Thập liên tiền của họ Khiết đã bị đánh cắp, hấn không dám cho ai hay kể cả thuộc hạ vì sợ mất mặt, đồng thời sợ kẻ thù nhân đó tấn công.

- Tại sao Hoà Thượng lại biết chuyện đó?

Sư Chính Tâm không trả lời Vương Chính, ông đứng lên, nói như dặn Thúy Liễu:

- Ba chén thuốc, uống làm ba bận, cách nhau ít giờ, độ vài ngày thì bình phục. Con chớ khá lo nghĩ!

Nói xong ông vén áo đứng dậy, đi ra cửa. Thúy Liễu cũng không hỏi gì thêm, chỉ vòng tay vái chào. Thái độ của hai người khiến Vương Chính bức tức, hấn rút kiếm ra, chận ngay ngực sư Chính Tâm gần giọng:

- Khoan đã! Hòa Thượng chưa trả lời câu hỏi của tại hạ.

Sư Chính Tâm không có vẻ gì là sợ hãi, ông đẩy nhẹ lưỡi kiếm của Vương Chính ra, nhìn thẳng vào mắt hấn nói nhỏ:

- Mô Phật! Vương đội trưởng nên thận trọng! Kẻ nào sống bằng đao kiếm sẽ chết vì đao kiếm. Hãy về nói với Triệu Tổng Đốc, cuối tuần trăng này Chính Tâm sẽ đến thăm Tổng Đốc.

Sự an nhiên tự tại của sư Chính Tâm làm Vương Chính chột dạ, hấn thu kiếm lại tra vào vỏ, bước tránh sang một bên. Sư Chính Tâm không nói gì thêm, khoan thai bước đi, chỉ vài bước ông đã khuất dạng. Vương Chính thử người ra suy nghĩ một lúc rồi quay lại nhìn Thúy Liễu, thấy nàng vẫn đứng yên lặng, hấn hiểu ý ra hiệu chào nàng rồi đi ra cửa.

Xuống tới nhà dưới, thấy Đường Thanh vẫn ngồi uống rượu bên cạnh Hồng Nhung, hấn ngoác tay ra dấu cho Đường Thanh đứng dậy. Hai người đi ra cửa, Đường Thanh có vẻ nôn nóng, nhìn hấn dò hỏi. Vương Chính lắc đầu:

- Không có gì lạ! Chỉ gặp Thúy Liễu và một nhà sư tên Chính Tâm...

(Còn tiếp)



Thơ Văn

Nói chuyện về bài thơ *Phong Kiều* *Dạ Bạc*

✦ **Huyền Thanh Lữ**



Đã mấy tháng rồi không có thì giờ ngồi cùng anh em bạn trẻ nói chuyện chính trị, văn chương, nên cũng nhớ nhỏ.

Bỗng có tiếng chuông điện thoại reo.

-A lô, Đạo đây, ai đó ?

-Kỳ Quang đây, Anh Đạo có khỏe không ?

-Vẫn nhì nhằng, nghĩa là có khá hơn, nhưng chưa thật khỏe hẳn.

-Nếu anh rảnh, chiều nay, em và mấy người bạn sẽ ghé chơi.

-Được, cứ đến, anh sẵn sàng đón tiếp và thanh đàm với các em cho vui.

-Vây, 3 giờ chiều, chúng em sẽ đến nhé.

.....

Đúng 15 giờ thiếu 5 phút, có tiếng chuông nhà reo. Mở cửa, đã thấy Kỳ Quang và mấy người bạn của Quang.

-Mời tất cả các em vào nhà.

Sau khi yên vị, Quang giới thiệu.

-Thưa anh, đây là Đồng, đến Kỳ, rồi Trần là bạn em, và đây là anh Đạo chủ nhà mà tôi vẫn thường nói chuyện về anh với các bạn. Hôm nay tất cả biết nhau.

-Chào tất cả các em, *tử hải giai huynh đệ* mà. Các em là bạn của Kỳ Quang cũng là bạn của tôi vậy. Miễn là trước sau như nhất, giữ trung tín và tương kính thì sẽ được lâu bền. Tôi hy vọng chúng ta sẽ thắt chặt dây liên lạc càng ngày càng thân thiết hơn.

....

-Như đã hứa với Kỳ Quang, có lẽ đã lâu lắm rồi, nay có thể nói được về bài thơ *Phong Kiều Dạ Bạc* của Trương Kế. Sau một thời gian dài tìm

kiếm tài liệu liên quan, tuy chưa thật hài lòng nhưng cũng tạm gọi là có chút ít, đành lấy chút ít ấy nói chuyện với các em hôm nay. Tôi cố gắng trình bày theo đúng tài liệu, còn phần nhận định chỉ nêu ra để mọi người cùng suy nghĩ. Các em dùng trà và bánh ngọt đi đã.

....

Về bài thơ này, có một số vấn đề cần phải nêu rõ và hiểu cho chính xác như : *Tựa bài thơ, đối sầu miên, Hàn San tự, Cô Tô, bán chung thanh, v. v...*, còn phần thưởng thức thì tùy ở các em, mỗi người có một tần số về vấn đề này tùy theo kiến văn, kinh nghiệm.

✦

Xin đọc lại toàn bài thơ :

夜半鐘聲到客船
江楓漁火對愁眠
月落烏啼霜滿天
江上漁火對愁眠
月落烏啼霜滿天
江上漁火對愁眠
月落烏啼霜滿天
江上漁火對愁眠
月落烏啼霜滿天
江上漁火對愁眠

PHONG KIỀU DẠ BẠC

*Nguyệt lạc ô đề sống mãn thiên,
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên.*

*Cô Tô thành ngoại Hàn San tự,
Dạ bán chung thanh đảo khách
thuyền.*

Trước nhất kể qua tiểu sử của Trương Kế để các em nắm vững về khoảng thời gian mà tác giả bài thơ đã sống.

Trương Kế, tự Ý Tôn, quê Nam Dương (nay thuộc Hà Nam), lại có thuyết cho rằng quê ở Dương Châu (nay là Tương Dương, Hồ Bắc), năm sinh năm mất vô khả khảo. Chỉ biết ông đỗ Tiến Sĩ trong niên hiệu Thiên Bảo (742-755), cuối niên hiệu Đại Lịch (766-775) từng lãnh chức Kiểm Hiệu Từ Bộ Viên Ngoại Lang, Hồng Châu Diêm Thiết Phán Quan. Còn để lại Trương Từ Bộ Thi Tập. Theo cuốn Toàn Đường Thi, thơ của ông còn lại 47 bài, trong đó có 7 bài nghi ngờ là của người khác chép vào. Nếu đúng, thì chỉ còn lại 40 bài thôi.

A. Tìm hiểu một số từ quan trọng :

1. Về tên bài thơ :

-Theo cuốn Trung Hưng Nhân Khí Tập : tên bài thơ là **Dạ Bạc Tùng Giang**.

-Theo cuốn Văn Uyển Anh Hoa : tên bài thơ là **Phong Kiều Dạ Bạc**.

Trung Hưng Nhân Khí Tập : do Cao Trọng Vũ (?-?) người đời Đường, tuyển chép thơ đời Đường trong khoảng thời kỳ Túc Tông (756-762), Đại Tông (763-775) của Tiền Khởi (710?-780?) và 26 người khác gồm 132 bài thơ. Mỗi tác giả đều có thêm ở trên một bình luận giản dị và ngắn. Trong thời kỳ này vừa bình định xong loạn An-Sử, văn giáo trung hưng, nhân tài xuất hiện, cho nên lấy tên là Trung Hưng Nhân Khí.

Văn Uyển Anh Hoa : Triều đại Triệu Tống (960-1279), thời vua Thái Tông (trị vì :976-997), niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-983) năm thứ 7 tức là năm Nhâm Ngọ (982) các ông Lý Phưởng, Hồ Mông, Từ Huyền, Tống Bạch biên soạn, Tô Dị Giản, Vương Hựu tu sửa tiếp tục, tới năm thứ 3 niên hiệu Ung Hi (984-987), tức là năm Bính Tuất (986) thì sách hoàn thành, gồm 1000 quyển, sao chép từ cuối triều Lương thời Nam triều đến cuối đời Đường gồm hơn 2 ngàn 2 trăm nhà thơ văn. Tác giả đời Đường chiếm 9/10 toàn bộ tác phẩm. Vào thời Nam Tống (1127-1279), Chu Tất Đại, Bành Thúc Hạ lại thêm phần tu chính hiệu đính, thành Văn Uyển Anh Hoa Biện Chứng gồm 10 quyển.

Như vậy tên bài thơ như ngày nay chúng ta biết là do cuốn Văn Uyển Anh Hoa đổi từ Dạ Bạc Tùng Giang thành Phong Kiều Dạ Bạc.

Toàn Đường Thi cũng như những cuốn thi tuyển khác đều chép theo Văn Uyển Anh Hoa.

Tùng Giang : là tên sông, phát nguyên ở Tây Hồ, dòng đông nam chảy qua các huyện Ngô Giang, Ngô huyện, Thanh Phố, Tùng Giang, Gia Định. Còn có các tên khác như Ngô Giang, Ngô Tùng Giang, Ngô Tùng, Nam Giang, Tùng Lăng Giang, Tô Châu Hà.

Phong Kiều : tên cầu ở phía tây Xương Môn, huyện Ngô, tỉnh Giang Tô. Vốn tên cầu với chữ Phong (bộ Thốn + chữ Khuê): phong tượng. Sau vì bài thơ của Trương Kế được nhiều người đương thời thích thú nên, đổi thành chữ Phong (bộ Mộc + chữ phong) : cây phong (Liquidambar formosana) (Ahorn) (Maple)... thuộc khoa kim lú mai, lá rụng cây cao, thân

cao 2, 3... trượng. Lòng lá chia 3 khía, đại khái giống như cái cùm tay chân, rìa lá có răng cưa nhỏ, cuối thu biến thành màu hồng, hay vàng rất đẹp. Ngày xuân nở hoa, hoa đơn tính, hoa đực hoa cái cùng một gốc, tụ họp như hình cái đầu, màu vàng thò. Hoa sau kết thành trái hình cầu, có gai mềm.

Sau này, Trương Hồ (?- sau 849) tự Thừa Cát, quê Thanh Hà (nay thuộc Hà Bắc), ở ẩn suốt đời, mới đầu ở Cô Tô, sau đến Trường An, mất khoảng niên hiệu Đại Trung (847-859), còn Trương Xử Sĩ Tập, có bài thơ :

PHONG KIỀU

*Trưởng Châu uyển ngoại thảo tiêu tiêu
Khước toản du thành tuệ nguyệt diêu
Duy hữu biệt thời kim bất vọng
Mộ yên sở vũ quá Phong Kiều.*

Tạm dịch như sau :

*Trưởng Châu cỏ úa ngoài vườn
Tháng năm nào tỉnh thành vồn dòng
sâu
Bây giờ thời khác mất đầu
Khói chiều mưa mỗi qua Cầu Cây
Phong*

- Theo nữ sĩ Trần Uyển Tuấn, Đường Thi Tam Bách Thủ bổ chú, thì :

Phong Kiều : sách Nhất thống chí chép Phong Kiều ở phía tây thành phủ Tô Châu 7 dặm, bắc nam qua lại ắt phải đi qua nơi này.

-Theo cuốn Đường Thi Tam Bách Thủ tân chú thì :

Phong Kiều : tên cầu, hiện nay ở phía tây thành Tô Châu, tỉnh Giang Tô.

2. Về câu 1 và 2 :

-Câu thứ nhất mọi chữ đều rõ ràng và dễ hiểu, hầu như các tác giả không chú thích gì thêm.

Tuy nhiên, theo cuốn Cổ Đường Thi Hợp Giải của Ngô Quận Vương Dục Vân lại chú thích như sau :

Nguyệt lạc : Đây là lúc thuyền đậu, vào lúc cuối canh tư đêm trăng ngày 13, hay ngày 14.

Ô đê :Ánh trăng rơi xuống, quạ đêm kinh sợ kêu, cũng vào lúc trời gần sáng.

Sương mãn thiên: Đến canh 5 sương rơi đầy trời. Canh tư vẫn chưa có.

Theo cuốn Đường Thi Giám Thưởng, Lưu Học Khải giải thích như sau :

Nguyệt lạc (trăng lặn, trăng tà) là tả sự trông thấy.

Ô đê (quạ kêu) là tả điều nghe được.

Sương mãn thiên (sương đầy trời): nếu là tả cảnh thì không phù hợp với cảnh thực tế tự nhiên vì sương nhiều ở dưới đất chứ không phải ở trên trời. Do đó, *sương mãn thiên* là tả cái cảm ngộ của tác giả vậy.

-Câu thứ 2 có nhiều chữ cần phải tìm hiểu kỹ lưỡng :

Thiên gia thi :

Ngủ hỏa : đèn bắt cá trên thuyền chài.

Hành Đường Thoái Sĩ , Đường Thi Tam Bách Thủ :

Ngủ hỏa : đèn trên thuyền chài.

Sầu miên : buồn không ngủ được.

Ngô Quận Vương Dục Vân ghi chú :

Giang phong : nơi đậu thuyền bên bờ sông có cây phong.

Ngủ hỏa : lửa chài soi trên lá cây phong ánh hồng cùng giọt lại mà dễ thấy.

Đối sầu miên : Trong lúc này, lũ khách Trương Kế chưa ngủ mà cây phong bên sông nơi có ánh lửa chài soi vào trong thuyền. Đứng là cùng với sầu miên hướng về nhau.

Kim Tính Nghiêu , Đường Thi Tam Bách Thủ Tân chú :

Giang phong : cây phong bên bờ sông.

Đối sầu miên : Sầu miên nhân : Người ngủ buồn, (thật ra là vì buồn mà không ngủ được) và lửa thuyền chài cùng hướng về nhau.

Sầu miên : người sau, nhân vì bài thơ của Trương Kế lấy ra để chỉ tên ngọn núi.

Lưu Học Khải , Đường Thi Giám Thưởng Tập Thành, thưởng san :

Giang phong -ngủ hỏa : một tĩnh, một động -một tối, một sáng -một giang biên -một giang thượng.

Sầu miên : nỗi u hoài của lũ khách.

Đối sầu miên : ở đây là bao hàm ý sâu xa : **bạn**, chẳng qua không lộ chữ **bạn** mà thôi.

Đúng là cảnh đơn chiếc của lũ khách đối diện với sương đêm, cây

bến, lửa chài, cứ dồn dập lộn vờn quanh nổi sầu. Đồng thời còn chứa cảnh đẹp thanh nhā mà lũ khách cảm thụ.

Cứ khách quan thì như phảng phất chữ **đối** ở trong ấy vậy, như là có thể cảm thấy, lũ khách trong thuyền và cảnh vật ngoài thuyền có một sự giao tiếp kết hợp bằng không lời vậy.

Bản dịch Bạch thoại của cuốn Đường Thi Tam Bách Thủ của Hành Đường Thoái Sĩ, dịch câu thứ hai như sau :

*Giang biên đích phong thụ, hòa ngư
thuyền thượng đích đặng quang, chính
đối trước ngā giá cá úu sầu bất đắc
thành miên đích nhân.*

(trang 268)

Cây phong bên sông, và ánh đèn trên thuyền, hướng về cái nổi lo buồn không ngủ được của người khách.

Bản dịch của cuốn Thi Từ Hân Thưởng như sau :

*Giang ngạn thượng phong thụ nhất
ngạn chính ánh đối trước ngủ hỏa,
diện lâm giá giang thượng dạ sắc, bất
giác lũ sầu vô hạn.*

(tr. 217)

Cây phong bên sông hướng về ánh lửa chài, trước mặt cảnh đêm trên sông, bất chợt nổi sầu lũ thứ vô hạn.

Cũng xin cho biết thêm về các nghĩa của chữ **đối** theo Từ Nguyên:

-đối đáp, ứng đối.

-đối với, hướng về, đối trước.

-ngang tay.

-phối ngẫu, đôi lứa.

-hai hạt.

-1 loại của thể văn :

Tấu đối : Trình lên vua.

Đối sách : lấy chính sự, kinh sách để đối đáp.

-đối ngẫu, đối liên, đối tử,...

-từ chỉ số lượng : hai, đôi.

Câu 3 :

Cô Tô :

-theo cuốn Từ Nguyên (tu đính bản) : tên núi, ở tây nam huyện Ngô, tỉnh Giang Tô. Trên núi có đài Cô Tô tương truyền Ngô Phù Sai xây dựng lên. Người sau gọi trị sở của huyện Ngô là Cô Tô.

-theo Kim Tính Nghiêu : là tên riêng của Tô Châu, nhân vì ở phía tây nam có núi Cô Tô nên được tên vậy.

Hàn San tự :

-theo Từ Nguyên : tên chùa, ở phía tây thành Tô Châu gần Phong Kiều, tỉnh Giang Tô. Tương truyền nhà sư -thi sĩ Hàn San, Thập Đắc đã từng ở chùa này, nên chùa mới có tên như thế. Tên

chùa vốn là Diệu Lợi Phổ Minh Tháp Viện, lại có tên Phong Kiều Tự. Đến thời Triệu Tống, trong niên hiệu Gia Huy (1057-1064) đổi tên thành Phổ Minh Thiền Viện.

-theo Thi Từ Hán Thường :

tên chùa, ở huyện Ngô (Tô Châu) cách Phong Kiều 10 dặm về phía tây. Tương truyền hai nhà sư Hàn San, Thập Đắc đã từng ở nơi đây, nên có tên như vậy, bên trong chùa còn có tượng Hàn San và Thập Đắc.

-theo Trần Uyển Tuấn :

Chùa Hàn San ở phía đông Phong Kiều. Nhất thống chí cho biết chùa Hàn San ở phía tây thành phủ 10 dặm.

-theo Lưu Học Khải :

Hàn San tự : tên chùa ở cách Phong Kiều 1 dặm về phía tây, được xây dựng thời đại nhà Lương (502-556), đầu đời Đường (618-906), nhà sư thi sĩ Hàn San đã từng ở đó, nhân thế mà được tên.

Nhà sư thi sĩ Hàn San:

-theo Từ Hải :

Hàn San : tên một cao tăng đời Đường niên hiệu Trinh Quán (627-649), cũng gọi là Hàn San Tử ở núi Hàn Nham, huyện Thiên Thai, đi lại với nhà sư Thập Đắc ở chùa Quốc Thanh rất tốt, hay ngâm vịnh lời kệ, có phong cách như cuồng điên. Lữ Khâu Dận làm thứ sử Đái Châu nhận lời di chúc của thiền sư Phong Can tới yết kiến. Hàn San Tử và Thập Đắc cười nhạo rồi rời khỏi chùa. Lữ Khâu Dận tới Hàn Nham hỏi han nữa. Hàn San liền đi vào hang, hang tự nhiên đóng lại. Thơ phần nhiều là lời kệ viết ở tường nhà, gom lại được hơn 300 bài.

-theo Từ Nguyên (tư đính bản) :

Hàn San : nhà sư đời Đường, trong khoảng niên hiệu Đại Lịch (766-779) ở ẩn trên Thiên Thai, Thúy Bình Sơn. Núi này lại có tên Hàn Nham. Nhân vậy tự lấy hiệu là Hàn San Tử, hay làm thơ, cùng với nhà sư Thập Đắc giao tiếp rất tốt mà đều nổi tiếng. Còn lại hơn 300 bài thơ, đa số là những bài kệ. Người sau thu thập lại thành Hàn San Tử Thi Tập, có phụ thêm thơ của Thập Đắc ở sau.

Xem thêm :

Cảnh Đức truyền đăng lục 27.

Thiền tăng truyện 6.

Thái Bình Quảng Ký, 55, dẫn Tiên truyện thập di.

Chú ý :

Từ Nguyên và Từ Hải có một điểm không giống nhau rất quan trọng, xin nêu ra để cùng suy nghĩ :

Hàn San Tử ở đâu hay giữa đời Đường ? Bởi vì từ niên hiệu Trinh Quán (627-649) đến niên hiệu Đại Lịch (766-779) là một thời gian hơn 100 năm, vậy thì Từ Hải, hay Từ Nguyên chép đúng? Tôi chưa có tài liệu để xác định.

Câu 4 :

Dạ bán chung thanh = Dạ bán chung = Bán dạ chung = Phân dạ chung : chuông nửa đêm.

-theo Kim Tinh Nghiêu :

Thời ấy có thói quen thính chuông vào nửa đêm gọi là *vô thường chung* (tiếng chuông vô thường).

Đọc một số câu thơ văn có nói đến tiếng chuông nửa đêm để hiểu rõ vấn đề.

-Nam Sử, Khâu Trọng Phu truyện :

Thiếu hảo học, độc thủ, thường dĩ trung tiêu chung minh vô hạn.

Còn nhỏ ham học, đọc sách, thường lấy tiếng chuông vô hạn nửa đêm.

-Hoàng Phủ Nhiễm đồng thời với Trương Kế, trong bài Thụ Dạ Túc Nghiêm Duy Trạch, có câu :

Thu thâm lâm thủy nguyệt

Dạ bán cách sơn chung.

Thu thấu tới trăng nước

Nửa đêm cách núi chuông.

(Hoàng Phủ Nhiễm (714-767), quê Đôn Dương, tự Mậu Chính, còn nhỏ đã giỏi văn chương, Trương Cửu Linh (673-740) nói là người bạn nhỏ. Đỗ đầu Tiến sĩ năm Thiên Bảo thứ 15, nhận chức úy ở Vô Tích. Cùng em là Hoàng Phủ Tăng đều nổi danh về thơ, còn Hoàng Phủ Nhiễm Tập.)

-Lưu Ngôn Sử, bài Dạ Bạc Nhuận Châu Giang Khẩu, có câu :

Thiên thuyền hỏa tuyết hàn tiêu bán

Độc thính chung thanh giác tự đa.

Ngàn thuyền lửa hết đêm khuya lạnh

Chỉ vắng tiếng chuông biết chùa nhiều

(Lưu Ngôn Sử (?-?) quê Hàm Đan, cùng thời với Lý Hạ (790-816), thơ ca mỹ lệ, bạn thân với Mạnh Giao (751-814). Thơ ca có 6 quyển, nay chép vào 1 quyển).

-Hứa Hồn, bài thơ Ký Đề Hoa Nghiêm Vi Tú Tài Viện có câu :

Kim lai cố quốc dao tưởng ức

Nguyệt chiếu thiên san bán dạ chung.

Quê cũ bây giờ hồi tưởng tới

Trăng soi ngàn núi tiếng chuông đêm.

(Hứa Hồn (?-?) quê Đôn Dương, Nhuận Châu, tự Trọng Hối, dòng dõi của Hứa Ngũ Sư, đỗ Tiến sĩ niên hiệu Thái Hoà (827-835) năm thứ 6 tức là năm Nhâm Tí (832), làm quan tới chức Giám Sát Ngự Sử. Vì bệnh nên cáo quan về ở phía nam thành Nhuận Châu, Đĩnh Mão Kiều, Đĩnh Mão Trang, cho nên thơ của ông có Đĩnh Mão Tập. Thơ phần nhiều hoài cổ, luật thi rất hay).

-Bành Thừa (?-?), Tục Mặc Khách Huy Trì, có câu :

Dự hậu quá Cô Tô, túc nhất viện, dạ ngẫu văn chung thanh, nhân vấn tự tãng, giai viết : Cố hữu phân dạ chung, hạt túc quái hồ! Tâm văn tha tự giai minh.

Tôi sau đó đi qua Cô Tô, ngủ một đêm. Nửa đêm bỗng nghe tiếng chuông, nhân đấy hỏi vị tăng trong chùa, các vị đều nói : Đã có chuông nửa đêm, quái lạ lắm sao ! Thử nghe các chùa khác cũng có tiếng chuông đêm.

-Trần Vũ (?-?) có câu thơ :

Cách thủy du dưỡng ngộ dạ chung.

Chuông nửa đêm vắng vắng cách sông.

-Tôn Địch, có bài :

Quá Phong Kiều

Bạch thủ trùng lai nhất mộng trung

Thanh sơn bất cải cựu thời dung

Ô đề nguyệt lạc kiều biên tự

Ý chẩm do văn bán dạ chung.

Qua Phong Kiều

Đầu bạc lại về trong giấc mộng

Về xưa núi biếc chẳng gì thêm

Quạ kêu trắng rụng cầu bên tự

Dạ gối còn nghe chuông nửa đêm.

(Tôn Địch (1081-1169), tự Trọng Ích, quê Tấn Lăng (nay là Thường Châu, Giang Tô), đỗ Tiến sĩ niên hiệu Chính Hoà (1111-1117), làm quan. Sau về ở ẩn tại Thái Hồ hơn 20 năm. Thơ của Tôn Địch phần nhiều nói về thù tạc với bạn bè, dòng nước liền với núi rừng).

Âu Dương Tu (1007-1072) trong cuốn Lục Nhất Thi Thoại viết :

Thi nhân thường cầu hảo cú nhi lý hữu bất thông giá, diệc ngộ bệnh dã, Đường nhân hữu vân :

Cô Tô đài hạ Hàn San Tự,

Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.

Thuyết giả diệc vân, cú tắc giai hĩ, kỳ như tam canh bất thị đả chung thời.

Nhà thơ tham cầu câu hay mà lý chẳng thông, người đời Đường có nói :Dưới đài Cô Tô có chùa Hàn San, Nửa đêm tiếng chuông đưa tới thuyền khách. Ta cũng nói rằng : Câu thì hay vậy, như là canh ba không có tiếng chuông.

Diệp Thiểu Uẩn trong Thạch Lâm Thi Thoại nói rằng :

Cái công vị thường chí Ngô trung, kim Ngô trung tự thật bán dạ đả chung.

Đúng là ông (Âu Dương Tu) chưa từng đến Ngô Trung, nay các chùa ở Ngô Trung sự thật có tiếng chuông nửa đêm.

-theo Ngô Quận Vương Dục Vân :

Dạ bán : thật ra lúc này không phải nửa đêm. Lúc mà Trương Kế sầu miên, tâm thần hoang hốt ngỡ là nửa đêm vậy.

Chung thanh : tiếng chuông đến từ chùa Hàn San. Trời gần sáng mà Trương Kế đột nhiên tỉnh táo, ngỡ rằng nửa đêm vậy.

Tiếng chuông đầy sáng tới thuyền (*Chung thanh thôi hiếu khách thuyền tức đáo*). Trời gần sáng vậy, là đêm không ngủ, mà muốn ngủ cũng không ngủ được, oán giận tiếng chuông canh năm ngỡ rằng nửa đêm. Tinh thần và tình cảm của Trương Kế đều ở nửa đêm vậy.

Thẩm Đức Tiềm tác giả Đường Thi Biệt Tài Tập viết như sau :

Trần thị huyền điền chí xử văn chung tịet hoang lương liêu tịch khả như.
(trang 268)

Nơi ô nhiễm bụi bặm đầy nịch tiếng ồn ào, nghe tiếng chuông nơi hoang lạnh vắng vẻ có thể như thế.

Trong cuốn Đường Thi Giám Thường Tập Thành, Lưu Học Khải viết như sau : (dịch thoát)

Phong tục tập quán của tiếng chuông nửa đêm sớm đã thấy trong Nam Sử ghi chép, những đem vào thơ ca thành "điểm nhân" của ý cảnh là một sự sáng tạo của Trương Kế. Cùng thời với Trương Kế hay sau này, tuy không ít nhà thơ miêu tả tiếng chuông đêm, nhưng vẫn không có nét sáng tạo nghệ thuật hoàn chỉnh vậy.
(trang 765)

Đảo : đến, tới, đưa tới. Tiếng chuông nửa đêm đã được nhân cách hóa một cách tài tình để nói lên được sự tinh thức của tâm hồn.

Kim Tính Nghiêu kết luận như sau :

Vốn là một cây cầu bình thường, một hàng cây, một dòng sông, trải qua đề

vinh của nhà thơ, trở thành thắng tích lưu truyền xưa nay. Bản thân của thơ ca rất cần nghệ thuật, tài năng. Cảnh tự nhiên vô tình mà tài năng nghệ thuật cho vào thành ra có sự sống của tình cảm.

(Đường Thi Tam Bách Thủ tân chú trang 344)

Vậy, xin dịch xuôi bài thơ như sau:

Đêm Đưa Thuyền Ở Phong Kiều

Trăng đã ngả về tây, tiếng quạ kêu vang, sương xuống khắp nơi, Ánh lửa của thuyền chài, hàng cây phong bên bờ sông, trước nỗi buồn không ngủ được của lũ khách. Bên ngoài thành Tô Châu, có ngôi chùa Hàn San, Tiếng chuông nửa đêm đưa tới thuyền của lũ khách.

B. Một số dịch giả đã chuyển dịch bài thơ như sau :

Hồi còn ở trong nước, tôi đã sưu tầm được khoảng hơn mười bản dịch khác nhau, có chép mang theo khi ra đi, nhưng thất lạc rồi. Nay chỉ còn nhớ đôi ba bài :

1. *Trăng tà tiếng quạ kêu sũng
Lửa chài cây bến sầu vường giấc hồ
Thuyền ai đậu bến Cô Tô
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa
Hàn San.*
(Tân Đà : 1889 -1939)

2. *Quạ kêu, sũng tỏa, trăng lui,
Đèn chài cây bãi đối người nằm khô.
Chùa đâu trên núi Cô Tô,
Tiếng chuông đưa đến bên dò canh khuya.*
(Ngô Tất Tố : ?-?)

3. *Trăng tà, tiếng quạ lẫn sũng rời,
Sầu đượm hàng phong, giấc lửa chài.
Ngoài ải Cô Tô, chùa vắng vẻ,
Nửa đêm chuông vắng đến thuyền ai.*
(Trần Trọng San : ? -?)

Xin đọc bản dịch của tôi cách đây hơn 20 năm :

*Tiếng quạ trăng tà sũng khắp nơi
Lửa chài cây bến giấc sầu với
Thành Tô xa cách Hàn San tự
Đưa lại thuyền đêm chuông một hồi.*

C. Lời kết :

Đây là một chút tài liệu mà tôi đã sưu tầm được, nói chuyện để các em

nghe, còn vấn đề thưởng thức bài thơ thì tùy ở khả năng của các em.

Thành thật tha thiết khuyên các em, nếu muốn tìm hiểu thơ văn của cổ nhân thì phải hết sức cẩn thận, tra cứu kỹ lưỡng, rồi hãy viết hay nói, nhưng nhớ rằng "*nói có sách mách có chứng*", chứ đừng nói theo kiểu khơi khơi là tự mình đã coi thường mình vậy.

⊕

.....

-Xin phép anh , chúng em về.

-Các em về nhé, khi nào rảnh, chúng ta lại thanh đàm nữa.

• HUYỀN THANH LỮ

Chép lại :

Thiên san phố, Canh Thìn, ngũ nguyệt, thập nhật.

Tài liệu tham khảo chính :

1. Đường Thi Tam Bách Thủ. Thanh-Hành Đường Thoái Sĩ biên. Hương Cảng Nam Thiên Đồ Thư Công Ti xuất bản, Trung Hoa Dân Quốc năm thứ 58.
2. Đường Thi Tam Bách Thủ. Thanh - Trần Uyển Tuấn bổ chú. Thương vụ ấn thư quán xuất bản, không đề năm.
3. Thi Từ Hân Thường. Văn Hóa Đồ thư công ty ấn hành. không đề năm.
4. Cổ Đường Thi Hợp Giải. Ngô Quận Vương Dục Vân chú. thạch ấn năm Trung Hoa Dân Quốc thứ 2.
5. Toàn Đường Thi. Khang Hi ngự định. Quốc tế văn hoá xuất bản công ty tái bản lần thứ hai năm 1994.
6. Đường Thi Giám Thường Tập Thành. Ngũ Nam đồ thư xuất bản công ty ấn hành- năm Dân Quốc thứ 84, sơ bản lần thứ 2.
7. Đường Thi Tam Bách Thủ tân chú.Kim Tính Nghiêu. Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, ấn bản lần thứ ba, năm 1995.
8. Từ Hải. Đài Loan Trung Hoa Thư Cục, Trung Hoa Dân Quốc năm thứ 58.
9. Từ Nguyên. Tu đính bản. Thương vụ ấn thư quán. Bắc Kinh năm 1997.
10. Tống Thi Tam Bách Thủ. Kim Tính Nghiêu tuyển chú. Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã. Năm 1995, tái bản lần thứ nhất.
11. Đường Thi Biệt Tài Tập. Thanh. Thẩm Đức Tiềm biên. Trung Hoa Thư cục. năm 1980 trùng ấn.



Đoạn Trường Tân Thanh

*Tác phẩm tư tưởng của dân tộc Việt Nam
và của chung nhân loại.*

Nguyễn Thùy



"Đoạn Trường Tân Thanh" (gọi nôm na là Truyện Kiều), tác phẩm của Nguyễn Du (phóng tác quyển "Kim Vân Kiều truyện" của Thanh Tâm tài nhân, một tác giả Trung Quốc), từ ngày ra đời đến nay đã trở thành một kiệt tác của nền Văn học dân tộc Việt Nam. Tác phẩm không chỉ tiêu biểu thiên tài văn học của Nguyễn Du mà còn ảnh hưởng đến cả nền Văn hóa dân tộc nói chung vì đã đi sâu vào tâm hồn người Việt không chỉ từ ngày đó mà còn mãi mãi sau này. Do lời thơ vừa bác học vừa dân gian, do nghệ thuật miêu tả và tự sự sinh động, do cái súc tích của tâm hồn tác giả và cái nhìn sâu sắc về cuộc đời, cuộc sống xã hội, do cốt truyện cùng lời văn diễn đạt hầu hết mọi cảnh đời nhân gian nên bất kỳ ai, bất kỳ trong cảnh ngộ nào - vui, buồn, sướng, khổ, giận dữ, hờn ghen, xót thương, ai oán, hùng tráng, sầu bi, thành công, thất bại,...- cũng có thể viện dẫn đôi lời, đôi đoạn để diễn đạt tâm tư, tình ý trong từng thời điểm của cuộc sống riêng mình. Mỗi nhân vật trong tác phẩm, qua ngòi bút Nguyễn Du, đã trở thành điển hình cho từng hạng người trong xã hội. Nhận ra được ảnh hưởng lớn rộng và trường kỳ của tác phẩm đối với Văn hóa dân tộc, học giả Phạm Quỳnh đã

phát biểu như một khẳng định :
"Truyện Kiều còn, nước ta còn".

Trước nay, đã rất nhiều nhà biên khảo nêu ra tất cả những cái hay, cái đẹp, cái súc tích của "Đoạn Trường Tân Thanh" về đủ mọi phương diện: nghệ thuật, tình cảm, xã hội, triết lý, lòng nhân đạo của Nguyễn Du, bản cáo trạng hùng hồn lên án xã hội phong kiến thối nát,... Một đôi tác giả lại vạch ra tính cách tiêu cực, bi quan và nguy hại của tác phẩm đối với lứa tuổi thanh thiếu niên như đôi nhà nho Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế bảo "Truyện Kiều là dâm thư"; một số nhà biên khảo Cộng Sản như Nguyễn Bách Khoa bảo "văn chương truyện Kiều ủy mị, bạc nhược"; Đặng Thái Mai bảo "Nguyễn Du chưa đề ra được một chủ trương giải phóng phụ nữ", Truyện Kiều là tiếng nói bi quan, tiêu cực của một thời đại lịch sử, Nguyễn Du chưa phải là một nhà thi sĩ Cách Mạng đứng hẳn về lập trường đại chúng cần lao"; Trương Chính viết : "Nguyễn Du đã thấy những nỗi đau khổ của quần chúng bị áp bức, đã vạch trần cái thói tha bi ối của giai cấp thống trị, những khi ông muốn tìm một lối thoát thì ông lại lạc vào con đường mòn của Đào Tiềm, Lý Bạch và tuy ông không theo gót Lão Trang, Thích Ca nhưng ông đã nhiệm nhiều nợ độc của họ...". Gần đây nhất, ba nhà khoa bảng giáo sư, học giả, Kỹ sư Lê Hữu Mục, Phạm Thị Nhung, Đặng Quốc Cơ đã "hấp con cá Truyện Kiều" (từ "hấp" do ba tác giả dùng) của Nguyễn Du thành con cá "Truyện Kiều và tuổi trẻ" của ba người tuy dụng ý đề cao tác phẩm và tác giả nhưng lại nhiều nhận định nông nổi, ngô nghê, xin không trích ra đây để tránh dài dòng (xem "Truyện Kiều và tuổi trẻ", Làng Văn xuất bản, Toronto, Canada, 1998 nơi "Lời nói đầu, Bối cảnh lịch sử truyện Kiều, Ba mối tình của nàng Kiều",...). Gác qua bên các nhận định của lớp học giả Cộng Sản cố gán ghép tất cả mọi thứ vào cái khung "Mác-xít-Lênin-nít" cho "đẹp lòng" các quan Đảng và Nhà nước Xã hội

Chủ nghĩa hầu giữ được "khẩu phần" cho mình và cho vợ, cho con ; và cũng gác qua bên nhận định của nhà nho Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế do lòng yêu nước và chủ trương chống Thực dân Pháp lúc bấy giờ nên đã phải lên án Truyện Kiều như trên, còn thì tất cả mọi biên khảo khác đều xác nhận và càng lúc càng phát hiện thêm những nét đặc thù, độc đáo của thiên tài Nguyễn Du qua tác phẩm của ông.

Tuy nhiên, cho đến nay, mọi phát hiện đó đều mới dừng lại nơi phần "ngoại diện" của tác phẩm. "Đoạn Trường Tân Thanh" không chỉ là câu truyện tình thương tâm, không chỉ là tác phẩm thuần nghệ thuật, không phải được viết ra (được phóng tác) cốt để gói gắm cái tâm sự đau đớn, u uẩn đêm ngày của tác giả, không phải để biện hộ cho cảnh ngộ và cuộc đời Nguyễn Du trong bối cảnh thời đại đã qua, không phải vì cảm thương cho một thân phận hồng nhan mà cuộc sống truân chuyên đầy đọa phần nào giống với cảnh đời tác giả, không hẳn là bức tranh cùng lời tố cáo xã hội phong kiến, cũng không phải chỉ cốt phản ánh một hiện thực đau buồn, trầm thống của nhân gian, cũng không phải để gián tiếp giáo dục con người ăn ở thiện lương, đừng cậy tài, cậy sắc mà quên mất cái Tâm. Đoạn Trường Tân Thanh cũng không phải là một tác phẩm triết lý dù có đề cập đến Khổng, Lão, Phật, không là "quyển Kinh" như bao quyển Kinh vì không đề cập đến một vấn đề, sự vụ gì riêng lẻ hoặc để tri tụng hầu trở nên thánh thiện, cũng không nói lên một phương thức tu chứng nào để giải thoát trầm luân. Mọi giá trị của tác phẩm "nghệ thuật, đạo đức, nhân đạo, tâm lý, triết lý, lịch sử, xã hội,..." là những cái đến sau, mặc nhiên đến hay là những cái cục bộ, từng phần, tất yếu nằm sẵn trong cái "chung cùng, bao quát, toàn diện, toàn trình" mà Nguyễn Du muốn phổ qua tác phẩm. Cái "chung cùng, bao quát, toàn diện, toàn trình" đó là cái gì ? Xin thưa ngay, đấy là tư tưởng Nguyễn Du được gói vào tác phẩm và Đoạn Trường Tân Thanh là một tác phẩm tư tưởng. Và vì là "Tác phẩm tư tưởng" nên "Đoạn Trường Tân Thanh" không riêng là tác phẩm của riêng dân tộc Việt Nam mà còn là tác phẩm của chung nhân loại. Tiếc rằng các bản dịch "Đoạn Trường Tân Thanh" ra tiếng nước ngoài chưa thể nói lên được cái thâm thúy, tế vi của lời thơ Nguyễn Du để giúp người nước ngoài nhìn ra tư tưởng thâm sâu của tác giả qua tác phẩm.

Câu hỏi sẽ được đặt ra : *Thế nào là một tác phẩm tư tưởng ?* Câu hỏi này đưa đến câu hỏi thứ hai : *Tư tưởng là gì ?* Và câu hỏi tiếp theo : *Do đâu có thể bảo Đoạn Trường Tân Thanh là một tác phẩm tư tưởng ?*

Xin lần lượt trả lời bắt đầu từ câu hỏi thứ ba.

Trước tiên, do nhan đề tác phẩm - Từ "Cứu thanh" sang "Tân thanh": Tại sao Nguyễn Du lại đặt tên cho tác phẩm của mình là "Đoạn Trường Tân Thanh" ? Tác phẩm viết bằng văn nôm mà nhan đề lại bằng tiếng Hán Việt. Nguyễn Du đã hé mở phần nào khi dùng nhan đề này để diễn đạt tư tưởng của mình. Lâu nay, tuy nhiều bản in lấy đúng nhan đề tác phẩm nhưng không mấy lưu tâm tại sao Nguyễn Du lại đặt tên tác phẩm như thế. Trong dân gian thường gọi là "Truyện Kiều" và nhiều bản in cũng thế. Theo Đặng Thanh Lê, (Truyện Kiều, nxb Giáo Dục, Hà Nội, 1972), tác phẩm đã in ấn 23 lần bằng chữ Nôm và 72 lần bằng chữ Quốc ngữ, không rõ bao nhiêu bản lấy đúng nhan đề Đoạn Trường Tân Thanh, chúng tôi không có tài liệu để xác quyết. Cả bốn từ Đoạn Trường Tân Thanh hàm ngụ một thứ ngữ pháp tối nghĩa. Bào đậy là "Tiếng kêu mới (làm) dứt ruột" thì là phần nào giới hạn nơi câu truyện, nơi cuộc đời Kiều. Nếu từ "đoạn trường" làm nhiệm vụ định ngữ (complément déterminatif), ta sẽ bảo "Tân thanh của Đoạn trường", có nghĩa "tiếng kêu mới về đau khổ" hay "của đau khổ". Dĩ nhiên đau khổ không có tiếng kêu, vậy thì "tân thanh là tiếng kêu mới của con người về đau khổ". "tân thanh" là "tiếng mới" mà "Tiếng" là "Âm thanh", là "ngôn ngữ" dù là tiếng gì : tiếng gió, tiếng nước chảy, tiếng côn trùng, tiếng bò rống, tiếng chó sủa, tiếng động chạm của ly tách, tiếng người,... Căn cứ vào nhà Phật, mỗi hiện thể (hay Pháp) gồm ba mặt : Thể, Dụng, Tướng, thì trong ngôn ngữ cấu âm của con người, Thể của ngôn ngữ là âm thanh, ngữ điệu ; Dụng của ngôn ngữ là ý nghĩa của từ, mệnh đề và câu; Tướng của ngôn ngữ là chữ viết tức văn tự, ký hiệu của ngôn ngữ.

Ngôn ngữ, theo nghĩa phổ thông là "hệ thống dấu hiệu có thể dùng làm phương tiện truyền đạt, thông giao" (Tout système de signes pouvant servir de moyen de communication - André Lalande: Vocabulaire technique et critique de la philosophie). Theo Martinet : "*Ngôn ngữ là quan năng của*

con người thông giao với nhau bằng âm hiệu" (Le langage est la faculté qu'ont les hommes de s'entendre au moyen de signes vocaux - xem André Vergez và Denis Huissman: Petit dictionnaire de la philosophie, les abc du Bac). Định nghĩa theo hai cách trên là định nghĩa theo cái "Dụng" thông thường của Ngôn ngữ. Claude Lévy Strauss định nghĩa có phần thâm sâu hơn: "*Ngôn ngữ là một lý lẽ của con người mà con người không biết*" (La langue est une raison humaine qui a ses raisons et que l'homme ne connaît pas - xem André Vergez và Denise Huissman, sdd). Định nghĩa này không căn cứ trên Dụng và Tướng của ngôn ngữ mà xem ngôn ngữ là thứ của cái được ban cấp bản nhiên cho con người ; và con người mặc dầu vẫn sử dụng nó nhưng không hiểu được bản chất của nó. Đây là một "định nghĩa không định nghĩa" mà chỉ nói đến cái sự "Hữu" (Có) của ngôn ngữ nơi con người. Hiểu ngôn ngữ theo định nghĩa trên thì từ "Tân thanh" mà Nguyễn Du dùng chẳng chứa đựng ý nghĩa nào cao xa và cũng không nói lên chủ ý của ông.

Hiểu ở bình diện cao hơn, theo thể điệu Martin Heidegger: "*Ngôn ngữ là ngôi nhà Hằng Thế. Trong ngôi nhà đó, con người cư ngụ. Những nhà tư tưởng và thi sĩ là những người canh giữ chỗ cư ngụ đó. Sự canh giữ của họ là công trình viên đạt mới hiển lộ của Hằng Thế; qua thể điệu cách nói của họ, họ mang chỗ mới hiển lộ đó vào ngôn ngữ và bảo lưu nó trong ngôn ngữ*" (Le langage est la maison de l'Être. Dans son abri, habite l'homme. Les penseurs et les poètes sont ceux qui veillent sur cet abri. Leur veille est l'accomplissement de la révéabilité de l'Être ; en tant que par leur dire, ils portent au langage cette révéabilité et la conservent dans le langage - M.Heidegger : "Lettre sur l'Humanisme" trong "Questions 111, Gall. Paris 1966, trang 74). Hiểu như thế, qua ngôn ngữ và bằng ngôn ngữ, con người thể hiện "tính thể của hiện thể" (être de l'étant) nơi mình trong tư cách là một "Hữu tại thế" (Dasein, être dans le monde) ; nói cách khác, "ngôn ngữ" làm hiển lộ Hằng Thế (l'Être) hay "Tính Thể" (l'essence) của Hằng Thế nơi hiện thể. "Tính thể" nơi đây hiểu theo cách thông thường là "bản chất" (nature, substance) và "Hằng Thế" là "Hữu thể nền tảng" (l'Être fondamental), nói theo Đông phương là "Đạo thể" hay "Đạo" trong tư cách là

Bản thể căn nguyên (Đạo thể) và dòng chuyển dịch (Đạo) của Đạo thể trong cõi sắc tướng tức vũ trụ hiện tượng. Theo M. Heidegger, chỉ riêng nhà tư tưởng và thi sĩ mới viên thành được sự hiển lộ của Đạo thể qua ngôn ngữ. Nhưng ngôn ngữ nơi đây không chỉ Tiếng và Từ, Lời và Câu, Văn và Điệu mà là Cách nói (le dire) của họ. Cách nói của nhà tư tưởng và thi sĩ thể hiện cách nói của Tư tưởng (le dire de la pensée) nghĩa là cách thể hiện của tư tưởng vào hoạt sinh, vào cõi tại thế. Theo Parménide, "*Tư tưởng và Hữu Thể căn nguyên*" (Đạo Thể) là một" (C'est la même chose que penser et être - Xem "La pensée grecque" của Léon Robin, Edt. Albin Michel, Paris 1973, trang 110). Hữu thể căn nguyên (l'Être fondamental) hay Đạo thể được xem là cái "Nền không nền" , cái Nguồn gốc làm phát sinh vạn hữu (vũ trụ hiện tượng) rồi cư lưu và luân lưu cùng vũ trụ hiện tượng để đưa vạn hữu trở lại với mình. Cái "Đạo thể" hay "Hằng thể" , cái "Cội Nguồn" đó, Triết học Tây phương gọi là ÊTRE; Đạo học Đông phương gọi là THỂ: Thể tính Chân Như hay Tính Không theo Phật giáo, Thiên mệnh, Thiên lý hay Tính (Thiên mệnh chi vị Tính - Trung Dung) theo Khổng giáo hay "Vô" nơi Lão giáo, là "Ngôi Lời" (le Verbe, la Parole) theo Phúc âm Saint Jean, là "Thuợng Đế" nơi đời Tôn giáo độc thần. Theo một số nhà Khoa học ngày nay thì Cội Nguồn Vũ trụ là "Khoảng Không lượng tử" (le Vide quantique) hoặc một cái "Lực duy nhất" (la Force unique) nào đó mà họ đang đi tìm. Theo M. Heidegger, Cái Nguồn gốc đó thể hiện vào cõi thế gian (cõi hiện hữu hay cuộc đời) qua Tư tưởng và Tư tưởng được giải bày qua ngôn ngữ tức "cách nói" của nhà tư tưởng và thi sĩ. Cách nói của Nguyễn Du qua Đoạn Trường Tân Thanh chính là Ngôn ngữ Nguyễn Du và Ngôn ngữ Nguyễn Du qua tác phẩm này diễn đạt "Cái Nhìn mới" của ông về cuộc đời, về Hiện hữu tại thế, có khác với "Cái Nhìn cũ" trước nay.

"Đoạn Trường Tân Thanh" là tiếng kêu mới về đoạn trường. "Tiếng đoạn trường mới không là một tiếng than mới mẻ hay một đoạn trường mới nào khác tiếp theo cái đoạn trường cũ đã có mà là "cái nhìn mới" về đoạn trường mà thôi." Cũng là cuộc đời bi đát của Kiều, cũng là thân phận bèo bọt, nổi trôi của Kiều -củ kiếp người nói chung- nhưng Thanh Tâm tài nhân đã "nhìn" theo cái "đoạn trường cũ" ; Nguyễn Du đã nhìn ra cái "tiếng mới", cái "ý nghĩa mới" trong cái "cũ" đó.

Cuộc sống vốn khổ, cuộc đời vốn khổ, nhà Phật đã bảo "*Biển khổ mênh mông*" (Khổ hải vô biên). Triết gia Đức Karl Jaspers bảo: "*Thất bại chỉ có với tồn sinh*" (l'échec n'est que pour l'existence). Cái khổ, cái đoạn trường muốn đời xưa nay vẫn thế: bệnh tật, nghèo nàn, nợ nần, thất nghiệp, thất tình, thất chí, bị coi thường, gièm pha, phỉ báng, đổ ky, khinh khi, bị bóc lột, bị chà đạp oan ức, bị tù tội, bị hạ nhục, bị hành thân, hoại thể, không nguồn cảm thông, không nơi nương tựa, bị bắt buộc phải làm trái ý mình, bị đẩy vào đường cùng thế bí, con gái phải kiếp giang hồ, con trai phải vòng lao lý,..., nghĩa là mãi mãi lo lắng, hãi hùng, buồn đau, bi lụy, thấp thòm, bồn chồn cho cuộc sống bây giờ và ngày tới. Cuộc sống nào rồi cũng chỉ lần quẩn trong một tiết điệu hao mòn, tê tái: sinh ra, lớn lên, làm việc, đấu tranh, học hành, cưới vợ, gả chồng, sinh con đẻ cái, hoạt động mưu sinh, hiến mình cho lý tưởng, buông đời theo khoai lạc, vui phút chốc, buồn triền miên, thành công ngán ngùi, thất bại náo nề, sướng khổ, buồn đau liên tục,...; rồi già nua, chết chóc; từ thời ông tăng, ông cố, ông tổ đến đời cha, đời mẹ, đời con, cháu, chắt, chít, bao giờ cũng thế, cũng thế! Ngay cả những kẻ đã thành công một thời, uy thế, tiếng tăm lẫy lừng một thuở, lúc tuổi đời bóng xế có sống thong thả yên vui, có được người người nhắc đến và hâm mộ kỳ công, thành tích; lúc chết có bao "khách thập phương" đưa đón, diếu tang với nhiều vòng hoa tưởng niệm thì, thật ra, lúc bóng ngả tà huy, không khỏi lạnh buồn, u uẩn trong hoài cảm ngày qua và trong nhật nhòe hiện tại. Nhất là lúc nhìn thành tích mình đã bị vượt qua, lúc kỳ công của mình ít nhiều bị phủ nhận, lúc thời thế đổi thay, trào lưu chuyển khác rồi đếm tuổi cuộc đời không khỏi ít nhiều từ lự, u hoài lênh đênh phơ phất trong "nỗi buồn tại thế" không nguôi. Chính vì thế mà người ta thường quan niệm cuộc sống, cuộc đời là bể khổ, là hý trường, phù du, tạm bợ, giả hoặc vô thường, là giấc mộng, cơn mơ, mối nợ, sống là gởi, thác là về... Vâng, cuộc sống, cuộc đời là những thể hiện đó, không sai nhưng "do đâu, tại sao, để làm gì, dẫn về đâu" thì chưa có lời giải đáp. Nguyễn Du đã giải đáp những thắc mắc đó. "*Tân thanh*" nói Nguyễn Du là "*ngôn ngữ môi*" và "*ngôn ngữ môi*" nói đây là "*cái nhìn mới*", cái "*ý nghĩa môi*" của *đau khổ*. Cũng những *đau khổ* đó nhưng trước nay, người ta nhìn theo "*cái nhìn cũ*", cái nhìn "*đoạn trường*

cụu thanh". Mượn tất cả những "đoạn trường cụu thanh" của Kiều, của Kim, của Hoạn, của Từ Hải, của tất cả nhân vật trong Truyện (ngoại trừ Vải Giác Duyên và Sư Tam Hợp), Nguyễn Du muốn đưa dẫn chúng ta đến một "cái nhìn mới về đoạn trường". "Cái nhìn mới" đó là, nói theo nhà Phật: "Phiền não là Bồ đề, con tim sầu muộn là con tim giải thoát" hay nói theo lời Jésus: "*Hãy gánh lấy ách của ta và học theo ta... vì ách ta dễ chịu và gánh ta nhẹ nhàng*" (Ma :11-29,30) miễn là biết "*Trăm năm để một tấm lòng từ nay*" như Kiều.

Tiếp theo cổ số nói một số sự việc trong câu truyện:

-Cuộc tình chuyển từ "Có thành không" sang "Không trong Có": Thúy Kiều, Kim Trọng, từ lúc "*tiên thề cùng thảo một chuông... trăm năm tạc một chữ đồng đến xướng*" thì cuộc tình hai người xem như hoàn hảo, tốt đẹp vô cùng. Hai người, trong tâm thức, đã là "*một thịt*", hai người đã "*cùng có trong nhau*" hoàn toàn: "*chúa chẵn gối cũng vợ chồng*". Nhưng rồi cuộc đời oái oăm đã bẻ gãy tình duyên đôi lứa. Kim Trọng phải về Liêu Dương hộ tang chú, Kiều phải bán mình chuộc cha, mười lăm năm không gặp lại, mười lăm năm sống trong tưởng nhớ ngậm ngùi. *Cuộc tình thế là từ "có" thành "không"*. Mười lăm năm sau, tái hợp, "*mười lăm năm mỗi bây giờ là đây*" và "*động phòng diu đặt chén mồi*" nhưng "*lọ là chẵn gối mỗi ra sắt cầm*". Cả hai cùng có bên nhau, cùng ăn chung nắm chạ thế mà không là "vợ chồng". Cái gì lạ? Một màn hài kịch? Cuộc tình đã chuyển từ "Có thành không" sang thành "không trong có". Chúng ta muốn thế nào? Chúng ta muốn "có trong không" hay muốn "không trong có"? "Sở hữu mà không sở hữu, không sở hữu mà sở hữu", qui luật Kinh tế nào giải thích được chăng? *Cuộc đời đã đưa cuộc tình hai người từ "Hữu" vào "Không", buộc hai người phải sống cái "Hữu trong Không" để kết cục dẫn về sống cái "Không trong Hữu"*. Liệu có thể bảo như lời Kinh Duy Ma: "Bất trụ vô vi, bất tận hữu vi" được chăng? Một điều nữa, kết thúc của câu truyện khiến ta liên tưởng đến lời Jésus: "*Vi đến khi sống lại, người ta không lấy vợ, cũng không lấy chồng, song những kẻ sống lại là như thiên sứ trên trời vậy*" (Ma :22-30). "Thiên sứ" là trạng thái sống "Hữu trong Không" và "Không trong Hữu" cùng lúc. *Kiều đã "sống lại"* (cái chết của nàng là cái "chết hụt", cái

chết của nàng không là cái chết đoạn kiếp, đổi kiếp, hóa kiếp để rồi đầu thai sang kiếp khác), *nàng "sống lại trong cuộc đời này"* nhưng trong một trạng thái khác trước, trạng thái "không trong có". Chính cái kết thúc kỳ lạ của câu truyện đã khiến Nguyễn Du phóng tác "Kim Vân Kiều truyện" của Thanh Tâm tài nhân mà không phỏng tác một tác phẩm nào sáng giá khác trong vườn Văn học Trung Hoa cũng như không sáng tác nên một truyện nào tương tự mặc dù ông biết bao nhiêu cuộc sống truân chuyên của nhiều "hồng nhan bạc phận" như một Huyền Trân công chúa, một Ngọc Hân công chúa chẳng hạn vì tất cả những cuộc sống đó, ngay cả của chính ông, của cả cô Kiều đều chỉ là "Đoạn trường cụu thanh" mà thôi. Thực ra, theo chúng tôi, Nguyễn Du đã mượn cái "kết thúc" này để nói đến một cái gì cao xa, hoàng viễn hơn nữa mà trong phạm vi bài này chưa thể nói được. {Xin đừng ỡm ờ nghĩ rằng biết đâu chẳng đã có một cái "xao động lượng tử" (flux quantique - mạn phép dùng một từ khoa học) đã khiến xảy ra cuộc "làm tình" thật sự giữa hai người, cho dù Kiều không muốn thì Kim Trọng cũng đã hẳn yêu cầu. Xin đừng đánh giá Nguyễn Du quá thấp như vậy để khỏi mang tội "hạ nhục" tác giả và tác phẩm.

- Tử và Sinh tương tại đồng thời, song song, trái ngược: Cái kết thúc của câu truyện liên hệ đến ba nhân vật trong truyện: Đạm Tiên, Kim Trọng và Thúy Kiều. Cả ba nhân vật nói lên cái lẽ "Tử-Sinh" trong vòng tại thế. Đạm Tiên, hồn ma người quá cố, hình ảnh của tang thương, đoạn trường, chết chóc, vây phủ Kiều màu đen và sắc tối, nhắc nhở nàng cái bất lực của con người, cái vô hiệu của mọi tính toán vượt thoát cảnh đời ngang trái, trầm luân. KIM TRỌNG, hình ảnh thực tại, sống động, hình ảnh cuộc sống hiện thực tươi vui, êm đềm, lúc nào cũng lôi kéo Kiều vọng tưởng, ước mong, tìm về, gặp lại. ÂM C NH, DƯƠNG TRẦN, hai cõi, hai nơi, hai cuộc sống, hai cảnh đời song song trái ngược hầu như lúc nào cũng tương tại đồng thời nơi Kiều, dù đôi lúc không hiện về thực sự trong tâm tưởng thì vẫn hiện diện qua lời than, tiếng khóc, nỗi nhớ, niềm hoài. Hai hình ảnh của "Chết" và "Sống", của "Tử" và "Sinh" xuất hiện nói Kiều không cách xa nhau mấy, cùng trong buổi chiều, cùng trong ngày Thanh Minh sau buổi Lễ Hội. Hình ảnh Đạm Tiên gợi cho Kiều cái ám ảnh đoạn trường, bạc mệnh, cái Chết đau thương, cái bạc bẽo vô nghĩa của cuộc

đời. Cái "bây giờ" của Đạm Tiên nơi Kiều là một hiện tại của một quá khứ bị thương : "Thấy người nằm đó, biết sau thế nào!". Hình ảnh Đạm Tiên là hình ảnh của cái "Cộng nghiệp người", của giới đàn bà theo dõi đời Kiều, mượn qua Kiều mà thị hiện : "lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung". Đạm Tiên, hình ảnh của quá khứ được "thực tại hóa" nơi Kiều. Đây là hình ảnh cuộc đời, cuộc đời thực sự đang và sẽ diễn ra, đây là cuộc sống tại thế của mỗi người dù Kiều, Kim, Vân, Quan, Thúc, Hoạn, dù Mã Giám Sinh, Từ Hải, Bạc Bà, Bạc Hạnh,..., dù là mỗi chúng ta hiện nay, dù là ai khác trong ngày tới. KIM TRỌNG, ngược lại, hình ảnh của hạnh phúc, sáng lạn, tươi vui; hình ảnh của thông giao, tri ngộ; hình ảnh của gắn bó, dựng xây, đồng hợp sáng tạo cho nhau. Kim Trọng, hình ảnh của cái SỐNG náo nức, rộn ràng của con tim sống động, hình ảnh của hiện thực, của niềm tin, của sức sống bây giờ và ngày tới. Kim Trọng, hình ảnh hiện thực bị đuổi xô về quá khứ để lại được "tương lai hóa" nơi Kiều. Hình ảnh hiện thực trở thành mộng và mơ. Niềm mơ, cơn mộng lại biến thành hiện thực để lại mất đi trong hiện thực, rồi lại trở thành mộng và mơ leo đèo bay bay trong dòng sống hiện thực của Kiều. Kim Trọng biến thành "tiếng gọi, lời mời" để Kiều vọng về hầu đủ nghị lực chịu đựng mọi ma nghiệt, trầm luân. "Tử và Sinh, Chết và Sống", "Thực và Mộng" qua hai hình ảnh Đạm Tiên, Kim Trọng luôn luôn hiện diện nơi Kiều nhưng cái xa xôi lại cận kề gần gũi, cái cận kề gần gũi lại lãng đãng xa xôi. Đạm Tiên, hình ảnh viễn ly mà cận lập, Kim Trọng, hình ảnh cận lập mà viễn ly. Hai hình ảnh trái ngược mà đồng hành, hai hình ảnh tưởng phản mà tưởng tại, hai hình ảnh nghịch chiều mà từng lúc giao thoa nơi Kiều. Đạm Tiên, hình ảnh quá khứ mà thực tại, hình ảnh của cuộc đời đau khổ trước mắt; Kim Trọng, hình ảnh hiện thực tại bị đẩy lùi về quá khứ để dịch chuyển về tương lai, hình ảnh của động lực, của niềm tin và bóng hình chập chờn của hạnh phúc. Kiều và cả chúng ta không thoát ra khỏi hai hình ảnh đó. Không riêng Kiều, mỗi chúng ta đều có một Đạm Tiên của mình và một Kim Trọng cho mình. "Đạm Tiên, Kim Trọng, Thúy Kiều", bộ ba này cặp kè, tương tại và đồng hành. Bộ ba này là toàn bộ cơ cấu của sinh hoạt con người. Đạm Tiên, con người trừu tượng, cái tôi bị tha hóa, bị khách thể hóa, cái tôi của cuộc đời, cái tôi xã hội, cái tôi tại thế của hữu thể. Kim Trọng, cái tôi

siêu vượt, cái tôi tín ngưỡng, cái tôi thăng hoa, cái hưởng lực diu dặt hiện thế qua từng chặng đường của cõi tại thế. Thúy Kiều, cái tôi chủ thể, cái tôi tự do, cái biệt nghiệp trong dòng cộng nghiệp. Hiện hữu là trường chấp tranh miên viễn giữa ba cái tôi đó. Thân phận con người thể hiện qua mối chấp tranh đó. Nhưng không có mối chấp tranh đó thì không sống. Không có mối chấp tranh đó thì cuộc sống không có ý nghĩa gì, không có thành tựu gì và xã hội, nhân loại chẳng có tiến bộ, văn minh, văn hóa và cải tiến hóa gì ráo. Khoảng cách xuất hiện giữa Đạm Tiên và Kim Trọng, giữa Chết và Sống không xa khiến ta có thể nghĩ rằng tác giả -Nguyễn Du- cố ý để cả hai hình ảnh cặp kè nhau, luôn luôn cận lập, không phải thay chỗ cho nhau mà cùng đồng hành song song và chỗ cuối cùng để gặp là chỗ tan hóa hình ảnh này vào hình ảnh kia, hay đúng hơn, cả hai tan hóa vào nhau, tạo nên hình ảnh cuộc "sống lại" của Kiều không còn Đạm, không còn Kim với ý nghĩa buổi ban sơ phùng ngộ. Đây là lý do đã khiến Nguyễn Du phóng tác "Kim Vân Kiều truyện" của Thanh Tâm tài nhân mà không phóng tác một tác phẩm nào khác. Và đây là lý do đã đưa đến cảnh sống "kỳ quặc" "có trong không" giữa Kiều và Kim trong ngày tái hợp, cảnh sống "vợ chồng mà không vợ chồng", cảnh sống "ban bè mà như vợ chồng", cảnh sống "tu tại gia" chứ không "tu tại Chùa", cảnh sống trạng thái "Thiên sử" phỏng theo lời Jésus. Từ đó, ta hiểu ra tại sao Vải Giác Duyên "trốn" Kiều, đã "mây bay hạc lánh biết là tìm đâu", không cho Kiều gặp để Kiều không trở thành ni cô, sư nữ. Kiều Kim đã sống trong trạng thái đó, trạng thái "Tĩnh Không", trạng thái "Bất trụ vô vi, bất tận hữu vi" của nhà Phật. Nguyễn Du đã hiểu lời Phật không như chúng ta hiểu lâu nay. Một điều cần để ý thêm hầu bổ túc cho những điều vừa nói : tác phẩm đã mào đầu đời Kiều bằng một Ngày Vui Lễ Hội để kết thúc cuộc sống đoạn trường của nàng cũng bằng một Ngày Vui Lễ Hội không giống trước. Đây là chỗ kỳ lạ của câu truyện đã khiến Nguyễn Du phóng tác tác phẩm của Thanh Tâm tài nhân.

- Câu hỏi của Thúy Kiều và báo biểu của Đạm Tiên : Sau ngày Lễ Hội, sau cơn giáp mặt giữa "Chết" (Đạm Tiên) và "Sống" (Kim Trọng), sau lần họa thơ, Kiều bản khoản, buồn rầu, than van tự hỏi :

- Đoạn trường là số thế nào

Bài ra thế ấy vịnh vào thế kia !

Câu hỏi đó, nàng không trả lời được. Câu hỏi đó lại do thần Chết - Đạm Tiên- trả lời cho nàng lúc nàng thiêm thiếp giấc nồng được Vải Giác Duyên vớt lên từ sông Tiền Đường :

-...Đoạn trường số rút tên ra

Đoạn trường số phải đem mà trả nhau

Còn nhiều hưởng thụ về sau

Duyên xưa đầy đặn, phúc sau đời dào.

Vừa trả lời vừa báo biểu cuộc sống của Kiều từ nay. Thời điểm chấm dứt đoạn trường, thời điểm những lời thơ đau khổ của cuộc đời đau khổ (mọi sự vụ gây ra cho nhau) hãy trả cho nhau nghĩa là xí xóa hết cho nhau và những gì đã "có" mà phải "mất" đi, cái duyên xưa ấy nay trở về lại đầy đặn như thuở ban đầu và từ nay trở đi luôn luôn là hạnh phúc đời dào, cái hạnh phúc của cuộc sống cùng lúc "có trong không và không trong có". Do đâu ? Do biết "trăm năm để một tấm lòng từ nay" như Kiều ngay giữa cảnh "lỡ làng nước đục bụi trong". Đây là cái "giả chuộc" tất yếu nằm trong quy luật "bù trừ" (loi de compensation) của Lê Đạo. Hiểu "Đoạn Trường Tân Thanh" là tác phẩm tu tưởng, ta sẽ thấy đoạn thơ trả lời của Đạm Tiên cho câu hỏi của Thúy Kiều cho thấy cái "chốn sẽ về, cái nơi sẽ đến", cái "cứu cánh" cùng cái ý nghĩa của cuộc sống thế gian, của cõi hiện hữu đầy đầy gây đổ, tang thương. Diễn tiến lịch sử nhân sinh sẽ đến thời kỳ cáo chung đoạn trường để những gì tốt đẹp đã mất sẽ lại phục hồi nguyên thể và sẽ là hạnh phúc miên viễn tròn đầy. Đây là điều mà Phật đã nói : "Biển khổ mênh mông, quay đầu thấy bến" (Khổ hải vô biên, hồi đầu thị ngạn). "Bến" là bến bờ đoàn tụ, là nơi ta dừng chân sau hành trình gian nan, mệt mỏi. "Bến" nơi đây là "bến giác" theo nhà Phật tức cái lúc ta giác ngộ, tỉnh thức (conscience éveillée) thoát khỏi được vô minh, mê huyền để tự tại với chính ta, giải thoát được ta khỏi mọi khổ đau do cái Tâm phân biệt, do bao cái "chấp" từ cái "ái kỳ, ái hữu" nơi ta. "Bến" hiểu trong lời thơ và qua cuộc sống của Kiều trong truyện là "bến bờ hạnh phúc" yên vui, giữ sạch hết mọi nghiệt ngã, đọa đày do từ ta và do cuộc đời. Nhưng muốn thấy, muốn đến được bến bờ hạnh phúc đó, phải "quay đầu" nhìn lại cái "quá khứ" xa xưa, ở đây là "trở về với Cội nguồn" nguyên khởi, trở về với "Ngôi nhà Hằng Thế" tức cái "Quê hương tình mộng ban

đầu" của người thi sĩ mà ta đã một lần ra đi để mãi mãi phải đắm chìm trong mê cung, ảo hóa như Kiều :

- *Kể từ lúc bước bước ra*

Tắm thân liệu những từ nhà liệu đi.

Cái "Bến bờ hạnh phúc" đó chính là cõi "Vô sở trụ" của Thế tính Chân Như, là cảnh "Vườn Địa Đàng" của con người từ thuở đầu thai vào cõi thế, là cái "Tổ Quốc, Quê hương" trở về với con người, với nhân loại sau dọc dài phiêu lưu nơi miền Kiều địa, đất khách, quê người nói theo M. Heidegger. Cảnh sống của Kiều sau khi "sống lại" càng bội phần đẹp đẽ hơn 15 năm trước và những gì tốt đẹp xưa kia nay lại trở về đầy đủ, tươi sáng, không còn vướng mắc chút nào ưu tư, buồn phiền, nghi ngại. Cảnh sống bây giờ chính là trạng thái "Hữu dư Niết bàn", cảnh "Nước Thiên Đàng" hay "miền Cổ quận" thân thương cao đẹp hơn trước nhiều vì bao hành trang tích tụ qua dọc dài sương gió long đong sẽ là điều kiện dựng xây "Ngôi nhà Hằng thế" huy hoàng rạng rỡ hơn xưa. *Những tại sao phải "quay đầu mỗi thấy bến"? Chỉ vì cái "Cội nguồn" "nguyên thế", cái "Ngôi nhà Hằng thế" đó luôn dịch chuyển về tương lai để con người luôn luôn với bắt, luôn luôn vọng về, hồi phục lại cảnh Quê xưa.* Nói theo M. Heidegger là "*Quá khứ của Bình minh trong ngày tới của tương lai*" (*le jadis de l'Aurore dans le futur de l'avenir*) và "*Bồi Tiếng Gọi (tiếng gọi của Lẽ Đạo) từ một nguyên sở thăm thẳm, một miền Cổ quận được hoàn trả cho chúng ta*" (*Par l'appel en une lointaine Origine, une terre natale nous est rendue*). Do đó mà có Tiến Hóa. Nguyễn Du đã nhìn ra điều đó và muốn nói đến điều đó qua tác phẩm phóng tác của mình chẳng khi cho chính thần Chết Đạm Tiên trả lời câu hỏi của Thúy Kiều ?

- *Chân lý và kinh nghiệm tại thế qua bài giảng của Tú Bà.* Một điều quan trọng hơn nữa trong tác phẩm là bài học của chủ động mãi dâm Tú Bà dạy cho Kiều cũng là dạy cho chúng ta, dạy cho tất cả mọi người bất kỳ ở đâu, bất kỳ lúc nào Đông Tây kim cổ. *Huân nghệ cho Kiều sành nghề gái đĩ như Tú Bà đã nêu ra những "chân lý" của cuộc sống thế gian.* Xin hãy "trân trọng" nghe lời Mẹ dạy và cũng xin đôi dòng diễn giảng. Trước tiên, khuyên Kiều không nên dại dột "hủy mình", Mẹ nêu ra hai chân lý :

Chân lý thứ nhất :

- *Một người dễ có mấy thân*

"Thân" là tấm thân xác, cái hình hài sắc tướng, cái cấu trúc của hiện thể. Thân xác chỉ có một, chỉ có một lần, một lần trọn vẹn, không ai có hai thân xác. "*Tôi là thân xác của tôi*" (*je suis mon corps*), đây là quan điểm Hiện tượng luận của Merleau Ponty. Nào ai chối cãi được ?

Chân lý thứ hai :

- *Người còn thì của mỗi còn*

"Người" nơi đây là "tấm thân". "Của" nơi đây vừa là của cái, vừa là cuộc sống. Tấm thân có còn thì mới còn cuộc sống. Nào ai sống mà không có tấm thân ngoại trừ ma quỷ, thần linh. Tấm thân có còn, cuộc sống có còn thì mới còn của cái vì tấm thân là thứ của cái đầu tiên con người sở hữu, thứ của cái làm nên của cái dù vật chất hay tinh thần. Có ai chối cãi điều này ?

Và khi mẹ đã hủy bỏ được cái "*hợp đồng tiểu tình*" Kiều đã "ký" với Mã Giám Sinh để bắt Kiều phải ký một hợp đồng mới với mẹ, hợp đồng "*chút lòng trinh bạch tử sau cũng chừa*", mẹ bèn huấn nghệ cho Kiều qua những chân lý tiếp theo :

Chân lý thứ ba :

- *Nghề chơi cũng lắm công phu
Làng chơi ta phải biết cho đủ điều*

"*Nghề chơi*", theo câu truyện thì là "nghề làm điểm", nghề rước khách tìm hoa nhưng cách nói của Nguyễn Du không giới hạn ở đấy. Trước tiên, "nghề chơi", nghề để chơi, nghề phục vụ cho vui chơi vì "đời là hý trường", là "cuộc chơi", "*mỗi nghề là một trò chơi của thế giới trong thế giới của trò chơi*" (*un jeu du monde dans le monde du jeu*). Đi vào cuộc đời là đi vào "trò chơi lớn" và mỗi người phải có một "nghề chơi" để "chơi" với cuộc đời. Nghề chơi nơi đây không chỉ riêng là công việc làm kiếm sống hằng ngày theo kiểu "lao động là vinh quang" hay "có làm mới có ăn" mà hiểu rộng hơn là "cái khả năng, cái tinh chất, cái năng khiếu" chuyên biệt của từng người hoặc do thụ bẩm (năng khiếu) hoặc do công phu trau dồi, học tập (trường dạy nghề) hoặc do huân tập trong trường đời đấu tranh với xã hội (kinh nghiệm, thói quen). *Cuộc đời bắt buộc mỗi người phải có một "nghề chơi"*: nghề dạy học, nghề thợ máy, nghề làm ruộng, nghề thủ công, nghề nấu ăn, hót tót, nghề đi buôn, nghề thể thao,

nghề làm phim ảnh, nghề viết sách, làm báo, làm thơ, làm nhạc, nghề họa, nghề kiến trúc, nghề làm chính trị, văn hóa, khoa học, kỹ thuật, kể cả nghề đi tu. Có những nghề mà pháp luật và xã hội cấm đoán: nghề ăn trộm, ăn cướp, ăn xin, nghề cho vay, nghề dâm thuê, chém muốn, nghề cờ bạc, nghề mãi dâm,... Nghề chơi nào thì cũng phải qua tấm thân xác, cho dù là nghề trí tuệ. Nhưng đã gọi là nghề thì ít nhiều phải có chuyên môn. Không chuyên môn thì chưa thể gọi là nghề mà chỉ là công việc làm trong phút chốc. Mà chuyên môn phải đòi hỏi kỹ thuật. Kỹ thuật nơi đây bao gồm đủ mọi thứ: khéo chân, khéo tay, khéo mồm mép, khéo mách lới, khéo thủ đoạn, khéo mưu trí, khéo vận dụng, bố trí, sắp đặt, khéo biết dùng vật liệu, phương tiện, khéo biết chọn thời điểm, thời cơ, khéo tính toán được thị hiếu, sở thích của làng chơi, khéo tiên đoán được nhu cầu, khéo nhìn ra được vận hành diễn biến của sự việc, sự vật. Mọi cái khéo đó phần lớn phải do công phu học tập hoặc qua kinh nghiệm hoặc do qua các trường dạy nghề, các trường kỹ thuật. Kỹ thuật càng cao, nghề chơi càng tuyệt nghệ thì càng có nhiều hợp đồng làm ăn cao giá. Một câu thủ bóng tròn ngày nay chẳng đã được "mua, thuê" cả hàng chục, hàng trăm triệu Mỹ kim sao ? Vì thế, nghề chơi nào cũng phải lắm công phu. Tú Bà đã áp dụng sắc sảo điều này. Mẹ đã biến tấm thân sắc tướng ù lý của Kiều thành công cụ thấp thành đủ "vành trong, vành ngoài" để cái "tính công cụ" (outilite), cái "tính phục vụ" (servilite) nơi Kiều phát huy đến cùng độ hiệu quả để chơi cho "*lãn lóc đá*" hầu "làng chơi" đến phải "*mê mẩn đời*". Nếu chỉ gàn gàn, dở dở, ương ương thì chẳng được tích sự gì, còn bị đánh giá là không sành điệu, không tận tình, không triệt để, không nổi tiếng, không tinh vi, không thượng thặng, không tuyệt tác, không vô địch, không "siêu quần, bạt chúng". Nhậu nhẹt, cờ bạc, đạo chích, đi buôn, mãi dâm và cả những nghề lương thiện cũng vậy. Và "*làng chơi*" là cái địa bàn hoạt động của nghề chơi hay nói có vẻ kinh tế chính trị hơn là "*thị trường tiêu thụ nghề chơi*". Trong "làng chơi" không hẳn ai cũng giống ai. Sở thích khác nhau, khuynh hướng khác nhau, tính tình khác nhau, điều kiện khác nhau, môi trường khác nhau, "nghề chơi" theo đó mà thay đổi cho phù hợp với khách mộ điệu, với "làng chơi". Kẻ nào biết rõ hết tâm lý, sở thích, nhu cầu của làng chơi mà sử dụng "nghề chơi" của mình thật kỹ lưỡng, đúng lúc, hợp

thời thì mới là "người sỏi" và nghề chơi của mình mới thành công rực rỡ, mới tạo lợi lớn lao cho mình, mới lấy lòng danh tiếng. "Làng chơi ta phải biết cho đủ điều". Đáng thương cho những kẻ không có nghề chơi thập thành và những kẻ dù nghề chơi tuyệt kỹ nhưng lợi ngược dòng, không phù hợp với làng chơi thời đại. Nhưng cuộc đời vốn không giản dị. Làng chơi luôn luôn thay đổi sở thích, thay đổi môi trường, càng lúc thời trang càng đổi mới bắt buộc nghề chơi phải thay đổi ngón nghề cho phù hợp, từ đó, nghề chơi ví dụ hồi hút hơi làng chơi và ngược lại làng chơi cũng ví dụ hồi hút hơi những nghề chơi mới để cả hai không bị đánh giá là lạc hậu, tụt hậu, thoái hóa, không đuổi kịp phong trào, không bắt kịp trào lưu, không tương ứng với thời đại. *Mỗi người vừa là một "nghề chơi" vừa là một "làng chơi" của nghề chơi kẻ khác.* "Nghề chơi, làng chơi" quan hệ nhau khăng khít. Xã hội nhân loại từ xưa xưa đến nay -đến nay càng rõ ràng- chẳng đã áp dụng cái chân lý qua hai câu thơ trích trên của Tú Bà huấn nghệ cho Kiều sao ?

Chân lý thứ tư :

- *Người ta ai mất tiền hoài đến đây.*

Ai chịu bỏ tiền mua một vật dụng tồi. Ai bỏ công đi xem nhiều lần một vở hát không ra gì, một trận bóng đá quá tệ, một buổi trình diễn ca nhạc mà nghệ sĩ không mấy gì tên tuổi. Cửa hàng mù Tú Bà "xôn xao oanh yến, dập diu trúc mai" là do những gái đi thập thành như Kiều đã biết "vui lòng khách đến vừa lòng khách đi", cuốn hút được những khách làng chơi "trăm nghìn đổ một trận cười như không" kiểu Thúc Sinh. Làng chơi không thể vùng tiền phí phạm với những nghề chơi chẳng ra gì. Một ca sĩ nổi tiếng hát hết nơi này nơi nọ vẫn cứ đông người nghe, vẫn bán hàng loạt đĩa hát; một đội cầu nổi danh chơi khắp nơi vẫn đông khán giả; một cuốn phim hay chiếu đi chiếu lại vẫn đông người xem,... "Ai cũng như ai, người ta ai mất tiền hoài đến đây", ai cũng như ai, ai cũng thế cả, tất cả đều giống nhau như đúc về mặt này. Cái "chân lý" này dễ hiểu, vì thế nên phát sinh các ngón nghề cạnh tranh kỹ thuật, cạnh tranh thương trường, cạnh tranh giá cả, thời trang, cách thể tiếp tân (accueil) càng lúc càng phát triển. Và cách thể, phương pháp quảng cáo càng lúc càng tinh vi, càng xảo thuật cuốn hút người tiêu thụ cùng những cảnh hợp đoàn, hợp phải tán tụng, tặng bốc nhau để

cổ võ làng chơi chú ý. Chân lý thứ tư này là kết quả của ba chân lý trước. Nào ai không tán đồng chân lý này ?

Ngoài bốn "chân lý" trên, Tú Bà còn "dạy" chúng ta thêm hai kinh nghiệm quý báu khác, cần thiết cho làm ăn sinh sống, cho giao du tiếp xúc hằng ngày :

- *Vành ngoài bảy chũ, vành trong tám nghề*

- *Nỗi đem khếp mở, nỗi ngày riêng chung.*

"Vành trong, vành ngoài, bảy chũ, tám nghề", giới hạn trong câu truyện, là những thủ thuật chiêu khách và làm tình của gái điếm sao cho cả mình cả khách "liều chán hoa chê" trong cùng độ khoái lạc đến "lần lóc đá, mê mẩn đời". Nhưng Nguyễn Du không giới hạn nơi câu truyện. Mượn lời Tú Bà, qua cách nói của Mụ, Nguyễn Du đề cập đến những gì xa xôi hơn. "Bảy chũ, tám nghề" là những cách thức, phương pháp, mánh khéo, kỹ thuật áp dụng.

"Vành ngoài vành trong" ám chỉ cả bên ngoài, bên trong của đối tượng và chủ thể. Lấy thí dụ trong tình yêu. Muốn được người yêu không chỉ thủ thi, to nhỏ hoặc viết thư tỏ tình mà phải có cả những lo lắng, chăm sóc, giúp đỡ thực tế, những tặng phẩm trao nhau, v.v..., phải hiểu rõ sở thích, nhu cầu của người yêu, phải mua chuộc cảm tình của cha mẹ, anh em, bè bạn người yêu, v.v... và v.v... chứ không phải cái lối "có trong không, không trong có" theo thể điệu của Thánh nhân. "Nỗi đem khếp mở, nỗi ngày riêng chung". "Nỗi đem, nỗi ngày", từng lúc, từng nơi, từng thời gian, từng cảnh ngộ, từng đối tượng, từng trường hợp mà "xuất xử" cho phải đường, phải lối, mà áp dụng "vành ngoài vành trong" cho hợp thời, hợp cảnh, hợp lẽ, hợp tình. *Biết "khếp", biết "mở", biết "riêng", biết "chung" đúng lúc, đúng thời, con "người sỏi" trong "nghề chơi" của mình phải như vậy.* Đây là những "điều hay", những "nghề nghiệp nhà" mà không nắm vững, không thi thố đúng mức, đúng thời thì "làng chơi" không mấy chuộng, không chịu "mất tiền hoài" đến với ta. Lời Tú Bà nào khác với những lời khuyên đức lý về cái khôn ngoan thông thường ở đời: "tri kỷ tri bỉ", "nhập gia tùy tục, đạo giang tùy khúc", "đi với Phật mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy" ... Bài học cho cuộc sống trần tục hàng ngày chẳng vậy sao? "Khếp mở, riêng chung", đây là những cặp phạm trù mỗi ai trong chúng ta không sống, không gặp ? Dù đối ngay với vợ, với chồng, với mẹ cha, con cái, bạn bè

thân sơ, với người lớn, kẻ nhỏ, kẻ cả với tri kỷ tri âm, ..., phần nào nên khép kín, phần nào nên mở phơi, phần nào nên giữ lại, phần nào nên trải bày. Trong cuộc giao du, tiếp xúc, hợp tác làm ăn, chúng ta đã chẳng phải bao lần khôn ngoan hay bị bắt buộc phải tỏ ra tế nhị, lịch sự trong lời ăn tiếng nói, trong thái độ, hành vi đối với nhau ? Bao lúc ta phải giữ lời, giữ kẽ, phải biết tự hạn chế, phải chịu nhịn, phải biết "hy sinh" dù cái hy sinh nhỏ bé nhất trong một biu môi, liếc mắt, nụ cười hay lời qua tiếng lại. Bởi vì "Niềm thâm thông là một thiết cận nghịch lý" (la communication est ce rapprochement paradoxal - Karl Jaspers), tại vì "Mà trong lẽ phải có người có ta" (ĐTTT). Bộc lộ hết ra, mọi người không mấy thích; giữ hết lại cho mình, thiên hạ cũng không mấy ưa. Biết sao ? Phải "kín kín hở hở" mới vừa thể gian. Ngôn ngữ Nguyễn Du trong Đoạn Trường Tân Thanh "kín kín hở hở" như vậy đấy. Không riêng Nguyễn Du, Phật Thích Ca cũng thế, Chúa Jésus cũng vậy thôi. Khổng kia, Trang nọ cũng cùng một điệu như nhau. Vì thế nên mới có nào ngụ ngôn, trù ngôn, nào ví dụ, ẩn dụ, siêu thực, tượng trưng,... Cuộc đời là như thế đấy. Làm sao ? Khi con người không tin nhau, không thành thật với nhau, còn mãi mãi lo chiếm đoạt lẫn nhau, còn phải là "nghề chơi" và "làng chơi" của nhau và cho nhau thì buộc lòng phải "khếp mở, riêng chung" từng cơn, từng lúc để mình khỏi bị thiệt, để người khỏi bị đau, để cả hai bên, bốn bề cùng có lợi, nói theo ngôn ngữ ngoại giao ngày nay.

Bốn chân lý và hai kinh nghiệm trên cho thấy Tú Bà không chỉ giữ vai trò quan trọng trong tác phẩm (đưa con gái nhà lành vào lầu xanh) mà trở thành "phát ngôn viên" của lẽ sống tại thế của xã hội loài người. Nguyễn Du đã mượn qua lối nói của chủ động mãi dâm dạy nghề làm đi để bóng gió, xa gần phản ánh mặt thực của cuộc sống thế gian hầu từ đó nói đến một cái gì xa xôi, ẩn mật hơn.

Tất cả những điểm nêu trên phần nào đủ để chứng tỏ Đoạn Trường Tân Thanh là một "tác phẩm tư tưởng". Dĩ nhiên còn biết bao điều khác về mặt tư tưởng trong tác phẩm này. Câu hỏi thứ ba đã trả lời. Về câu hỏi thứ nhất: Thế nào là một tác phẩm tư tưởng ? Một tác phẩm tư tưởng không nhằm mô tả, phản ánh hiện thực thường ngày của cá nhân hay xã hội (yêu thương, bình hoạn, nghèo nàn, ghét ghen, đố kỵ,

hận thù, cô đơn, rầy rụa, hòa bình, chiến tranh, chết chóc, ly loạn, phát kiến, phát minh,...) mà chỉ mượn qua những hiện thực đó, qua lối nói của tác giả để đề cập đến cái lý do chính, cái nền tảng nào đã làm phát sinh và chi phối cái hiện thực thường ngày đó, nghĩa là "làm hiển lộ" cái "Tinh thể của Hằng Thế" nơi Hiện hữu thế gian. Và câu hỏi thứ hai: "Tu tưởng là gì?" ? Tu tưởng không là nhận thức, lý luận, luận lý, suy tư dù có kết tập thành hệ thống, thành ý thức hệ như trong Triết học, Tôn giáo, Chính trị, Kinh tế, Khoa học... Tu tưởng không là cách thể luận lý cũng không là thái độ thể nghiệm tự thân; cả hai đều là hình thái, phương cách thể hiện tác động của tu tưởng chứ chưa là tu tưởng. "*Tư tưởng là sự dẫn thân bởi và cho chân lý của Hằng Thế, Hằng Thế mà lịch sử không bao giờ hoàn tất mà trong tình trạng đợi chờ. Lịch sử Hằng Thế gánh chịu và thiết định mọi điều kiện và cảnh huống nhân sinh*" (La pensée est l'engagement par et pour la vérité de l'Être, cet Être dont l'histoire n'est jamais révolue, mais toujours en attente. L'histoire de l'Être supporte et détermine toute condition et situation humaine - M. Heidegger : "Lettre sur l'humanisme", bản dịch Pháp ngữ của Roger Munier trong "Questions 111, Gall. Paris 1966, trang 75). Nói dễ hiểu hơn: Tu tưởng là ngôn ngữ của Hằng Thế (Đạo Thể) qua những biến thái biến dị thiên hình vạn trạng của vạn hữu trong cõi hiện hữu đề cập đến một cái lý nhất quán chung cùng đã làm phát sinh mọi biến thái biến dị cùng nói lên cái ý nghĩa và cái cứu cánh của mọi đổi thay thiên hình vạn trạng đó. Điều này phần nào trùng hợp với cái lẽ "Diệu hữu - Chân Không" nơi giáo lý Phật giáo. Nguyễn Du đã nhìn ra cái "ý nghĩa mới" của Đau khổ qua cái hiện thực trầm thống của nhân gian (cuộc đời Kiều), từ đó báo biểu cái thời điểm "*Đoạn trường số rút tên ra*" không cho riêng Kiều mà cho chung con người và nhân loại. Vì thế, tác phẩm miêu tả một truyện buồn nhưng lại mang chở niềm vui, cái tiếng vui lảng đàng cặp kè dòng hiện hữu trở trêu.

Suy nghĩ như thế, ta mới nhận ra "*Đoạn trường tân thanh*" là một tác phẩm tu tưởng không riêng của dân tộc ta mà chung cho nhân loại nghĩa là chung cho cuộc hiện sinh nhầy nhụa, trở trêu của dòng đời nơi cõi thế. Nhìn ra được điều đó, ta mới nhận ra thiên tài trác tuyệt của Nguyễn Du cùng giá trị ẩn mật, thâm sâu của tác phẩm.

Suy nghĩ như thế, ta mới thông cảm được cái tâm sự bùi ngùi, lê thê, u ẩn, dằng dặc trong lòng Nguyễn Du từ ngày còn ở đất Bắc cho đến lúc về dưới chân Hồng Lĩnh, ngao du suốt 99 ngọn núi này, lúc "đi săn ở núi Hồng" (Hồng sơn liệt hộ), lúc "đi câu ở biển Nam" (Nam hải điếu đồ), nón mê chân trần hay lúc ra làm quan với triều Nguyễn, lặng lẽ âm thầm không bàn quốc sự, làm quan mà cứ tìm cách xin nghỉ cho đến lúc ốm không chịu thuốc thang, lúc chết không một lời trần trối, cái tâm sự của kẻ "*Thiên tuế trường ưu vị tử tiên*" (Trước khi chết vẫn nghĩ nghìn sau chuyện thế trần, thơ Nguyễn Du).



Suy nghĩ như thế, ta mới vỡ lẽ ra hai câu thơ Đường khắc khoải sầu đau vừa ai oán lầy lờn vừa như thách thức nhân gian:

- *Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như ?*

Suy nghĩ như thế, ta mới nhìn ra thiên tài Nguyễn Du, mới thấy rằng Nguyễn Du đã đi trước thời đại, mới thấy nỗi cô đơn suốt mặt của thiên tài không hẳn vì cảnh sống nghèo nàn, vì công danh trắc trở, vì dòng họ suy tàn, vì chí hướng không thành, vì hoàn cảnh xã hội, vì bất đắc chí, vì sinh bất phùng thời, vì xót thương cho hồng nhan bạc phận, cũng không vì thiếu tri kỷ, tri âm. Con người, mỗi người, nhìn chung, có bốn thứ cô đơn: cô đơn trong cuộc sống (nghèo nàn, không nơi ăn chốn ở, không điều kiện nuôi sống tấm thân), cô đơn trong tình cảm, cô đơn trong chí hướng, cô đơn trong tư tưởng. Ba cô đơn đầu thế nào rồi cũng có thể vượt qua phần nào đấy nếu không hoàn toàn. Riêng cô đơn trong tư tưởng thì dằng dặc lê thê vì tư tưởng đi trước thời đại, đương thời không nhận ra mà còn cho "khùng, điên, quái dị" phỏng theo lời Jesus : "*Kẻ tiên tri luôn bị khi dễ nơi xứ sở mình*".

Suy nghĩ như thế, ta mới nhận ra vận hành lịch sử của nhân sinh, cái thời điểm "*Đoạn trường số rút tên ra*" sau cả dọc dài truân chuyên lệ máu, cái vận hành mà nhà tư tưởng Đức Quốc, cách Nguyễn Du hơn trăm rưởi năm sau đã nói "*Bởi tiếng gọi từ một nguyên số thẳm thẳm, một miền cổ quận được hoàn trả cho chúng ta*". Nhân loại đang đầu thương cùng cực, đang rối rắm trăm bề vạn mối, nhân loại đang vào một "*đụng đầu lịch sử*" của vận hành nhân thế với vận hành của Tiếng gọi từ nguyên sơ, "*đụng đầu lịch sử*" của Biệt nghiệp con người, biệt nghiệp từng quốc gia dân tộc với cái Cộng nghiệp chung của chúng loại người. Cuộc đụng đầu lịch sử đó sẽ lấm tang thương, gây đổ nhưng là để dẫn đến thời điểm "*Túc khiên đã rửa lằng lằng sạch rồi*" hầu "*Đoạn trường số rút tên ra*" để mở ra "*Chân trời hào quang tính thể*" (l'ouverture de l'horizon de l'Être-M. Heidegger) trong giờ "*Muôn vật đổi dời*" (Jesus) cho khắp cõi nhân quần. Nhân loại già nua, nhân loại trẻ lại, giờ phút hồi sinh hay phục sinh của con người, miễn là biết "*Hồi đầu thị nạn*" vì "*Phúc họa đạo trời*" nhưng "*Cổ nguồn cũng ở lòng người mà ra*". Đây là cái "*Tiếng Vui*" gùn ghè, cận lập, quanh quẩn xa gần bên "*nỗi buồn tại thế*" của nhân sinh.

Ôi, Nguyễn Du ! Xin mạn phép chia xẻ nỗi cô đơn của Người dù người viết mức độ Đạo lý và Đạo tâm chưa đủ để hiểu được Người. Chỉ xin đọc thơ Người để nhận ra "*Niềm vui Lê Đạo đang đưa đường trần*" (Trần Minh Xuân), cái "*Tiếng Vui*" xa mà gần, mơ màng, bàng bạc dàn trải mệnh mang nơi cảnh đời tại thế trắc trở thương đau. "*Tiếng Vui*" đó chập chờn, ẩn hiện qua "*Tiếng Thơ*" của Người, cái "*Tiếng Thơ*" đã âm ỉ nơi tâm thức người Việt Nam qua bao thế hệ và sẽ mãi ngân vang không riêng nơi người Việt Nam mà khắp cùng thế giới đất diu nhân loại "*đồng quy nhi thù đồ*" :

- Tiếng xưa còn vắng lời tâm sự
Thấp sáng trên đầu sông núi đen.
N.T. (Gởi người Em Việt Nam)

Trévoux, France tháng 9/2000

(Xin đọc : "*Đoạn Trường Tân Thanh : Tiếng Vui trong Lối Buồn*" của Nguyễn Thùy và Trần Minh Xuân , (tập 1) nxb Mekong Ty nạn, San José, California 1993 để rõ hơn).•

Nguyễn Nghi

em Nguyễn Du

tác giả truyện thơ

Quân Trung Đối

một ngôi sao sáng văn học

Việt Nam bị lãng quên

Nhất Uyên

Nguyễn Du không phải là ngôi sao sáng đơn độc giữa nền trời văn học Việt Nam, mà là một ngôi sao sáng giữa một chòm sao mà Giáo sư Hoàng Xuân Hãn gọi là Hồng Sơn văn phái bao gồm hai họ chính Nguyễn Tiên Điền và Nguyễn Huy Trường Lưu với hai truyện thơ nôm tuyệt tác Đoạn Trường Tân Thanh và Hoa Tiên.

Riêng về họ Nguyễn Tiên Điền đã có những tên tuổi nổi bật: Nguyễn Nhiệm viết Nam dương tạp yếu kinh nguyên, Nguyễn Quỳnh viết Đại biểu chân kinh, Từ Ấu chân truyền, Nguyễn Nghiễm viết Quân Trung liên vịnh, Xuân Đình Tạp vịnh, Viết sử bị lâm, Lạng Sơn đoàn thành đồ chí, Cổ lễ nhạc chương thi văn tập, Khổng Tử mộng Chu Công, Nguyễn Nể viết Quế Hiên thi tập, Hoa Trinh tiền hậu tập, Nguyễn Du viết Thanh Hiên tiền hậu tập, Nam Trung tạp ngâm, Bắc hành tạp lục, Đoạn Trường Tân Thanh, Văn Tế chiêu hồn, Văn Tế Trường Lưu nhị nữ, Thác lời trai phường nón, Nguyễn Nghi viết Châu Trần di cao, truyện thơ Quân Trung Đối, Nguyễn Thiện viết Đông phủ thi tập, Huyền cơ đạo thuật bí thư, Nhuận bút Hoa Tiên, Nguyễn Hành viết Quan Đông Hải thi tập, Minh Quyên thi tập, Thiên Hạ nhân vật thư...

Chưa kể những bài ca quan Lại Bộ Thượng Thư Nguyễn Khả một thời được nhân gian thi đua nhau hát, và nhiều tác phẩm bị mất mát trong cơn binh lửa loạn kiều binh đốt cháy dinh

cơ họ Nguyễn ở phường Bích Câu, và sau cuộc khởi nghĩa Nguyễn Quỳnh năm 1878 toàn làng Tiên Điền bị đốt sạch. Người đương thời cho rằng nước Nam có An Nam ngữ tuyệt, năm người văn chương tài hoa nhất nước Nam thì họ Nguyễn Tiên Điền có hai người là Nguyễn Du và cháu là Nguyễn Hành.

Họ Nguyễn Tiên Điền là một dòng dõi khoa bảng. Đỗ Tiến Sĩ có: Nguyễn Nghiễm, Hoàng Giáp Tân Hợi 1731, Nguyễn Huệ 1733, Nguyễn Khả 1760, Nguyễn Tản 1812, Nguyễn Mai 1904.

Đỗ Tứ Tường gọi là Cống sinh hay Cử Nhân có: Nguyễn Trọng 1732, Nguyễn Điều, Nguyễn Trụ, Nguyễn Trứ, Nguyễn Nể, Nguyễn Thiện, Nguyễn Nhung.

Đỗ Tam Tường gọi là Sinh đồ hay Tú Tài có: Nguyễn Sĩ, Nguyễn Quỳnh, Nguyễn Du, Nguyễn Hạp, Nguyễn Thục, Nguyễn Giản, Nguyễn Thúc, Nguyễn Thúu.

Họ Nguyễn Tiên Điền còn có nhiều danh y nổi tiếng: Nguyễn Nhiệm, Nguyễn Quỳnh, Nguyễn Trọng, Nguyễn Nhung, Nguyễn Nghi, Nguyễn Thị Uyên, Nguyễn Cảnh ...

Và hai người có tài kiến trúc nổi danh là Nguyễn Khả xây dựng nhiều công trình phủ Chúa Trịnh, và Nguyễn Úc người vẽ kiểu và chỉ huy xây dựng cung điện, đền đài kinh thành Huế thời Gia Long, Minh Mạng.

Tiếc rằng các tác phẩm Hồng Sơn Văn phái đều viết bằng chữ Hán, chỉ có ba truyện thơ nôm. Truyện Kiều và Hoa Tiên ai cũng biết nhưng còn một truyện thơ nôm thứ ba bị rơi vào quên lãng, truyện thơ **Quân Trung Đối** 1130 câu lục bát, về giá trị văn chương Giáo sư Nghiễm Toàn cho rằng Quân Trung Đối xấp xỉ với Nhị Độ Mai. Theo cụ Tú Bình tác phẩm này tuy không thể sánh với Đoạn Trường Tân Thanh được, nhưng cũng không phải là một tài liệu văn học không đáng kể. Cụ Thanh Bối Cúc Khê phụ trong bài tựa viết: "vỡ vụn trong 12 hồi, mà có biết bao nhiêu sự việc khiến cho ta đáng kính; đáng hài, đáng mừng, đáng xót, lòng người, thói đời, đọc qua đều có thể tưởng tượng ra được,... Còn đến các dàn bài thì cận mật chặt chẽ, đến nơi đến chốn, động tác tiến triển theo thứ tự ngay ngắn trọn vẹn, văn viết bắt, buông có phép, việc chính yếu, việc

hiếm lạ, tự việc này dẫn sinh ra việc nọ, âm hưởng tiết điệu lại đầy đủ như kèn trống hợp hòa.

Trong văn chương, Quân Trung Đối thực là cổ nghệ thuật già giặn của văn Trung Hoa, ví bằng lấy đem bày vào mặt trận văn Nôm nước nhà, âu cũng là một cánh quân hùng mạnh...

Cụ Đạm Trai trong lời bình dẫn viết: "Đoạn Trường Tân Thanh của anh ông nổi trận trống kèn, nay lại có Quân Trung Đối lên tiếng nổi theo. Nói về nguy nga, nghiêm chỉnh, tươi đẹp dồi dào, dường như ông phải nhường anh, nhưng nếu xét về cốt cách thuần hậu, nhã nhặn dịu dàng, ông thực đủ xưng hùng, làm địch thủ lợi hại của anh, và cũng khó phân biệt anh, em, ai hơn ai kém".

Quân Trung Đối đã từng được khắc in: Lễ Môn Đường ở Hà Nội in năm Tự Đức, Kỷ Mão 1879. Hiệu Quảng Thành ở Nam Định in năm 1910. Và nhà in Văn Minh ở Hải Phòng in năm 1911. Các ấn bản này đều ghi tên sách Trung Quân Đối diễn ca và không có ghi tên tác giả. Hiện có ba ấn bản còn lưu giữ tại Thư Viện Quốc Gia Pháp, Trường Viễn Đông Bác Cổ Paris, và Viện Hán-Nôm Hà Nội.

Theo GS. Võ Thu Tịnh, vào khoảng năm 1922 thân sinh ông là cụ Võ Hoành, đỗ Phó Bảng năm 1910, làm Tri Phủ Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, có đến chơi với gia đình họ Nguyễn Tiên Điền và sao chép được một bản tên là Quân Trung Đối, có ghi rõ tác giả là Nguyễn Chu Kiều, em Nguyễn Du. Đến năm 1959 trong khi tổng học tại Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, ông có trình bản chép tay của thân sinh ông cho Giáo sư Nghiễm Toàn xem. Giáo sư Nghiễm Toàn đã so sánh với các văn bản đã ấn hành năm 1910, 1911 để hiệu đính chính văn, chú giải các danh từ, điển tích, nhận xét và phê bình. Công trình biên khảo của Giáo sư được đăng làm nhiều kỳ trên tạp chí Luận Đàm ở Sài Gòn từ năm 1961, bộ I số 4 cho đến năm 1962, bộ II số 9. Các văn bản Quân Trung Đối ngày nay không dễ tìm.

Năm 1995, GS Võ Thu Tịnh, tuổi đã cao không quản công, đã cặm cụi đánh máy trình bày, cho xuất bản tại nhà Đông Nam Á, 17 rue Cardinal Lemoine 75005 Paris. Tiếc thay một công trình văn học quan trọng như thế không được ai giới thiệu trên báo chí nên ít người biết mà tìm đọc.

Nguyễn Chu Kiêu là ai ? Do việc thiếu tư liệu, GS Võ Thu Tịnh cho Chu Kiêu là bút danh của Nguyễn Úc, em cùng cha cùng mẹ với Nguyễn Du, điều này không đúng với bài bình dẫn của cụ Đạm Trai: *Ông tránh loạn Tây Sơn, giấu mình trong nghề làm thuốc, bên thôi không cầu ra làm quan. Ông giữ vững chí mình, yên với cảnh nghèo, đem đạo phải và thẳng ngay ra dạy con.* Nguyễn Úc con thứ 8 cụ Nguyễn Nghiễm, không làm nghề thuốc, không ở ẩn, mà ra làm Quan Giám Đội tại Bộ Công, là Kiến trúc sư, các công trình cung điện, đền miếu, chùa xây dựng trong thời Gia Long, Minh Mạng tại Huế còn tồn tại đến ngày nay, đều do công vẽ kiểu và chỉ huy xây dựng, ông được phong tước Súc Nhạc Hầu.

Dựa vào Gia phả họ Nguyễn Tiên Điền do cụ Lê Thuốc và Nguyễn Duật dịch, tôi xác nhận Nguyễn Chu Kiêu, tên thật là Nguyễn Nghi tên chữ là Hồng Vĩ, còn có hiệu là Lạc Am, con thứ 10 cụ Nguyễn Nghiễm, mẹ là bà Nguyễn Thị Xuân quê ở Tiều Sơn Bắc Ninh. Ông giỏi văn chương ham làm nghề thuốc thường dạy học ở làng Châu Trần, xã An Lạc được mọi người kính yêu rồi làm nhà ở đó, do đó ông lấy hiệu là Chu Kiêu. Tính tình ông nghiêm nghị, có đức, thường kết giao với những danh nhân. Thơ văn ông được chép lại thành tập Châu Trần di cáo. Nguyễn Nghi có làm bài văn điếu người cháu là bà Nguyễn Thị Uyên, con Nguyễn Trứ, làm thuốc giỏi được vua Gia Long tuyển vào cung. Sau bà trở về quê mẹ ở huyện Yên Phong Bắc Ninh và mất ở đó, hưởng dương 49 tuổi. Nguyễn Nghi sinh năm nào, ông được xếp hạng thứ 10, sau Nguyễn Du thứ bảy, cậu Chiêu Bày, chắc chắn ông nhỏ tuổi hơn Nguyễn Du.

Quan Tư Đồ Nguyễn Nghiễm (1708-1775) có 8 người vợ và 21 người con, trong đó 12 người con trai:

1. Nguyễn Khản (1734-1786) con bà Đặng Thị Dương, đỗ Tiến sĩ, Thượng Thư Bộ Lại, cha Nguyễn Thiện.

2. Nguyễn Điều tức Điền (?-1786) con bà Đặng Thị Tuyết, đỗ Tú Trường; Hiệp Trấn Sơn Tây, cha Nguyễn Hành.

3. Nguyễn Trụ tức Dao (1757-1776) con bà Trần Thị Tần, đỗ Tú Trường năm 15 tuổi, được phong chức Hồng Lô Tự Thừa, mất sớm năm 18 tuổi.

4. Nguyễn Quỳnh (1757-1787) con bà Nguyễn Thị Xuyên, đỗ Tam Trường, làm chức Tả Trấn đội, nổi lên chống Tây Sơn, bị giết, làng Tiên Điền bị đốt sạch.

5. Nguyễn Nhung ? con bà Hồ Thị Ngạn, đỗ Tú Trường năm Quý Mão, 1784.

6. Nguyễn Nể tức Đề (1761-1805) con bà Trần Thị Tần, đỗ Tú Trường năm Kỷ Hợi, 1780, làm quan Tây Sơn.

7. Nguyễn Du (1766-1820) con bà Trần Thị Tần, đỗ Tam Trường, làm quan Chánh sứ Nhà Nguyễn.

8. Nguyễn Úc (1767-1823) con bà Trần Thị Tần. "Kiến trúc sư" xây dựng cung điện, đền đài kinh thành Huế.

9. Nguyễn Trứ (1768- ?) con Bà Nguyễn Thị Xuân, làm nghề thuốc, cha Nguyễn Thị Uyên.

10. Nguyễn Nghi, con bà Nguyễn Thị Xuân, làm nghề thuốc, cha Nguyễn Tán đỗ Tiến sĩ.

11. Nguyễn Cảnh ? danh y, Nguyễn Hành tôn là "Lương tướng".

Nguyễn Nghi con trai thứ 10, cậu Chiêu Mười, ta có thể phỏng đoán ông sinh khoảng năm 1770, khi cụ Nguyễn Nghiễm mất năm Ất Mùi tức ngày 7.1.1776, ông mới 6 tuổi, ông và anh là Nguyễn Trứ được cha mẹ đưa về Bắc Ninh. Ông sinh trong thời đại Vua Lê Chúa Trịnh sụp đổ năm 1789, không còn tổ chức thi cử, nên ông lấy nghề thuốc và nghề dạy học làm kế sinh nhai. Nghề thuốc vốn là nghề gia truyền họ Nguyễn Tiên Điền từ ông tổ 7 đời là Nguyễn Nhiệm, trong họ đời nào cũng có thầy thuốc giỏi nổi tiếng là lương tướng.

Bài tựa của Thanh Bối Cúc Khê Phu cho biết: sách trăm nhà ông cũng rộng xem, cho đến những câu chuyện nhân đàm bên chén rượu và tiểu thuyết tâm thường ông đều đọc tới.

Bài dẫn Quân Trung Đối của cụ Đạm Trai Nhữ Nguyên Lập cho ta biết Nguyễn Chu Kiêu có con trai là Nguyễn Tản hay Toàn đậu Tam Giáp đồng Tiến sĩ thứ năm khoa Nhâm Thìn 1832, làm quan Viên Ngoại Lang 1834.

Trong Quốc Triều hương khoa lục, do Cao Xuân Dục soạn ấn hành năm Thành Thái, Quý Tỵ 1893, ghi rõ: "Nguyễn Tản (Toàn) người xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Nghệ An, nhà ở xã Cấm Chương thuộc Bắc

Ninh, đậu Cử Nhân khoa Mậu Tý 1828, trường Thăng Long rồi đậu đồng Tiến sĩ khoa Nhâm Thìn 1832, làm quan tới chức Viên Ngoại Lang, bị miễn.

Trong lời tựa, Thanh Bối Cúc Khê Phu cho rằng Nguyễn Chu Kiêu mượn chuyện Quân Trung Đối để nói lên nỗi lòng của mình, mà vẫn dùng để khiến cho lời nói được đầy đủ. Văn chương người đời cổ thường mượn truyện trai gái, vợ chồng, hoàn toàn cốt để gửi ý vào? Vì rằng trong đạo vua tôi, bạn bè, vợ chồng, đều lấy nghĩa mà hợp với nhau, chỗ này có tình mà không nói được ra, ắt tạm mượn chỗ kia để gửi tình, ngõ hầu nổi lòng ngay thực ở bên trong, người ta có thể lượng xét được vậy. Cuốn Quân Trung Đối diễn ra quốc ngữ Nôm hoặc cũng thác gửi, có phải vậy chăng ?".

Anh em Nguyễn Du, mỗi người một lập trường tùy theo thời thế. Cha Nguyễn Nghiễm quan Tư Đồ, anh Nguyễn Khản làm quan Lại Bộ Thượng Thư tương đương với chức Thủ Tướng ngày nay, anh là Nguyễn Điều làm Hiệp Trấn Sơn Tây lập trường trung thành với Vua Lê Chúa Trịnh. Nguyễn Nể làm quan Tây Sơn từng đi sứ, Nguyễn Quỳnh chống Tây Sơn bị giết. Nguyễn Du, Nguyễn Úc ra làm quan nhà Nguyễn thì Nguyễn Trứ, Nguyễn Nghi ẩn dật nhất định trung thành với nhà Lê, không tham dự các khoa thi năm 1804, 1813. Du luận đương thời cho rằng nếu Nguyễn Du mượn Truyện Kiều, để gửi gắm tâm sự một tội hai chủ, thì Nguyễn Chu Kiêu mượn câu chuyện La Thành và Đậu Tuyển Nương trong Quân Trung Đối để gửi gắm tắc lòng kiên trung, với dụng ý chê anh mình ra làm quan nhà Nguyễn. Vì vậy ở thời nhà Nguyễn tác phẩm này không thể công khai phổ biến. Vào các năm 1789, 1910, 1911 có người đem xuất bản nhưng phải đổi tên lại là Trung Quân Đối và không ghi tên tác giả.

Nguyễn Chu Kiêu mượn tình duyên giữa hai kẻ thù, La Thành và Đậu Tuyển Nương đánh nhau giữa trận tiền bách phân thắng bại, đem lòng yêu nhau và đính ước thề nguyện, hai người yêu nhau trung trinh với nhau vượt qua bao khó khăn, nạn khổ, cuối cùng kết hôn với nhau. Tấm gương trung trinh của Nguyễn Chu Kiêu phản bác hành vi bội ước của nàng Kiều trong Đoạn Trường Tân Thanh. Đồng thời thanh minh vì sao ông chọn cuộc

sống thanh bần: làm thuốc dạy học, không cầu xuất chính và ngụ ý trách các anh Nguyễn Nễ, Nguyễn Du, Nguyễn Úc, đưa người của trước, rước người của sau như cô gái lầu xanh họ Vương.

Tâm sự hoài Lê của Nguyễn Nghi, không chỉ là niềm ước mơ suông, mà năm 1833, một năm trước khi Đạm Trai viết bài bình dẫn Quân Trung Đối đã nổ ra cuộc khởi nghĩa của con cháu nhà Lê: Lê Duy Lương chiếm nhiều châu huyện tỉnh Ninh Bình. Vua Minh Mạng sai Tạ Quang Cự đem quân đánh bắt Lê Duy Lương giải về kinh trị tội và sau đó đày con cháu nhà Lê vào các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và bắt đổi cả họ.

Trong hoàn cảnh chính trị nghiêm trọng như thế, mà Quân Trung Đối có tâm sự hoài Lê, có thể bị ghép vào tội phản nghịch. Con trai tác giả Nguyễn Tân đỗ Tiến sĩ, làm quan đến chức Viên Ngoại Lang bị miễn chức có phải chăng vì truyện thơ Quân Trung Đối của cha mà bị triều đình đàn hặc? Đó cũng là lý do phải bốn mươi năm sau cuối đời Tự Đức 1879 truyện thơ mới được in ra Quân Trung Đối được sửa thành Trung Quân Đối Diễn Ca và bỏ qua tên tác giả.

Theo GS Võ Thu Tịnh, thật ra "Quân Trung Đối" hay "Trung Quân Đối" đều cùng một nghĩa như nhau: Giữa (trung) đám ba quân mà kết thành đôi lứa (đối), song viết Quân Trung trong cú pháp (sắp ngược chữ) của Trung Hoa, còn viết Trung Quân là theo cú pháp sắp xuôi của Việt Nam, cả hai đều diễn tả một ý nghĩa "giữa ba quân".

Các ấn bản in năm 1910 và 1911, mỗi trang nửa trên in chữ Nôm, nửa dưới in chữ quốc ngữ, sau thời kỳ các phong trào Đông Kinh nghĩa thực, Duy Tân, tâm sự hoài Lê không còn nữa, các người ấn hành nhằm phổ biến tấm lòng trung trinh yêu nước, đề cao tinh thần dân tộc, chống Pháp đối kháng với các cuộc thi Vịnh Kiều do quan Tổng Đốc Lê Hoan tổ chức. Các văn bản này đều không ghi tên tác giả trừ các bản Nôm chép tay lưu truyền trong họ Nguyễn Tiên Điền và cụ Võ Hoành sao chép lại được.

Theo GS Nghiêm Toàn: Bản in 1910 của Đô Ha Xuyên hiệu Quảng Thành, 20 phố Bắc Ninh, tỉnh Nam Định, sách gồm 110 trang giấy tay ngoài bìa có vẽ hình hai tướng một trai

một gái đánh nhau trước cửa thành trên đề hai chữ nhỏ Lạc Thọ. Trước năm 1954 bản lưu trữ tại Trường Viễn Đông Bác Cổ mang số Q 80121. Bản in năm 1911 trên giấy Tây do nhà Văn Minh Hải Phòng ngoài bìa đề Trung Quân Đối của Xuân Lan phiên âm ra quốc ngữ và xuất bản. Bản này trước năm 1954 lưu trữ tại Trường Viễn Đông Bác Cổ số 80121. Hai bản đóng chung lại mang số AB 121. GS Nghiêm Toàn cố công tìm kiếm tác giả khuyết danh thì năm 1959, nhờ có bản chép tay gia truyền của ông Võ Thu Tịnh cho mượn, nên đã xác định được tác giả là Nguyễn Chu Kiều, sách chép tay còn có bài tựa của Thanh Bối Cúc Khê Phu và bài bình dẫn của cụ Đạm Trai Nhữ Nguyễn Lập.

Theo Đại Nam Nhất Thống Chí, tỉnh Thanh Hóa: Nhữ Bá Sỹ hiệu là Đạm Trai, quê ở Cát Xuyên, huyện Hoằng Hóa, sinh năm 1787, ba mươi tuổi đậu Cử Nhân khoa Tân Tỵ 1832, làm quan tới chức Lang Trung, nhưng khi vào Quảng Ngãi coi thuế đường, ông mắc tội bị giáng chức, rồi vàng lệnh đi công cán sang Lữ Tống và Quảng Đông cùng ông Lý Văn Phúc 1833.

Khi về, ông được khai phục, bổ chức Huấn Đạo huyện An Lạc, rồi Học Chính Sơn Tây, sau thăng Giáo thụ huyện Hoài Đức. Ít lâu ông xin nghỉ về quê. Thời Tự Đức, triều đình ba lần gọi ông ra làm quan, song ông đều từ chối. Năm Tự Đức thứ sáu 1854 tiến ông lên làm Hàn Lâm trước tác và bổ ông làm Đốc Học Tĩnh Thanh, được ít lâu sau ông lại dâng sớ xin về nhà dạy học. Học trò ông nhiều người thành đạt, tài đức ông trong châu quận không ai là không hâm mộ. Ông mất năm Tự Đức thứ mười hai thọ 80 tuổi. Hai con ông Nhữ Dĩ Huyền đậu Cử nhân khoa Ất Mão năm Tự Đức thứ tám và Nhữ Tri Thuật đậu Cử Nhân khoa Canh Ngọ năm Tự Đức thứ 23.

Tác phẩm ông để lại gồm có: Dịch Hệ giải thuyết, Đại Học đồ thuyết, Việt Nam tam bách vịnh, Thanh Hóa tỉnh chí, Việt hành tạp thảo, Nghi Am học thức, Nghi Am biệt lục, Đạm Trai thi văn tập, và Đạm Trai quan nghi.

Quân Trung Đối, có lẽ dựa vào một quyển tiểu thuyết diễn nghĩa bằng chữ Hán cho đến nay chưa thấy lưu hành tại Việt Nam, tuy nhiên những nhân vật quen thuộc qua những tiểu thuyết thuộc loại diễn nghĩa như: Thuyết Đường, Lan Thông Tào Bắc... Là

chuyện diễn nghĩa, cốt truyện được thêm bớt, do tác giả đặt bày ra có khi khác xa những ghi chép trong chính sử Trung Hoa. Về mặt chính sử Trung Hoa: Đậu Kiến Đức, La Nghệ đánh nhau tháng 9 năm 620. Đậu Kiến Đức, Đôn Hùng Tín bị nhà Đường giết năm 621 và La Nghệ làm phản bị giết năm 627. Chính sử chép Đậu Kiến Đức bị chém chết. Thuyết Đường Diễn Nghĩa chép bị La Thành bắt sống giải về gần kinh thành, bị Tần Thúc Bảo theo kế Từ Mậu Công nổi lửa đốt chết để trừ hậu hoạn. Trong Quân Trung Đối, Đậu Kiến Đức được Vua Đường tha tội và xuất gia đầu Phật. La Thành và Đậu Tuyến Nương không có tên trong chính sử Trung Hoa, trong Thuyết Đường cũng không nói đến vị anh thư họ Đậu, nhưng La Thành là một nhân vật anh hùng trong Thuyết Đường đoạt Trạng Nguyên Khôi trong cuộc khảo võ ở Giang Đô. Đặc biệt có "Hồi mã thương gia truyền". Cốt truyện Quân Trung Đối, tuy mang tên những nhân vật có thật trong chính sử Trung Hoa, nhưng hoạt động đều được thêm thắt thêm bớt.

LƯỢC THUẬT CỐT TRUYỆN

Quân Trung Đối chia làm 12 hồi theo bản C

1. Câu 1 đến 40. Về đời Tùy Đường, ở Bối Châu có Đậu Kiến Đức, dòng dõi anh hùng, sinh một gái Tuyến Nương, nhan sắc, tài giỏi không ai bằng, mồ cô mẹ được cha thương yêu, nhưng vì nổi tiếng đẹp nên nàng có tên trong sổ bị tuyển vào cung nhà Tùy. Không đủ vàng hối lộ để khỏi bị tiến nạp vào cung, nên Kiến Đức bảo nàng cải trang lánh sang ở tạm cùng Á Liên con gái Đôn Hùng Tín là bạn chí thân.

2. Câu 41 đến 62. Kiến Đức dấy nghiệp xưng Hạ Vương đóng đô tại Lạc Thọ Thành, cưới vợ kế họ Tào, phong Tuyến Nương làm Công Chúa Dũng An. Tuyến Nương tự luyện tập riêng một đội nữ binh, giúp cha chinh phạt.

3. Câu 63 đến 232. Có sứ nhà Đường bên Tấn Dương tới ước hẹn với Kiến Đức cùng công phá thành Quan Trung, nhưng Tuyến Nương bàn với cha rằng sự La Nghệ ở U Châu thừa cơ đánh úp, nên quyết dẹp yên U Châu trước rồi mới đánh Quan Trung. Quân tiên phong của Đậu Kiến Đức bị La Thành con La Nghệ đột kích phá trại, vừa lúc Tuyến Nương đem nữ binh

đến tiếp ứng. Thành trông thấy thầm khen nhan sắc nàng, hai người giao tranh trong hai mươi hiệp ngang tay bất phân thắng bại, phục tải nhau, đem lòng cảm mến nhau. La Thành muốn thử lòng nàng bắn sang một mũi tên đã vút bỏ đầu nhọn. Tuyền Nương đưa tay đón bắt thấy có khắc tính danh La Thành, đáp lễ bằng viên đạn vàng khắc rõ tên họ nàng, bắn vào bông mũ La Thành. La Thành đề nghị giải hòa và ngỏ lời cầu hôn. Tuyền Nương nói xin chờ lệnh vua cha. Hai bên dùng tên đạn vừa bắn nhau để làm của tin, để dính ước, rồi cùng thâu quân. Đậu Kiến Đức đem quân trở về đánh Quan Trung. Thời gian trôi qua, thẩm thoát đã hai năm, hai bên La Thành và Đậu Tuyền Nương đều nặng tình thương nhớ nhau, song vì hai bên giao tranh cừu địch nên khó mà liên lạc với nhau được. Vừa có sứ Quan Trung là Tề Quốc Viễn đến mừng thọ La Nghệ sắp ra về, La Thành chợt nhớ mình có người bạn là Tần Thúc Bảo là chỗ quen thân với Đôn Hùng Tín, bạn thâm giao với Đậu Kiến Đức, chắc Thúc Bảo có thể nhờ Đôn Hùng Tín giúp cho việc cầu hôn Tuyền Nương. La Thành liền viết thư trao cho Tề Quốc Viễn đem về đưa lại cho Tần Thúc Bảo.

4. Câu 233 đến 328. Về phần Đậu Tuyền Nương ngày đêm thương nhớ La Thành, muốn khuây khỏa, nàng xin vua cha cho đi hành hương ở một ngôi chùa núi Tây. Trên đường về đến đồi Diêm Cương gặp một đoàn quân người Đột Quyết, hai bên đánh nhau nàng bắt được hai viên tướng. Tra hỏi thì một tên là Hoa Mộc Lan, là gái cải trang thành trai thay cha đánh giặc, Tuyền Nương động lòng hiếu thảo của Mộc Lan nên cùng nhau kết nghĩa chị em, còn tướng kia lại là Tề Quốc Viễn, từ Quan Trung đi mừng thọ La Nghệ về. Muốn chứng tỏ tình ngay, Tề Quốc Viễn trình bức thư của La Thành nhờ gửi cho Tần Thúc Bảo. Tuyền Nương xem thư mới rõ La Thành nhờ Tần Thúc Bảo, Nhị Hiền Đôn Hùng Tín đứng lên làm mối nàng và La Thành. Biết câu chuyện không thể nào thành tựu được vì hai họ đang là thù nghịch, tranh chấp nhau, hơn nữa nàng không dám đem chuyện giao ước của mình giữa trận với La Thành là tướng bên phe thù nghịch mà trình lên vua cha, cho nên Tuyền Nương quyết chí hy sinh. Nàng tráo đổi thư khác, sửa lại là La Thành nhờ Thúc Bảo làm mối Ái Liên, con của Đôn Hùng Tín cho mình. Nhưng trong lòng Tuyền Nương buồn

khổ vô cùng, cuộc tình duyên với nàng và La Thành đành hẹn kiếp sau.

5. Câu 329 đến 351. Đậu Kiến Đức xuất binh Tây chinh, tiến về ài Hồ Lao, vừa qua Ngưu Khẩu bỗng bị quân Đường đánh úp. Lỡ cơ thất trận, tình hình không thể cứu vãn được, muốn cho quân sĩ thoát khỏi cuộc tàn sát. Đậu Kiến Đức ra hàng và bị bắt nhốt vào xe tù.

Được tin chồng bị bắt Tào Phi dặn dò mọi việc lại cho Tuyền Nương, rồi uống thuốc độc tự tử.

6. Câu 352 đến 472. Đậu Tuyền Nương giải tán đội nữ binh và cùng Hoa Mộc Lan vào bệ kiến vua Đường, để xin chịu chết thế cho cha. Vua Đường cảm động ngợi khen lòng hiếu thảo của Tuyền Nương không những tha tội cho Đậu Kiến Đức, mà còn muốn dùng Kiến Đức làm phen giầu cho nhà Đường, nhưng Kiến Đức tạ ơn và xin được đi tu. Vua Đường chiều lòng và ban cho một cảnh chùa. Đậu Hoàng hậu nghe chuyện, cho đòi Tuyền Nương và Mộc Lan cùng vào cung xem mặt. Sau khi hỏi rõ thân thế lai lịch, Hoàng hậu nhận Tuyền Nương làm cháu, vì cùng một họ Đậu, lại muốn lưu giữ trong cung, để ngày sau gây dựng cho Tuyền Nương, nàng tạ ơn, nhưng xin được về quê cư tang Tào Thị, Hoàng hậu chuẩn tấu cấp cho hành lý và một trăm lạng vàng. Tuyền Nương gặp lại cha Đậu Kiến Đức dặn dò mọi việc rồi hai cha con khóc lóc chia tay.

7. Câu 473 đến 516. Tuyền Nương vô Lạc Thọ, cảnh nước mắt nhà tan gọi cho nàng bao mối thương tâm hoài cảm. Nàng thủ hiếu cùng Mộc Lan ở một gian lều tranh dựng bên mộ Tào Thị, ngày đêm sầu khổ hết lo nghĩ cho cha, lại nhớ thương La Thành, không rõ việc tráo thư gửi cho Tần Thúc Bảo. Ái Liên và La Thành có thành đôi lứa được chăng ?

8. Câu 517 đến 608. Mộc Lan xin phép Tuyền Nương về thăm nhà. Tuyền Nương tặng cho một trăm lạng vàng, cấp cho hai tỷ nữ rồi gửi một bức thư và chiếc tên bị bê mũi nhọn trên trận ngày trước, nhờ trao lại cho La Thành. Mộc Lan thề quyết làm đúng như lời. Về đến nhà mới hay cha mẹ đã qua đời, chỉ còn mỗi cô em gái là Hựu Lan. Chưa kịp ngày đem thư Đậu Tuyền Nương đến cho La Thành, thì bỗng có tên Man tặc đến ép duyên buộc Mộc Lan phải làm tiểu thiếp, dọa

rằng nếu không ưng thuận sẽ giết hết họ hàng. Cùng đường Mộc Lan liền giao tên và thư cho Hựu Lan nhờ thay mình chuyển đến tận tay La Thành, rồi gieo mình xuống giếng tự tử. Hựu Lan cho một tỷ nữ về báo tin cho Tuyền Nương hay, và nàng cùng một tỷ nữ khác lên đường đi U Châu trao thư cho La Thành.

9. Câu 609 đến 784. Sau khi an táng Mộc Lan xong, Hựu Lan cùng nữ tỷ cải nam trang đi U Châu. La Thành đang đau lòng chờ đợi, và ngạc nhiên thư nhờ Tần Thúc Bảo và Đôn Hùng Tín không thấy trả lời, nay cơ đồ họ Đậu đổ nát không biết Tuyền Nương giờ ra sao, bỗng thấy Hựu Lan đem thư đến. Đọc thấy Tuyền Nương xin bỏ lời thề xưa vì ngày nay nàng và La Thành sang hèn khác nhau, không còn như trước.

La Thành không biết làm thế nào thì cha là La Nghệ đến thăm. hỏi rõ nguồn cơn, liền bảo với con việc ấy rất dễ giải quyết, nay nàng là thân thích của Hoàng hậu, ắt có thể xin Hoàng hậu đứng ra tác thành.

Sau khi La Nghệ về rồi, La Thành xem lại thư Tuyền Nương thấy đề: gửi nhờ nghĩa muội đem đến", ngấm kỹ Hựu Lan thấy là gái giả trai, nhan sắc xinh đẹp không kém Tuyền Nương, liền cật vấn mấy phen thử thách. Trước còn chối quanh, sau Hựu Lan phải nói sự thật. La Thành tìm cách ép duyên, Hựu Lan đem lời quyết liệt; lẽ chính đường ngay khiến cho La Thành nể nang, đối xử kính trọng.

10. Câu 785 đến 940. La Thành định về triều xin Hoàng hậu can thiệp như lời La công nói, nhưng Hựu Lan bảo nếu về triều xin chiếu mệnh hóa ra vô tình với Tuyền Nương. Sở dĩ Tuyền Nương xin bỏ lời thề xưa, cũng chỉ thử ý chàng thôi. La Thành nên sang Lạc Thọ điệu tang Tào Phi và gặp mặt Tuyền Nương, La Thành nghe theo. Về phần Tuyền Nương, được nữ tỷ về báo tin Mộc Lan chết rồi ngày đêm đau đớn tiếc thương. Sau khi Hựu Lan đến Lạc Thọ, được tiếp đãi ân cần và cùng Tuyền Nương kết nghĩa chị em như Mộc Lan ngày xưa. La Thành vào làm lễ trước linh sàng Tào Thị. Tuyền Nương mặc đồ tang lạy trả lễ rồi lui vào nhà trong hạ tiệc khoản đãi. La Thành xin nối lại duyên xưa, nhưng Tuyền Nương từ chối lấy lễ ngày nay sang hèn khác biệt, và lại ở trên có Hoàng hậu nàng không dám quyết định.

11. Câu 941 đến 1080. La Thành về Trường An, trước ghé thăm Tần Thúc Bảo, lại gặp Tề Quốc Viễn ở đấy cùng nhắc lại chuyện xưa. Thúc Bảo đưa lại thư xưa, La Thành nhận ra không phải nét chữ của mình, mà là chữ Tuyền Nương. Hôm sau Tần Thúc Bảo vào châu hậu cung. Đâu Hoàng hậu giáng chỉ đòi Tuyền Nương về. Tuyền Nương ép Hựu Lan cùng đi. Tuyền Nương vào châu Hoàng hậu, Hoàng hậu tác thành cuộc nhân duyên La Thành Tuyền Nương và định ngày thành hôn. Tuyền Nương tâu rõ chuyện Mộc Lan và Hựu Lan, xin Hựu Lan cùng về làm dâu họ La. Hoàng hậu triệu Hựu Lan đến, hết sức ngợi khen và chuẩn tấu. Sau khi cử hành xong hôn lễ La Thành, Tuyền Nương, Hựu Lan đến thăm Đâu Kiến Đức ở chùa, rồi trở về U Châu, một nhà sum họp đầm ấm vui vẻ.

12. Câu 1081 đến 1130. La Thành được phong Tổng Quản, cầm binh đi đánh Sóc Phương. Tuyền Nương cũng ra trận giúp chồng. Đẹp giặc xong cả ba về quê tế mộ Mộc Lan, và từ đấy cả ba hưởng vinh hoa phú quý.

Cốt truyện Quân Trung Đối đầy những tình tiết gian truân, lâm ly, nghịch cảnh của hai trai gái hai chuyến tuyển đối nghịch không kém Le Cid, hay Roméo và Juliette, về mặt văn chương trau chuốt, tuy không bằng Truyện Kiều, nhưng có những đoạn tả tình, tài nghệ văn chương của Nguyễn Chu Kiều cũng đáng phục ví dụ như đoạn La Thành nhớ đến Đâu Tuyền Nương khi hay tin cha nàng bại trận, thì nữ tử đem thư và mũi tên Tuyền Nương xin bỏ lời thề xưa. Câu 627 đến 666 :

*La Thành tử thuở gửi thư,
Đăm đăm ngày tháng một chỗ hai trông,
E người trên giá tiếc công,
Hai thu chưa thấy nửa dòng tờ mây,
Lại nghe Ngẫu Khẩu bị vây,
Nước kia đã thế, người này làm sao?
Lớ thỏ chồi liễu bông đào,
Lạc loài hay đã thuộc vào tay ai ?
Tấc niềm như nấu như mài,*

*Lạ sao tin thuốc vang tai cổ gì ?
Chợt đầu nhắc thấy thị tỳ,
Trước hiên cầm chiếc tên về dâng lên,
Âng khuâng nhận dấu trận tiền,
Bằng ai đem ngọc Lam Điền trao tay,
Chốc đà năm sáu thu chầy,
Lòng này mong mỗi tên này biết bao,
Hành nhân còn ở nơi nao,
Kịp sai ra rước đem vào nhà trong,
Mỗi ngời chưa kịp thung dung,
Vội tay mở bức thư phong xem tuồng,
Rằng: Tử giao ước chiến trường,
Mấy lời dặn ngọc thề vàng chưa quên,
Nào hay đôi ngả đôi phen,
Cỏ đồ vũng bá phút nên đổi dời,
Cửa Hầu rõ rõ phướng trời,
Lửa đôi đầu đến những người bèo mây,
Dấu tình nộp lại tên này,
Giải tình trên ngựa riêng tây thề bồi,
Ngập ngừng cất bút châu rơi,
Trăm nghìn gửi tạ lòng người cố nhân,
Cầm tờ nghiền ngẫm đôi lần,
Đôi hàng lã chã nhuộm khăn quyến bèo,
Cung trăng kia mấy trùng cao,
Tấc sơn dưỡng ấy nữ nào chẳng soi,
Mấy thu non nước xa xôi,
Những chồn lòng kẻ bên trời trông mong,
Lòng này đã phụ chi lòng,
Mà sao toan bẻ chữ đồng làm đôi,
Ruột loan chín khúc bồi hồi,
Phong phong mở mở sứt sùi đòi cón.
Trong Quân Trung Đối, nhiều đoạn thơ bút pháp Nguyễn Chu Kiều thật tài tình, như đoạn La Thành khám phá Hựu Lan là gái giả trai, muốn tán tỉnh,*

bị Hựu Lan cự tuyệt. So với đoạn Kiều cự tuyệt lời là lời của Kim Trọng, thì tài nghệ của Nguyễn Nghi so với Nguyễn Du, thì em cũng chẳng kém gì anh. Người xưa đọc truyện thơ khi rỗi rảnh, đem đọc đi đọc lại, ngâm từng câu, rồi viết lời bình, điểm, khi vỗ đùi, khi cao hứng ngâm nga, chứ không đọc tuốt luốt một hơi như đọc tiểu thuyết, như cỡi ngựa xem hoa... Truyện thơ Quân Trung Đối càng đọc, càng nghiền ngẫm, tôi càng khám phá nhiều thú vị. Hóa ra từ lâu mình sống trong ánh sáng của ngôi sao Nguyễn Du của Truyện Kiều, nên mắt quáng, đèn lòa không thấy ánh sáng những ngôi sao khác. Quân Trung Đối là một di sản văn học quý giá cần nghiên cứu, bảo tồn. Kho tàng văn học Nguyễn Tiên Điền, của Hồng Sơn Văn phái còn lưu trữ trong Thư viện Hán Nôm Hà Nội, trong Thư viện Trường Viễn Đông Bác Cổ Paris, trong Thư viện Quốc Gia Paris, vẫn còn là phần chìm của một tàng băng sơn chưa được khai thác, một tài năng văn học như Nguyễn Hành người đời đánh giá tài hoa không kém ông chú Nguyễn Du, ngày nay chúng ta vẫn chưa biết gì nhiều hơn. Công việc chuyển dịch kho tàng văn học Việt Nam từ chữ Hán sang chữ quốc ngữ vẫn sẽ còn là mối ưu tư của nhiều thế hệ Việt Nam trong thế kỷ 21.

*** Nhất Uyên**

Quân Trung Đối tác giả Nguyễn Chu Kiều. Hiệu đính chú giải GS Nguyễn Toàn; Bình điểm: Đạm Trai Tử Bình; trình bày Võ Thu Tịnh. Nhà xuất bản Đông Nam Á. 17 rue Cardinal Lemoine. 75005 Paris. Giá 70 F.



Nghĩ về chiếc ấn của triều Nguyễn

Trần Trọng Khoái



Một trong những bài biên khảo về Thừa Thiên-Huế, chúng tôi có trình bày về chiếc ấn vàng của triều Nguyễn do Giáo sư Nguyễn Châu, chủ nhiệm nguyệt san Việt và tuần san Thị Trường Tự Do ở San Jose sưu tầm và ghi chú: "Hình chụp cái ấn của triều Nguyễn". Ngày 25.8.1945, khi Hoàng Đế Bảo Đại thoái vị, ấn và kiếm tượng trưng vương quyền đã được trao cho đại diện Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, Trần Huy Liệu. Năm 1947, trong một cuộc hành quân của Pháp tại Lạng Sơn, quân đội Pháp đã tình cờ lấy lại được bộ ấn kiếm và đã làm lễ trao lại cho Hoàng Đế Bảo Đại năm 1948 tại Hà Nội. Báo chí đã loan tin dưới nhan đề "Châu Về Hợp Phố".

Ấn bằng vàng nguyên chất nặng 13 ký lô 700 hiện ký thác ở một ngân hàng ở Paris, Pháp quốc. Trần Huy Liệu sau này đã thú nhận là "suýt bị tẻ

nhào khi nhận ấn từ tay Hoàng Đế vì không ngờ nó nặng đến thế, may mà gượng được".

Lời giải thích trên của Giáo sư Nguyễn Châu quá rõ ràng và đa số đồng hương Việt Nam đã hân hoan phấn khởi về "ấn kiếm" do cựu hoàng Bảo Đại trao cho đối phương trong hoàn cảnh "chẳngặng đặng", nhưng chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa cầm trong tay bảo vật thiêng liêng tượng trưng cho quốc gia Việt Nam lại không giữ được, là một khuyết điểm lớn của họ, ngược lại "Châu Về Hợp Phố" là một hiện tượng tốt đẹp phi thường, một điều hy hữu vậy!

Qua hình chụp chiếc ấn có 4 chữ triện trên mặt, nếu không chú thích rõ là điều sơ sót thứ nhất của người biên khảo và qua trọng lượng chiếc ấn vàng 13 kg 700, làm cho Trần Huy Liệu ngỡ ngàng luống cuống, sau này ông phải thú nhận "suýt bị tẻ nhào vì không ngờ ấn nặng như vậy", thế thì ngày xưa vua quan triều Nguyễn đã sử dụng làm sao? là điều thứ hai chúng tôi phải tìm hiểu, để cố gắng hiến chư độc giả cảm thông.

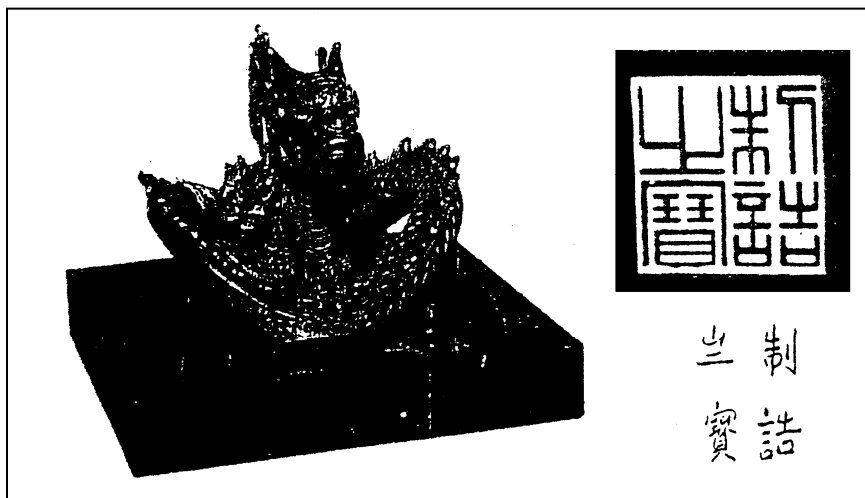
1. Về chữ Hán có 4 cách viết là:

cái triện cá nhân đóng vào cuối bài này, họ mới lục quyển tự điển chữ triện ra xem để khắc cho tôi khoảng 1 giờ. Lợi dụng thời gian chờ đợi, chúng tôi mượn tự điển này để tra cứu, mới hay đó là 4 chữ "sắc cáo chi bảo". Chúng tôi chủ quan đã đoán 3 trong 4 chữ nên tìm được chữ thứ nhì là yên tâm và thấy 4 chữ "Sắc Cáo Chi Bảo" khá đủ nghĩa là tốt.

Trong lúc viễn du, đến chơi nhà một người bạn thân ở Thụy Sĩ, nhìn thấy tủ sách gia đình rất phong phú, chúng tôi mền mộ ưa thích, tìm đọc được bài "Giới Thiệu Châu Bản Triều Nguyễn" của ông Trần Kinh Hòa, nguyên Tổng Thư Ký Ủy Ban Phiên Dịch Sử Liệu Việt Nam cuối thập niên 1950, mới hay, đây là 1 trong 14 chiếc ấn mang tên "Chế Cáo Chi Bảo", chữ "sắc" với chữ "chế" có dạng tương đương khi viết lối chữ triện nên khó phân biệt. Chữ "sắc" 制 chữ "chế" 制. Ngoài ra còn 6 thứ ngọc tỳ cộng chung là 20 loại ấn dấu của triều đình thường dùng.

Chế Cáo Chi Bảo 制 告 出 寶

2. Thông thường về việc hành



chơn, thảo, triện, lệ. Ngoài lối viết chơn phương, ngang ngay số thẳng, rõ ràng phân minh, còn 3 cách viết sau thì người viết nên múa bút sao cho đẹp mắt, gọi là "bút trung hữu họa", tức là chữ viết như nét vẽ, nên người ta còn gọi nét chữ như "rồng bay phụng múa". Do đó mà các bậc túc nho Hoa Việt ít xem "chữ triện", "chữ lệ" cũng phải chào thua. Chúng tôi chỉ đoán biết ba chữ thôi, muốn rõ ràng hơn, chúng tôi đến tiệm khắc ấn dấu của người Hoa tại San Francisco mong tìm cách giải tỏa, chính họ cũng mập mờ không dứt khoát, cuối cùng, chúng tôi đặt khắc

chánh thì đóng ấn "Ngự Tiền Chi Bảo". Trường hợp các công văn có tính cách quan trọng, cần đóng các Bảo, Tỳ lớn phải qua một thủ tục đặc biệt, do ông Trần Kinh Hòa kể như sau: "Trước hết, do bộ nha hữu quan làm phiếu tấu xin vua cho phép định ngày hầu bảo (đóng ấn dấu Bảo, Tỳ của nhà vua). Đến ngày ấy, sẽ họp lại các quan viên nội các thị vệ, khoa đạo và trực thần, đầu mặc áo rộng xanh, linh hòm chia khóa mở kim quĩ, bung Bảo ra đặt trên án tại Tả Nhất Gian điện Càn Chánh, hoặc chính giữa Tạ Vũ. Khi hầu xong, khóa hòm lại, các thần đem Hoàng

niêm, phong hòm Bào Tý và Kim Quý như cũ. Hầu Bào về việc gì, hội đồng phải ký vào sổ, hòm chìa khóa phải dâng vào Đại Nội trước khi ra về".

Danh xưng và nội dung 20 thứ Kim Ngọc, Bào Tý và Ngọc Tý (do Trần Kinh Hòa sưu tầm và chú thích).

14 thứ Kim Ngọc, Bào Tý :

1. Ngự Tiền Chi Bào: đóng trên các dụ, chỉ thường dùng.

2. Văn Lý Mật Sát Bào: đóng vào những nơi sửa chữa, viết thêm, hay nơi giáp phùng của các dụ, chỉ, chương số.

3. Hoàng Đế Chi Bào: đóng vào các tờ dụ cho các bậc huân thần và quan viên cao cấp.

4. Sắc Mệnh Chi Bào: đóng vào các loại sắc chiếu hoặc chiếu văn phong tặng các công thần.

5. Chế Cáo Chi Bào: đóng vào các tờ huấn giới và chiếu lệnh sai phái các công thần.

6. Mệnh Đức Chi Bào: đóng vào sắc văn ban thưởng các quan viên có huân lao, có thành tựu khác lạ và tính tình trung thành.

7. Quốc Gia Tín Bào: đóng vào các văn kiện tuyên triệu tướng soái, trung phát vĩ binh.

8. Hoàng Đế Tôn Thân Chi Bào: sung tiến huy hiệu và thụy hiệu.

9. Sắc Chính Vạn Dân Chi Bào: đóng vào các tờ sắc văn khuyến giới tứ phương, tinh biểu các nhân vật hiếu hạnh và tiết nghĩa.

10. Thảo Tội An Dân Chi Bào: đóng vào các chiếu văn sai tướng đánh giặc.

11. Khâm Văn Chi Tý: đóng vào các văn kiện sai biên tu thư tịch và lập trường học, mở khoa thi.

12. Duệ Vũ Chi Tý: đóng vào các cáo văn về binh sĩ và mở vũ cũ.

13. Đại Nam Hiệp Kỳ Lịch Chi Bào: đóng vào chiếu văn ban lịch chính sóc.

14. Tề Gia Chi Bào: đóng vào các chiếu văn, huấn thị, thưởng phạt nội đình.

6 thứ Ngọc Tý :

1. Vạn Thọ Vô Cương: đóng vào các văn cáo ban ân khánh chúc trong dịp vạn thọ (sinh nhật nhà vua).

2. Hoàng Đế Chi Tý: đóng vào các văn cáo vào dịp cải nguyên đại xá, hay ân tứ.

3. Đại Nam Hoàng Đế Chi Tý: đóng vào các văn cáo vào dịp cải nguyên đại xá, hay ân tứ.

4. Đại Nam Thiên Tử Chi Tý: đóng vào các văn kiện tuần thú các tỉnh, ban sắc thư và các văn kiện gửi đi ngoại quốc.

5. Thần Hàn Chi Tý: đóng vào các châu dụ, ngự bút.

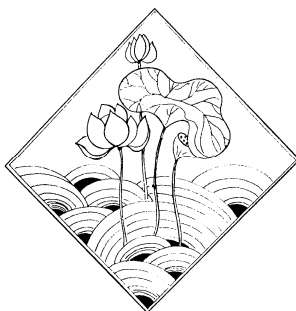
6. Hành Tại Chi Tý: đóng vào các bài huấn thị, hoặc sắc thư trong thời kỳ nhà vua đang tuần thú ở hành tại.

Ngọc Bào 玉寶玉璽
Ngọc Tý 玉璽
Kim Ngọc 金玉寶璽
Bào Tý 玉璽

Do tính cách quan trọng như đã dẫn trình, nên khi tiếp văn thư cấp trung ương, các quốc gia đều theo thủ tục ngoại giao để tôn trọng lẫn nhau.

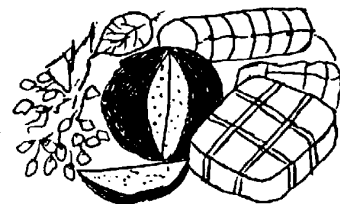
Các cơ quan tỉnh, thị, phủ, huyện, xã, thôn, hay các quan lại khi nhận Thánh chỉ hay Thượng phương bảo kiếm phải phẩm phục chỉnh tề, thiết hương án, đốt trầm hương lễ lạy để cung nghinh. Ở hương thôn khi hữu sự, hội đồng hương lý và các vị tộc trưởng, đại diện nhân dân làm lễ thỉnh sắc chỉ ra đối chiếu, cùng xem với thái độ cẩn trọng. Họ đương phái thuộc cũng vậy, khi muốn tìm hiểu sự việc cần thiết, con cháu phải thiết lễ thỉnh gia phổ cùng xem, xong phải bái tạ rồi tôn trí lên án thờ. Ngay cả chúc thư của ông bà, cha mẹ, cháu con khi cần, phải y phục trang nghiêm, trân trọng mở ra xem và cấm kỵ khi ăn uống, nằm ngồi bất chỉnh lật xem di huấn của tiền nhân hay đọc kinh điển của tôn giáo, xem sách vở thánh hiền... nhờ vậy mà quốc pháp, gia phong được tôn trọng, kỷ cương trật tự được duy trì, khắp trong triều ngoài quận khi "quân minh, thần trung, phụ tử, tử hiếu".

Trân trọng
Trần Trọng Khoái



Xuân . . .

nhớ về "Thăng Long"



"Thăng Long" xưa, nay là thành "Hà Nội",

Biết vậy mà... sao vẫn gọi "Thăng Long" !,

Mảnh đất "Rồng bay", tự thuở cha ông,

Với tên gọi mang thật nhiều ý nghĩa !

Ôi! Thăng Long kiêu hùng, làm bạt vía,

Kẻ ngoại bang xâm lấn, đã bao phen !

Đất cố đô, đất con cháu "Rồng, Tiên",

Bao chinh chiến... vẫn phồn hoa, thanh lịch...

Đây, Hồ Gươm... những đêm trăng tĩnh mịch...

"Thần Kim Quy"... ngoi mặt nước ngấm trăng...

Vẳng đâu đây... huyền thoại tự ngàn năm...

Thanh kiếm báu, Rùa trao... Vua thắng trận !

Thăng Long ơi! Trải ngàn Xuân bất tận,

Bao đổi dời, thời thế đã đổi thay!

Đâu Thăng Long, đâu "Thanh lịch" ngày nay ???

Xin trả tên, trả cội nguồn văn vật!!!

● Hoàng Lan (T.T.K.L)

Huyền Trân công chúa và Vương quốc Chiêm Thành

Ngô Kim Khôi



Công-chúa Huyền-Trân ra lệnh dừng kiệu. Trên đỉnh đèo Hải Vân, gió mây lồng lộng. Nàng vén tấm màn gấm, nhìn ra xa, mây trắng vẫn hồn nhiên bay ngang qua lũng đèo... Lệ Liễu, người hầu thân tín, đỡ Huyền-Trân ra khỏi kiệu hoa. Gót sen bước xuống, dáng mai lá lướt, vóc liễu thướt tha. Bóng chiều bằng láng ánh tà. Nào nùng tự hỏi quê nhà nơi đâu? Công-chúa đôi mắt nhìn về phương Bắc, cõi lòng bồi hồi, con tim thổn thức. Hỡi ôi, có ai thấu được nỗi lòng nàng!

Chiều chiều gió thổi Hải Vân,

*Chim kêu gành đá gấm thân em
buồn! (1)*

*Ngắm non nước bao la gấm vóc,
Huyền-Trân nhìn lại mảnh hồng nhan
yếu ớt là nàng mà trên đôi vai đeo
nặng trách nhiệm nặng nề với tổ quốc.*

*Ngoảnh lui cố quốc, ngập ngừng
gót ngọc,*

*Mây phủ kín trời thưởn, ngổ ngẩn
bâng khuâng.*

*Hoa đang độ thanh xuân, dập vùi,
cửu nạn muôn dân,*

*Không sánh dạng Chiêu-Quân, cho
trọn đạo thần quân thần.*

*Vẻ chi một đóa yêu kiều, diễm lệ,
Vàng thau trộn bùn nhỏ, xót phận
hổ lang.*

*Gấm thân bẽ bàng, kiếp hồng
nhan,*

Duyên nợ dở dang, ôi Phụ Hoàng!

*Vì nghĩa giao bang, hiếu trung đôi
đàng;*

(1) *Tướng truyền đây là lời than của Huyền-Trân khi ngang qua đèo Hải Vân.*

*Thân ngọc vàng chôn vùi cát bụi.
Cho rảnh nợ Ô-Ly, ngậm ngùi, kể ở
người đi.*

*Cổn nước lửa phò nguy, nát thân
sá gì! (2)*

*Nàng sẽ đi về một nơi chốn xa lạ, ở
bên kia đèo Hải Vân, trao thân cho
vùng đất Chăm xa xôi ấy... Huyền-
Trân ngoảnh lại một lần, sau lưng quê
đã mấy tầng cách xa, nàng bồi hồi
tuông nhỏ, gần một trăm năm về
trước...*

... Vào triều Lý, Huệ-Tông có bệnh mãi không khỏi mà lại không có con trai, nên tháng 10 năm Giáp Thân (1224) truyền ngôi cho Chiêu-Thánh công-chúa (tên là Phật-Kim), sau đó vào tu ở chùa Chân-Giáo. Chiêu-Thánh lên ngôi lúc 7 tuổi, tức là Lý Chiêu-Hoàng. Được một năm, vào tháng 12 năm Ất Dậu (1225), Lý Chiêu-Hoàng kết hôn với Trần Cảnh (lúc ấy mới có 8 tuổi, là cháu của Trần Thủ-Độ), sau đó truyền ngôi lại cho chồng.

Từ đấy giang sơn nhà Lý vào tay nhà Trần. Ba đời sau truyền đến Trần Nhân-Tông. Nhân-Tông thành hôn với Khâm-Tử hoàng hậu, có được hai hoàng tử là Thuyên và Quốc-Chân, một công chúa là Huyền-Trân.

Huyền-Trân càng lớn, nhan sắc thêm đậm đà. Tiếng cười nói hay giọng ngâm thơ đọc sách như giọng oanh vàng của nàng vẫn vang lên đây đó ở vườn Ngự Uyển trong Tử-Cấm thành. Một hôm, Khâm-Tử hoàng hậu cho phép Huyền-Trân được cùng bà đi

dâng hương lễ Phật nơi chùa Trấn-Quốc.

Đoàn xa giá rời hoàng cung trong tiếng lễ nhạc. Lần đầu tiên được rời Cẩm-thành, công chúa Huyền-Trân say sưa chìm đắm trong sắc nước hương trời, nàng không để ý đến cái nhìn sâu kín thẳm lặng thỉnh thoảng lại gieo xuống vóc liễu dáng mai của nàng một niềm đam mê không thể nào bày tỏ của vị tướng trẻ tuổi, Trần Khắc-Chung. (3)

Từ ngày ấy, mối tình thẳm lặng như ngàn cân đeo nặng trong lòng Trần Khắc-Chung, nhưng Tử-Cấm thành gần gũi mà ôi muôn trùng cách trở...

Sau khi đi đánh Ai-Lao trở về, vào năm Quý-Tỵ (1293), Nhân-Tông truyền ngôi cho Thái tử Thuyên, tức là vua Trần Anh-Tông. Nhân-Tông trị vì được 14 năm, về làm Thái-Thượng-hoàng, đầu tiên đi tu tại chùa Vô-Lâm (phủ Yên Khánh, Ninh Bình), sau về tu tại núi Yên Tử (huyện Yên Hưng, Quảng Yên).

Theo Khâm Định Việt sử thông giám cương mục (4): "*Tháng ba năm Tân Sửu (1301), hiệu Hưng Long thứ 9, đời vua Trần Anh-Tông, lúc bấy giờ đức Thượng-hoàng là Trần Nhân-Tông đã truyền ngôi cho con, đi tu ở núi Yên Tử, thường muốn lịch lãm núi sông trong thiên hạ, nên mỗi du phương, rồi sang Chiêm-Thành*".

(3) *Ứng An, tr.223 (xin xem phần thu mục cuối bài).*

(4) *Khâm định Việt sử thông giám cương mục được soạn từ năm 1856 đến 1884 dưới thời vua Tự-Đức triều Nguyễn, viết từ thời thượng cổ đến hết đời Hậu-Lê.*

(2) *Bài hát của Hàn-Phương, theo điệu Nam-Ai.*

Thái-Thượng-hoàng ngao du sơn thủy, gót chân viễn du đến phía Nam, Ngài dừng bước tại vương quốc Chiêm-Thành hoàng sơ, hoa ngàn cỏ nội nhưng không kém phần tráng lệ hùng vĩ. Trong nét uy dũng của đền đài ảnh hưởng đến nền văn minh Ấn Độ, Thượng-hoàng không khỏi bồi hồi nghĩ đến trang quốc sắc thiên hương đất Chàm, nàng Vương-phi My-Ế.

My-Ế là Hoàng-hậu Chiêm-quốc vào thời vua Sạ-Đấu (Hari-Varman III), kinh đô là Phật-Thệ (Vijaya) (5). Vào đời nhà Lý, Chiêm-Thành và Đại-Việt thường dấy loạn can qua. Năm 1044, vua Lý Thái-Tông (1028-1054) ngự giá đánh Chiêm, thúc quân tràn vào Phật-Thệ, chiếm kinh đô Chàm, bắt được hơn 5000 người và 30 con voi (6). Tướng Chiêm là Quách Gia-Gi chém đầu vua Sạ-Đấu xin hàng (7). Lý Thái-Tông ca khúc khải hoàn, bắt Vương-phi My-Ế và các cung nữ đem về. Khi vương thuyền xuôi theo sông Đáy đến sông Lý-Nhân, Thái-Tông cho lệnh đòi My-Ế sang hầu. My-Ế than rằng "Vợ mọi quê mùa, không sánh những bậc Cỏ-Khuông, nay nước mất nhà tan, chỉ còn một thác mà thôi...". Nàng tắm rửa, xông xạ hương rồi quấn chân gieo mình xuống sông mà chết. Lý Thái-Tông cảm kích lòng trinh tiết, phong nàng My-Ế là "Hiệp chánh hộ thiện phu nhân", nay ở phủ Lý-Nhân (Phủ Lý, Hà Nam) còn có đền thờ. (8)

Từ khi nhà Trần lên ngôi, giữa Đại-Việt và Chiêm-Thành đã có phần yên ổn. Tại kinh đô Phật-Thệ, Hoàng-tử Hari-Jit lúc ấy đang ở ngôi, tức là vua Chế-Mân (Jaya-Simha-Varman III). Theo Đại-Việt sử ký toàn thư, vua Chế

Mân là người ở Tượng-Lâm, thành Diển-Xung, đất Việt-Thường.

Được biết người khách viễn phương mang tấm áo cà sa vẫn thường ngày đây đó thường làm nét hùng vĩ của các ngọn Tháp Đồng (9) hay Tháp Bạc (10) ấy là Thượng-hoàng nước Đại-Việt, Chế-Mân bèn tiếp đãi nồng hậu trong lễ địa chủ và tình bang giao, ngoài ra còn đưa Thượng-hoàng đi thường lãm các Tháp Vàng (11) hay Tháp Ngà (12) ... Cảm kích tấm lòng vị vua trẻ, Thượng-hoàng ước gả Huyền-Trân cho Chế-Mân.

Tiếng đồn về nhan sắc của Huyền-Trân làm bồi hồi trái tim người vua Chiêm-quốc. Dù Mân-Quân đã lập gia thất với nàng con gái xứ Java, Hoàng hậu Tapasi, nhưng vẫn sai bày tội là Chế Bồ-Đài dẫn theo bộ hạ hơn 100 người, tiến về Thăng-Long cống dâng đồ trân quý làm lễ cầu hôn, những mong được người ngọc.

Cả triều đình Đại-Việt đều hoang mang, hoàng thân quốc thích lên tiếng phản đối. Làm sao có thể gả nàng

công-chúa yêu quý nước Việt về xứ Chàm man rợ ? Nhưng Thái-Thượng-hoàng đã trình bày rõ ràng ý định của mình với Trần Anh-Tông. Việc gả Huyền-Trân về đất Chiêm là một đường lối chính trị có tầm vóc quan trọng ảnh hưởng đến sự tồn vong của Đại-Việt.

Quả nhiên, từ khi Hưng-Đạo-vương Trần Quốc-Tuấn tại Vạn Kiếp và trên sông Bạch Đằng đã hai lần, năm 1285 và 1287, đánh tan 800.000 quân Mông Cổ của Hốt Tất-Liệt (Qoubilai-Khan) do con trai là Trấn-Nam-vương Thoát-Hoan (Toghan) cầm đầu (13), thì Trung Quốc vẫn dòm dò Đại-Việt, chỉ chờ khi Đại-Việt và Chiêm-Thành dấy loạn can qua, sẽ thúc quân tràn sang giữ thế ngự ông thù lợi. Trong khi Huyền-Trân về nước Chiêm, hai nước sẽ có tình hòa hiếu, không còn lo ngại trước cường lực của Trung Quốc.

Trước lời khuyên của Thái-Thượng-hoàng và sự phản đối của triều thần, Trần Anh-Tông vẫn còn do dự chưa quyết ý.

Chờ đợi 5 năm trời mà vẫn không thấy tin vui, đến tháng 6 năm Bính Ngọ (1306) niên hiệu Hưng-Long thứ 14, vị vua trẻ đa tình Chiêm-quốc dâng sinh lễ bằng hai châu Ô và Lý (14). Lúc bấy giờ Trần Anh-Tông mới quyết định gả em gái là Huyền-Trân công-chúa cho Chế-Mân (15).

(13) Lần đầu tiên hai nước Đại-Việt và Chiêm-Thành tương trợ lẫn nhau trong việc chống quân Mông-Cổ. Thoát-Hoan toan mượn đường nước Chiêm để đánh nước Việt, mang năm đạo quân sang, ba đạo quân bị diệt bởi người Nam và hai đạo quân bị diệt bởi người Chàm

(14) Hai châu Ô, Lý bắt đầu từ đèo Hải-Vân đến cửa Việt. Theo Khâm-định Việt sử: "... dân các thôn La-Thủy, Tác-Hồng và Đá-Bồng tại Ô và Lý không phục, nên đến tháng giêng năm 1307, vua Anh-Tông đổi tên hai châu là Thuận và Hóa, sai quan Hành-khiển và Đoàn Nhữ-Hài đến hiểu dụ ân đức, chọn người giỏi các thôn ấy cho làm quan, cấp ruộng đất cày cấy và tha thuế trong ba năm". Châu Thuận gồm các huyện Đăng-Xuông, Hải-Lăng (Quảng-Trị) và Phong-Điền, Quảng-Điền, Hương-Trà (Thừa-Thiên). Châu Hóa gồm các huyện Phú-Vang, Phú-Lộc (Thừa-Thiên) và Diên-Phước, Hòa-Vang (Quảng-Nam).

(15) Đại Việt sử ký toàn thư, quyển 2, sđd.

(5) Chà-Bàn, huyện Tuy-Viễn, Bình-Định.

(6) Đại Việt sử ký toàn thư, quyển 2, tr.35. Đại Việt sử ký toàn thư do Ngô Sĩ-Liên làm ra dưới đời Lê Thánh-Tông (1460-1497), được chia ra làm hai bản. Một bản tử họ Hồng-Bàng đến Thập-Nhị Sứ-Quân, gồm 5 quyển (ngoại ký). Một bản tử Đinh Tiên-Hoàng đến Lê Thái-Tổ, gồm 10 quyển (bản kỷ). Trước đó, vào đời Trần Thánh-Tông (1258-1278), Lê văn Hưu (1230-1322) đã soạn bộ Đại Việt sử ký toàn biên, chép thành 30 quyển, viết từ Triệu Võ-vương đến Lý Chiêu-Hoàng (từ năm 207 trước Công-nguyên đến 1224).

(7) Trần Trọng-Kim, quyển 1, tr.98.

(8) Thái văn Kiểm, tr. 17-18.

(9) Tour de Cuivre. Một trong những tháp Chàm nổi tiếng, còn được gọi là Tháp Ánh Tiên (Aile de Fée) hay Tháp Con Gái (Tour de la Jeune Fille), nằm ở thành Chà-Bàn, phủ Nhơn-Hậu, huyện An-Nhơn, tỉnh Bình-Định, về phía Bắc Qui-Nhơn 27km. Những cuộc khai quật của nhà khảo cổ học Jean-Yves Claëys, thuộc trường Viễn-Đông Bác-Cổ tại Tháp Mẫm (cách Tháp Đồng 2km), đã khám phá quanh Tháp Đồng là một nhóm khoảng 10 tháp mà hiện nay là một ngôi chùa có tên Thập Tháp.

(10) Tour d'Argent. Xây vào khoảng đầu thế kỷ thứ XI, còn gọi là Tháp Bán Ít, tại phủ Nhơn-Hòa, huyện An-Nhơn, tỉnh Bình Định, về phía Bắc Qui-Nhơn 18km. Tháp Bạc hiện nay hầu như vẫn còn nguyên vẹn, đã giúp các nhà khảo cổ nghiên cứu nghệ thuật Chàm lúc đời đó từ Trà-Kiệu đến Chà-Bàn vào khoảng năm 1000.

(11) Tour d'Or. Đầu thế kỷ XIII, cùng thời với Tháp Đồng, Tháp Vàng còn có tên là Tháp Thốc-Lốc (Tour des Cambodgiens), phủ Nhơn-Thành, huyện An-Nhơn, tỉnh Bình-Định, về phía Bắc Qui-Nhơn 30km. Hiện nay chỉ là một phế tích.

(12) Tour d'Ivoire. Cuối thế kỷ XII, đầu thế kỷ XIII, còn gọi là Tháp Dường-Long, phủ Bình-An, huyện Tây-Són, về phía Tây-Bắc Qui-Nhơn 40km.

Huyền-Trần công-chúa thấy cõi lòng tan nát. Riêng về Trần Khắc-Chung nghe tin như sét đánh ngang mày (16). Hỡi ôi, giữa con tim của nàng công-chúa và vị tướng trẻ đất Đại-Việt, ai buồn hơn ai ? ...

Trên đèo Hải Vân, một lần nữa Huyền-Trần đứng ngẩn trông về Bắc, nhúng nàng chỉ thấy mây trôi chứ có thấy gì đâu ! Tử trong con tim dâng lên một nỗi niềm riêng khôn tả, nàng thổn thức cất lên giọng hát điệu Nam Bình buồn ảo não :

*Nước non ngàn dặm ra đi.
Cái tình chi !
Mượn màu son phấn,
Đền nợ Ô Ly,
Xót thay vì
Đường độ xuân thì,
Độ xuân thì,
Số long đong, hay là duyên nợ gì ?
Má hồng da tuyết,
Quyết liều như hoa tàn, trắng
khuyết.*

*Vàng lộn theo chì.
Khúc ly ca,
Sao còn muốn tượng nghe gì ?
Thấy chim hồng nhạn bay đi,
Tình lai láng,
Hưởng dưỡng hoa Qui.
Dặn một lời Mân-Quân:
Như chuyện mà như nguyện,
Đặng vài phân,
Vi lợi cho dân,
Tình đem lại mà cần,
Đắng cay trăm phần...*

*Nợ nước nặng hơn tình nhà,
Huyền-Trần cúi đầu, gạt nước mắt,
nén lòng sâu oán, quay mình bước lên
kiệu hoa, ôm phận lữ lạc đến một nơi
chốn muôn trùng không đường về...*

Theo nhà cổ học E. Aymerie trong quyển "L'Inscription chàm de Po-Sah", công-chúa Huyền-Trần khi về Chiêm-Quốc được phong mỹ hiệu *Paramecvari*.

Chúng ta chỉ biết một cách không rõ ràng về đất nước Chiêm-Thành dù vương quốc này đã đóng một vai trò rất quan trọng trong quá trình hình thành lịch sử Việt Nam. Các sử liệu Trung Hoa và Việt Nam, cùng những cuộc khai quật của các nhà khảo cổ thuộc trường Viễn-Đông Bác-Cổ đã rọi nhiều chùm tia sáng rực rỡ vào vùng quá khứ xa xăm quên lãng ấy, giúp

(16) *Ứng An*, tr. 225-226.

chúng ta biết được đôi điều quý giá về lịch sử của dân tộc Chàm.

Sau khi Hai Bà Trưng gieo mình tử tiết ở sông Hát, Giao-Chi trở thành phủ quận của nhà Đông-Hán (15-220) thì theo *Khâm định Việt sử*: "Năm Nhâm Dần (102), đời vua Hòa-Đế nhà Đông-Hán, ở phía Nam quận Nhật-Nam (Đại-Việt tưởng lai) có huyện Tượng-Lâm, người huyện ấy cũ hay sang cướp phá, bởi vậy vua nhà Hán mỗi đặt quan cai trị. Cuối đời nhà Hán (khoảng năm 192) có người huyện Tượng-Lâm tên là Khu-Liên, giết huyện lệnh, nổi lên chống quân Trung-Hoa, dựng ra một nước độc lập, tự xưng làm vua".

Theo nhà cổ học L. Arousseau (17), người Tàu gọi Tượng-Lâm là *Siang Lin* (nôm na là Rừng Voi), là chữ viết tắt của *Siang Lin Yi* (Tượng Lâm Ấp). Trong vòng 6 thế kỷ (192-758), biên niên sử Trung Hoa gọi tên nước ấy là *Lin Yi* (Lâm-Ấp, Chiêm-Thành tương lai), tả người Lâm-Ấp "da ngăm đen, mắt sâu, mũi lớn và tẹt, môi dày, tóc quăn, xo lông tai... Họ ăn ở rất sạch sẽ, tắm rửa một ngày nhiều lần rồi chà xát lên người hương liệu long não hoặc dầu cấm qui mùi xạ hương (*musc*). Đàn ông cũng như đàn bà mặc một loại khăn dệt bằng bông vải (*coton*) được xông bằng khói các loại gỗ hương, quấn tử trái qua phải phủ tử eo đên chân. Người cao quý mang giày da, thường dân đi chân đất" (18).

Theo nhà cổ học Jean-Yves Claèys, vương quốc Lâm-Ấp trải dài từ Đèo Ngang đến Thuận Hải, chia làm bốn vùng: *Amaravati*, từ Quảng Bình đến Quảng Nam, Quảng Ngãi. *Vijaya*, từ Bình Định đến Phú Yên. *Kauthara*, Khánh Hòa và *Panduranga*, Phan Rang, Ninh Thuận. Hai vùng phía trên là miền Bắc nước Chiêm (*septentrionale*), thuộc thị tộc Cau (*Kramukavamsa*), tiếng Chàm là *Pi-năng*, hậu duệ người miền núi (*atâu Chỏk*). Hai vùng dưới là miền Nam

(17) *Arousseau cùng G. Maspero tiếp nối một công trình của nhà khảo cổ Pelliot đã nghiên cứu từ năm 1904 về dân tộc Chàm*.

(18) *Ethnographie des peuples étrangers à la Chine. Ma Duanlin*, tr.420-425; *Les royaumes de Champa*, Georges Maspéro, tr.8. Trích từ *Lê Thành-Khôi*, tr.104

(*méridionale*), thuộc thị tộc Dừa (*Narikelavamsa*), tiếng Chàm là *Li-u*, hậu duệ người miền biển (*atâu Thik*) (19).

Các nhà ngôn ngữ và dân tộc học xếp người Chàm vào nhóm ngôn ngữ vùng Châu đại dương (Malayo-Polynésien), thuộc ngữ hệ Nam Đảo (Austronésien). Nước Lâm-Ấp ảnh hưởng sâu nặng văn minh và tôn giáo Ấn Độ, chính vì vậy mà tên các triều đại Lâm-Ấp vừa là tiếng Phạn (*sancrit*) vừa là tiếng Chàm, và chữ viết đến nay vẫn còn sử dụng (20).

Sưu tìm từ nhiều nguồn tài liệu, những dữ kiện lịch sử mà chúng tôi nêu ra sau đây được sắp xếp theo thời gian để việc nghiên cứu về lịch sử Chiêm-Quốc có phần dễ dàng hơn, hầu xin cống hiến quý độc giả một cái nhìn sơ khởi về vương quốc Chiêm-Thành. Do giới hạn của một bài báo, chúng tôi không đi sâu vào chi tiết và luôn mong đón nhận ý kiến xây dựng.

Khu-Liên không có con trai, truyền ngôi cho cháu ngoại là *Phạm-Hùng*. Trong đời Tam-quốc (220-265) tại Trung Hoa, con *Phạm-Hùng* là *Phạm-Dật* nối ngôi, hay sang quấy phá quận Nhật-Nam và quận Cửu-Chân. Theo J.Y Claèys, phải công nhận rằng người Chàm không được khôn khéo trong cách xử thế, họ có một thói quen là hay giam sú và không chịu triều cống. Chính vì vậy mà dân tộc Chàm thường hay bị trừng phạt và không được bảo trợ bởi sự hùng mạnh của Trung Quốc. Người Chàm còn nổi tiếng về nghề hái khẩu trong khắp vùng biển Đông-Nam-Á, đã lừng danh trong các trận cướp các tàu buôn ngọc, ngà, gỗ quý hay đồi mồi (21).

Phạm-Dật mất, người gia nô là *Phạm-Văn* cướp ngôi, sau đó truyền cho con là *Phạm-Phật* (22).

(19) *J.Y. Claèys*, tr.25.

(20) Năm 1971, các nhà nghiên cứu về ngôn ngữ và văn chương đã xuất bản một quyển tự điển Chàm-Việt-Pháp.

(21) *J.Y. Claèys*, tr.30.

(22) Do những khó khăn trong việc sưu tìm tài liệu về một đất nước đã hoàn toàn biến mất trên bản đồ thế giới, chúng tôi không tra cứu được tên viết theo tiếng Chàm, đành dùng tên theo tiếng Hán-Việt.

Khoảng năm 400, vị vương Lâm-Áp *Cri-Bhadra-Varman* (*Phạm Hồ-Đạt*, con trai của *Phạm-Phật* ?), dựng kinh đô ở Trà-Kiêu (*Simhapura*) (23), đã xây tại thung lũng *Mi-Sơn* (Quảng Nam) những tháp đền bằng gạch đỏ hùng vĩ, vinh danh thần *Siva Bhadreçvara*, với lối kiến trúc Chăm đặc biệt. Tiếng Chăm gọi những tháp này là *kalan*. Theo sử liệu, người Trung Hoa cho rằng người Chăm từ thời ấy đã là bậc thầy trong nghệ thuật xây dựng và điêu khắc với kiến trúc bằng gạch đỏ.

Khoảng năm 446, đời vua *Phạm Dương-Mại* (con trai *Phạm Chú-Nông*), kinh đô Trà-Kiêu và đền đài tại đất thánh *Mi-Sơn* bị thiêu hủy hoàn toàn bởi tướng Tàu là *Đàn Hòa-Chi* (*Tán Hézhi*). Cùng thiêu hủy với đền đài là muôn ngàn tài liệu viết về lịch sử Chiêm-quốc. *Đàn Hòa-Chi* còn cướp đi một tượng bằng vàng (đem nấu đúc được hơn mười vạn cân), và vô số những đồ vật quý hiếm. Từ đấy người Tàu biết đất Chăm giàu có nên hay sang cướp phá.

Cho đến cuối thế kỷ thứ VI, chúng ta không biết gì hơn về lịch sử Lâm-Áp ngoại trừ những cuộc chiến tranh triền miên với Trung-Quốc.

Vua *Cambhu-Varman* (*Phạm Phạm-Chí*, khoảng 572-692, con trai của *Phạm Chú-Nông*, *Rudra-Varman* (24), 530-570) lại tiếp tục xây những ngôi tháp tại vùng đất thánh *Mi-Sơn*, nhưng những ngôi tháp của *Cambhu-Varman* cũng không để lại vết tích gì vì vào năm 605, vị tướng Tàu *Lưu Phương* (*Liu Fang*) tấn công Lâm-Áp, đã tiêu hủy hoàn toàn đền đài ở *Mi-Sơn*. Mãi đến đời vua *Prakasadharman* (khoảng 653-686), những tháp đền tại *Mi-Sơn* còn tồn tại cho đến ngày nay (25), dù

(23) Theo L. Finot, *Hiệu-trưởng trưởng Viễn-Đông Bắc-Cổ*, thì không có tài liệu nào chứng minh Trà-Kiêu (*Simhapura*) là kinh đô của Chiêm-quốc. Theo những bản khắc khai quật được tại *Mi-Sơn* thì *Simhapura* được dựng bên cạnh một dòng sông (kraun *Simhapura*, kraun nghĩa là sông), mà Trà-Kiêu ở bên sông *Thu-Bồn*.

(24) *Phạm Chú-Nông* là quan tại Lâm-Áp, cướp ngôi *Phạm Hồ-Đạt*.

(25) Được khai quật dưới sự điều khiển của các nhà khảo cổ học H. Parmentier, J.Y. Claeys..., thuộc trường *Viễn-Đông Bắc-Cổ*.

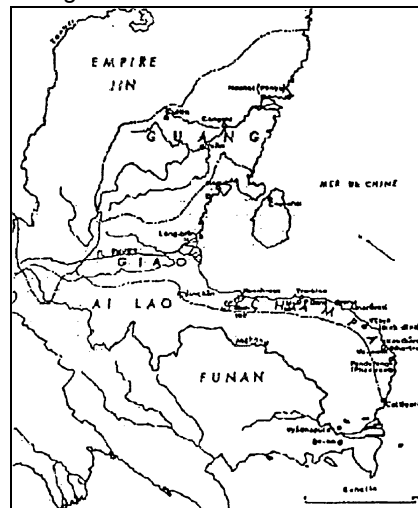
chỉ là những phế tích, đã là những biểu tượng hùng hồn chứng minh cho chúng ta thấy nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc điêu luyện của người Chăm.

Vẫn theo "*Khâm định Việt sử*", vào thế kỷ thứ VII, vua Lâm-Áp là *Phạm Đầu-Lê* qua đời, con trai là *Phạm Trấn-Long* bị giết nên dân trong nước lập người bên họ ngoại tên là *Chú Cát-Đja* lên làm vua. *Chú Cát-Đja* đổi quốc hiệu là *Hoàn-Vương*.

Vào đời vua *Indra-Varman II* (875-898), dưới sức tấn công của người Trung Quốc, dân nước *Hoàn-Vương* phải dời đô từ Trà-Kiêu về *Đồng-Dương* (*Indrapura*, Quảng Nam) (26). Năm 875, xuất hiện lần đầu tiên trong biên niên sử Trung Hoa cái tên *Chiêm-Thành* (27), viết theo tiếng Phạn là *Champapura*, nôm na là "*Thành của người Chăm*".

Tại đây cho đến đời *Indra-Varman III* (918-960), dân tộc bất hạnh Chăm luôn bị sự tấn công của người Java, người Khmers và người Trung Quốc từ mọi phía.

Vào cuối thế kỷ thứ X cho đến thế kỷ thứ XIII là khoảng thời gian đen tối trong lịch sử vương quốc *Chiêm-Thành*. Những cuộc chiến tranh triền miên với *Đại-Việt* và Khmers đã đưa đất nước *Chiêm* vào những đổ nát hoang tàn.



Châu Á vào thế kỷ thứ IV (28)

(26) Theo một bia Chăm đào được tại *Đồng-Dương*.

(27) *Champa* theo tiếng Phạn là tên một loài hoa, người Việt gọi hoa *Champa* là *Ngọc lan*, còn có tên là *Ylang Ylang*, tiếng la-tinh là *Michaelia Champaca*. Thái van Kiếm, tr.43.

(28) Trích từ *Lê Thành-Khôi*, tr.106.

Tại An-Nam phủ, vào năm 939, *Ngô Quyền* (897-944) giành được độc lập từ tay người Tàu, xưng vương và dựng đô ở *Cổ-Loa*. Năm 968, *Đinh Tiên-Hoàng* dẹp xong loạn *Nhi Thập Sứ Quân*, dựng nước tự chủ, đặt quốc hiệu là *Đại-Cồ-Việt*. Mãi đến đời nhà *Lý* (1010-1225) mới đổi tên là *Đại-Việt* và nhà Tống bên Tàu mới công nhận là An-Nam-quốc.

Năm 982, vì vua nước *Chiêm* là *Parameçvara-Varman I* đã giam sứ nước *Đại-Việt* nên *Lê Đại Hành* tiến quân chiếm *Đồng-Dương*, bắt *Chiêm-quốc* phải triều cống. *Hari-Varman II* (988-998) lên ngôi, dời kinh đô về *Phật-Thệ* (*Chà-Bàn*).

Bắt đầu từ thời ấy, vương quốc *Chiêm-Thành* không ngừng thối lui trước những tấn công (*Nam tiến*) liên tiếp của người Việt. Sự hao mòn tổn thất của *Chiêm-quốc* không phải do đất nước kém văn minh mà do thiếu một nền móng kinh tế vững chắc, trong khi *Đại-Việt* có một đồng bằng sông *Hồng* phì nhiêu.

Sau chuyện bi thảm của nàng vương phi *My-Ê* trong thời vua *Sạ-Đầu* (*Hari-Varman III*), thấy quan quân chém giết người Chăm, máu chảy thành suối, vua *Lý Thái-Tông* ra lệnh cấm không được giết người *Chiêm-Thành*.

Đến đời *Lý Thánh-Tông* (1054-1072), người Chăm lại sang quấy phá. Năm 1069, *Thánh-Tông* tiến ra *Ô-Long* hải khẩu (cửa *Tư-Hiền*), sáu ngày sau đến *Thị-Nại* (*Thị-Lị-Bi-Nại*, *Cri Banoy*, *Qui Nhơn*), tiến vào đánh tiêu hủy hoàn toàn *Phật-Thệ*, bắt được vua *Chiêm* là *Chế-Củ* (*Rudra-Varman II I*). *Chế-Củ* dâng ba châu *Địa-Lý*, *Bố-Chính* và *Ma-Linh* (29) để chuộc tội.

Vua *Hari-Varman IV* (1074-1080) lên ngôi đã đem lại cho đất Chăm một khoảng thời gian yên bình.

Năm 1103, vua *Chế-Ma-Na* (*Jaya-Indra-Varman II*, 1081-1113) sang đánh *Đại-Việt* đòi lại ba châu *Địa-Lý*, *Bố-Chính* và *Ma-Linh*. Năm 1104, vua *Lý Nhân-Tông* (1072-1127) sai *Lý Thường-Kiệt* đi dẹp loạn *Chiêm-Thành*. *Chế-Ma-Na* thua trận, trả lại ba châu và xin triều cống như xưa.

(29) Theo "*Cương-Mục chính biên*", *Địa-Lý* là phủ *Quảng-Ninh* (tỉnh *Quảng-Bình*), *Bố-Chính* là huyện *Tuyên-Hóa* (tỉnh *Quảng-Bình*) và *Ma-Linh* là huyện *Gio-Linh* (tỉnh *Quảng-Trị*). Trích từ *Thái văn Kiếm*, tr.40.

Tiếp theo đó là một cuộc chiến tranh đẫm máu với người Khmers trong vòng hơn một thế kỷ (1112-1220) đã làm Chiêm-quốc yếu dần trong mòn mỏi.

Năm 1145, vào đời vua *Jaya Indra Varman III* (1139-1145), nước Chiêm-Thành sa vào quyền đô hộ của người Khmers.

Jaya-Hari-Varman I giành được độc lập từ tay người Khmers, đã xây dựng tháp *Po Nagar* (30) nổi tiếng tại Nha Trang.

Năm 1177, *Jaya-Indra-Varman IV* (1167-1190) tiến quân đánh Khmers để trả thù, hòa thiêu Angkor. Những cuộc chiến triền miên giữa hai nước chỉ đem lại những tiêu hủy và tàn phá.

Vào đầu đời nhà Trần, tuy chịu triều cống nhưng quân Chiêm vẫn sang quấy nhiễu để đòi lại đất xưa. Năm 1252, Thái-Tông ngự giá đánh Chiêm, thắng vua Chăm là *Jaya-Parameçvara-Varman II*, bắt vương phi *Bố-Gia-La* và rất nhiều dân quân.

Đến thời Huyền-Trần công-chúa sang đất Chăm thì Chiêm-Thành không còn là một cường quốc.

Huyền-Trần ở lại đất Chăm chưa được một năm thì *Chế-Mân* qua đời, *Chế-Chí* (*Chế Đa-Đa*, tức là hoàng-tử *Hari-Jilat-Maja*) lên nối ngôi. Các biến cố lịch sử dồn dập xảy đến. Năm 1311, vì *Chế-Chí* không giữ những điều giao ước với Đại-Việt nên Trần Anh-Tông (1293-1314) sang đánh Chiêm-Thành, bắt được *Chế-Chí* và phong cho em là *Chế-Đa-A-Bà* lên ngôi.

Đến đời vua Trần Dụ-Tông (1372-1377), vua nước Chiêm là *Chế-A-Na* từ trần, con trai là *Chế-Mộ* và con rể là *Bồ-Đề* tranh ngôi. *Chế-Mộ* sang cầu cứu Đại-Việt. Dụ-Tông sai Trần Thế-Hung và Đỗ Tử-Bình đi đánh Chiêm-Thành. Tại Quảng Nam, phục quân Chiêm-Thành đã chiến thắng về vang.

Từ đó, người Chiêm thấy binh thế quân Nam suy nhược, nước Chiêm lại

(30) Ở phía Bắc Nha-Trang 2km, tháp *Pô Nagar* thờ Thiên-Mẫu (*Yang Inô Pô Nagar*) của thị tộc *Dừa Li-u*. Được xây dựng bằng gạch đỏ trong vòng tử thế kỷ thứ VIII đến thế kỷ thứ XIII, tháp *Pô Nagar* còn giữ được cho đến ngày nay những bảng điều khắc nói về lịch sử và tôn giáo của vương quốc Chiêm-Thành. Theo đó, chúng ta được biết rằng trước thế kỷ thứ VIII, tháp được xây bằng gỗ và bị thiêu hủy bởi người Java vào năm 774 và được xây dựng lại vào năm 784.

có vị vua trẻ tuổi anh hùng là *Chế-Bồng-Nga* (1360-1390), muốn trả những thù xưa với người Nam. *Chế-Bồng-Nga* dời đô về Đò-Bàn (huyện Tuy-Vĩnh, Khánh Hòa).

Tháng giêng năm 1377, Trần Dụ-Tông (1372-1377) ngự giá cùng Lê Quý-Ly kéo quân đánh thành Đò-Bàn, *Chế-Bồng-Nga* vẫn nuôi hận trả thù nên ngày đêm luyện tập binh hùng tướng mạnh. Trước cường binh của Chiêm-quốc, Dụ-Tông tử trận. Tháng sáu *Chế-Bồng-Nga* kéo quân vào cửa Thần-Phù, tiến lên cướp phá Thăng-Long.

Vào đời Trần-Hiển (Trần Phế-Đế, 1377-1388), *Chế-Bồng-Nga* bốn lần tiến đánh Thăng-Long vào những năm 1378, 1380, 1383 và 1389, đốt cung điện, bắt đàn bà con gái, lấy đồ châu ngọc, làm cho người Nam vô cùng khiếp sợ. Có thể nói rằng trong khoảng thời gian này, Đại-Việt hoàn toàn nằm dưới sức mạnh của Chiêm-quốc.

Năm 1390, *Chế-Bồng-Nga* lại đem quân sang đánh, vua Trần Thuận-Tông (1388-1398) sai Đò-tướng là Trần Khát-Chân (31) đem binh chống giữ tại sông Hải-Triều (sông Luộc, địa phận tỉnh Thái-Bình và Hưng-Yên). Một biến cố lịch sử mà trong vòng một ngày đã làm thay đổi vận mệnh của dân tộc Chăm: Trong khi giao chiến, được báo trước bởi một kẻ bội phản, Trần Khát-Chân dùng súng đồn quân lực bắn đích thuyền của *Chế-Bồng-Nga*, vị vua anh hùng nước Chăm tử trận bởi một viên đạn vô tình.

Quân Nam chặt đầu *Chế-Bồng-Nga* mang về Thăng-Long trình với Thái-Thượng-hoàng Trần Nghệ-Tông. Được đánh thức giữa đêm khuya, Thượng-hoàng hoảng sợ, tưởng rằng một lần nữa Chiêm-Thành lại tiến đánh kinh đô. Khi nhìn thấy chiếc đầu của kẻ thù, Nghệ-Tông nói rằng "*Ta và Chế-Bồng-Nga đã trông chừng dòm dõ nhau tử lâu nhưng đây là lần đầu tiên chúng ta gặp nhau*" (32), rồi tự ví mình như Hán Ca-tổ lấy đầu Hạng Vũ.

Từ khi *Chế-Bồng-Nga* qua đời thì Chiêm-quốc càng ngày càng lâm vào sự suy nhược. Tướng La Khải chiếm lấy ngôi vua. Hai người con của *Chế-*

(31) Trần Khát-Chân (1370-1399), là dòng dõi Trần Bình-Trọng, xin dâng làm voi Trần Khắc-Chung.

(32) Leopold Cadière, tr.95.

Bồng-Nga chạy sang đầu hàng An-Nam, được phong tước Hầu.

Vào đời nhà Hồ (1400-1407), Hồ Hán-Thượng (con Hồ Quý-Ly) sai tướng là Đỗ Mãn sang đánh Chiêm-Thành vào năm 1402. Vua Chiêm là *La-Đích-Lại* (con *La-Khải*) dâng đất Chiêm-Động (phủ Thăng-Bình, Quảng Nam) và Cổ-Lụy (Quảng Ngãi) cầu hòa.

Dưới đời vua Lê Nhân-Tông (1443-1459), vua Chiêm là *Bí-Cai* (*Maha-Vijaya*) hai lần cướp phá Hóa-Châu vào năm 1444 và 1445 nhưng đều thất bại. Năm 1446, triều đình nước Nam sai Lê Thụ và Lê Khả sang đánh Chiêm-quốc, lấy thành Đò-Bàn, bắt *Bí-Cai* và các phi tần, lập cháu vua *Bồ-Đề* là *Mã-Kha-Quy-Lai* lên làm vua.

Năm 1470, vua Chiêm là *Trà Toàn* cầu viện nhà Minh, sang đánh phá đất Hóa-Châu. Năm 1471, vua Lê Thánh-Tông (1460-1497) tiến chiếm Đò-Bàn, giết 60.000 người, bắt *Trà Toàn* và hơn 30.000 tù nhân. Tướng Chiêm là *Bồ-Tri-Tri* sai sứ vào cống xin xưng thần. Thánh-Tông muốn cho Chiêm-quốc yếu đi, mới chia đất Chăm ra làm ba nước là Chiêm-Thành, Hóa-Anh và Nam-Phan, rồi đặt quan cai trị.

Từ từ, những phần đất nhỏ bé còn lại của Chiêm-quốc lần lượt rơi vào tay người Nam. Năm 1611, Chúa Tiên Nguyễn Hoàng tiến chiếm Phú-Yên rồi chia ra làm hai huyện là Đông-Xuân và Tuyên-Hòa. Năm 1653, Chúa Hiền Nguyễn-Phúc Tần đánh vua Chiêm là *Bà-Thấm*, lấy phủ Diên-Khánh (Khánh-Hòa) làm biên giới và đặt dinh Thái-Khang cho tướng là Hùng-Lộc làm Thái thú. Năm 1693, vua Chiêm là *Bá-Tranh* không tiến cống, Quốc Chúa Nguyễn-Phúc Chu sai Tổng-binh Nguyễn Hữu-Trấn sang đánh tan Chiêm-quốc, bắt dân chúng thay đổi y phục như người Nam. Từ đó, vương quốc Chiêm-Thành vĩnh viễn biến mất trong lịch sử nhân loại...

Về số phận nàng công-chúa Huyền-Trần của nước Đại-Việt, một năm sau khi về đất Chăm. *Mân-Quân* dựng xong tháp *Pô Kloong Girai* (33) tại Phan-Rang thì qua đời vào mùa hạ, tháng 5 năm 1307. Theo *Khâm-định Việt-sử*, tháng 9, thế tử là *Chế-Đa-Đa*

(33) Dựng trên một ngọn đồi có tên là Đồi Trầu (*Chok-ha-la*) tại xóm *Lưu-Vinh*, Phan-Rang, thờ thần *Pô Kloong Girai* (*Girai* có nghĩa là Long thần).

sai bầy tôi là *Báo Lộc-Kê* sang dâng voi trắng để cáo việc tang.

Theo tục lệ Chiêm-quốc, vua mất thì các cung phi phải lên hỏa đàn để tuần táng. Trần Anh-Tông sai quan Nhập-nội Hành-khiển Thượng-thư Tà-bộc-xạ Trần Khắc-Chung cùng An-phủ-sứ Đặng Vân đi điều tang (34).

Khi thấy Trần Khắc-Chung tới, các cung nữ của Huyền-Trân hát rằng:

Đàn kêu tích tịch tình tang,

Ai đem công-chúa lên thang mà ngồi.

Ngụ ý công-chúa sẽ phải lên hỏa đàn. Trần Khắc-Chung nói với thế-tử Chiêm-Thành rằng: "*Sở dĩ bản triều gả công-chúa cho quốc vương vì hai nước cõi đất liền nhau, nên yên phận để cùng hưởng thái bình hạnh phúc, cũng vì thương dân, chứ không phải mượn má phần để giữ trường thành. Nay quốc vương tử trần, nếu đem công-chúa tuần táng ngay thì việc tu trai không người lo liệu. Theo tục lệ bản quốc, trước hãy đưa công-chúa ra bãi bể chiêu đón linh hồn, rồi mới hỏa đàn sau*" (35).

Người Chiêm-Thành nghe theo lời. Khi thuyền công-chúa ra giữa bể, Trần Khắc-Chung đem thuyền cướp Huyền-Trân. Theo *Khâm-định Việt-sử*, Trần Khắc-Chung cùng Huyền-Trân tư thông quanh quất trên bể hơn một năm mới về đến kinh sư. Hưng-Nhượng-vương Quốc-Tăng rất ghét chuyện ấy. Hễ trông thấy Khắc-Chung thì mắng rằng "*Họ tên người này không tốt, có lẽ nhà Trần mất vì hắn chăng!*". Bởi vậy Khắc-Chung khi trông thấy Quốc-Tăng thì tránh mặt.

Huyền-Trân công-chúa về đến Thăng-Long ngày 18, mùa thu năm Hưng-Long 16 (Mậu Thân 1308), từ đấy sống trọn đời trong hiu quạnh bề bàng.

Riêng về mối tình giữa Huyền-Trân và Khắc-Chung, theo *Đại-Việt sử ký toàn thư*, khi *Chế-Mân* dâng lễ cầu hôn thì "... *triều thần nước ta đều nói là không nên, duy một mình Văn-Túc-vương Đạo-Tái chủ trương việc gả ấy. Trần Khắc-Chung thì tán thành*". Theo đó, mối tình lãng mạn giữa nàng công-chúa và vị tướng quân nước Đại-Việt

phải chăng chỉ là những gắm thù huyền thoại ?

Chúng tôi xin trích bài thơ của Hoàng Cao-Khải để kết thúc bài biên khảo về Huyền-Trân công-chúa và vương quốc Chiêm-Thành:

*Đôi chác khôn ngoan khéo nức cười,
Vốn đà không mất lại thêm lời
Hai châu Ô-Lý vương nghìn dặm,
Một gái Huyền-Trân của mấy mươi !
Lòng đó khá khen lo việc nước,
Môi son phải giống mãi trên đời.
Châu đi rồi lại châu về đó,
Ngó ngẩn nhìn nhau mấy đứa Hời.*

Les Lilas, 25.06.2000

Ngô Kim-Khôi

Thư-mục và tài liệu tham khảo :

Minh họa "Huyền-Trân công-chúa" do NgKmKh phỏng theo tranh của Phi-Hùng trong Bulletin des Amis du Vieux Hué (BAVH, tập san Đô-thành Hiếu-cổ), số 2, tháng 4-6/1942.

- *Indochine, carrefour des arts*, Bernard Philippe Groslier, nxb Alibin Michel, Paris 1961.

- *Introduction à l'étude de l'Annam et du Champa*. J.Y.Claëys, BAVH, năm thứ XXI, số 1-2. tháng 1-6/1934, tr.1-114.

- *Histoire du Việt Nam des origines à 1858*, Lê Thành-Khôi, nxb Sudestasie, Paris 1987.

- *Huyền-Trân công-chúa và ảnh hưởng Chăm-Trung Hoa trong nền ca nhạc cổ điển Việt Nam*, Thái văn Kiểm, nxb Pháp-Á, Sài Gòn tháng 3/1950.

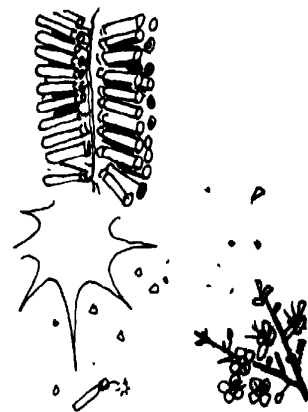
- *La Princesse Huyền-Trân et sa complainte, chantée sur l'air Nam-Binh*, Ung-An, BAVH, năm thứ XXIX, số 2, tháng 4-6(1942, trang 223-228.

- *Le Champa*, Léopold Cadière, BAVH, năm thứ XVIII, số 2, tháng 1-6(1931, trang 107-111.

- *Littérature Chame*, Paul Mus, đăng trong Indochine, Sylvain Lévi, Triền lâm Thuộc địa, Paris 1931.

- Việt Nam sử lược, Trần Trọng-Kim, Bộ Giáo Dục, Trung tâm Học-liệu, Sài Gòn 1971. •

Xuân Lộng Lẫy



*Xuân môi đó lại một lần đến nữa
Thời gian qua nổi nhỏ đủ đo dài
Vẳng vẳng xa tiếng ai vừa gõ cửa
Mở đời buồn mây tím lững lờ bay !*

*Gió thổi qua tóc xanh thơm mùi rạ
Nhánh mai vàng rực rỡ hừng nắng
Xuân
Con bướm nhỏ lượn lờ như kẻ lạ
Mắt trao nhìn vương vấn chút băng
khuàng !*

*Tâm rộng mở đón mùa Xuân nồng
thắm
Vội trầm hương và mắt ướt lệ mừng
Gian tìm nhỏ đuộm chút gì say đắm
Mà lòng ta quay quắt chẳng chịu
ngừng !*

*Mềm hạnh phúc uôm dành từ Xuân
trước
Đến Xuân này hạnh phúc nở thành
hoa
Đóa hoa Xuân còn thơm mùi tinh
khiết
Rất dịu dàng em tiên nữ thuở tha !*

*Xuân môi đó lại một lần đến nữa
Mang tin vui chim yến nhả lời ca
Đêm giao thừa gió thoảng nhẹ đưa
qua
Xuân lộng lẫy theo em về trước cửa!*

• Lê Mỹ Như Ý

(34) *Đại Việt sử ký toàn thư, quyển 6, sđđ*

(35) *Việt-Nam phong sử. Trích từ Thái văn Kiểm, tr.35-36.*



Bằng vào đâu Vua Quang Trung đòi Trung Quốc trả Lương Quảng lại cho Việt Nam ?

Bối cảnh lịch sử

Vào thế kỷ 18, nước ta còn là một nước quân chủ, lấy nghĩa vua tôi làm trọng, lấy sự an ninh thịnh vượng của dân làm quý. Nhưng từ nhà Lê trung hưng trở về sau, miền Bắc họ Trịnh xưng chúa, lấn quyền vua Lê, kiêu binh làm loạn, miền Nam họ Nguyễn hùng cứ một phương, không thần phục vua Lê, Trương Phúc Loan chuyên quyền. Dân chúng Bắc cũng như Nam đều sống trong cảnh loạn lạc, lầm than.

Ở Tây Sơn, miền Trung, anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ đứng lên diệt chúa Nguyễn, dẹp chúa Trịnh, nhưng không nỡ dứt nhà Lê, đặt Giám quốc để giữ tông miếu tiền triều rồi rút quân về. Lê Chiêu Thống phái Hoàng Thái hậu (mẹ của vua) sang Tàu cầu cứu. Vua nhà Thanh nhân dịp ấy mượn tiếng cứu nhà Lê để thôn tính nước Nam, bèn sai Tôn Sĩ Nghị đem quân Thanh sang chiếm giữ thành Thăng Long, ngày 19-12-1788, làm lễ tuyên đọc tờ sắc vua Càn Long phong vua Lê Chiêu Thống làm *Annam quốc vương*. Tuy được thụ phong vương, mà các văn thư của ta vẫn đề niên hiệu Càn Long, mỗi khi thiết triều xong, Chiêu Thống lại đến dinh Tôn Sĩ Nghị để cầu chức việc quân quốc. Sĩ Nghị ngạo nghễ, tự đắc, khinh bạc Chiêu Thống. Một số quan lại chạy theo nịnh bợ Sĩ Nghị, ngày đêm chuyên việc đi sát hại những người trước đã theo Tây Sơn một cách dã man. Triều thần, dân chúng đều công phẫn, lấy làm sỉ nhục nhận thấy vua Lê hèn hạ, Trung quốc đã thật sự đô hộ nước ta rồi. ⁽¹⁾

Vậy nước đã mất, thì phải lấy nước lại. Nguyễn Huệ liền lên ngôi Hoàng đế, niên hiệu Quang Trung, truyền hịch đi các nơi, đường đường, chính chính, đem 10 vạn quân thuần thực, chiến đấu ra Bắc để đánh đuổi quân Thanh. Ở Bắc, thấy thế quân Thanh quá mạnh, sợ đánh không nổi, Ngô Văn Sở, Ngô Thời Nhiệm rút lui, ra tạ tội với Quang Trung. Vua bảo bỏ chạy trước quân thù tội đáng chém, nhưng các người có công rật quân bảo toàn lực lượng, vậy tha tội chết để đái tội lập công, rồi cười mà phán rằng:

'Chúng nó sang phen này là mua cái chết đó thôi. Ta ra chuyển này thân coi việc quân đánh giặc, đã đình meo rồi, đuổi quân Tàu về chẳng qua 10 ngày là xong việc. Nhưng chỉ nghĩ chúng là nước lớn gấp 10 nước ta, sau khi chúng thua một trận rồi, tất chúng lấy làm xấu hổ, lại mưu báo thù, như thế thì đánh nhau mãi không thôi, dân ta hại nhiều, ta sao nỡ thế. Vậy đánh xong trận này, ta phải nhờ Thi Nhiệm dùng lời nói cho khéo để đình chỉ việc chiến tranh. Đợi 10 năm nữa, nước ta dưỡng được sức phú cường rồi, thì ta không cần phải sợ chúng nữa.' ⁽²⁾

Trưa mùng 5 Tết năm Kỷ Dậu, (30 - 01- 1789), vào khoảng 16 giờ, vua Quang Trung cùng 60 thớt voi tiến vào Thăng Long bỏ ngõ, tức là 2 ngày sớm hơn hạn định. Áo ngự bào đen như mực vì bị ám khói thuốc súng. Quân Thanh đại bại, Sầm Nghi Đống tự treo cổ chết, Tôn Sĩ Nghị mất tinh thần, không kịp mặc giáp, ngựa không kịp đóng yên, bỏ chạy vượt qua cầu phao, hướng về Kinh Bắc. Vua Chiêu Thống chạy theo. Quân Thanh tranh nhau chạy lên cầu phao, làm cầu bị gãy, hàng vạn quân Thanh bị chết chìm. Quân ta truy kích, Tôn Sĩ Nghị bỏ cả bảo vật, sắc thư, cờ hiệu, bài lệnh, ấn tín chạy thoát qua biên giới. Dân chúng Tàu ở bên kia cửa ải sợ khiếp, dạt diu nhau chạy trốn *'hồn mấy trăm dặm tịnh không nghe thấy tiếng người'*. ⁽³⁾

Vua Càn Long nhà Thanh nghe tin Tôn Sĩ Nghị đại bại, cả giận, sai Phúc Khang An (người Mãn Châu) làm tổng đốc Lương Quảng thay Sĩ Nghị, rồi ra lệnh chuẩn bị đưa 500.000 quân của chín quận thuộc tỉnh Nam Hoa xuống Bắc Việt để trả thù.

Ngay sau khi tiến quân vào Thăng Long, theo kế hoạch đã dự định từ trước, Quang Trung sai Ngô Thì Nhiệm viết 'biểu tạ tội' (kể hết tội cho Tôn Sĩ Nghị) và xin phong vương. Rồi sai cháu là Nguyễn Quang Hiến làm sứ giả đi Yên Kinh trình biểu và cống phẩm lên vua Càn Long. Sứ giả còn đút lót vàng bạc cho Phúc Khang An ở Quảng Châu và cho cận thần của vua Càn Long là Hòa Thân, để nhờ họ nói khéo hộ tay trong. Càn Long liền ra lệnh bãi quân, và vào khoảng tháng 6 năm 1789, hạ chiếu phong Nguyễn Huệ làm *An Nam quốc vương*. Phúc Khang An biên thư báo cho Nguyễn Quang Hiến biết, trong thư có thêm rằng năm sau là lễ bát tuần vạn thọ của vua Càn Long, Quốc Trưởng An Nam nên thân hành đến kinh đô chúc thọ Hoàng đế, hẳn được ban thưởng. Quang Trung chọn một người hình dung giống mình, tên là Phạm Công Trĩ, giả làm quốc vương, đi cùng một số cận thần sang Tàu chúc thọ (1890). Đến Yên Kinh, vua Càn Long tưởng Nguyễn Quang Trung thật, vội đến châu ở Nhiệt Hà, cho vào là lễ *'ôm gối như là tình cha con một nhà'*, và cho ăn yến với các thân vương, Rồi sai thợ vẽ một bức truyền thần hình Quang Trung (?) cùng ban ân lễ thật là hậu. ⁽⁴⁾

Xin Trung Quốc trả Lương Quảng

Sở dĩ Quang Trung cầu hòa với Trung quốc và chịu phong là cốt chấm dứt chiến tranh ngay cho dân chúng nghỉ ngơi, và nhất là để có thì giờ cho *'nước ta dưỡng được sức phú cường'*. Mà **một nước phú cường, phải có quân lực hùng hậu để sẵn sàng bảo vệ đất đai**, đề phòng quân Tàu trong tương lai có thể sang đánh 'trả thù'. Cho nên, khi trong nước đã yên, Quang Trung ra lệnh cho các trấn làm lại số

² *Việt Nam sử lược*, Trần Trọng Kim, s.d.d., trang 132.

³ *Việt Nam sử lược*, Trần Trọng Kim, s.d.d., trg 133- 135. *Việt Sử khảo luận*, Hoàng Cơ Thụy, Hội Văn Hóa Hải Ngoại, Paris 1989, tập 4, đoạn 87 - C..

⁴ *Việt Sử khảo luận*, Hoàng Cơ Thụy, s.d.d., tập 5, đoạn 89 - A..

¹ *Việt Nam sử lược*, Trần Trọng Kim, SudAsie Paris tái bản 1987, trang 128,129.

đỉnh, cấp cho mỗi người dân một thẻ bài, khắc 4 chữ 'Thiên ha đại tín' xung quanh ghi tên họ, quê quán, và điểm chỉ làm tin. Rồi cứ 3 tên đỉnh, kén lấy một người đi lính. Quân chia ra làm đạo, đạo thống các cơ, cơ thống các đội. Bắt phải diễn tập luôn luôn.

Đồng thời, để cầm chân quân Thanh, Quang Trung dùng cả giặc Tàu-Ô và những người Hoa thuộc đảng Thiên Địa Hội nổi loạn ở Tứ Xuyên, có tính cách 'phù Minh, chống Thanh', quấy rối Tàu ở biên thùy và các miền ven biển Nam Hải.

Đến giữa năm Nhâm Tý (1792), cho rằng quân lực đã đầy đủ, sẵn sàng để chống nạn Bắc xâm, và có lẽ để 'thăm dò ý' vua nhà Thanh, Quang Trung sai tướng Vũ Văn Dũng đi sứ sang Yên Kinh dâng biểu cầu hôn và xin vua Thanh trả lại cho Việt Nam đất Lương Quảng.

Tưởng cũng cần nhắc đến lời của giáo sĩ Lemmonier de la Bissachère, có mặt ở Việt Nam từ 1789 đến 1807, rằng: 'Hình như' Quang Trung có ra hịch truyền cho dân chúng các tỉnh Quảng Ngãi, Qui Nhơn phải ủng hộ Nguyễn Huệ, và tuyên bố sẽ giải phóng Gia Định, dẹp tan Nguyễn Ánh cùng bọn người Pháp để như bẻ củi khô'⁽⁵⁾. Đó có thể cũng là một trong những lý do khiến Quang Trung chủ trương Bắc tiến: Vì đã nhường cho hai anh là Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ làm vua miền Trung và miền Nam, nên mới tính chuyện đòi Tàu trả lại Lương Quảng, để mở rộng đất đai của chính mình.

Và cũng có thể giả thiết rằng Quang Trung đã lường trước hậu quả của vụ cầu hôn và xin Tàu trả Lương Quảng cho nước ta như sau:

- Nếu Càn Long chấp thuận cả hai lời yêu cầu, Quan Trung sẽ được thêm vợ là công chúa Tàu và Việt Nam được thêm đất Lương Quảng.

- Nếu Càn Long chỉ bằng lòng gả công chúa thôi thì Quang Trung sẽ đợi cơ hội thuận tiện xin 'cha vợ' cho thêm hai châu Lương Quảng sau.

- Nếu Càn Long chỉ ban cho Lương Quảng mà thôi, thì mục đích mở rộng đất đai của Việt Nam đã đạt được, còn việc cá nhân cầu hôn chỉ là một phương tiện gây cảm tình để làm giảm bớt tính cách gay gắt của yêu sách đòi trả lại đất đai cho nước ta.

- Nếu Càn Long từ chối cả hai yêu sách, thì Quang Trung sẽ tùy cơ ứng xử:

1- Hoặc xét nước ta còn kém, thì tiếp tục bồi dưỡng tài lực quốc gia, hoàn bị quân lực để sẵn sàng đối phó với các cuộc xâm lăng trường kỳ của quân Trung quốc trong tương lai.

2- Hoặc xét hiện tình vào cuối đời Càn Long nhà Thanh bị suy nhược, giặc cướp hoành hành, dân chúng đói khổ, loạn lạc, thì sẽ động binh chiếm Lương Quảng. Rồi mười năm sau, 'nước ta dưỡng được sức phú cường rồi, thì ta không cần phải sợ chúng nữa' như Quang Trung đã dự tính trước đây.

*

Không ngờ, vua Quang Trung phải bệnh mất, các quan dìm việc cầu hôn và việc xin trả đất đi, không cho Thanh triều biết.

Lần lại cổ sử Trung Quốc

Mặc dầu thế nào, một tờ biểu của vua Việt Nam gửi đến Hoàng đế Trung-quốc đòi trả lại Lương Quảng lại cho nước

⁵ *Etat actuel du Tonkin, de la Cochinchine et des royaumes du Cambodge, Laos et du Lac Tho* (Hiện tình Bắc Việt, Nam Việt, Cao Miên, Lào và Lac Tho), Lemmonier de la Bissochère, Paris, Galignani 1812, Gred tái bản, Anh quốc, 1971. Hoàng Cơ Thụy trích dẫn trong *Việt Nam khảo luận*, s.d.d., quyển 5, đoạn 88-C, trang 856.

ta, là một văn kiện ngoại giao yêu sách cực kỳ quan trọng, tất cũng phải được các danh Nho (mà Quang Trung đã hết lòng thu dụng, hậu đãi, như Ngô Thời Nhiệm, Phan Huy Ích, Nguyễn Thiếp La Sơn phu tử) soạn thảo, trưng dẫn ra những chứng tích lịch sử vững chắc để khỏi bị triều đình Tàu khinh thường vua quan và giới trí thức của dân tộc ta.

Tiếc rằng hiện giờ không ai tìm được tài liệu gì về nội dung của tờ biểu ấy. Chỉ đoán rằng viết biểu cho vua Tàu, có lẽ Quang Trung cùng các danh Nho xưa phải dùng sử liệu của Tàu để chứng minh đại khái rằng:

- Dân Lương Quảng vốn là dân Việt,

- Đó là đất Nam Việt, nước ta thời xưa,

- Triều đình Hoa đã dùng âm mưu không chính đáng để gây hấn chiếm lấy Nam Việt của ta.

Chúng tôi, không có tham vọng biên khảo về sử, nhất là sử Tàu, mà chỉ làm công việc góp nhặt những điều mà các sử gia, hay học giả trước đây đã khám phá được, để thử đoán xem Quang Trung đã có thể dựa vào những sử liệu nào để xin Tàu trả lại đất Lương Quảng cho nước ta.

Và trong phạm vi hạn hẹp của bài này, chúng tôi bắt buộc phải tóm lược, hệ thống hóa các tài liệu góp nhặt để làm công việc giả thiết, ước đoán mà thôi.

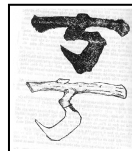
1- Dân Lương Quảng vốn là dân Việt ta

Theo *Tả Truyện*, Thần Nông, thủy tổ của Hoa tộc, làm vua được 8 đời thì bị tướng của mình là Hiên Viên diệt. Hiên Viên đánh đuổi Tam Miêu, là thổ dân của Trung quốc từ thời Thượng cổ, để chiếm bờ Tây sông Hán là phụ lưu của sông Dương Tử. Về sau, có một bọn người do Suy Vưu dẫn đầu, từ Tây Tạng di cư đến Hoa Bắc. Hiên Viên giết được Suy Vưu, nên dân Hoa tôn làm tù trưởng, xưng là Hoàng Đế. Dân của Suy Vưu bị Tàu đánh đuổi, chạy tràn xuống chiếm cứ vùng phía Đông sông Hán.

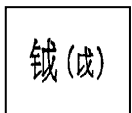
Người Hoa thường gọi các dân láng giềng là rợ, là man di, vì cho chúng không văn minh. Lúc đầu, chưa biết được bọn người theo Suy Vưu là dân gì, nên chỉ gọi chúng là rợ. Và vì chúng chiếm địa bàn phía đông nên gọi là Đông Di.

Danh xưng Việt - Tàu có thói quen lấy biệt sắc của các dân lạ mới đến mà đặt tên cho họ. Thấy rợ Đông Di xâm mình, nhuộm răng đen, biệt sắc là có lưỡi rìu xéo bằng đồng pha cán ngắn bằng gỗ (dùng để ném) mà rợ này gọi là Việt, thì gọi tên dân mới đến ấy là rợ Việt tức là thứ rợ có cái rìu Việt dùng làm vũ khí.

Khi có chữ viết, thì Tàu dùng phép tượng hình vẽ lại cái rìu xéo ấy mà viết thành 'chữ Việt nguyên thủy' gồm có một nét ngang dài (cái cán), ở dưới có cái móc (lưỡi rìu xéo) để chỉ lưỡi rìu ấy, và cũng để chỉ người dân dùng lưỡi rìu ấy làm vũ khí.



Đến đời Chu (1122-256 tr. KN) Tàu không dùng chữ 'Việt nguyên thủy' ấy nữa, mà theo phép hội ý để ghép bộ 'kim' (chỉ kim loại) với chữ 'thích' (chỉ rìu, búa), gom lại thành một chữ Việt khác, thay thế chữ 'Việt nguyên thủy', để chỉ dân có vũ khí lưỡi rìu đồng thau ấy.

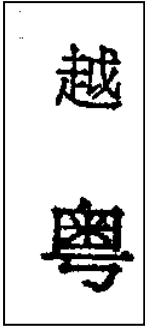


(Chữ viết trong hai dấu ngoặc là chữ 'thích').⁽⁶⁾

Ngày nay, trong *Hiện đại Hán ngữ từ điển* (Bắc Kinh, 1984) của Trung Hoa, để chỉ dân Việt (tiếng phổ thông Trung Hoa phát âm là Yue), Tàu đã dùng hai chữ Việt viết khác nhau:

⁶ *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam*, Bình Nguyên Lộc, XuânThu tái bản, Hoa Kỳ, trg 154-156.

1-Chữ **Việt**, gồm bộ 'tấu' (chạy) ghép với chữ 'thích'(riu). Chữ Việt này có hai đồng âm dị nghĩa (homonyme) : một là động từ có nghĩa là vượt qua, hai là danh từ chỉ dân nước Việt thời Chu, gốc ở miền đông tỉnh Chiết Giang, về sau



chỉ nhóm Việt Hoa Bắc đã vượt qua sông Hoàng Hà để lập nghiệp ở Hoa Nam, mà người Hoa cũng gọi là Thục Lê (thục = chín) tức là dân Lê đã hoàn toàn theo văn hóa Hán.

2-Chữ **Việt**, gồm bộ Mễ (lúa gạo) ở trên, phía dưới là chữ 'Việt nguyên thủy', chỉ dân **Việt** ở Quảng Đông, Quảng Tây mà biệt sắc là ăn cơm lúa gạo, Tàu cũng gọi là Sanh Lê (sanh=sống), tức là dân Lê chưa hoàn toàn theo văn hóa Hán.

Danh xưng Lạc (Lê) - Về sau, đến các đời Hạ Thương, người Hoa biết được rợ Đông Di tự xưng là Mã Lai, thì Tàu gọi tắt là Lạc hay Lê (đó là từ Lai trong danh xưng Mã Lai, đọc trại đi). Có lẽ họ đã căn cứ vào giọng nói các nhóm của Mã Lai mà chia chúng ra chín chi, gọi là Cửu Lê, trong đó, cần phải kể, có chi Lạc (Việt Nam), và các chi Âu (Thái, Lào), chi Môn (Miền điện), chi Kmer (Cao Miên) là những chi có liên hệ gần xa với chúng ta.

Trong cách ghép chữ của Hoa, những chữ danh xưng của các rợ đều ghép với những bộ chỉ thú vật, như bộ Trãi là con sấu không chân, bộ Khuyển là chó, bộ Thỉ là heo, bộ Mã là ngựa...



Tùy theo địa bàn sinh tụ của dân Lạc trên đất Tàu mà họ viết danh xưng rợ Lạc với những bộ có tên một loài thú khác nhau như: Chi dân Lạc ở vùng sông Bộc ở Hoa Bắc, thì viết chữ Lạc với bộ Trãi; chi dân Lạc sinh tụ ở Hoa Nam thì viết chữ Lạc với bộ Mã; song chi dân Lạc ở Thiểm Tây, thì viết thì chữ Lạc với bộ Chuy (?).

Rồi làm sao nhận diện dân Việt qua các cổ sử Hoa ? Tả Truyện chẳng hạn, khi nói đến nhà cầm quyền, nếu dùng từ Hâu, thì dân vùng đó là người Việt, vua phong tước Hâu cho một quan Hoa đến cai trị, nếu dùng từ Chúa thì dân và người lãnh đạo vùng đó đều là người Việt.

Theo cổ sử, năm Quý Mão (2085 tr. TC), vua Thiệu Khang nhà Hạ phong hầu cho con thứ nhì là Vô Dư (là người Tàu), sai đến Kinh Việt là đất của **dân Việt**. Vô Dư kéo một số người Hoa đến cai trị dân Việt này trên hình thức thối. Nhưng cũng nhờ dân Việt này tự làm ăn thịnh vượng, Vô Dư được nổi tiếng. Dân Hoa thấy thế kéo đến đông thêm. Kinh Việt thành nước Sở và dân Việt ở đó bị Hán Hóa một cách thuận tình. (Có người cho rằng dân Việt Hán hóa này không xưng mình là rợ Việt, cũng không nói mình là Tàu, mà lấy một tên mới là Sở). Một vài vua Sở vốn người Hoa cũng cưới vợ 'man di' (người Việt). Kinh Việt được coi như một Châu : Châu Kinh. Phía đông Châu Kinh, đất cũng do người Việt làm chủ, lấy tên là Dương Việt, thuộc vào Châu Dương. Tám trăm năm sau, vua Chu thấy ở đó dân đông, phong Hùng Địch đến khai thác.

Nước Ngô, nước Việt (Câu Tiễn) dân chúng cũng là dân Việt, và cũng bị Tàu coi như man di. Nước Sở cũng bị cho là man di, tuy lúc ấy (595 tr. KN) Sở đã Hán hóa nhiều rồi. Khổng-tử cho biết một phản tướng nước Sở là Vu Thần dạy cho man di nước Ngô chiến thuật đánh giặc và cách chế vũ khí. Ở phía bắc nước Sở là nước Trần, phía đông là nước Tỳ, phía nam là nước Huyền, đều là những nước nhà Hạ lập ra với chủ lực là dân Việt mà Hoa gọi là Việt Di.

Như vậy, dân chi Lạc của Mã Lai đã chiếm phần lớn vùng Hoa Nam và đã bị Hán Hóa. Nhưng hiện tượng Hán hóa kéo dài mãi cho đến thế kỷ 13 mà vẫn chưa hoàn tất, vì theo lời Marco Polo kể lại lúc đó dân Hoa Bắc vẫn gọi dân Việt Hoa Nam là Man Di.

Về sau các nhóm dân thuộc chi Âu, chi Lạc, cũng chạy xuống miền Nam xa xôi, tận các vùng phía dưới của Hạ Chí Tuyền, tức là các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây và Cổ Việt, hòa đồng nhau thì được người Hoa gọi chung là **Lạc Việt**.

Tóm lại, các người thuộc chi Lạc của chủng Mã Lai, khi di cư đến Trung quốc có 2 tên : Lạc là danh họ tự xưng (Lạc: âm cuối của từ Mã Lai, đọc trại đi) và Việt, tên của dân Hoa gọi họ vì thấy họ dùng cái riu có cán (mà họ gọi là 'việt'). Dân Lạc hay Việt sinh tụ miền Hoa Bắc, Hoa Nam đã bị Hán hóa hẳn, còn ở miền Cực Nam và ở Giao Châu thì chưa hoàn toàn Hán hóa. Vì họ sáng lập nhiều tiểu quốc nên người Hoa gọi chung là Bách Việt (bách = 100, cũng có nghĩa là nhiều). Khi họ xuống lập nghiệp vùng Lưỡng Quảng và Cổ Việt, thì được gọi họ là 'Lạc Việt'.⁽⁷⁾

Và cũng theo cổ sử Tàu, dân Lạc Việt vùng Lưỡng Quảng còn giữ được các biệt sắc chung của chủng Mã Lai, như xăm mình, nhuộm răng đen, ăn trầu, áo gài nút bên trái, thờ cúng tổ tiên, thói dâm hiếu, sáng chế trống đồng ... Các biệt sắc ấy tồn tại cho đến thế kỷ 17, một Tổng đốc Lưỡng Quảng trong Tuần duyệt biên ải giáp nước Annam, có ghi rằng khi vua nhà Thanh (1644- 1911) lên ngôi được 9 năm (1653) đã nghĩ đến dân ngoài cõi xa xôi, nên có phái các quan đại thần đi coi giữ bờ cõi **Việt Tây** (Lưỡng Quảng) để cho thanh uy và giáo hóa của vua được truyền khắp bốn phương, những vùng nhuộm răng đen và xăm trán sao cho không còn ai là không đến triều phục.⁽⁸⁾

Ngoài ra, vùng Lưỡng Quảng trước đây là vùng lam sơn chướng khí, trừ những dân thuộc chủng Mã Lai ra, thì không một người Hoa nào muốn đến sinh tụ tại đó. Đời Đường, thứ sử Doanh Châu là Lư Tổ Thượng từ chối không đi làm thứ sử Giao Chỉ, nên bị vua ra lệnh xử tử. Ông nói đi Giao Chỉ vùng nước độc, thế nào cũng chết, vậy thì chết tại quê nhà tốt hơn. Sử Hoa chép trong cuộc nhà Tống xâm lăng nước ta, đã có đến 110.000 quân bị chết vì không hợp thủy thổ. Và cũng vì vậy, nên các cuộc động binh Nam tiến của Tần Thủy Hoàng đã dừng lại phía bắc của Hạ Chí Tuyền tức là phía Bắc của Nam Việt. Nhưng thấy vùng Lưỡng Quảng không có dân Tàu, vua nhà Tần chủ trương Nam tiến bằng cách cưỡng đưa những người Hoa thường trốn tránh, những người ở rể, những dân buôn bán đến lập nghiệp tại đây.⁽⁹⁾

2- Nam Việt vốn là nước của dân Việt

Với các nhóm Lạc Việt này, Lạc Long Quân đã lập ra nước Văn Lang, các vua đều gọi bằng Hùng Vương, thuộc họ Hồng Bàng. Ranh giới Văn Lang phía Bắc lên đến Hạ Chí Tuyền, phía Nam giáp nước Hồ Tôn (Chàm), phía Tây giáp Ba Thục, phía Đông giáp biển Nam Hải.

Vì vua Hùng Vương 16, từ chối không gả con gái cho vua Thục nước Tây Âu, (thuộc chi Âu, chủng Mã Lai), nên vua Thục dận con cháu phải trả thù. Đến đời Hùng Vương 18, cháu vua Thục là Thục Phán đem quan qua diệt vua Hùng, chiếm Văn Lang và gom với Tây Âu, lập nước Âu Lạc, xưng là An Dương Vương.

⁷ Đoạn cổ Sử Tàu này viết phỏng theo Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam, Bình Nguyên Lộc, s.d.d.

⁸ Văn Đài Loại Ngữ, Lê Quý Đôn, bản dịch của Tạ Quang Phát, Saigon 1972, tập 1, trang 254.

⁹ Sử Ký, Tư Mã Thiên, Nhữ Thành dịch, Văn Học, Hà Nội, 1988, trang 48.

Năm 214 tr. KN, Tần Thủy Hoàng sai tướng Đồ Thư đánh lấy Bách Việt (Hồ Nam, Quảng Đông, Quảng Tây ngày nay). An Dương cũng xin thần phục nhà Tần. Tần mới chia Bách Việt và đất Âu Lạc ra làm ba quận, là Nam Hải (Quảng Đông), Quế Lâm (Quảng Tây) và Tượng Quận (miền Bắc Việt ngày nay). Người bản xứ ở đất Bách Việt không chịu người Tàu cai trị, trốn vào rừng ở. Được ít lâu quân của Đồ Thư, vốn là người ở phương Bắc, không chịu được thủy thổ, phải bệnh rất nhiều. Bấy giờ, người Bách Việt thừa thế nổi lên giết được Đồ Thư.

Chẳng được bao lâu thì Tần suy, nước Tàu có nhiều giặc giã, ở quận Nam Hải có quan úy là Nhâm Ngao thấy có cơ hội, muốn mưu đánh lấy Âu Lạc để lập một nước tự chủ ở phương Nam. Nhưng công việc chưa thành, Nhâm Ngao mất. Khi sắp chết Nhâm Ngao trao quyền cho Triệu Đà làm quan úy quận Nam Hải.

Triệu Đà đánh lấy Âu Lạc, sát nhập vào Nam Hải, lập ra nước Nam Việt, năm quý tị (207 tr. KN) tự xưng làm vua, hiệu là Vũ Vương, đóng đô ở Phiên Ngung (nằm ngang trên đường Hạ Chí Tuyến) gần thành Quảng Châu bây giờ.

Trong khi Triệu Vũ Vương gây cơ nghiệp ở Nam Việt, thì bên Tàu, Lưu Bang trừ được nhà Tần, diệt được nhà Sở, nhất thống thiên hạ, năm 206 tr. KN, lên ngôi Hoàng Đế, tức là vua Hán Cao Tổ nhà Hán. Năm 196 tr. KN, vua Hán Cao Tổ thấy Triệu Đà độc lập ở phương nam, bèn sai Lục Giả sang khuyến dụ và phong vương cho.

Năm 183 tr. TC, Hán Cao Tổ mất, Lữ Hậu cấm không cho người Tàu bán vàng, bán các khí cụ bằng sắt để cày bừa, bán ngựa trâu và dê cái cho Nam Việt. Triệu Vũ Vương cho là Tráng Sa vương là Ngô Nhuê xui, nên tự lập làm Hoàng Đế rồi cử quân sang đánh Tráng Sa (tỉnh Hồ Nam bây giờ). Năm 181 tr. KN, Hán triều sai tướng đem quân sang đánh Nam Việt, bị Triệu Vũ Đế đánh thua. Từ đó thanh thế lung lay, Triệu Vũ Đế dùng xe ngựa theo nghi vệ Hoàng Đế như nhà Hán bên Trung quốc.

Đến khi Lữ Hậu mất, Hán Văn Đế lại sai Lục Giả đem thư sang Nam Việt khuyên Vũ Đế về thần phục nhà Hán. Xem thư của Hán Văn Đế có đoạn: ‘*Đất nhà vua cũng không lấy làm to, được của nhà vua cũng không lấy làm giàu. Vậy từ phía nam núi Linh, thì mặc nhà vua tự trị lấy. Nhưng nhà vua cứ xưng đế hiệu, hai bên cùng là đế quốc mà không sai sứ giao thông, thế chẳng hóa ra ganh nhau ư? Ganh nhau mà không nhường thì người có đức nhân không thêm. Trẫm nay xin cùng nhà vua gác bỏ điều cũ, từ rày trở đi, thông sứ như xưa...*’⁽¹⁰⁾ Triệu Vũ Đế thấy lời lẽ tử tế, thật là có nhân hậu, nên thuận theo và đáp thư chịu thần phục.

3- Âm mưu gây hấn chiếm Nam Việt

Triệu Vũ Vương làm vua được 70 năm (207-137), truyền ngôi cho cháu đích tôn, hiệu là Triệu Văn Vương (137-125 tr.KN) làm vua được 12 năm. Tiếp theo là vua Triệu Minh Vương (125-113) trị vì được 12 năm.

Cuối cùng, vua Triệu Ai Vương (113 tr. KN) trị vì được 1 năm. Vua nhà Hán sai An quốc Thiếu Quý sang dụ vua Nam Việt về châu. Thiếu Quý nguyên lúc trước là tình nhân của Cù Thị (một kỹ nữ Tàu, sau làm vợ của Triệu Minh Vương) đến khi sang Nam Việt gặp nhau lại, tư thông với nhau, rồi đổ dành Ai Vương đem nước Nam Việt về dâng nhà Hán. Tế tướng Lữ Gia can ngăn. Cù Thị làm tiệc bỏ thuốc độc toan giết Lữ Gia mà không thành. Lữ Gia liền làm hịch tố cáo trước quốc dân, rồi đem cấm binh vào giết sứ giả, Cù Thị và Ai Vương, tôn Kiến Đức là con trưởng Minh Tông lên làm vua, hiệu là Triệu Dương Vương.

Triệu Dương Vương trị vì độ một năm, thì Hán Văn Đế sai Lộ Bác Đức và Dương Bộc đem 5 đạo quân sang đánh lấy Nam Việt. Lữ Gia chống không nổi phải đem Dương Vương chạy, bị quân Hán theo bắt được hạ sát.

Kết Luận

Tóm lại, những sử liệu xưa của Trung quốc đã xác nhận rằng Nam Việt là một nước của dân Việt ta do Triệu Vũ Vương lập nên trong thời gian 95 năm tự chủ, có lãnh thổ, biên giới rõ ràng, có dân chúng thuộc nhóm Lạc Việt là tổ tiên của ta, có văn hóa, phong tục, ngôn ngữ riêng, nước ta thuận tình thần phục, Hán triều đã công nhận, Hán Văn Đế giao hẹn thêm ‘từ Linh Nam trở xuống, thì mặc vua ta tự trị’. Hai nước Hoa Việt đang giao thông hòa hiếu, thế mà đến đời ấu chúa Triệu Ai Vương, vua Hán vô cớ lại sai người sang dùng âm mưu không chính đáng để gây hấn, rồi xâm chiếm Nam Việt.

Đại khái đó là những điều thô thiển mà hậu sinh chúng tôi giả thiết và mạo muội ước đoán rằng hẳn Quang Trung cùng các danh Nho thời xưa cũng đã viện dẫn trong tờ biểu nhiều chứng tích lịch sử như thế, nhưng vững chắc và phong phú hơn nhiều, để vua nhà Thanh có thể thấy xác thật mà trả lại Lương Quảng cho nước ta chăng?

Tài liệu Trung quốc, Pháp hiện nay

Tuy nhiên, trong đám hậu sinh chúng ta cũng có người cho rằng đòi hỏi của Quang Trung không cần cứ vào sự thật lịch sử, Triệu Đà là người Hoa, dân Lương Quảng là dân Hoa, Nam Việt vốn là đất của Hoa, và hơn nữa nếu vua nhà Thanh không chấp nhận trả đất cho ta, rồi Quang Trung động binh đánh lấy, thì dầu có thắng một vài trận, cuối cùng cũng sẽ thất bại, quân Hoa sẽ sang đánh lấy nước ta, hậu quả tai hại vô cùng.

Những điều chúng tôi trình bày trên đây tưởng cũng có thể trả lời được phần nào các lời chỉ trích này. Chúng tôi chỉ xin thêm là Triệu Vũ Vương có thể là người chỉ Lạc thuộc chủng Mã Lai chúng ta, như một số sử gia đã giả thiết. Nhưng dân Lương Quảng thì đích thật là người Lạc Việt. Mà dầu cho Triệu Đà là người Hoa chẳng nữa, là một vua người ngoại quốc, như trường hợp Mông Cổ hay Mãn Châu cai trị nước Trung quốc, thì nước Trung quốc nhà Nguyên hay nhà Minh vẫn là Trung quốc, Nam Việt của Triệu Vũ Vương vẫn là của dân Việt, cổ sử Tàu không hề chối cãi.

Hơn nữa chính các nhà khảo cứu người Tàu và người Pháp có uy tín hiện nay cũng xác nhận những điều chúng tôi vừa trình bày trên đây:

1- Trong *China's Minorities*, (Các sắc dân thiểu số Trung-hoa) soạn theo công trình nghiên cứu năm 1981 của các nhà khoa học hàng đầu thuộc Viện Trung ương Nghiên cứu Chủng tộc trong Hàn Lâm Viện Khoa học Xã hội Trung quốc, nhà xuất bản Ma Yin cho biết như sau:⁽¹¹⁾

¹¹ *China's Minorities*, Ma Yin, Foreign Languages Press, Bắc Kinh, 1989, *The Lis*, trang 406:

‘According to historical records, the term ‘Li’ first appeared in the Tang dynasty (618-907). The Lis are believed to be descendants of the ancient Yue nationality, with specially closed relations with the Luo-Yues (a branch of the Yue), who migrated from Guangdong and Guangxi on the mainland to Hainan Island long before the Qin Dynasty (221- 206 B.C.). Archaeological finds on the island show that Li ancestors settled there some 3,000 years ago during the late Shang Dynasty or early Zhou dynasty when they led a primitive matriarchal communal life. Ethnically, the Lis are closely related to the Zhuang, Bouyei, Shui, Dong and Dai

¹⁰ *Việt Nam Sử Lược*, Trần Trọng Kim, s.đ.d., trang 31.

'Tại đảo Hải Nam, năm 1989, có 817.000 người Li. Theo sử liệu Tàu, danh xưng 'Li' xuất hiện từ đời Đường (618-907). Người ta tin rằng dân Li là con cháu dân tộc Việt ngày xưa, có liên hệ rất gần một cách đặc biệt với dân Lạc Việt, là một chi của người Việt, đã từ Quảng Đông, Quảng Tây di cư qua đảo Hải Nam thời xa xưa, trước đời nhà Tần (201-206 tr. TC). Những khai quật của các nhà khảo tiền sử cho biết tổ tiên của người Li đã định cư tại Hải Nam trước đây hàng 3 ngàn năm, vào cuối đời Thương hay đầu đời Chu, và theo chế độ mẫu hệ nguyên thủy. Về phương diện chủng học, người Li rất gần với các dân Choang, Bạc, Thủy, Đồng, Thái, ngôn ngữ của họ chúng tỏ có sự giống nhau ở cách phát âm, văn phạm, từ ngữ.'

Theo Bình Nguyên Lộc, vì tàn mác ở nhiều nơi trong vùng Đông Nam Á, con cháu các chi của Mã Lai chịu ảnh hưởng văn hóa của thổ dân nơi chúng sinh trưởng, hàng ngàn năm qua đã quên hẳn tiếng mẹ đẻ, những dân khác chi nói chuyện không hiểu nhau được. Tuy nhiên, hiện nay, các chi ấy vẫn còn giữ mỗi chi độ 100 từ ngữ chung của chủng Mã Lai.⁽¹²⁾

Cũng trong *China's Minorities*, Ma Yin ghi :

'Dân Choang ở Quảng Tây, (mà các nhà nhân chủng học cho là **thuộc chi Âu**), có đến 13 triệu 380 ngàn người, năm 1989, hiện còn mặc áo gài bên trái, ông bà già ăn trà, xăm mình, và có nhiều trống đồng, ăn xôi, theo chế độ độc thê, đám cưới xong, ngày hôm sau trở về nhà cha mẹ, hai ba năm sau mới đến ở luôn với nhà chồng, trong thời gian ấy vợ đến thăm chồng vào những ngày lễ lạc hay mùa canh tác, gặt hái'.⁽¹³⁾

Khi nói về người Thủy (Shui), một sắc dân có thể là con cháu của người Lạc Việt, trong *China's Minorities*, Ma Yin xác nhận thêm rằng: 'Lạc Việt là một trong những bộ lạc sớm nhất sinh tụ dọc theo bờ biển đông nam trước cả nhà Hán (206- TC - 24)'.⁽¹⁴⁾

Các sách giáo khoa Hoa hiện nay đều gọi giọng đọc tiếng Hoa của dân Quảng Đông là 'Việt ngữ'.

Gần đây, 'Hội nghị Berkeley (Hoa Kỳ), năm 1978, các nhà bác học Hoa và Mỹ, nghiên cứu về nguồn gốc văn minh Trung Hoa, đã căn cứ vào những phát minh khoa học mới nhất về khảo cổ, nhân chủng học, ngôn ngữ học, huyết thống di truyền học (DNA), và phong tục tập quán, đã xác nhận rằng Đại tộc Bách Việt đã có trước, và đã cư ngụ phần đất nay là đất nước Trung Hoa, ít nhất từ phía nam sông Hoàng Hà, trước Hán tộc. Và văn minh Bách Việt, căn bản là văn minh định cư trồng lúa nước, cũng đã có trước văn minh Hoa Hán, thuộc văn minh săn bắn và trồng lúa tằm và lúa khô. Tộc Hoa Hán khởi thủy lập quốc từ đời Thương, khoảng 1.600 năm trước Công Nguyên, chỉ là một tộc ít người, chiếm một vị trí nhỏ tưởng ứng với các tỉnh Sơn Tây, Thiểm Tây và một phần Hoa Nam ngày nay, nhưng nhờ có tài thiện chiến, tâm lý thực dụng và văn minh vật chất, học được do tiếp xúc với văn minh Lưỡng Hà (Mésopotamie) đã nhanh chóng bành trướng ra khắp đại lục và đã đồng hóa được đa số tộc Bách Việt, thâm hóa được văn minh của họ,

hòa đồng với nhiều văn minh khác, xây dựng nên một nước Trung Hoa vĩ đại như ngày nay'⁽¹⁵⁾

2- Một sử gia người Pháp chuyên về Trung Hoa học, giáo sư Denis Lombard, Giám học Trường Cao Học Khoa học Xã hội (Directeur d'études à l'Ecole des Hautes Etudes en Sciences sociales, Đại học Sorbonne, Paris), và Hội viên Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp (E.F.E.O.), trong quyển *La Chine Impériale* (Đế quốc Trung Hoa) cũng đã xác nhận như sau:

'Ở miền Nam nước Tàu, những vùng giữa sông Dương Tử và bờ biển phân chia thành nhiều tiểu quốc có thể nói là tự trị. Nếu vua Trùng Sa (Hỗ Nam ngày nay) ra mặt thần phục vua Tàu, thì các vua Mân Việt (Phúc Kiến ngày nay), **Nam Việt (Quảng Đông ngày nay)**, Diên (phía đông Vân Nam ngày nay) **trên thực tế đã độc lập** (pratiquement indépendants). Các nước phân chia theo địa lý ấy, **đều có tiếng nói riêng, văn hóa và phong tục riêng của mình**'⁽¹⁶⁾

Ngày nay, các nhà Khảo tiền sử Pháp đào tìm được sọ các dân cổ thời, đo các chỉ số trung bình, thấy chỉ số sọ Việt Nam= 82,13 ; chỉ số sọ Tàu Hoa Bắc= 75,70. Như vậy dân Hoa và dân Việt vốn khác chủng nhau, vì sọ cách nhau 2 chỉ số là thuộc về chủng người khác rồi. Còn chỉ số sọ đào ở Quảng Đông= 81,70 chứng tỏ dân Lưỡng Quảng ngày xưa là dân Lạc Việt ta, vì chỉ số sọ dân Quảng Đông khác nhau với sọ Việt có 0,43 mà thôi (82,13 - 81,70). Chỉ số sọ dân Hoa Nam= 79,14, chỉ số sọ cách nhau với sọ Việt đến 2,99 (82,13 - 79,14), như thế vì dân Hoa Nam là dân Việt bị lai Hoa quá nhiều đến thành như người Hoa rồi.⁽¹⁷⁾

[Xin nhắc sơ qua là nghiên cứu về nguồn gốc một dân tộc, không thể hoàn toàn dựa vào những truyền thuyết hay cổ sử, mà phần lớn phải dựa vào các chứng tích chính xác của khoa học, như các khoa Khảo Tiền sử học, Chủng tộc học, Ngôn ngữ tỷ hiệu... Mà chính xác nhất là khoa Khảo tiến sử, đào tìm dưới đất sọ của những người cổ thời để đo các chỉ số mà xác định thời điểm cư trú của những người có sọ ấy.

Chỉ số sọ của các sọ qua hàng chục ngàn năm, vẫn không hề thay đổi. Nếu chủng dân này có lai với chủng dân khác, mà lai một lần hay cứ lai đi lai lại mãi, khoa Khảo cổ học cũng biết được, vì yếu tố chủng tộc vẫn tồn tại mãi trong những cái sọ lai ấy. Ngày nay, nhờ quan sát chất than (carbone) C 14 trong xương sọ, ta biết được thời gian chôn liệm của các di tích ấy. (Trong thành tố của tất cả sinh vật đều có 2 chất C¹⁴ và C¹² theo một tỉ lệ cố định. Khi sinh vật chết đi, thì chỉ có C¹⁴ theo thời gian mà bị tiêu mòn dần dần. Các nhà bác học tính được tỉ lệ C¹⁴ so với C¹² còn lại của trong những di tích hữu cơ, thì biết được một cách chính xác thời điểm nào sinh vật ấy chết). Những dân nào cùng có chỉ số sọ bằng nhau, hay xấp xỉ bằng nhau thì thuộc về một chủng. Nếu chỉ số sọ lớn hơn, hay ít hơn 2 đơn vị, thì người có sọ ấy lại thuộc về một chủng khác.]

Một vài sử liệu và khám phá khoa học hiện đại này đã giúp chúng tôi tin tưởng thêm vào những ước đoán của mình.

nationalities, and their languages bear resemblance in pronunciation, gram- mar and vocabulary'.

¹² Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam, Bình Nguyên Lộc, s.d.d. *Ngôn ngữ* trang 455-658. (Nhận xét riêng của chúng tôi : Dân Việt ta ngày nay, di cư tại Pháp và Mỹ, sau vài thế kỷ nữa, nếu cha mẹ không khéo dạy, con cháu sẽ quên tiếng Việt, chỉ nói tiếng Pháp, tiếng Mỹ, nên cũng sẽ không hiểu nhau được).

¹³ *China's Minorities*, s.d.d., *The Zhuangs*, trang 376.

¹⁴ *China's Minorities*, s.d.d., *The Shuis*, trang 361.

¹⁵ *Journal for Health Care* (Y học thường thức) Cung Đình Thanh, số 38, tháng 5/6- 2000, trang 8, 9

¹⁶ *La Chine Impériale*, (Trung Hoa Đế quốc) Denis Lombard, PUF, Paris 1967, trang 29 : 'Au Sud, les régions comprises entre le Yang zi et les côtes étaient partagées en de multiples principautés, pour ainsi dire autonomes. Si le roi Chang Sa (dans l'actuelle province du Hu Nan) faisait acte de vassalité, ceux de Min yue (act. Fu jian), de Nan yue (act. Guang dong), de Dian (est de l'act. Yun nan) restaient pratiquement indépendants'.

¹⁷ *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam*, Bình Nguyên Lộc, s.d.d., trang 444 - 455.

Vua Duy Tân

với môi tình dang dở



● Võ Thu Tịnh

Vua Duy Tân là một vị anh hùng cứu quốc của dân tộc ta. Trong lịch sử đông tây kim cổ chưa thấy có một vị vua nào trẻ tuổi, bỗng hy sinh ngay vàng bệ ngọc để dân thân vào một cuộc khởi nghĩa giải phóng đất nước như vua Duy Tân. Mà cũng ít khi thấy một loạt có ba vị vua liên tiếp nhau, trong vòng ba chục năm (1885 đến 1916), nổi lên chống đuổi xâm lăng để nhận lấy cảnh lưu đày khổ nhục như các vua Hàm Nghi, Thành Thái và Duy Tân nước ta!

Thế mà sự nghiệp của các vị vua này, nói chung, của Duy Tân, cũng như mối tình dang dở của nhà vua nói riêng, lại không được mấy người biết đến. Có lẽ một phần cũng vì những tài liệu liên quan đến "cách mạng" trong thời ngoại thuộc thường bị tiêu hủy, không mấy ai dám tàng trữ.

Chỉ gần đây Hoàng Trọng Thuộc, trong *Hồ sơ vua Duy Tân*, đã dày công sưu khảo, đưa ra ánh sáng một giai đoạn đen tối của nước ta mà các sách lịch sử chỉ nói phớt qua, không hề đi sâu vào các chi tiết. Cho nên chúng tôi hết sức tán thành ý kiến của Giáo sư Nguyễn Xuân Vinh (bút hiệu Toàn Phong) được dẫn ra trong bài tựa của *Hồ sơ vua Duy Tân*: "Lần đầu tiên chúng ta

có một hồ sơ đầy đủ về vua Duy Tân. Phải quảng bá sự sưu tầm của ông Thuộc đến đại chúng".

● Bối cảnh lịch sử

Năm 1885, Bắc Kỳ bị Pháp đánh chiếm. Trong triều Huế, các quan chia thành hai phe: phe chủ hòa có Trần Tiển Thành và Nguyễn Hữu Độ, phe chủ chiến có Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường. Nguyễn Văn Tường ra mặt ngoại giao khéo léo với Pháp để Tôn Thất Thuyết ngầm huy động toàn dân kháng chiến. Với danh nghĩa Phụ chính, Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường nắm hết quyền hành, triệt hạ những người chủ hòa.

Trước đó, vua Kiến Phúc mất (ngày 7 tháng 4 năm Giáp Thân - 1884), em là Hàm Nghi 12 tuổi kế ngôi, Khâm sứ Pháp tại Huế là Rheinart trách cứ triều đình ta sao không xin phép nước Pháp. Đại tá Guerrier đem 600 quân cùng một đội pháo binh, từ Bắc vào Huế để thị uy. Triều đình phải làm lại lễ tấn phong vua Hàm Nghi, để Rheinart và Guerrier đến dự, Pháp mới chịu rút quân về Hà Nội.

Vì phong trào giải phóng nổi lên khắp nơi, Thống tướng De Courcy vừa sang đến Hà Nội, liền kéo 1000 quân vào Huế ngày 18 tháng Tư năm Ất Dậu (1885) nói là để hội thương với ta, có ý nhân dịp này bắt Tôn Thất Thuyết là người đang ngầm yểm trợ kháng chiến. Thuyết biết được, cáo ốm không đến dự. De Courcy báo ốm cũng phải nằm cang mà sang Sứ quán Pháp. Qua ngày 22 tháng Tư Ất Dậu (5-7-1885), Pháp mở tiệc khao quân, để sáng hôm sau vây Bộ Binh bắt Thuyết, thì vào 1 giờ đêm hôm ấy, Thuyết ra lệnh tấn công vào đồn Mang Cá và Sứ quán Pháp.

Cuộc tấn công thất bại, Pháp phản công, quân ta bị thua, Thuyết đưa Hàm Nghi chạy ra Tân Sở, dựng cờ kháng Pháp, xuống hịch Cần Vương, văn thân nghĩa sĩ khắp nơi hưởng ứng nhiệt liệt.

Ở kinh đô (Huế) Pháp đưa Đồng Khánh lên ngôi và mãi đến mấy năm sau (1888), Pháp mua chuộc được một cận vệ của Hàm Nghi là Trương Quang Ngọc người

Mường, mới bắt được nhà vua, đày đi Algérie.

Cũng vào năm 1888, Đồng Khánh mất, Pháp đưa Thành Thái 10 tuổi, kế vị. Lớn lên Thành Thái tỏ ý tự lập, và thường phản đối chính phủ Pháp. Có lần vua định trốn sang Tàu, nhưng việc bại lộ, bị bắt lại. Từ đó, vì bị Pháp kiểm soát chặt chẽ từng hành động, Thành Thái làm ra vẻ mất trí để ngụ ý. Năm 1907, biết được Thành Thái liên lạc với Kỳ Ngoại Hầu Cường Để ở ngoại quốc, Pháp lấy cớ nhà vua bị điên, buộc các quan trong triều dâng biểu yêu cầu vua từ chức. Tất cả đều đồng ý, trừ Ngô Đình Khả (thân sinh Ngô Đình Diệm), không chịu ký. Sĩ phu miền Trung có câu: "Phế vua không Khả" (1).

Pháp đặt Hoàng tử Vĩnh San, con của Thành Thái, 8 tuổi, lên ngôi, vương hiệu Duy Tân. Duy Tân thông minh và có chí khí. Năm 1908, ở Trung Kỳ phong trào mệnh danh là Duy Tân bùng nổ, dân chúng nổi lên xin râu, chống thuế, bị đàn áp dữ dội. Lúc đó vua mới 9 tuổi, mà đã phán với đình thần rằng: "Nếu trong nước hay có loạn là vì nhân dân bị thiếu thốn. Từ nay sắp tới, lương bổng của ta 500 \$ một tháng, ta chỉ lãnh 200\$ thôi, giao cho các thầy 300\$ đem giúp đỡ những kẻ nghèo khó" (2).

Có lần vua hỏi Hồ Đắc Trung, Thượng thư bộ Học: "Thầy nghĩ sao về người Pháp đô hộ ta?". Trung trả: "Chúng ta bị trị còn biết nói gì nữa! Xin Hoàng Thượng thận trọng, cố gắng học hành, đường còn dài, còn nhiều vận hội mới" (3).

Vào năm 1913, nghe tin Khâm sứ Mahé đem người đến đào mỏ vua Tự Đức để lấy vàng ngọc châu báu, Duy Tân tức tốc thân hành đến ngăn chặn, nhưng tới nơi thì đã muộn, mọi việc đã xong xuôi. Ngày sau, Duy Tân viết thư cho chính phủ Pháp hạch tội và yêu cầu khiển trách những viên chức đã lộng hành, nhờ Toàn Quyền Pháp chuyển. Viên Toàn Quyền không chuyển, mà còn đích thân đem thư ấy vào cung đưa cho Hoàng Thái Hậu, mẹ Đích của vua, Bà là con gái Cần chánh Đại học sĩ Nguyễn Thân, tuy không có con, song vẫn có thế lực lớn trong triều. Bà đòi vua vào cung, buộc vua

xin lỗi viên Toàn Quyền Pháp. Bất đắc dĩ Duy Tân phải bấm bụng tuân theo (3).

Đầu năm 1914, Duy Tân họp các vị Thượng Thư, chỉ thị cử hai người phải qua Pháp trình Tổng Thống Pháp một dự án sửa đổi bản Hiệp ước Pháp-Nam Patenôtre đã bị Pháp vi phạm rất nhiều. Không vị nào dám nhận sứ mạng này. Thượng thư Huỳnh Côn lại đi mách với Hoàng Thái Hậu để Bà la rầy nhà vua một cách gắt gao.

Về sau, trong một buổi học chữ Hán với Thượng thư Huỳnh Côn, Duy Tân phàn nàn: "Không có ông Thượng thư nào chịu nghe ta cả. *Ta làm vua chỉ có hư danh thôi.*" Huỳnh Côn tức tốc đi mời Chủ tịch Hội đồng và Thượng thư Bộ Hình đến. Duy Tân lặp lại câu đã nói đó. Vừa Nguyễn Hữu Bài đi ngang qua, nghe được, tâu: "Ngài muốn đánh Pháp, nhưng Ngài lấy gì mà đánh? Ngài không có tài chánh mà cũng không có quân đội". Nhà vua làm thỉnh một chốc, rồi nổi giận la to lên: "Lúc này chính là lúc phải xúi dân nổi dậy, lúc mà nước Pháp đang lâm chiến" (4).

• Về mối tình dở dang của vua Duy Tân

Sư bà Diệu Không, đã kể lại trong hồi ký "*Vua Duy Tân và gia đình Hồ Đắc Trung*" (chưa xuất bản), đại khái như sau:

"Năm 1914, vua Duy Tân ra nghỉ mát ở cửa Tùng (Quảng Trị), thân sinh tôi là Hồ Đắc Trung theo hầu. Nhà vua lúc đó mới 15 tuổi, muốn có bạn chơi cùng lứa, nên truyền thân sinh tôi dẫn thêm anh chị em chúng tôi (hai anh tôi 15 và 16 tuổi, học sinh trường Albert Sarraut Hà Nội, chị tôi 13 tuổi, tôi 10 tuổi) cùng đi theo cho vui.

"Mỗi buổi sáng, mặt trời vừa mọc, vua cho đòi đám trẻ đến để cùng đi ra biển bơi lội. Thân sinh tôi căn dặn chúng tôi phải giữ lễ vua tôi, không được tự do cười nói như đối với người thường, nhưng nhà vua lại rất dung dị, gọi các anh tôi bằng anh, gọi tôi bằng em. Ngài ít nói chuyện với chị tôi. Mỗi khi vui đùa cùng hai anh tôi và tôi, ở những trò chơi con nít, vua chỉ nhìn chị tôi mà không mời chơi. Khi nào Ngài cũng

tỏ ra vui vẻ, song vẫn nghiêm trang. Chúng tôi rất mến Ngài, nhưng vẫn không dám cười đùa nhiều, sợ thân sinh chúng tôi quở.

Tôi còn nhớ một hôm chơi bắt còng (dã tràng) ở bãi biển. Ai bắt được nhiều sẽ được thưởng. Ngài bắt được con nào thì thả con nấy. Chúng tôi lấy làm lạ. Ngài bảo: "Bắt chúng lên cạy chúng sẽ chết, chi bằng thả cho chúng được tự do bơi lội, ta nhìn xem cũng vui rồi". Thế là chúng tôi cũng đua nhau mà thả hết. Ngài lấy làm thích chí, khi thấy mấy con còng lội tung tăng, Ngài nói với hai anh tôi: "Ai bỏ tù chúng ta, chắc chúng ta sẽ khổ sở, vì khi mất tự do là mất tất cả". Nói vậy rồi, Ngài thở dài kém vui. Nhưng sau đó, Ngài lại hồn nhiên như tuổi trẻ chúng tôi và lại vui đùa như cũ.

"Mùa hè gần mãn, vua tôi bị rận lúc chia tay. Chị tôi ứa lệ nhìn Ngài. Ngài bảo nhỏ tôi:

- Dở chị đi em, rồi sang năm chúng ta sẽ gặp nhau lại.

"Năm sau gần đến hè, chị tôi xin đi theo chúng tôi ra cửa Tùng. Thân sinh tôi bảo:

- Con đã lớn rồi, phải ở nhà với mẹ, không được đi nữa.

"Thế là chị tôi phải ở nhà, khóc sùng cả mắt. Khi ra đến cửa Tùng, gặp lại chúng tôi, Ngài hỏi:

- Sao thiếu mất một người?

Tôi tâu:

- Mẹ chúng tôi bắt chị tôi ở nhà, chị ấy khóc quá sá.

"Ngài nói:

- Thật là tội nghiệp cho chị ấy!

"Mãn hè một tháng, một hôm có người thị vệ đến xin ảnh chị tôi đem vào nội cho hai ngài Thái Hậu xem mặt. Một tuần sau, hai Ngài cho đòi thầy mẹ tôi vào chầu và sau đó, tôi thấy kiệu vua đệ ra nhà tôi một đôi bông tai và một đôi vòng vàng cho chị tôi, thầy mẹ tôi quỳ lễ bái lãnh. Đó là "lễ hỏi" của vua dành cho chị tôi. Chị tôi cũng ra lạy tạ ân vua hạ cố.

"Vào khoảng tháng 12 năm 1915, một hôm thấy tôi ở triều về gọi mẹ tôi vào buồng nói rất khẽ và nghe tiếng ngấp ngừng như dè nén hơi thở để khỏi bật ra tiếng khóc. Năm ấy tôi đã 12 tuổi mà cũng đã tinh ý, giả bộ xô cửa bước vào tự

nhien, thấy mẹ tôi mắt đỏ hoe và bảo tôi ra gọi chị tôi vào.

Trông thấy chị tôi, thân sinh tôi nói:

- Con vào lấy đôi vòng và đôi bông tai ra đây để mẹ con đem vào Nội dâng lại cho vua vì Ngài Ngự muốn từ hôn, mặc dù chỉ còn hai tháng nữa là đem con vô Nội.

"Chị tôi nghe nói điếng cả người, tưởng như trời sập cũng không bằng, lâu lắm mới chạy đi lấy đồ vàng đưa cho tôi đem vào, chớ không vô phòng thân sinh tôi nữa. Thân sinh tôi nói là Ngài Ngự có ban rằng: "*Thầy hãy an ủi con gái của thầy và gả ngay cho người khác, đừng để cô ấy buồn tội nghiệp. Thầy nên hiểu vì tôi thương cả gia đình thầy, nên mới phải từ hôn với người mà ta mến từ hai năm nay.*"

"Thân sinh tôi nói thêm rằng: Ngài Ngự bảo phải đưa ngay vào Nội một thiếu nữ khác mà tôi phải chọn lấy. Bà xem ai đáng giới thiệu không?

"Mẹ tôi đáp: Có cô con gái ông Phụ đạo Mai Khắc Đôn, tuy không đẹp lắm, song có đức hạnh. Ông vào tâu xem.

"Một tuần lễ sau, lễ hỏi nhà vua lại đem đến nhà ông Phụ đạo họ Mai (5). Và ngày 30-01-1916, lễ "Nạp Phi" được tổ chức trọng thể tại bộ Lễ, đúng với kỳ hạn triều đình đã rao báo (6).

• Vì sao có sự thay đổi đột ngột như thế?

Có phải do những chính biến đương thời chăng?

Nguyên là từ năm 1912, kỳ bộ *Quang Phục Hội* của Phan Bội Châu, do Thái Phiên phụ trách đã bắt đầu chuẩn bị bạo động đánh Pháp. Đến năm 1914, Pháp chiến tranh với Đức, đó là cơ hội thuận tiện để dân ta vùng lên tranh đấu cho độc lập nước nhà. Hàng chục ngàn lính Việt mà Pháp tuyển mộ để gửi sang "mẫu quốc", phần lớn đã được cách mạng ta kết nạp làm "nghĩa binh", sẵn sàng ứng tiếp lúc lâm sự. Tại đồn Mang Cá (Huế), Trần Quang Trú (thư ký tòa Công sứ Pháp ở Huế) vận động viên Đại tá lính Lê Dương (gốc người Đức) để nội ứng chỉ huy 3.000 lính mộ, lính

khố xanh, lính khố vàng. Trong thành nội Tôn Thất Đề và Đội trưởng Nguyễn Quang Siêu đốc suất các đội thân binh, thị vệ trấn giữ hoàng thành. Trần Đại Trinh điều động lính tập giữ tòa Khâm sứ Pháp quay súng giúp nghĩa quân. Một đội cảm tử Nam Nghĩa (Quảng Nam và Quảng Nghĩa) hiệp cùng dân quân phụ cận kinh thành công hãm cho được tòa Khâm sứ.

Ở các tỉnh Quảng Trị, Đà Nẵng, Hội An, Quảng Nam, Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Bình Định, ngoài các lực lượng chính thức (lính tập, lính mộ) đã kết nạp được, còn có nghĩa quân võ trang với vũ khí trợ giúp từ bên ngoài đưa vào.

Cờ khởi nghĩa sẽ nền đỏ với 5 ngôi sao trắng, lấy ý nghĩa "Ngũ tinh tụ tĩnh" ở Kinh Dịch.

Phan Bội Châu đang bị Long Tế Quang bắt giam tại Trung Quốc đã bí mật gửi Mai Sơn Nguyễn Thượng Hiền sang Xiêm liên lạc với Lãnh sự Đức. Lãnh sự Đức biểu một vạn đồng bạc Xiêm và hứa nếu hoạt động có tiếng vang ra để chính phủ Đức được biết, thì sẽ có viện trợ chính thức nhiều hơn (7).

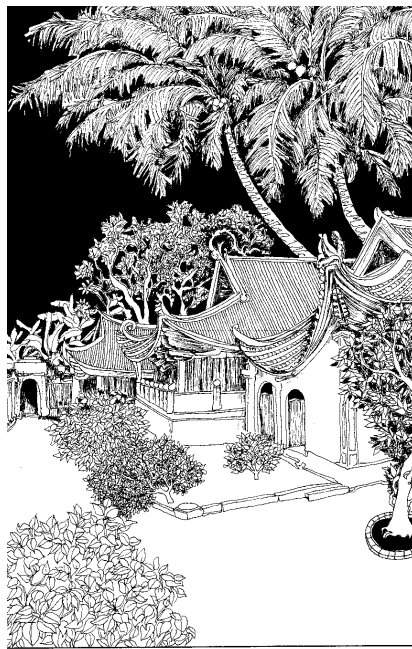
Thái Phiên và Trần Cao Vân giả làm người đi cầu, vào hồ trong thành Nội dâng kế hoạch lên, vua Duy Tân đồng ý tất cả. Duy vua lo ngại Pháp sớm đưa 3.000 lính mộ ở Mang Cá (mà cách mạng đã kết nạp được) xuống tàu sang Pháp, nên hạ chỉ hối thúc hành sự. Ngày khởi nghĩa định vào một giờ sáng ngày mồng 3 tháng 5 năm 1916, Thái Phiên và Trần Cao Vân điều động chiếm giữ kinh đô, và rước Duy Tân ra khỏi hoàng thành, thành công sẽ rước vua về trở lại.

Nhưng trước đó một ngày, có tên lính khố xanh ta đã chiêu dụ được, bảo với anh nó là Võ Huệ làm lính gián ở dinh Án Sát Quảng Ngãi ngày ấy liệu mà xin nghỉ kéo đây rồi sẽ có loạn. Án Sát Phạm Liệu sinh nghi tra hỏi, Huệ sợ nên khai ra. Phạm Liệu trình với Công sứ De Tastes. De Tastes mật điện ra Huế. Khâm sứ Charles ra lệnh thu tất cả súng đạn, tập trung hết thủy binh lính lại, và điện cho các tỉnh biết để đề phòng.

Trần Quang Trứ, người có công lớn chiêu dụ lính ở đồn Mang Cá,

thấy lệnh thu súng, cấm trại, biết việc đã bị lộ, liền đi đến bến Thương Bạc lúc 11 giờ đêm gặp vua Duy Tân đã cải trang theo lối thường dân, có Tôn Thất Đề và Nguyễn Quang Siêu hộ vệ, xuống thuyền của Thái Phiên và Trần Cao Vân đến rước. Trứ liền đi vòng ra ngã sau vào tòa Khâm Sứ tố giác.

Cuộc khởi nghĩa bị thất bại, Thái Phiên và Trần Cao Vân định đưa



vua đi tắt đường núi về địa điểm đã định là Bà Nà ở Quảng Nam, nhưng vua bị mệt, tạm nghỉ lại một ngôi chùa bên núi Ngũ Phong, gần vùng Nam Giao. Sáng sau, khi nhà vua đang sửa soạn lên đường, thì có Le Fol, Đổng lý văn phòng tòa Khâm, Sogny chánh mật thám Huế, Lanneluc, giám binh với 21 lính khố xanh và Trần Quang Trứ, còn bên ta có Võ Liêm, Tá Lý bộ Lễ và Hồ Hành, đội cơ, với một toán lính Nam triều, đến bắt. Duy Tân vẫn bình thản, đối đáp như khi còn ở trong triều. Gặp vua, Le Fol trình trọng cất mũ chào:

- Tàu Hoàng Thượng, Ngài ngự giá dạo chơi xong rồi chứ?

Duy Tân nhún vai đáp:

- Các ông chả hiểu được đâu!

Trần Quang Trứ tiến đến hỏi:

- Tàu Hoàng Thượng, tôi là người cùng Trần Cao Vân hội kiến Hoàng Thượng tối qua ở bên Thương Bạc, chẳng hay Hoàng Thượng có nhớ không?

Vua nhìn Trứ một cách khinh bỉ:

- Phải, ta nhớ mi, đồ phản quốc!

Rồi vua ngoảnh mặt quay sang chỗ khác. Triều thần gặp vua, vừa mừng vừa tủi, năn nỉ vua trở về Nội, Duy Tân khẳng khái từ chối, thà chịu bị bắt, nhất định không quay lại hoàng cung. Lính giương lọng rước, Duy Tân không cho và đi bộ đến chiếc xe của Pháp đưa vua về giữ ở đồn Mang Cá. Trần Cao Vân, Thái Phiên, Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu bị còng tay dẫn về Huế tống giam, đến ngày 16- 4-1916, cả bốn vị bị chém tại An Hòa (cách Huế vài cây số).

Tại các tỉnh cũng xảy ra nhiều việc thăm sát như thế: Ở Quảng Ngãi hai cụ Tú Ngung, cử Sự cùng một số đông đồng chí bị tội tử hình, 200 người bị dày đi Côn Lôn. Ở Quảng Nam cũng rất nhiều người bị liên lụy, Phan Thành Tài và một số tử hình, hoặc dày đi Lao Bảo, Thái Nguyên, Côn Lôn như y sĩ tân học Lê Đình Dương, Lý trưởng Lê Cơ, Tú tài Trương Bá Huy, Đỗ Tự... Pháp khám phá nhiều tài liệu tổ chức chính phủ, quân nhu, quân phục, các ấn tín... Ở Quảng Trị, Khóa Bảo bị tra tấn khốn đốn. Các tỉnh khác hưởng ứng chậm nên không bị đàn áp gì nhiều.

Khi còn trong ngục, Trần Cao Vân lo cho vua Duy Tân bị sát hại, nên viết thư trần tình cùng Thượng thư Hồ Đắc Trung là người đang phụ trách thảo bản án xử vua. Thư viết trên cuộn giấy quuyến hút thuốc, bí mật trao người chuyển đi, nhận lãnh hết công việc bạo động xảy ra đều do ông và Thái Phiên xúc sử. Cuối thư ông khẩn khoản Hồ Đắc Trung tìm cách cứu vua, có câu:

"Trung là ai? Nghĩa là ai? Cản đai võng lọng là ai? Thà để cô thân tử biệt!

"Trời còn đó! Đất còn đó! Xà tắc sơn hà còn đó! Mong cho Thánh Thượng sinh toàn!"

Sư Bà Diệu Không kể lại rằng:

"Vi mảnh giấy ấy mà thân sinh tôi bị bắt giam mấy ngày ở tòa Khâm để điều tra. Nếu không nhờ vua Duy Tân khai giải cứu, ắt thân sinh tôi phải chung một số phận với các ông Trần Cao Vân."

Sư Bà thuật lại lời khai của vua Duy Tân khi bị Pháp cật vấn như sau:

Hỏi: Ngài nghĩ sao về mảnh giấy này?

Đáp: Ông Trần Cao Vân làm việc lớn không thành, sợ tội bị tử hình nên cầu cứu với ông Hồ Đắc Trung.

Hỏi: Vì lẽ gì trước kia Ngài từ hôn với tiểu thư nhà họ Hồ?

Đáp: Vì tôi thương ông ấy đồng con, sợ ông ấy bị liên lụy. Vả lại, các đồng chí của tôi khuyên tôi nên tránh gia đình ấy để bảo mật.

Hỏi: Vì lẽ gì ông Trần Cao Vân lại bảo đưa mảnh giấy này cho ông Hồ Đắc Trung?

Đáp: Vì ông Hồ Đắc Trung hay cứu người như đã cứu 42 nhà cách mạng ở tỉnh Quảng Nam năm 1908 trong vụ dân "xin râu" lúc ông ấy làm Tổng Đốc ở đấy.

Hỏi: Ngài có bảo đảm là ông Hồ Đắc Trung vô tội trong vụ khởi loạn này không?

Đáp: Tôi xin hoàn toàn bảo đảm cho ông ấy.

Thế là mấy ngày sau, thân sinh tôi được Pháp trả lại tự do. Triều đình ủy cho thân sinh tôi soạn thảo bản án Duy Tân. Nội dung bản án đại khái như sau:

"Vua Duy Tân còn nhỏ tuổi, tuy rất thông minh song còn cạn nghĩ, bị bọn người mưu phản kích thích lòng ái quốc nên nghe theo. Nếu đúng tuổi trưởng thành thì tội Ngài rất nặng, song Ngài còn vị thành niên, tưởng không đáng trách mà nên thương tình.

Đứng về phía chính phủ Bảo hộ, thì Ngài can tội "phản nghịch", nhưng đứng về phía chính phủ Nam triều, thì Ngài là một ông vua biết thương dân và được lòng dân. Như vậy, luận về tội, thì quả thật Ngài có tội đối với chính phủ Bảo hộ, còn đối với nhân dân Việt Nam, thì Ngài không có tội gì cả.

Vậy nên xét tình mà truất phế Ngài và để cho Ngài được tự do trở về với danh vị một Hoàng Tử như trước. Như thế lòng dân mới khỏi oán thán chính phủ Pháp là khắc nghiệt..."

Bản án này được Pháp chấp thuận, nên tuy bị đưa đi đày ở đảo

Réunion gần Phi Châu, Ngài vẫn giữ tước vị Hoàng Tử...

Về sau, thân sinh tôi gả chị tôi cho vua Khải Định, nên mới được tin dùng như trước. Tuy được gả cho vua mới, nhưng tình người con gái vẫn còn quyến luyến vua cũ không người... " (8).

Năm 1925, Khải Định mất, thọ hơn 40 tuổi, Duy Tân từ đảo Réunion, gửi về hai câu điệu:

"Ông vội bỏ đi đâu, bỏ tiền, bỏ bạc, bỏ vợ, bỏ con, bỏ thầy tu, hát bội, bỏ hết trần duyên trong một lúc".

"Tôi may còn lại đó, còn trời, còn đất, còn nước, còn non, còn anh hùng, hào kiệt, còn nhiều vận hội giữa năm châu".

Vận hội ấy, phải chăng là cuộc hội ngộ ngày 14 tháng 12 năm 1945 với Đại tướng Charles de Gaulle để chọn "lá bài Duy Tân" giải quyết vấn đề Việt Nam:

Tướng De Gaulle quyết định đặt Hoàng tử trở lại ngôi Hoàng đế Việt Nam, ba kỳ thống nhất, dưới một chính thể trung ương hoàn toàn tự do cai trị và tổ chức nền kinh tế của mình. Pháp đảm nhận phòng thủ biên cương cho Việt Nam trong một thời hạn nào đó sẽ được minh định, để cất gánh nặng cho ta việc tạo lập một quân đội khi Việt Nam chưa đủ phương tiện để duy trì và tăng cường nó (9). Tướng De Gaulle sẽ đích thân đưa Hoàng tử hồi loan vào đầu tháng 3 năm 1946... chẳng may, trên đường về thăm gia đình ở đảo Réunion, Ngài tử nạn máy bay ngày 26-12-1945 gần Bangui thuộc Trung Phi" (10).

Tại nạn hay có mưu sát? Một bạn thân của vua Duy Tân là E. P. Thébaud cho biết trước khi rời Paris để về đảo Réunion thăm vợ con, Hoàng tử Vĩnh San có tiết lộ rằng: "Nước Anh chống lại việc tôi về Việt Nam và họ đã đề nghị tặng tôi 30 triệu nếu tôi từ bỏ ý định ấy". Nhưng các cuộc điều tra về vấn đề này cho đến nay chưa ngã ngũ ra sao cả (11).

*

Cuộc đời của vua Duy Tân đã bao lần dang dở. Dang dở vì đã hy sinh mới tình đầu để tránh mối họa tà đình có thể xảy ra cho toàn gia người mình yêu, dang dở vì đã hy

sinh ngại vàng của mình cho tiền đồ chung của đất nước, nạn nhân muôn thuở của tình đời phản trắc, của định mệnh khắt khe. Nhưng đây là một trong muôn ngàn hy sinh khác của toàn dân đã và sẽ dâng hiến trên bàn thờ Độc Lập cho đất nước chúng ta.

CHÚ THÍCH

(1)- Hoàng Trọng Thuộc, Hồ sơ vua Duy Tân, Mõ Làng, Paris, 1993, trang 52-53. (Sau đó, Ngô Đình Khả bị buộc tội lập giáo đường không xin phép, phải về hưu tại nguyên quán xã Đại Phong, huyện Lệ Thủy, Quảng Bình, không được lãnh hưu bổng).

(2)- Báo Cải Tạo ngày 22.1.1949, (Hoàng Trọng Thuộc. Hồ sơ vua Duy Tân, sdd. trang 75).

(3)- Hoàng Trọng Thuộc, sdd. trang 373-374.

(4)- Huỳnh Côn, hồi ký, do Jean Jacnal ghi lại bằng tiếng Pháp, đăng trong Revue Indochinoise năm 1924 (Hoàng Trọng Thuộc, sdd, tr.95)

(5)- Hoàng Trọng Thuộc, sdd, trang 102-106.

(6)- Nạp Phi: Trừ Gia Long và Bảo Đại, các vua của nhà Nguyễn tuy có vợ theo thứ bậc lớn nhỏ nhưng không bà nào được phong Hoàng Hậu. Vì từ Minh Mạng, sợ bị tiếm ngôi, nên đặt ra lệ "ngũ bất lập" là: Bất lập Hoàng Hậu, bất lập Đông Cung, bất lập Tế Tướng, bất phong Vương, bất tuyền Trạng Nguyên. Còn các bà vợ vua đều gọi là Phi, phân thành 9 cấp: đệ nhất Giai Phi, đệ nhị Giai Phi... cho đến đệ cửu Giai Phi. (Hoàng Trọng Thuộc, sdd, tr.76).

(7)- Hoàng Trọng Thuộc, sdd, trang 136-137.

(8)- Hoàng Trọng Thuộc, sdd, trang 143-148.

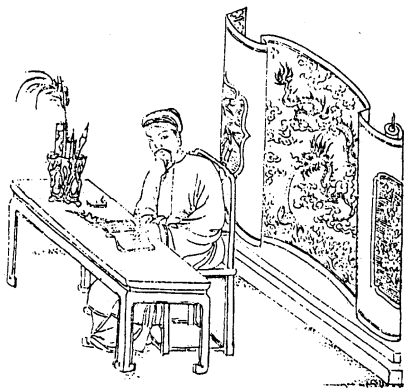
(9)- Chỉ dẫn của Hoàng tử Vĩnh San, cựu Hoàng đế Duy Tân, trong Hồ sơ vua Duy Tân, sdd, trang 253.

(10)- Lời tiết lộ của Trung Tướng Alain de Boissiau, con rể của Tướng de Gaulle, trong Hồ sơ vua Duy Tân, sdd, trang 346.

(11)- Hoàng Trọng Thuộc, sdd, trang 263.

Khẩu khí con người

Trần Trọng Khoái



Thông thường người ta tìm hiểu nhau qua vóc dạng, hình tướng để biết được phần nào tư thế con người, gọi là "quan hình sát sắc", quan điểm của thể nhân là "nhìn mặt mà bắt hình dung", vậy nên ngày xưa các thiếu nữ chọn ý trung nhân thường mong mỏi:

"Cây cao bóng ngả qua rào

Trông cho thấy mặt không chào cũng ư"

Điều này có thể đúng một phần thôi, chúng ta chớ vội nhìn người qua hình thức để nhầm lẫn nhất thời mà ân hận mãi mãi, vì túi khôn của loài người thường ẩn chứa kinh nghiệm "biết người biết mặt ai dễ biết lòng?" Và chẳng "cây cao" đương nhiên đã có sức sống mạnh, thể chất bền mới vươn lên giữa thiên nhiên, đương đầu với gió sương mưa nắng, tức là đã sẵn phần lớn nội dung vững chắc, chứ đâu phải thuần nhất về hình thức bên ngoài?

Tục ngữ (miền Trung) có câu "người mần răng (1) vác lê sẵn ra rữa (1)" ý nói người khôn ngoan thường uốn lười bày lần trước khi nói hay họ dè dặt chọn việc làm thích hợp với khả năng nên dễ thành công, trong khi người bất cẩn lại thêm táng ngã mạn gặp đâu nói đó, thấy vui thì làm không xứng hợp với thực trạng của mình, nên lắm lúc hoài công vô bổ. Người "hữu đồng vô mưu" có thái độ buồn cười, nên họ hay bị thể nhân đùa cợt mỉa mai về sự vụng về ngớ ngẩn: "Con kiến mày ở trong nhà, tao đóng cửa lại mày ra đằng nào; Con cá mày ở trong ao, tao tát nước vào mày chạy đi đâu?".

Ngoại hình chỉ cần phần nào trong giai đoạn, chứ nội tâm và ý chí mới cần thiết lâu dài, nên được thể nhân tìm

hiểu, quan chiêm. Họ cho rằng tài và đức nếu hòa quyện lẫn nhau thì thành ra của quý trên đời, mà người tài đức thường có lời ăn tiếng nói chân chính hòa nhã, khiêm cung, gọi cảm dễ thu phục nhân tâm và tinh thần thanh cao, ý chí hào hùng tiềm ẩn, sẽ được phát hiện phần nào, gọi là khẩu khí con người. Do mến chuộng về phẩm cách hay tôn trọng về ý chí, thể nhân thường trân quý những câu nói khác thường, họ cho rằng "văn thức là người" vì qua câu nói, người ta có thể biết được tâm tư, tình cảm, kể cả hậu vận của tác giả. Điều này không rõ có ứng nghiệm chăng, chúng tôi xin đơn cử ít trường hợp sau đây để luận về nhân tâm thể đạo, hay xét về thể thái nhân tình

A. Qua bài thơ thất ngôn bát cú tả người bù nhìn giữ dưa bên cánh đồng, vua Lê Thánh Tôn có đôi câu đầu:

"Quyền trọng ra uy trấn cõi bờ

Vốn lòng vì nước há vì dưa"

Và tiếp theo là 2 câu thực :

"Xét soi trước mặt đôi vùng ngọc

Vùng vấy trong tay một lá cờ"

ta thấy lời văn đĩnh đạc, ý tứ hào hùng, linh hoạt và oai phong, đâu phải nói về tinh vật bên đường.

Bài thơ tứ tuyệt tả con cóc với 2 câu đầu:

"Bác mẹ sinh ra vốn áo sồi

Chốn nghiêm thăm thẳm một mình ngời"

nghĩa hẹp là con cóc ngồi trong hang, nhưng người đọc có thể liên tưởng đến một nhân vật với phẩm phục uy nghi ngồi một mình tại chốn thâm nghiêm trang trọng.

Vào dịp Tết Nguyên Đán, nhà vua cải trang vi hành ngoại thành Thăng Long để tìm hiểu cuộc sống của nhân dân, Ngài thấy nhà nhà treo đèn kết hoa, dán câu đối chuẩn bị mừng Xuân đón Tết nên rất hài lòng, ngang qua nhà nợ thấy vắng lặng, Ngài vào thăm hỏi mới hay chủ nhà làm nghề nhuộm cũng muốn chung vui với người, nhưng ngại vì nhà nghèo không lo nổi, cảm thương nghề tiểu thủ công nghiệp khó vươn lên trong cuộc sống, Ngài tặng cho ít đồng tiền, sẵn văn phòng tứ bảo mang theo, Ngài tự tay viết giúp cặp đối:

"Thiên hạ thanh hoàng do ngã thủ

Triều trung chu tử tổng ngô gia"

Nghĩa:

"Màu xanh vàng trong thiên hạ, bởi tay ta chế tác

Sắc đỏ tía chốn triều trung, tự nhà tổ phò bày"

Đọc kỹ ta thấy cặp đối tả chân về nghề nhuộm nhưng hùng khí của

người viết bao trùm khắp thiên hạ, vì vậy mà dân chúng đồn đãi xôn xao về cặp đối lạ, làm quan địa phương Lương Thế Vinh (2) phải mất ăn mất ngủ tìm hiểu tác giả, vì sợ ai đó muốn lộng ngôn, làm chuyện khi quân phạm thượng.

Trong khi nữ sĩ Hồ Xuân Hương thời Lê mạt Nguyễn sơ, người làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An, sau theo mẹ đến ở tại phường Khán Xuân gần Hồ Tây, Hà Nội, cũng có biệt tài xuất khẩu thành chương, thơ văn trác tuyệt với lối diễn đạt tư tưởng tự do phóng khoáng, mới mẻ vui đùa, trào lộng đặc biệt, nhưng ý tưởng lảng lơ, trôi nổi không định hướng, nên nếp sống thực tế của Bà không tương xứng với con người tài hoa xuất chúng qua mấy bài thơ trích dẫn sau đây:

QU MÍT

"Thân em như quả mít trên cây

Da nó xù xì mùi nó dày

Quân tử có thưởng thì đóng cọc (3)

Xin đừng mân mó nhựa ra tay"

ỐC NHỒI

"Bác mẹ sinh ra phận ốc nhồi

Đêm ngày lăn lóc bãi cỏ hôi

Quân tử có thưởng thì bóc yếm (4)

Xin đừng ngó ngoáy lỗ tròn tôi"

MỜI TRẦU

"Quả cau nho nhỏ miếng trầu ôi (5)

Này của Xuân Hương đã quệt rồi (6)

Có phải duyên nhau thì thăm lại

Đừng xanh như lá bạc như vôi!"

Nữ sĩ tả qua cây và con vật dân dã tầm thường, ý tứ lại dễ dãi, buông xuôi không chủ động, trong khi vua Lê Thánh Tôn tả người bù nhìn, con cóc, cái chổi quét nhà... nhưng ý tứ trang đài trịnh trọng, với phong cách người cầm giềng mối trên đời! Đọc bài "Mời Trầu" ta có cảm nghĩ Hồ Xuân Hương chán đời nhưng ưa đeo đẳng với tình đời; thay vì hờn hờ chào mời người khách lạ, tác giả lại có ý buồn nản, trách móc, chán chường, thiếu tin tưởng vào ngày hội ngộ tình tứ đẹp xinh, nên thực tế họ có duyên nhưng không có quả tốt, dù có thăm lại một thời nhưng rốt cuộc cũng bằng không! Chẳng rõ đây là người bạn đời lần thứ mấy của nữ sĩ đã về cõi hư vô, nên Bà trần trọc đêm khuya với lời oán thán:

"Trước nghe những tiếng thêm ru rì

Sau giận vì duyên để môm mòm"

Thế nhưng Bà vẫn mơ về ngày mai tươi đẹp bên một tài tử văn nhân khác:

Tài tử văn nhân ai đó ta

Thân này đâu đã chịu già tom ?"

(Tự Tình II)

Có thể những yếu tố nêu trên là nghiệp lực chủ động của cuộc sống của một nhà thơ lớn, văn tài lỗi lạc; Bà đã nhiều lần lập gia đình song không có một ý trung nhân xứng hợp, chìm nổi đa đoan, oán than hần học:

"Thạch nhũ, trần bì (7) sao để lại
Quy thân, liên nhục (7) tẩm (8) mang đi!"

(Bà Lang khóc chồng)

hay Bà tự thân

"Thân này ví biết đường này nhỉ
Thà trước thoi đành ở vậy xong!"

(Cảnh làm lễ)

B. Những câu đối hài hòa, tình cảm yêu nước thương nhà trung thực tự nhiên:

a) Cặp đối vui đùa trang nhã giữa ông Đoàn Luân và bà Đoàn Thị Điểm là anh em ruột con cụ Tiến sĩ Đoàn Trác, xứ Kinh Bắc, Bắc Ninh. Buổi chiều hè, ra hồ hóng gió mát ngắm trăng lên, thấy cô em gái ngồi trang điểm, ông Luân nói đùa:

"Đối cảnh họa mi, nhất điểm phiên thành lưỡng điểm"

đại ý:

"Soi gương kẻ lông mày, một điểm thành ra hai điểm"

Hồng Hà nữ sĩ vui vẻ về ông anh dùng tên mình nói chơi, nên nhanh trí đối lại:

"Lâm trì ngoạn nguyệt, trích luân chuyển tác song luân"

nghĩa là:

"Ra hồ ngắm ánh nguyệt, trích luân hóa hiện song luân"

b) Cặp đối do hai nhà nho chơi chữ theo lối chiết tự với tâm tư tình cảm tự nhiên của người Á Đông:

"Thập + khẩu + tâm = tử. Tử huynh, tử đệ, tử phụ mẫu →

Về đối lại:

"Thốn + thân + ngôn = tạ. Tạ thiên, tạ địa, tạ quốc gia →

Đại ý:

"Ghép mấy chữ thập + khẩu + tâm thành chữ tử là lo nghĩ. Nghĩ về anh, em và cha mẹ;

Sắp 3 chữ thốn + thân + ngôn thành chữ tạ là biết ơn. Biết ơn trời, đất với nước nhà.

c) Một đề chung, nhiều người đối lại với 3 tư cách cá biệt:

Vào thời Hậu Trần đầu thế kỷ XV, khi ông Nguyễn Trãi còn theo học với cụ đồ ở làng Nhị Khê, Thường Tín, Hà Đông. Sau khi bãi học, gặp trời mưa, nên cụ đồ ra về đối để tìm hiểu về khả năng học trò mình, vừa để các sĩ tử có việc làm cho vui và tránh sự tự do đùa giỡn ồn ào.

Về ra:

"Vũ vô thiết tỏa nắng lưu khách"

Đại ý là cơn mưa không cần khóa sắt, cũng giữ khách được.

* Một trò bình thần xin đối lại theo sự hiểu biết tự nhiên, khá hài hòa êm đẹp:

"Nguyệt hữu cung thưởng bất xạ nhân"

Với nghĩa mặt trăng cũng có cung thưởng, nhưng chẳng bắn ai bao giờ.

Ngày xưa người ta chưa hiểu về chu kỳ mặt trăng xoay quanh quả đất và địa cầu vẫn xoay trong thái dương hệ, nên nhìn trăng sao theo hình thể thông thường, họ thấy trăng khi khuyết khi tròn, nên tưởng tượng vào thượng tuần âm lịch là trăng non, có hình lưới liềm, hình vòng cung... đến giữa tháng trăng tròn, tiếp theo thì trăng khuyết dần dần, cho đến cuối tháng âm lịch là vắng bóng trăng, nên tối trời như đêm 30 vậy.

* Câu đối thứ nhì có vẻ thực tế, nhưng từ ý thiếu tao nhã, tỏ ra tác giả của nó không phải hàng ngũ "tao nhân mặc khách", dù có đúng nhưng thiếu cảm tình với người nghe:

"Phần bất uy quyền dị sử nhân"

Có nghĩa "... chà có gì đáng nói, nhưng dễ làm người ta ghê tởm".

Cụ đồ lắc đầu về người học trò khá lạnh nhưng phát ngôn bữa bãi, thiếu tế nhị, không hợp với phong cách nhà nho, dù anh ấy có dùi mài kinh sử, nhưng tương lai e chẳng ra gì?

* Để làm đẹp lòng Thầy và tạo không khí vui hòa trang nhã, ông Nguyễn Trãi xin đối lại:

"Sắc bất ba đào dị nịch nhân"

Với nghĩa sắc đẹp mỹ nhân chẳng phải sóng gió nhưng dễ lồi cuốn hay nhận chìm kẻ đắm đuối mê say.

Thầy khen hay tuyệt, hợp tâm ý người đời, có thể dùng nó làm câu danh ngôn khá thiết thực trong cuộc sống con người. Tuy nhiên, Thầy có linh cảm về hậu quả không tốt, vì chút nhan sắc của nữ lưu có thể gây chướng duyên cho gia đình con trong mai hậu!

D. Vài câu nói ứng với chuyện "Bát đắc kỳ tử" của tác giả ngày sau:

a) Xét về bài thơ tứ tuyệt của ông Nguyễn Hữu Chính đồng thời với nữ sĩ Hồ Xuân Hương nói về "cái pháo":

"Xác không vốn những cậy tay người"

Bao quản công trình tạch cái thoi (9)

Kêu lắm lại càng tan tác lắm

Thế nào cũng một tiếng mà thôi!"

Chúng ta thấy tả chân rất đúng, còn hợp với cuộc đời của tác giả khi làm tùy tướng với Hoàng Ngũ Phúc phò Lê, khi giúp Trịnh, khi rời đất Bắc và Đàng Trong theo Tây Sơn, được Bắc Bình

Vương Nguyễn Huệ phái mang quân ra Bắc lập công. Sẵn binh quyền Nguyễn Hữu Chính theo đường cũ phò Lê, diệt Trịnh Bồng, được vua Lê phong Bằng Quận Công. Do ông chuyên quyền hùng cứ một phương, để trừ hậu hoạn Nguyễn Huệ sai Vũ Văn Nhậm đưa quân ra Thăng Long bắt và xử tội Chính vào cuối năm Đinh Mùi 1787!

b) Ông Cao Bá Quát là một thi bá dưới triều vua Tự Đức, có tài xuất khẩu thành chương, gặp buổi mưa dông nước ngập đầy sân, nên đàn vịt chạy nhày tung tăng, Cao Chu Thần đề nghị thịt một con để nhậu rượu. Chủ nhà đồng ý nhưng có "bản án tử hình" của loài vịt mới hạ thủ được. Cao Bá Quát liền đọc cặp đối với hai trọng tội:

"Ba lạng độ hà, vô tuân quốc pháp;

Lôi đình dữ diệt, bất uy thiên oai"

Đại ý là:

"Sóng gió vẫn lội sông, không tuân phép nước;

Sấm chớp cũng nhảy cồm, chẳng sợ uy trời!"

Thế là một con vịt phải hy sinh cho buổi nhậu! Nếu khách chủ cứ tự nhiên hành động là chuyện thường tình, chứ dùng ba tấc lưỡi với sức mạnh con người để thụ hưởng, cười cợt trong sự chết chóc đau thương của sinh linh, e thương tổn đến đức hiếu sinh của tôn giáo và trời đất thiêng liêng (thiên địa hiếu sinh chi tâm), nên chúng ta mới luận bàn. Biết đâu cặp đối này là phục bút về sự kết liễu cuộc đời của một cao sĩ sinh bất phùng thời vào năm 1854!

Còn rất nhiều chuyện khá trang nhã, hùng hồn, cao kiến, cầu kỳ, hay buông xuôi vụn vặt, khi vui đùa, lúc hần học trong câu nói tiếng cười, người đọc ngầm nghĩ càng thấy rõ nhân cách tiềm ẩn trong mỗi cá nhân tác giả. Đại để như viên Công sứ Pháp De Tastes được một người Việt thân tín trong phe chủ hòa bày sẵn về đối để thăm dò, dọa dẫm đầu chúa Duy Tân, lúc bấy giờ còn dưới 17 tuổi.

"Rút ruột vương thành 3"

với dụng ý dùng sức mạnh rút bớt nét số ở giữa chữ vương là vua (ôm ở nói về vua Duy Tân), còn lại chữ tam là ba.

→ rút ruột vương thành 3 →

Rõ về hậu ý của thực dân Pháp, nhà vua ứng khẩu đối lại:

"Chặt đầu tây còn 4"

một lối chơi chữ lạnh lẽo tài tình, nói lên ý chống đối mạnh mẽ là cắt phần đầu chữ tây (ám chỉ người Pháp ở Âu Tây), còn lại chữ tứ là bốn.

cắt đầu tây còn 4 →

Hoàng Tử Vinh San bị đặt đế lên ngôi vua lúc 8 tuổi, suốt 9 năm phải chung đưng với nhóm cầu an chủ hòa bên trong và đương đầu với áp lực của thực dân cướp nước bên ngoài, do tuổi trẻ tâm hùng, ấu chúa quyết chống đối kẻ thù của quốc gia, giải phóng ách nô lệ cho dân tộc. Ngược lại, nhóm được ân sủng của Pháp, đại biểu là Đốc phủ Tường, qua mấy bài thơ "Tự Thuật", xướng họa với ông Phan Văn Trị phái chủ chiến, nhà thơ Tôn Thọ Tường hăm hở hợp tác với Pháp, luôn đề cao mẫu quốc và coi thường lực lượng chống Pháp đang dấy lên mạnh mẽ khắp nơi:

"Miệng cọt hàm rồng chúa để chọc
Khuyên dân con trẻ chớ thầy lay"

Ồi câu nói của học giả thân Pháp, được đề đời cho quốc dân phê phán

Xét những việc lớn trên, chúng tôi sực nhớ chuyện cũ của họ tôi, có một gia đình thiếu cỏi mở nên chậm tiến, ít bạn bè khách khứa tới lui vì chủ nhà cố chấp, nặng về bản ngã, đến nỗi ông dành dụm chút ít tiền, tạo được bộ bàn ghế dùng trong nhà, ông thường xuyên lau chùi ụng ý, do đó khi vợ con ông có việc phải ngồi vào ghế, ít ra cũng có chuyện nặng nhẹ gần xa. Hôm nọ gặp ngày giỗ Tổ, bà con chúng tôi tụ hội đông vui, có người khen bộ bàn ghế bóng láng giá trị vô cùng. Sẵn dịp ông nhắc lại lời người xưa "Ai trồng được một cây hữu dụng là làm đẹp đời, lợi ích cho xã hội", tôi lo cho gia đình như vậy nhưng vợ con lại ít trân quý, nghĩ cũng đáng buồn!

Một vị cao niên trong hàng chú bác, sợ không khí nặng nề có thể mất vẻ trang nghiêm trong ngày lễ, nên ông vui vẻ nhắc lại chuyện các bậc tôn trưởng mình tiếp tay nhau mua đất tạo nhà, mong có nơi thờ phụng Tiên Linh, tiếp theo để cháu con sinh hoạt vui vầy. Ông chỉ mấy chữ "**ĐỨC LƯU PHƯƠNG**" trên bức hoành phi treo giữa nhà với hậu ý ghi ân Tổ Tông nhiều đời đã tạo đức lành, lưu lại tiếng thơm cho con cháu, các Ngài còn để ruộng rẫy sản nghiệp cho chúng ta thừa hưởng trong hiện tại, thật công cao nghĩa trọng. Hai bức hoành phi kế tiếp với những chữ "**QUANG TIỀN - DŨ HẬU**" nhắc chúng ta có bổn phận làm sáng tỏ công đức Tiên Nhân, nhất là phải từ ái hướng dẫn lớp hậu lai vào đời trong tinh thần bảo tồn quốc thể gia phong, mình lão lai tài tận nên xem con trẻ là tinh hoa của nòi giống, cần đầu tư hợp lý để chúng có điều kiện tiến thân. Người lo việc này, kẻ làm việc khác để cháu con lấy đó làm gương, biết vươn lên với đời là mình cảm thấy hạnh phúc.

Ngày lễ hôm nay nếu không do mấy cô dâu đảm đang, chu toàn bổn phận và lớp cháu ngoan hiền tiếp tay lo lắng, chắc gì chúng mình được sum vầy đoàn tụ như thế này. Thay mặt bà con, tôi xin vui mừng khích lệ tinh thần hòa hợp góp phần phục vụ lợi ích chung; khuyên lớp trẻ chăm ngoan, học hành tiến bộ, đúng nghĩa "con hơn cha là nhà có phúc". Gia đình hòa vui tốt đẹp thì xã hội thăng tiến, tức là thực hiện tốt về đạo lý tu, tề, trị, bình vậy.



Một tràng pháo tay vang lên, như nhất trí đón nhận ý kiến của bậc phụ huynh mở đầu ngày giỗ Tổ. Trên bàn thờ hương thơm đèn sáng, mọi người đều hướng vọng Tổ Tiên như nhắc nhở nhau rằng :

"Dù ai sinh hoạt xa quê

Nhỏ ngày giỗ chạp tìm về dâng hương

Ghi câu Tổ đức lưu phương

Tu thân lập chí, xiển dương tinh nhà"

Một câu chuyện đem lại sự hòa vui giữa tập thể nói chung và gia đình nói riêng là hiếm có. Một lời nói chấn hưng đạo đức, dứt họa đao binh cho thiên hạ thật đáng trân trọng. Ngày xưa nhà Tần, một trong những Chư Hầu nhà Châu đời Xuân Thu, nay thuộc huyện Thiên Thủy, tỉnh Cam Túc, Trung Hoa, lúc thế lực đang lên nhà Tần dùng vũ lực trấn áp nước Triệu để thị uy, Chư Hầu đều lo sợ bàn định việc suy cử Đế Tần nhất thống thiên hạ, nhờ câu nói khí khái của Lỗ Trọng Liên ở Yên Quốc: "Nếu suy tôn một nước dùng cường bạo thắng tài đức là dẫn đến diệt vong". Chư Hầu nghe phải đều nhất trí tự lực tự cường, dốc lòng chấn hưng việc nước, lo khuyến nông sùng học, hưng khởi võ công, họ nêu cao khẩu hiệu:

"Lúc yên ổn lo khi nguy biến;

Lúc thanh bình phòng thủ loạn ly"

Thấy Chư Hầu không khuất phục, nhà Tần bỏ ý định tranh bá đồ vương, Chư Hầu rất yên tâm và cảm mến một chính khách lỗi lạc "nhất ngôn khả dĩ

hưng bang", nên ai cũng muốn mời Lỗ Trọng Liên về với mình, ông xin miễn nhận lời, tưởng thường gì ông đều xin từ chối, nên sử sách đã tuyên dương đức cao khiết của 4 hiền giả đương thời, trong đó có Lỗ Trọng Liên :

- Tử bồng Nguyên Hiến khiết

- Uy kim Dương Chấn liên

- Tọa hoai bất loạn Liễu Hạ Huệ

- Bế hộ vô dung Lỗ Trọng Liên

Đại ý:

- Từ chối ân thưởng của triều đình là lòng cao khiết của Nguyên Hiến.

- Sợ nhận vàng biếu tặng là đức hạnh thanh liêm của Hán Dương Chấn (1)

- Người đẹp ngồi sát mình nhưng tâm thanh tịnh là hạnh của Liễu Hạ Huệ
Đóng cửa miễn tiếp khách khi ổn định việc đời là ý chí của Lỗ Trọng Liên.

Chú thích :

(1) mần răng: thế nào, ra sao, làm sao

ra rứa: như vậy, thế ấy.

(2) Lương Thế Vinh người làng Nam Sơn, Nam Định, nổi tiếng thần đồng, đỗ Trạng Nguyên năm Quý Tỵ (1463) lúc ông mới 23 tuổi, làm quan ở cố đô Thăng Long, ông là tác giả tập Đại Thành toán pháp và Phật Kinh thập giới...

(3) thói quen ở nông thôn khi quả mít ương chín, người ta đóng cái cọc nhỏ vào cuống, rồi để chỗ nắng nóng cho chảy hết chất nhựa, để mít mau chín, ăn ngon.

(4) Yếm: nghĩa hẹp là vẩy con ốc, bảo vệ khối thịt khi ốc thu hình vào trong vỏ. Tác giả lập lờ muốn đồng nghĩa cái vẩy ốc với dụng cụ che ngực của phái nữ đương thời, để nói về lối ăn ốc của dân ta.

(5) có nơi ghi là trâu hôi, tiếng nông thôn nói về lá trâu; có nơi ghi trâu ôi là loại trâu úa, không còn tươi tốt đẹp xinh, cũng với ý gợi hình.

(6) quệt vôi: bôi vôi vào lá trâu, nhưng do thói quen tác giả thường dùng chữ lạ với nhiều ẩn ý, gợi sự tìm hiểu của người đọc.

(7) Bốn món thuốc bắc, nhưng vẫn có ẩn ý đề cập về các bộ phận của con người.

(8) Sao, tấm là độc tác bào chế thuốc bắc cũng vẫn có ý oán than, hân học.

(9) Có thể do chúng tôi nhớ không kỹ, nên bài thơ tứ tuyệt của một thi gia nổi tiếng với 2 vần "thời" ?

(10) Hán Dương Chấn từ chối nhận vàng tặng, vì nhân tiền có 4 nhân chúng: Trời, đất, ông và lương tâm tôi biết. •

Cách thức uống và pha trà xanh Nhật Bản

● Lưu An



1. Giới thiệu :

Đây chỉ là bài viết đơn giản nói về cách thức pha và uống trà xanh của Nhật bản. Mục đích nêu lên những nguyên tắc căn bản, cần thiết cho những người muốn thưởng thức cái ngon, cái đậm đà của loại trà độc đáo và rất phổ biến của người Nhật Bản. Bài viết không đi sâu vào những dữ kiện, thể thức và dụng cụ khá phức tạp để uống trà có tính cách thưởng thức một nghệ thuật. Đôi khi chúng ta thấy trong các những cuộc lễ hội hay trong những cuộc trình diễn dâng trà của các đoàn nhóm phụ nhân, nữ sinh viên ở các đoàn thể, trường học chuyên môn về văn hóa.

Bài viết càng không thể nào so sánh, hòa trộn được với những thủ tục rất rườm rà, quý phái, đạt đến mức tối thượng của nền văn hóa cổ truyền của Nhật Bản. Đó là lễ dâng trà, trong đó người ta uống một loại trà xanh cao cấp hơn dưới dạng bột. Người uống trà phải biết nhưng thủ tục để tiếp nhận từ người dâng trà, đó là Trà Đạo (Chado).

Bài viết chỉ thu nhỏ vào cách thức pha và uống trà xanh rất thông thường của bất cứ gia đình Nhật nào trong xã hội. Họ pha trà mời khách khi đến thăm gia đình họ. Cô thư ký, bà giúp việc pha trà cho ông giám đốc, ông chủ hãng hay để tiếp đãi những vị khách trong các cuộc hội họp ở các văn phòng giao tế, các công ty. Và ngay trong gia đình khi người vợ, người mẹ pha trà cho chồng, cho con trong những lúc uống trà hàng ngày người ta cũng phải theo những nguyên tắc rất căn bản và cần thiết này để không làm mất cái ngon, cái đậm đà của trà.

Tóm lại đây chỉ là bài viết nêu lên những điều căn bản không thể thiếu, không thể bỏ qua được cho bất cứ ai muốn uống, muốn thưởng thức mùi vị đúng nghĩa của loại trà xanh Nhật Bản. Một loại trà xanh hoàn toàn khác xa với loại trà xanh được sản xuất tại Việt Nam hay Trung Hoa. Loại trà xanh Nhật cho ra nước màu xanh từ đầu cho đến hết mùi trà, nước trắng trong. Nhưng ngược lại trà xanh của Việt Nam hay Trung Hoa chỉ cho ra màu xanh lơ lợt màu nâu ở nước đầu tiên rồi biến nhanh sang màu nâu đậm ở các lần pha kế tiếp. Mùi vị cũng có thể nói là khác hoàn toàn.

Trong bài viết này cũng giúp người uống trà hiểu biết thêm về những tiêu chuẩn lựa chọn, phân biệt được những loại trà xanh tốt hay xấu, ngon hay không ngon được bán trên thị trường (ở các cơ sở buôn bán của kiều dân Nhật Bản). Rồi dựa vào những tiêu chuẩn đó chúng ta sẽ hiểu được lý do tại sao cùng gọi là trà xanh nhưng khi uống thấy khác nhau về phẩm chất.

2. Dụng cụ:

Sau đây là những vật dụng cần thiết cho việc pha trà xanh:

a. Một cái bình thủy: để chứa nước sôi. Thường loại dung tích khoảng 2 lít nếu dùng cho 4, 5 người uống trà.

b. Một bình pha trà: thường bằng đất nung màu đen hay nâu có cán cầm (khác với loại có quai, tuy nhiên đây cũng không phải là điều bắt buộc). Bình pha trà cũng có khi bằng kim khí rất nặng màu đen, có quai xách. Thường bình pha trà có dung tích khoảng 200 ml (bằng trái cam), nếu cỡ khoảng 400ml (bằng trái bưởi) đã được coi là to. Rất hiếm có bình pha trà cỡ lớn hơn 500ml vì làm loãng, mất mùi vị trà và nhất là không đẹp mắt. Với những cỡ bình lớn người ta thường dùng để pha những loại trà

hạ phẩm (loại nhiều cuống lá, lá già thô hay loại trà xanh pha trộn với gạo rang...). Loại trà này thường được pha để uống trong các Restaurants hay cho nhân viên lao động trong giờ giải lao của hãng xưởng. Dùng cho gia đình hay tiếp khách thăm viếng, khoảng dưới 5 người, chiếc bình trà cỡ 300ml được coi là tốt nhất.

Hầu hết các bình pha trà xanh của Nhật Bản đều có một tấm lưới rất mịn bằng kim khí bao phía trong vôi ấm hay là một cái phễu lọc bằng lưới nằm sát vào miệng ấm để đựng trà, giữ lại không làm cho bã trà ra tách khi rót trà.

c. Một bộ ly uống trà: Thường cỡ khoảng 70ml đến 100ml. Hình tròn, hay hình ống, đôi khi có hình dạng méo mó. Thường màu đậm hay nhiều màu in hình hoa trái hay viết những chữ Nhật Bản dạng chữ thảo. Tuy nhiên màu sắc không diêm dúa với màu đỏ gay gắt nhàn giới như trên các đồ sứ của Trung Hoa. Ly tách uống trà của Nhật Bản có màu thanh thoát, êm dịu, dễ thương hơn. Tách uống trà có thể có nắp hay không, nhưng phải có một đĩa nhỏ để đỡ tách uống trà.

d. Hộp đựng trà: Trà xanh bán trên thị trường thường được đóng kín trong một bịch bằng alumin với chân không, hay bằng những hộp bằng kim khí rất kín. Sau khi mua về, bỏ bao bì, trà được đựng trong một chiếc hộp dung tích cỡ 100ml -300ml, bằng kim khí có 2 nắp. Nắp ở phía trong bằng plastic hay bằng kim khí. Nắp phía ngoài hộp, ngoài tác dụng đậy hộp trà cho kín, nhưng còn được dùng như một dụng cụ để đo lường trà chính xác trước khi cho trà vào bình. Người pha trà lấy một chiếc muỗng bằng tre gạt trà vào trong chiếc nắp, tùy theo số người uống để tránh tình trạng nhiều ít không đều.

Đó là những dụng cụ mà mọi gia đình Nhật Bản đều phải có và được coi như đồ dùng hàng ngày của gia đình. Tuy nhiên trong trường hợp tiếp khách, họ còn mang ra thêm vài dụng cụ khác nữa để tạo vẻ lịch sự và đẹp mắt. Chẳng hạn:

- Một cái bình uống trà thứ hai dùng để điều chỉnh độ nóng của nước pha trà (hình thức cái chén Tống của lối uống trà của Việt Nam hay Trung Hoa).

- Một cái bình khá lớn bằng đất nung màu đen, thường có nhiều hình dạng khác nhau để đựng nước tráng tách uống trà, bình pha trà hay đựng trà cận mỗi lần uống trà mới. (giống như cái khay có nan bằng tre để trên

một cái chậu để đổ nước dư thừa của Trung Hoa. Hình thức này người Nhật không bao giờ dùng, họ thả dụng vào một cái tách uống trà rồi mang đi đổ chứ không dùng đến vì thô kệch và không đẹp mắt đó!).

- Một cái khay đựng tách và bình trà bằng gỗ (thường màu nâu và hình vuông hay chữ nhật) được che phủ bởi một tấm khăn xinh xắn, sạch sẽ để người pha trà lau khô tách uống trà trước khi rót trà cho khách.

Ngoài ra còn rất nhiều dụng cụ linh tinh khác như muỗng lấy trà bằng tre. Cái máng nhỏ bằng tre hay gỗ để ước lượng số trà nhiều ít trước khi rưới trà vào bình... tất cả tùy thuộc vào mức độ quan trọng của cuộc uống trà và sự cầu kỳ tiếp khách của chủ nhân.

3. Cách pha trà : Gồm những thủ tục cần thiết sau đây:

a. Nước pha trà: Tuyệt đối không bao giờ lấy nước đang sôi để pha trà, có nghĩa là không thể nào dùng nước đang sôi trong bình rưới vào bình pha trà. Lý do trông không đẹp mắt và nhất là tất cả các loại trà Nhật Bản (trà xanh, trà bột dùng trong lễ dâng trà (Sado) không bao giờ dùng nước đang sôi! Nước pha trà phải được đựng trong một bình thủy (uống trà thông thường) hay nước được nấu trong một cái ấm kim khí không nắp trên bồn than rất yếu để giữ nước ở khoảng 80-90 độ celsius (trà đạo) .

b. Làm ấm dụng cụ: Ấm pha trà và tách uống trà được tráng bằng nước sôi trong bình thủy để làm ấm dụng cụ, sau đó dùng khăn lau khô trước khi sử dụng.

c. Cho trà vào ấm pha trà: Thường với loại trà ngon cỡ trung bình người ta thường tính cho mỗi một người khách khoảng một muỗng cà-phê trà xanh. Tuy nhiên nếu dưới 3 người khách, nên cho hơn một tí để tránh quá nhạt. Dĩ nhiên với những người ghiền trà, thích uống đậm lại là vấn đề khác!

d. Pha trà: Với loại trà xanh cỡ trung bình, người ta thường pha trà 3 lần khác nhau như sau:

- Lần thứ nhất: được pha với nước nóng ở khoảng 60 độ C, để trà ngấm khoảng 2 phút đồng hồ trước khi rót cho khách. Nước sôi từ bình thủy được rót ra một cái bình trà khác (hay chén tổng) để giảm nhiệt độ trước khi cho vào bình pha trà. (lý do tại sao sẽ được giải thích ở phần sau).

- Lần thứ hai: pha với nước nóng khoảng 80 độ trong khoảng 30-40 giây, có nghĩa là cho nước vào ấm pha trà, hơi lắc nhẹ và rót ra tách cho

khách ngay. Nước cũng được rót qua bình trung gian nhưng mau lẹ hơn để có nhiệt độ mong muốn. (Tuy nhiên, những người pha trà quen thuộc, khéo tay họ có thể điều chỉnh nhiệt độ từ bình thủy rót vào bình pha trà bằng các thủ thuật như rót nước thật chậm, để cao vòi nước trên bình pha trà...)

- Lần thứ ba: Nước pha ở nhiệt độ khoảng 90 độ C, cũng khoảng 30- 40 giây. Nước có thể rưới trực tiếp từ bình thủy vào ấm trà, vì nước sôi khi qua các giai đoạn rót vào bình thủy, rồi từ bình thủy rót vào ấm pha trà đã có nhiệt độ khoảng 90 độ C.

Với những loại trà ngon đặc biệt, người ta có thể pha trà lần thứ 4 hay lần thứ 5 (cách thức pha như lần thứ 3) mà nước trà vẫn xanh và còn mùi vị. Nhưng những loại trà xanh hạ phẩm, rẻ tiền việc pha trà hơi khác hơn chút đỉnh. Chẳng hạn lần thứ nhất phải ở nhiệt độ cao hơn (70- 80 độ, 2 phút), lần thứ hai (90 độ, khoảng 1- 2 phút) và không có lần thứ 3 vì hết mùi vị rồi. (giải thích ở phần dưới).

e. Lượng nước pha trà: Người pha trà phải biết ước lượng cho bao nhiêu nước pha vào bình trà, không thể pha trà xanh Nhật Bản bằng cách cứ cho nước vào đầy bình rồi rót cho khách theo lối pha trà của Tàu hay Việt Nam được. Mà phải biết dung tích của tách uống trà và số tách để cho đúng lượng nước để mỗi lần rót trà cho khách phải hết trọn vẹn nước trong bình pha trà. Nếu còn sót lại sẽ làm giảm phẩm chất của lần uống trà kế tiếp vì sai nhiệt độ, vì oxy hoá làm mất màu xanh đẹp của trà v.v...

4. Cách rót trà:

Không bao giờ rót trà cho khách một lần đầy tách rồi rót tiếp cho người khách kế tiếp! Làm như vậy sẽ có sự khác biệt về độ đậm nhạt của nước trà trong mỗi tách, cũng như không đều về lượng trong mỗi tách (tách đầu tiên quá nhiều, tách cuối cùng rất ít, quá đậm vì thời gian trà ngấm ra nhiều hơn hay không còn nước cho người kế tiếp!). Vì vậy tất cả các tách của khách đều được để trong khay trà rồi rót theo thứ tự 1, 2, 3, 4... rót lần đầu khoảng 30ml (cho mỗi tách, cỡ lớn 70 ml), sau đó rót lần thứ hai với thứ tự ngược lại 4, 3, 2, 1 mỗi lần khoảng 20ml (cho mỗi tách có tổng cộng 50ml nước trà) nếu còn dư chút ít trong bình, nên co giãn để phân đều cho các tách. Sau đó mới đưa mời khách.

Chính vì lý do này, người pha trà phải căn làm sao cho đủ (không

thiếu, không thừa) cho tất cả khách, mỗi người khoảng 50ml (với loại tách uống trà cỡ 70-80 ml).

5. Cách uống trà:

Khi uống trà xanh Nhật Bản (cũng như uống trà bột trong lễ dâng trà) người Nhật phải ăn một vài loại bánh ngọt để làm gia tăng hương vị của trà. Các loại bánh này bán rất nhiều trên thị trường thường làm bằng đậu hay bột khoai, bột gạo... Chúng ta có thể thay thế bằng các bánh ngọt khác của Âu Mỹ như bánh ngọt, chocolate... nhưng vẫn không phải là hoàn hảo lắm. Ở Việt Nam có loại bánh đậu xanh (Bào Hiên Rồng Vàng, Hải Dương...) được coi là rất thích hợp cho việc uống trà xanh.

Trước khi uống trà, người ta ăn vài miếng bánh (phải ăn hết bánh trong miệng rồi mới uống trà, không nên vừa ăn vừa uống). Sau đó thỉnh thoảng ăn thêm bánh và uống trà tiếp theo. Với cách này sẽ làm gia tăng hương vị của trà xanh một cách lạ kỳ.

Uống trà xanh Nhật Bản hoàn toàn khác với lối uống nhâm nhi từng tí một trong lối uống trà Tàu của những vị nhà Nho Việt Nam. Người Nhật uống thành ngụm đàng hoàng để có đủ lượng nước trà thấm vào tất cả các màng niêm của miệng.

Với những loại trà xanh hảo hạng hay trên trung bình, người Nhật cho rằng nước pha trà lần đầu tiên được coi là đậm đà nhất, làm mùi ngon của trà thấm vào vị giác nhiều nhất. Nước thứ hai, có một khoái cảm khác nhờ nhiệt độ nóng của lần pha này, nước trà mất đi khá nhiều vị đặc biệt của trà nhưng lại có mùi rất thơm bốc lên, kích xúc vào khứu giác. Cả hai lần pha trà này được coi là quan trọng nhất và độc đáo nhất của trà xanh Nhật Bản. Với loại trà thượng hạng người ta có thể uống đến lần thứ 4 hay thứ 5 nước trà vẫn xanh và mùi vị vẫn còn. Tuy nhiên loại trà hạ phẩm, người ta bỏ qua lần thứ nhất và bước sang cách pha lần thứ hai hơi đổi khác đôi chút như đã viết ở trên.

6. Vài tiêu chuẩn để xếp hạng trà xanh:

Rất nhiều người ngoại quốc khi uống trà xanh Nhật Bản thường đưa ra những ý kiến khác biệt nhau, thậm chí có lúc họ thấy rất ngon, có lúc họ thấy rất nhạt nhẽo. Đó là vì họ không biết cách pha và uống trà. Nhưng điều quan trọng nhất, ít ai để ý đến đó là loại hạng của trà mà họ uống. Trên thị trường trà xanh Nhật Bản có hàng trăm loại khác nhau. Từ loại rất rẻ được đóng gói cỡ 500 grams hay một kg trong bao giấy kính trong suốt

dùng cho việc uống trà hàng ngày hay ở các giờ giải lao của hãng xưởng. Đến những loại cao cấp rất đắt đưng trong những chiếc hộp bằng kim khí nhỏ nhắn cỡ 50ml rất trang nhã đưng trong một hộp bằng gỗ trình bày rất đẹp. Trong đó kèm theo một vài tờ giấy như lựa ghi xuất xứ, lịch sử của sản phẩm có dấu hiệu, ấn ký của nhà sản xuất...

Mục đích của bài viết này nhắm vào loại trà cỡ trung bình trở lên, còn những loại trà hạ phẩm không thể áp dụng được. Sau đây là những tiêu chuẩn để người uống trà xét đoán, lựa chọn một loại trà xanh Nhật Bản để thưởng thức hợp với túi tiền và mục đích của mình.

Giá cả của trà xanh Nhật Bản là một tiêu chuẩn rất ít sai (nếu không muốn nói là hoàn toàn chính xác) khi mua trà xanh Nhật Bản. Với loại trà xanh rẻ tiền, đóng gói sơ sài với bao giấy bóng trong suốt, thường số lượng 500 grams hay một kilô với giá cả khoảng 100 yen- 200 yen (1- 2 USD) cho 100grams, đây là loại trà để uống giải khát mà thôi.

Có thể chia ra 3 hạng trà xanh Nhật bản như sau:

a. Loại trà hạ phẩm:

- Cánh trà thường to, dày, thô vì được biến chế từ những lá trà già lấy ở phần dưới nhánh cây trà.

- Là sản phẩm dư thừa của loại trà cao cấp, chẳng hạn như cuống của những lá non dùng cho trà cao cấp.

- Có loại lại trộn thêm vào khoảng 20% gạo rang hay lúa mì rang, khi uống có mùi trà xanh hòa trộn với mùi hơi khét của gạo rang.

Loại trà xanh hạ phẩm này thường không có mùi thơm vì nhà sản xuất không cho vào loại trà bột vào. Loại này thường uống trong giờ giải lao của nhân viên lao động trong hãng xưởng hay uống hàng ngày trong những gia đình nghèo Nhật Bản cũng như ở những tiệm ăn uống bình dân. Với loại trà này cách pha trà như đã tả ở trên.

b. Loại trung bình:

Loại này thường được đưng trong các bao bằng alumin hay trong hộp bằng kim khí, có 2 nắp rất kín đáo. Hình thức trình bày rất trang nhã và hấp dẫn. Trọng lượng mỗi gói khoảng 50-100 grams. Loại này có đặc tính sau đây:

- Có rất nhiều hạng khác nhau, thường giá cả từ 1000 yen - 6000 yen/100 grams (9- 50 USD). Trên thị trường thường đóng gói cỡ 100 gram,

nhưng nếu đóng gói cỡ cỡ 50grams, thường là loại ngon của hạng này.

- Khi mở gói trà hay hộp trà người ta nhận thấy ngay đặc tính của loại này như sau:

- Có mùi thơm rất dịu

- Cánh trà nhỏ cánh, xanh đậm

- Có màu xanh của bột trà bằm trên thành bao alumin hay thành hộp trà, đó là loại trà bột (dùng trong lễ dâng trà) được nhà sản xuất cho vào để làm gia tăng phẩm chất. Càng nhiều trà bột cho vào càng ngon và càng đắt giá.

-Khi pha trà lần đầu (60 độ, 2 phút) chỉ để hòa tan loại trà bột và một phần nào hương vị của cánh trà mà thôi. Chính vì vậy lần uống đầu tiên này mang đến khẩu vị nhiều hơn là mùi vị. Nhưng ở lần pha thứ 2 và thứ 3 lượng trà bột đã giảm sút nhưng nhờ nhiệt độ nước pha cao (80-90 độ) làm bốc hơi mùi vị thơm của cánh trà. Với loại trà trung bình hạng tốt, người ta có thể pha lần thứ tư vẫn còn mùi vị ngon của trà. Tóm lại lần pha trà đầu tiên để người ta thưởng thức "Vị" của trà, từ lần thứ hai, thứ ba người ta thưởng thức 'HƯƠNG' của trà.

-Đây là loại trà thường uống hàng ngày ở những gia đình khá giả hay để đãi khách cũng như ở các văn phòng của các vị lãnh đạo hãng.

c. Loại hảo hạng:

Loại này là loại trà biến chế từ lá trà non (Việt Nam gọi là trà búp), sản xuất bởi những hãng trà nổi tiếng, kèm theo in ấn và lịch sử của nhà sản xuất hay loại trà. Trong đó nhà sản xuất lựa chọn những địa danh trồng trà nổi tiếng ở Nhật Bản .

Các nhà sản xuất trà xanh ở Nhật cũng nhập cảng hay có các cơ sở biến chế sơ khởi ở ngoại quốc như ở Trung Hoa, Bắc Việt Nam, Tây Tạng, Bắc Lào... Nhưng theo ý kiến của người Nhật thì những loại trà mà họ mang từ ngoại quốc vào Nhật Bản chỉ để sản xuất loại trung bình hay hơn trung bình một tí mà thôi. Còn những loại trà hảo hạng hay loại trà bột đặc biệt dùng cho các lễ dâng trà đều được biến chế từ các vườn trà đặc biệt ở miền Nam và miền Trung Nhật Bản.

Với loại trà hảo hạng, thường đóng gói rất nhỏ (35- 100 grams), thường 50 grams và được trộn vào rất nhiều trà bột. Người Nhật Bản khi có dịp uống loại trà này họ tuân thủ phương pháp pha trà một cách tuyệt đối để không phí phạm và nhất là hưởng thụ được tất cả hương vị của loại trà xanh quý và đắt tiền. Loại trà này người ta có thể pha đến lần thứ 5

nước trà vẫn thơm ngon và mát dịu. Dĩ nhiên loại này chỉ dùng trong các trường hợp tiếp đãi khách quý và trong các trường hợp đặc biệt mà thôi. Giá cả cũng rất thay đổi tùy theo nguồn gốc của vật liệu và của nhà sản xuất, có thể gần 50 US\$ cho một bịch trà khoảng 50 grams! Những người biết thưởng lãm loại trà này họ có nhiều dụng cụ phức tạp, cầu kỳ để cung ứng cho nhã khiếu uống trà của họ.

7. Vài chú ý căn bản:

Khi chúng ta quen biết một gia đình người Nhật hay có dịp du lịch Nhật Bản... Chắc chắn chúng ta sẽ có nhiều dịp được các bạn bè Nhật Bản mời về nhà họ. Chắc chắn món giải khát đầu tiên, gần như không thay đổi của người Nhật là mời chúng ta uống trà xanh và ăn một vài loại bánh ngọt đặc biệt để gia tăng hương vị của trà. Sau đây là vài điều ghi chú mà chúng ta nên chú ý:

- Ăn một vài miếng bánh ngọt trước khi uống trà.

- Khi chúng ta uống hết trà trong tách, không khi nào tự ý lấy bình trà rót vào tách của mình hay lấy bình thủy tự ý pha trà cho mình... Làm như vậy chúng ta đã vô tình làm sai lệch cách pha trà của chủ nhân (vì họ biết rõ loại trà mà họ đãi chúng ta phải pha như thế nào, đặc biệt theo sự chỉ dẫn của nhà sản xuất). Người Nhật, nhất là người phụ nữ (vợ bạn hay các bà mẹ) rất kín đáo và chú ý, thường thường họ nhìn thấy tách uống trà của chúng ta hết và họ tiếp cho chúng ta ngay. Trong trường hợp họ bị vướng bận điều gì mà họ quên, chúng ta chỉ cần khen trà ngon là họ sẽ hiểu ngay và tiếp cho chúng ta tức thì.

- Khi chúng ta pha trà xanh, tuyệt đối không bao giờ lấy nước đang sôi từ chiếc nồi ruôn vào bình trà. Đây là một sai lầm rất nặng về nguyên tắc và cả về mỹ thuật nữa. Với người pha trà chuyên môn, người ta để ấm nước không đậy nắp trên bồn than rất nhỏ, nước nóng ở khoảng 90 độ C, rồi họ dùng một chiếc muỗng bằng tre nhỏ để múc nước pha trà. Tùy thuộc vào lượng nước họ múc ở trong nồi và thời gian họ rót nước nóng vào bình trà để điều chỉnh nhiệt độ của nước pha trà (đây là một trong nhiều xảo thuật trong trà đạo). •

Chữ AN

• Quảng Đệ

Cứ mỗi lần **Tết** đến, tôi lại nhớ **xuân** sang ở quê hương mình, nhứt là những ngày cận **Tết** thật là vui nhộn không đâu bằng, để nhà nhà lo sửa soạn mừng **xuân**, đón **Tết**, thật đẹp, thật mới và thật dân tộc. Đó là, những đôi liễn viết bằng mực tàu, trên giấy hồng điều do các cụ đồ nho viết, với lời hay, ý đẹp thật thâm sâu, chân thành, đẹp đẽ để chúc tụng nhau, để cầu cái may mắn, cái hên cho năm mới, cho mọi nhà, trong khi đó thì cũng có những cánh thiệp đầu xuân, cũng chúc tụng bằng những với ý nghĩa nào là: **Bá An, Vạn Phúc** ... cho trọn cả năm. Đây là phong tục của dân-tộc **Việt-Nam** của Tổ Tiên Ông Bà xa xưa để lại trên **4000 năm văn hiến**, đáng tự hào.

Khi nói đến những cụ đồ nho viết liễn trên lề đường, tôi nhớ lại nhà thơ **Vũ Đình Liên** đã làm bài thơ như sau:

"Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua"

Và khi nhắc đến chữ An, để chúc tụng cho nhau, thì ý nghĩa rộng rãi vô cùng, nếu chữ An ghép thêm với từ ngữ đứng trước hoặc đứng sau, thì nó sẽ thêm một ý nghĩa khác thật đậm đà hơn, ví như : Bình An, Phước An, Trường An, Vạn An ... hoặc là An Cư, An Lạc, An Khang, An Vui, An Giác, v.v... Do vậy, mọi người rất thường dùng chữ An để chúc Tết cho nhau trong dịp năm hết Tết đến, hoặc khi bà con, bạn bè, thân hữu có dịp đi làm ăn xa cũng chúc tụng họ bình An. Hơn nữa, còn dùng chữ An để đặt tên cho các con, các cháu. Nhưng chúng ta thử đặt câu hỏi, mọi người trong chúng ta sống trên cõi hồng trần này, có mấy ai được hưởng trọn vẹn và thật sự đúng ý nghĩa chữ An mà mọi người thường chúc tụng hoặc đặt tên dùng chữ An cho chúng ta. Quả thật khó ai thực hiện cho bằng được? Bởi vì, chúng ta còn nặng nợ trần ai chưa dứt, nên chúng ta phải tích cực làm việc, tranh đấu để đem lại cái bả danh và lợi ở trên cõi đời tạm bợ này, mặc dù chúng ta đã biết khi chúng ta còn tiếp khí trời bằng hơi thở, thì chúng ta còn sống và được gọi là con người. Nếu chẳng may, chúng ta không thể thở được, thì chúng ta sẽ chết và được gọi là thi hài, giống như đồng thị không hơn không kém, thật hôi tanh, thì dù chúng ta giàu có, tiền dư bạc để hơn mọi người, thì chúng ta cũng không bao giờ hưởng hết hoặc đem theo được khi chúng ta không còn hơi thở để sống trên cõi hồng trần tạm bợ này. Thế mà, mọi người trên đời này, lúc nào cũng cố tranh giành cái danh, cái lợi, để rồi gây nên cảnh tương tàn điêu linh cho nhau và mọi người lúc nào cũng phải mang cái **đau khổ** vào thân.

Nếu mọi người ý thức cương quyết tiêu diệt cái đau khổ bằng cách :

"Thuởng người như thể thuởng thân, xem mọi người như họ hàng thân tộc tử đời đời kiếp kiếp luân hồi với nhau, cho nên lúc nào cũng tận tình giúp đỡ tử vật chất đến tinh thần và cũng đừng bao giờ làm những gì mà mình không thích cho mọi người, mà nên làm những gì mình thích cho mọi người. Có vậy mỗi chấm dứt sự đau khổ trên miền ở trần gian này nũa".

Nếu mọi người có tấm lòng như thế, tôi tin tưởng rằng thế giới chúng ta đang sống sẽ trở thành thiên đàng đúng nghĩa của nó và mọi người sẽ thoát cái đau khổ. Mong lắm thay!

Nhớ lại thuở còn tuổi học trò ở quê nhà, tôi cũng phải tranh đấu với bạn bè cùng lớp từ bậc tiểu học, rồi trung học và đại học, cứ tưởng khi ra trường đi dạy làm thầy sẽ thoải mái và sung sướng hơn tuổi học trò đầy mơ mộng. Nhưng than ôi! khi đến tuổi lập thân, nên người và có sự nghiệp trong tay rồi, thì tôi cũng tiếp tục tranh đấu vì sự sống hằng ngày, mà chẳng thực hiện được chữ **An**, nhớ lại cái tuổi học trò, sống với Cha Mẹ, thì thật là sung sướng vô cùng, mỗi ngày chỉ vui chơi, rồi đi học, về nhà thì được Cha Mẹ nuông chiều, lo cơm áo đầy đủ, duy chỉ có cái lo học cho được điểm cao ở nhà trường và mỗi lần có cuộc thi làm bài trúng và được chấm đậu là xong, chớ nào có hay biết Cha Mẹ phải tranh đấu để làm ra tiền của, để nuôi dưỡng cho mình ăn học đâu? Thành ra cuộc đời tuổi học trò thật là **An** vui, mà tôi không bao giờ hay biết, mà tôi còn cứ than **Khổ** mỗi khi phải lo học hành, đến ngày nghỉ cuối tuần mới được rong chơi với bạn bè hoặc vào dịp nghỉ hè được nhà trường tổ chức đi thăm viếng danh lam thắng cảnh quê hương mình. Nhìn lên bục giảng bài của những vị thầy, những vị giáo sư, thì tôi cũng không **An**, với tuổi học trò đầy mơ ước sau này sẽ trở thành những vị ấy, sẽ sung sướng và hãnh diện và **An** vui hơn cái tuổi học trò. Thế rồi, nước chảy ngày tới, thời gian cứ trôi qua, tôi đã thật sự thành công cái mơ ước của mình, thì tôi lại thấy cái tuổi học trò quá thật **An** vui hơn, mà tôi không chịu **An** hưởng cái **An** hiện có của mình, cho nên cái tuổi học trò tôi vẫn mất **An** là thế đó. Vì thế, tôi mới tiếc rẻ cái **An** của cái tuổi học trò, vì nhứt nhứt sự sống, từ cái ăn, cái mặc đều do Cha Mẹ lo lắng đầy đủ cả, chớ đâu phải như ngày hôm nay.

Sau năm **1975**, gia đình tôi cũng như bao gia đình khác đến xứ người, khi còn ở trại tỵ nạn ở đệ nhị quốc gia, thì tôi lại không **An**, vì không biết nước nào nhận, nên lại lo lắng vô cùng. Khi gia đình tôi đến được đệ tam quốc gia, thì lại không **An**, vì đến xứ người bắt buộc phải nói tiếng nước người, cho nên bắt buộc phải lo lắng học tập từ ngôn ngữ cho đến nếp sống mới, để có đầy đủ điều kiện hội nhập với người bản xứ, để rồi đi làm và tạo dựng tương lai.

Đời sống ở nước **Tây Phương**, hàng hóa sản xuất tràn ngập, cạnh tranh tự do, cho nên chúng ta không tự dẫn lòng **An** tâm là:

Tri túc, tri chí (Biết đủ, biết thôi)

hoặc là:

Tri túc tiện túc, hà thời túc

Tri nhân tiện nhân, hà thời nhân

(Biết đủ thì đủ - Biết nhân thì nhân)

thì chúng ta sẽ lọt vào quỹ đạo đầy cám dỗ văn minh vật chất lúc nào không hay, vì mỗi tháng, mỗi năm đều có cái hay, cái mới sản xuất tung ra thị trường tiêu thụ. Nếu chúng ta không can đảm biết **An** với sự sống, mà cứ bám vào cái bả vật chất để thụ hưởng theo thời, theo kiểu mới, thì chúng

ta phải cố gắng làm việc cho thật nhiều tiền mới mong đáp ứng cung phụng cho vật chất đầy đủ. Nhưng than ôi! chúng ta không bao giờ tự mãn là những vật chất đó xem là đủ, cho nên chúng ta lúc nào cũng đau khổ triền miên, ngoài ra đời sống gia đình chúng ta lúc nào cũng không **An**, hạnh phúc gia đình không được trọn vẹn, bởi vì các con của chúng ta không được chăm sóc chu đáo, học hành không đem lại kết quả như ý, đôi khi vợ chồng không có thời giờ để gặp nhau để tâm tình hoặc bàn những công việc trong ngày hay tương lai, bởi vì mỗi những ngày làm việc trong tuần ông làm một nơi, bà làm một nẻo, có khi làm hai ba công việc trong tuần, nhưng giờ giấc lại khác nhau như trường hợp ở Hoa Kỳ, để mới có đủ tiền sửa chữa cho thật sang trọng, đôi khi đau cũng cố gắng đi làm, chỉ vì vật chất mà hại đến sức khỏe, Cha Mẹ càng ngày xa con cái, đôi khi những cặp vợ chồng thật hạnh phúc nay bắt buộc phải ly dị, mặc dù vợ chồng đã có nhiều tiền để cung phụng như ông hoàng bà chúa thật sự, nhưng chúng ta phải đau khổ về tinh thần, vì gia đình của chúng ta không còn được **An** cư hạnh phúc như xưa, cho nên đời sống lúc nào cũng bất **An**, đôi khi phải tan nát gia đình, vì vợ chồng mỗi người có một lối sống, một công việc riêng, một lý tưởng không đồng nhứt và lại có tiền lương riêng, rồi nếu có sự bất hòa thì lại kể vật chất, tiền ông, tiền bà cũng vì cái bả danh lợi mà tạo nên cảnh bất **An** đưa đến trong gia đình đã có hạnh phúc từ xưa, nay phải bị tan rã.

Nếu chúng ta nhìn vào các cuộc chiến vừa qua, cũng do danh lợi mà ra, các nước lớn lúc nào cũng tìm cách đánh chiếm các nước nhỏ để làm thuộc địa, ngô hầu vợ vét đem tài nguyên về cho mẫu quốc, qua 2 cuộc đại thế chiến **1914-1918** và **1939-1945** đã chứng minh cho chúng ta thấy một cách rõ ràng.

Riêng đất nước **Việt-Nam** của chúng ta cũng không thoát khỏi qui luật này, nhưng rất may là đất nước chúng ta đã anh hùng chống giặc ngoại bang và giữ gìn toàn vẹn lãnh thổ là đáng tự hào cho dân tộc mình. Đó là, cái hạnh phúc cho con **Rồng** cháu **Tiên**, đáng cho chúng ta hành diện, tôi hy vọng rằng đất nước mình sẽ giàu đẹp trong tương lai không xa.

Khi nói về chữ **An**, thì cũng có người nói rằng: Những người sống ở trên đời này không thể **An** được khi sống ở các nước văn minh, vật chất tràn ngập quá hấp dẫn, làm sao dần lòng cho được để giữ chữ **An** cho trọn vẹn, nghĩa là phải sống "**Liệu Cơm Gắp Mắm**", vì Ông Bà mình thường nói: "**Lớn thuyền, lớn sóng**" mà, cho nên những người đó cứ hưởng thụ vật chất tinh bơ như Ông Hoàng Bà Chúa, muốn có đời sống như vậy, thì ngày làm việc hai ba việc, đôi khi ngày nghỉ cuối tuần cũng đi làm luôn, có như vậy mới có đủ tiền trả nợ ngân hàng, bởi vì đã vay nợ trước để mua sắm cung phụng cho vật chất. Trái lại, những người "**An phận thủ thường**" thì bị những người sống theo vật chất cho là quê mùa, vì không sống theo văn minh vật chất, trái lại, những người này có nhiều thì giờ để dạy dỗ con cháu, học hành tấn phát, cho nên con cháu được tốt nghiệp đại học, có bằng cấp cao làm cho những người bản xứ kính phục.

Hơn nữa, những người này giữ được phong tục tập quán của người **Việt-Nam** thuần túy, nhà cửa trang hoàng đơn sơ nhưng sạch sẽ và trang trọng của gia đình **Việt-Nam** đáng ngưỡng mộ ở xứ người, không khác **Hoa Sen** khoe sắc trong ao bùn vậy.

Lại có người còn nói: Quý Thầy là bậc tu hành, khi ra ngoại quốc cũng không **An**, hưởng hồ những người không biết tu hành, thì làm sao giữ được chữ **An**, bằng chứng mỗi thầy đều muốn xây cất chùa cho thật lớn, thật đẹp, cho nên

phải chạy tiền, vay nợ để xây cất chùa, thì xem như bất **An** như thường. Do đó, quý thầy muốn thành lập một ngôi chùa để làm gì? **Quảng Đệ** tin rằng không phải để làm của riêng cho quý thầy, vì có chùa hay không có chùa, đã là một vị chân tu rồi, thì dù đi tu nơi nào đi nữa vẫn thành **Phật** như thường, còn những vị không phải chân tu, mượn chiếc áo làm thầy tu, thì dù có chùa cao rộng đẹp cách mấy vẫn không thành **Phật**. Thế nên, trong lễ khánh thành chùa **Thiện Minh ở Lyon (Pháp Quốc)**. Thầy **Tánh Thiệt** có phát biểu như sau: "**Xây dựng một ngôi chùa không phải khó, nhưng điều khó nhất là làm thế nào để duy trì, phát triển Phật Giáo lâu dài, đào tạo người thừa kế truyền thừa Phật Pháp mai hậu...**". Thật vậy, việc xây dựng chùa không phải để của riêng cho thầy **Tánh Thiệt**, mà thầy đã bỏ công sức xây dựng bắt đầu ngày 18-12-1983 đặt viên đá đầu tiên và bắt đầu khởi công chính thức vào ngày 9-4-1984, để hoàn thành sáu năm sau, mặc dù ngôi chùa đã được khánh thành (04-5-1990), nhưng công việc cũng còn nối tiếp nào là thiết lập bãi đậu xe, đặt tượng đài **Quán Thế Âm** lộ thiên v.v... Theo **Quảng Đệ** thì: "**Việc xây dựng một ngôi chùa ở xứ người rất là khó, nhưng vì thành tâm của người Phật tử, nên mỗi tạo dựng được ngày hôm nay, những việc đào tạo các bậc chân tu để duy trì, phát triển và hoằng dương Phật Pháp thì khó rất đa bội phần**". Việc quý thầy đến xứ người mà lo xây dựng chùa là một việc đáng quý, vì đây là cơ hội để phát triển tinh thần đạo pháp và bảo vệ văn hóa của chúng ta ở xứ người, để người bản xứ thấy được cái tinh hoa của đạo pháp và văn hóa của nước chúng ta. Và chẳng, nếu quý thầy không bỏ công, bỏ sức để tìm mọi cách xây dựng ngôi chùa **Việt-Nam** ở xứ người, thì chúng ta đâu có nơi rộng rãi để tổ chức những ngày lễ của dân tộc chúng ta, nhứt là **Tết Nguyên Đán** hoặc những ngày rằm lớn trong năm. Mặt khác, người ngoại quốc cũng không biết được cái tinh hoa và phong tục tập quán của dân tộc **Việt-Nam** của chúng ta như thế nào? Thế mà, cũng có một số bà con đồng hương, chẳng những không giúp quý thầy mà còn nói những điều mà tôi tưởng không nên nói, ví như Thầy **Thích Như Điển**, trụ trì chùa **Viên Giác (Đức Quốc)**, vừa xây cất chùa xong được 2/3, công việc còn tiếp tục. Đây có thể nói là ngôi chùa lớn nhứt **Ấu Châu** lúc bấy giờ, ngôi chùa này ngoài cái lớn, rộng rãi mà còn có cái đặc thù khó chùa nào sánh bằng, thế mà trong ngày **Đại Lễ Khánh Thành** chùa vào ngày **28-7-1991**, Thượng Tọa **Thích Như Điển**, trụ trì chùa **Viên Giác** kiêm **Chi Bộ Trưởng Phật-Giáo Việt-Nam tại Đức Quốc**, đọc diễn văn dâng cúng ngôi chùa này cho **Giáo Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống Nhứt Ấu Châu**, làm quý vị Tăng Ni, Phật-Tử lấy làm ngạc nhiên vô cùng, có ai ngờ đâu **Thượng Tọa Thích Như Điển** đã khổ công xây dựng ngôi chùa trị giá **khoảng 5 triệu 125 ngàn đô la Mỹ**, mà thầy xem như của chung của **Giáo Hội PGVNTN**, chớ không làm của riêng thầy. Vì thầy đã thấy, đã hiểu và đã biết đâu là **Chánh Pháp**, đâu là **An Vui**, nên thầy muốn lấy cái **An Vui** để chia xẻ cùng mọi người, thật là một vị chân tu đầy đạo hạnh, có kiến thức cao, biết đâu là **An** và đâu là **Bất An**, để tiếp tục đi theo con đường **Chánh Pháp** của **Đức Phật** đặt ra.

Vì vậy, **Quảng Đệ** tôi rất **An Lạc** khi thấy quý thầy xây dựng chùa khắp mọi nơi trên thế giới, nhờ vậy, quý bà con đồng hương ở hải ngoại có nơi cúng bái, làm lễ và các con cháu chúng ta biết được phong tục tập quán của dân tộc mình. Nhân đây, xin kính chúc quý bà con đồng hương được: **Tri An Tiệm An Hà Thời An**, để mọi người sống chung quanh chúng ta được **Bá An Hạnh Phúc** mọi nhà.



Cắm mốc trong tim

Đồng bào giận cộng đồ vô tổ quốc
Cát gang san gắm vóc để hiến dâng
Cho lũ người thù địch với quốc dân
Nhưng thờ chủ thuyết Tam-vô như chúng.

Nào thấp nển, biểu tình tỏ khí dũng
Chống quân thù cắm mốc mỗi xâm lăng.
Thật hào hùng bao hoạt động rất hăng
Nhưng tàn cuộc, biết trong lòng còn lửa?

Cuộc đấu tranh này đây là muôn thuở
Thù Bắc phỉ, ta hờ, chúng ra tay
Đã bao lần lịch sử chúng điều này
Để đối phó, Tổ Tiên hiến xương máu.

Còn giang san lưu di cho con cháu
Tấc đất là cốt nhục của tiền nhân
i Nam Quan, giành giết biết bao lần
Nay lần nữa, quyết ra tay giành lại!

Đây là công cuộc vô cùng trọng đại!
Có thể kéo dài, đòi nợ, đòi kia!
Phải dẻo dai, bền bỉ mỗi không thua
Phải lấp cho sâu trụ đồng ô nhục!

Từng viên đá, từng viên đá, liên tục
Bài học xưa, sử ghi rõ đó mà!
Để thực hành, cắm mốc trong tim ta
Thù không thể cách nào đòi cho được!

MỐC TRONG TIM ! Nghìn thu vũng đất
nước!

Đặt lưu vong ngày 02.02.2002
(Trong Thi-tập "Phong Cầm Trước Gió")

Tình hữu nghị

• Vi Vi



BUỔI CHIA TAY CUỐI NĂM



Vĩnh cố tạo gương mặt thật bình thản khi đến nhà Huệ, lần đầu tiên, theo lời mời của nàng: buổi tiệc già từ. Huệ được lệnh khẩn cấp chuyển công tác trở lại miền Bắc trước Tết Nguyên Đán. Ai cũng có ý nghĩ, công ty muốn hạ tầng công tác của Huệ, vin vào lý do rất đơn giản, Huệ đã tỏ thái độ và hành động đứng ngoài vòng quay bánh xe đi vào hủ hóa của cấp lãnh đạo công ty.

Vĩnh nghĩ, Huệ sẽ rất buồn, bởi vì từ ngày "giải phóng miền Nam" hầu hết cán bộ miền Bắc đều vận dụng hết mọi khả năng, ảnh hưởng thế lực, áp lực tuổi Đảng hoặc dưới mọi hình thức mua chuộc, đút lót các cấp lãnh đạo để được chuyển công tác vào Nam. Theo đánh giá của dân miền Bắc, miền Nam là nơi đầy rẫy nhu cầu vật chất tiên tiến của chế độ tư bản mà dân miền Bắc chưa một lần được thấy, được thụ hưởng dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Miền Nam là chạm bẩy làm thoái hóa đạo đức cách mạng, làm ung thối dần chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhưng càng nhiều chạm bẩy lại càng nhiều quyền rũ cán bộ vào Nam.

Chỉ sau mấy năm sau "giải phóng", hàng loạt cán bộ hủ hóa đã bị sa thải, bị lột hết đảng tịch cũng đủ để chứng minh sức quyến rũ của cuộc sống "phồn vinh giả tạo" như thế nào.

Tin Huệ bị chuyển đã mang đến cho Vĩnh một mối băng khuâng khó tả. Trái với ý nghĩ của Vĩnh là Huệ sẽ rất chán chường, nhưng ngược lại Huệ rất vui vẻ khi đón Vĩnh.

Khi trao cho Huệ bó hồng để nàng cắm vào lọ hoa ở bàn ăn trong một căn phòng nhỏ thiếu tiện nghi dành cho cán bộ độc thân, Vĩnh hết sức

ngạc nhiên khi thấy Huệ, lần đầu tiên sau hơn hai năm công tác chung, mặc áo dài Việt Nam. Dưới ánh nắng yếu ớt của chiều cuối năm, Vĩnh thấy hôm nay Huệ rất đẹp và khéo trang điểm. Cung cách ăn nói và lời mời mọc của Huệ cũng rất khác qua những lần tiếp xúc trong công tác tại cơ quan. Tại nhà hay ở trong căn phòng nhỏ của đời sống riêng tư, Huệ mới biểu hiện hết cái nét dịu dàng của một người đàn bà.

Thấy Vĩnh vẫn còn đứng ngẩn ngơ, Huệ bảo:

- Mời anh Vĩnh ngồi. Nhà hẹp và đơn chiếc nên Huệ chỉ mời có một mình anh đến dùng bữa hôm nay. Và lại...

Huệ bỏ lửng câu nói. Vĩnh ngồi vào bàn đối diện với Huệ và tàn ngẫm:

- Tôi không biết phải mở đầu như thế nào để nói với Huệ trước buổi chia tay và tôi cũng không biết phải dùng từ nào cho thích hợp để chúc Huệ được nhiều thành công trong nhiệm vụ mới...

Huệ đưa tay ngăn lại và nhìn thẳng vào mắt Vĩnh:

- Hôm nay Huệ muốn tiếp anh với tất cả chân tình. Hãy gạt bỏ những ràng buộc của công việc hay với tư thế của một cán bộ. Nếu anh cho phép thì Huệ sẽ hầu tiếp anh như một người bạn hoặc già...

Huệ lại buông thông câu nói và chờ đợi câu trả lời của Vĩnh.

- Cho đến nay tôi vẫn coi Huệ như là một người bạn hơn là một đồng nghiệp. Vĩnh nói.

Mắt Huệ thoáng vẻ vui mừng:

- Mong rằng đây không phải là lần đầu môi chót lưỡi, nhưng dù sao Huệ cũng rất vui và xin giữ niềm vui này trong hành trang già từ Saigon.

Hầu như cả hai đều có tâm sự riêng, nên dù bữa tiệc rất ngon, được Huệ sửa soạn rất khéo, nhưng họ lại ăn rất ít. Huệ cũng nhấp một chút rượu để mời khách. Còn Vĩnh thì lại thích được nâng ly để có dịp nhìn đôi mắt Huệ long lanh qua lớp thủy tinh và đôi má Huệ hồng hào lên trong ráng chiều.

Hình như có một chút men rượu làm cho con người thêm dạn dĩ, Huệ hỏi:

- Ngày mai Huệ ra đi, mong rằng trong dịp này chúng ta thành thật kể cho nhau nghe những gì đã qua. Anh Vĩnh, anh nghĩ gì về Huệ?

... Thật là khó, để chỉ với một vài câu mà có thể nói rõ tâm trạng của Vĩnh. Cuốn phim dĩ vãng quá dài của một cuộc đời - một phần đời còn lại từ ngày Vĩnh đến nhận việc tại Phòng Kế Hoạch thuộc Công Ty Xuất Khẩu Thành Phố. Cái nhãn hiệu "sĩ quan cải tạo" và những danh từ "ngụy quân, ngụy quyền" chưa mờ phai trong những đôi mắt nghi ngờ của những người cán bộ cộng sản dù Nam hay Bắc, khi Vĩnh được Ba Trung, Trưởng Phòng giới thiệu. Những cái bắt tay lạnh nhạt, thiếu thân thiện và những lời chào hỏi dè dặt, thiếu cởi mở ban đầu.

Người cán bộ đồng nghiệp tiếp cận hàng ngày trong cùng công tác là Huệ. Cũng như tất cả những nữ "đồng chí" khác, Huệ cũng áo cụt, quần đen, dép nhựa và đi xe đạp đến cơ quan. Loại trang phục lè phè kịch cớm đó, Vĩnh tưởng chỉ có các tên cán bộ quản giáo hay vệ binh trong các trại tập trung cải tạo. Không ngờ trong các cơ quan của nhà nước cũng chẳng mang một màu sắc trang trọng nào khác hơn.

Hơn ba năm ở các trại cải tạo, Vĩnh đã học được khá nhiều về lối sống và cách sống cam chịu tù nhục để chờ có ngày trở về với những mưu đồ, toan tính của mình. Cuối cùng Vĩnh cũng được lời ra khỏi trại tập trung với lý do "học tập cải tạo tốt", nhưng thực sự không phải vì lòng "khoan hồng nhân đạo", mà vì nhà nước đang gặp nhiều khó khăn về việc điều hành các cơ sở sản xuất mới tiếp thu của "Mỹ Ngụy" làm trì trệ công tác sản xuất. Vì vậy một số chuyên viên khoa học kỹ thuật "ngụy" được trở về làm việc.

Cái nhãn hiệu "sĩ quan cải tạo" của Vĩnh cũng đã nhiều lần bị Huệ nghiêm khắc phê phán trong các buổi sinh hoạt kiểm điểm của Phòng với đủ mọi danh từ thụ động, hèn kém, không biết đấu tranh...

Đấu tranh? Tại sao Vĩnh phải đấu tranh như Huệ? Đấu tranh để được công ty xét phân phối cho mua nửa ký thịt heo, phụ tùng xe đạp, hay để được

bầu làm "tiên tiến" ? Tất cả những loại đấu tranh này không bao giờ hiện hữu trong đầu óc của Vinh!

Đấu tranh như Huệ để mỗi lần sau buổi họp của Chi Ủy xét về sự phân phối những tiện nghi cho cán bộ, Huệ trở về gục mặt vào bàn giận hờn, tủi thân. Những ưu tiên về quyền lợi không bao giờ đến với Huệ- với những loại cán bộ không có chức vụ! Đấu tranh phê phán mãi rồi cuối cùng Huệ cũng chuốc lấy những thua thiệt và càng bị công ty chèn ép nhiều hơn.

Vinh cảm thấy thống khoái khi chứng kiến những hoạt cảnh xáo trộn nội bộ của những con người mới xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên Vinh cũng thường tự hỏi tại sao anh lại không có một chút may mắn thương hại những người như Huệ- những cán bộ đã hiến dâng tuổi trẻ phục vụ cho đảng, cho nhà nước, mức độ hy sinh có thua kém gì các cán bộ cao cấp...

- Anh Vinh, ngày mai Huệ rời xa thành phố này, xin anh cho Huệ biết, anh đã nghĩ gì về Huệ?

Câu hỏi của Huệ nhắc nhở Vinh trở về thực tại, anh chậm rãi:

- Chúng ta công tác với nhau đã hơn hai năm, thời gian đủ để tôi đánh giá về tư cách, tác phong của Huệ. Thành thật mà nói, Huệ không giống với các cán bộ ở công ty, cũng rất khác biệt với các tầng lớp cán bộ miền Bắc vào Nam công tác. Huệ có lý tưởng, có nhiệt huyết. Huệ đi, tôi rất buồn...

Huệ hóm hỉnh:

- Anh nói thật lòng không đó anh Vinh? Hay là khi nghe tin Huệ bị chuyển công tác, anh lại rất vui mừng và thầm bảo "con nhà Huệ đáo để đã đi rồi. Từ nay chẳng còn ai chỉ trích, theo dõi làm mình khó chịu nữa!". Có phải vậy không anh Vinh?

Cả hai đều bật lên chuỗi cười và Vinh chợt cảm thấy nụ cười của Huệ thật tươi, hàm răng thật trắng và ánh mắt của Huệ- của người con gái Sơn Tây, không còn u uẩn nữa.

Vinh không đo lường được tình cảm của mình đã dành cho Huệ- điều mà từ trước đến nay anh chưa hề nghĩ tới. Cái ý niệm trả thù từ ngày anh ra khỏi trại tập trung thường hiển hiện trong tâm trí anh. Vinh đã hứa, phải trả thù! Đối tượng và phương cách trả thù? Chờ thời cơ hay phải tạo cơ hội!

Ngày Vinh được trả tự do chính là ngày anh được hung tin do bà cô kể lại, cha mẹ anh đã mất trong thời gian anh bị giam cầm trong tù cải tạo. Bà cô Vinh đã giấu anh, vì sợ anh không

thể chịu đựng nỗi sợ đau đớn và mất mát to lớn này. Gia đình Vinh bị xếp vào loại tư sản mại bản. Tài sản bị kiểm kê, cha mẹ anh bị đày lên vùng kinh tế mới. Phần tuổi già, bệnh tật và không quen chịu đựng với cuộc sống kham khổ, nên cha mẹ Vinh lần lượt qua đời. Trước mộ song thân, Vinh đã hứa, phải trả thù. Nhưng thù phạm đích thực là ai? Là chủ nghĩa cộng sản phi nhân! Đối tượng là ai? Có phải là cán bộ cầm quyền các cấp đây rầy chung quanh Vinh?

Trong cuộc đời còn lại, Vinh vẫn còn thời cơ và thời gian để trả thù! Hằng ngày Vinh vẫn thường nhắc nhở ý niệm trả thù khi vòng quay bánh xe Honda đầu tiên lăn bánh.

Một lần qua Công Ty Heo Giống Thành Phố, Vinh ghé thăm Hùng- thành bạn cũ. Cũng chẳng khác gì các lần trước, Hùng đang ngồi ngáp ruồi chờ giờ cơm trưa. "Cơm đùm, gạo bó" là phong cách tiến bộ của cách mạng. "Sáng vác gỗ đi, tối vác về". "Gô" là tên của lon sữa bột Guigoz của trẻ em thời "ngụy", nay là một món thời trang của cán bộ, công nhân viên nhà nước dùng chứa thức ăn trưa từ nhà mang theo. Cái cung cách phung phí tiêu tư sản cơm hàng cháo chợ bữa trưa phải bỏ đi, mà phải biết dùng bữa tại cơ quan hoặc tự túc hoặc ăn cơm tập thể cho quen.

Thấy Vinh lấp ló ngoài cửa, Hùng gọi:

- Ê Vinh! Vào đây cậu!

Vinh cười:

- Thấy mày hiền ngang ngồi trước lọ "Gô" trong một căn phòng rộng thênh thang, tao đâm ngán không dám vào!

Hùng- thú y sĩ, thụ huấn quân sự 9 tuần nên khỏi phải đi "tu nghiệp" ở trường cải tạo "Đại Học Máu", xưa nay vốn vẫn ngổ ngáo, rứt đôi chân xuống bàn, nói:

- Tụi cán bộ ở đây lo đi móc ngọc cả, giao văn phòng cho tớ làm chủ nhân ông. Sư bố nhà anh! Ngọn gió nào đưa nhà anh tới đây! Lâu nay không gặp tưởng nhà anh đã "dọt" rồi!

Vinh với tay kéo cái học bàn và cất lọ "Gô" của Hùng, rồi bảo:

- Hôm nay tao đãi mày một chiều. Mày sửa soạn đi với tao. Phở gà Hiền Vương hay bún mọc ở Ngã Tư Bảy Hiền?

- Có mẹ gì đâu mà sửa soạn. Bộ nhà anh định vượt biên hả?

- Chưa tới giai đoạn đó. Cái mồm của mày chẳng khác gì cái loa của nhà

nước. Có ngày mày cũng sẽ gặp vạ miệng vạ mồm cho mà coi! Thú thật hôm nay tao đến đây nhờ mày giúp cho tao một việc...

Hùng nặng nề ngồi trở lại ghế, vớ cái điều cày, "chơi" liềm một "bi" thuốc Lào, vừa nhả khói vừa xoa tay bảo:

- Có chuyện gì xin nói trước. Coi bộ ăn được một bữa của nhà anh thật khó nuốt trôi quá!

- Chuyện trong tầm giải quyết của mày. Mày có thể ký cho tao một phiếu phân phối heo giống được không?

Hùng trợn mắt nhìn Vinh thật lâu, rồi phá lên cười:

- Chúa ơi hãy nhìn xuống mà coi! Cái thằng bạn Casanova trời đánh của con ngày nay lại bày trò nuôi heo! Mà nuôi "heo nái" hay "heo nọc" đó Vinh?

Vinh cười phân trần:

- Khổ quá, tao không nuôi. Tao cần trao đổi. Không, tao muốn làm vui lòng một cô bạn đồng nghiệp- là cán bộ miền Bắc. Nay Hùng! Con đã thành thật khai báo hết tội rồi đó, cha nội có nghe rõ không thì bảo!

- Rõ, nghe rõ 10 trên 10! Nhưng mà Vinh à. Ngày trước chán chi em ở Saigon mê mết, đeo đuổi cậu. Cậu bỏ rơi con người ta! Giờ miền Nam hết gái đẹp rồi hay sao mà cậu lại cảm một em con cháu cụ Hồ, tay lấm chân bùn, khô queo tình cảm. Điều này thì đúng là tớ không hiểu nổi cậu!

- Chính tao còn không hiểu tao, thì làm sao mày hiểu tao nổi! Nhưng không phải là vì tình yêu...

Tự nhiên Hùng nổi nóng ngang xương:

- Không phải vì tình yêu? Chắc vì chút "tình còm"? Liệu hồn đó Vinh ạ! Việc đổ bể, hết kiểm thảo rồi đến kiểm điểm tự khai và cuối cùng "Bác và Đảng" cũng chỉ thị cậu phải "bê" người "chiến sĩ gái" về nhà nâng khăn sửa túi...

Vinh không còn nghe những gì Hùng nói thêm, cũng như không để ý đến cái phiếu phân phối heo giống mà Hùng nhét vào túi anh. Vinh đang nghĩ đến Huệ, đến nhan sắc của Huệ... điều mà từ lâu Vinh không quan tâm tới. Vinh chỉ nghĩ đến cách mua chuộc, làm vui lòng Huệ trong một tiến trình của mưu tính trả thù trầm lặng...

Thú thật có một giai đoạn nào đó, Vinh nhận thấy giữa Huệ và anh không còn khoảng ngăn cách nữa. Chắc chắn không phải là từ lúc Vinh được công ty chính thức cho vào "biên chế" công nhân viên của nhà nước do

những thành quả công tác mà anh đã thực hiện.

Được sự tin nhiệm của ban lãnh đạo công ty là Vinh đã bước qua được giai đoạn đầu khó khăn trong âm mưu làm tha hóa cán bộ...

Huệ lại đưa Vinh trở về thực tại bằng một câu hỏi lửng lơ:

- Anh Vinh, anh nghĩ thế nào về sự đối xử của công ty dành cho anh và anh hãy xét những công việc anh đã làm. Phải chăng...?

Vinh ngơ ngác:

- Thú thật tôi chưa hiểu rõ câu hỏi của Huệ. Trong thời gian ở công ty, tôi đã phấn đấu làm việc để hoàn thành công tác do cấp trên giao phó...

- Anh Vinh, anh nghĩ rằng công ty đặt trọn niềm tin ở anh, ở các anh-những người cán bộ miền Nam, nhất là những người có quá trình học tập cải tạo như anh, nhất tâm đứng vào hàng ngũ của những người cán bộ xây dựng xã hội chủ nghĩa?

Vinh bâng khuâng suy nghĩ đến chính sách vắt chanh bỏ vỏ. Họ còn sử dụng những thành phần như Vinh nữa hay không, khi họ đã học hết những kinh nghiệm về kỹ thuật do lớp người cũ truyền lại hay họ đã đào tạo được những chuyên viên mới để thay thế!

Trong khi Vinh dăm chiêu không trả lời, Huệ tiếp:

- Anh Vinh à, đường lối, chủ trương, chính sách của đảng và nhà nước, anh chỉ mới học được ở cấp sơ đẳng, cái vỏ bề ngoài. Thực trạng xã hội thì anh chỉ mới chứng kiến vài năm. Cái lối và thời gian chuyển hóa theo các dòng thác cách mạng chẳng có ai hiểu nổi. Tuy nhiên có một điều liên hệ đến anh mà anh không rõ và không ngờ tới là ngoài mặt ban lãnh đạo công ty tỏ ra hoàn toàn tin tưởng ở anh, nhưng bên trong thì lại cử người bám sát theo dõi hành động và tư tưởng của anh. Điều đáng buồn là công ty đã giao phó Huệ theo dõi kiểm soát anh bởi chúng ta cùng phòng và cùng chung công tác...

Huệ thở dài và buồn bã tiếp:

- Anh đừng nghĩ đơn thuần rằng, anh hoàn thành được công tác giao phó là xong nhiệm vụ. Dưới chế độ này người ta đòi hỏi sự tuyệt đối- tuyệt đối tin vào Đảng, tin vào cấp lãnh đạo để buộc con người không còn suy nghĩ và hành động lệch lạc ra ngoài khuôn khổ của chính sách. Người ta đã quen sống trong một xã hội đầy rẫy tuyên truyền lừa dối. Đối người, đối mình mới có niềm tin để sống. Từ đó con người đã thành thói quen- quen với những

giáo điều, những khuôn vàng thước ngọc của một chủ nghĩa, của một thiên đàng mà khổ thay người ta biết rõ là không hoàn toàn có thực!



Vinh giật mình. Anh không nghĩ rằng bên cạnh anh qua mấy năm trời có Huệ giám sát từng lời nói, từng việc làm. Vinh có tâm đề phòng thì anh cũng chỉ đề phòng những người lạ. Còn đối với Huệ đã chắc gì anh không có những sơ hở. Vinh dò dẫm:

- Huệ đã báo cáo những gì về tôi cho Ban Giám Đốc và tại sao Huệ lại nói cho biết về điều bí mật này?

Huệ trầm ngâm nhìn màu chiều đỏ xuống ngoài sân. Mùa đông sắp tàn rồi, nỗi buồn vô cớ thường gieo rắc vào lòng người nỗi buồn tan hợp, hội ngộ, chia ly. Phải chăng:

*Trong gặp gỡ đã có mầm ly biệt
Những vườn xưa, nay đoạn tuyệt
dấu hài*

Câu thơ của ai đó nghe thật buồn, Huệ chậm rãi nói:

- Huệ đã báo cho Ban Giám Đốc biết hầu hết về những việc của anh, nhưng chỉ là những công việc do anh phụ trách, về những người anh liên hệ và ngay cả những sở thích cá nhân của anh nữa...

Dùng lại một chút để dò xem phản ứng của Vinh, Huệ tiếp:

-Thế nhưng anh đừng vội lo, Huệ đã không báo cáo hành động chủ yếu của anh- mà những hành động này nếu bị phát hiện thì anh sẽ bị kết tội phản động, phản cách mạng, phá hoại chế độ!

Vinh cố giữ một thái độ thật bình tĩnh để khỏi lộ ra những nét hốt hoảng trước một đối thủ mà anh chưa biết còn đưa ra những đòn phép nào nữa.

Trong khi đó Huệ vẫn nhẹ nhàng, chân tình:

- Anh Vinh, ngày mai Huệ đi rồi, Huệ sẽ không còn dịp nói chuyện với anh- nói một sự thật để anh đề phòng. Huệ không ân hận khi đã không làm tròn nhiệm vụ được giao phó. Qua công tác điều tra này, Huệ biết rõ tư cách của cấp lãnh đạo, tham ô, bẻ phái, của quyền bao che cho nhau. So với anh, họ không xứng đáng chút nào, nên Huệ đã không báo cáo cho họ đầy đủ chi tiết về những hoạt động của anh. Thành phần lãnh đạo các cấp đã hư hỏng hoặc sẽ dần dần tha hóa. Anh Vinh, anh không cần phải tiếp tay phá hoại. Chế độ này rồi cũng đến ung thối thối! Huệ rất buồn phải nói đến sự thật của chế độ mà Huệ đã dẫn thân từ tuổi thanh xuân. Nhưng Huệ không hiểu tại sao anh lại căm thù chế độ này đến cao điểm như vậy?

Vinh choáng váng cả người. Anh tránh nhìn vào đôi mắt của Huệ, rồi ngập ngừng:

- Tôi... tôi...

- Anh không cần phải dè dặt. Nếu Huệ là người có quyền và là con người sắt máu thì Huệ đã ra lệnh bắt nhốt anh ngay. Nhưng Huệ đã so sánh những người như anh và những người tự khoác lên mình danh nghĩa cách mạng. Họ đã sử dụng công sức đóng góp giải phóng dân tộc để đòi hỏi những ân sủng, những quyền lợi để thụ hưởng. Huệ đã cân nhắc, đắn đo, ưu tư; cuối cùng Huệ không báo cáo những hành động có dự mưu của anh. Vì sao?

Huệ ngưng nói, với tay sửa lại một cành hoa, rồi ngập ngừng:

- ... vì tình cảm, vì yếu lòng! Đây là một yếu điểm, nhưng Huệ chấp nhận yếu điểm này, vì Huệ là đàn bà... Còn anh, anh Vinh, anh thâm trầm mang ý niệm trả thù- dù không có những hành động giết người, nhưng anh đã tạo ra nhiều cơ hội đẩy đưa cán bộ cách mạng vào con đường bắt chính làm ung chột dần xã hội. Cái tội này có lẽ còn nặng hơn tội sát nham nếu xét về mức độ ảnh hưởng. Thế nhưng anh vẫn còn nặng tình cảm, cả tin về một người đàn bà. Sự cả tin này có thể gây tai hại cho cuộc đời anh...

Vinh cố phân trần:

- Tôi không hiểu Huệ muốn ám chỉ đến những trường hợp nào?

- Huệ mời anh đến dùng bữa cơm chia tay này với tư cách của một người bạn như anh cho phép, nên Huệ cần phải nói sự thật. Huệ cũng mong anh

đối xử với Huệ như vậy. Vì ngày mai Huệ đi rồi, công ty sẽ cử một người khác thay thế Huệ để bám sát anh. Họ sẽ tìm chứng tích và cơ hội, không phải có cơ để buộc tội anh- bởi vì họ không dại gì đưa một nhân chứng ra tòa án để bị tố cáo những hành động tham ô, của quyền của họ, mà họ sẽ bằng mọi cách để diệt khẩu, diệt nhân chứng để không còn ai có thể tố cáo những đường dây làm ăn bất chính của họ nữa. Anh có thể dự đoán những gì sẽ xảy ra cho anh: thủ tiêu, ám sát, gây tai nạn...

Sống trong chế độ cộng sản là sống trong hòa mù tuyên truyền gian dối xảo trá. Họ trồng lên đầu anh một hào quang tín nhiệm, nhưng họ cũng sẵn sàng trông vào cổ anh một dây thòng lọng. Đồi đưa thần của anh đã chỉ đạo trong các vụ cán bộ tham ô, chia chác buôn bán hợp đồng sản xuất với tư nhân. Anh khôn ngoan đứng ngoài mọi sự việc. Anh không cần tiền, anh chỉ muốn sử dụng hai hạng người này làm phương tiện trong việc trả thù chế độ mà thôi...

Vinh ngần ngại tưởng như Huệ đã có mặt trong hầu hết những việc làm âm thầm của anh, mặc dù Huệ chỉ lý luận, phân tích, đối chiếu các sự kiện mà không có bằng chứng cụ thể, nhưng Huệ cũng đã đi đến kết luận không mấy sai biệt. Vinh không ngờ lâu nay anh giao tiếp với một đối thủ hết sức nguy hiểm mà anh chẳng hề hay biết gì cả!

Huệ trầm ngâm thật lâu, chợt nhìn thẳng vào mặt Vinh, hỏi một câu tưởng chẳng ăn nhập gì vào vấn đề cả:

- Anh Vinh, hình như giữa anh và đồng chí Việt, Giám Đốc Xí Nghiệp của công ty có vấn đề gay gắt phải không. Anh có thể kể cho Huệ nghe được không?

Vinh bồi hồi nhớ lại...

**

- Việt ném khẩu K.54 trước mặt Vinh, nét mặt giận dữ, giọng cộc cằn lẽ nhè hơi men:

- Này Vinh, tớ có nhiều vấn đề với ông rồi đấy. Nói thật, mười mấy năm chiến đấu, tớ chưa ngán một tên nào cả. Ai chơi xỏ tớ, thì tớ có cách trả đòn thật đẹp!

Quay qua bà chủ quán đang ái ngại vì không khí căng thẳng, Việt gọi lớn:

- Này bà chủ cho xin thêm vài xị để nữa đi!

Trong khi bà chủ chưa biết có nên hay không nên nghe lời khách đã có mời say sưa, thì Vinh nhẹ nhàng:

- Đồng chí Việt...

Việt to tiếng:

-Không ai đồng chí với ông cả!

Vâng, thế thì... anh Việt! Tôi nghĩ, giữa anh với tôi là cán bộ cùng chung công ty, dù có vấn đề gì đi nữa chúng ta cũng nên từ tốn nói chuyện với nhau. Nể lời anh mời, ngay sau khi tan sở, tôi theo anh. Tưởng là anh em chúng ta nhậu với nhau bằng tấm chân tình, bằng niềm vui. Chứ nếu với tình huống này, thì tốt hơn chúng ta chia tay và hẹn lại một dịp khác, tình táo hơn chúng ta sẽ nói chuyện lại. Chẳng hiểu anh có buồn tôi về chuyện gì, chúng ta còn có nhiều dịp gặp nhau để tỏ bày. Tôi không nghĩ là anh mượn rượu để to tiếng với tôi. Tôi cũng không nghĩ là anh dùng vũ khí để hăm dọa đàn áp tinh thần tôi...

Vinh dừng lại, nhìn thẳng vào mắt Việt để đo lường phản ứng. Cặp mắt đỏ ngầu của Việt dần dần dịu lại. Hắn vội giắt khẩu súng vào bao bên hông và nói với Vinh, bây giờ giọng nhẹ nhàng hơn:

- Không! Hôm nay tớ vẫn muốn nói chuyện với ông!

Vinh gật đầu, giọng vẫn dịu dàng nhưng nghiêm khắc hơn:

- Vâng, anh Việt. Tôi sẵn sàng nghe anh nói!

Việt nhìn Vinh ngạc nhiên vì thấy thái độ trầm tĩnh của anh. Phút chốc cái cao ngạo hiêu thẳng của Việt biến mất, thay vào đó một chút e dè:

- Tôi muốn hỏi ông... anh Vinh, ngày hôm qua anh và Huệ chờ nhau đi đâu đến tối mịt mới về. Tôi muốn biết, tôi muốn biết... giữa anh và Huệ có liên hệ... tình cảm như thế nào?

Sự thay đổi cách xưng hô và sự ngập ngừng khi đặt một câu hỏi cũng đã tỏ thái độ yếu kém của Việt. Nhìn Việt- một thanh niên nông nổi, tự nhiên Vinh vừa thương hại vừa chán ghét. Tuy vậy anh vẫn thẳng thắn trả lời:

- Tưởng có gì mà anh làm to chuyện. Vâng, hôm qua chúng tôi phải công tác khẩn trương từ huyện Bình Chánh rồi trở về Thủ Đức. Chúng tôi di chuyển chung bằng xe Honda để tiết kiệm nhiên liệu. Công tác kiểm tra trọng điểm của hai xí nghiệp này, với nhiều phân xưởng cách xa nhau, chúng tôi phải cần nhiều thì giờ để làm

việc. Tuy thế vẫn chưa hoàn tất công tác và chúng tôi còn phải tiếp tục...

- Còn vấn đề liên hệ tình cảm?

- Thú thật tôi chẳng hiểu lý do tại sao và từ đâu anh lại đặt nghi vấn này? Công tác và tình cảm là hai vấn đề khác nhau xa. Chắc anh biết rõ điểm này!

Việt, hai tay khuỳnh lên bàn, hơi chồm tới sát Vinh và hỏi:

- Chắc anh cũng rõ, trước đây tôi và Huệ có chút liên hệ. Lâu nay, tôi thấy Huệ trở nên lạnh nhạt, không muốn liên lạc với tôi nữa. Xin hỏi anh, anh có yêu Huệ không?

Vinh cảm thấy bức bối. Việt, dù chưa đủ chín chắn, nhưng cũng đã ở trong tuổi trưởng thành để biết cân nhắc lời nói. Chuyện của hắn cũng như chuyện riêng tư của kẻ khác không thể vì một lý do gì để phải bộc lộ cho người khác biết. Tuy vậy Vinh vẫn trả lời:

- Sự liên hệ tình cảm giữa anh và Huệ từ trước thì tôi không rõ, mà tôi cũng không có quyền xen vào. Bây giờ giả dụ Huệ có thay đổi thái độ với anh, thì trước hết anh hãy tự xét, anh có khuyết điểm nào và sau đó anh hãy trực tiếp nói chuyện với Huệ. Điều này tôi cũng không có quyền biết tới vì đó là chuyện đời tư của mỗi cá nhân. Cũng như anh không nên hỏi chuyện riêng tư của tôi, nhất là về mặt tình cảm. Tuy nhiên theo tôi nghĩ, Huệ là cô gái đẹp có đủ khôn ngoan để chọn lựa. Yêu ai là quyền của Huệ. Còn tôi... tôi còn độc thân. Yêu ai là quyền của tôi...

**

Vinh ngưng kể để theo dõi thái độ của Huệ. Huệ nửa khua lấp, nửa hiện hữu qua bình hoa hồng đặt giữa bàn.

Huệ châm thêm rượu cho Vinh và hỏi:

- Nhưng anh vẫn chưa trả lời... đúng vào câu hỏi của đồng chí Việt mà!

Lần đầu tiên Vinh thấy thái độ của Huệ có vẻ bồn chồn qua câu hỏi. Má nàng phớt một chút màu hồng bên lên và mắt nàng mở lớn chờ đợi.

Dù Huệ không hỏi thúc, không bắt buộc, nhưng Vinh vẫn thành thật:

- Vâng, lần đó tôi đã không nói rõ với đồng chí Việt. Tôi cố tình lấp lửng để cho Việt đau khổ. Càng đau khổ Việt càng làm những việc bại hoại hơn...

Huệ dù muốn che giấu, nhưng vẫn để lộ những nỗi thất vọng trong mắt, nhất là khi nàng nói, giọng thật buồn:

- Hình như Vĩnh muốn diệt hết mọi tình cảm- ngay cả tình cảm của riêng mình để cố đạt cho được mục đích trả thù. Anh Vĩnh, có lúc nào anh tư duy để phân biệt được đối tượng thù địch của anh là ai không? Huệ cũng là một đối tượng của anh, phải không anh Vĩnh?

Câu hỏi của Huệ vô tình như một nhát dao đâm sâu vào niềm đau thầm kín của Vĩnh. Nhiều lần Vĩnh tự hỏi, Huệ có phải là đối tượng để trả thù không? Điều này đến nay Vĩnh cũng không trả lời được. Để rồi Vĩnh tự giãi vờ đây nghĩ: "mình có nên trả thù một người con gái hay không?" Rồi Vĩnh nhớ đến những biến chuyển tình cảm mà Huệ đã dành cho anh- từ những buổi đầu nghiêm khắc, theo dõi, phê phán khắt khe rồi dần dần qua thời gian trở thành những nụ cười, ánh mắt dịu dàng...

Trước đây Vĩnh vẫn chủ trương phải trả thù bất cứ đối tượng nào, dù nam hay nữ, bằng bất cứ thủ đoạn nào. Với Huệ, Vĩnh áp dụng những sẵn lòng ân cần, giúp đỡ Huệ mọi mặt, bởi vì Vĩnh quan niệm, Huệ chỉ là một người con gái, dù được tối luyện đến mức độ nào dưới lò nung Mác-Lê, thì cái nhân tình cảm của một người đàn bà cũng không thể cháy hết thành than được. Huệ vẫn cần những nhu cầu của một người con gái- nhất là con gái đẹp. Vĩnh tìm mọi cách để cung phụng cho nàng. Anh có nhiều cơ hội để gạt gẫm, dẫn dắt Huệ vào đường áy dục. Nhưng Vĩnh không đành tâm, bởi trong anh lương tri vẫn còn, tình người vẫn sống. Bên cạnh đó còn len lỏi một chút tình cảm nhẹ nhàng của Vĩnh dành cho Huệ. Để rồi những đêm nằm thao thức, nhìn tấm ảnh bán thân của cha mẹ, Vĩnh lại ân hận và năn nỉ:

- Ba má tha thứ cho con! Con không thể hành hạ, trả thù một người con gái được!

Vĩnh kể lại tâm trạng của anh cho Huệ nghe, thay vì phải trả lời về câu hỏi của nàng. Hình như Huệ cũng thấy lòng mình chơi vơi, tuy nhiên nàng vẫn nhắc nhở Vĩnh:

- Anh khó mà thành công, nếu anh còn vương nặng tình cảm- nhất là tình cảm đối với đàn bà...

- Huệ muốn nói đến...

-Vâng, Huệ muốn nói đến trường hợp của Tuyết- nhân tình của Ba Trung, cũng là phương tiện của anh để

làm tan vỡ gia đình hắn. Khổ cho Ba Trung, chính vợ hắn đã đi tố cáo những hành vi tham ô, trai gái của hắn với Ban Giám Đốc; mà chính tư cách của những người này cũng chẳng khác hơn hắn là bao nhiêu, lắm lúc còn tệ hại hơn là khác. Ba Trung sẽ bị cách chức, có khi sẽ mất hết đảng tịch cũng nên. Cán bộ đã hủ hóa mà Ban lãnh đạo cứ khư khư đem giáo điều đạo đức cách mạng ra làm tốt chế độ. Huệ đã tiếp xúc với Tổ trưởng dân phố, Tổ trưởng phụ nữ, Tổ phó an ninh, Công an phường, Công an khu vực nơi anh và Tuyết cư trú. Huệ thấy có sự liên hệ giữa Ba Trung, anh và Tuyết. Anh Vĩnh, anh có thể kể cho Huệ nghe vài chi tiết, biết đâu...

- Biết đâu thế nào...?

Huệ cười hóm hỉnh:

- Biết đâu Huệ có vài điều sai lầm khi báo cáo với cấp lãnh đạo!

Vĩnh trầm tư, mừng tượng lại hình ảnh một buổi chiều...

**



Vĩnh dừng chân ở một ngã tư dạo đèn xanh, anh thoáng nhận ra Tuyết- người bạn cũ, cũng đang đứng xe ở phía đối diện. Vĩnh dễ nhận ra Tuyết không phải vì nàng đang cỡi chiếc xe Honda sáng loáng, mà chính vì sự chung diện quá đáng, làm nổi bật sự giàu sang so với những người đàn bà khác trong hoàn cảnh khổ khó hiện tại. Tuyết vẫn đẹp, vẫn sang trọng như thuở vàng son của phòng trà, hộp đêm. Điều đáng nói là Tuyết hôm nay không phải là Tuyết của hơn nửa năm trước đây xác xơ đến tìm gặp Vĩnh để nương nhờ. Tuyết đã đổi lột như con rần lột da.

Hình như Tuyết không nhận ra Vĩnh, hoặc giả nàng cố tình không nhận diện người quen- nhất là những người đã biết gốc gác của nàng. Nàng muốn quên quá khứ, quên luôn Vĩnh, người đã giới thiệu nàng cho Ba Trung- cây trụ màu mỡ để cho nàng sống bám cuộc đời tầm gửi...

Huệ chậm rãi:

- Huệ thấy anh tỏ ra cay đắng khi Tuyết không còn nhớ đến anh, không nhớ đến công ơn của anh thì đúng hơn, vì trước đây giữa Tuyết và anh không sống vì tình yêu. Về điểm này Huệ nghĩ anh nên mừng hơn là buồn trách. Tuyết quên anh thì anh mới còn sống để thực hiện ý nguyện trả thù; chứ nàng còn nhớ anh, thì không chóng thì chầy, với tiền bạc sẵn có, nàng cũng tìm cách thuê người thanh toán anh để vừa bảo vệ cây trụ tiền và trên đời này chẳng còn ai biết đến nguồn gốc của nàng nữa! Lắm vào trường hợp của Tuyết, chắc Huệ cũng không làm cách nào khác hơn...

Nhưng số phận của anh rồi sẽ ra sao, khi xã hội có thêm nhiều con sâu đục khoét, chính quyền cách mạng có thêm nhiều tên tham ô? Chưa hẳn họ đã để cho anh sống một cách yên ổn!

Vĩnh băng khuâng chợt nhớ đến Hùng ở Công Ty Heo Giống Thành Phố. Hắn đã bị sa thải, có thể vì bị vạ miệng vạ mồm chửi bới chế độ, hay cũng có thể người ta cần loại trừ những chuyên viên chế độ cũ để khỏi phải quan tâm, sau khi đã khai thác hết khả năng chuyên môn của những người này... Vĩnh muốn khóc khi gặp lại Hùng hành nghề chạy xe ôm trong một đêm mưa.

Rất nhiều thành phần ưu tú của chế độ miền Nam không di tản, không vượt biên, họ muốn ở lại để đem khả năng chuyên môn xây dựng tổ quốc, phục vụ dân tộc; nhưng cái thành trì phân biệt giữa cách mạng và Mỹ Ngụy, giữa miền Bắc và miền Nam, giữa chế độ mới và chế độ cũ... đã bắt đi tù hay loại bỏ thành phần trí thức, khoa học kỹ thuật này...

Vĩnh lại kể thêm cho Huệ nghe một mẩu chuyện khác...

**

Vừa ra khỏi phòng giao hàng của Ty Bưu Điện, Vĩnh bị một kẻ lạ mặt níu vai lại. Do phản ứng tự nhiên, Vĩnh giữ chặt gói hàng từ Mỹ mới nhận được. Tình trạng móc túi, cướp giật ở khu vực này hầu như công khai. Công an cũng tỏ ra bất lực trong nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự, hoặc làm ngơ mà theo dư luận hầu như đã có một thỏa hiệp ăn chia nào đó.

Hàng ngày từ sáng tinh mơ, nhiều người có giấy báo của Sở bưu điện đến sắp hàng để nhận quà của thân nhân từ các quốc gia tự do gửi về. Từ đó

cũng có nhiều người sống nhờ vào dịch vụ mua đi bán lại hàng hóa ngoại quốc. Họ cũng đến đây từ sớm, đón mua "tận gốc" những món hàng mới được lãnh ra. Giá cả từng mặt hàng hầu như từ người lãnh đến người mua đều biết rõ, nên sự mua bán cũng tương đối dễ dàng.

Vinh cố lách người ra khỏi đám đông, anh không muốn bị những con buôn níu kéo. Người đàn ông với chiếc nón tai bèo chùm chụp che gần hết khuôn mặt, vẫn bám sát Vinh. Hắn không nói năng gì cả làm Vinh càng thêm lo ngại. Đành rằng gói quà của Vinh chẳng có gì đáng giá, nhưng lại là những nhu cầu cần thiết cho đời sống. Khi đến khu vực gửi xe đạp và xe gắn máy, Vinh mới nghe hắn hỏi:

- Chào anh, anh có thuốc tây hay đồ gì cần bán không? Anh bán cho tôi, chắc chắn không bị hố. Tôi làm ăn ở đây đã lâu năm...

Nghe giọng miền Trung thật quen, Vinh quay lại nhìn kỹ vào "kẻ lạ mặt" và anh chợt reo lên:

- Ê Tương phải không? Ông nội mi làm tao hết hồn. Tao tưởng có đứa mô muốn giật gói quà của tao chứ! Mi làm nghề ngỗng chi mà ở đây rứa?

Tương- kẻ lạ mặt, cũng cười lên hồ hởi, thái độ thật ngang tàng:

- Ui cha, Vinh! Lâu quá không gặp mi!

Hai người ôm chặt lấy nhau thật lâu. Ít ra cũng đã trên mười năm Vinh mới gặp lại Tương- thằng bạn cùng khóa. Sau khi tốt nghiệp, mỗi đứa mỗi ngành, phục vụ ở những địa phương khác nhau. Rồi đất nước được "giải phóng", thân nhân gia đình thất tán, bạn bè kẻ mất người còn, kẻ đi người ở, lưu lạc mỗi người một phương...

Gặp lại nhau bù ngùi cảm động, Tương nói giọng thật vui:

- Tao hành nghề "chạy thuốc tây" từ mấy năm nay, cũng không vất vả gì nhiều lắm, chỉ cần phải "lắm mồm" và hai chân phải "chạy"- chạy chú lết thì... đôi nhản rắng! Tao mua thuốc tây ở đây từ những khách hàng bất thương như mi, còn những mối quen thì tao đến tận nhà họ vào ban đêm...

- Mi làm ăn suốt ngày đêm...

Tương khoa tay:

- Nói cho cùng ban đầu tao cũng vất vả lắm. Tranh mối, gậy gỗ, đánh lộn là chuyện thường. Bị công an rượt, bắt bớ, tịch thu hàng hóa là chuyện như cơm bữa! Sau một thời gian tao áp dụng sách lược mua chuộc, áp phe với công an, nhưng đặc biệt là phải biết

làm ăn chung với nhân viên bưu điện trong phòng phát quà, bởi từ nơi này họ mới cung cấp nhanh chóng cho tao danh tánh và địa chỉ của những người được thông báo đi lãnh quà. Thế là ban đêm tao đến nhà họ thương lượng trước. Dành dành tao có những mối quen...

- Còn số lượng hàng mua được thì mi tiêu thụ ở mô?

- Hàng vặt vãnh thì vợ tao đem bán ở chợ trời. Riêng thuốc tây thì tao cung cấp đều chi cho một bà Dược Sĩ. Bà này làm ăn chung với các cha bác sĩ- cả ngụ lẫn cách mạng; nên cái nghề chạy thuốc tây thế mà vững và bảo đảm "an toàn trên xa lộ".

Vinh bù ngùi hỏi:

- Vợ mi, dân Marie Curie thì phải?

- Ủ, bây giờ bà là một tay "chợ trời" bụi đời nổi tiếng. Bà lẩn lộn với tao vào chốn giang hồ, từ "thuở trời đất nổi cơn gió bụi" mà Vinh! Thương xót chó gì nữa cái thuở vàng son cho một thân! Hơn 4 năm cải tạo từ Hóc Môn, Suối Máu, Trảng Lớn, Bù Gia Mập tao đã học được tính nhẫn nhục, để quên, để tha thứ...

- ... để sống, để xây lại cuộc đời nữa chứ, Tương?

- Sau khi được trả tự do, được vận động đi công tác cho vùng kinh tế mới Lê Minh Xuân, đào kinh, đắp đập, trồng khóm cùng với đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh "Hình Chí Mô" dưới quyền quản lý của một nhóm cán bộ đặc sệt đầu óc Mác Lê, tao mới thấy sự băng hoại của tuổi trẻ. Hơn sáu tháng kham khổ chịu đựng, tao chuồn về Saigon, sống chui sống nhủi không có "hộ khẩu". Cuối cùng tao lẩn vào giới chợ trời để kiếm sống...

Đôi bạn ngồi nhâm nhi cà phê trong một quán cóc dưới gốc cây dầu bên hông nhà thờ Đức Bà. Vinh thành thật hỏi:

- Cuộc đời của tụi mình coi như bỏ đi. Mi nghĩ thế nào về tương lai của các con?

Bây giờ Vinh mới thấy được nét mặt đăm chiêu của Tương. Hắn ngồi lặng yên nhìn vào khung trời mênh mông, không để ý đến điều thuốc hút dở đã cháy gần tàn. Giọng hắn buồn như chấu nghiêng:

- Một lần tụi tao "dông" về Rạch Giá, nằm chờ ở bãi mấy ngày, chẳng thấy tụi tổ chức đến đón, mới hay tụi tao bị một tổ chức vượt biên ma xí gạt, mất mười mấy "cây", đau hơn họa. Rồi trở về chí thú làm ăn, dành dụm "binh" keo nũa. Lần này nghiên cứu về tổ chức cẩn thận hơn, "đánh" ở Bến

Tre, cũng bị "bê". Với cái tiền án "sĩ quan cải tạo", vợ tao bảo tao phải chạy trốn. Còn bà và hai đứa nhỏ ngồi lại chịu trận. Suốt ba tháng trời tao phải lo chạy chọt để lãnh vợ con về.

Vinh à, con người đều có phần số cả. Có người chỉ "đi" một lần là lợt. Có kẻ năm lần mười lượt vẫn bị bắt. Tiền mất, tật mang. Vào tù ra khám dài dài. Rứa mà vẫn "tính". Tự do đâu phải dễ dàng mà có được, phải không Vinh!

Tương ngừng kể, chằm một điệu thuốc, chiêu một ngụm cà phê, rồi hỏi Vinh:

- Còn mi tính rắng? Hay là mi an phận "phục vụ" cho đảng và nhà nước?

- Tao còn "độc thân tại chỗ" nên cũng dễ tính. Vui thì ở, buồn thì dợt. Nếu có bề nào đi nữa thì cũng không gây phiền phức cho ai. Tù đầy hay chết là cùng! Nghĩ mà buồn quá Tương ơi. Tụi mình chẳng có đứa nào sống đúng với tư cách của một kẻ sĩ cả, "gặp thời thế, thế thời phải thế! "

Huệ trầm ngâm ngồi nghe Vinh kể. Câu chuyện chấm dứt từ lâu mà cả hai vẫn ngồi lặng yên trong bóng đêm cho đến khi phải chia tay...

~

Chiều hôm sau, ba mươi Tết, sân ga Bình Triệu nhộn nhịp hẳn lên trong chuyến tàu cuối năm trở về Hà Nội. Giữ lời hứa, Vinh đã đến từ lâu để gặp Huệ lần cuối. Anh bồn chồn, trông ngóng Huệ. Với Huệ, Vinh không dám khẳng định mức độ tình cảm, hay anh lại tự dối lòng mình.

Dù hành khách, con buôn, hàng hóa ngổn ngang, Vinh vẫn nhận ra Huệ dễ dàng. Ngoài chiếc va li cũ màu nâu, Huệ chẳng còn gì nữa để mang theo. Trông nàng nhàn nhã như một du khách. Tuy nhiên, Vinh chẳng hiểu tại sao, trong chuyến hành trình xa xôi, trên một con tàu bản thiêu, Huệ lại mặc chiếc áo cánh màu hồng phấn, lại khoác thêm chiếc áo len màu trắng làm nổi bật lên giữa đám đông lam lũ đang chen lấn lên tàu.

Gặp Vinh, Huệ cười thật tươi, mà lý ra Vinh nghĩ là Huệ rất buồn mới phải:

- Cảm ơn anh đã nhớ để đến tiễn đưa Huệ lần cuối!

Vinh cũng cười, nhưng nụ cười của anh phảng phất nỗi buồn ly biệt:

- Dĩ nhiên là Vinh không thể quên được...

Huệ, vẫn thái độ hững hờ:

- Nhưng rồi sẽ có một ngày Vĩnh sẽ quên... quên Huệ phải không?

Vĩnh nhìn vào mắt Huệ:

- Không, nhưng dù sao...

Vĩnh bỏ lửng câu trả lời, vì thật ra anh cũng chẳng biết nên nói gì thêm. Màu chiều tím thẫm. Nắng đã biến mất trên những tầng mây thấp. Vĩnh nói bằng quơ:

- Có lẽ trời sắp mưa...

- Mưa cuối năm, mưa buồn, mưa chia biệt phải không Vĩnh. Vĩnh có nghĩ là vào một lúc nào đó chúng mình sẽ có dịp gặp lại nhau không?

- Vĩnh cũng mong như vậy...

Đột nhiên Huệ nắm tay Vĩnh, bên lên hỏi thật nhanh:

- Này anh Vĩnh! Huệ muốn nghe Vĩnh trả lời thực lòng và thực đúng câu hỏi của đồng chí Việt hỏi Vĩnh trước đây!

Vĩnh cũng nắm chặt tay Huệ:

- Câu hỏi thế nào? Huệ nhắc lại thử coi?

Mặt Huệ đỏ bừng vội quay đi hướng khác:

- Vĩnh còn nhớ mà! Vĩnh không thể quên được!

- Vâng Vĩnh không quên... nhưng Vĩnh không dám yêu Huệ đâu. Huệ là một địch thủ lợi hại của tôi. Chưa yêu Huệ mà Huệ đã làm cho tôi khổn đốn thế này. Lỡ đã yêu rồi thì Huệ còn hành hạ tôi đến cỡ nào nữa. Khi giận giận, Huệ dám đem tôi tố cáo với cách mạng, thì chắc là tôi phải đi tù cải tạo mút mùa lệ thủy quá!

Cả hai bật cười và chột giạt mình khi còi tàu thét lên báo hiệu sắp sửa khởi hành. Huệ chen lấn lên tàu. Bóng dáng Huệ biến mất trong toa tàu chật cứng hàng hóa và hành khách. Còi tàu lại thét lên lần nữa. Rồi tàu dần dần chuyển bánh.

Vĩnh vẫn đứng đợi ở sân ga chờ vẫy tay chào Huệ lần cuối. Nhưng anh vẫn không nhìn thấy Huệ. Có lẽ Huệ không thể chen lấn đến gần cửa sổ để nhìn nhau vẫy tay chào? Hay Huệ không muốn Vĩnh nhìn thấy giọt nước mắt ly biệt của nàng?

Con tàu với làn khói mịt mù dần dần khuất khỏi tầm mắt. Màu hoàng hôn trùm kín không gian. Sân ga vắng vẻ, nhưng Vĩnh vẫn còn lặng yên đứng đó, tâm tư trống rỗng, lòng buồn với vợi. Huệ với chiếc áo cánh màu hồng phấn, chiếc áo len choàng màu trắng là hình ảnh cuối cùng trong tâm trí nhớ của Vĩnh.

Trong miên man vô tận của nỗi buồn, Vĩnh chợt nghe một giọng già nua:

- Thưa cậu, cậu làm ơn làm phúc chỉ đường cho nhà cháu về Gia Định được không ạ?

Vĩnh quay lại nhìn bà già lom khom mặc áo tứ thân màu nâu, đầu chít khăn mỏ quạ, tay xách một túi lát tả tơi. Vĩnh ân cần hỏi:

- Thưa cụ, cụ về Gia Định nhưng nhà cụ ở đường nào?

Vấn giọng Bắc nhừa nhựa, bà cụ nói:

- Nhà bà, à không... nhà của đứa cháu bắt hiểu bỏ bà bỏ vợ hình như... hình như ở phố Lê Văn Duyệt thì phải!

Tình cờ bà cụ này cũng ở cùng đường với mình nên Vĩnh vui vẻ nói:

- Cháu có thể đưa cụ về nhà. Mời cụ theo cháu!



Vĩnh đỡ túi xách tay cho bà, chàng ngạc nhiên khi thấy bàn tay của bà cụ mềm mại, tươi nhuận, trắng trẻo như bàn tay con gái. Vĩnh ngẩng lên nhìn mặt bà cụ- từ trước vẫn che khuất trong chiếc khăn mỏ quạ. Vô tình hay hữu ý bà cụ mỉm cười quay đi hướng khác. Vĩnh sửng sốt:

- Cô là, cô là...bà cụ!!!

Bà cụ liếc nhìn chung quanh rồi buông một chuỗi cười rộn rã. Chiếc lưng đã còng, nay lại còng thêm một chút nữa, rồi một giọng nói trong trẻo quen thuộc vang lên:

- Anh Vĩnh, Huệ đây!

- Huệ! Huệ... em Huệ! Vĩnh reo vui.

- Huệ ở lại với anh. Chúng ta cứ đóng trò như cũ. Bọn tay chân của ban lãnh đạo chắc chưa đi khỏi nhà ga. Chúng cử người theo dõi xem Huệ đã lên tàu ra Hà Nội hay chưa. Vì thế Huệ mặc áo màu rực rỡ để cho chúng dễ

nhận diện và ngay sau khi lên tàu, Huệ đã thay đổi trang phục này và thừa lúc hành khách còn lộn xộn chen lấn nhau, Huệ cũng xuống tàu và núp kín sau sân ga.

Huệ biết chuyến đi này lành ít dữ nhiều. Bọn lãnh đạo công ty không đại gì để yên cho Huệ mang hồ sơ tham ô của chúng ra Hà Nội. Chúng sợ Huệ tố giác chúng trước tòa án, nên chúng thuê một vài tên du đảng chuyên môn giết người để thanh toán Huệ trên tuyến đường Tour Chàm - Phan Rang, hay ở trong các đoạn đường hầm Huế - Đà Nẵng, là những nơi từ trước đến nay đã xảy ra nhiều chuyện giết người cướp của...

Thấy thái độ của Vĩnh, Huệ ngừng lại hỏi:

- Thấy Huệ ở lại, Vĩnh không mừng hay sao mà lại hốt hoảng đến thế?

- Mừng, mừng lắm chứ, nhưng lại lo ngại cho Huệ. Sao lại không bàn trước với Vĩnh?

Huệ ngược nhìn Vĩnh, nhõng nhẽo:

- Biết người ta có thực tâm yêu mình không mà dám đem chuyện sinh tử ra bàn...

Vĩnh một tay xách túi, một tay dẫn "bà cụ" ra chỗ đậu xe. Huệ vừa đi lạng lạng, vừa thì thầm:

- Cứ thư thả để tụi nó giải tán. Đợi trời tối rồi hãy về...

- Nhưng mà về đâu thưa "cụ"?

Huệ cũng đùa, quên mất lo lắng:

- Cho nhà cháu về... ở nhà cậu một đêm được không ạ?

- Một đêm hay mấy đêm cũng được! "Cụ" càng ở lại nhiều đêm thì nhà cháu càng thêm... sung sướng!

Bỗng Vĩnh kêu nói lên vì đau. Huệ đã cắn vào bàn tay Vĩnh đến rướm máu. Huệ cười nói:

- Để cho Vĩnh chữa cái tội nham nhò đi. Càng đau, càng nhớ dai!

*
**

Sau Tết Nguyên Đán người ta không còn gặp Huệ và Vĩnh ở thành phố Saigon nữa. Có người cho rằng, Huệ và Vĩnh đã vào bưng theo một tổ chức kháng chiến phục quốc. Người khác lại bảo rằng, thân nhân của họ ở nước ngoài viết thư về cho biết, họ đã cùng với Huệ và Vĩnh đi chung trên một chiếc thuyền nhỏ vượt biển và được một chiếc tàu ngoại quốc vớt ngoài hải phận quốc tế, cách bờ biển Vũng Tàu không xa, sau đó họ đã đến định cư ở một quốc gia tự do... •



Thư gửi bạn

(Phát triển trí tuệ)

LIỄU PHÁP

Đã khá lâu chúng ta ít biên thư cho nhau, có lẽ cũng vì bận bịu gì đó mà cũng có thể một lý do gì khác, chẳng hạn nghĩ rằng những gì mình viết cho nhau từ bấy lâu nay rồi cũng qua đi trong quên lãng, chẳng có gì tồn tại lâu và cũng chẳng ích lợi gì mấy. Thực sự, thăm hỏi sức khỏe của nhau hoặc được biết những gì đang xảy ra trong đời sống thì cũng tốt vì thăm hỏi ân cần thì cảm thấy ấm lòng nhất là khi ở xa, ít có dịp hàn huyên. Tuy vậy hỏi và trả lời những chuyện này mãi thì cũng sẽ hết chuyện thôi... Từ nay chúng ta thử thỉnh thoảng suy nghĩ rồi viết cho nhau về một đề tài nào đó, biết đâu nhờ vậy mình có dịp suy tư nhiều hơn hay sâu hơn về một đề tài mà mình chưa có dịp dành thì giờ để suy nghĩ.

Đề tài thì chẳng thiếu gì, chẳng hạn vấn đề gia đình, vấn đề con cháu, vấn đề hạnh phúc hay đau khổ, vấn đề bản thân, vấn đề văn hóa, vấn đề cuộc sống, vật chất và tâm linh, vấn đề tu học... Mình viết cho nhau, giữa bạn bè thân quen, ghi lên giấy những cảm nghĩ đến trong tâm như những nét tạc ghi, không cần sắp xếp cẩn thận, chỉ

để chia sẻ, trao đổi và để cùng suy nghĩ với nhau. Khoảng chừng 20 năm trước, trong một buổi vấn đạo, một thiền sư khuyên mình hãy về tìm bạn mà cùng tu học; có lẽ đây phần nào cũng cùng một ý hướng như vậy.

Lần này chúng ta hãy thử suy nghĩ và thảo luận về sự **phát triển trí tuệ**. Sự phát triển trí tuệ ai cũng thấy rất là cần thiết cho mọi hành xử hằng ngày, từ những sự chọn lựa thông thường cho đến những quyết định quan trọng trong đời sống; đó là chưa nói tới những bước ngoặt (turning points) trong cuộc đời khi mà một quyết định có thể thay đổi hẳn một lối sống hay có thể chuyển nghiệp và làm thay đổi kiếp sống này và ảnh hưởng các kiếp sau... Sự chọn lựa hay quyết định thường phải có ở những ngã tư đường, khi mình đang ở vào một vị thế, một hoàn cảnh hay một tình huống mà mình phải chọn lựa, như là khi đi đến một ngã tư, phải quyết định đi thẳng, quẹo phải hoặc quẹo trái hoặc dừng lại. Thường thì sau khi hoàn thành một giai đoạn nào đó của cuộc sống, phải có sự chọn lựa cho một giai đoạn khác; đôi khi vì một biến cố, một hoàn cảnh thay đổi hay một sự giác ngộ, ta quyết định một sự thay đổi... Nhiều khi ta đang đi qua một ngã tư mà không hay biết, cứ cắm đầu đi thẳng, dường như không thấy hai lối rẽ phải hoặc rẽ trái, mãi lâu về sau mới nhận ra được ngã tư đã đi qua, sau khi bình tâm, phân tích hoặc khi trí tuệ mình được phát triển hơn...

Ngã tư đường thì chắc chắn là không ít trong đời sống của chúng ta. Những ngã tư đường thông thường ai cũng có, như khi lớn lên chọn một ngành để học, chọn một nghề để sinh sống, chọn một nơi để sống, chọn một bạn đời, v.v... Có những ngã tư đường khác đặc biệt hơn mà không hẳn ai cũng có, ví dụ như khi gặp được nhân duyên nào đó, phát triển được trí tuệ hơn trước hoặc đạt được một giác ngộ, có người đã thay đổi hẳn đời sống của mình, không tiếp tục đi thẳng mà quyết định rẽ trái hoặc rẽ phải theo trí tuệ hướng dẫn vào thời điểm đó. Ví dụ một việc gì đó mới xảy ra trong đời sống của một người, chứng kiến một biến cố hoặc nhận chân một sự đổi thay, đã làm người đó mở mắt ra, làm người đó tỉnh ngộ, thấy đời quả không như mình tưởng; chẳng hạn nhận thấy đời quả là vô thường, chẳng có gì tồn tại lâu dài hoặc thấy nhiều sự việc xảy ra mình chẳng kiểm soát hay điều khiển được

gì hoặc thấy sự vật, hiện tượng nào tuy cũng có những đặc tính riêng nhưng không đứng riêng lẻ được mà phải tùy thuộc vào những điều kiện, những yếu tố mình không thấu hiểu được... Suy tư thêm một chút, người đó nhận thấy bấy lâu nay, qua nhiều năm tháng, mình đã bỏ hầu hết thời giờ chạy theo công việc, chạy theo vật chất, tiền bạc, ái dục hoặc địa vị, danh vọng, nghĩ rằng phải dành hết thì giờ như vậy để xây dựng cho một tương lai nào đó cho mình hoặc gia đình mình; nay thì thấy sự suy nghĩ này đã bắt đầu lung lay, cái tương lai dự tưởng đó không hẳn tùy thuộc vào mình mà còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác... Có người trong chúng ta nhiều năm đeo đuổi một lý tưởng, một mục đích nào đó, nay sự biến đổi của thời cuộc làm cho người đó vỡ lẽ, nhận chân được sự không tưởng, sự vô nghĩa của những gì mình đã theo đuổi... Từ đó, người này không còn chỉ biết chạy theo công việc hoặc lý tưởng mà bắt đầu để tâm tìm hiểu hơn về đời sống, về con người, đọc sách về triết lý, tìm hiểu tôn giáo. Có người bỏ nhiều thì giờ khảo cứu về một hệ thống triết lý, nghiên cứu một hệ thống tâm lý học nào đó; có người để tâm tìm thầy, tìm bạn để học đạo, tìm giải đáp cho nhiều thắc mắc về cuộc đời... Đặc biệt trong đời sống, thắc mắc về sự đau khổ và hạnh phúc có thể là vấn đề hàng đầu, hạnh phúc thì thường không trọn vẹn và chẳng tồn tại lâu dài, đau khổ thì dường như không thể tránh khỏi, đầy rẫy, không kể xiết... Nhìn chung quanh và khắp nơi, đau khổ tràn đầy. Phần lớn là do người gây cho người. Tìm hiểu về tù đày ở nước mình chỉ trong khoảng 50 mươi năm trở lại, không thể hiểu nổi tại sao con người lại có thể tạo cho nhau những đau khổ khốn cùng như vậy (đọc *Chuyện Kể Năm 2000* của Bùi Ngọc Tấn; *Bè Bạn Xa Gần* của Phan Lạc Phúc; *Hỏa Lò* của Nguyễn Chí Thiện; *Tử Tù Tự Xử Lý* của Trần Thu...). Còn thấy đâu là lương tri, là tình cảm; sân hận phải ngập trời mới che mờ tất cả trí tuệ, chỉ còn lại si mê. Si mê chúng ta thấy hằng ngày trên thế giới, si mê đến độ không còn kể tính mạng của mình, ôm bom để giết chính mình và một số người cho là thù địch, không kể đàn bà trẻ con, không kể một người hay hằng ngàn người (9/11/01 tại Mỹ); rồi hằng ngàn tấn bom lại cũng do sự sân hận đổ xuống một đất nước nghèo khổ vừa mới trải qua một cuộc chiến tranh tổn hại. Đã

có được bao nhiêu người thấu nhận được 'thông điệp cho toàn thế giới' của Tỳ Kheo Bodhi (BPS Newsletter, No 34, 1996) về sự tự tìm hiểu và chuyển hóa chính mình? Xưa nay đã có một ý thức hệ nào, một triết lý, một tôn giáo nào ngoài Phật Pháp đem lại sự giải quyết rốt ráo về vấn đề đau khổ của nhân loại?

Nhận chân nhiều đau khổ trong cuộc đời, cố tìm nguyên nhân để giải quyết, có thể nói là một trong những ngã tư đường khởi đầu nhưng rất là quan trọng. Các ngã tư đường cũng như các nhân duyên đưa đẩy trong cuộc sống, có lẽ chẳng có nhân duyên nào là nhân duyên nhỏ hay vô có; nhân duyên như các khoen nối liền dây xích, có khoen thì nhỏ hơn các khoen khác, nhưng không có khoen này thì không thể nối liền và không đến được các khoen khác được... Một nhân duyên nhỏ đôi khi mình tưởng là không đáng để ý, nhưng mà hãy coi chừng, đôi khi nó có thể mang lại cho mình một kinh nghiệm, một sự phản tỉnh hay giác ngộ quý hoá. Một ví dụ: Gần đây, bà xã mình tình cờ nói một đôi chuyện tuy thông thường mà làm mình suy nghĩ. Hằng tuần bà và con gái út tình nguyện đi đưa cơm cho các người già hoặc bệnh (trong chương trình meals on wheels - đưa cơm cho người già hoặc bệnh) và lâu ngày rất quen biết, gần gũi một số người này; bà thường hay mua vài món quà nhỏ tặng họ, nhất là mấy người già không con cái hoặc con cháu ở xa ít thăm viếng. Hỏi tại sao thích cho quà như vậy thì được trả lời 'thấy họ thường buồn bã, làm họ vui lên một chút thì cũng đỡ khổ...'. Một hôm, bà đã đi mua mấy món quà mang theo trong xe và đi đưa thức ăn, nhưng khi trở về thì coi bộ không vui; hỏi ra thì một người quen đã vào bệnh viện và một người khác không còn nữa; bà nói: 'mới còn đó tuần trước mà nay đi rồi, quả là vô thường'... Bà thường hay gọi điện thoại nói chuyện với mấy người cô đơn này, hay đúng hơn là để nghe họ kể lể tâm sự; nói rằng 'biết lắng nghe cũng làm nhẹ bớt đau khổ'. Đây chính là ý nghĩa của chữ 'từ bi'. (Mình đã học chữ này bao nhiêu năm mà nghĩ lại đã có mấy lần áp dụng? Hằng ngày trong lúc thiền tập, mình đều có quán tâm tử, nhưng trong đời sống đã làm được những gì cụ thể về phương diện này? Xét lại bản thân, mình đã ít chú trọng về hạnh Bố Thí, ít hành hạnh Nhẫn Nhục, như vậy là mình đã thiếu sót

trong việc hành Lục Độ). Từ khi dời về sống ở một tiểu bang không có chùa chiền ở gần, mình nghĩ bà phải nhớ nhiều về ngôi chùa đẹp đẽ gần nhà ở Minnesota, nơi bà thường đến lễ Phật và cúng Phật; mình hỏi bà có nhớ đi chùa cúng Phật không thì được trả lời: 'nhớ đi chùa lạy Phật thì có, còn ở đây bố thí, cúng dường chúng sanh, thì khác chi cúng Phật' (Làm dịu bớt nỗi khổ con người, cúng dường chúng sanh không khác gì cúng Phật, thật là chí lý). Một câu nói thông thường, một sự việc xảy ra hằng ngày cũng có thể giúp ta phản tỉnh, cảm nhận thành một kinh nghiệm, một giác ngộ nhỏ, như một khoen nhỏ của chuỗi dài nhân duyên trong tiến trình giác ngộ...

Mình nhớ hồi mới lớn còn ở bậc trung học, đã nhiều lần đi lên đồi cao, hòa mình với cảnh thiên nhiên, nhìn xuống thành phố Huế xinh đẹp với dòng sông Hương quen thuộc, không khỏi ngông cuồng mơ mộng lấp biển và trời... (Tuổi trẻ thì thường mơ mộng ngông cuồng, muốn trị quốc, bình thiên hạ, nhưng khổ nỗi là không nghĩ đến là phải **tu thân** trước khi muốn tề gia, trị quốc hay bình thiên hạ!)... Rồi hết bậc trung học, phải chọn ngành vào đại học, không biết phải chọn ngành gì, thử đi vào Toán Lý Hoá, rồi Toán Đại Cương rồi Cao Đẳng Sư Phạm, cuối cùng lại ra trường ngành Điện (một ngành ít khi nghĩ tới mấy năm trước đó, nhưng ngành gì, nghề gì sau này mới hiểu cũng chỉ là để sinh sống mà thôi, miễn là không phạm tới Chánh Mạng và Chánh Nghiệp...), nhưng trong thâm tâm bao nhiêu năm vẫn thích học Triết và thích học ở trường Sorbone bên Pháp (!). Biết rằng cơ hội xuất ngoại sẽ rất khó đến, tuy nhiên vẫn hy vọng 'ngày nào đó cơ hội sẽ đến' và tự nhủ 'tại sao lại không bắt đầu đọc Albert Camus, Jean Paul Sartre, Simone De Beauvoir...?'. Nghĩ lại, thấy cũng không có gì lạ, cái triết lý hiện sinh, 'Kẻ Xa Lạ' của Albert Camus đã đem lại sự mới lạ cho nhiều người chịu ảnh hưởng của văn hoá Đông Phương (chịu ảnh hưởng của Khổng, Lão và Phật giáo). Sự mơ mộng học triết ở Sorbone có lẽ bắt nguồn từ những năm học chương trình Pháp ngữ ở trường Thiên Hựu, Huế mà có lẽ cũng do sách báo của nhóm Sáng Tạo, Bách Khoa ở Sài Gòn, nhưng hồi đó mình chưa có một hiểu biết gì về Phật Pháp; điều này cũng chứng tỏ ảnh hưởng của văn hóa Pháp, của 80 năm đô hộ của thực dân

Pháp, cái cộng nghiệp của dân trong nhiều nước thời thực dân đế quốc. Có lẽ đây chỉ là những nhân duyên gần, còn có thể có những nhân duyên khác mà mình không biết được. Cái mơ mộng học triết, đến sự ưa thích đọc sách văn hoá, tìm hiểu tôn giáo... rồi đi tìm tòi một triết lý sống, một lối sống đã chứng tỏ có nhiều câu hỏi chưa được giải đáp. Có lần mình đã dự một khóa huấn luyện của Werner Erhart, huấn luyện thể chất và tâm lý mà sau này mình mới biết chẳng ích lợi gì. Tuy trong cuộc đời thiếu gì người trải qua các giai đoạn 'đi tìm tòi' như vậy (mệnh danh là kẻ tìm kiếm, seeker, mà không biết mình đi tìm cái gì) nhưng nghĩ lại cũng không khỏi thấy buồn cười cho cái tuổi trẻ vô tư, năng động, muốn làm một cái gì mà chẳng biết mình muốn gì... Như trên có nói, những ngã tư đường hay những chọn lựa nào đó trong cuộc đời ta có khi chỉ lãng phí thì giờ, có khi là nhân duyên tốt cho về sau, thường thì lúc chọn lựa đó mình không thể biết sẽ ra thế nào, chỉ chọn lựa tùy theo sự hiểu biết của trí tuệ có giới hạn lúc đó mà thôi; về sau khi mọi sự việc liên hệ đã xảy ra, mình mới có sự cảm nhận đúng đắn hơn (hind-sight). Có những nhân duyên đưa đẩy, đến rồi đi, tiếp nối nhau, chúng ta không rõ những nhân duyên này có liên hệ gì với nhau hay không và những chọn lựa hay quyết định của ta có thực sự quan trọng như ta nghĩ chăng? Có nhiều sự việc nhiều năm trước ta cho rất là quan trọng, nay nghĩ lại thì thấy chẳng quan trọng gì. Có những câu hỏi về con người, về vạn vật, về cuộc sống, chẳng hạn về sự đau khổ của con người mà ta thường không trả lời được. Nhận chân được sự giới hạn của trí tuệ của mình là một giác ngộ rất cần thiết, giúp ta thấy được rằng mình cần phải tìm cách phát triển trí tuệ.

Sự phát triển trí tuệ là tối quan trọng cho tất cả mọi người... Mọi quyết định hay chọn lựa tùy thuộc vào trí tuệ của ta mà trí tuệ của ta có giới hạn và cần được phát triển để cho ta bớt vô minh, để có sự chọn lựa sáng suốt hơn cũng như để nhận chân mọi việc một cách đúng đắn... Đòi người ngẩn ngui, nếu trí tuệ không được phát triển kịp thời thì các chọn lựa của ta (hoặc sự không chọn lựa gì cả) sẽ chẳng đưa ta tới đâu và lãng phí một đời. Nghĩ như vậy ta có thể cho sự phát triển trí tuệ đương nhiên là cần thiết, tuy nhiên ta vẫn chưa thấy rõ mục đích sâu xa của

sự phát triển trí tuệ và ta phải phát triển trí tuệ như thế nào?

Để giải đáp câu hỏi trên về mục đích thực sự của sự phát triển trí tuệ, ta cần phải phân biệt như sau: sự phát triển trí tuệ khởi đầu hay sự phát triển trí tuệ thông thường chỉ có mục đích là phát triển kiến thức giúp ta hiểu biết hơn, sáng suốt hơn, suy tư đúng đắn hơn để hành xử đúng đắn hơn trong đời sống hằng ngày, chứ chưa phải là sự phát triển trí tuệ rốt ráo để đạt được 'Nhất Thiết Liễu Trí', là trí tuệ biết được tất cả những gì cần biết, là mục đích tối hậu của sự tu tập, là trí tuệ hiểu rõ mọi pháp thế gian và siêu thế gian, là Trí Tuệ đã giải quyết được các nguyên nhân tạo ra đau khổ, là Trí Tuệ Giác Ngộ, Trí Tuệ Giải Thoát. Phần hai của câu hỏi là phát triển trí tuệ như thế nào: là học hỏi Phật Pháp và tu hành theo con đường thanh lọc tâm. Đó là **Pháp Học (pariyatti)** và **Pháp Hành (patipatti)**. Phật Pháp chỉ rõ con đường Giới, Định, Huệ để chúng ta thực tập theo, để đạt được một trí tuệ không còn vô minh, một tâm không còn ô nhiễm. Vô minh là Si Mê, là bị mê mờ không thấy rõ, là một trong ba Tam Độc (Tham, Sân, Si). Si cũng chính là nhân của Tham và Sân, diệt được Si rốt ráo là đạt được một tâm trong sạch, không còn ô nhiễm, là có được một trí tuệ 'qua tới bờ bên kia', một Trí Tuệ Giác Ngộ. Vì thế đạo Phật còn gọi là đạo Trí Tuệ, đi theo con đường Giới và Định để đến Huệ và cứu cánh là Diệt Khổ.

Phát triển trí tuệ là giải quyết vấn đề Vô Minh. Vô minh là một khoen lớn trong 12 khoen trong dây xích Thập Nhị Nhân Duyên, khoen này đưa đẩy khoen kia, nhân duyên này tiếp nối nhân duyên kia, làm chúng ta lẩn quẩn trôi lẩn trong đau khổ, kiếp này qua kiếp khác trong luân hồi sinh tử. Một trong 12 khoen trong Lý Duyên Khởi phải được chặt đứt thì dây xích trôi buộc ta mới bung ra và giải thoát ta. Trong các pháp thoại về sự thực tập thiền quán, các thiền sư đã dạy chúng ta một trong các khoen có thể chặt đứt được bằng Thiền Minh Sát là khoen Thọ trong Thập Nhị Nhân Duyên; Thiền Minh Sát đặt căn bản từ kinh Tứ Niệm Xứ, nói về bốn lãnh vực quán niệm: Thân, Thọ, Tâm, Pháp. Thiền Minh Sát, tùy theo truyền thống, có thể chuyên quán Thân, có thể chuyên quán Thọ hoặc quán Tâm và quán Pháp, v.v... Chúng ta có thể tìm hiểu sơ khởi bằng cách đọc các sách 'Four

Foundations of Mindfulness' của Ngài U Silananda, *Con Đường Chuyển Hóa* của Ngài Thích Nhất Hạnh, các sách và pháp thoại khác về Tứ Niệm Xứ của các Ngài Achaan Naeb, Mahasi, Goenka... Tuy nhiên đi sâu hơn thì phải theo học 'Khóa Đặc Biệt về Tứ Niệm Xứ' của Ngài S.N.Goenka sau



khi thiền tập ba khóa dài hạn 10 ngày và giữ ngũ giới thật trong sạch... (Kinh Tứ Niệm Xứ rất là quan trọng và là một đề tài sâu rộng mà chúng ta có thể tìm hiểu và thảo luận với nhau trong một dịp khác). Nói một cách tổng quát, ba chỉ về Định trong Bát Chánh Đạo là căn bản của mọi phép Thiền Quán; phương pháp thiền tập có khác nhau về hình thức tùy theo tông phái (Bắc Tông, Nam Tông hay Mật Tông) nhưng căn bản không ngoài Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định. Ngay trong các phép thiền Nam Tông đều áp dụng Kinh Tứ Niệm Xứ mà phương pháp thực tập cũng có phần khác nhau; có truyền thống thì chuyên niệm cảm thọ (Ngài U Ba Khin, Goenka...), nhưng một truyền thống khác thì niệm phồng xẹp của bụng (Ngài Mahasi Sayadaw, U Silananda, U Pandita, U Kundala...). Nói chung, các Ngài dạy rằng tập định bằng phép quán niệm hơi thở hoặc một trong 40 đề mục của Thiền Chỉ trong giai đoạn đầu là cần thiết để tâm được ngừng nghỉ, tĩnh lặng. Tuy nhiên các Thiền Sư thường nhắc nhở thiền sinh đừng để tâm đi xa quá khỏi Sơ Định vào Cận Hành Định và Cận Định, đến các tầng thiền của Thiền Chỉ. Từ Sơ Định thiền sinh phải luôn tỉnh thức giữ chánh niệm và biết chuyển qua Thiền Quán, quán sát những gì xảy ra

ở sáu cửa giác quan, quán Thân, Thọ, Tâm, Pháp. Mục đích của Thiền Chỉ là để đạt được sự vắng lặng của Tâm, đạt được trạng thái Tâm An Lạc và Nhập Định; qua được Cận Hành Định và Cận Định thì có thể khắc phục tạm thời năm trở ngại (ngũ triền cái: tham dục, sân hận, hôn trầm, phóng dật, hoài nghi) nhưng sẽ không 'thấy', không nhận biết được Sinh-Diệt (một tuệ tối quan trọng). Sự nhận biết này là do trí tuệ Minh Sát mà không do sự Định Tâm. Mục đích của Thiền Quán hay Thiền Minh Sát là phát triển trí tuệ, để đạt được các tầng Tuệ và Giải Thoát, là phát triển trí tuệ đến một Trí Tuệ Giác Ngộ. Trong Thiền Quán, thiền sinh phải trải qua năm chỉ thiền, đó là Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc và Nhất Tâm. Nhờ sự tĩnh lặng, tâm dễ quán thấu được những gì xảy ra, tâm sẽ xuyên suốt vào đối tượng, thấy được sự liên hệ hỗ tương của Thân và Tâm, thấy được Danh Sắc, rồi Nhân Quả, Sinh Diệt, Tam Tướng, Xả. Nói rằng tâm xuyên suốt vào đối tượng không chỉ là nói một cách trừu tượng mà thôi. Trong phương pháp quán cảm thọ theo truyền thống của Ngài U Ba Khin, cái kỹ thuật 'quét tâm' (sweeping) đưa tâm đi quan sát mọi cảm thọ suốt khắp thân thể, từ đầu tới chân, giúp ta nhận chân được rằng thân thể mà ta tưởng gồm các phần rắn chắc không hẳn là như vậy. Ở một giai đoạn nào đó, cái thân thể rắn chắc bị tan ra, quan sát kỹ thì thấy cái kiến trúc vật chất của thân thể chỉ là một khối những nguyên tử nhỏ li ti, khởi lên và biến đi, rồi khởi lên và biến đi; toàn thân thể chỉ là một khối những rung chuyển (mass of vibrations)... Minh Sát có nghĩa là quan sát rõ, thấy rõ, dịch từ chữ Pali 'Vipassana' gồm chữ 'Vi' có nghĩa 'nhiều cách' và chữ 'passana' có nghĩa là 'thấy', có nghĩa là 'thấy nhiều cách', thấy rõ các 'tướng', các bản chất của sự vật, thấy Vô Thường, Khổ, Vô Ngã.

Hồi cuối thập niên 1960 và nửa thập niên 1970, mình thiền tập theo phái 'Nhất Thừa' đặt căn bản từ kinh Pháp Hoa; cuối thập niên 1980, mình có dự vài khóa thiền tập tại Tu Viện Kim Sơn (San Jose)- Ngài Nhất Hạnh dạy tĩnh thức, an trú trong hiện tại bằng phép quán niệm hơi thở theo kinh An Ban Thủ Ý. Trong những năm đầu thập niên 1990 (có thể nói là turning point của mình), mình học thiền với các Ngài Kim Triệu, U Pandita ở Tu Viện Taungpulu (Watsonville, CA), Như Lai Thiền Viện (San Jose, CA), rồi

sau đó với các Ngài U Silananda, U Kundala ở Toronto và Montreal, Thích Ca Thiên Viện (Riverside, CA) và các Ngài Kim Triệu, H. Gunaratana ở Chùa Phật Ân (Roseville, Minnesota). Những năm gần đây mình thiền tập theo phương pháp quán cảm thọ của Ngài U Ba Khin, do các Thầy Phụ Tá của Ngài Goenka dạy (Prairie Du Chien, WI). Nói những chuyện này để thấy trong con đường tu học, mình vẫn phải tùy thuộc vào các nhân duyên đưa đẩy, dần dần mới tìm được phương pháp có thể nói là thích hợp với mình, nhưng rồi có tiến xa được hay không lại là một chuyện khác, còn phải tùy thuộc nhiều yếu tố, liệu sẽ có được nhiều nhân duyên ít nghịch duyên để được tiến triển hay không?

Giữ giới và thiền tập là thiết yếu, nhưng trạch pháp cũng rất là cần thiết để có sự hiểu biết căn bản, để khỏi lãng phí thì giờ vì đi lạc đường do sự hiểu biết nông cạn hay sai lầm. Chúng ta cần có một kiến thức căn bản về Phật Pháp, thí dụ học hỏi qua về Ngũ Uẩn, học hỏi về Căn, Trần, Thức để biết thêm giác quan thứ sáu là Ý Thức, nói nôm na là Cái Biết, là Tâm. Học để biết khái niệm, nhưng thế nào cũng có nhiều thắc mắc. Ví dụ chúng ta ai cũng biết rõ ràng năm căn Nhân, Nhĩ, Tỉ, Thiệt, Thân, còn căn của Ý Thức là gì và ở đâu? Căn của Ý Thức phải chăng là Óc Não hay Quả Tim? Giải đáp cho thắc mắc này đâu phải dễ. Đi vào sự học hỏi Phật Pháp thì mình thấy Phật Pháp thật là cao siêu, thâm sâu. Chúng ta có đọc và học hỏi mấy thì cũng còn nhiều thắc mắc. Ví dụ để tìm hiểu về Vô Ngã, về Niết Bàn, ta có thể tìm đọc Kinh Vô Ngã Tướng (Mahasi Sayadaw, Phạm Kim Khánh dịch), What The Buddha Taught (Walpola Rahula), Vô Ngã Là Niết Bàn (Thích Thiện Siêu), Tuyệt Quán Luận của Ngài Bồ Đề Đạt Ma, Kinh Pháp Bảo Đàn (Thích Thanh Từ)... thì ta cũng chỉ mới có một khái niệm về Vô Ngã, Niết Bàn. Ngài Lục Tổ ngộ đạo từ Kinh Kim Cang, dùng Kinh này như lưới gươm để chặt đứt mọi phiền não, còn chúng ta, cho dù có nghiên cứu hết Kinh Tạng, Luật Tạng và Luận Tạng mà không tu tập thì vẫn còn trong vòng lẩn quẩn với nhiều thắc mắc tương tự như trên. Chúng ta phải nhìn nhận rằng trí tuệ hiện có của mình vẫn chưa được phát triển đến nơi đến chốn và sự phát triển trí tuệ bằng trạch pháp thì cần thiết mà chưa đủ, cần phải phát triển hơn bằng sự tu tập.

Thắc mắc về Phật Pháp cũng như về sự tu tập thì có nhiều. Sau đây là một thắc mắc mà mình nghĩ người khác cũng có thể có: Tuy mình vẫn trạch pháp và thiền tập để phát triển trí tuệ mà cảm thấy không tiến bộ mấy, tuy rằng cũng nhận thấy mình bớt được ít nhiều dính mắc với cuộc đời. Điều này làm mình phải nghĩ đến lý do tại sao lại cảm thấy chậm tiến bộ như vậy; sau đây mình thử suy nghĩ để tìm một vài lý do:

1) Phải chăng là do mình nóng lòng và mong ước nhiều quá?

2) Phải chăng là do mình chưa đủ tinh tấn chuyên cần trong sự tu tập? hoặc còn nhiều ái dục và giới luật chưa được trong sạch lắm?

3) Phải chăng là do căn cơ, nghiệp báo kiếp này và nhiều kiếp trước?

Lý do thứ ba thì có lẽ khó bàn và khó kiểm chứng được. Hai lý do đầu thì chúng ta có thể có ý kiến, đúng hay sai hoặc khách quan hay không là một chuyện khác, nhưng cũng có thể thảo luận, góp ý kiến với nhau:

- Sự cảm thấy chậm tiến bộ có lẽ là do sự mong ước, trông chờ (expectation); sự mong ước có thể là một trở ngại cho ta trong tiến trình tu học. Có lần trước khi dự một khoá thiền dài hạn, mình chuẩn bị tinh thần với nhiều mong ước, hy vọng sẽ tu tập có kết quả... nhưng trong buổi pháp thoại đầu tiên được dạy ngay là đi vào thiền quán thì không nên mong ước gì cả, chỉ cần có sự tin tưởng vào Tam Bảo, cố gắng chuyên cần hành thiền, giữ Chánh Niệm bén nhạy, Định căn sẽ tiến triển vững chắc và làm phát triển Tuệ căn. Sự mong ước này có lẽ do mình thiếu kiên nhẫn, thiếu nhẫn nhục, một trong 6 căn của Lục Độ mà mình xét thấy cần phải thực hành nhiều hơn.

- Mình chưa có thể để hết thì giờ toàn phần vào việc tu học, chưa xuất gia, chưa phải là một hành giả toàn phần (devoted yogi), còn phải dính mắc nhiều với cuộc đời thì đương nhiên kết quả của tu tập phải chậm thôi. Nói vậy không có nghĩa là đã giải đáp được vấn đề, tại sao có những người khác, cũng là cư sĩ như chúng ta, lại tiến bộ nhanh và dễ dàng hơn ta? Phải chăng họ đã tinh tấn nhiều hơn ta? Phải chăng mình còn nhiều ái dục và vô minh hơn họ? Điều này có phần hữu lý và giải đáp được phần nào lý do về cường độ của sự tu tập; một thiền sư có dạy rằng sự tinh tấn phải đều

đ đặn liên tục (diligent, steadfast), mãnh liệt (ardent) và phải là sự cố gắng kiên cường anh dũng (heroic effort). Phải quyết tâm thẳng được chính mình, sự tu tập đòi hỏi một sự quyết chí (determination) nhất là trong sự thiền tập. Tuy nhiên, sự tu tập không chỉ là thiền tập mà cần phải hành đủ Lục Độ. Ví dụ ta không giữ giới luật được trong sạch thì khó mà có Định căn phát triển; ta cũng cần phải hành hạnh bố thí, tập nhẫn nhục, phát triển tâm từ, thỉnh thoảng ôn lại 37 phẩm trợ đạo mà kiểm điểm sự tu tập của mình...

- Phải chăng những người tiến bộ nhanh có nghiệp quả khá hơn mình hoặc có căn cơ tốt với nhiều ba-la-mật? Người đã tu tập nhiều từ nhiều kiếp trước, nay tiếp tục trở lại, tiến bộ nhanh hơn thì cũng hợp lý. Căn cơ hay nghiệp báo với trí tuệ của ta bây giờ thì chưa biết rõ được, nhưng có trong Phật pháp thì ta phải tin thôi, chờ chừng nào đạt được Nhất Thiết Liễu Trí mới kiểm chứng được.

Trở lại với sự phát triển trí tuệ khởi đầu để được sáng suốt hơn trong mọi quyết định hay chọn lựa trong cuộc sống thì sự học hỏi Phật pháp (trạch pháp, Dhamma investigation) là một bước đầu quan trọng. Chưa nói tới thiền tập để thanh lọc tâm (Thanh Tịnh Đạo), chúng ta cần có một sự hiểu biết đúng đắn và căn bản về con người (nhân sinh quan) và về vũ trụ (vũ trụ quan). Sự hiểu biết về thân, tâm do đọc sách hoặc nghe giảng là điều cần thiết. Ví dụ cuốn Buddha's Words giảng giải về Sắc Danh (thân tâm), các sách giảng dạy về sự tu tập của các Ngài Nhất Hạnh, Achan Chah, U Pandita, Achan Naeb, U Silananda... đã trả lời cho mình nhiều câu hỏi mà qua nhiều năm khoa học, các triết lý và tâm lý học hiện đại đã không giải đáp được cho mình. Tuy nhiên sự hiểu biết do học hỏi bằng sách vở hoặc do thầy dạy chỉ mới là văn huệ, các kiến thức cần thiết mà chưa toàn vẹn, một thứ kiến thức vay mượn của người khác. Chúng ta lại cần phải suy tư do chính mình để có sự thấu đáo về bất cứ một vấn đề nào: đó là tư huệ. Cần có tư huệ để tránh sự dễ dàng chấp nhận hoặc tin tưởng mù quáng, dù kiến thức đến từ bất cứ một nguồn gốc nào. Nhưng không thể dừng ở tư huệ vì đây mới chỉ là là thuần lý; nếu ta không có kinh nghiệm bản thân về một sự việc, một hiện tượng thì lấy gì mà kiểm chứng? Hơn nữa sự suy tư này cũng chỉ trong vòng đối đãi, những sự việc ở

đời này chỉ là tục đế, không có một giá trị tuyệt đối như chân đế... Vì vậy phải có tu tập để có một sự hiểu biết rõ ràng bằng kinh nghiệm của chính mình: đó là tu huệ. Giác ngộ bằng thiện tập là trí tuệ thấu đạt bằng trực giác. Ví dụ ta học Thân (Sắc) và Tâm (Thọ, Tưởng, Hành, Thức) qua sách vở hoặc nghe các bậc thầy giảng dạy và cho dù ta có nghiên cứu kỹ Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), để hiểu sự phân tích của Tứ Đại, các loại Tâm Sở, Tâm Vương, ta vẫn chưa 'thấy' được Thân và Tâm. Vi Diệu Pháp gồm 7 bộ, cần nhiều thì giờ để nghiên cứu, có thể đọc các sách 'A manual of Abhidhamma' của Ngài Narada, 'A comprehensive of Abhidhamma' của Ngài Bodhi; muốn nghe giảng giải về Vi Diệu Pháp thì tìm 52 cuốn băng giảng của Ngài Sayadaw U Silananda ở Như Lai thiền Viện... Tuy nhiên cũng không hẳn là cần phải học hết Tam Tạng, trì giới và thiền tập mới là thiết yếu. Phải hành thiền cho đến khi bắt đầu có kết quả, đạt được tuệ đầu tiên, tuệ Danh Sắc, thì ta mới thực sự thấy rõ Thân và Tâm. Cũng tương tự, ai cũng có thể nói về Nhân-Quả, Sinh-Diệt, bản chất của sự vật, sự dứt bỏ dính mắc... nhưng thiền tập có kết quả rồi mới có các tuệ Nhân-Quả, tuệ Sinh Diệt, tuệ Thấu Đạt Tam Tướng, tuệ Xả. Học hỏi về các tầng tuệ nên tự nhắc nhở là đừng có sự mong cầu vì như đã nói ở trên sự mong cầu chỉ là trở ngại trong việc tu tập. Các ngài Thiền Sư dạy rằng sự đạt được Đạo và Quả sẽ đến khi tu tập có kết quả. Ngài U Pandita Sayadaw có dạy: 'Không phải nhìn trời mà đắc đạo, cũng không phải nghiên cứu kinh điển mà thành đạo. Cũng không phải suy tư hay mong ước mà giác ngộ sẽ bùng vỡ trong tâm ta'. Có những điều kiện cần thiết để đưa đến giác ngộ: có bảy yếu tố giác ngộ (Thất giác chi). Đó là Niệm, Trạch Pháp, Tinh Tấn, Hỷ, Thư Thái, Định và Xả. Bảy yếu tố này có thể tìm thấy khi hành Thiền Minh Sát, rõ nhất khi ta bắt đầu thấy sự sinh diệt của các hiện tượng. Yếu tố Chánh Niệm thật là quan trọng, phải thực hành Chánh Niệm thật kiên trì và không gián đoạn. Thực tập Chánh Niệm thật là lợi ích: Chánh Niệm giúp ta theo dõi sự việc đang xảy ra, nhớ mình đang phải làm gì và nhìn thấy sự vật đúng như bản chất của sự vật. Chưa nói tới chuyện đạt được đạo quả, Chánh Niệm đã là chìa khóa mở cho ta nghệ thuật sống trong hiện tại, an trú trong hiện tại, không đánh mất mình

THƠ : Nguyễn Thị Hoa



Xuân xa quê

*Còn gió lạnh đưa nỗi buồn vạn kiếp
 Dặm đường xuân gieo nỗi nhỏ khôn nguôi
 Nụ chồi non khẽ lay mùa chuyển tiếp
 Cánh đào vung, vung dầm lệ sầu rơi.*

*Nghe đâu đó tiếng xuân buồn da diết
 Đau thắt lòng một kiếp thuở xa quê
 Mưa nặng rơi, mưa không hề nuối tiếc
 Kẻ phông xa mù mịt chặng đường về.*

*Đây mùa xuân âm thầm trong rét muốt
 Dáng hao gầy xiêu vẹo với thời gian
 Dấu con tim vẫn còn thôi thúc bước
 Những xót xa xuân chớm độ phai tàn.*

*Trời loang lổ như cuộc tình chán ế
 Man mác buồn mùa chẳng muốn về đâu
 Kiếp tha hưởng lòng người sao cũng thế
 Khép tâm tử nghe nặng chín tầng sầu.*

*Mùa, mùa mãi nước dâng thành thác lũ
 Cuốn phăng đi ước vọng thuở đêm xuân
 Như lòng ta luôn hướng về quê cũ
 Để hôm nay thơ giá buốt từng vản.*

trong quá khứ và tương lai vì không giữ tâm trong 'bây giờ' và 'ở đây'; chánh niệm quả thực có thể chuyển nghiệp trong quá khứ và thay đổi được tương lai. Chánh Niệm là yếu tố bắt buộc phải có để có sự tiến bộ ở mọi giai đoạn tu tập. Hành giả phải phát triển Chánh Niệm (Sati, Awareness) và Xả (Upekkha, Equanimity) trên con đường dẫn đến Giải Thoát.

Nói tóm lại, mọi sự phát triển trí tuệ để mở mang kiến thức tổng quát đều ích lợi; tuy nhiên, sự phát triển trí tuệ bằng trạch pháp còn cần thiết hơn vì sự học hỏi Phật Pháp giúp ta phân biệt được những sự thật có tính cách đối

đãi trong cuộc đời (tục đế) và giúp ta hiểu hơn về bản chất thực sự của sự vật, tìm thấy con đường để tu tập, để đi đến một sự phát triển trí tuệ rõ ràng. Với con đường các bậc Giác Ngộ đã vạch rõ, chúng ta chỉ cần phải cố gắng, chuyên cần tu tập, hy vọng rằng với thuận duyên, con đường này sẽ đưa ta đến một tâm không còn ô nhiễm, một trí tuệ được phát triển rõ ràng. Đó là Nhất Thiết Liễu Trí, đó là trí tuệ biết được tất cả những gì cần biết, đó là sự Giác Ngộ Giải Thoát.

(6/2002)



Giới Thiệu Sách Báo Mới

SAYONARA (Tạm biệt)

Tuyển tập truyện ngắn của Lưu An: gồm 6 truyện với chủ đề tình yêu đã chọn lọc từ những truyện ngắn của tác giả được đăng rải rác trên những tạp chí ở hải ngoại, như Diễm Đàn Phụ Nữ, Làng Văn, Hồn Quê... từ nhiều năm nay. Đúng hơn, đây là tập truyện ký về những cuộc tình của tác giả trong tuổi thanh niên hồi còn ở Việt Nam và ở Nhật, dĩ nhiên- theo tác giả cho biết có vài hư cấu và thay đổi tên tuổi và địa danh để khỏi làm phiền lòng những người trong cuộc.

"...Tình yêu là một bản trường ca phức tạp, rất nhiều đoản khúc. Có khi nó trở lên bằng những âm vang của tiếng sáo, tiếng đàn êm ả, ngọt ngào quyến rũ mô tả vẻ đẹp của một ngày mùa xuân nắng ấm trong một vườn đầy cỏ hoa và chim bướm. Nhưng cũng có khi nó bị cất khúc vì những tiếng trống khó nghe, dồn dập để diễn đạt sự buồn bã, ảm đạm với những áng mây đêm che phủ cả bầu trời toàn là những buồn đau của đổ vỡ..."

Xin mời bạn đọc Sayonara để theo dõi những mối tình không trọn vẹn nhưng thật đẹp, thật cao quý của Lưu An với những người đẹp xứ Hoa Anh Đào như Natsuki trong truyện "Sayonara" hay với Sakoto trong "Màu Trắng Là Màu Của Người Yêu" hay với Loan trong "Một Chosen Lựa"...

Lưu An là bút hiệu của Vũ Ngọc Ruẩn, sinh năm 1946 tại Xuân Trường Nam Định, tốt nghiệp Đại Học Nông Nghiệp ngành Thú Y và Chăn Nuôi (1971), Master về Thực Phẩm (Food Sciences), Đại Học Kagoshima, Japan (1977), Giảng viên Đại Học Nông Nghiệp Cần Thơ (1971-1975), nhân viên phòng thí nghiệm Tanigawa, Kagoshima, Japan (1977-1979), Giảng tập viên và khảo cứu Đại Học Bách Khoa Zuerich và Central Labor của Công ty Migros / Thụy sĩ (1979-1994).

Sayonara dày 202 trang, in tại Japan, năm 2002. Địa chỉ liên lạc:
Vũ Ngọc Ruẩn
Witikonstr.205
8053 Zuerich, Suisse
Tel & Fax: 0041.1.382 56 69
E-mail: eikoruianvu@yahoo.de

TRUYỆN PHAN TRẦN

Chữ Nôm và Chữ Giải do Nguyễn Anh Hoàng (sưu tầm-lược khảo) và Nguyễn

Bá Triệu (Diễn Âm-Chú Giải-Hiệu Đình-Khảo Dị):

Cốt truyện kể lại một câu chuyện tình lãng mạn, nhưng rất thủy chung; si mê nhưng rất đứng đắn và rất có hậu. Nội dung tóm lược như sau:

Phan Trần là hai người bạn thân cùng làm quan một triều và giao ước sau này nếu một bên sinh trai, một bên sinh gái thì sẽ kết thành thông gia. Họ Phan sinh con trai đặt tên là Tất Chính, họ Trần sinh gái là Kiều Liên. Đúng như đã giao ước, họ Phan trao một cây quạt ngà và họ Trần trao một chiếc trâm làm kỷ vật làm tin. Các ông về hưu khi các con chưa tới tuổi thành niên và mỗi người trở về quê quán của mình, xa xôi ít liên lạc với nhau. Rồi ông Trần thất lộc, quê ông lại bị giặc cướp phá, nhà cửa tan nát. Mẹ con bà Trần bị giặc đuổi, ban đêm mẹ con bị lạc nhau. Kiều Liên được người họ Trương cứu đem đến tá túc ở một ngôi chùa và xin đi tu, được Sư Bà cho pháp danh là Diệu Thường.

Riêng Phan Tất Chính tuy học giỏi nhưng lại thi không đậu, nên không muốn trở về nhà, phải đến ngôi chùa của người cô ruột tá túc để học lại chờ khóa sau. Thấy Ni cô Diệu Thường xinh đẹp, Tất Chính si mê, nhiều lần tỏ tình nhưng đều bị Ni cô từ chối, nên Tất Chính sinh ốm tương tư. Thấy cháu mình đau ốm, Sư Bà lo chăm sóc thuốc men hoài mà không hết bệnh, nên Sư Bà thu xếp cho Diệu Thường đến thăm. Vâng lời sư phụ và nể tình Tất Chính là cháu của Sư Bà, nên Kiều Liên đến thăm. Chàng liền hết bệnh, sau đó đêm khuya đến gần cửa phòng của Ni cô năn nỉ xin được cảm ơn. Diệu Thường từ chối, nhưng Tất Chính hăm dọa tự tử nên Ni cô sợ phải cho gặp. Được gặp, hai bên hỏi thăm tên tuổi, quê quán mới hay hai người đã đính hôn từ trước và trình bày tình vật để nhận nhau. Sau đó, Tất Chính thi đậu Thám Hoa và nhờ Sư Bà tác thành cho hai người nên vợ chồng. Trong ngày vu quy và vinh quy bái tổ, Kiều Liên được gặp lại mẹ...

Trong số cổ thi, văn vần trường thiên của Việt Nam có truyện Kiều của Nguyễn Du (dài 3258 câu lục bát), Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu (2098 câu), Chuyện Phan Trần, không rõ tác giả (940 câu)... Chẳng hiểu căn cứ vào điểm nào mà phong dao có câu:

Đàn ông chó kể Phan Trần

Đàn bà chó kể Thúy Vân, Thúy Kiều

Truyện Kiều là một áng văn chương tuyệt vời, nhưng có người lại phủ nhận giá trị luân lý và tính cách xây dựng của cuốn "phong tình cổ lục" này. Riêng chuyện Phan Trần thì những nhà Nho cực đoan lại chê thái độ của Phan Tất Chính là bất tín, bất nghĩa, yêu si mê một người con gái chưa rõ lý lịch (trong khi vẫn mang tin vật hứa hôn trong người) đến độ thành tương tư bệnh hoạn, rồi hăm dọa tự tử...

Tuy nhiên điểm chính cần trình bày là giá trị của tác phẩm "Truyện Phan Trần – Chữ Nôm và Chữ Giải" của Nguyễn Anh Hoàng và Nguyễn Bá Triệu được các tác giả bỏ nhiều thời gian và công phu để sưu tầm, lược khảo cũng như về giá trị hiệu đính và khảo dị để cho bản tiếng nôm diễn âm được hoàn chỉnh, đồng thời diễn âm và chú giải để cho bản tiếng Việt được trau chuốt và dễ hiểu hơn, chưa kể về cách trình bày bản tiếng Việt ở trang bên phải và bản Nôm trang bên trái đồng thời có đánh số thứ tự từng câu rất thuận tiện cho những người có ý muốn nghiên cứu và học hỏi chữ Nôm. Sách dày 416 trang, in tại Hoa Kỳ. Độc giả muốn có sách (chỉ gửi cước phí) liên lạc với:

Nguyễn Bá Triệu
22 Elderwood Trail – Stittsville
Ontario – Canada K2S 1C9
Tel: (613) 836 – 1613

VIETNAM HISTORY 1945-2000

Của Nguyễn Đình Tuyền: tác phẩm Anh ngữ trình bày bối cảnh lịch sử, nhân định tình huống chính trị và những tình cảnh về lịch sử Việt Nam từ năm 1954 đến năm 2000, gồm những phần chính như sau:

- Một cái nhìn về lịch sử Việt Nam từ 1945-1975
- Cuộc chiến tranh Việt Pháp từ 1945-1954
- Cuộc chiến tranh Việt Mỹ từ 1954-1975 và
- Chế độ Cộng sản Việt Nam từ 1975-2000.

Tác giả nguyên là giáo sư Đại Học Southeastern, Vạn Hạnh, Đà Lạt. Hiện là giáo sư thỉnh giảng Tulane, Georgetown và Nevada. Tiến sĩ Văn chương Đại học Sorbonne và báo chí Đại học Wisconsin. Sách đã xuất bản:-Báo chí Nga số và báo chí Hoa Kỳ, -Truyện thông đại chúng, -Những nhà văn hôm nay, - Những khuynh hướng thi ca Việt nam, - Luật Thơ mới, -Đời sống văn học thế giới, -Hoa Kỳ và chế độ lương đảng, - Những người lính Cộng Hòa, -Áp chiến lược, -Những nhà thơ hôm nay, -Muốn thành triệu phú, -Từ điển chính trị Mỹ Việt, -Từ điển nhân quyền Mỹ Việt, -Từ điển dân chủ Mỹ Việt, -Từ điển quốc sách Mỹ Việt, -Những biến cố lớn trong

30 năm chiến tranh Việt Nam, -Từ điển thi ca Anh Mỹ Việt, -Nhà thơ và nhà văn hải ngoại (1975-2000) I và II.

Vietnam History 1954 – 2000 dày 442 trang, in năm 2001 tại Hoa Kỳ, giá 30 Mỹ Kim, liên lạc với:
Mr. Nguyễn Đình Tuyền
11767 Katy Freeway, Suite 165
Houston, TX 77079
Tel: (281) 584-9524

VỀ NGUỒN

Tuyển tập những bài viết về Bút Ký, Văn chương, Triết lý, Phê bình và Tham luận chính trị của Giáo sư Vũ Kỳ. Dù được viết dưới dạng thức nào hay về thể tài nào, tác giả cũng lồng vào bài viết những ý niệm tâm linh để hướng vọng về nguồn. Về Nguồn hay hướng về cội nguồn. Nhưng cội nguồn là gì? Theo tác giả: "... Cội nguồn là cái địa bàn thổ nhưỡng cùng cái thuở ban sơ ta lọt lòng sinh ra, cư ngụ, lớn lên, sinh sống với thiên nhiên quen thuộc, với bao kẻ thân thương đã cùng nuôi dưỡng, ấp ủ, đùm bọc ta. Đấy là gia đình, thôn xóm, đất nước, dân tộc mà ta đã từng chia sẻ ngọt bùi, sướng khổ, đau thương. Rộng hơn nữa, đấy là lịch sử của giống nòi, nhưng nếu chỉ có thế thôi thì cội nguồn chỉ mang chỗ tình cảm và một khi, ta không phải lâm cảnh tha hương tẩu quốc vì lẽ này hay lẽ nọ, thì ta không còn nghĩ gì đến cội nguồn nữa sao?

Vậy cái cội nguồn theo nghĩa triết học, đạo học và trong thi ca không giản dị như vậy, mà mang một ý nghĩa nào đó cao hơn. Cái cội nguồn (origine) nguyên thủy chính là Đạo thể, cái tính thể nguyên sơ, cái tâm linh vô hình huyền diệu mà tôn giáo và triết học gọi qua nhiều danh xưng: Thể Chơn Như (Phật Giáo), cái Tính hay Mệnh Trời hay Thái Cực (Nho Giáo), cái Vô (Lão Giáo), cái Hữu Thể căn nguyên nền tảng (l'Être) theo Parmenide. Cái Thần Thể hay Ý Niệm tuyệt đối (Esprit-Pensée absolut) theo Hegel, Ngôi Lời (Le Verbe) theo Tin Lành St.Jean, cái Hiện thể (Être) theo J.P.Sartre, cái Hiện thể liên quan thời gian (l'Être et le Temps) theo M. Heidegger, hoặc thông thường là Thượng Đế hay Trời được mệnh danh Javê, Allah, Phạm Thế, Phạm Thiên hay đấng Tối linh.

Cái cội nguồn uyên nguyên gần gũi nhất, trực tiếp nhất, minh bạch nhất chính là cha mẹ ông bà, tổ tiên của chúng ta trên dòng thời gian vô tận và suối nguồn huyết thống gia tộc ta trọng kính cảm nhận trong hữu thức của mình khi có dịp

thì biểu hiện và phát hiện một cách trung thành và trung tính...".

Ngoài ra, trở về cội nguồn của lớp người vong lữ còn được hiểu "... trở về tức là hướng đến. Trở về với nguồn cội hay quy hồi cố quận không có nghĩa là đi giết lùì với quá khứ, để chỉ hoài niệm, tiếc nuối, mà chính là để sửa soạn cho tương lai, nay từ hiện tại, nghĩa là ngay từng giây phút hiện hữu trong cuộc đời, vì cội nguồn luân chuyển về tương lai để hồi phục lại mình" (Nguyễn Thùy- Lê Đạo và Dòng Sứ Mệnh Việt Nam).

Vũ Kỳ, nhà văn, nhà báo, nhà nghiên cứu biên khảo: viết văn, phê bình văn học, hoạt động văn hóa trên hầu hết các báo chí Âu Mỹ; cộng tác với nhật báo Pháp ngữ Le Soir ở Bruxelles; Giáo sư Giảng khảo Viện Tú Tài Quốc tế tại Genève và Londres; Hội viên thực thụ SABAM (Bruxelle); Hội viên Hội Nghiên cứu Đông Nam Á (Viện Đại học Yale / Hoa Kỳ)..., đã xuất bản nhiều tác phẩm có giá trị, đáng kể nhất là cuốn Nghệ Thuật Viết Văn và Đọc Văn, Bộ Luật Cường Văn Hóa Việt Nam.

"Về Nguồn" dày 394 trang do Trung Tâm Văn Hóa và Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức xuất bản năm 2002, giá 12 Euro.

Liên lạc:

* Chùa Viên Giác - Hannover
hoặc

* Pháp Duyên Tịnh xá
766S, 2nt St, Jose, CA 95112 – USA
Tel (408) 295-2436 (408) 292-3804

* Cô Vũ Tường Vân
Tel & Fax (408) 286-2569

* Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Ave. Léopold F.Lambin 2, Bte 1
1169 Bruxelles- Belgium
Tel: 32-2-675 63 96

PHAN BỘI CHÂU THI TUYỂN

do Huyền Thanh Lữ chú dịch:

Phan Bội Châu (1867-1940) sinh trưởng trong một gia đình lễ giáo. Thân phụ là một nhà nho chân chính rất trọng chữ thanh cần, thân mẫu là một nữ sĩ được tiếng là người đức hạnh. Từ thuở bé Phan Bội Châu được hấp thụ một nền giáo dục rất chặt chẽ nhờ vào sự đảm đang, nuôi nấng, dưỡng dục của mẫu thân, nhưng phần lớn cũng nhờ vào sự nghiêm khắc dạy dỗ của phụ thân.

Cụ Phan Bội Châu rất mực thông minh. Năm lên sáu tuổi được cho đi học, chỉ trong ba ngày đã học hết cuốn Tam Tự Kinh. Lên bảy tuổi học đến sách Luận ngữ. Dù thông minh và hay chữ, nhưng cụ Phan thi Hương bao nhiêu lần không đỗ. Cho mãi đến năm 1900 cụ mới thi đỗ thủ khoa.

Tiếng tăm hay chữ và mảnh bằng Giải Nguyên đã giúp cho cụ Phan Bội Châu

có uy tín trong việc lãnh đạo phong trào Cần Vương. Sau khi Phan Đình Phùng mất, phong trào Cần Vương xuống dần cơ hồ tan rã. Nhận thấy con đường củ nghiệp chỉ làm cho dân tộc đi đến chỗ yếu hèn, cụ Phan Bội Châu ra Bắc vào Nam kêu gọi "canh tân", chủ trương phong trào Đông Du, nương vào viện trợ của Nhật để kháng Pháp. Khi còn ở Trung Hoa cụ Phan lập ra Việt Nam Quang Phục Hội, chủ trương theo chính thể dân chủ. Cuối cùng cụ bị bắt ở Quảng Đông và chuyển giao cho Pháp. Pháp lên án tử hình, nhưng cụ Phan được nhiều tổ chức hội đoàn vận động và áp lực để xin ân xá. Cuối cùng cụ Phan được thả nhưng lại bị giam lỏng tại Huế.

Với tấm lòng thiết tha yêu nước, cụ Phan Bội Châu nhận làm Cố vấn cho Việt Nam Quốc Dân Đảng, quyết hiến mình cho Tổ Quốc, cho cuộc cách mạng dân tộc.

Người ta biết nhiều về cụ Phan Bội Châu qua những hoạt động cách mạng, nhưng ít người biết được sự nghiệp văn thơ của cụ, bằng chữ Hán, chữ Nôm để khuyến khích lòng yêu nước của quốc dân đồng thời làm phương tiện tuyên truyền trong công cuộc chống Pháp giành độc lập, tự do cho Tổ Quốc.

Đồng tâm nguyện, cùng hoài bão đấu tranh cho tự do dân chủ cho đất nước hiện đang điêu linh dưới chế độ độc tài của Cộng Sản Việt Nam, noi gương các vị tiền bối, nhà thơ Huyền Thanh Lữ, một Việt Quốc, thực hiện thi tuyển "Phan Bội Châu" để nêu cao tinh thần bất khuất của tiền nhân:

*Thế sự du du tự chuyển hoàn,
Anh hùng vô lệ khắp thời gian.*

*Ngọa long ký xuất thiên do Hán,
Khiếu hổ không tri chí vị Hàn.*

*Quát mục ngũ châu tân thế giới,
Thương tâm Bách Việt cựu giang san.*

*Khuyến quân cầu tiến văn minh địa,
Bĩ thái thiên cơ khứ phục hoàn.*

(Thế Sự – Phan Bội Châu)

*Thế sự con cù tự chuyển xoay,
Anh hùng khôn lệ khắp thời nay.*

*Rồng nằm giúp Hán trời đưa đẩy,
Hổ thét vì Hàn chí chẳng lay.*

*Mắt thấy năm châu đang mới cả,
Lòng thương Bách Việt nước non này.*

*Khuyến dân muốn tiến, văn minh đến,
Bĩ thái cơ trời ắt đổi thay.*

(Huyền Thanh Lữ)

Sách dày 220 trang, do Thư Xá Nhượng Tống xuất bản năm 2002, in tại Hoa Kỳ.
Địa chỉ liên lạc:

Thư Xá Nhượng Tống
Pfarrer Wiggen 44 c
58708 Menden – Germany

Song ma sa lưới

Vào lúc 3 giờ sáng, Cảnh sát Liên bang đã bao vây và thộp cổ 2 tên sát nhân người da đen trong lúc chúng đang ngủ vì mệt trong xe, ở một trạm dừng chân ven xa lộ. Mề lưới này đã kết thúc 3 tuần lễ liên tục vừa qua do 2 tên này đã gieo rắc bao hoang mang cao độ bằng cách bắn lên người vô tội ở các vùng xung quanh khu vực thủ đô nước Mỹ. Chỉ bằng một khẩu súng bán tự động hiệu Bushmaster 223, trang bị một ống ngắm, một nòng giảm thanh, có tầm sát thương rộng lớn và chính xác trong khoảng 600 ft, tương đương với M-16 của quân đội.

Hai người này tên John Mohammed 41 tuổi và tên John Lee Malvo 17 tuổi, đã bắn chết 10 người và làm bị thương nặng 3 người vô tội tại các cây xăng, nhà hàng, bãi đậu xe ở siêu thị, trên các con đường vắng, trạm xe bus và ngay cả trước cửa trường học...

Hai tên này đã biến chiếc xe cũ kỹ gồm ghế da mà chúng mua ở động, một công sự lý tưởng để giết người vô tội một cách hữu hiệu. Bảng ghế sau xe có thể hạ xuống để trở thành một chỗ núp. Và thùng xe phía sau có khoét lỗ để súng bắn được từ trong ra mà không ai thấy. Ngoài ra, còn có một máy điện toán xách tay và máy định vị để nhận tín hiệu từ Satellite, GPS (Global Positioning System) rất tối tân.

Suốt 3 tuần của tháng mười trôi qua, nền kinh tế của Mỹ vốn đang hấp hối, thêm vụ bắn du kích này lại khiến tình hình càng nguy kịch hơn. Các nhà hàng vắng tênh không ai dám đi ăn bởi vì đã có người bị bắn chết tươi khi vừa mới hôn hờ tươi cười ăn uống no say bước ra khỏi cửa.

Các Shopping mall vắng bóng người, vì vài người bị bắn hạ trước mặt chồng con, trong lúc chất đồ mới mua vào xe.

Các cây xăng thưa thớt, người vào đổ xăng dầy vè căng thẳng và sợ hãi, dáo dạt nhìn quanh trước khi bước xuống xe. Ai nấy đều núp sau xe khi đổ xăng để đề phòng những viên đạn bay đến từ tên sát thủ vô hình.

Các trường học đóng cửa vài ngày sau khi có một bé trai bị bắn lòi ruột ở cổng trường trước mắt bà mẹ, và sau đó trường mở lại trong tình trạng của thời chiến tranh: các cửa sổ đóng im lìm, giờ chơi sân trường vắng lặng. Giờ đến trường, tan trường, cảnh sát đứng đầy đường với súng ống lấp lăm. Các trận đấu thể thao giữa các trường trung học đều phải diễn ra trong vòng bí mật, ở một địa điểm bí mật có cảnh sát canh giữ.

Tổng Thống Bush lại còn dự tính vào 31.10 này sẽ tổ chức lễ Halloween cho các em nhỏ vào chơi trong các căn cứ quân đội trên toàn quốc, để bảo đảm an toàn cho các em mà không đánh mất đi niềm vui truyền thống của mọi người.

Các công viên buổi sáng ở khu vực thủ đô không còn một bóng người sau khi xảy ra vụ một ông già bị bắn chết khi đi dạo.

Các chuyến xe bus lẻ loi buồn bã không hành khách vẫn âm thầm làm phận sự của mình. Không ai dám đi xe công cộng sau khi một người tài xế xe bus bị bắn chết khi đứng ngay ngưỡng cửa.

Không ai dám nhón nhọ phi phèo thuốc lá, cắt cỏ dọn vườn trước cửa nhà mình, sau khi có một ông đang cắt cỏ bị bắn chết tươi không kịp ngáp...

Các nạn nhân đều bị bắn chết một cách cực kỳ chính xác bằng một viên đạn mà thôi. Họ là đàn ông, đàn bà, già trẻ lớn bé trắng đen đủ loại.

Cả nước hồi hộp nín thở vì không biết ai trong số họ và người thân sẽ trở thành nạn nhân kế tiếp. Hai tên này ngông nghênh để lại hiện trường một lá thư tự xưng mình là Thượng Đế, và một lá thư thách thức và chề bai sự bất lực yếu kém của cảnh sát. Chúng nhiều lần gọi phone cho cảnh sát địa phương và FBI để ra yêu sách 10 triệu Mỹ kim đưa vào một trương mục tín dụng do Bank of America phát hành cho một thẻ tín dụng đã bị mất cắp. Nếu cảnh sát không đáp ứng thì 5 người nữa sẽ chết và "trẻ em sẽ không còn an toàn ở mọi lúc, mọi nơi".

Tòa Bạch Ốc và Ngũ Giác Đài đang bận rộn bù đầu đối phó với đồng chí Saddam, lại phải điên đầu về vụ này. Bộ Trưởng Quốc Phòng đã ký lệnh ngay lập tức cho sử dụng vệ tinh quân đội và máy bay tuần thám, liên tục ngày đêm theo dõi chụp ảnh khu vực thủ đô. Cuối cùng thì Cảnh sát Liên bang FBI đã nhảy vào cuộc và ngay lập tức gạt hái các manh mối quan trọng mà cảnh sát địa phương không làm được trong mấy tuần qua.

Dựa vào một cú điện thoại ngắn ngủi mà 2 tên này gọi đi từ điện thoại công cộng, cảnh sát đã lần ra manh mối. Chúng đe dọa và khoe khoang thành tích của mình trong một vụ cướp tiệm rượu giết 2 nhân viên ở Alabama hồi 21.9 vừa rồi, mà thủ phạm vẫn chưa bị phát hiện danh tánh. Đây là một sai lầm lớn nhất của 2 tên này.

Văn phòng FBI liên bang tại Alabama được lệnh vào cuộc, tái khám hiện trường và thu nhận các bằng chứng đã có từ cảnh sát địa phương. Và họ tức tốc bay đi thủ đô với hàng đống bằng chứng thu gom tại hiện trường. Tại tổng hành dinh của FBI ở Virginia, các chuyên gia hàng đầu về phân tích dấu vết, sử dụng Forensic Technology đã nhận dạng một dấu tay lạ trong một tờ báo trước cửa tiệm rượu ấy. Và họ truy tìm trong National Database chứa đựng hồ sơ của cả nước và của khách du lịch hiện đang có mặt trong nước thì phát hiện ra dấu tay ấy là của tên Malvo 17 tuổi. Hồ sơ tên này tình cờ có được là do trong một lần xảy ra xung động gia đình của tên Mohammed hồi

năm ngoái tại Tacoma bang Washington bên miền Tây cách xa nghìn dặm, cảnh sát đến và lập biên bản lấy dấu tay của tên Malvo cũng đang có mặt vào lúc ấy. Sự phát hiện này đã lập tức được chuyển giao cho nhóm FBI ở Tacoma, Washington.

Cuộc tìm kiếm tên sát nhân vô hình ở miền Đông Bắc Hoa Kỳ đã chuyển hướng sang bờ Tây, miền Tây hoang dã. Họ ập đến địa chỉ này và khám xét nơi mà tên Malvo đã từng cư ngụ, và họ của cả một thân cây sau nhà mang đi về khám nghiệm, thân cây này mang đầy vết đạn loại Bushmaster 223, có vẻ như đã trải qua các trận thực tập bắn! Sau khi nghiên cứu hồ sơ của tên Malvo, họ tìm ra một mối liên hệ mật thiết của hắn với tên Mohammed. Và 2 tên này hiện đang du ngoạn nơi đâu thì không ai được rõ. Điều này càng gia tăng nghi vấn trong cuộc điều tra.

Vì tên Malvo này là di dân Jamaican bất hợp pháp nên không có giấy tờ, họ chuyển sang nghiên cứu truy tầm tung tích tên Mohammed. Trong lúc cuộc điều tra đang diễn ra gay gắt, thăm lặn bao gồm một lực lượng cảnh sát chuyên môn vài ngàn người, thì bên ngoài, hung thủ vẫn ngạo nghễ thủ thách, chề bai và tiếp tục gây án và rút lui vào bóng tối bí mật.

Việc truy tầm này chủ yếu dựa vào hồ sơ điện toán được lưu trữ bởi cảnh sát địa phương và liên bang, trên căn bản là họ tìm kiếm các hoạt động ngân hàng, dùng thẻ tín dụng hay là vi phạm giao thông rồi từ đó suy ra khu vực tên này đang ở.

Sau một ngày điều tra, thực hiện hàng triệu triệu các queries từ các database, họ tìm ra manh mối nhỏ nhoi: Vào ngày 3.10 tức là vào khoảng vài ngày sau khi tên Mohammed bắt đầu mở chiến dịch giết người, hắn có bị cảnh sát Maryland chặn lại vì phạm luật giao thông. Trong biên bản lưu trữ bằng điện tử này có ghi nhận là Mohammed, tên... tuổi... mang bằng lái Tacoma, Washington, và lái xe Chevrolet Caprice đời 1990 màu xanh Blue mang biển số New Jersey.

Đối với dư luận báo chí, cảnh sát tung tin là họ đang tìm kiếm một chiếc xe Van màu trắng hiệu Ford Astro, có người trông thấy rời khỏi hiện trường. Nhưng họ âm thầm tìm kiếm chiếc Chevrolet Caprice.

FBI lại bay sang New Jersey để điều tra chớp nhoáng để dò tìm tung tích của 2 tên.

Đêm 23.10, cảnh sát trưởng Montgomery, Maryland đã lên National TV tuyên bố bằng số xe Chevrolet và 2 tên tình nghi sát nhân, kêu gọi dân chúng giúp đỡ tìm kiếm. Tiền thưởng cho ai phát hiện là \$500.000.

Không đầy 3 tiếng đồng hồ sau, một tài xế lái xe Truck đường dài trong lúc thiu thiu ngủ ở một trạm dừng chân ven xa lộ 70, Maryland, ông nghe Radio trong xe lặp lại bản tin, ông vô tình nhìn ra cửa sổ thì bỗng chiếc xe của thần chết đang đậu kế bên. Ngay lập tức ông phone gọi 911 và cảnh sát địa phương đã nối đường dây qua cho FBI và đơn vị cảnh sát đặc biệt đang đặt bộ tham mưu tại thủ đô. Không lâu, cảnh sát

đóng xa lộ, chặn các đường thoát thân kể cả ra và vào. Trên trời thì trực thăng trang bị hỏa lực đã xuất hiện, dưới đất là vài trăm cảnh sát đang tút từ trần ngập nơi đó, không gây một tiếng động nhỏ.

Họ đã đập vỡ kiếng xe và lôi đầu 2 tên ra trong nỗi kinh hoàng của chúng. Nét mặt chúng đầy nét mồ hôi sau một thời gian khá dài rình rập rất căng thẳng để giết người. Trong đó không lâu, cảnh sát đã chuyển \$100.000 vào trương mục do chúng chỉ định, với hy vọng giăng bẫy nhử mồi. Nhưng chắc chúng chưa kịp sử dụng đến hoặc chưa biết đến.

Việc khám nghiệm các vết trầy xước ở các đầu đạn tìm ra ở nạn nhân, đối chiếu với cây súng thu được (ballistic testing) đã cho phép cảnh sát đi đến kết luận là cây súng đó chính là vũ khí giết người. Và các vụ bắn sè này được thực hiện bởi cả 2 tên vì mỗi tên có một lối bắn khác nhau. Đây là bằng chứng mạnh nhất đủ để khép 2 tên vào tội tử hình.

Hiện nay, Maryland, Virginia, Washington và Alabama đều tranh giành nhau quyền xử án để định đoạt số phận 2 tên này. Cả những nơi này đều có luật tử hình. Riêng Maryland, tuy có luật này nhưng là một tiểu bang hiền hòa nhất, từ năm 1945 đến nay chưa xử tử một ai. Rất có nhiều hy vọng là Maryland sẽ được quyền xử vì hầu hết các vụ án xảy ra tại đây và hung thủ bị bắt cũng tại đây.

Người tài xế xe Truck ấy đang lái 5 chuyến hàng cuối cùng trong sự nghiệp tài xế của ông. Ông sẽ về hưu và dự định cùng vợ con an hưởng tuổi già. Và \$500.000 tiền thường đó chắc chắn sẽ giúp ông đạt được giấc mơ nhỏ nhoi của một cuộc đời đầy sống gió. Ông tuyên bố sẽ trích ra phần nửa để tặng gia đình các nạn nhân.

Cuộc sống của nước Mỹ hôm nay đã trở lại nhịp độ bình thường

CA, 31.10.2002

● **Huỳnh Minh Lữ**



Những cột mốc thu hẹp tổ quốc

Dân tộc Việt Nam là nước láng giềng nhỏ bé nằm cạnh anh chàng khổng lồ Trung Quốc, người bạn láng giềng từ hàng ngàn năm nay đã có ý định nuốt chửng và đồng hóa dân tộc Việt Nam ta. Vậy thế mà Đảng Cộng Sản Việt Nam do Hồ Chí Minh lãnh đạo đã dựa vào thế lực đó để tạo dựng cho mình một chỗ dựa vững chắc và sau đó dựa vào cái gọi là giải phóng dân tộc để đưa đến hai cuộc chiến tranh đẫm máu trên quê hương, làm cho trên hai triệu người phải bỏ mạng trên chiến trường và hàng triệu gia đình phải ly tán. Sau gần 30 năm đã trôi qua thì dân tộc Việt Nam đã được những gì qua hai cuộc chiến tranh đó, hay chỉ được đổi lại sự nghèo nàn và tụt hậu, đất đai, chủ quyền của cha ông đã gìn giữ từ hàng ngàn năm nay cho chúng ta giờ đã bị đem dâng cho ngoại bang.

Nhìn lại quá khứ, ngày 19.01.1974, Trung Cộng đưa Hải quân đến chiếm đảo Hoàng Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam Cộng Hòa. Trong khi đó Thủ Tướng Cộng Hòa Xã Hội miền Bắc, Phạm Văn Đồng, gửi công hàm nhìn nhận sự xâm lược của Trung Cộng. Và đến năm 1979 Trung Quốc đem quân đánh chiếm một loạt vị trí tại phía Bắc gần Lào Cai, Cao Bằng và Lạng Sơn.

Với tinh thần chiến đấu đến cùng để bảo vệ từng tấc đất của cha ông để lại, và với sức ép của dư luận quốc tế, chính quyền Cộng Sản Trung Quốc đã buộc phải rút quân khỏi những vùng biên giới mà chúng đã xâm chiếm, và trước khi rút quân khỏi những vùng đã chiếm đóng, quân đội CS Trung Quốc đã giải lại hàng nghìn trái mìn khiến cho hàng ngàn người dân vô tội bị chết và bị thương, nhưng những người láng giềng vẫn không từ bỏ ý định chiếm đất đai của Việt Nam.

Sau nhiều lần hội đàm giữa hai chính quyền Bắc Kinh và Hà Nội trong thập niên 90, và hiện nay hai bên đã tiến tới việc vẽ và hoạch định lại ranh giới giữa hai nước.

Về phía Hà Nội trong thời gian qua Đảng CS Việt Nam đã nhiều lần tương nhượng đất đai đã bị phía Trung Quốc lấn chiếm và hiện tại i Nam Quan đã bị nằm sâu vào phía đất của Trung Quốc tới vài cây số, đó là một mốc giới lịch sử của Việt Nam đánh dấu sự kiên cường chống ngoại bang của cha ông chúng ta, mà nay thì chính tay những người Cộng Sản tự tay đem dâng cho giặc.

Ngoài Hiệp ước biên giới mà Đảng CSVN đã ký kết ngày 30.12.1999 cho Trung Quốc đã làm thiệt hại 720 Km vuông, và Hiệp ước Vịnh Bắc Bộ đã ký ngày 25.12.2000 đã làm cho Việt Nam thiệt hại tới 11.000 Km vuông lãnh hải.

Một dấu hỏi lớn được đặt ra cho những người dân Việt Nam ở trong nước cũng như ở ngoài nước là: Chính quyền Cộng Sản Việt Nam đem đất đai bờ cõi của cha ông ta để lại đem dâng cho ngoại bang thì đảng sau đó Cộng Sản Việt Nam được những gì?

Vâng! Họ muốn đem đất đai của Tổ Tiên để đổi lại sự hậu thuẫn của chính quyền Cộng Sản Trung Quốc để một bộ phận các cán bộ đảng viên Cộng Sản có thể ung dung ngồi cai trị, hà hiếp dân chúng để sống xa hoa hưởng thụ.

Sự kiện diễn ra ngày 7.9.2002 vừa qua, CSVN đã làm rùm beng lễ cắm mốc biên giới mới tại cửa khẩu Tà Lùng tại Cao Bằng, có sự hiện diện của ông Lê Công Phụng làm trưởng ban giám sát và ông ta đã tươi cười khi trả lời phỏng vấn là "Đó là một thắng lợi lớn trên con đường bang giao giữa hai nước".

Dù cho có nguy biện bằng cách nào đi nữa, chính quyền CSVN sẽ không bao giờ che mắt được hơn 80 triệu đồng bào ở trong nước và nước ngoài về những việc làm bán nước của họ.

Chính quyền CSVN đã suy tàn và thối nát đến cực điểm, giờ đây họ đang trong cơn hấp hối, liệu họ sẽ còn đem bao nhiêu đất đai, tài nguyên của dân tộc ta cho ngoại bang. Giờ đây hơn lúc nào hết chúng ta hãy xiết chặt tay đoàn kết, tất cả con dân Việt Nam trong cũng như ngoài nước hãy cùng nhau cất lên tiếng nói đòi chính quyền CSVN hãy từ bỏ độc quyền lãnh đạo, trả ngay tự do và dân chủ thực sự cho toàn thể người dân Việt Nam, để chúng ta cùng xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, hùng cường.

Nguyễn Đình Hưng

OstPreußenstr. 28. 66822 Lebach

Nghèo nàn, lạc hậu, bất công do đâu ?

Là người Việt Nam ai cũng đau lòng trước tình trạng nghèo nàn lạc hậu của đất nước, trước sự bất công xã hội chông chắt, các tệ nạn xã hội như tham nhũng, sách nhiễu, tộm cướp, bạo lực, mãi dâm, ma túy lan tràn khắp nơi v.v...

Vậy đâu là nguyên nhân đã trong hàng chục năm qua và hiện đang tiếp tục gây ra thảm trạng cho đất nước ?

Hai mươi năm là thời gian đủ để cho các nước láng giềng có hoàn cảnh giống Việt Nam như Thái Lan, Mã Lai, Nam Triều Tiên, Đài Loan, Singapur... từ nghèo nàn lạc hậu vươn lên trở thành những "con rồng, con hổ" tham gia vào hàng ngũ các nước công nghiệp hóa. Trong khi đó thời gian cầm quyền của Đảng Cộng Sản Việt Nam từ 1945 đến nay đã gần 60 năm, còn thời gian từ khi Việt Nam không còn chiến tranh đến nay cũng trên 25 năm rồi. Vậy mà Việt Nam thì ngày càng sa xuống nhóm của những nước nghèo nhất thế giới. Không thể cứ tiếp tục đổ lỗi cho thiên tai địch họa mãi được, nên khi đề ra chính sách "đổi mới" đảng CS tự nhận đã phạm sai lầm trong khi đề ra một số chủ trương chính sách này nó gây nên cảm giác rằng đảng CS thực sự có thiện chí thay đổi. Đúng là có quá nhiều chủ

trương sai lầm do đảng đề ra. Nhưng đó đã phải là nguyên nhân thực sự, nguyên nhân cuối cùng chưa ? Cái gì đã khiến cho đất nước luôn bị tụt lùi ? Cái gì đã khiến cho đảng CS đi từ hết sai lầm này đến sai lầm khác, đã cho phép họ làm mưa làm gió bất chấp tất cả ?

Nguyên nhân sâu xa cuối cùng, cái bao trùm chi phối tất cả từ đó đẻ ra mọi bệnh hoạn của chế độ CS, gây ra thảm trạng cho đất nước trong hàng chục năm qua, hay nói cách khác, cái "nguyên nhân của mọi nguyên nhân" mà đảng CS giấu nhẹm đi đó là sự cai trị độc quyền của đảng CS. Chính sự độc quyền đã tạo cho đảng CS một thứ quyền lực tuyệt đối, không giới hạn, không hề chịu bất kỳ một sự kiểm soát nào của xã hội. Quyền thì bao giờ cũng gắn liền với lợi. Với quyền sinh sát trong tay, đảng CS đề ra chủ trương, chính sách đem lại quyền lợi cho đảng và đội ngũ ăn theo bất chấp lợi ích của người dân, của xã hội. Với thứ siêu quyền lực đó đảng đã và đang dung từ một hệ thống pháp luật nhằm bảo vệ quyền lực và lợi ích của đảng đồng thời hạn chế mọi quyền hạn của người dân, buộc người dân luôn lệ thuộc vào đảng, cho phép đảng tha hồ bóp nặn người dân. Cũng với thứ siêu quyền lực đó đảng trực tiếp bố trí cán bộ trong các cơ quan nhà nước, cơ quan tư pháp cho đến các cơ quan đại diện cho dân nên đảng chỉ sử dụng những người trung thành với đảng. Năng lực của các cán bộ này, nếu có, chỉ là thứ năng lực cơ hội, bẻ phái, tham nhũng. Cũng do thứ quyền lực quái gở đó cho phép đảng can thiệp, thao túng, lũng đoạn vào bất kỳ lĩnh vực nào từ chính trị, pháp luật, truyền thông đến kinh tế, văn hóa, nghệ thuật, khoa học, tôn giáo... cho đến đời sống của từng người dân. Độc quyền, độc tài chính là nguyên nhân cản trở sự tiến bộ xã hội, kìm hãm sự phát triển của đất nước.

Muốn chữa bệnh thì phải trị tận gốc. Đảng Cộng Sản tuyên bố đổi mới mọi thứ mà vẫn giữ nguyên cán bộ độc quyền thì đó chỉ là sự đổi mới giả tạo, nửa vời, có đổi mà không có mới.

Muốn đất nước thật sự đổi mới thì Đảng Cộng Sản phải từ bỏ sự cai trị độc quyền, chấp nhận để cho mọi người dân tham gia một cách bình đẳng vào các sinh hoạt chính trị của đất nước, bằng cách cho thực thi đa nguyên đa đảng - Sự khởi đầu của chế độ tự do dân chủ. Ngày nào mà đa nguyên đa đảng chưa được thực hiện thì cho tới ngày đó mọi chính thể được dựng lên vẫn chỉ là độc tài, phản dân chủ, đi ngược lại lợi ích của người dân và đất nước. Nhưng do bản chất tham lam, Đảng CS cũng như tất cả các thế lực độc tài khác không bao giờ tự nguyện rời bỏ địa vị thống trị độc tài của mình. Đảng CS chỉ buộc phải từ bỏ địa vị thống trị đó khi mà phong trào đấu tranh đòi tự do dân chủ của người dân dâng lên mạnh mẽ.

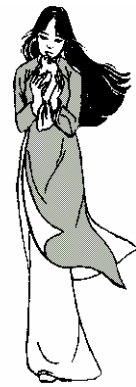
Halle, ngày 15.10.2002
Thiện Ý Nguyễn Chí Thành

Sầu riêng

đến với Ngọc Diệp
Huế-Núi Sam 1968 - 2002



Chiều mưa ướt lá sầu riêng
Thắm lên kỷ niệm
len qua tháng ngày
Lay lay sợi gió lay lay
Yêu thương rụng hạt hương bay
trái mùa
Nhỏ ỏi
nắng dài đong đưa
Trắng hoa trắng áo nắng đưa
người về
Quanh quanh hương tóc hương thề
Trình nguyên Bờ kết
đé mê dặm phần
Ngập ngừng chân bước theo chân
Hồn anh trôi xuống láng láng mịn
mò
Người nâng tóc rối đề thơ
Thả lên mây trắng bài thơ dịu
dàng
Chao ỏi
thở ý ngỏ ngang
Nửa như đón đợi
nửa chan ước nguyện
Tàng me thôi hết cô miên
Nằm nghe chim nhỏ trao duyên
rộn ràng...
Người vào
trận chiến rồi bồi
Xa nơi phố thị
xa người em yêu
Đường xưa hoang lạnh cô liêu
Trở mình dưới lá điều hiu úa mùa
Mùa xuân mưa hắt lao xao
Mưa như suối lệ nghẹn ngào canh
thâu
Chữ "Thường" tím mực u sầu
Pha thêm nổi nhỏ
đào sâu nổi chồ



Người đi
đi mãi
mặt mờ
Cho buồn sách vở
ở hồ bút nghiêng
Nghịet oan
oan nghịet
truân chuyên
Ai thêm ướt hận mọi miền Quê
hương
Đầu xuân
biển máu
tang thương
Có con chim nhỏ bên đường chết
oan
Mai vàng vỡ cánh bẽ bàng
Bay theo áo trắng
bàng hoàng tuổi xanh
Sương chiều kết hạt long lanh
Người về
gõ nhịp
tìm quanh
bóng người...
huy giang
đỉnh gió hú, tháng 9. 2002



CỦNG CỐ QUYỀN LỰC QUA VỤ NĂM CAM

- Lý Đại Nguyên -

Đại Hội IX của cộng đảng Việt Nam đã chọn Nông Đức Mạnh, một người không có vây cánh, không có thế lực trong đảng, đưa lên làm Tổng Bí Thư, thay thế cho tướng Lê Khả Phiêu của quân đội, đầy quyền lực, với tham vọng kiêm luôn chức Chủ tịch Nước, và mù quáng muốn vĩnh viễn tái lập hệ thống cộng sản, cam tâm dâng đất và biển của Tổ Quốc cho kẻ thù truyền kiếp của Dân Tộc là Trung Cộng, để bảo vệ chức quyền. Bởi thế chức vụ Tổng Bí Thư của Nông Đức Mạnh, theo sự mặc nhiên thỏa hiệp của các phe cánh có thực quyền, thì đây chỉ được xem như thứ "bù nhìn", hơn là vị thế thực quyền. Nên ngay từ đầu đã bị Bộ Trưởng Công An, Lê Minh Hương cánh của Đỗ Mười, mặc sức thao túng, thâm tóm quyền hành.

Ở đời "nếu nó có đại thì chú nó khôn". Để củng cố quyền lực của Nông Đức Mạnh thì việc cần làm là phải loại Lê Minh Hương ra khỏi ghế Bộ Trưởng Công An. Thực ra thì Công An của cộng sản Việt Nam vốn là ổ lạt quyền, đàn áp, tham nhũng, buôn lậu và cầm đầu các dịch vụ làm ăn phi pháp. Nhưng phải chọn một vụ có tầm cỡ quốc gia, mới tại nổi hệ quả mong muốn. "Vụ án băng đảng Năm Cam" được Công An từ trung ương tới thành phố bao che, tầm hoạt động trải rộng trên khắp nước, trong đó không loại trừ có bàn tay của mật vụ Trung Cộng. Đây đúng là vụ án để Nông Đức Mạnh giương danh lập thế Tổng Bí Thư và loại trừ đối thủ chính trị của mình.

"Không thể dùng quân gian đi bắt quân gian" được. Nên Nông Đức Mạnh đã bí mật sử dụng quyền Bí Thư Quân Ủy Trung Ương, trực tiếp ra lệnh cho viên tướng chỉ huy Không quân là Phạm Tuân, một người mà cả nước biết tên, thế giới biết mặt, vì đã được Liên Xô cho bay vào vũ trụ trước đây, âm thầm thực hiện chiến dịch vây bắt băng đảng Năm Cam và các viên chức liên hệ. Qua một cuộc tập trận giả tại vùng ven biển Saigon, để đúng lúc

hành động tóm trọn ổ, làm cho đối phương không kịp trở tay. Điều đặc biệt là báo chí nhà nước cho tới nay, cũng chưa tiết lộ người điều hành chiến dịch đó là Phạm Tuân. Mặc dù Lê Minh Hương đã mất chức Bộ Trưởng Công An, và nhiều viên chức Công An đã lên danh sách ra tòa cùng với Năm Cam.

Có lẽ đây cũng là một thủ thuật của Nông Đức Mạnh và các "đấng" quan thầy, không muốn để cho vai trò Tổng Bí Thư bị che khuất bởi hình bóng một viên tướng Không quân, Phạm Tuân, diệt tham nhũng. Khiến cho Nông Đức Mạnh trở thành một Tổng Bí Thư thực quyền, để bước vào chính trường quốc tế. Nhưng "con Cáo sẽ không thể là con Cọp", nên việc bước ra thế giới cũng chẳng được ai xem trọng. Đi Nhật thì bị vụ linh kiện xe gắn máy làm cho hồng бет. Đi Nga thì bị việc thăm lăng Lenin làm cho cả nước Nga buồn nôn, cả thế giới buồn cười. Đáng là anh "cán công" nhà quê, không biết gì về một nước Nga đang muốn quên đi cái quá khứ đen tối của bóng ma Lenin và con ác thú cộng sản.

Còn muốn lấy hơi hám của cái thầy ma Lenin, hồng củng cố lại tinh nghĩa đồng chí trong nội bộ cộng đảng Việt Nam, thì lại càng sai lầm thảm hại. Vì toàn đảng giờ đây không ai đại gì đi ngửi thứ hơi thầy ma xác ướp, dù là của Lê, Hồ hay Mao nữa, mà chỉ mê mùi giấy đô-la ma thôi. Nếu lấy thứ chủ nghĩa cộng sản để làm đối trọng với cuộc xâm lăng của văn học Hán tộc, đang nuôi tham vọng làm chủ Việt Nam, thì đúng là dùng "hòn đất để ném vào núi Thái Sơn". Ngay tại Trung Hoa hiện nay, chủ nghĩa cộng sản cũng đã bị nền văn học Hán tộc nuốt chửng rồi. Giới học giả Trung Hoa đang hăm hở lùng sục các kho Tú Khố Toàn Thư của Khang Hy nhà Thanh, để tìm ra những nguyên lý chủ đạo cho cuộc sống của người Trung Hoa, nhằm thay cho chủ thuyết cộng sản đã quái hóa. Rồi được dịch sang tiếng Việt,

phát hành rộng khắp nước ta, lẫn hải ngoại.

Thực ra thì mô lý luận không lồ xo cứng đờ, không phải là nguồn chủ đạo sinh động cho Việt Nam và thế giới thời đại. Nhưng nó có tác dụng gây một sự choáng ngợp cho những người nghiên cứu, và phần nào làm giảm khả năng sáng tạo của tuổi trẻ vì bề dày của nó. Hơn nữa do ảnh hưởng của phim truyện Hồng Kông, Đài Loan phổ biến quá rộng rãi tại Á Đông, nên cũng làm cho việc tìm hiểu cách nghĩ, cách làm của nhân vật trong phim, và lịch sử Trung Hoa, thấy gọi cảm hơn là đối với các dân tộc khác. Đây phải coi như một cuộc bành trướng văn hóa của Hán tộc, đi song hành với sự tràn lấn về kinh tế và tầm thực về lãnh thổ của Trung Cộng. Riêng tại Việt Nam còn bị nạn xuất khẩu phụ nữ sang làm vợ người Hoa, và nhận thanh niên Hoa tới ở rể tại Việt Nam, nằm trong kế hoạch "đồng hóa chủng tộc" của Trung Cộng nữa.

Nông Đức Mạnh củng cố quyền lực không phải là để phục vụ cho Dân Tộc Việt Nam, không phải là để diệt nạn tham nhũng cho dân chúng Việt Nam, không phải là đem lại Tự Do Dân Chủ cho Việt Nam, vì Mạnh vẫn cấm đoán tự do ngôn luận, phương tiện tối cần để chống lại với cuộc xâm lăng văn hóa của Trung Cộng. Vẫn cho Tham Nhũng đàn áp bỏ tù những nông dân chống lại sự bóc lột của bọn Tham Nhũng. Chuẩn bị đem Luật sư trẻ Lê Chí Quang ra tòa, cũng như đang giam cầm phi pháp những thanh niên trí thức, dám nói lên nguyện vọng Tự Do Dân Chủ cho Quốc Dân như, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Khắc Toàn, Vũ Ngọc Bình. Mà chỉ để làm quân bằng thế lực giữa Trung Cộng, Nga và Nhật. Rồi chuẩn bị cho Bộ Trưởng Quốc Phòng, Phạm Văn Trà, sang Mỹ, để bàn về chiến lược quân sự với Mỹ. Nhưng Giang Trạch Dân đã đi bước trước Việt Cộng mất rồi. Hiện nay họ Giang đang có mặt tại Mỹ để thảo luận với Tổng Thống Bush, nhằm nối lại liên hệ quân sự với Mỹ. Nên việc Nông Đức Mạnh từ bỏ tư thế Quốc Dân nội tại, để chỉ chạy theo thế lực Quốc Tế bên ngoài, sẽ dẫn tới cảnh nô lệ ngoại bang, gây thảm họa cho chính bản thân Nông Đức Mạnh và Dân Tộc là điều khó tránh.

(Little 22.1.002)

LÊ CHÍ QUANG

người tù trong ngục tối bạo quyền

Bản cáo trạng sau cùng trước khi sa vòng lao lý, Lê Chí Quang đã mượn lời Hàn Phi Tử:

*"Nước mất mà không biết là bất trí,
Biết mà không lo liệu là bất trung,*

Lo liệu mà không liều chết là bất dũng"

Hàn Phi Tử là người nước Hàn chủ trương trị nước bằng pháp luật, đi sứ sang Tần nhưng vì trước đó Tần Thủy Hoàng có đọc thấy sách của Hàn Phi và có ý muốn dùng chính sách trị nước của Hàn Phi nhưng một bạn học của Hàn Phi là Lý Tư đang trong hàng mưu sĩ của Tần Thủy Hoàng vì sợ tài năng Hàn Phi ảnh hưởng, lấn áp hết chính sách trị nước nên sau đó đã gièm pha tố cáo Hàn Phi là người thuộc hàng vương tộc của nước Hàn nên Tần Thủy Hoàng sanh nghi kỵ, bắt Hàn Phi giam ngục, sau đó Lý Tư đã dùng thuốc độc ép chết Hàn Phi nơi ngục tối rồi đổ lỗi cho Hàn Phi tự tử.

Lê Chí Quang đã mượn điển tích này để tỏ bày sự hiểu biết và lòng trung dũng của mình đối với nhân dân và đất nước khi anh viết bản cáo trạng *Hãy Cảnh Giác Với Bắc Triều* để vạch rõ ý đồ bá quyền đen tối của Bắc Kinh và sự ngu muội của đám lãnh đạo CSVN chịu cúi mặt cắt xén đất đai và biển của Tổ Quốc dâng cho bá quyền Trung Cộng để mong bảo tồn lấy địa vị, quyền hành và chế độ phân dân hiện tại. Sau bản cáo trạng này Lê Chí Quang đã bị bạo quyền CS khóa mõm tống vào nhà giam, triệt tiêu hẳn quyền tự do ngôn luận. Mía mai thay tội ác của bạo quyền CSVN trên nửa thế kỷ qua đã áp đặt một chủ nghĩa Mác-Lênin huyền hoặc không tưởng về thế giới CS lên trên đất nước Việt Nam, chúng đã gây bao tang tóc đau thương cho quốc dân Việt Nam, tội trạng này đúng ra mỗi một người dân nếu có ý thức công dân đều có quyền đặt câu hỏi, kể tội trạng để cáo buộc đảng CSVN phải trả lời trước lịch sử, trước công pháp quốc gia và quốc tế nhân quyền về những hành động tự phản bội lại những gì đảng CSVN đã tự ban hành, ký kết và thừa nhận với quốc dân và quốc tế; liệu đảng CSVN có được không sự chính thống, chính danh phận để tiếp tục cầm quyền hay chỉ coi Hiến Pháp và Luật Pháp quốc gia như một khí cụ để tuyên truyền, che đậy cho những việc làm phản dân

hại nước... Quay quanh bóp méo công pháp quốc gia, dùng bạo lực để trị dân, nay nghị quyết này, mai nghị quyết kia... Mà nghị quyết là cái thá gì, nó có phải là chiếu chỉ của vua ban không? Nó có vi phạm Hiến Pháp, Luật Pháp quốc gia và đi ngược lại thính nguyện Dân Chủ cùng trào lưu Nhân Bản, Văn Minh chung của thế giới không?.. Còn trăm ngàn câu hỏi khác mà quốc dân Việt Nam sẽ tự đặt cho nhà nước, chính quyền trả lời, không lý do gì mà nhà nước phải bắt bớ giam cầm những người vô tội khi quốc dân tự đặt câu hỏi cho nhà nước cũng là lúc quốc dân có ý thức trách nhiệm về vai trò công dân của mình, không lẽ nhà nước không muốn nuôi dưỡng để người dân được lớn dậy và trưởng thành sao? Không muốn xây dựng gốc rễ dân để làm nền tảng phát triển cho nước giàu dân mạnh!? Đảng CS có nhiều người đã từng công du đi đây đi đó chắc hẳn đã thấy các quốc gia tiên tiến Dân Chủ họ coi trọng người dân ra sao, nếu như cứ canh chừng để bắt bớ giam cầm những người có ý thức công dân như dưới chế độ CHXHCNVN thì chắc chắn không ai muốn làm, mà có làm cũng không được vì xã hội dân sự nơi này rất mạnh, quyền tư pháp có thể giải giới hoặc xô ngã mọi ý đồ chính trị đen tối vì việc bắt bớ giam cầm sẽ đi ngược lại những giá trị về Tự Do Dân Chủ và sẽ bị giam hãm sinh lực quốc dân trong bí lối khổn cùng lạc hậu. Đây không phải là chính sách ngu dân thì là gì?..

Mặt đường và cánh đồng buổi chiều còn ướt nước bởi những cơn mưa lất phất thường rỉ rả kéo dài trong mùa thu, mây che thấp in màu đen trông thật ảm đạm, đây đó có vài tiếng quạ đen kêu lạc lõng nghe buồn giá theo không khí thê lương hoang lạnh. Một vài con quạ đứng trơ trên cánh đồng làm người viết thấy xót xa khi chợt nghĩ về quê hương Việt Nam ở khuất nơi phương trời diệu vợi... Thật buồn giá và khôi hài khi được biết một bản cáo trạng quái gở đang gắn lên cho người tù Lê Chí Quang trong ngục tối bạo quyền, đảng CS đã dùng lý lẽ của kẻ mạnh để đàn áp một lương dân vô tội! Bản cáo trạng mà đúng ra phải để cho nhân dân xử án chế độ CSVN hiện tại, đảng này ngược lại chế độ CS còn hống hách ngoan cố bám lấy quyền lực độc tài công an trị, bắn sẽ giết chết

dần mòn những nhân tài, tinh hoa của đất nước. Thật tội này không bút mực nào tả hết khi chế độ CS áp dụng chính sách dim chết nhân tài, nuôi dưỡng lối chính trị một chiều trong việc củng cố quyền lực độc tôn đảng CS.. Thật buồn giá khôi hài cho những bản cáo trạng của CSVN đang áp đặt lên những người vô tội và riêng cá nhân Lê Chí Quang cho thấy rõ chính quyền CSVN đang đi ngược lại quyền lợi của nhân dân, tự vi phạm luật Hiến Pháp và những Công ước Quốc tế về quyền làm người. Hiến Pháp quốc gia còn đó, mặc dù bị lem luốc, xé rách, lòng thông nhiều cụm từ vong thân tha hóa theo lối chuyên chế độc tài CS như điều 4 Hiến Pháp CHXHCNVN, cho thấy Hiến Pháp, Nhân Dân, Đất Nước tất cả đều phải phục tùng lệ thuộc đảng CS, cho thấy một chính sách trị nước như vậy không thể nào phát huy được những tiềm năng của nhân dân trong việc làm chủ lấy vận mạng mình. Cứ tình trạng này kéo dài và quen dần mãi trong sự phục tùng lệ thuộc thì đời sống người dân không đi đến vong thân tha hóa, đói nghèo lạc hậu thì là gì?... Hiến Pháp CHXHCNVN còn sờ sờ trước mặt đó, nó như tấm gương phản chiếu bộ mặt trơ trẽn của những người lãnh đạo đảng CS, tuy nó không phải là tấm kính chiếu yêu để ma quái phải bỏ chạy, nhưng ít ra nó cũng hiện rõ những đường nét tàn ác kịch cớm của chế độ; cho dù Hiến Pháp đó cần phải thay đổi tận gốc rễ khi trong tương lai nhân dân đúc kết, công bố đưa ra một bản cáo trạng sau cùng để xử án chế độ CSVN, còn trong hiện tại Hiến Pháp này vẫn như là một tấm gương, mặc dù lem luốc bầy nhầy nhưng chúng ta còn nên cần cứ vào đó để đấu tranh cho Dân Chủ Nhân Quyền, thọc sâu những đòn trí mạng vào tận sào huyệt chúng, để cho bộ mặt CSVN tự lộ rõ tấm gương, để cho thấy hành động của chúng đang tự phản bội lại những gì chúng tự ban hành, ký kết, thừa nhận thực thi trước quốc dân và quốc tế.

Trong vài ngày tới Lê Chí Quang sẽ bị xét xử trước Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội, rồi đây những công dân lương thiện như Quang nếu còn sống sẽ lần lượt mai một trong ngục tối bạo quyền!... Chúng ta người trong cũng như ngoài nước bằng mọi cách, mọi phương tiện như truyền thông, báo chí, điện thư... phải làm chứng nhân sống cho những người lương thiện bị tòa án, chế độ CS tru dập, xét xử chỉ vì lên tiếng hành động cho quyền công dân chính đáng. Chúng ta phải kêu gọi

cả người dân thế giới cùng làm nhân chứng với chúng ta, bên cạnh có những Tổ chức Nhân quyền lên tiếng bênh vực những người bị chế độ CS trù dập kết án, có thể mới ngăn chặn phần nào thảm cảnh đau thương mà lương dân đang gánh chịu.

Lê Chí Quang muốn mượn cái chết như Hàn Phi để đền nợ nước, khi nước Hàn cực suy yếu, ông đã viết sách bày tỏ chính sách trị dân và cực lực công kích chính quyền: "Người được nuôi dưỡng thì không dùng được, kẻ dùng được thì lại không nuôi dưỡng". Tình trạng suy yếu của nước Hàn kéo dài cho đến khi Tần Thủy Hoàng có ý muốn xuất binh thôn tính nước Hàn thì vua Hàn mới nghĩ đến cách tìm người đi du thuyết Tần Thủy Hoàng bỏ ý định trên, những trọng thần mang ơn vua nước bấy lâu không ai có đủ tư cách và lòng can đảm để đảm trách công việc du thuyết, riêng chỉ có Hàn Phi trong thế cùng của vận nước đen tối bấy lâu không được vua Hàn trọng dụng, giờ đứng trước hiểm họa vong quốc đành phải lên đường đi sứ sang Tần. Hàn Phi đã viết sách để tỏ đường hiểu biết và lo liệu, bày ra những kế sách cường nước an dân, nhưng không ai chịu nghe và chịu làm, giờ phút cuối trước cảnh nước mất nhà tan, Hàn Phi quyết tỏ cái dũng để đền nợ nước và đã bỏ mình tại ngục tối âm u của bạo Tần. Có lý nào Lê Chí Quang sẽ như Hàn Phi Tử, bị bỏ mình nơi tù ngục vì nêu rõ ý đồ bá quyền Trung Cộng và thực chất yếu hèn cùng với chính sách phản dân của đảng CSVN lệ thuộc vào quan thầy Cộng Sản Trung Hoa.

Đã đến lúc mỗi người Việt Nam bằng khả năng và nhiều phương cách riêng phải viết nên bản cáo trạng cho CSVN, mỗi sự bất tín nhiệm là một đúc kết bản cáo trạng chung cuộc của quốc dân sẽ chôn vùi trụ đồng Mã Viện, chôn vùi những ngạo mạng tối tăm hàng thế kỷ nô lệ ngoại bang, chôn vùi những tà thuyết phi nhân CS cho tương lai Việt Nam lớn dậy.

● Phạm hồng Tân)

LÊ CHÍ QUANG đã đi vào lòng dân tộc

"Cầm chính đạo để tịch tà cự bí
Hồi cuồng loạn như chuông bách xuyên...
Làm sao cho bách thế lưu hương"
(Nguyễn Công Trứ)

**

Anh đã sinh ra và lớn lên
Trong một xã hội vô cùng khốn kiếp
Ở đó: người ta tôn sùng sự bịp:
Không đối gian chẳng thể sống còn!
Con đối cha, vợ đối chồng,
Bè bạn lừa gạt nhau nhờ tình tri kỷ,
Đồng nghiệp hại nhau nhân danh hai từ
đồng chí,
Trên dưới gầm ghè hát nhau do vận dụng
chủ thuyết Mác-Lê!
Đạo đức, lương tâm, công lý... đi vắng
trường kỳ!
Nên trí thức bị gán cho mang trái tim loài
chó! (1)
Ở đó: Tự Do là món hàng quốc cấm:
Ai nhắc đến Tự Do sẽ bị bóp miệng, bịt
mồm!
Truyền bá Tự Do sẽ bị cắt điện thoại, đoạt
computer!
Ai đòi hỏi Tự Do sẽ phải vào tù ra khám,
Những người yêu Tự Do biến thành những
tên tội phạm!
Chẳng những "tàn đời" mà còn tác hại đến
thân nhân
Nên mọi người thờ chủ nghĩa an thân
Chịu sống cúi đầu rụt cổ!
Tránh hai chữ Tự Do như tránh loài ôn
dịch!
Còn Dân Chủ? - Chỉ là những màn bi hài
kịch:
Dân bị lôi ra làm bình phong bằng thích
Quân đội, Tòa án, Công an... tất cả các tổ
chức của chính quyền
Đều được gán thêm cái đuôi "nhân dân"
trở trên, vô duyên
Làm như dân được tận tình phục vụ!
Lại thêm thuật ngữ "Nhân dân làm chủ"
(Một trong ba định chế điều khiển Quốc
gia)
Nghe bùi tai, mát ruột như là
Nhân dân có toàn quyền quyết định...
Sự thực dân chỉ được phép làm theo lệnh
Như những tên nô lệ đáng thương nhất
trần gian!

*

* *

Sống trong một môi trường nhầy nhụa
những bùn
Anh vẫn vươn lên như một đóa Sen tinh
khiết
Nơi giường tiền nhân: Những vị anh hùng,
hào kiệt
Anh trái lòng với nước với dân
Xem nhẹ sự an nguy, anh chấp nhận dần
thân
Gánh vác trách nhiệm của một sĩ phu yêu
nước
Thấm nhuần đạo lý "Uy vũ bất năng
khuyết"
Anh công khai chất vấn chính quyền
Vạch mặt lũ văn nô, bồi bút hèn hạ, đảo
điên
Đã bôi nhọ những người công chính.

Dù biết hiểm nguy vẫn hiên ngang xác
định

Thế đứng đối đầu với lũ sói lang,
Dù sở tri làm vũ khí tinh thần
Tàn trợ những người đấu tranh cho dân
chủ.
Đấu lý với bọn công an hình người da thú
Khiến chúng sống sùng lấp liếm đối
quanh.
Giống lên tiếng chuông thức tỉnh quốc dân
"Hãy cảnh giác với Bắc Triều" đầy tham
vọng,
Cảnh cáo lũ chóp bu Việt Cộng
Dâng đất, dâng biển cho Tàu hồng bạo vệ
chỗ ngồi!
Phản bội Tổ Tiên, làm điểm nhục Giống
Nòi
Cam phận làm chủ hầu cho kẻ thù truyền
kiếp.
Lời cảnh cáo nổ bùng như trái phá
Uy lực còn hơn vạn tấn đạn bom!
Khiến lũ Ba Đình lo lắng, kinh hoàng
Sợ đồng bào phản nộ,
Sợ chạm đến Thiên tử họ Giang sắp tuần
du đất Việt
Nên cuồng cuồng ra tay đàn áp
Mong bịt miệng anh - Một kẻ thế cô
Nhưng vô ích! Dù thân anh lâm vào cảnh
lao tù
Nhưng ý chí vẫn sáng ngời ánh thép!
Không khuất phục, không đầu hàng, không
hợp tác
Anh hiên ngang đối mặt với bạo quyền!
Dù khó khăn, nguy hiểm, gian nan...
Vẫn bình tĩnh đi tiếp con đường anh đã
chọn!
Là kẻ sĩ anh bảo toàn khí tiết,
Là dân lành anh xem trọng lương tâm,
Là thanh niên anh không ngại dấn thân
Khi đất nước gặp cơn nguy biến!

*
* *

Đường anh đi dù chông gai, nguy hiểm
Nhưng sáng ngời chính nghĩa, rạng tương
lai!
Anh là người khơi dậy niềm tin
Cho những ai thật lòng yêu nước!
Đường anh đi sẽ có lắm người nối bước,
Bác sĩ Phạm Hồng Sơn đã mạnh dạn dân
đầu
Và hẳn còn nhiều bạn trẻ dấn bước theo
sau
Đáp tiếng gọi thiết tha của Tổ Quốc!
Sự hy sinh của anh sẽ không bao giờ vô ích
Tuy hôm nay chưa thấy kết quả nhân tiền!
Nhưng đây là một trong những đóm lửa
đầu tiên
Sẽ bùng cháy đốt thiêu chế độ độc tài lạc
hậu!
Lê Chí Quang, anh đã đi vào lòng dân tộc
Như những vị anh hùng vì nước xả thân.
Tâm chực triệu người dân đang ghi khắc
tên anh
Vào trang sử đấu tranh hào hùng của dân
Việt!

● KIM KHÔI

Ngày Nhân Quyền cho Việt Nam
11/5/2002

Hãy chặn bàn tay độc ác kẻ cầm quyền độc tài !

Bài của NGUYỄN MINH CẦN - Cựu Bí Thư Thành Ủy Hà Nội (1956)
Cựu Chủ Nhiệm Báo Thủ Đô - Ty nạn Cộng Sản tại Mát-cô-va Nga

Giới cầm quyền độc tài của nước Việt Nam "xã hội chủ nghĩa" đang tiếp tục dẫn sâu vào con đường tội ác! Người ta định đưa người thanh niên trí thức yêu nước, khao khát tự do và dân chủ, Lê Chí Quang, ra cái gọi là "tòa án" để xét xử vào ngày 28.10.2002. Người ta cũng đang gấp rút chuẩn bị xử án những người trí thức trẻ khác, như Bác sĩ Phạm Hồng Sơn, cựu sĩ quan Nguyễn Khắc Toàn, nhà báo Nguyễn Vũ Bình, trợ giáo Đại học Vũ Ngọc Bình.

Mà thật ra, tất cả những người đó là những người con ưu tú của Tổ Quốc, là niềm tự hào của tuổi trẻ và dân tộc Việt Nam. Là niềm hy vọng của đất nước. Họ bị bắt, bị giam cầm, bị truy tố vì những "tội" gì? Chỉ vì một cái "tội" duy nhất: yêu nước và khát vọng tự do, dân chủ và nhân quyền. Chỉ vì họ dám nói lên ý kiến của họ về những công việc của đất nước.

Đúng thế! Xin các bạn cứ đọc bản cáo trạng đối với người thanh niên yêu nước Lê Chí Quang thì thấy rõ. Đây là những "tội tày trời" của anh mà bản cáo trạng của Viện Kiểm Sát đề ngày 29.9.2002 đã nêu ra:

1/ Đã gặp Tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang, nhận bài "Nhân quyền, khát vọng ngàn đời" do Tiến sĩ tặng, vì thế cảm hứng viết bài "Nguyễn Thanh Giang, một chí sĩ yêu nước" để ca ngợi ông Nguyễn Thanh Giang.

2/ Sau đó lại viết thêm sáu bài luận văn nữa:

- "Nhận định về Hiệp ước Thương mại Việt-Mỹ",
- "Đối Thoại 2001" (góp ý với hai nhà học giả Trần Khuê và Nguyễn Thị Thanh Xuân),
- "Thư gửi một chiến sĩ cách mạng mà tôi chưa gặp mặt" (nói về người cựu chiến binh dũng cảm Vũ Cao Quận),
- "Góp ý sửa đổi Hiến Pháp 1992",

- "Góp ý về cải tổ,
- "Hãy cảnh giác với Bắc Triều (nói về Hiệp định biên giới và lãnh hải Việt-Trung)

3/ Đã nhận lời gia nhập "Hội nhân dân chống tham nhũng" của Đại tá Phạm Quế Dương, Học giả Trần Khuê, Tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang, Nhà cách mạng Hoàng Minh Chính, v.v...

4/ Viết 5 điện thư ở quán café-internet để gửi cho nhà báo Nguyễn Gia Kiểng, người chủ trương tờ "Thông Luận" ở Paris, mà ông này cổ động cho một "nền dân chủ đa nguyên" nên bị giới cầm quyền Hà Nội coi là "phản động".

Đọc bản cáo trạng lố bịch này với những "tội" vớ vẩn đó, những người bình thường sống ở các nước dân chủ không thể nào không kinh ngạc: làm sao giữa thời đại văn minh này, khi thế giới đã bước vào thế kỷ 21 và thiên niên kỷ thứ ba rồi, mà ở các xứ "xã hội chủ nghĩa" Việt Nam này, kẻ cầm quyền đối xử với người trí thức dám nói ý kiến mình, không khác chi dưới thời Trung Cổ xa xưa. Đúng như thế! Hôm nay, đọc bản cáo trạng này tôi bất giác nghĩ đến nhà tu hành bác học vĩ đại Jordano Bruno, là người đã nói không phải Trái đất mà cả Mặt trời cũng chuyển động quanh trục của nó, và có nhiều hành tinh quay quanh Mặt trời. Ông còn dám nói là mỗi ngôi sao là một mặt trời có những hành tinh của nó, tạo thành một thế giới như thế giới Mặt trời của chúng ta. Cái trí tuệ thông minh phi thường của Bruno trái hẳn với giáo điều của Giáo hội Ca-tô giáo (thường gọi là Công giáo), nên Bruno đã bị Tòa án Giáo hội ngày 23.5.1592, bỏ ngục tối tám năm ròng để ép nhà bác học từ bỏ học thuyết của mình. Nhưng ông vẫn kiên trì chân lý, thế là Tòa án Giáo hội đã quyết định thiêu sống ông trên giàn lửa giữa kinh thành La Mã ngày 17.02.1600. Trước khi đưa lên giàn lửa, người ta còn ra lệnh cho

bọn đao phủ cắt lưỡi ông vì sợ ông tuyên bố sự thật với nhân dân.

Đấy, 402 năm sau, cái "tòa án" sẽ xử Lê Chí Quang và các bạn trí thức trẻ tuổi yêu nước Việt Nam cũng sẽ không khác gì Tòa án Giáo hội thời Trung Cổ đó ở Ý. Có khác chăng là chỉ thiếu giàn lửa, còn "cắt lưỡi" thì có tính cách tượng trưng!

Xin các bạn hãy lắng nghe lời nói thẳng thắn mà chân tình của bà Nguyễn Thị Kim Chung, bà mẹ khốn khổ của anh Lê Chí Quang: "Người ta (tức là các nhà cầm quyền) tàn nhẫn quá. Con tôi có phạm tội gì đâu. Nó chỉ nói lên những điều nó nghĩ, nói những điều phải làm cho đất nước mà thôi. Nó có thể đúng, có thể sai. Nhưng trong một nước văn minh có ai bị tù vì nói sai đâu? Và lại, ai mà không sai! Các vị lãnh đạo nhà nước cũng sai, sai nhiều nữa là khác. Mà họ không phải chỉ nói sai, mà còn làm sai, để đất nước khổ sở như ngày nay". Những lời nói thật là chí lý, chí tình!

Vì vậy, chúng tôi kêu gọi Lương Tâm của loài người, kêu gọi các Chính phủ và các Quốc hội dân chủ, các Tổ chức đấu tranh cho nhân quyền, Hội ân xá quốc tế, Tổ chức Quan sát Nhân quyền, Hội ký giả không biên giới, Hội Văn bút quốc tế, các Ủy ban bảo vệ quyền con người, các Mạng lưới Nhân quyền trên khắp thế giới hãy làm áp lực với kẻ cầm quyền Hà Nội đòi họ phải chấm dứt ngay "vụ án" bi ối này!

Chúng tôi cũng kêu gọi Lương Tâm của Dân Tộc Việt Nam, kêu gọi các nhà trí thức yêu nước và yêu tự do, dân chủ, trong và ngoài nước hãy cất cao tiếng nói vì chính nghĩa, vì công lý đòi kẻ cầm quyền Việt Nam hãy đình chỉ ngay "vụ án" phi pháp và xấu xa này!

Xin mọi người hãy chặn bàn tay tội ác kẻ cầm quyền độc tài!

Cuối cùng, xin có vài lời với những người đang cầm quyền. Các người chớ có tưởng rằng cái chế độ độc tài của các người sẽ tồn tại mãi mãi. Cái ngày nó sụp đổ không xa nữa đâu! Vì nó thất nhân tâm quá, tàn nhẫn quá, tham nhũng quá, bần thiêu quá, nó ruộng nát từ trong ra, từ trên xuống, nên dân chúng chán ghét và không ủng hộ. Chống lại nhân dân thì rồi đây các người sẽ ở với ai? Mà luật nhân quả thì không chừa một ai đâu! Hãy sớm tỉnh ngộ!•

Liên Hiệp Quốc

giữa một nền hòa bình bất bành và một nền công lý chọn lọc

- Phan Ngọc -

Cuộc tranh chấp quyết liệt giữa Tổng Thống G.W. BUSH và LHQ về vụ IRAK không khởi không nêu lên một vài câu hỏi về Tổ chức quốc tế này. Liên Hiệp Quốc là một tổ chức đáng kể hay là một tấm bình phong bất lực và luôn luôn trên đà phá sản của lương tri thế giới? Hơn 10 năm sau chiến tranh lạnh chấm dứt, điều gì còn rơi rớt lại sau nhiều hy vọng đến một nền trật tự thế giới có thể do một uy quyền nghiêm khắc nhưng công bằng và vô tư như "nhà kiếng MANHATTAN" tổ chức.

Giữa chiến tranh vùng Vịnh với sự chiến thắng không toàn vẹn của liên minh chống SADDAM HUSSEIN và cuộc can thiệp thành công của NATO ở KOSOVO, thập niên 1990 đã mang lại rất nhiều khó khăn cho LHQ. Từ SOMALIE đến BOSNIE, ngang qua RWANDA, LHQ đã mất một phần nào tín nhiệm sau những cuộc hành quân thất bại nhục nhã. Điều này nói lên giới hạn của ý chí và khả năng hoạt động của tổ chức. Tuy nhiên, hơn bao giờ hết, vào thời điểm toàn cầu hóa, thế giới cần có những thể lệ, những quy tắc và thế giới đang đi tìm một trọng tài vô tư và khoan dung. Những khái niệm nguồn gốc của một tổ chức như LHQ có giá trị hơn bao giờ hết. Những nguyên tắc cao đẹp và độ lượng của Hiến chương LHQ có thể là khuôn vàng thước ngọc cho một thế giới đang bị giầy vò vì thiếu những lý tưởng, những không tưởng, những khao khát toàn bộ.

Gạt qua một bên Tổng thư ký vừa long trọng giữ nhiệm kỳ thứ 2 và có những phẩm cách được toàn thể thế giới công nhận, sự tương phản giữa một LHQ như thế và một LHQ phải như thế; giữa một LHQ theo lý tưởng và một LHQ trên thực tế, đang đe dọa tính chất chính đáng của Tổ chức.

Trong khi thế kỷ XXI vừa bắt đầu, LHQ phải đối phó với 3 thách đố trọng yếu. Trước nhất là khái niệm chủ

quyền phải hội nhập vào thực tế toàn cầu hóa. Kế đến là dung hòa các đòi hỏi của sức mạnh và của luật pháp, nói cách khác, hoà giải Mỹ với LHQ. Trong khi LHQ cần đến sự hỗ trợ của những quốc gia xem quyền lực Mỹ là mối đe dọa. Sau cùng là những yêu sách của xã hội dân sự quốc tế có ích lợi cho một thế giới công bằng hơn, bình đẳng hơn, ổn định hơn. Những yêu sách này đặt vấn đề xét lại, đôi khi một cách dữ dội, tất cả các tổ chức quốc tế, luôn cả LHQ.

Những nguyên tắc triết lý đặt nền tảng cho LHQ, đặc biệt là sự tôn trọng tuyệt đối chủ quyền quốc gia của các hội viên, hiện giờ còn có ý nghĩa gì không trong thời điểm mà khái niệm quyền lãnh thổ và chủ quyền đang được xét lại trên một thế giới toàn cầu hóa phụ thuộc lẫn nhau?

Trong một giai đoạn mà phương thức hợp nhất thu mua tạo nên những xí nghiệp thế giới ngày càng đồ sộ, hơn 40 quốc gia hội viên LHQ có một dân số dưới 1 triệu người. Giữa những hãng xưởng khổng lồ và những quốc gia tí hon, LHQ trở thành công cụ, nếu không muốn nói là mảnh khóc của các quốc gia chia rẽ, "phi liên hiệp".

Sự tôn trọng tuyệt đối nguyên tắc chủ quyền đã dẫn đến các vụ giết người quy mô do những nhà lãnh đạo không dân chủ và độc ác chủ trương. Bởi căn cứ vào sự ủy quyền nên LHQ phải được ủy nhiệm từng trường hợp một và như thế can thiệp quá muộn. Một khi mà sự can thiệp tỏ ra hết sức cần thiết, LHQ phải thương lượng lại để tập hợp một "đội binh cứu hỏa". Sự chậm trễ trong việc thành lập một liên minh đối chiếu một cách quá bi thảm với sự khẩn cấp cần thiết cho việc can thiệp đạt được thành công. Sự có mặt của một lực lượng chắc chắn, đáng tin cậy có thể có một ảnh hưởng răn đe và trở thành một vũ khí cho Tổng thư ký LHQ, luôn luôn là một không tưởng quá ngây thơ. Chắc chắn, không có một quân đội nào sẵn sàng trở thành đội quân đánh mướn thường trực cho LHQ, nhằm phục vụ hoà bình, công lý và độ lượng.

Tất nhiên, thái độ về chủ quyền của các quốc gia vừa mới đạt được gần đây, không thể giống như thái độ của các nước Âu châu mà chủ nghĩa dân tộc quốc gia đã hai lần xô đẩy thế giới vào vòng binh lửa. Đối với một quốc gia lớn như Ấn Độ, chủ quyền đồng nghĩa với tự do. Đối với các quốc gia lớn ở phía Nam bán cầu ưu tiên là phải tổ chức lại thành phần Hội đồng Bảo an. Nhưng đối với LHQ, có thể nào nói rộng Hội đồng Bảo an mà không đào sâu, có nghĩa là không thay đổi thể thức phủ quyết bất di bất dịch?

Thách đố thứ 2 cũng quan trọng không kém là mối liên hệ Mỹ-LHQ. LHQ là biểu tượng của hòa bình và công lý và Mỹ là hiện thân của sức mạnh. Mối liên hệ này đang lâm vào tình trạng xung khắc dữ dội thay vì nâng đỡ và bổ túc cho nhau. Thực tế này tỏ ra quá rõ từ khi đảng Cộng Hòa nắm chính quyền với mối nghi ngờ tự nhiên trước chủ nghĩa quốc tế và chủ nghĩa đa phương. Theo nhiều quốc gia, hội viên hay không hội viên Hội đồng Bảo an, phận sự đầu tiên của LHQ là cân bằng, nếu không muốn nói là đương đầu với Mỹ, một mục tiêu có thể chính đáng, nhưng trên thực tế đưa đến sự tê liệt của tổ chức, đắt giá trên phương diện con người hoặc đến sự can thiệp của NATO, chính đáng nhưng không nhất thiết hợp pháp như trong trường hợp KOSOVO.

Thách đố thứ 3: LHQ là sản phẩm của sự ly dị giữa những mong đợi đang dâng cao của thế giới, tham vọng nở rộng, lịch trình hoạt động và nguồn tài nguyên nghèo nàn, khả năng giới hạn của Tổ chức. Người ta đòi hỏi quá nhiều nhưng không cung cấp đầy đủ phương tiện cho LHQ. Sự tương phản này làm cho cuộc khủng hoảng về tính chất chính đáng của LHQ càng trầm trọng hơn trong lúc tổ chức đang dò dẫm đi tìm một luồng sinh khí mới. Trên phương diện này không có gì thể hiện cơn khủng hoảng sống còn của LHQ bằng sự khó khăn dung hòa logic phòng vệ qua các cuộc hành quân duy trì hòa bình, đối chiếu với sự ganh đua của các tổ chức địa phương riêng biệt, với những mâu thuẫn và

thể thức nhập cuộc giới hạn của Tổ chức và logic chinh phục của một nền công lý quốc tế. Công lý quốc tế xem như một thể thức phòng ngừa, kiểm soát kiến hiệu nhất của cộng đồng quốc tế. Sự việc xảy đến như cộng đồng quốc tế muốn gởi đi một thông điệp như sau: "Có lẽ chúng tôi không có đủ phương tiện hoặc ý chí ngăn cản ông tàn sát dân tộc của chính ông hoặc dân tộc các láng giềng, nhưng nếu ông làm như thế, ông nên tin chắc rằng, ngày nào đó, ông sẽ sống cuộc đời còn lại trong nhà tù sau khi nhận lấy bản án của tòa án hình sự quốc tế".

"Tổ chức vô thừa kế của những sự nghiệp tuyệt vọng", LHQ có thể bù trừ sự kém khả năng ép buộc phải tôn trọng hòa bình bằng những tiến bộ chọn lọc, nhưng có thật trên con đường sáng tạo một nền công lý quốc tế? Sự tiến triển nêu trên tương phản nếu không nói là trái ngược, diễn tả một thế giới đang chuyển tiếp không thể có những phương tiện tương ứng với tham vọng của mình nhưng bắt buộc phải đáp ứng những đòi hỏi của một lương tâm đại đồng.

*** Liên Hiệp Quốc và sự duy trì hòa bình**

Cuối năm 1999, từ việc tự phê bình đến cải tổ, LHQ đã công bố một bản báo cáo hết sức thành thật về các biến cố kèm theo hậu quả hàng ngàn dân sự thiệt mạng, những con người xem như được LHQ bảo vệ ở thành phố SREBRENICA (Bosnie 1995). Tổng thư ký Kofi Annan đảm nhận hoàn toàn trách nhiệm trước một chuỗi dài lầm lẫn bi thảm lúc ông giữ chức vụ Phó Tổng thư ký đặc trách các cuộc hành quân duy trì hòa bình. Một hệ thống chỉ huy quá phức tạp, những nhà quân sự sẵn sàng thi hành lệnh trên hơn là xử sự theo đòi hỏi cấp tốc của lương tâm và đạo đức: SREBRENICA là một trong những giai đoạn bi thảm không thể chấp nhận sau chiến tranh lạnh, nếu không muốn nói là trong năm mươi năm sau cùng của thế kỷ 20, là một dấu vết khó phai xết trên bản tổng kết của Tổ chức. Một tháng sau, theo yêu cầu của Annan, một Ủy ban quốc tế dưới quyền điều khiển của cựu Thủ tướng Thụy Điển INGMAR CARLSSON đưa ra kết luận chỉ trích hoạt động của LHQ, kém khả năng phòng ngừa cuộc diệt chủng (500.000

người) ở RWANDA. Gần đây một tài liệu khác của LHQ cũng phân tích các lý do thất bại trong việc thực thi các trừng phạt đối với ANGOLA.

Từ những vụ tự phê bình trên, Tổng thư ký bổ nhiệm một Ủy ban quốc tế dưới sự điều hành của LAKHDAR BRAHIMI, cựu Tổng trưởng Ngoại giao ALGERIE, hầu đưa ra những đề nghị, những việc cần phải làm để duy trì hòa bình, Ủy ban này đã đệ trình những kết luận ngày 21-8-2000. Lúc Ủy ban bắt đầu nhóm họp, cuộc khủng hoảng ở SIERRA LEONE đã chứng minh rõ ràng cho các người tham dự rằng phải cải tổ mau chóng và sâu rộng các cơ chế, các thể thức dẫn thân của LHQ. Làm thế nào để cho các trách nhiệm phân tán quá mỏng, quá loãng khỏi gây trở ngại và làm thế nào để giúp đỡ Tổ chức đạt được thành tích?

Những cuộc hành quân duy trì hòa bình do LHQ tổ chức tỏ ra suy kém ở 3 mức độ: Trước nhất là trách nhiệm chính trị, kế đến là bộ máy hành chánh, sau cùng là các hoạt động trên hiện trường.

Giải quyết các vấn đề phòng ngừa các vụ xung đột trước nhất là chấp nhận một đường lối can thiệp rộng rãi trong công việc tìm kiếm nguyên nhân thật sự của các xung đột như: Không có dân chủ, tham nhũng quy mô, chà đạp nhân quyền, buôn bán vũ khí v.v... Làm thế nào để cho LHQ, đặc biệt là 5 Ủy viên thường trực của Hội đồng bảo an có thể hành động theo một ủy nhiệm và một mục tiêu rõ ràng với những tài nguyên quân sự, tài chánh thích đáng? Nói cách khác, làm thế nào để thay thế phòng ngừa bằng phản ứng?

Những nước Hội viên có đủ phương tiện quân sự, có đạo quân đạt phẩm chất, thiện chiến, trang bị đầy đủ; có kỷ luật những thường không muốn can thiệp và những nước sẵn sàng muốn can thiệp thì không có khả năng quân sự và tiếp vận. Báo cáo của Ủy ban BRAHIMI nhấn mạnh là không có một quyết nghị nào của Hội đồng bảo an dẫn đến một sự can thiệp vũ trang một khi mà Tổng thư ký không thể có sẵn trong tay các phương tiện về nhân lực và dụng cụ cần thiết cho cuộc hành quân có nhiều cơ may đạt thắng lợi.

Ở một mức độ khác, LHQ phải thúc đẩy, nuôi dưỡng, trau dồi tinh thần trách nhiệm và sự kiểm soát dân chủ giữa các nước Hội viên, các nhân viên của Tổ chức. Sự mâu thuẫn giữa tính chuyên nghiệp của các nhà chức trách Quân sự trên hiện trường và sự thiếu vắng các phẩm chất ấy nơi trụ sở của Tổ chức có thể dẫn đến những thất bại đắt giá, làm cho tinh thần quân nhân dự cuộc sa sút, chưa kể đến hình ảnh mờ nhạt của Tổ chức. Phải biết nói không trước những chỉ thị mập mờ, trước những cuộc hành quân vá vúi, với những mục tiêu lấp lửng, với những phương tiện không đầy đủ. Như thế cho dù đứng trước áp lực chính trị của kẻ này kẻ nọ hoặc trước sự thỏa thuận ngầm giữa các Hội viên thường trực Hội đồng Bảo an và Tổng thư ký! Nói không là chấp nhận tinh thần trách nhiệm và tính chất chuyên nghiệp của Ủy ban khuyến cáo. Một tinh thần trách nhiệm không tương ứng với sự trung lập chính trị có thể đưa đến những lỗi lầm phán đoán trầm trọng nhất nhân danh một sự vô tư giả tạo như trong trường hợp SREBRENICA.

Trầm trọng hơn hết cho tương lai của LHQ là lẽ lối thịnh hành bổ nhiệm những nhân viên giữ trách nhiệm duy trì hòa bình theo tiêu chuẩn địa lý chiến lược, theo những thỏa hiệp đáng nghi ngờ, chứ không phải theo khả năng. Điều này bắt buộc phải trở lại khởi điểm sau mỗi cuộc hành quân. Nếu LHQ không thành công thu nhận hoặc đào tạo nên những nhân viên lãnh nghề trong những cuộc hành quân duy trì hòa bình nếu LHQ còn sử dụng những nhân viên bất tài, nếu quyền ưu đãi còn thắng thế, nếu tài cán công lao đi ngược chiều, những ai có nhiều thiện chí, những ai tha thiết nhất tất sẽ thất vọng và những ai xứng đáng nhất, những ai có bộ mặt con người nhất sẽ rời bỏ LHQ.

Hiện nay, LHQ còn có khả năng đưa ra sáng kiến thúc đẩy nhiệm vụ dẫn thân hơn là tổ chức các cuộc hoạt động theo đuổi các cuộc khủng hoảng? Thực thi những khuyến cáo, những đề nghị của Ủy ban BRAHIMI bắt buộc phải có sự đồng ý của đại Hội đồng LHQ, phải bỏ

sung tài nguyên, phải xét lại những thể thức điều hành của Hội đồng Bảo an. Và có lẽ phải nói rộng thành phần của Hội đồng. Một đề tài có tính chất thời sự, nhưng luôn luôn bị hoãn lại sau này. Đối với những nước ở phía Nam bán cầu, bản báo cáo của BRAHIMI trước sau chỉ là một công cụ của thế giới kỹ nghệ giàu có để cưỡng ép các quốc gia đang mở mang phải phục tùng một nền trật tự thế giới mới xem như "không cân bằng". Rất dễ đi đến một thỏa hiệp với 5 Hội viên thường trực của Hội đồng Bảo an hơn là đạt được sự ủng hộ để thực hiện các cải tổ sâu rộng giữa một đại Hội đồng thường nghị kỳ tất cả mọi thay đổi triệt để và rất thích thú trước các vụ đấu khẩu, tranh cãi hoặc các cuộc đọ sức Nam Bắc bán cầu.

Ngay sau các biến cố bi thảm diễn ra tại SIERRA LEONE năm 2000, rõ ràng là tình hình nguyên trạng sẵn có không thể kéo dài nữa. Nếu không có sự can thiệp của đạo quân Anh, không dưới quyền của LHQ, chắc chắn các lực lượng của Tổ chức sẽ tháo chạy tán loạn. Một tổ chức an ninh địa phương cần thiết không có mặt tại lục địa Phi châu, và ở vùng BALKAN hoạt động của NATO và Liên hiệp Âu châu đã làm cho ảnh hưởng và ý nghĩa của LHQ co lại như miếng da thuộc.

"Bổn phận xen vào nội bộ Quốc gia", một thời được BERBARD KOUCHNER, nguyên Tổng trưởng Bộ Y tế Pháp và từng là người điều khiển "chiếc tàu Ánh Sáng" cứu vớt thuyền nhân Việt Nam gọi đến phải đòi hỏi "các lính đánh thuê cho hòa bình phải ở trong tư thế sẵn sàng và được bố trí đặt để trước. Sự có mặt của đội quân tạo nên một quyền lực răn đe phòng ngừa lý tưởng này còn ở ngoài tầm tay. Khiêm nhượng hơn LHQ phải tự tìm lại sự tín nhiệm, tin cậy đang bị sút mẻ sau những thất bại nhục nhã.

Khi xã hội quốc tế tiếp tục đi khắp khênh trên con đường duy trì hòa bình, sự xuất hiện của Tòa án hình sự quốc tế vào thế kỷ XXI diễn đạt một tiến bộ thật sự: Chấm dứt một tiến trình khởi đầu trước đây hơn 50 năm mà những giai đoạn cốt yếu gọi là NUERNBERG, Tòa án quốc tế dành cho RWANDA hoặc cho cựu Liên bang Nam Tư. Phải chăng xã hội quốc tế dễ dàng tiến bộ trên con đường công lý luật pháp hơn là trên con đường hòa bình?

* Công Lý phục vụ hòa bình

"Công lý mà không có vũ lực thì trở thành bất lực; sức mạnh mà không có công lý sẽ trở thành bạo ngược. Do đó làm những gì công bằng phải cần đến sức mạnh và sử dụng sức mạnh phải cần đến công bằng". Công thức này của PASCAL luôn mang tính chất của thời sự khi khái niệm "Tội ác không biên giới" trở thành một thực tế lỏng lẻo, không hoàn hảo và nguy hiểm, đồng thời nêu rõ một tiến bộ khó chối cãi của nhân loại và LHQ.

KOFI ANNAN đã tuyên bố: "Không thể có công lý ở tầm mức thế giới nếu như tội ác xấu xa nhất, tội tệ nhất; tội ác chống nhân loại thoát khỏi phạm vi của luật pháp, không được công lý xét xử. Chúng ta phải công nhận rằng, tội diệt chủng chống một dân tộc thôi cũng là một tội ác chống lại tất cả chúng ta, một tội ác chống nhân loại. Sự sáng lập Tòa án hình sự quốc tế sẽ bảo đảm rằng phản ứng của nhân loại sẽ trở nên nhanh chóng và công bằng".

SLOBODAN MILOSEVIC, cựu Tổng Thống Liên bang Nam Tư ra trước Tòa án quốc tế LAHAYE là một sự kiện đánh dấu một giai đoạn quyết định trong lịch sử dài và khó khăn của khái niệm công lý quốc tế. Người nêu lên danh từ diệt chủng là một nhà luật học Mỹ, RAPHAEL LEMKIN. Năm 1948 ông đã đề nghị và ép buộc LHQ còn đang ngập ngừng phải thông qua "Quy ước về diệt chủng".

Vào thế kỷ XIX, các nhà nguyên thủ quốc gia đã đề cập đến phương cách nào tốt nhất để giải quyết các mối tương quan quốc tế hầu giới hạn nỗi thống khổ của khối dân sự do chiến tranh gây ra. Kinh nghiệm rút tía từ chiến tranh thế giới lần 2 và đặc biệt từ những tội ác của Đức Quốc Xã cung cấp cho LEMKIN một bằng chứng theo đó các thể thức chấp chững bước đầu không còn tương xứng với thực tế. Một thế giới gánh chịu sự bạo ngược của những quốc gia hiện đại tiên tiến, sự thờ ơ của một số nhà lãnh đạo trước các quyền lợi của những người không phải là chiến binh. Những gì LEMKIN kinh sợ không những là sự tàn phá của chiến tranh toàn diện mà còn là khả năng của Đệ tam đế quốc Đức núp sau cái khái niệm như chủ quyền quốc gia để hành hạ, tàn sát công dân của mình một cách vô tội vạ mà không hề sợ một cuộc can thiệp nào từ

bên ngoài đến, những phản đối hay trừng phạt của quốc tế.

Trong thời gian hơn 40 năm sau cùng, sau vụ "tẩy sạch chủng tộc" ở BOSNIE, vụ diệt chủng ở RWANDA, các vụ quy mộ lưu đày các dân tộc dân sự ở KOSOVO, vấn đề công lý mới có cơ để xuất hiện trên sân khấu.

Đối với nhà bình luận, từ Tòa án NUERNBERG xử tội phạm Đức Quốc Xã đến Tòa án quốc tế LAHAYE, công lý quốc tế là công lý của kẻ chiến thắng. Diễn tả tinh thần tự tôn chủng tộc đối với các nền dân chủ tự do là biểu lộ ý muốn cưỡng ép mọi người phải noi theo giá trị đạo đức phản ánh hình ảnh giá trị đạo đức riêng của các nền dân chủ ấy? Rõ ràng là chế độ Quốc Xã HITLER hoặc chính quyền HUTU RWANDA, chưa nói đến chế độ KHMER Đỏ Cao Miên, không chia xẻ quan điểm ấy. Cũng như các nền dân chủ tự do cận đại có lẽ chỉ lo nghĩ nhiều đến một nền trật tự quốc tế để bảo đảm sự ổn định mà các chế độ độc tài từng sử dụng chủ nghĩa dân tộc cực đoan như một công cụ chinh phục, kiểm soát, duy trì quyền hành không thể thực hiện được?

Tuy nhiên, người ta không thể phát tay phải sạch lời tố cáo công lý quốc tế là công lý của kẻ chiến thắng. Nếu có đạo đức thì cái đạo đức đó phải được áp dụng một cách bình đẳng cho mọi người. Phá sập cầu đường và các cơ cấu dân sự các thành phố SERBIE có cần thiết trên phương diện thuần túy quân sự? Nếu Tòa án hình sự quốc tế muốn được tôn trọng dài hạn, các cường quốc ủng hộ, nâng đỡ Tòa án không thể chấp nhận nó được sử dụng một cách chọn lọc. Trong trường hợp MILOSEVIC, sự kiện các cường quốc có các cuộc tiếp xúc với ông không thể biểu lộ một sự thông đồng khách quan cũng như sự chấp nhận ngầm tội ác của ông. Để chấm dứt chiến tranh do MILOSEVIC chủ trương một cách vô trách nhiệm, cần phải nhiều lần liên lạc với chế độ của ông. NATO đã chu toàn 3 nhiệm vụ do chính họ tự định ở KOSOVO! Mang dân tỵ nạn trở về quê hương, Xem Nga là người hợp tác xây dựng và buộc MILOSEVIC phải rời quyền hành và chờ đợi Tòa án quốc tế xét xử, dĩ nhiên người ta có thể bảo rằng

lịch sử tiến hóa trong chiều hướng tốt, nhưng chưa hoàn hảo. Dòng biến cố ở KOSOVO đã xác nhận con đường của khối Tây phương trong 10 năm gần đây, người ta bắt đầu bằng can thiệp vũ trang, kế tiếp bằng duy trì hòa bình và kết thúc bằng thành lập Tòa án hình sự quốc tế, nền công lý quốc tế. Một tiến trình không mấy chi chít hính hính từng kinh qua từng giai đoạn đau thương làm nản lòng thối chí, nhưng đi đến kết quả tốt cùng hết sức kỳ diệu. MILOSEVIC hiện giờ ở LA HAYE và sự tuyên truyền tích cực cho nền công lý quốc tế không chỉ giới hạn ở Tòa án LA HAYE. Các tòa án của các nước đã phê chuẩn các quy ước quốc tế đang hoạt động. Ngày hôm qua, các thẩm phán Tây Ba Nha, Anh, ngày hôm nay các thẩm phán Pháp đang điều tra về những biến cố đang xảy ra ở Chile thời chế độ PINOCHET.

Trong tương lai, muốn thật sự được xem như một khái niệm không thể chối cãi, nền công lý quốc tế phải xác định và đào sâu địa bàn hoạt động như điều tra và xét xử những tội ác chống nhân loại ở các nơi khác trên thế giới. Khái niệm tội ác chống nhân loại là một khái niệm rất cần thiết cho đời sống toàn cầu, nhưng không khỏi không tỏ vẻ mơ hồ. Nó bao gồm cả một thang tội ác rộng dài cho đến đôi nhiều nguyên thủ quốc gia có thể không sa vào vòng xét xử của tòa án quốc tế. Định nghĩa một hành động phạm tội, không nhất thiết phải theo thị hiếu hoặc theo sự nhồi nhét một chiều của ngành thông tin đại chúng. Các bằng chứng có thể có thật nhưng cũng có thể giả tạo như trong trường hợp vụ xử JOHN DEMJANKUK tại Do Thái, bị kết án không đúng là đồ tể trại tập trung TREBLINKA thời thế chiến thứ hai.

Mục tiêu của nền công lý quốc tế trước nhất là thực thi công lý. Mục đích cuối cùng của nó không phải là răn đe trừng phạt. Logic của nó là logic chính trị. Nói cho cùng nền công lý quốc tế là một nền công lý chia mũ dùi vào các quốc gia, các nhà lãnh đạo không màng chú ý đến đạo lý và công bằng, sử dụng bạo lực một cách quy mô và trơ trẽn.

Chiến thắng KOSOVO không phải là một cuộc đấu tranh giữa thiện và ác; đó là một cuộc chiến đấu, một cuộc

chạm trán giữa hai nguyên tắc, một bên là sự tôn trọng các quyền căn bản của con người, một bên là chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ. Sau cùng, sức mạnh của Mỹ mang vũ khí phục vụ công lý theo một tiến trình có lẽ chánh đáng hơn hợp pháp.

Điều nguy hiểm cho cộng đồng quốc tế là ẩn nấp sau các quan tòa hoạt động tích cực và đòi hỏi quá nhiều quá mức vào Tòa án. Quyền lực của các Thẩm phán không thể xem như một mưu mẹo hoặc thiện ý để che đậy sự thiếu vắng của các tổ chức an ninh địa phương hoặc toàn diện và sự thiếu vắng của các cơ quan tương trợ giúp đỡ hội nhập xét trên phương diện kinh tế với những phương tiện hoạt động hữu hiệu. Không nên chờ đợi quá nhiều quyền lực của Thẩm phán để làm cho thế giới công bằng và an ninh hơn. Tuy nhiên quyền lực của Thẩm phán là làm thế nào để cho số lớn tội phạm càng lớn càng tốt, phải chịu trách nhiệm trước công lý. Vụ xử án MILOSEVIC ở Tòa án quốc tế LA HAYE là một cuộc trắc nghiệm quan trọng bậc nhất trong lịch sử ngắn ngủi của Tòa án. Tương lai của một tiến trình xem như sự nổi dài thuận lý và tốt đẹp của hiện tượng toàn cầu hóa sẽ tùy thuộc vào thất bại hay thành công của Tòa án.

*** LHQ trước hiện tượng toàn cầu hóa**

Nhiều mong đợi quá lớn một chủ nghĩa can thiệp ngày càng được xác định rõ ràng, các phương tiện không đầy đủ, tính chất chính đáng và đại diện bị nghi ngờ, trước một bản tổng kết nghèo nàn, con bài chủ mạnh nhất của LHQ là cá nhân Tổng thư ký. Bởi là một công nhân Phi châu thấm nhuần văn hóa và giá trị Tây phương, KOFI ANNAN có thể là một nhịp cầu giữa sự hoạt động tích cực trên phương diện đạo đức của một vài người "giàu" và sự nghi ngờ, nếu không nói là thất vọng, của đa số người "nghèo".

Phong trào tranh chấp từng chống đối các tổ chức quốc tế cũng chia mũ dùi vào LHQ. Các quốc gia đeo đuổi chính sách ngoại giao thực tiễn đã đặt vấn đề nghi ngờ "cái ấy" (De Gaulle). Xã hội dân sự quốc tế cũng trách cứ tổ chức quá tiêu cực, không đại diện đúng mức cái lý tưởng mà tổ chức có bổn phận phải bảo vệ.

LHQ có thể sử dụng hoặc phải e sợ sức mạnh lý tưởng của phong trào chống toàn cầu hóa? Trong ý muốn giữ liên lạc với sự "hiện đại", LHQ tìm cách nối kết với hầu hết các tổ chức phi chính phủ, LHQ cũng mở cửa đón tiếp địa hạt tư nhân các xí nghiệp, các nhà mạnh thường quân như TED TURNER, nhà sáng lập đài truyền hình CNN hầu tăng cường và tiếp nhận các nguồn tài chánh khác nhau.

Vấn đề căn bản của LHQ là sự nổi rộng các mối liên lạc ấy, các mạng lưới, các nhiệm vụ -từ việc chống SIDA ở Phi châu đến việc kiểm soát sản xuất và buôn lậu vũ khí nhẹ- không lôi kéo theo sự đào sâu các nguồn tài nguyên và các phương tiện hành động. Ngày hôm qua cũng như ngày hôm nay, chỉ trích, kết án LHQ là một việc làm vô ích. Không thể kết án LHQ là ảnh hưởng trung thực của một thế giới mà LHQ thể hiện hơn là có thể sửa chữa các mâu thuẫn. Từ sau giai đoạn chiến tranh lạnh đến giai đoạn toàn cầu hóa, LHQ đã giữ một vai trò "diễn đàn", đặc biệt nhất là vai trò trung tâm đối thoại bắt buộc và duy nhất giữa các quốc gia giàu ở Bắc và các quốc gia nghèo ở Nam bán cầu. Những điều mà người ta chờ đợi ở hiện trường là LHQ biết phải làm gì, nhưng không có đủ phương tiện để thực hiện.

Nổi rộng thành phần Hội đồng Bảo an, đón nhận các Hội viên thường trực và không thường trực mới hầu phản ánh một cách tốt nhất tính chất đại diện của tổ chức, có thể góp phần vào việc tăng cường tính chất chính đáng của LHQ, tuy nhiên không thể bảo đảm cho các cuộc can thiệp của Tổ chức kiến hiệu hơn, đáng tin cậy hơn. Kẹt giữa sự nghi ngờ tự nhiên của Mỹ không bao giờ muốn giao cho ai chịu trách nhiệm nền an ninh của mình, nhưng không dám nhận hậu quả của thái độ mập mờ liên quan đến các lựa chọn dân thân, và lòng ganh tị dữ dội của các quốc gia xem chủ quyền thể hiện tự do, LHQ có một tầm hoạt động quá hạn hẹp. Trong nhiều năm dài kế tiếp, LHQ sẽ trở thành một bung xung của lòng ích kỷ, một linh cữu hỏa của những đám cháy mà người ta để cháy lan vì thờ ơ hoặc trơ trẽn.-

TƯỜNG THUẬT ĐẠI HỘI THẾ GIỚI VĂN BÚT QUỐC TẾ KỶ THỨ 68

Ohrid, Macédoine - Macedonia
(17 đến 24 tháng 9 năm 2002)

" Những Biên cương của Tự do / Tự do của những Biên cương " và " Tương lai của Ngôn ngữ / Ngôn ngữ của Tương lai "

Đó là những chủ đề của Đại hội Thế giới kỷ thứ 68 của Văn Bút Quốc tế vừa diễn ra tại Ohrid, nước Macédoine (Macedonia), từ ngày 17 đến 24 tháng 9 vừa qua. Nguyên Hoàng Bảo Việt, hội viên Trung tâm Âu châu/Văn Bút Việt Nam Hải ngoại (VBNHN), là đại biểu của Trung tâm Văn Bút Thụy Sĩ Pháp thoại (Centre PEN Suisse Romand) tại Đại hội này. Chúng tôi ghi lại dưới đây lời tường thuật của thi hữu.

Macédoine và Ohrid

Với diện tích 25.713 km² và gần 2 triệu dân cư, Cộng hòa Macédoine nằm ở phía đông nam cực lục địa, giáp giới Albanie, Bulgarie, Montenegro, Serbie và Hy Lạp. Tổng thống do dân trực tiếp bầu ra cho một nhiệm kỳ năm năm và chỉ được tái cử một lần. Macédoine từng là một vương quốc hiện hữu từ thế kỷ thứ VI trước Thiên Chúa. Lãnh thổ của đại đế Alexandre ngày xưa từng trải qua nhiều cuộc bể dâu của lịch sử. Thời cận hiện đại, trở thành đại lộ cho những cuộc hành trình tư tưởng và ngôn ngữ, ngã tư cho Đông và Tây phương gặp gỡ, trao đổi. Macédoine hãnh diện là cái nôi của tự mẫu Cyrillique chung cho các dân tộc nói tiếng slave ở Trung và Đông Âu. Macédoine cũng là xứ sở của cội nguồn văn hóa đa nguyên và phong cảnh hữu tình, thiên nhiên tuyệt mỹ. Macédoine được mệnh danh là "hòn ngọc Vùng Bán đảo

Balkans". Sinh quán của thi hào Grigor Prlice, Ohrid nằm trên bờ hồ cũng mang tên Ohrid, là "viên ngọc" của nước Macédoine. Có truyền thống văn chương từ thế kỷ thứ X, Ohrid còn được nổi tiếng với những Đại hội Nghệ thuật Ca Vũ Nhạc Phong Giao quốc tế. Cơ quan UNESCO đã tuyên dương cả thành phố lẫn hồ Ohrid thuộc về di sản văn hóa của nhân loại.

Trung Tâm Văn Bút Macédoine

Thành lập năm 1962 với tư cách thành viên trong Văn Bút Liên Bang Nam Tư, Văn Bút Macédoine được Đại hội Thế giới Văn Bút Quốc tế ở Oslo (Na Uy) công nhận là một trung tâm độc lập từ năm 1967. Tất cả hội viên (75 người) đều có tác phẩm xuất bản. Tủ sách Văn Bút Macédoine chứa đựng nhiều tuyển tập thơ văn của hội viên hàng năm được dịch ra Anh và Pháp ngữ, không kể tuyển tập đặc biệt dành cho thi văn hữu của 11 nước thuộc Vùng Balkans (Albanie, Bulgarie, Hy Lạp, Montenegro, Lỗ Ma Ni, Bosnie, Croatie, Macédoine, Serbie, Slovénie và Thổ Nhĩ Kỳ). Văn Bút Macédoine không những tham gia mà còn tổ chức nhiều đại hội văn chương và văn hóa. Thí dụ như Đại hội những Đêm Thi Ca Quốc Tế ở Stuga từng tiếp đón Léopold Sédar Senghor, Homero Aridjis và nhiều thi sĩ đến từ Hoa Kỳ, Mỹ Tây Cơ, Anh, Na Uy, Hòa Lan, Bồ Đào Nha, Pháp và tất cả các nước Đông Âu. Ngay từ năm 1974, Hội Nghị Văn Bút Quốc tế đã diễn ra tại Ohrid, mở đầu cho một loạt những hội nghị quan trọng khác. Chẳng hạn như từ năm 1991 trở đi, Ohrid đã tiếp đón Hội

Nghị Lương Niên Vùng (Bán đảo Balkans) chuyên chú về những vấn đề văn chương, dự thảo những quyết nghị hợp tác giữa các Trung tâm Văn Bút ở Âu châu, nhứt là trong lãnh vực phiên dịch văn học.

Sáu mươi bảy Trung Tâm Văn Bút tham dự Đại hội Ohrid

Tháng 9 năm 2001, Văn Bút Quốc tế hủy bỏ Đại hội Thế giới kỷ thứ 68 vì chiến sự bùng nổ ở vùng biên giới Macédoine / Kosovo. Thay vào đó, cuối tháng 11 năm ngoái, Văn Bút Quốc tế đã triệu tập Hội đồng Đại biểu tại Luân Đôn, thủ đô Anh. Toàn thể đại biểu đã tán trợ đề nghị tái ủy nhiệm Văn Bút Macédoine tổ chức Đại hội Ohrid.

Thượng tuần tháng 9 năm 2002, tình hình an ninh chưa hoàn toàn văn hồi ở vùng Đông Bắc Macédoine. Phi cơ đáp xuống phi trường quốc tế của thủ đô Skopje. Tất cả những người mới đến đều được đưa về hai khách sạn Métropol và Bellevue (địa điểm họp Đại hội) ở ngay ven bờ hồ Ohrid, bằng xe buýt lớn, có xe cảnh sát hộ tống. Ban tổ chức chọn một lộ trình dài, đường núi, di chuyển mất hơn 3 tiếng đồng hồ nhưng an toàn hơn lộ trình ngắn. Chủ tịch Dimitar Bashevski và các văn hữu Văn Bút Macédoine rất phấn khởi vui mừng khi thấy gần hai trăm người cầm bút đã hưởng ứng lời mời gọi đến dự Đại hội.

Sáu mươi bảy Trung tâm Văn Bút thật sự hiện diện. Ba Trung tâm tân lập: Kirghizstan, Sierra Leone và Nhà Văn Tây Tạng Hải Ngoại. Bốn Trung tâm Bỉ Pháp thoại, Ý, Sydney và Tiệp tuy không đến dự được nhưng ủy quyền đầu phiếu. Tổng cộng có 125 đại biểu chính thức đại diện cho 71 Trung tâm. Về phía Văn Bút Quốc tế Trung ương, thấy đông đủ những khuôn mặt quen thuộc. Chủ tịch Homero Aridjis, Tổng thư ký Terry Carlbom, bà Phó Chủ tịch, bà Joanne Leedom-Ackerman và hai ông Alexandre Blokh và Georges Emmanuel Clancier, các Ủy viên Chấp hành Quốc tế, Chủ tịch các Ủy ban Thường trực, bà Sara Whyatt, Giám đốc Chương trình Bệnh vực Nhà Văn bị cầm tù, ông Dixe Wills, Đặc trách Mỹ-Phi Vụ, bà

Jane Spender, Giám đốc Hành chánh kiêm Biên tập tạp chí Văn Bút Quốc tế. Chỉ thiếu bà Cathy McCann vừa sinh một cháu trai, phải ở lại Luân Đôn .

Việt Nam cộng sản, đỉnh cao của chế độ Kiểm duyệt, Đàn áp và Bóp nghẹt Tự do

Nhắc lại trong năm 2001, Linh mục Nguyễn Văn Lý bị Việt cộng bắt giữ ngay tại giáo đường và bị kết án 15 năm tù. Giáo sư Nguyễn Đình Huy, hội viên danh dự Văn Bút Thụy Sĩ Pháp thoại vẫn còn ở trại tập trung khổ sai. Hòa thượng Thích Huyền Quang và Hòa thượng Thích Quảng Độ tiếp tục, kẻ bị lưu đày, người bị quản chế. Việt Cộng cô lập và uy hiếp Hà Sĩ Phu, Bùi Ngọc Tấn cùng nhiều nhà trí thức đối kháng ở trong nước. Văn Bút Thụy Sĩ Pháp thoại đã đề xuất một Quyết Nghị về Việt Nam, với sự tán trợ của các Trung tâm Gia Nã Đại, Nga, Pháp, Perth, Québec, Slovaquie và Sydney. Văn bản được sự đồng thanh chấp thuận của Hội đồng Đại biểu họp tại thủ đô Anh. Văn Bút Quốc tế đòi Việt Cộng phóng thích tất cả tù nhân lương tâm, bãi bỏ kiểm duyệt, chấm dứt sự đàn áp và hạn chế quyền tự do phát biểu, sáng tạo và xuất bản, cũng như quyền tự do báo chí. Cho tới nay, nhà cầm quyền Hà nội hoàn toàn im lặng. Nhưng có bằng chứng là bản sao Quyết Nghị nói trên đã được trao cho Hữu Tỉnh, Tổng thư ký hội nhà văn Việt cộng và một số cán bộ ban Văn hóa Tư tưởng Trung ương đảng nằm trong hội.

Qua năm 2002, từ tháng giêng đến tháng bảy, Liên Hội Nhân Quyền Việt Nam nhiều lần đưa tin về những văn thi sĩ, nhà báo và trí thức đối kháng bị Việt cộng trấn áp thô bạo. Các tổ chức quốc tế Nhân Quyền đồng loạt tố cáo và lên án Nhà Nước "khủng bố" Việt Cộng. Ủy hội và Ủy ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc ở Genève cũng công khai chất vấn và nghiêm khắc chỉ trích nhà cầm quyền Hà Nội. Chỉ trong vòng mấy tháng, Việt cộng đã bắt giữ, biệt giam hoặc quản thúc tại gia năm nhà cầm bút đòi hỏi Dân chủ. Những sĩ phu này đều trưởng

thành và được uốn nắn trong lò "xã hội chủ nghĩa mác lê-nin". Hai thế hệ già trẻ cùng đứng bên nhau trên chiến tuyến chống độc tài chuyên chế, hại dân bán nước. Bùi Minh Quốc và Trần Khuê 62-66 tuổi. Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn và Nguyễn Vũ Bình 32-35 tuổi. Trong nước, Việt cộng có thể bùng bít, che giấu, cấm đoán tin tức loan truyền trong dân chúng. Nhưng tại hải ngoại, chắc ít người Việt tị nạn Cộng sản, nhứt là giới cầm bút, không nghe thấy những lời kêu cứu của bà Nguyễn Thị Kim Chung, thân mẫu nhà luật học Lê Chí Quang và bà Vũ Thúy Hà, phu nhân bác sĩ Phạm Hồng Sơn.

Việt Cộng chuẩn bị đưa ra tòa án "nhân dân" để xử tội Lê Chí Quang và Phạm Hồng Sơn. Đại hội Ohrid sắp khai mạc. Thời hạn ấn định đệ nạp Dự án Quyết Nghị hợp thức đã qua lâu rồi. Trong những Dự án phổ biến đến các Trung tâm để có thì giờ nghiên cứu trước, chúng tôi đọc thấy bản văn của các Nhà Văn tị nạn Cuba. Và Franca Tiberto, chủ tịch Văn Bút Thụy Sĩ Ý thoại muốn chúng tôi cùng chia sẻ mối quan tâm sâu xa của nữ văn hữu trước số phận những nhà văn tranh đấu cho Nhân quyền ở Trung Cộng và Tây Tạng bị chiếm đóng. Văn Bút Thụy Sĩ Pháp thoại sẵn lòng và có bốn phận hỗ trợ Trung tâm bạn. Còn quê hương bất hạnh của chúng tôi ở phía bên kia dãy Hy Mã Lạp Sơn, ven bờ biển Đông...?

Quyết Nghị về Việt Nam của Văn Bút Quốc tế

Ngày phiên họp ngày 18 tháng 9 năm 2002, Ủy ban Bệnh vực Nhà Văn bị cầm tù (Comité pour la Défense des Ecrivains en Prison CODEP/Writers in Prison Committee WIPC) đã phân phát bản Dự án Quyết Nghị về Việt Nam, viết bằng Anh và Pháp ngữ, do Văn Bút Thụy Sĩ Pháp thoại đệ nạp, với sự tán trợ của 15 Trung tâm bạn. Trong Phúc trình sẽ đọc trước Đại hội, văn hữu Thụy Điển Eugene Schoulgin, Chủ tịch Ủy ban cũng nhấn mạnh rằng "Việt Nam tuy chậm chạp nhưng chắc chắn sẽ được cải thiện, điều mong ước đó, năm nay, đã bị xóa

mất bởi sự bắt giữ năm nhà cầm bút trong mấy tuần lễ qua. Đa số nhà văn bị đàn áp vì phổ biến bài họ viết trên mạng lưới Internet". Sáng 23 tháng 9 năm 2002 mở ra phiên họp cuối cùng của Đại hội. Sau phần trình bày của đại biểu Văn Bút Thụy Sĩ Pháp thoại, Dự án đã trở thành **Quyết Nghị về Việt Nam của Văn Bút Quốc tế** vì được Hội đồng Đại biểu đồng thanh chấp thuận. Trước đó, trong một phiên họp của Ủy ban Bệnh vực Nhà Văn bị cầm tù, đại biểu VBVNHN Nguyễn Viết Đức đã tố cáo Việt cộng vi phạm Nhân quyền, chà đạp nguyện vọng của đồng bào thuộc các dân tộc thiểu số. Văn hữu tuyên bố ủng hộ Dự án Quyết Nghị về Việt Nam. Hôm sau, tiếp theo diễn văn khai mạc của Chủ tịch Văn Bút Quốc tế, Tổng thư ký VBVNHN Nguyễn Đức An ngỏ lời cảm ơn Văn Bút Thụy Sĩ Pháp thoại và ủng hộ Dự án Quyết Nghị về Việt Nam. Văn hữu không quên tri ân các Trung tâm đã tán trợ Dự án Quyết Nghị phản ảnh trung thực tình trạng nhà văn bị giam cầm độc đoán vì hành sử quyền tự do ngôn luận và phát biểu tại Việt Nam.

Đáp lời yêu cầu của chúng tôi, văn hữu Từ Nguyên, Chủ tịch Trung tâm Âu châu / VBVNHN đã phỏng dịch bản Dự án Quyết Nghị ra tiếng Việt như sau:

Quyết nghị về Việt Nam do Trung tâm Văn Bút Thụy sĩ Pháp thoại (Centre PEN Suisse Romand) đề nghị, với sự tán trợ của các Trung tâm Văn Bút Anh, Áo, Ba Lan, Bỉ Pháp thoại, Biélorussie (Belarus), Đan Mạch, Gia Nã Đại, Nga, Perth, Pháp, Québec, Slovaquie, Sydney, Thụy Sĩ Ý thoại, và Ý.

Hội đồng Đại biểu của Văn Bút Quốc tế, nhóm họp Đại hội Thế giới kỳ thứ 68 tại Ohrid, Macédonie (Macedonia) từ ngày 17 đến ngày 24 tháng 9 năm 2002,

Rất quan ngại khi thấy số tù nhân lương tâm tăng lên kể từ ngày Hội Đồng Đại Biểu Văn Bút Quốc tế thông qua Quyết Nghị về Việt Nam

trong kỳ họp Đại hội thế giới của Văn Bút Quốc tế tháng 11 năm 2001 tại Luân Đôn, Anh Quốc ;

Hết sức lo lắng vì thấy rằng cho đến nay tình trạng của những nhà cầm bút Việt Nam bị giam tù hay bị quản thúc tại gia vẫn không được cải thiện mặc dầu họ chỉ hành sử quyền tự do tư tưởng và tự do phát biểu theo đúng Công ước Quốc tế về những Quyền Dân sự và Chính trị mà Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết,

Lấy làm kinh ngạc và rất đau lòng trước sự việc rằng, mặc dầu Văn Bút Quốc tế đã nhiều lần can thiệp phản đối nhà cầm quyền Việt Nam, những đồng nghiệp và hội viên danh dự của chúng tôi sau đây vẫn còn bị giam giữ trong tù hay bị quản thúc tại gia :

- Giáo sư **Nguyễn Đình Huy**, 70 tuổi, chủ bút và nhà báo bị kết án 15 năm tù từ năm 1995,

• Linh Mục **Nguyễn Văn Lý**, 56 tuổi, nhà viết tiểu luận, bị kết án 15 năm tù và năm năm quản thúc tại gia từ năm 2001,

• Hòa Thượng **Thích Huyền Quang**, 85 tuổi, học giả, bị đày và quản thúc từ năm 1995,

• Hòa Thượng **Thích Quảng Độ**, 74 tuổi, nhà thơ, bị quản chế hành chính từ năm 2001,

• Nhà văn **Hà Sĩ Phu**, tên thật là Nguyễn Xuân Tự, 62 tuổi, nhà sinh vật học, bị quản chế hành chính từ năm 1997;

Được báo động và rất sửng sốt về những sự bạo hành đối với :

• **Lê Chí Quang**, 32 tuổi, luật gia và nhà văn, bị bắt ngày 21 tháng 2 năm 2002 và bị giam trong trại lao công cưỡng bách,

• **Phạm Hồng Sơn**, 35 tuổi, bác sĩ và dịch giả, bị bắt ngày 27 tháng 3 năm 2002 bị biệt giam,

• **Nguyễn Vũ Bình**, 33 tuổi, nhà văn, nhà báo, bị bắt ngày 21 tháng 7 năm 2002 bị biệt giam.

Rất quan ngại về tình trạng bị quản thúc tại gia của nhiều người, trong số đó, có :

• **Bùi Minh Quốc**, 62 tuổi, nhà thơ và nhà báo, bị bắt ngày 12 tháng giêng năm 2002,

• **Trần Văn Khuê**, 66 tuổi, giáo sư và nhà văn, bị bắt ngày 10 tháng ba năm 2002;

Nói lên với lòng xác tín rằng tất cả những nạn nhân trên đây sở dĩ bị bắt bớ trái phép, bị đe dọa, bạo hành và sách nhiễu chỉ vì đã dám phát biểu ý kiến của mình về những vấn đề có lợi ích quốc gia như là tình trạng vi luật, đòi tự do cho người dân, trao đổi văn chương giữa các nước hay là chống lại tình trạng tham nhũng;

Rất phản nản và không thể nào chấp nhận được về sự việc rằng : tự do phát biểu vẫn tiếp tục bị đàn áp một cách có hệ thống, không có một tờ báo phản ảnh tự do ngôn luận, cũng như không có một nhà xuất bản độc lập tại Việt Nam, trong khi đó, việc tiếp nhận, phiên dịch hay chuyển đi một ý kiến hay một tin tức liên quan đến vấn đề dân chủ hay hành vi của chính phủ trên internet là một trọng tội;

Đòi nhà cầm quyền Việt Nam :

1. Phải thả tức khắc và vô điều kiện **Nguyễn Đình Huy, Nguyễn Văn Lý, Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Hà Sĩ Phu, Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Bùi Minh Quốc, Trần Văn Khuê** và tất cả những nhà văn, nhà báo, nhà trí thức khác còn đang bị giam giữ, bị bắt một cách trái phép, hay bị quản thúc tại gia, vì nhà nước khi bắt những người này đã xâm phạm quyền tự do phát biểu của họ ;

2. Thu hồi Chỉ thị số 31/CP ngày 14 tháng tư năm 1997 hợp pháp hóa việc bắt bớ trái phép và giam giữ mà không đưa ra tòa án trong hai năm hay hơn nữa, đặc biệt đối với các nhà văn, nhà báo bị "ngghi ngờ có hành động vi phạm an ninh quốc gia". Đây là một lối đàn áp bị Ủy hội Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc lên án trong Khóa họp thứ 75 (tháng 7, 2002), vì rằng đi ngược lại điều 9 của Công ước Quốc tế về những Quyền Dân sự và Chính trị;

3. Bãi bỏ kiểm duyệt và những giới hạn đối với quyền tự do phát biểu, tự do sáng tác và xuất bản và tự do báo chí.●

VƯỜN MĂNG QUÊ NGOẠI



*Nhà của ngoại có vườn măng cụt
Nhờ sức người từng chút chăm lo
Đến đời con cháu mới cho
Cây sai đầy trái công do ông bà*

*Tàng cây râm quanh năm che phủ
Nắng mặt trời khó đủ lọt qua
Lá rơi từng chiếc la đà
Đầy trên mặt đất như là thảm
nhung*

*Trái măng tròn, da màu nâu sậm
Múi bên trong, ruột trắng như bông
Nếm vào vị ngọt đậm lòng
Thương cô gái nhỏ má hồng vườn
măng*

*Vườn quê ngoại chiếc nôi thanh
thản
Đã ru tôi ngày tháng bình yên
Cho tôi những giấc mộng hiền
Đẹp như truyện cổ thần tiên trong
dời...*

*Rồi lùa lạc nổi trôi đất khách
Đất quê tôi giờ cách ngàn khơi
Xin theo những áng mây trời
Bay về chốn cũ, vui đời điền viên.*

● Thơ-Chi-Việt

Phỏng vấn đặc biệt

THƯỢNG TỌA THÍCH VIÊN LÝ

Tổng Thư Ký Văn Phòng II Viện Hóa Đạo

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ

Lời giới thiệu của VNN:

Tình hình Phật sự tại Quê Nhà hiện nay ra sao? Cộng Đồng Việt Nam Hải ngoại sẽ tiếp tục làm gì để giải trừ cơn Pháp nạn hiện nay? Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất sẽ đóng góp như thế nào cho một nước Việt Nam Dân Chủ Đích thực phải đến trong tương lai? Đại Hội Thường Niên vừa qua của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ đạt thành quả ra sao và đã đi tới những quyết định quan trọng nào?... Để tìm hiểu những vấn đề này, VNN đã trân trọng được Thượng Tọa Thích Viên Lý, Tổng Thư Ký GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ dành cho một cuộc phỏng vấn đặc biệt dưới đây do phái viên Võ Triều Sơn thực hiện. Xin kính mời Quý vị theo dõi.

**

VNN: Kính Bạch Thượng Tọa, trước hết, xin Thượng Tọa cho biết về tình trạng sức khỏe hiện nay của Nhị Vị Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ cùng Thượng Tọa Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo Thích Tuệ Sỹ. Tình trạng giam giữ Quý Ngài hiện như thế nào?

Thượng tọa THÍCH VIÊN LÝ (TT. THÍCH VIÊN LÝ): Tình trạng sức khỏe của Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống và Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) hiện rất suy yếu lý do là vì Quý Ngài đã và đang sống trong một điều kiện thiếu thốn những

chăm sóc căn bản cần thiết về y tế, bên cạnh tuổi tác Quý Ngài ngày một cao mà chính sách khủng bố tinh vi của nhà nước lại ngày một gia tốc nên sự **suy sụp sức khỏe ở mức độ nghiêm khấn** của một phức thể giả hợp là điều không thể tránh được; dù vậy điều đáng nói ở đây đó là **thần trí của Quý Ngài vẫn tinh nhuệ vượt thường** và chưa một lần khuất phục trước những đe dọa từ bạo lực vì đã được huấn tập bởi những chủng tử vô úy, vị tha. Nhị Vị Hòa Thượng đã không xem trọng sự an nguy của bản thân mình mà chỉ một lòng cứu mang trách nhiệm đối với sự phúc lạc lâu dài của nhân thế. Quý Ngài đã can cường trực diện với cái ác, dám nói lên sự thật và lên tiếng trên nền tảng trí tuệ. Đại nguyện của Nhị Vị Hòa Thượng là biểu hiện cho đúng lực kiên định của những bậc Bồ Tát bất thối, là hiện thân của tinh thần vô ngã và lý tưởng của Bồ Tát đạo. Quý Ngài là những nhân vật của lịch sử và thời đại. Sự hy hiến vô bờ của Quý Ngài cho quê hương và dân tộc là tấm gương rực sáng và vô giá cho hàng hiện và hậu thế. Riêng Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ do tuổi tác trẻ hơn nên điều kiện sức khỏe tương đối khá hơn nhưng về mặt thật sự tự do để hành hoạt như pháp định thì đã không hơn gì tình trạng hiện nay của Nhị Vị Hòa Thượng Lãnh đạo tối cao của Giáo Hội.

VNN: Điều rõ ràng là sự tự do của Quý Ngài không thể do nhà cầm quyền CSVN ban bố được. Vậy, theo Thượng Tọa nghĩ, đồng bào Phật tử nói riêng và đồng bào Hải ngoại nói chung cần phải làm gì để có thể sớm đòi lại được tự do cho Quý Ngài?

TT. THÍCH VIÊN LÝ: Đương nhiên sự tự do của một cá thể đã và chưa bao giờ tùy thuộc hay được ban phát từ bất cứ thế lực ngoại tại nào. Đức Phật từng khái thị **"Nhân thị tối thắng"**:

Con người là trên hết, vì thế không ai có quyền nhân danh bất cứ thế lực nào tước đoạt quyền tự do căn bản của con người cũng như chà đạp phẩm giá cao trọng của một cá thể như Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền và nhiều Công ước Quốc tế khác đã minh thị; tuy nhiên, đối với một nhà nước mà bản chất của một chế độ tự nó là phi pháp và độc tài thì giải pháp cho vấn đề là nỗ lực hiện thực hóa ước vọng Tự do Dân chủ và Nhân quyền trong điều kiện khả thể. Tự do không thể có với chúng ta nếu chúng ta chỉ thuần túy ước vọng nhưng thiếu hẳn phương pháp hành động cụ thể, thù ứng. Chúng ta cũng không thể phó thác việc này cho ngoại nhân dù sự hỗ trợ của họ giá trị trong một chừng mực cố định nào đó. **Chúng ta cũng không thể ngồi yên lên án chế độ hay cầu nguyện trong một thái độ tiêu cực thiếu trách nhiệm** mà trước mắt, mỗi người nên xóa bỏ những quan kiến dị biệt, ngồi lại với nhau trong tinh thần liên đới trách nhiệm để mưu tìm một đối pháp khả thi hầu cứu vãn thảm trạng đen tối của đất nước và dân tộc vốn đã làm cho vô số sinh linh thống khổ. Dù trong bất kỳ tình huống nào, mục tiêu tối hậu mà chúng ta đã và đang theo đuổi không bao giờ để bị chệch hướng. **Mỗi con dân Việt**, dù đang sống ở trong hay ngoài nước, **cần luôn ý thức sứ mệnh thiêng liêng của mình** trước lịch sử dân tộc và loài người nhất là trước sự tồn vong thịnh suy của tổ quốc để nỗ lực dẫn thân hơn nữa.

VNN: Cảm ơn Thượng Tọa. Thượng Tọa có tin tức gì mới về hiện tình Giáo Hội Mẹ tại Quê Nhà?

TT. THÍCH VIÊN LÝ: Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Quốc nội vẫn đối diện trước một pháp nạn vô tiền khoáng hậu của lịch sử 2000 năm truyền thừa chánh pháp trên quê hương Việt Nam, nhưng **với hùng lực vô biên và thệ nguyện bất tận**, mạng mạch của chánh pháp vẫn còn được thủ trì và **chắc chắn là sẽ thắng lướt những cuồng duyên**, thách đố tạm thời để đạt đến tiêu đích cứu cánh tối hậu.

VNN: Theo Thượng Tọa nghĩ, Hải ngoại có thể làm được gì để giúp sức đưa Giáo Hội thoát khỏi tình trạng nguy nan bức tử hiện nay?

TT. THÍCH VIÊN LÝ: Đại Hội Thường Niên Lần thứ 2 Nhiệm kỳ III của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại - Hoa Kỳ Văn Phòng II Viện Hóa Đạo vừa qua đã Quyết Nghị cho các cấp Giáo Hội ở khắp Năm Châu đồng loạt tổ chức biểu tình qui mô tại các thủ đô lớn trên thế giới nhân ngày Quốc Tế Nhân Quyền, 10.12.2002, để vận động dư luận quốc tế yêu sách trả tự do cho Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Hòa Thượng Thích Quảng Độ. Vì thế **tôi kêu gọi đồng bào khắp nơi tại Hải ngoại hãy đồng loạt tham gia biểu tình** tại những nơi khả dĩ tạo được tác hưởng lớn lao đối với dư luận thế giới **trong ngày Quốc Tế Nhân Quyền sắp tới** nhất là tiếp tục gõ cửa những trung tâm quyền lực trên thế giới nhằm yêu cầu họ lên tiếng hỗ trợ công cuộc đấu tranh đòi Tự do, Nhân quyền và Dân chủ của chúng ta. Nỗ lực hơn nữa trong vai trò làm sáng tỏ mục tiêu và lý tưởng tranh đấu cho đại cuộc của những bậc anh hùng liệt nữ trong và ngoài nước nhằm **tác động tinh thần đấu tranh chung của toàn dân, đặc biệt hỗ trợ tích cực cho các cao trào phản kháng tại Quốc nội** hầu rút ngắn tiến trình Dân chủ hóa Việt Nam và đó cũng là cách thế giải phóng sự gông cùm cho những người vô tội trong đó có Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Hòa Thượng Thích Quảng Độ. Nhìn chung, cần vận dụng và triển thi đúng mức sách lược công tâm cả trong lẫn ngoài nước cách liên li và kiên định. Điều không kém phần quan trọng khác đó là **bồi dưỡng và duy trì niềm tin và nguồn hy vọng của quần chúng** trước công cuộc tranh đấu cho Tự do Dân chủ và Nhân quyền. Với niềm tin và hy vọng họ sẽ thắng lướt sợ hãi để **mạnh dạn đứng lên** đòi lại chủ quyền mà họ đã bị nhà nước cường đoạt bởi bạo lực phi pháp, đó **cũng là cách giúp Giáo Hội trong nước giải trừ nhanh hơn cơn pháp nạn bức thiết hiện tại**. Một yếu tố quan trọng khác đó là sự nỗ lực hành trì chánh pháp, vì có hành trì chánh pháp người Phật tử mới tri nhận ra được những gì đáng làm và cần làm để sứ mệnh cứu khổ độ sinh được đạt thành như nguyện.

VNN: Xin Thượng Tọa cho biết Đại Hội Thường Niên trên đây đã đạt được những thành quả ra sao và đã đi tới những quyết định quan trọng nào nữa?

TT. THÍCH VIÊN LÝ: Đại Hội Thường Niên của Giáo Hội năm nay đã đạt được những thành quả rất đáng khích lệ kể cả phương diện đối nội lẫn đối ngoại.

Về mặt đối nội, Giáo Hội chủ trương phát huy nội lực bằng cách thực hiện những khóa an cư kiết hạ, bố tát, tu học v.v... cho Tăng Ni và quần chúng Phật tử nhằm **thúc giác nội tâm** và trang nghiêm Giáo Hội nhất là **tổ chức học tập để mọi người thấu triệt nội dung của những văn kiện quan yếu của Hội Đồng Lương Viện** nhằm tăng triển hơn nữa sứ mệnh cứu khổ độ sanh của mình trước những nhu cầu tâm linh thời đại. Đại Hội cũng quyết tâm yểm trợ công tác phiên dịch Đại Tạng và những danh tác Phật học giá trị khác sang Việt ngữ nhằm tăng bổ kho tàng pháp bảo vô giá cho Phật Giáo Việt Nam. Đại Hội quyết định kiện toàn tổ chức, bổ sung nhân sự và thi triển toàn bộ năng lực để chăm sóc cho những thế hệ trẻ và quan tâm hơn nữa đối với các bậc trưởng thượng.

Về mặt đối ngoại, Đại Hội đã đồng thanh quyết nghị **đẩy mạnh công tác vận động đòi tự do cho Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Xử Lý Thượng Vụ Viện Tăng Thống và Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo cũng như những tôn đức giáo phẩm khác đang bị câu lưu, tù tội dưới chế độ Cộng sản** vì quyết tâm mưu tìm sự tự do hạnh phúc đích thực cho toàn dân một cách đồng bộ, đồng lúc kêu gọi đại khối nam nữ Phật tử toàn tâm hậu thuẫn và xúc tác cho công cuộc hiện thực hóa **Lời Kêu Gọi Cho Dân Chủ Việt Nam** đã được công bố ngày 21.2.2001 bởi Hội Đồng Lương Viện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất do Hòa Thượng Thích Quảng Độ ký và đã được sự tán trợ tích cực của rất nhiều nhân sĩ, trí thức và chính khách khắp nơi trên thế giới với trên 300.000 chữ ký của người Việt tỵ nạn tại Hải ngoại. Đại Hội đã quyết định yểm trợ Tổng Vụ Văn Hóa tổ chức cuộc Hội Thảo Văn Hóa Phật Giáo và giới phái đoàn tham dự Đại Hội Liên Hữu Phật Giáo Thế Giới tại Mã Lai cũng như phối hợp với các cộng đồng Phật Giáo của những quốc gia đang hành hoạt tại Hoa Kỳ yểm trợ tổ chức Đại Hội Liên Hữu Phật Giáo Thế Giới tại Tiểu bang California vào cuối năm 2004.

VNN: Cảm ơn Thượng Tọa. Qua Thông Cáo Báo Chí ngày 17.10 vừa qua của Văn Phòng 2 Viện Hóa Đạo, con được biết Đại Hội đã cố vũ mạnh mẽ Tăng Ni Phật Tử nắm rõ đường hướng mà Hội Đồng Lương Viện (Viện Tăng Thống và Viện Hóa Đạo) từ trong nước đã đưa ra. Xin Thượng Tọa cho biết, những đường hướng ấy gồm những điểm căn bản nào?

TT. THÍCH VIÊN LÝ: Đường hướng mà Giáo Hội mong muốn quần chúng Phật tử nắm vững đó là tiến trình Dân chủ hóa Việt Nam đặt **trên nền tảng của một tuệ giác, bi nguyện và hùng lực** siêu xuất nhằm giải thoát ách thống khổ của đồng bào và giải trừ tận gốc quốc nạn và pháp nạn bức thiết tại Quốc nội trong tinh thần đấu tranh bất bạo động xứng hợp với tâm lượng từ bi bao la vô lượng của ba đời mười phương chư Phật và bản hoài xuất thế độ sanh của Đức Từ Phụ Thích Tôn Như Lai. Đường hướng ấy đã thể hiện rõ nét trong **Lời Kêu Gọi Cho Dân Chủ Việt Nam** của Hội Đồng Lương Viện do Hòa Thượng Thích Quảng Độ Viện Trưởng Viện Hóa Đạo công bố cũng như nhiều Thông Điệp, văn kiện quan trọng khác của Giáo Hội.

VNN: Cũng qua Thông Cáo Báo Chí trên và như Thượng Tọa vừa trình bày, Lời Kêu Gọi Cho Dân Chủ Việt Nam của Hội Đồng Lương Viện đã được sự ủng hộ mạnh mẽ của mọi giới đồng bào cũng như chính giới Ngoại quốc. Xin Thượng Tọa cho biết lý do nào mà Lời Kêu Gọi đã được ủng hộ tích cực như vậy?

TT. THÍCH VIÊN LÝ: **Lời Kêu Gọi Cho Dân Chủ Việt Nam** đã được mọi tầng lớp khắp nơi trên thế giới ủng hộ tích cực lý do là vì nó không là một viễn kiến chính trị thuần túy, càng không phải phó sản của một tôn giáo ắp đầy cuồng tín và tham vọng quyền lực hay tình cảm vọng động nhất thời, mà trái lại nó thể hiện được ước vọng thầm kín và căn rễ nhất của mỗi một cá thể, đồng lúc hàm tàng tính khả thể, khai phát được ý lực của toàn dân, bảo đảm giá trị căn bản của quyền làm người, mở ra một vận hội mới nhằm đưa con người và đất nước bước vào thời kỳ cường phú và thái bình thịnh trị, bảo vệ được chủ quyền lãnh thổ, nâng cao trình độ tri thức và chấm dứt

những bất công, bạo động, nghèo khổ, lạc hậu, độc tài, bách hại v.v... Nói chung Lời Kêu Gọi đã phác thảo một định hướng khả thể đưa lịch sử đất nước và dân tộc vượt thoát giai kỳ đen tối nhất hiện nay, phản ánh đúng mức khát vọng của tổng thể quốc dân, ổn định thể chế chính trị, ngoại giao, kinh tế, giáo dục, văn hóa, y tế, môi sinh, quốc phòng v.v... trên một nền tảng đạo đức căn bản, khai phóng, thù ứng với truyền thống văn hóa đặc thù của dân tộc vốn có trên bốn ngàn năm văn hiến. Lời Kêu Gọi đó cũng đưa ra những nhận định chân xác về thực trạng đen tối, một hiện thực lịch sử đầy bi thiết của Việt Nam và nhất là đề ra giải pháp chữa trị ưu thắng 8 Điểm mà nội dung cốt lõi như đã trình bày.

VNN: Nhiều nhà nghiên cứu đã nhận định rằng bản văn của **Lời Kêu Gọi Cho Dân Chủ Việt Nam** trên đây của Hội Đồng Lương Viện có thể dùng làm căn bản cho Bản Hiến Pháp của một nước Việt Nam Dân Chủ trong tương lai. Thượng Tọa nghĩ sao về nhận định này?

TT. THÍCH VIÊN LÝ: Lời Kêu Gọi Cho Dân Chủ Việt Nam tuyệt đối không là Bản Hiến Pháp của một nước Việt Nam Dân Chủ trong tương lai vì như thế là đi ngược lại tinh thần dân chủ. Bởi lẽ Hiến Pháp của một quốc gia là do Quốc Hội Lập Hiến của quốc gia ấy soạn thảo, phù hợp với nguyện vọng của toàn dân và tương hợp với công pháp quốc tế. Do vậy, theo tôi, **Lời Kêu Gọi Cho Dân Chủ Việt Nam** của Hội Đồng Lương Viện GHPGVNTN chỉ là chương trình chính trị 8 Điểm nhằm thực hiện công cuộc Dân chủ hóa xã hội Việt Nam để từ đó xây dựng một thể chế Dân chủ thật sự trong đó Quốc Hội sẽ là cơ quan đại diện đích thực cho toàn dân để soạn thảo Hiến Pháp vạch ra hướng tiến quốc dân trên căn bản tái thiết quốc gia, ổn định trật tự xã hội, bảo đảm quyền Tự do Dân chủ căn bản, thực hiện công lý v.v... nhằm nâng cao nền tự chủ, độc lập, ấm no, hạnh phúc và thịnh vượng của đất nước.

VNN: Bước sang lãnh vực Văn hóa, GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ quyết định sẽ tổ chức một cuộc Hội Thảo Văn Hóa Việt Nam tại California vào tháng Một năm tới. Xin Thượng Tọa cho biết mục tiêu tổ chức cuộc Hội Thảo này và

sẽ ảnh hưởng ra sao với giới trẻ Việt Nam Hải ngoại?

TT. THÍCH VIÊN LÝ: Trên một bình diện nào đó ta có thể hiểu văn hóa là thước đo trình độ dân trí của một dân tộc, văn hóa đóng vai trò quyết định về hướng tiến của vận mệnh lịch sử đất nước. Đặc biệt nền văn hóa Phật Giáo là nền văn hóa đặc thoát đã đóng góp phần lớn vào sự tồn tại và phát huy văn hóa Việt Nam, do vậy khi quyết định tổ chức cuộc Hội Thảo Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam tất nhiên mục tiêu mà cuộc Hội Thảo nhắm đến là bảo lưu và phát huy nền văn hóa đặc thù siêu thoát ấy và, những tác động của cuộc Hội Thảo này đối với giới Trẻ Việt Nam là một tất hữu không thể phủ nhận.

VNN: Cảm ơn Thượng Tọa. Phái Đoàn GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ sẽ tham dự Đại Hội Liên Hữu Phật Giáo Thế Giới sẽ tổ chức tại Mã Lai Á. Xin Thượng Tọa cho biết Đại Hội này có mời Phái Đoàn Phật Giáo do CSVN quản lý trong nước không? Nếu có thì đối với Đại Hội, Phái Đoàn nào sẽ là tiếng nói chính thức của Phật Giáo Việt Nam?

TT. THÍCH VIÊN LÝ: Vì không là thành viên của Ban Tổ Chức Đại Hội nên không thể nắm vững danh sách phái đoàn tham dự Đại Hội kỳ này; tuy nhiên, theo tôi đây chỉ là Đại Hội Liên Hữu Phật Giáo Thế Giới, do vậy nó bao gồm mọi thành phần đại biểu và tính cách đại diện của một phái đoàn nào đó cho một quốc gia nào đó là điều không được xem trọng, lý do trong một quốc gia cùng có nhiều phái đoàn phó hội nhưng không nhất thiết phản ánh những quan kiến đồng nhất và đây là một biểu hiện cho thể chế sinh hoạt dân chủ của Phật Giáo; dẫu vậy mục tiêu chung mà Đại Hội nhắm đến là tạo sự thân hữu hỗ tương nhằm mang ánh sáng giáo lý Phật Giáo phổ cập vào mọi tầng lớp, chủng tộc.

VNN: Xin Thượng Tọa một câu hỏi chót: Theo Thượng Tọa nhận định, người Phật tử Việt Nam cần phải có thái độ ra sao đối với sự kiện Lãnh đạo CSVN đã nhượng đất, nhượng biển của Tổ tiên cho Trung Quốc?

TT. THÍCH VIÊN LÝ: Phật tử Việt cũng chính là công dân Việt, từng hy

hiến thân mạng của mình trong suốt quá trình lập quốc, kiến quốc và cứu quốc. Máu xương của người Phật tử đã từng trải ra để bảo vệ giang san bờ cõi Việt Nam, do vậy **không lúc nào người Phật tử Việt Nam không ưu tư đến vận mạng thịnh suy của tổ quốc và dân tộc.** Trong bức Thông điệp mang tựa đề Cư Trần Lạc Đạo Xuân Nhâm Ngọ, Đức Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Xứ Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống, đã bày tỏ lập trường của Phật tử Việt Nam về vấn đề này như sau: **"Sự toàn vẹn tâm linh con người chẳng khác chi sự toàn vẹn lãnh thổ một quốc gia. Nếu tiền nhân đem máu xương dựng nước và giữ nước, nay con cháu lại đem lãnh thổ quốc gia bán đố bán tháo cho ngoại bang, thì còn gì là quê hương của tổ tiên và dân tộc? Cũng như thế, tâm linh của con người không thể khiếp nhược quy hàng các thế lực nhất thời và vô đạo".** Những khẳng định trên đã phản ảnh trung thực suy thức chung của đại khối Phật tử về chủ quyền của lãnh thổ và lãnh hải Việt Nam. Tóm lại, lúc nào **người Phật tử Việt Nam** cũng sẵn sàng cống hiến sinh mạng của mình cho và vì **sự toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền Việt Nam.**

Thành thật cảm ơn ông Võ Triều Sơn, phái viên của thông tấn VNN đã dành cho chúng tôi cuộc phỏng vấn đặc biệt này, cầu nguyện ông và gia quyến luôn thành tựu trong mọi ước vọng tốt đẹp nhất.

Võ Triều Sơn: Đại diện cho Quý độc giả và thông tấn VNN, con xin chân thành cảm tạ Thượng Tọa Tổng Thư Ký đã dành thì giờ quý báu cho VNN thực hiện cuộc phỏng vấn hết sức hữu ích này. Xin kính chào Thượng Tọa và kính chúc Thượng Tọa thân tâm thường An Lạc và luôn luôn được kết tửng trong Ôn Phật.-

• Võ Triều Sơn



Lời Tòa Soạn:

Để rộng đường dư luận, chúng tôi xin phép tác giả Đỗ Hoàng Gia để đăng lại bài "*Tri túc bất nhục, hiện tượng Professor Đặng Văn Nhâm, Đan Quốc*"- bài này đã được công bố trên mạng lưới Internet vào ngày mùng Một Tết Nguyên Đán năm Tân Tỵ (24.01.2001), đồng thời chúng tôi cũng đăng "*Thư gửi Giáo Hội PGVNTN Hải Ngoại*" và bài viết "*Ông Đặng Văn Nhâm với ác tâm bôi nhọ Phật Giáo*" của Đại Đức Thích Hạnh Nguyên, sáng lập Trung Tâm Tu Học Viên Giác tại Bồ Đề Đạo Tràng, Ấn Độ.

(Viên Giác)

*
* *

Tri túc bất nhục và hiện tượng Professor Đặng Văn Nhâm, Đan Quốc Lão Tử dạy rằng: Tri túc bất nhục, tri chi bất đãi.

● Đỗ Hoàng Gia

Từ lâu, một số anh em chúng tôi ở Bắc Âu rất băn khoăn khi đọc một số tin sai lạc về Giáo sư Đặng Văn Nhâm hay những bài viết của Giáo sư, bắt đầu bằng hai chữ khá lạ: Đan Quốc. Ai chẳng biết giáo sư Nhâm ở Đan Mạch thì gọi là Đan Quốc, giống như Hàn Quốc, Hợp Chúng Quốc, Trung Quốc, Anh Quốc... Tuy nhiên, nước Việt Nam thì không ai đại gì mà bắt chước giáo sư Nhâm gọi là Việt Quốc. Gần Đan Mạch thì có Thụy Điển, Phần Lan, Na Uy, Thụy Sĩ, Băng Đào, Hòa Lan... thế nhưng có ai nói Phần Quốc, Băng Quốc, Hòa Quốc, Na Quốc đâu? Vậy theo giáo sư Nhâm, Thụy Sĩ gọi là Thụy Quốc, vậy Thụy Điển là Thụy gì? Ba Lan gọi là Ba Quốc, vậy Ba Tư là Ba gì? Tiếng Việt rất phong phú và dẫu biết rằng, sáng tạo ngôn ngữ và chơi chữ là thế giới của nhà văn, nhà báo nhưng tiếng Việt vẫn

có những qui tắc nhất định, không cãi ngang được. Chúng tôi là kẻ hậu sinh, vốn liếng ngôn ngữ mang theo ra xứ người không nhiều, nhưng Đan Mạch mà gọi là Đan Quốc nghe rất chói tai. Xin các bậc thức giả rộng tâm chỉ giáo.

Theo tài liệu báo chí và các sách báo cả tiếng Việt lẫn tiếng Đan Mạch mà chúng tôi hiện có trong tay (xin đính kèm), giáo sư Nhâm đã kinh qua những học vị, học hàm và chức vụ lãnh đạo như sau:

Giáo sư và ký giả từ năm 1953
Cựu học sinh Văn Khoa
Giáo sư & Giám Khảo của Viện Ngữ Học Đông Phương,
Đại Học Kobenhavn
Giáo sư thuộc Đại Học Đan Mạch
Phụ Khảo Trường Quốc Gia Cao Đẳng Thương Mại
Kobenhavn
Giáo sư AOF
Thông Dịch Viên hữu thệ, Nha Giám Đốc Ngoại Kiều, Bộ
Tư Pháp
Tiến sĩ Văn Chương Việt Nam
Giám đốc Quý Học Bổng Quốc Gia (Derektor for Statens
Uddannelsestotte for Studerende)
Giám đốc Nha Thông Tin và Giao Tế (Derektor for
Presse-og Folkoplysning)
Giáo sư Giáo Dục (Professor ved uddannelse)
Giáo sư Văn Chương (Professor ved litteratur)
Phụ tá Viện Trưởng Viện Đại Học Hòa Hào
Sáng lập và chủ nhiệm nhật báo Tiến và tuần báo Điện
nh và Truyền Hình (1963-1975)
Võ sĩ Tak Kwon Do đệ ngũ đẳng
Ủy viên Trung Ương Đảng Bộ Hải Ngoại / VNQĐĐ)
Chủ tịch Hội Đồng Việt Nam Tự Do Âu Châu
(Vietnamese council for a free Vietnam)
Phó chủ tịch VBVN HN, Chủ tịch VBVN HN

Sự thật là đâu, thừa các bậc thức giả?

**Về học hàm Giáo sư Văn Chương và Giáo Dục,
phụ tá Viện Trưởng ĐH Hòa Hào ở Việt Nam**

Giáo sư Nhâm chưa bao giờ có bằng tú tài và dạy đại học ở Việt Nam. Thế nhưng, viết tiểu sử hay đi đâu gặp những kẻ hậu sinh như chúng tôi hay người Đan Mạch, ông Nhâm đều tự giới thiệu là Professor, đặc biệt vào những năm 1975-1980, người Việt định cư ít, thông tin hạn chế, còn xa lạ nhau.

Giáo sư Nhâm, trước khi bước vào làng báo Việt Nam, dạy Việt Văn trường trung học tư thục Văn Lang, Đa Kao, Sài Gòn. Giáo sư Nhâm là giáo sư Trung Học Đệ Nhất Cấp, tiểu lâm có thể gọi là Junior High School Professor.

Giáo sư Nhâm chưa đỗ bằng tú tài 1 nhưng sao lại được dạy học ở Văn Lang? Thừa, không có gì là khó hiểu cả nếu chúng ta nhìn lại hoàn cảnh giáo dục miền Nam, trước và những năm sau cuộc di cư 1954. Lúc ấy, chỉ cần văn bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp thôi, cũng có thể dạy bậc Trung Học như thường, đặc biệt tại các trường tư thục. Trong hồi ký "Nhìn Lại Những Bến Bờ", nhà văn Duyên Anh có kể lại cái thời dạy học ở Long Xuyên chỉ có cái bằng Sơ Học Bồ Túc

năm 1947 ở Thái Bình. Thế mà Ban Giám Hiệu trường TH Hòa Hào / Nguyễn Trung Trực phong Duyên Anh Vũ Mộng Long là "giáo sư Đoàn Trọng Thu, cử nhân Anh Văn" và một người bạn chơi violon, Phạm Vĩnh, "giáo sư Lê Đình Bảo, cử nhân toán" ! (Duyên Anh, "Nhìn Lại Những Bến Bờ, Xuân Thu 1988, chương 14, từ trang 319-346). Cái thời giáo sư Nhâm làm professor cũng vậy, không đi xa hơn cái ngoại lệ này. Giáo sư Nhâm đã cố tình phớt lờ cái "lý lịch giáo sư Văn Lang năm 20 tuổi" thiết này vì ngộ nhờ có người nhận ra, lộ tẩy, khó chơi.

Giáo sư Nhâm bị tổng động viên, vào quân trường Quang Trung, Hốc Môn, chứ không vào quân trường Thủ Đức dành cho những người có bằng tú tài 1 trở lên.

Giáo sư Nhâm chưa có đến cái bằng tú tài I thì chuyện học ở Đại Học Văn Khoa, với chức danh "cựu sinh viên Văn Khoa" rồi "cử nhân", "tiến sĩ" coi như miễn bàn.

Nếu giấy tờ bằng cấp đã thất lạc dưới thời tao loạn, giáo sư Nhâm có thể cho biết sơ lược, tú tài, sinh viên năm nào, ban nào (Việt Hán chẳng ?), cử nhân năm nào (cử nhân giáo khoa văn chương chẳng ?), tiến sĩ năm nào, luận án về đề tài gì, giáo sư hướng dẫn luận án, hội đồng giáo sư, khoa trường nào cấp. Xin báo cho giáo sư Nhâm, sinh viên Văn Khoa Sài Gòn cuối thập niên 60, 70 cử nhân, cao học sống ở hải ngoại còn đông lắm đấy. Đã đi học thì có thầy, có bạn.

Vi là bạn từ hồi trung học phổ thông, TS Lê Phước Sang kéo giáo sư Nhâm về phụ trách dịch vụ bảo trợ xã hội sinh viên ở trường Đại Học Hòa Hào. Chức vụ này chẳng có gì là to tát, đặc biệt Đại Học Hòa Hào là đại học mới (thời kỳ 1969-1970, tương đối nhỏ. Vậy mà giáo sư Nhâm nỗ lực sắm bằng một tràng tiếng Đan Mạch :

Professor ved Høa Høa universitet i Saigon
Professor ved utdanning
Professor ved litteratur
Direktor for Press-og Folkoplysning
Direktor for Statens uddannelsestotte for
Studerende (S.U.S)

Tạm dịch như sau để hầu các bậc thức giả :

Giáo sư Đại Học Hòa Hào tại Sài Gòn
Giáo sư Giáo Dục
Giáo sư Văn Chương
Giám đốc Thông Tin và Báo Chí
Giám đốc Quỹ Học Bổng Quốc Gia & Trợ Cấp Xã Hội, tức ngang hàng với Giám đốc một Nha của Bộ Giáo Dục. Bởi chữ statens (the state's), ở Đan Mạch chỉ dùng cho cơ quan công quyền cấp trung ương.

Còn như chức vụ **Phụ tá Viện trưởng Đại Học Hòa Hào,** kính xin TS Lê Phước Sang ở bên Mỹ có thể phủ nhận hay xác nhận cũng như giải thích cho rõ hơn.

Giáo sư Nhâm biết tiếng Anh, Pháp, Đan Mạch... ông Nhâm hiểu rõ sự khác biệt giữa teacher và professor, giáo sư và giáo viên, laere và professor.

Điều kiện để phong hàm professor ở Tây phương như thế nào, có lẽ giáo sư Nhâm biết. Có một điều nhâm nhí là ở

miền Nam trước 1975, thầy dạy bậc trung học với đại học, đều được gọi tắt là giáo sư, nhưng khi dịch sang tiếng Anh, Pháp, Đan Mạch thì giáo sư đại học hay trung học hoàn toàn khác. Ngay cả chức vụ giảng dạy ở đại học, có một sự phân biệt rất rõ ràng, giảng viên, giảng sư, giáo sư thỉnh giảng, giáo sư nhiệm chức hay giáo sư thực thụ... Giáo sư Nhâm không thể viện dẫn cái trò nhâm nhí này để dịch giáo sư đệ nhất cấp tư thực Văn Lang thành professor được.

Giáo sư Nhâm thuộc đại học Đan Mạch ?

Xin thưa, ở Đan Mạch hay Đan Quốc không có cái đại học quái đản nào tên đại học Đan Mạch cả. Đó là đại học Âm Phủ. Thế nhưng khi tự viết bản tin báo chí về buổi ra mắt HĐ VN TD Âu Châu ngày 18.11.1991 tại quận 13, Paris, giáo sư Nhâm phỏng bút như sau: "*trên bàn chủ tọa, người ta thấy có TS Lê Phước Sang, chủ tịch BCHTU, HĐVNTD, Đại sứ William E. Colby, chủ tịch American Comitee For A Free Vietnam, Đại tướng Jean Harleim, chủ tịch comite Francais Pour Un Vietnam Libre, giáo sư Đặng Văn Nhâm, thuộc Đại học Đan Mạch, P. chủ tịch Văn Bút Âu Châu, chủ tịch BCH Âu Châu và TS Trần Bình Tĩnh...*".

Tự viết bản tin đưa cho báo Viên Giác ở Hannover, số 66/1991 bên Đức, giáo sư Nhâm đánh bóng thêm: "*Người ta nghĩ rằng, dưới tài lãnh đạo của tiến sĩ Lê Phước Sang và nhất là giáo sư Đặng Văn Nhâm người văn võ toàn tài, trong những ngày tháng tới đây HĐVNTD/Âu Châu sẽ trở thành tiếng nói vô cùng quan trọng cho khối người Việt quốc gia ở Âu Châu. Về văn đã thế, về võ thì thế nào ? Võ đây là võ sư Tak Won Do, ngũ đẳng tự phong và tự thất. Mười năm qua đã chứng minh thứ võ ma này không thể nào "trở thành tiếng nói vô cùng quan trọng cho khối người Việt quốc gia ở Âu Châu".*

Giáo sư AOF là giáo sư gì ? thuộc đại học nào?

AOF là chữ viết tắt từ tiếng Đan Mạch Arbejderens Oplysningsforbund. Đó là tổ chức giáo dục đại chúng tương tự như Bách Khoa Bình Dân / Giáo Dục Tráng Niên của ta. AOF không thuộc Bộ Giáo Dục hay các cơ quan giáo dục công ở địa phương, mà phần lớn do các nghiệp đoàn lao động tổ chức và quản lý.

Có thể dịch nôm ra tiếng Anh để hầu các vị thức giả như sau - Worker's Information Association. Ở Đan Mạch cũng như một số nước Bắc Âu khác như Thụy Điển, Na Uy, các lớp AOF được dạy vào ban đêm, về đủ mọi ngành nghề, thượng vàng hạ cám, từ dạy nấu ăn, đan len, dạy đánh đàn guitar võ lòng, dạy làm bánh, cắm hoa, làm hoa giả, vẽ, tiếng Đan Mạch cho ngoại kiều, ngoại ngữ đàm thoại, may vá...

Học viên tự do ghi tên, đóng học phí tượng trưng. Các khóa học này, kéo dài khoảng từ 1 tháng đến 3 tháng, có thể 1 hay 2 tối một tuần, mỗi tối khoảng 2 giờ. Vì không thi cử và tốt nghiệp ra ông này bà nọ, nên học viên muốn ngày nghỉ ngày đi cũng được. Có những môn hoàn toàn để tiêu khiển và giải trí là chính như nhảy đầm, yoga... Về phía giáo viên giảng dạy, ngoài kiến thức chuyên môn, chẳng đòi hỏi bằng cấp gì hết. Thí dụ, chị Ba Hàng Xanh giỏi nấu ăn, nói tiếng Đan Mạch trôi chảy (nếu cần vẫn có thông dịch) có thể

liên lạc với trung tâm AOF xin mở khóa nấu cơm Việt Nam. Vào buổi tối mỗi tuần, thầy mang nồi niêu xoong chảo, mắm muối, rau thịt ra, thầy "lên lớp" và biểu diễn nấu nướng, rồi sau đó thầy trò nhâm nhi thưởng thức với nhau. Chị Ba có tiền còm thêm ngoài lương chính là công nhân hãng xưởng gì đó nhưng chị Ba vẫn là chị Ba Hàng Xanh. Chắc chị Ba không dám khoe là giáo sư AOF. Khóa học nấu ăn của chị Ba được nhiều học viên khen, có thể tiếp tục vài ba khóa nữa. Ngân sách không cấp vốn nữa hay học viên ghi danh quá ít, chị nghỉ.

Trong chúng tôi, khi còn đi học, có bạn đã từng dạy tiếng Việt cho người Đan Mạch cho trung tâm AOF vào ban đêm. Thành thạo bạn thi cử bài vở quá nhiều thì nhường cho bạn khác, kiếm chút cháo. Đây là chức giáo viên ngoại ngữ, tiếng Đan Mạch gọi là sproglære (language teacher). Giáo sư Nhâm cũng từng làm nghề này trước đây, tức **sproglære**. Đạo đó, đi đâu ai hỏi chúng tôi làm nghề gì, mỗi lần trả lời là giáo viên ngoại ngữ, chúng tôi cũng thấy ngại vì nghe có vẻ hách xì xằng quá. Quái kiệt như giáo sư Nhâm mới tự phong là "**được bổ nhiệm làm giáo sư AOF**". Tuy nhiên giáo sư Nhâm ma lảm, khi viết tiểu sử bằng tiếng Đan Mạch, giáo sư Nhâm không bao giờ dám ghi professor AOF, sợ người bản xứ họ cười cho, có khi kiện giáo sư Nhâm ra tòa vì tội tiếm danh thì phiền !

Giáo sư Nhâm lên tiểu sử cho biết đã làm **Thông Dịch Viên hữu thệ** cho **Nha Giám Đốc Ngoại Kiều, Bộ Tư Pháp**. Vậy Thông Dịch Viên hữu thệ là lẽ gì ? Thông dịch viên hữu thệ người thông dịch đã thề trước tòa án. Thông dịch viên hữu thệ là định chế ngày trước ở Việt Nam (có thể từ thời Pháp thuộc), để bảo đảm tính cách khả tin trong việc chuyển ngữ, đặc biệt những vấn đề pháp lý. Thông dịch viên hữu thệ phải có một trình độ ngoại ngữ cao và lưu loát, chuyên môn giỏi và do đó vị trí cao hơn thông dịch viên thường. Riêng tại Đan Mạch và một vài quốc gia Bắc Âu không có định chế "hữu thệ" này. Họ có hệ thống và trường lớp để đào tạo / thi tuyển những chuyên viên thông dịch này. Những người tốt nghiệp ra gọi là **autoriseret tolker/oversetter** (certificated translator) cao hơn một bậc thì gọi là **statsautoriseret** (Public certificated). Chữ **statsautoriseret** rất quan trọng. Ở một số ngành nghề như, thanh tra tài chính, thông dịch, địa ốc, chuyên viên giám định tài sản... thì chỉ những người có **statsautoriseret** mới được mở công ty, văn phòng hành nghề độc lập. Người có **autoriseret** có thể hành nghề độc lập nhưng ở một mức độ thấp và khiêm tốn hơn. Thực ra, Giáo sư Nhâm cố tình thêm hai chữ **hữu thệ** cho nó oai, ta đây làm thông dịch nhưng thông dịch cõi trên! Thông Dịch Viên loại hữu thệ như giáo sư Nhâm mà mở văn phòng kinh doanh độc lập ở tù như chơi! Chúng tôi cũng từng làm nghề thông dịch cho các kommune - đơn vị hành chính tự trị địa phương - từ ngày còn đi học. Dịch đủ thứ, từ chuyện cãi nhau, xin tiền xã hội, thất nghiệp đến thẩm vấn tại các Ty Cảnh Sát nhưng chẳng ai màng đến hữu thệ hay vô thệ. Ra tòa, ai chẳng phải thề.

Còn Nha Giám Đốc Ngoại Kiều là cái gì ?

Thực sự, phải dịch là Nha Ngoại Kiều, nguyên văn từ tiếng Đan Mạch, Direktoratet for Udlændinge. Chữ Direktoratet có nghĩa như một Nha thời VNCH, không có

nghĩa là **Giám Đốc**. Riêng giáo sư Nhâm cần thiết phải thêm chữ **Giám Đốc** cho nó sướng con ráy! Ý chừng làm việc ở Nha này chỉ toàn giám đốc!

Giáo sư Nhâm đã xạo sự mà còn lười biếng tìm tòi và nghiên cứu. Direktoratet for Udlændinge tức **Nha Ngoại Kiều** thuộc Bộ Nội Vụ (Indenrigsministeriet) chứ không phải Bộ Tư Pháp (Justitsministeriet). Làm việc tại cơ Nha mà không hề biết Bộ chủ quản thì kể ra cũng lạ. Cả hai cơ quan công quyền này cho biết từ trước đến nay chưa hề tuyển dụng một công dân Việt Nam nào tên Đặng Văn Nhâm làm thông dịch viên, kể cả hữu thệ lẫn vô thệ.

Giáo sư / Giám khảo / Phụ khảo Viện Ngữ Học Đông Phương, Đại Học Kobenhavn và trường Quốc Gia Cao Đẳng Thượng Mãi Kobenhavn ?

Giáo sư Nhâm dịch bốt là Giáo sư từ chữ **undervisningsassistent**, Giám khảo và Phụ khảo từ chữ **cencor**. Chữ undervisningsassistent có nghĩa là trợ giáo. **Assistent** là ngạch trật hành chánh thấp nhất, lương thấp nhất, dành cho người tập sự không chuyên môn. Nếu làm văn phòng là loại sai vật. Giáo sư Nhâm có đến đây vài lần để giúp họ một số vấn đề tiếng Việt. Họ có giáo sư người Đan Mạch chuyên về Đông Phương và Việt Nam. Giáo sư Nhâm phụ giúp ăn lương giờ, chứ Giáo sư Nhâm chưa bao giờ là nhân viên chính thức ở đây. Làm ăn lương ở đâu mà chẳng phải ký khế ước lao động, chứ làm gì mà có cái chuyện "cả Hội Đồng Học Vụ bổ nhiệm".

Sự thực là đây

Giáo sư Nhâm đã từng làm nghề thầy giáo dạy tiếng Việt cho trẻ em Việt Nam và làm thêm chân tùy phái -chân hành chánh long toong- một cách giúp đỡ ưu ái cho đủ giờ lao động, ở một trường trung tiểu học ở Tastrup, gần nơi ông cư ngụ. Đây mới là cần câu cơm chính của giáo sư Nhâm nhưng giáo sư nhà ta cứ lơ đi. Ở Bắc Âu, chính phủ tổ chức và tài trợ việc dạy tiếng mẹ đẻ cho các sắc dân. Họ đưa việc dạy tiếng mẹ đẻ vào hệ thống giáo dục chung. Học sinh ngoại kiều có thể chọn tiếng mẹ đẻ của mình làm sinh ngữ hai thay vì tiếng Đức, Pháp...

Giáo sư Nhâm dạy tiếng Việt thì đương nhiên sẽ chấm bài thi của học sinh. Chấm bài thi thì có thầy chấm bài trường này, thầy chấm bài trường khác, trao đổi cho vô tư và công bằng. Có gì đâu mà bốt thành Giám Khảo, Phụ Khảo. Người Việt làm nghề dạy tiếng mẹ đẻ hiện nay khá đông tại Đan Mạch.

Trường **Thượng Mãi Kobenhavn** là trường dạy về khoa quản trị kinh tế & tài chính khá nổi tiếng ở Đan Mạch. Vào học trường này không dễ. Nhiều khuôn mặt lãnh đạo các công ty lớn hiện nay xuất thân từ trường này. Cũng không biết trường **Thượng Mãi Kobenhavn** bổ nhiệm giáo sư Nhâm làm **Giám Khảo** để dạy ai và dạy cái gì ? Phụ khảo cái gì ? Một bạn quen chúng tôi đã học trường này, không hề thấy bóng dáng giáo sư Nhâm bén mảng đến đây bao giờ. Chính người quen này dẫn chúng tôi vào hần Phòng Tổ Chức Nhân Viên (P & O), rà lại hồ sơ cũ tên các nhân viên giảng huấn, nào có thấy tên giáo sư Nhâm. Đan Mạch hết

người rồi sao mà phải "ký quyết định bổ nhiệm" một anh "An Nam Mít" chưa có cái bằng tú tài làm giáo sư, giám khảo ?

Sau đây là một số địa chỉ mà quý vị thức giả có thể kiểm chứng :

Copenhagen Business School
Phone 45 3815 3815
Solbjerg Plads 3, 2000 Fredriksberg
Danmark
Email : cbs@cbs.dk

University of Copenhagen
P.O Box 2177
DK-1017 Copenhagen K
Danmark
Phone 45 35 32 26 26
Email : ku@ku.dk

Giáo sư Nhâm là một tai nạn cho tổ chức Hội Đồng Việt Nam Tự Do

Giáo sư Nhâm là một thứ "political handicap" cho tổ chức Hội Đồng Việt Nam Tự Do. Chúng tôi không có khả năng phân tích về HĐVNNTD do Ts Lê Phước Sang lãnh đạo, chỉ bàn về vai trò của giáo sư Nhâm như là chủ tịch HĐVNNTD/Âu Châu. Với một ý thức cẩn trọng và hết sức tránh đề cập đến những chi tiết tế nhị, tuy nhiên kẻ hậu bối có điều gì làm Tiến sĩ không vui, xin Tiến sĩ rộng tâm lượng thứ.

Khi nhận được tin giáo sư Nhâm được chỉ định làm chủ tịch HĐVNNTD/Âu Châu, chúng tôi biết trước một điều: phong trào HĐVNNTD/Âu Châu dưới sự lãnh đạo của giáo sư Nhâm, sẽ đi vào ngõ cụt. Việc chỉ định này là một sai lầm cả về lượng và về phẩm. Mười năm trôi qua, chúng minh sự suy nghĩ của chúng tôi là không sai. Tại sao ?

Sau khi ở Pais về, với danh nghĩa chủ tịch HĐVNNTD/Âu Châu, giáo sư Nhâm đã mở một chiến dịch phát triển mạng lưới khắp Bắc Âu bằng những lá thư nội dung nguyên văn như sau:

"Xin anh vui lòng nhận giúp cho một chức vụ trong BCH/ÁC nhé. Nhờ anh phổ biến đến các thân hữu dùm. Trông cậy nói anh nhiều lắm".

"Tôi cũng mong anh hè này anh sẽ cố gắng cùng anh em về Washington D.C dự đại hội. Đông đảo anh em khắp năm châu sẽ hội ngộ tại đây. ĐVN".

Không chắc sẽ được hưởng ứng, Giáo sư đã gửi thư đến tất cả khoảng 30 người nhờ *nhận giúp cho một chức vụ trong BCH/ÁC*, với lời hứa khá hấp dẫn: *cùng anh em về Washington D.C dự đại hội. Đông đảo anh em khắp năm châu sẽ hội ngộ tại đây*. Trong những vị này, đa số là chỗ sơ giao, không biết nhiều về Giáo sư. Họ là những người chín chắn, đã vào sinh ra tử, đã nếm mùi tù tội, đã bị hào quang kháng chiến lừa phỉnh còn chưa tỉnh, nên họ phân vân và tìm hiểu với nhau rộng hơn về giáo sư Nhâm. Cuối cùng, không một ai dám nhận lời. Họ im lặng. Nhưng là sự im lặng dễ hiểu.

Đường trần hai lối mộng hay đồng sàng dị mộng

Mục đích cao nhất của giáo sư Nhâm là nắm cho được một chức danh lãnh đạo nào đó, để được ăn được nói, được đi đây đi đó, được đọc diễn văn, ngồi bàn chủ tọa với các nhân vật tầm tiếng, bắt tay hay chụp hình với tiến sĩ này, bác sĩ nọ, kỹ sư này, luật sư nọ, cựu tướng này, cựu bộ trưởng kia, cựu giám đốc này... và để ghi thêm vào cái tiểu sử vốn toàn chức danh bịa đặt. Thiệt là thiệt thòi cho HĐVNNTD. Có thời kỳ mấy năm liền, Giáo sư đi đâu cũng mang theo 2 cuốn album. Trong 2 cuốn album bửu bối, giáo sư đã chung tất cả tấm ảnh giáo sư từng chụp với các cựu tướng này, chủ tịch, bác sĩ, nhà văn, nhà thơ, nhà báo, đến cựu hoàng Bảo Đại cũng không tha... Là những con người bình thường, chúng ta thông cảm về cái "tật" vay mượn hào quang ở nơi một số đàn anh. Nhưng chúng ta không nể phục. Chiến dịch vận động của giáo sư Nhâm được đáp lại bằng hư không là thế.

Khổng Minh tái thế

Giáo sư Nhâm là một trong những người Việt tỵ nạn định cư sớm nhất tại Đan Mạch. Những năm đầu. Giáo sư là khuôn mặt sáng của tập thể người Việt tỵ nạn. Đáng kể nhất là giáo sư lãnh đạo chiến dịch chống chiếu phim "Vietnam, a history". Nhưng thời gian qua đi, người Việt đông dần, hình ảnh tốt đẹp ban đầu cũng theo đó mà tàn phai. Giáo sư muốn thiên hạ phải xem Giáo sư là Khổng Minh tái thế nhưng lại khinh khi phách lối với thần dân. Nhờ lộc trời, đám đông tầm thường chúng tôi bắt đầu sáng mắt ra, không còn tin Khổng Minh có thể tái thế. Đám đông bắt đầu sợ hãi Giáo sư. Đám đông không còn phục Giáo sư. Đám đông không còn trọng Giáo sư nữa. Từ đó Giáo sư không còn tham dự hay có mặt trong bất cứ sinh hoạt chung với thần dân Việt Nam tỵ nạn nữa.

Vẽ voi

Là chủ tịch HĐVNNTD/Âu Châu nhưng sau lưng không có đến một tổ chức, hội đoàn nào trừ cá nhân ông Lương Tuấn Tước, Phó chủ tịch phụ trách Bắc Âu. Cả ba nước Bắc Âu: Đan Mạch, Thụy Điển, Na Uy chỉ có giáo sư Chủ tịch và ông Lương Tuấn Tước. Một chủ tịch và một phó chủ tịch ở Bắc Âu, không còn ai. Ông Lương Tuấn Tước phụ trách Bắc Âu nhưng chưa có biết Stockholm và Oslo là đâu! Thế mà, giáo sư Chủ tịch đã dàn dựng ngay sơ đồ tổ chức, BCH Đan Mạch, BCH Thụy Điển, BCH Na Uy trình Ts Lê Phước Sang, báo cáo khắp năm châu bốn bể! Xin Ts Lê Phước Sang nhớ lại, từ đó đến nay, Tiến sĩ đã bắt tay hay sinh hoạt với BCH của 3 nước Bắc Âu lần nào chưa ? Thực ra giáo sư Nhâm khá thích hợp cho vai trò con thoi vào những lúc tranh tối tranh sáng. Khi bước vào giai đoạn dần thân thực tế thì Giáo sư thiếu yếu tố quần chúng, tức đám đông. Làm cách mạng chính trị mà thiếu đám đông, coi như làm kiếng. Làm chính trị như chính phủ lâm thời của chú Chánh hiện nay là một thí dụ sống động. Đó là trò chơi của những thằng điên nặng.

Sáng lập và chủ nhiệm nhật báo Tiến, tuần báo Điện nh & Truyền Hình (1963-1975)

Xin để ý thời điểm 1963-1975. Chúng tôi đã mất nhiều thời gian để tra cứu tài liệu sinh hoạt báo chí VNCH thời điểm 1963-1975 mà không thấy đề cập đến tờ báo Tiến.

Sách biên khảo "Những Ngày Cuối Cùng Của VNCH" của giáo sư Nguyễn Khắc Ngũ, "Việt Nam Văn Học Tổng Quan" của Võ Phiến và một số tài liệu đăng báo của giáo sư Nguyễn Hùng Cường về sinh hoạt báo chí dưới thời VNCH... không thấy đề cập một chữ về tờ báo Tiến. Các vị lớn tuổi đều nhớ đến tờ Độc Lập, Hòa Bình, Sóng Thần, Bút Thép, Xây Dựng, Đại Dân Tộc, Trắng Đen, Tia Sáng, Điện Tín, Đông Phương, Chính Luận... mà không nhớ nổi tờ nhật báo tên Tiến. Có lẽ, tờ báo Tiến của giáo sư Nhâm đã có hiện diện trên cõi đời này nhưng vẫn số, chết yếu. Vậy tờ báo Tiến không thể nào sống dai từ 1963 đến 1975 được. Trong thời kỳ này, giáo sư Nhâm vừa dạy văn chương, dạy khoa học giáo dục, giám đốc hai ba Nha sở bệ thế, lại còn Phụ tá Viện trưởng Đại Học Hòa Hào... vậy tay đầu mà giáo sư Nhâm làm báo, khơi khơi 12 năm liên tục ? Xin các bậc thức giả biết rộng hiểu cao soi sáng thêm cho cái uẩn khúc này.

Ủy viên Trung Ương Đảng Bộ Hải Ngoại VNQDD

Không biết giáo sư gia nhập VNQDD bao giờ và leo lên chức gì trong tổ chức này. Chuyện này, chúng tôi không biết được, mong giới hữu trách lên tiếng, để trả một sự thực cho lịch sử. Tuy nhiên, có rất nhiều tài liệu nội bộ của Bộ Hải Ngoại / VNQDD đã được giáo sư chụp lại gửi đi khắp nơi mấy nước Bắc Âu, cốt khoe là yếu nhân của VNQDD/HN, Ủy Viên TƯ VNQDD/HN sinh hoạt ở đâu bên Mỹ chứ ở Đan Mạch thì Giáo sư hoạt động khá cô đơn. Nếu điều này, tức giáo sư Nhâm là Ủy viên Trung Ương có thực, quả là một thiệt thòi cho VNQDD. Dưới đây là một thí dụ :

*Dân Chủ Tự Do Ấm No Hạnh Phúc
Việt Nam Quốc Dân Đảng
Trung Ương Đảng Bộ Hải Ngoại*

*Bí Thư Trưởng Hội Đồng Lãnh Đạo kiêm Bí Thư Bộ
Chính Trị Trung Ương
Số 06/VNQDD/HN/BTT*

*Hải ngoại, ngày 20 tháng 2 năm 1988
Kính gửi ĐC Đặng Văn Nhâm
Ủy viên Trung Ương Đảng Hải Ngoại*

.....

Đôi điều bản thảo

Nội dung của bài viết này đã được phác họa, cách đây 5 năm. Khi viết gần xong, một người bạn đặt lại vấn đề: có nên công khai đưa hiện tượng giáo sư Nhâm ra công luận ? Ý kiến là chúng ta nên dành thời giờ, sức lực đánh kẻ thù CS hơn là ba cái chuyện tào lao về ông Nhâm. Nếu không làm được gì cho đất nước thì cũng đừng làm cho nó rối lên. Mọi người khựng lại và "ngâm" bài viết. Coi như quên.

Cuối tháng 12/2000 rảnh rỗi, chúng tôi vào Nguyệt San Việt Nam Online, đọc được mấy thông báo/ thư/ tài liệu của giáo sư Đặng Văn Nhâm gửi văn hữu VN hải ngoại, về những vấn đề tranh chấp nhân sự nội bộ Văn Bút Việt Nam HN, đặc biệt mấy lá thư tiếng Anh ông ấy gửi cho Tổng Thư

Ký International P.E.N, ông Terry Carlbon. Đọc xong, chúng tôi thấy có một cái gì không ổn. Sự bất ổn này là động lực chính thúc đẩy chúng tôi đồng thuận đem bài viết này ra hiệu đính lại và chọn ngày mùng 1 Tết Nguyên Đán, đưa ra xa lộ internet xông đất.

Giáo sư Nhâm đã gây ra hai tai họa cho VBVN HN

Vụ thứ nhất. Húng sảng làm một bài tưởng niệm khóc thương nhà thơ Nguyễn Chí Thiện. Rồi cương ẩu mang ra đọc trước Đại Hội VBVN/HN Âu Châu, ngày 31.1.88 tại Stuttgart, Tây Đức. Sau đó được đăng trên tờ Tin Văn, Bản Tin do TT Âu Châu / VNVNHN, ấn hành.

Vụ thứ hai. Đã khinh thường và bĩ mặt ông Terry Carlbon. Đó là một việc làm bất lương và ngu xuẩn.

Tai nạn thứ nhất: cái tội húng sảng và cưỡng ẩu.

Để làm quà đáp lễ cho các văn hữu đã giao cho cái chức Phó Chủ tịch, giáo sư Nhâm bèn nhảy lên diễn đàn đọc một bài tưởng niệm khóc thương nhà thơ Nguyễn Chí Thiện đã chết trong ngục tù Cộng sản. Bài tưởng niệm mà viết như bài luận văn trình độ lớp trung học, trung học đệ I cấp, toàn sáo ngữ, "**vội tôi như tiếng sét ngang trời", bàng hoàng sững sờ... như mình và tác giả đã có sự tưởng giao nào đó thật sâu xa, thâm kín", "những than ôi, bây giờ thực tế phũ phàng đã đánh tan ảo mộng của tôi rồi !"** (Đã là ảo mộng thì thực tế nào có thể đánh tan cho phũ phàng được? Khiếp thật. Chịu không nổi văn tài của giáo sư Phó chủ tịch Văn Bút! *Vậy thì tử nay, bu nó, thẳng cu, cái hĩm, có thể ứng cử đến cái chức Phó chủ tịch VBVNHN được rồi. Đất văn học nhà ta phát rồi con ạ.*

Các bậc thức giả muốn có nguyên bản để thưởng lãm, xin liên lạc với quý vị cựu BCH VBVNHN / Âu Châu thời bấy giờ.

Nhưng cảm hứng về ảo mộng của giáo sư Nhâm còn phảng phất chưa tan thì trời xui đất khiến thế nào mà tổ chức Amnesty International (Ấn Xá Quốc Tế) ở bên London, Anh quốc hay được. Họ bèn gửi thư chất vấn Phó chủ tịch Văn Bút Nhâm. Họ viện dẫn rằng Amnesty International đã bảo trợ người tù lương tâm Nguyễn Chí Thiện và nhiều năm đã can thiệp người tù đặc biệt này. Nay, qua giáo sư Phó chủ tịch, họ mới biết người tù lương tâm này đã chết. Họ rất quan ngại và xin giáo sư Nhâm xác nhận lại cũng như cho biết thêm người tù đã chết như thế nào. Dĩ nhiên giáo sư tịt ngòi bằng cách chống chế rằng giáo sư đã "giải mã" cái chuyện chết này từ cuốn sách Tháng Tư Đen của ký giả Oliver Todd mới xuất bản. Chúng tôi đã tiếp xúc với Amnesty International bên London về chuyện này, họ cho biết là giáo sư Nhâm tưởng niệm tầm bậy. Họ chất vấn chẳng qua, muốn cảnh cáo ngầm giáo sư Nhâm. Họ coi khinh cái lối "đánh bùn sang ao" chày cối của giáo sư Phó chủ tịch. Biết mình hổ, mà không hề có thái độ văn minh nhận lỗi. Đó là về tư cách cá nhân của giáo sư Nhâm, nói riêng. Từ ngày đó, VBVNHN cũng mất thể diện của một tổ chức tham khảo nghiêm chỉnh và tín nhiệm đối với Amnesty International. Có lẽ, các quan chức trong VBVNHN và các bậc thức giả biết rõ cái hậu quả tai hại dưới mắt người Tây

phương do việc làm nhớ nhãng của một ông Phó Chủ Tịch VBVNHN.

Cũng không biết thi sĩ Nguyễn Chí Thiện từ khi sang Mỹ có nghe qua hay đọc bài "tưởng niệm sống" của giáo sư Nhâm. Nếu thi sĩ Nguyễn Chí Thiện mà đọc chắc ông buồn cười lắm, nhất là đoạn cuối cùng, giáo sư Nhâm đã dám cả quyết "**như vậy, hẳn là Nguyễn Chí Thiện sẽ được ngậm cười nói chín tuổi vì ước mơ của ông đã đạt thành**". Văn-chương-bình-dân-An-Nam-tế-sống-thập-loại-chúng-sinh sẽ tăng thêm màu sắc sau khi bài tưởng niệm sống của giáo sư Nhâm nhẹ nhõm đi vào văn học sử nước nhà.

Đề nghị Giáo sư can đảm làm một cử chỉ văn minh và công bình bằng cách xin lỗi thi sĩ Nguyễn Chí Thiện vì cách đây 13 năm đã lỡ chôn sống một người chưa muốn chết.

Amnesty International

International Secretariat

1 Easton Street London WC1X 8DJ

United Kingdom

Dang Van Nham

Hallandsparken 150

2830 Tarstrup

Demank

Our reference : ASA.41.VFA - 1988

Dear Dang Van Nham,

Ref. Nguyen Chi Thien (please quote)

We have recently received a copy of your article "Mourning Nguyen Chi Thien, A Genius who died in a communist prison" which you read at the Vietnamese PEN Club Abroad conference in Stuttgart in January.

Amnesty International has adopted Nguyen Chi Thien as a prisoner of conscience and has campaigned for some years for his release from detention. We are obviously very concerned indeed by reports that the prisoner has recently died in detention and are anxious to confirm such reports. We are very grateful if you could let us know the source of your information and any details of the circumstances of the prisoner's death you may have been able to obtain.

Thank you in advance for your attention and I look forward to hearing from you soon.

Your sincerely,

Victoria Forbes Adam

Asia Research Department

Tai nạn thứ hai: cái tội khinh thường và bĩ mặt ông Terry Carlbom

Chuyện tranh chấp về nhân sự VBVNHN đã xảy ra từ lâu. Cả làng. Cả nước. Và cả thế giới PEN biết. Trong thời

gian tranh chấp, các phe lâm chiến và đồng minh có quyền xuất mọi thế kiếm, mọi chiến pháp để đoạt được Cửu Âm Chân Kinh, giành chức vô lâm Văn Bút VNHN. Không phải là hội viên, chúng tôi không biết gì nhiều. Vô can.

Chúng tôi chỉ lăm bàn về lá thư tiếng Anh ngày 30.11.2000 giáo sư Nhâm gửi cho ông Terry Carlbom. Lá thư này đã làm chúng tôi rất xấu hổ và phẫn nộ. Xấu hổ cho con người Việt tự do sinh sống ở hải ngoại. Phẫn nộ về sự ngu xuẩn và thấp kém về tư cách lẫn tác phong của giáo sư Nhâm. Đó là việc giáo sư Nhâm tố cáo với ông Terry Carlbom một lô tên tuổi "văn hữu đối thủ" liên hệ về những vụ án đã có phán quyết hay đang được thụ lý hay dư luận tố cáo. Xin được dài dòng để tránh một vài ngộ nhận không cần thiết và làm rõ chính đề.

Giáo sư Nhâm tố cáo điều này bằng tiếng Việt cho người Việt, chúng tôi sẽ không bao giờ vô phép lên tiếng.

Chúng tôi không có khả năng xem xét đúng sai, kể cả về bản chất của sự việc và sự kiện. Tuy nhiên, theo suy đoán thông thường, chúng tôi cũng có thể hiểu rằng, những sự kiện Giáo sư Nhâm kể cho ông Terry Carlbom không sai.

Chúng tôi không có tham vọng chạy tội cho cá nhân ai, dù rằng thực ra, toàn là bệnh tranh chấp nghề nghiệp, khi mà cơm không còn ngon và canh không còn ngọt nữa. Tuy nhiên, luật là luật. Phạm luật thì bị tù, bị phạt.

Đọc những điều tố cáo, ông Terry Carlbom chỉ biết vậy chứ không thể làm gì hơn. Là nhà văn, dù có phạm tội gì chẳng nữa, không ai có quyền khước từ tác phẩm của họ. Không ai có quyền khước từ tư cách "văn bút" của họ, kể cả ông Terry Carlbom, TTK International PEN. Giáo sư và chúng tôi sống ở Bắc Âu khá lâu, trải qua quá nhiều mùa đông lạnh lẽo ở xứ sở này, hiểu được phần nào cách sống và cách suy nghĩ của người dân Bắc Âu, tức hiểu được phản ứng của ông Terry Carlbom khi nhận được lá thư của Giáo sư. Ông ấy vừa xấu hổ cho công dân văn bút Việt Nam hải ngoại Đặng Văn Nhâm và cảm thấy danh dự bị xúc phạm nặng nề. Ở tất cả ba nước Bắc Âu, người bị án tù hình sự, sau khi mãn hạn tù, trở về đời sống thường, không ai có quyền nhắc đến quá khứ phạm pháp, trừ trường hợp đặc biệt được luật pháp qui định rõ ràng. Đi xin việc làm, đi học, kinh doanh... không một cựu tù nào phải xuất trình hồ sơ tư pháp lý lịch số 3, kể cả khi được phong làm giáo sư AOF hay thông dịch viên hữu thệ Nha Giám Đốc Ngoại Kiều, Bộ Tư Pháp. Một số vụ án hình sự, người thụ án sau một thời gian ngắn, vẫn có thể nghỉ phép về nhà ăn Tết, nghỉ hè ở ngoại quốc với vợ con, cuối tuần vẫn được dẫn đi xem hát bóng. Giáo sư đã từng làm thông dịch viên hữu thệ cho Cảnh sát Trung Ương, Bộ Tư Pháp, giáo sư rõ hơn chúng tôi về chuyện này.

Chúng tôi cũng có thể hiểu được khi tố cáo với ông Terry Carlbom, giáo sư Nhâm đã chơi một cú tap-pi theo kiểu "được ăn cả, ngã về không". Giáo sư đã tạo hình ảnh bệnh hoạn về những người có tranh chấp vai trò lãnh đạo với Giáo sư toàn là những "tội phạm" dưới mắt thế giới PEN. Nhưng người khôn ngoan và tự trọng không ai làm một hành vi đại dột như vậy. Trong VBVNHN còn vô số những khuôn mặt khả kính, cả về tác phẩm, tuổi tác và tư cách trong sáng.

Giáo sư Nhâm đã gián tiếp bôi đen họ. Giáo sư, vô hình chung, hại cả "đồng minh văn hữu" đứng sau lưng Giáo sư.

Bây giờ VBVNHN đã thành một cái chợ trời của các anh hai Cầu Muối. Riêng cá nhân, chúng tôi chạnh lòng nghĩ đến những vị Thầy khả kính của chúng tôi có công gây dựng nên VBVN xưa kia như là tòa nhà trang trọng. Trên cõi vĩnh hằng, quý Thầy nhìn xuống chắc không vui với thế hệ đi sau.

Bàn qua về cái sở học Tri Túc Bất Nhục, Tri Chí Bất Đãi. Túc kết thúc câu chuyện về lời dạy của Lão Tử: Biết đủ thì không bị nhục, biết dừng lại thì không nguy.

Từ lâu rồi, nhờ sống ở cái xứ nhỏ bé và hẻo lánh này, giáo sư Nhâm đã hưởng được cái "thế địa lợi". Thế địa lợi này đã ưu đãi Giáo sư chiếm thế thượng phong trên chiến trường chữ nghĩa ở hải ngoại. Đối với mặt trận chữ nghĩa bên Mỹ, Giáo sư bất chiến tự nhiên thành. Giáo sư biết địch nhưng địch không biết hay biết về Giáo sư rất ít. Địch thủ văn bút bên Mỹ bắn rocket sang Đan Mạch đã khó, câu trúng Giáo sư lại càng khó khăn vạn lần. Biết Giáo sư nổ như bấp rang nhưng chẳng ai kiểm chứng được. Giáo sư sống ra sao tại Đan Mạch, người ở xa, ai biết? Đồng bào Việt Nam ở Đan Mạch nhìn ông với thái độ nào, người ở xa, ai biết? Giáo sư đã từng hy sinh "ăn tiền xã hội" để dành "toàn thời" hoạt động đấu tranh và văn bút, bà con ở Tastrup biết, người ở xa, ai biết? Giáo sư đã từng nộp hàng chục lá đơn xin làm cái chân thư ký hành chánh đến các công tư sở vào những năm trước đây, người ở xa, ở gần, ai biết? Mỗi khi đi Pháp, Mỹ... ai hỏi về đồng bào Việt Nam ở Đan Mạch ra sao, Giáo sư trả lời có một giọng, "bọn nó", "lũ chúng nó", "lũ vô học", "phường danh ca"... Như là một phần tử trong cái xã hội Việt Nam nhỏ bé ở đây, chúng tôi tự biết, hầu hết chúng tôi đều là những người bình thường đến độ tầm thường, chữ không nhiều, người dở nhiều hơn là người giỏi, có nhiều người đã làm điều cần bậy gây tai tiếng nhưng chúng tôi không phải là "lũ chúng nó". Giáo sư Nhâm mà sống ở Mỹ thì Giáo sư đã bị luột không còn manh giáp từ khuya rồi chứ phải đợi đến ngày hôm nay, cực chẳng đã, chúng tôi mới đem cái sở học Tri Túc Bất Nhục của con người Đông phương ra bàn với Giáo sư. Ấu cũng là điều đáng tiếc khi Giáo sư sắp bước vào tuổi thất thập cổ lai hy. Cái tuổi con người cần nhẹ gánh những ân oán của chợ đời ô trọc nhưng vô cùng gần gũi này.

24.01.2001



Kính gửi :

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HẢI NGOẠI

Văn Phòng II Viện Hóa Đạo - Hoa Kỳ

Trích yếu: v/v 2 tập sách "Giặc Thầy Chùa và bí mật hậu trường", có tinh cách bôi nhọ và hủy báng Phật Giáo Việt Nam, chư Tôn đức Tăng già và hàng Phật tử.

Ngưỡng bạch chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa Đại Đức Tăng Ni.

Trong thời gian gần đây, hai tập sách nêu trên được tung ra tại Hoa Kỳ và đã phổ biến rộng rãi đến khắp mọi giới. Đọc lướt qua tập sách trên chúng con không khỏi ái ngại, lo âu cho sự phát triển Phật Giáo tại hải ngoại với niềm tin mong manh của hàng sơ cơ mới nhập đạo, dù rằng vốn biết đó chỉ là những loại sách lá cải được tạo ra bởi một người có ác tâm muốn phá hoại Phật Giáo.

Tác giả Đặng Văn Nhâm vốn xuất xứ từ Đan Mạch và khi viết trong tập sách có đề cập đến chúng con với một số điểm bôi nhọ, nên chúng con xét rằng việc truy tố ông Đặng Văn Nhâm trước pháp luật Đan Mạch là điều cần thiết và chính đáng; để rằng:

- Làm sáng tỏ lên những sự hiểu lầm và hoang mang không cần thiết của người đọc trong mọi giới.
- Những tập sách mang tính bôi nhọ, hủy báng Phật Giáo chư Tôn đức Tăng Già sẽ bị tiêu hủy.
- Kẻ tạo ác bị nghiêm trị trước pháp luật cũng sẽ là tiếng chuông cảnh tỉnh đối với những kẻ đang và sắp sửa làm ác thêm nữa.

Ngưỡng mong chư Tôn đức Tăng Già hỗ trợ đến với chúng con bằng cách:

- Giáo Hội chính thức lên tiếng và có tiếng nói chung đến với chính quyền Đan Mạch.
- Đối với chư Tôn đức liên hệ, tự mình hoặc ủy nhiệm một số các Phật tử vạch rõ những sai trái trong tập sách và gửi thư truy tố ông Đặng Văn Nhâm tại Đan Mạch qua một Ủy Ban Phật Tử mà chúng con sẽ thành lập tại Đan Mạch.
- Thảo ra những bức thư khiếu kiện (trên Internet) với tiếng nói chung và chữ ký của hàng Phật tử khắp năm châu gửi đến chính quyền Đan Mạch qua một Ủy Ban Phật Tử mà chúng con sẽ thành lập tại Đan Mạch.

Chúng con thiết nghĩ, một khi Giáo Hội và chư Phật tử đồng thuận lên tiếng cùng với sự quyết tâm làm sáng tỏ sự việc của chúng con thì tiếng nói từ sự ác tâm kia sẽ bị dập tắt trong thời gian ngắn; còn không thì những tiếng vang bôi nhọ ấy sẽ được truyền đi mãi mãi không bao dứt vì đây chính là loại sách thị hiếu của những con người phạm mê muội, và chính tác giả sẽ tiếp tục viết tiếp những tập sách khác tàn độc hơn nữa.

Thành tâm nguyện thỉnh lên chư Tôn đức Tăng Già trong Giáo Hội chứng minh và điều nghiên thực hiện.

Chúng con kính bái

Thích Hạnh Nguyên (Pháp danh Lệ Tấn)

Đệ tử T.T. Thích Nhu Điển, Trụ trì chùa Viên Giác, Đức quốc, thành viên Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu. •

ÔNG ĐẶNG VĂN NHÂM VỚI ÁC TÂM BÔI NHỌ PHẬT GIÁO.

(qua 2 tập sách: “Giặc
thầy chùa” và “Bí mật
hậu trường chính trị 3”)

● Thích Hạnh Nguyễn

Trong lần tạp sang Hoa Kỳ gần đây, tôi được một Phật tử đưa cho xem 2 cuốn sách: “Giặc thầy chùa và Bí mật hậu trường chánh trị 3” với lời than phiền về lời văn phong và những sự chửi bới của tác giả đối với các bậc tôn đức trong Phật giáo. Lật vào bên trong một số đoạn tôi mới hay rằng mình đã may mắn nằm trong số chư vị tôn đức bị ông mạt sát. Đúng ra thì tôi không cần viết bài này vì cuốn sách và tự bản thân ông Nhâm không có một chút giá trị để tôi phải lên tiếng đáp lại, như một số các bậc Thầy đã giữ thái độ im lặng đối với những gì ông Nhâm viết. Đó là thái độ cao thượng của những bậc Thầy hay còn được hiểu là chế ngự tế nhị và cần thiết. Ví như có một người thân thể vẫn đầy bùn nhơ tanh hôi đến gây sự với ta thì điều tốt nhất và trước nhất lúc bấy giờ là nên tránh. Sự chế ngự cần thiết và tế nhị chính là ở nơi đó.

Đối với tôi, một kẻ hậu sinh mới tu (hay còn được ông Nhâm cho là: lêu bêu thất học) thì thấy rằng mình cần phải lên tiếng với dư luận trong một thái độ nhã nhặn, lịch sự với những ngôn từ đàng hoàng nhất nơi bài viết này để đáp lại tập sách của một người tự xưng là giáo sư, trí thức, nhà báo, nhà văn. Là một người được trưởng thành lên từ con đường đạo, dĩ nhiên cái nhìn và cái thấy của tôi không cho phép tôi đặt trọng tâm vào những điều sai quấy, những sự vô minh cùng cực của con người để rồi lên án, phân tích hoặc đáp trả qua lại. Ở đây tôi chỉ viết và đưa ra một vài nét trong một phần những điều được gọi là cần thiết đưa ra để ông Nhâm thức tỉnh mà dừng lại những điều đã viết; và hàng đọc giả chú ý đến sự dụng ý ác độc của tác giả Đặng Văn Nhâm. Đưa ra một vài nét rất rõ ràng trong bài viết này cũng đủ chứng minh cho chúng ta thấy được bề sâu toàn bộ bên trong các tập sách của ông Nhâm với dụng ý ác là bôi nhọ hình ảnh các vị tăng sĩ Phật giáo nổi danh đương thời; nơi đó ông chỉ cóp nhặt được một vài thông tin mơ hồ của những kẻ chống phá Phật giáo để rồi tự suy diễn, ước đoán và tưởng tượng ra thêm để viết thành sách. Ông lại còn đặc biệt dùng những ngôn từ hạ cấp tục tĩu (xin lỗi phải dùng chữ “tục tĩu” vì không còn từ nào khác nhẹ hơn) để kích thích, lôi cuốn người đọc, vì hạng người

này thường không có hiểu biết và nhận thức phân tích, họ lại có nhiều thời gian, và phổ cập trong xã hội.

Cho đến bây giờ tôi vẫn thấy con đường đạo mà tôi đi theo là quá đỗi tuyệt vời bởi vì trong con đường đó tôi đã học được những đức tính cao đẹp của lòng thương, của sự tôn trọng người khác, của tha thứ và góp ý xây dựng. Mọi vấn đề dù có lỗi lầm của người cũng đều có thể giải quyết trong tinh thần đóng góp, bàn thảo và xây dựng trong sự cao thượng. Tôi nghĩ là ở ngoài đời chúng ta cũng có đủ những hình ảnh và đức tính xây dựng cao đẹp như vậy chứ; đâu phải chỉ có những sự xây dựng bằng cách bêu nhọ, tưởng tượng, chà đạp lên danh dự và nhân phẩm của người khác như ông Nhâm đã làm. Những sự việc như ông Nhâm đã viết trong các cuốn: “Bí mật hậu trường chính trị 1,2 và 3” nếu thật là có cũng còn không nên viết với những ngôn từ như vậy, nay hà huống lại viết đến những hàng chữ sắc trong các tôn giáo với sự bịa đặt trong một trí óc tưởng tượng phong phú bệnh hoạn và lối viết vô cùng đặc biệt của ông. Tôi thiết nghĩ trong hàng trí giả và độc giả ở hải ngoại, chắc không ai lạ gì tên ông Đặng Văn Nhâm mỗi khi đọc lướt qua một cuốn sách hay bài viết nào đó với ngôn từ đặc biệt chửi rủa và cách hành văn lấp ghép, cóp nhặt, thêm thắt, trước sau bất đồng, cụt cốn và kích thích những tâm tưởng tiêu cực như thù hận, sân si, ác độc đến với hàng độc giả của ông.

Con người là một loài rất đặc biệt và khác xa những loài khác vì bởi con người được sở hữu những đức tính cao đẹp của tinh thần đạo đức, biết kính trên nhường dưới, biết trọng người và tự trọng, hổ thẹn điều ác và tôn vinh điều thiện, biết nhân, lễ, nghĩa, trí, tín và được có giáo dục. Phủ nhận những điều này và sống với một đời sống bất cần; trên không có Phật, Chúa gì hết, không có các điều thiện phải làm, không cần biết những điều ác phải tránh, không có tội lỗi, chết là hết! Tất cả mọi người đều ngu dốt, dơ bẩn và xấu xa mà chỉ có mình ta là trong sạch.v.v... Đời sống của một người mà khi sống chỉ có biết là phải nổi danh dù là nổi lên danh gì đi nữa, biết có tiền dù là loại đồng tiền nào đi nữa, thì những người ấy đã là vượt ra khỏi phạm trù của những con người rồi đó!

Con đường đạo là con đường chỉ dạy cho tôi khai phá tiềm năng của những đức tính rất người, rất thánh thiện. Học được những đức tính ấy là tôi học được những đức tính của một con người hiền, ở nơi đó tôi được dạy là mình phải có ý thức và chánh niệm mỗi khi buông ra những lời nói thường trong cuộc sống đối đãi hàng ngày, huống chi là khi nói những lời ác và hại người. Đạo Phật còn dạy cho tôi tội lỗi của những tâm ác vi tế nằm sâu trong tâm tưởng để thấy, biết và kềm chế không cho phát khởi. Như vậy theo đạo Phật chỉ mang trong đầu những tư tưởng, ý đồ độc ác hại người cũng đã là có tội rồi huống là nói ra, viết ra và phổ biến khắp thế giới để có danh và có lợi. Dĩ nhiên đằng sau của danh và lợi ấy còn có những mục đích nào khác khó mà biết được. Như vậy thấy rằng sự thất học trong đời và đạo của tôi cũng

là điều may bởi vì tôi đã không đi theo con đường đời có học thức và bằng cấp như ông Nhâm nhưng lại chỉ đóng góp được cho xã hội qua những tác phẩm mang tính đả phá, chia rẽ và tục tằn mạt sát người khác. Cái dở và cần phải bị lên án của chư tôn đức trong Phật giáo là đã chỉ dạy đời sống hướng thượng tâm linh và phát triển nền luân lý đạo đức của con người trong cuộc sống, và cái dở ấy cũng chính là đã có quá nhiều người tin theo và đi theo con đường tử bi không hận thù của các vị ấy.

Cũng may trong đạo Phật cũng chỉ dạy cho tôi biết về cách phán đoán và tư duy khi một vấn đề xảy ra. Ví dụ khi cầm một cuốn sách trên tay và đọc, chúng ta phải đọc với thái độ như thế nào? Đọc để tin hết những điều mà tác giả viết trên cuốn sách? hay là đọc rồi để suy xét, phán đoán. Chúng ta phải đọc như thế nào đây? Nhất là khi đọc những loại sách có lời văn “kích thích tố trong tưởng tượng” của ông Nhâm.

Là những người đọc sách, chúng ta phải biết cách đọc vì đọc là để hiểu và biết những gì đã xảy ra trong cuộc đời. Đọc là để có thêm trí tuệ và sự hiểu biết sáng suốt, chứ không phải đọc là để uống độc tố vào mình, để rồi hòa nhập với tác giả trong những hình ảnh tưởng tượng đồi trụy, những ngôn từ tục tằn làm khô gộp và kích thích trong ta. Những hình ảnh và từ ngữ thường dùng trong sách của ông Nhâm không có một chút giá trị nào về đạo đức và tinh thần để làm cho người đọc được vươn lên, sống tốt đẹp và đàng hoàng hơn với nhân cách của con người trong đời sống, chứ chưa nói đến làm tăng trưởng cái nhìn hiểu biết và trí tuệ của người Phật tử. Như vậy, khi đọc sách mà đọc chỉ để có biết mà không có hiểu thì sự đọc sách đó quả đúng là đang mang vào đầu một thứ thuốc độc, khó mà tìm được một thứ thuốc giải nào có thể chữa được. Ở đây vấn đề “có hiểu” theo tôi chính là một nhận thức sáng suốt về vấn đề và về người đưa ra vấn đề. Một vấn đề đơn giản có thể được hiểu đơn giản nếu người hiểu có trí sáng suốt và biết suy đoán. Một vấn đề phức tạp và nghiêm trọng cũng có thể được hiểu đơn giản nếu người hiểu có trí tuệ, sự nhận thức sáng suốt và biết phân tích; nhưng một vấn đề đơn giản có thể được hiểu và làm ra phức tạp nếu người ta chỉ có tin và làm theo người khác xúi bầy, hoặc một vấn đề phức tạp và nghiêm trọng có thể biến thành khủng hoảng, không có lối thoát nếu người ấy không hiểu, không biết, làm theo sự hướng dẫn của lòng tham, sự tức giận, ganh tị và sự xui khiến của người. Đó là đối với vấn đề, còn đối với con người đứng đàng sau vấn đề và động lực chính thúc đẩy bên trong tâm người ấy nữa mà chúng ta nên tìm hiểu để có một sự phán định chính xác hơn, công minh hơn.

Ngay đề tựa cuốn sách “Giặc thấy chùa” đã cho người đọc đoán biết về tâm ác của người viết như thế nào rồi. Qua hai cụm từ: “Giặc” và “thấy chùa” cho thấy sự thù hận (Giặc là kẻ thù, là đối thủ cần phải tiêu diệt) và lòng khinh khi (thấy chùa, chữ thường dùng để chỉ thái độ coi thường, khinh khi đối với hàng tăng sĩ PG) tăng sĩ Phật giáo của tác giả. Ở đây khi một người viết

văn đàng hoàng và có tư cách thì một cụm từ làm tựa đề cho cuốn sách phải được lựa chọn thanh nhã, chứ không phải thô lỗ và đầy ác ý thành kiến như trên. Nhưng rồi phải chăng cũng chẳng lạ gì là nó tương hợp với tất cả những ngôn từ thô bạo, thấp kém hạ liệt và xấu xa nhất mà tác giả có thể viết ra đối với hàng tăng sĩ PG bên trong tập sách. Đối với tác giả dĩ nhiên đây là sự thành công lớn bởi vì những gì xấu xa, hạ tiện và dơ bẩn nhất của người khác (mà tác giả có thể xuyên tạc, thêm mắm muối và tưởng tượng ra) tồn đọng, chất chứa bên trong tâm trí của tác giả hàng mười mấy năm trời nay được dịp bùng ra thành lời và thành sách. Sự hả hê ấy đã được thấy qua lời giới thiệu trang 1 và nhiều lần khác trong sách. Sau cùng phần cuối quyển sách trang 647, ông Nhâm kết luận một cách hết sức ngây thơ rằng: chết là hết, hết tiết qua những dẫn chứng sơ đẳng rằng: “*khoa học không gian đã chứng minh rằng trên bầu trời cao thăm thẳm vô biên kia, trải qua hàng triệu năm chưa có một nơi nào gọi là thiên đàng hay Niết bàn; còn địa ngục thì dưới sâu mặt đất của trái địa cầu dày đặc này (sâu 6400km và sức nóng lên đến 5000 độ nóng) thì làm gì có được địa ngục.v.v... Như vậy chết là hết, cái chết của con người cũng như chó, mèo, gà vịt.v.v...*”

Dĩ nhiên để mà bàn luận sâu về cuốn sách của ông Nhâm thì chẳng đáng chút nào vì nó chẳng có giá trị gì với những luận cứ trích dẫn vu vơ và bịa đặt. Tập sách 662 trang nói về các tăng sĩ trong Phật giáo mà chỉ toàn là những lời lẽ tục tằn, thô bỉ thì có đáng cho chúng ta nhìn vào để xem hết và trích dẫn chỗ đúng sai. Ở đây tôi chỉ đề cập đến một đoạn ông Nhâm viết về tôi và một đoạn cuối sách mà thôi cũng như để nêu ra 2 nét tiêu biểu là ông Nhâm nói chuyện Phật giáo, trích dẫn giới luật, kinh điển của Phật giáo nhưng lại không tin và không có một sự hiểu biết căn bản, tối thiểu nào của đạo Phật, ví như một người chưa học xong lớp ba mà đòi bàn chuyện về vũ trụ với các khoa học gia và đem những dẫn chứng cộp nhặt từ sách vở ra chứng minh. Tôi nghĩ thái độ đúng đắn nhất của các nhà khoa học ấy là cười xòa và bỏ qua cho đứa bé ấy. Đó chính là thái độ của chư tôn đức trong Phật giáo hiện nay.

Riêng tôi một người còn non trẻ trong kinh nghiệm tu học lại nghĩ rằng, thấy người làm ác (việc này là tạo nghiệp cực ác cho chính bản thân họ và cho nhiều người khác thiếu trí tin theo) mà không chặn đứng là cảm thấy, trước đặc tội với Tam bảo, sau thiếu lòng tử bi để họ gây nghiệp cực ác phải mang tội hình nhiều đời; nên đem trường hợp của mình mà ông Nhâm viết sai, viết bôi nhọ và quảng xiêng ra minh chứng và soi sáng sự việc. Nhận biết được điều này rồi thì những phần khác còn lại trong tập sách của ông cũng đều là những điều tưởng tượng từ một tâm hồn đầy ác tâm và thành kiến.

Tại đây tôi xin bắt đầu đề cập chỉ về phần tôi, chương: “**Hạnh Tấn là ai?**” mà ông Nhâm đã viết trong cuốn “**Giặc thấy chùa**”, trang 458.

Ngay từ tựa đề: **Hạnh Tấn là ai?** Đường như cho thấy tác giả hiểu rất rõ về Hạnh Tấn nhưng thật ra lại

chẳng hiểu gì hết qua việc lầm lẫn giữa tôi là Hạnh Nguyễn và thầy Hạnh Tấn bên Đức. Sự lầm lẫn này cho thấy dường như tác giả không biết mình đang viết những gì, hoặc là dụng đầu viết đó mà không cần kiểm chứng, đúng hay sai, nên viết hay không nên viết. Một nhà báo hay nhà văn như vậy thì chắc chắn là đang có vấn đề.

Sự lầm lẫn tên của một người mà mình muốn viết chỉ trích không phải chỉ ở một nơi, một đoạn mà thường thấy trong rất nhiều đoạn để rồi cuối cùng lại nói: “*Như Điển đã chơi trò tráo bài ba lá, cải pháp danh cho Lê Tấn thành HẠNH TẤN hay HẠNH NGUYỄN gì đó. Tại sao lại có chuyện lác léo này?*”

Một số PT ở Đức cho tôi biết: Về sau Như Điển đã cải pháp danh cho Lê Tấn là: HẠNH TẤN. Còn một chú tiểu khác, ở Đức, thì có pháp danh HẠNH NGUYỄN. Nhưng, một số PT khác lại nhất định cãi ngược, cho rằng: Lê Tấn, tục danh Nguyễn Văn Tuấn, ở Đan Mạch, đã đổi tên thành HẠNH NGUYỄN. Còn HẠNH TẤN chính là một chú tiểu khác, gốc ở Đức, tục danh là Lữ Thành Nghĩa... Ở sao mà rối tinh rối mù, nhìn vào hoa cả mắt, nghe rối cả tai, chẳng khác nào trò tráo bài ba lá, và trò sáo thuật của bọn bán thuốc dán Sơn Đông trên bùng binh chợ Sài Gòn năm xưa!”, (trang 362).

Sau khi đưa ra tựa đề: Hạnh Tấn là ai? Ông Nhâm bắt đầu viết về tôi với năm sinh, nơi sinh và thời gian đến Đan Mạch. Ở 3 điểm quan trọng này ông Nhâm cũng không nắm rõ và viết sai hết, ngay cả nguyên tên họ cũng sai. Thời gian tôi còn ở VN và trại tỵ nạn thì ông lại ghi rằng tôi đến Đan Mạch, rồi theo sự suy diễn không có căn cứ đó ông đặt để tôi đi hết nơi này đến nơi kia theo sự tưởng tượng của ông và câu chuyện linh động đó được dựng thành. Tất cả những đoạn ông Nhâm kể về tôi đều sai và mang tâm xấu bôi nhọ. Với những hình ảnh mơ mơ màng màng về tôi, ông ta đã viết và viết. Ở đây tôi không cần phải trích dẫn ra từng đoạn ông Nhâm viết để cho thấy sự sai lầm vì mất nhiều thời gian và không đáng. Tôi chỉ ghi lại vài nét về tôi để ông Nhâm hoặc người nào nếu đã tình cờ đọc qua cuốn sách thì biết và rõ hơn, đó là tôi đến Đan Mạch là vào giữa năm 85, đến giữa năm 87 xuất gia, năm 88 đến ở NPĐ Esberg và sau đó lên Aarhus rồi hoàn tất 3 năm HF ở đó trước khi qua Cô Ben Hao và có qua lại đôi lần với ông Nhâm vào những năm 90, 91. Như vậy nguyên cả một tấn tuồng, câu chuyện của ông Nhâm dựng ra về tôi, trong đó có những sự đề cập về: tên họ, nơi sinh, thất học, thời gian đến Đan Mạch, ở đâu? vào thời gian nào? xuất gia năm nào? có tên gì? tu ở đâu? vào thời gian nào? bị chùa đuổi, bán chuông mõ v.v... đều được ông Nhâm viết quàng xiên, sai trật, phỏng đoán, suy diễn và tưởng tượng. Đó là viết về tôi, một người ở cùng xứ mà ông Nhâm có quen biết và tôi có qua lại vài lần mà ông ấy còn viết sai, quàng xiên và suy diễn đến như vậy, hà huống là viết về những vị Thầy cách xa ông ta nửa vòng trái đất!

Tiếp đến ông Nhâm cũng không biết và không phân biệt được điều căn bản trong hàng ngũ người xuất gia là, người tăng sĩ nào ai cũng có 3 tên: pháp danh, pháp tự và pháp hiệu. Pháp danh Lê Tấn là do tôi quy y từ hồi còn nhỏ ở VN chứ không phải do T.T Như Điển của tôi ban cho khi xuất gia, và pháp tự là Hạnh Nguyễn được T.T Như Điển ban khi tôi thọ giới Sa di. Sự lầm lẫn như vậy cho nên trong đoạn cuối của chương “Hạnh Tấn là ai?” ông Nhâm lại một lần nữa lầm lẫn với âm thanh Hạnh Tấn và Lê Tấn và ông viết: Thầy tôi tuyên bố: chú tiểu Lê Tấn sẽ sắp được đầu bằng “Tiến Sĩ Phật Học” ở Ấn Độ, mà không phân biệt được người mà Thầy tôi nói đó là thầy Hạnh Tấn. Đây là sự thực vì thầy Hạnh Tấn đã sắp được đầu bằng tiến sĩ Phật học ở Ấn Độ.

Như vậy bằng sự lầm lẫn tên người này, người kia một cách nông cạn đó, ông đưa tên tôi ra và chửi rủa một cách thô bạo: “*Nhưng nay, nhờ được biết rõ ràng tung tích, nhân cách, và đạo hạnh của chú tiểu Lê Tấn, rồi cải danh thành Hạnh Tấn (nên biết: Ngoại trừ những kẻ bất lương, có tiền án, kỳ dư những người lương thiện có một gốc gác gia tộc đàng hoàng và một dĩ vãng không bẩn thỉu, chẳng ai phải thay tên đổi họ như thế làm gì!)*”.

Tóm lại tôi có thể nói là bài viết về tôi gồm khoảng 10 trang (458-468), ông Nhâm đã viết trật hết đến 98%. Vậy mà với những dữ kiện không nắm rõ về người khác như thế, ông Nhâm lại viết với một thái độ bôi nhọ phi thường. Ngoài ra trong phần cuối cuốn sách, ông còn đặc biệt chửi rủa và mạ sát cả Phật giáo, một tôn giáo có trên 2500 lịch sử qua những câu: “*Khi rao giảng giáo lý, các nhà tu hành đều đem Thiên Đàng hay Niết Bàn và Địa Ngục, là những sản phẩm bịa tạo của những bộ óc bịp bợm, bệnh hoạn... (646)*”. Chính đến đức Phật và giáo pháp của Ngài mà ông Nhâm còn cho rằng là từ sự bịp bợm và bệnh hoạn; chứ tăng tu học theo giáo pháp ấy thì ông lại dùng tất cả những ngôn từ nào xấu xa và đơ bẩn nhất trong tự điển để viết. Còn đối người Phật tử thì ông cho là đám tín đồ ngu muội: “*Như thế, xem ra loại tín đồ này, tuy thân xác đã trưởng thành, nhưng trí óc vẫn còn u mê, dẫn độn hơn cả bọn con nít thời nay. (646)*”. Như vậy toàn bộ cuốn sách ông Nhâm (không có trang nào là không có chửi rủa chửi tăng với những ngôn từ xấu xa nhất) khi tung ra, bên trong không có một chút hàm ý khách quan nào cả hơn là sự bôi nhọ và mạ sát Phật giáo qua hình ảnh méo mó của ông về những vị tôn đức trong Phật giáo. Vậy thì đối trước sự kiện trên, chúng ta có thể làm được những gì. Trong khả năng của tôi là một công dân xứ Đan Mạch và bị bôi nhọ, tôi chỉ biết nói lên vụ việc này với hàng Phật tử tại Đan Mạch cùng trình bày vấn đề đến các Luật sư người Đan để đồng nhau soạn thảo những thủ tục pháp lý cần thiết hầu đưa vấn đề này ra ánh sáng. Sống trong một thế giới văn minh và tự do không có nghĩa là chúng ta mặc tình có quyền chửi rủa và bôi nhọ người khác khi muốn có danh và có lợi qua việc bán sách.

Việc làm này của ông Nhâm rõ ràng không phải là một việc làm vô ý và thiếu suy nghĩ mà rõ ràng là rất có

tính toán và thâm độc. Tất cả sự ác độc ấy đã được ông Nhâm thể hiện qua thủ đoạn lấy khoảng gần 200 trang về sự chửi rủa chư tôn đức giáo phẩm Phật giáo trong tập sách: "Giặc thầy chùa" và đưa thêm vào cuốn: "Bí mật hậu trường chính trị tập 3", để những người tò mò, hạng người thiếu hiểu biết hoặc hàng Phật tử nông cạn muốn biết và thích các chuyện lạ có tính thể tục trong tôn giáo đều sẽ mua về đọc, và ông Nhâm lồng những phần này trong những tập sách chính trị ba xu để những ai đam mê các chuyện thời sự, chính trị bịa đặt ấy cũng bị độc thêm, bị ảnh hưởng và một phần ngộ độc qua ác ý của tác giả. Như vậy, thủ đoạn thâm độc ấy của ông Nhâm chắc chắn sẽ có kết quả đối với những ai vô trí, chỉ biết đọc sách và cứ tin những điều trong sách mà không có một chút nhận thức suy xét hợp lý nào cả về phía mình.

Phần tôi với sự hiểu biết ít ỏi của một kẻ nông cạn tu hành thì chỉ tin rằng, kẻ làm ác thì sẽ gặp quả báo ác, người làm thiện thì sẽ được phước thiện. Cũng không phải là bị người sỉ nhục, bôi nhọ và vu khống mà mình sẽ bị nhục nhã và xấu xa, và không phải khi mình xấu xa và ác độc mà được kẻ khác khen ngợi, tôn vinh mà mình sẽ trở thành người tốt và cao thượng. Người tốt, hiền lương và cao thượng chính là ở nơi nhân cách của người ấy, mà nhân cách của người ấy theo đạo Phật chính là sự thể hiện qua ý tưởng tốt lành đối với mọi người bên ngoài, lời nói hòa nhã, khiêm cung, tôn trọng kẻ trên người dưới và nhất là qua việc làm, hành động có lợi ích cho mọi người và mọi loài. Tất cả những điều ấy chính là sự kết tinh của một con người có đạo đức, có nhân cách và làm những điều tốt cho xã hội, cho loài người. Còn nói rất nhiều, viết rất nhiều, rất hay nhưng toàn là những lời nói, bút viết có tính cách hủy nhục, lăng mạ, bêu xấu, chà đạp người khác để mình được nổi tiếng hơn, được chú trọng hơn và thành toại ác ý của mình thì thật là đáng hổ thẹn thay!

Tôi tin rằng những người Phật tử có hiểu biết và tu tập theo giáo pháp đức Phật thì nên lấy đây làm gương, và cẩn thận hơn trong các vấn đề đọc sách báo mang tính bôi nhọ và chửi rủa người mà hiện đang rất thịnh hành trong cộng đồng người Việt. Kinh Tứ Thập Nhị Chương có ghi rằng: "kẻ ác hại người hiền như người tung bụi ngược gió, bụi chưa đến người đã vội phủ lấy mình; như người phun nước miếng lên trời, nước miếng chưa tới trời đã vội rơi xuống mặt mình". Cũng vậy những người làm ác thì sẽ có những quả báo tương xứng với họ; Phật tử chúng ta không nên mang và đem những tư tưởng xấu, ác và dơ bẩn ấy từ bên ngoài vào trong tâm để rồi phải chịu những sự suy tưởng, lời nói vô ích, lầm lạc và không đáng có thể tạo ra cho người một sự hiểu xấu, nghĩ sai lạc và khởi lên tâm ác về người khác dù họ có lỗi hay không vẫn là những nghiệp ác, những mầm chủng tử bất thiện tạo ra trong tâm thức. Loại trừ tất cả những ý niệm ác trong tâm thức, trong ý tưởng, lời nói và hành động là điều mà tất cả mọi con người của chúng ta trong cuộc đời này cần phải nên làm. •

Xuân Mây Cha Viết Gì ?

● Đỗ Trường

*(nhân đọc bài "Chiếc ghế của cha"
của Vũ Tuyên Hoàng)*

Viết về cha Anh, nhà thơ Vũ Ngọc Phan là một trong những nạn nhân của vụ Nhân Văn Giai Phẩm. Thật vậy! Thưa cha, con đã lớn. Giàn hoa ngọt ngào khi xưa cha thường bế con lên để hái, hôm nay đã thấp xuống. Nhưng cha và con vẫn vậy, thời gian cứ làm mòn mỏi những đợi chờ và hy vọng. Những lời hứa tốt đẹp của cha khi xưa với con nay đã không thành sự thật. Nhưng có lẽ con đau đớn một thì cha đau đớn mười. Vẫn chiếc xe đạp cũ, cọc cạch của 20, ba mươi năm về trước, nay cha vẫn phải đạp nó. Ngòi bút của cha vẫn cắm trên nghiên mực, đôi nhện con, con không rõ nó vô tình hay hữu ý đang giăng màng quấn chặt vào thân bút của cha. Đêm nay Hà Nội trời trở gió. Cha ngồi đó trầm tư suy tưởng, cha viết gì đây? khi mùa Xuân đã thật đến gần... !

*Đêm nay cũng như đêm
Cha tôi lại ngồi viết
Hà Nội còn đông trời lạnh ngắt
Cha ngồi đó trầm tư bên bản thảo
Cha viết gì? Về cuộc sống hôm nay
Viết thực ư? Ngòi bút lạc dòng
Viết khác chăng? Luồng tâm người cầm bút*

*Ngoài cửa sổ giàn hoa thiên lý
Cha thường bế con lên để hái
Mùi hương thơm con cảm thấy ngọt ngào
Không phải con lớn, mà giàn hoa kia thấp xuống
Mà con người thay đổi theo quy luật của tự nhiên*

*Cứ mỗi lần cha nhìn con
Cha cảm thấy mình như là người có lỗi
Con hiểu rằng điều đó không phải là cha
Mà do người cầm lái
Đứa con tàu xuống vực thăm thẳm đau*

*Con biết cha trần trở đã bao ngày
Vội ngòi bút, dưỡng như không lối thoát
Nhưng con mong cha viết lên những sự thật
Dù sách của cha không được in như những ngày
nào
Nhưng bản thảo của cha vẫn sống
Con yêu cha hơn hết thấy bao giờ.*

“Sanfte Entlassung” - Phương pháp sa thải người kiểu mới của hãng xưởng Đức

Anne Goergen

• Ngọc Châu phỏng dịch

LTS: Chúng tôi xin giới thiệu bài viết của Anne Goergen, do Ngọc Châu phỏng dịch, về thủ thuật sa thải nhân viên một cách êm ái của các hãng xưởng Đức. Qua đó những người đang làm việc có thể tránh khỏi một vài cạm bẫy không thể lường trước được. (VG)

“Anh đừng tỏ lòng thương hại. Phải đi ngay vào điểm chính. Hãy chấm dứt cuộc nói chuyện chậm nhất là sau 15 phút”, những nguyên tắc thương thuyết liên quan đến chuyện sa thải rất đơn giản... Tuy nhiên Rainer Dahms lại hoài nghi rằng nó không đơn giản như thế!

Giám đốc nhân viên của ngân hàng Commerzbank Dahms biết rõ là ông ta muốn nói gì! Commerzbank muốn cho 2300 nhân viên thôi việc trong năm 2002 này. Một việc rất khó khăn cho Dahms. 1600 người bị bắt buộc xách mũ ra đi cho đến cuối tháng 6.2002, không nhiều hay ít cũng phải “tự ý ra đi”. Theo Dahms “kỳ hạn đã đến”, nếu chúng tôi không đạt được chỉ tiêu thì bắt buộc chúng tôi sẽ phải thực hiện chính sách “sa thải người có điều kiện”. Và đây là chuyện mà ngân hàng Commerzbank hoàn toàn muốn tránh...

Trong thời gian qua, kinh tế toàn cầu nói chung và tại Đức nói riêng xuống dốc một cách khủng khiếp nên các hãng xưởng, hầu hết trên mọi ngành, sa thải công nhân ngày càng nhiều làm người ta liên tưởng đến thời điểm của đầu thập niên 90. Hơn 140 ngàn chỗ làm sẽ bị cắt giảm trong thời gian tới, trong đó có một số chỗ làm của những người có

tay nghề chuyên môn tương đối khá cao.

Cũng nên nói thêm là luật lệ sa thải người của Đức hoàn toàn “cứng ngắt” (rigide). Chủ nhân có quyền quyết định sa thải nhân công viên như ý họ muốn. Căn bản là những yếu tố xã hội như tuổi tác, tình trạng gia đình và thời gian thâm niên. Khả năng chuyên môn và năng suất không quan trọng lắm.

Để cởi thoát ra khỏi “cái nịt ngực cứng rắn” bị luật lệ và nguyên tắc buộc chặt, nhiều hãng xưởng đang cố gắng tìm nhiều phương cách “êm dịu” để có thể để sa thải nhân công một cách dễ dàng. “Entlassung light” là chủ trương hiện tại của hội đồng quản trị nhân viên của các hãng xưởng Đức. Thay vì thẳng thừng nói “**Cám ơn và Chào**” thì theo chủ trương mới, họ lại hứa “**sẽ giúp đỡ**” trên phương diện kiếm việc làm mới hay là “**giúp đỡ phương tiện để tự lập, cố vấn về tâm lý và huấn luyện phương thức nộp đơn xin việc**”. Qua đó, những người thiếu may mắn này lại có cảm tưởng là tình huống “**không tệ hại lắm**” mà ngược lại có tràn đầy “**hy vọng cho một bắt đầu mới**”. Mục đích của họ là muốn chuyển đạt điệp khúc: “**Anh hết sẩy, chúng tôi thích anh lắm, nhưng tốt nhất là anh nên tìm một chủ nhân khác hay ở một hãng xưởng nào khác!**”.

Sau đây là vài chi tiết mà người dịch ghi nhận được:

Hãng đình cắt giảm

- Siemens	22000 chỗ làm
- Deutsche Post	14000 chỗ làm
- Deutsche Bank	9200 chỗ làm
- Hypo Vereinbank	9100 chỗ làm
- Dresdner Bank	7800 chỗ làm
- Daimler Chrysler	7500 chỗ làm
- MAN	6000 chỗ làm
- Bayer	6000 chỗ làm
- Infineon	5000 chỗ làm
- BASF	4000 chỗ làm
- Degussa	4000 chỗ làm
- Commerzbank	3400 chỗ làm
- Henkel	3000 chỗ làm
- Linde	2500 chỗ làm

Ví dụ, ai tự ý muốn thôi việc tại ngân hàng Đức Commerzbank có

thể được giới thiệu qua một chi nhánh làm việc ngắn hạn tên là “Adcom” thuộc Công ty Commerzbank hay hãng Adesco. Theo lời giám đốc nhân viên Dahms cho biết, tại đây có cố vấn Oscar Winzen sẽ giúp đỡ đương sự trên phương diện kiếm một việc làm mới, ngoài chuyện đương sự đã nhận lãnh một khoản bồi thường tiền nào đó. Vấn đề này không liên quan gì đến “chuyện hủy hợp đồng làm việc”, một phương thức cổ điển được thực hành từ trước đến nay.

Theo phương châm “ai tự nguyện ra đi, sẽ được bắt tay với những lời cảm ơn nồng nhiệt” (Wer freiwillig geht, bekommt dafür den goldenen Handschlag), bởi vì các giám đốc quản trị nhân viên đã học được một điều:

“Ảnh hưởng không tốt cho công ty, cãi nhau về mức độ tiền bồi thường, không khí làm việc tồi tệ, thất bại về động cơ thúc đẩy làm việc (Motivationsverlust) và chuyện có thể nghĩ đến là ảnh hưởng xấu của một hãng sa thải nhân viên mà số tiền bồi thường nếu có, không đáng kể”.

Sự giúp đỡ tìm việc, cho đến hôm nay thường chỉ áp dụng cho những thành phần có chức vụ cao khá quan trọng (Manager!) và tương đối còn mới mẻ cho giới công nhân viên thường, nhưng đang được áp dụng hầu hết tại các hãng xưởng trên nước Đức.

Oscar Winzen lo tổ chức cho Commerzbank một “Ban Cố Vấn” phối hợp với sự chăm sóc, phục vụ từng cá nhân. Ông ta giúp đỡ trong việc đánh máy đơn xin việc và tổ chức chuyện kiếm việc làm, tuy không hứa là có kết quả khả quan, nhưng ông ta tin tưởng và đầy hy vọng.

Theo kết quả nghiên cứu “Phương thức dài hạn để điều khiển công nhân viên” của “Viện Tổ chức và Công nhân” thuộc Đại Học Bern, khoảng 61% những hãng xưởng tại Âu Châu hiện đang tự nguyện giúp đỡ nhân viên “**trong thời gian sắp chia tay**” bằng những cố vấn chuyên nghiệp trên phương diện sa thải người làm nói chung. Bà Giám Đốc điều hành cơ quan cố vấn sa thải nhân viên, Lee Hecht Harrison,

Caterine Schwierz, đã giải thích công việc của cơ quan như sau: **“chúng tôi phải làm thế nào để khuyến khích công nhân viên tự ý quyết định bỏ hãng mà đi và cả hai bên đều vừa lòng”**. Chủ hãng không phải á náy và sợ bị tai tiếng vì đã sa thải nhân viên và ngược lại “kẻ bị bắt buộc ra đi” có được chỗ làm mới... Cái dây thừng nối buộc liên hệ 2 bên, một đằng giữa người bị sa thải và đằng khác, sự quan tâm chăm sóc cho nhân viên của hãng, được chế ngự một cách tốt đẹp hơn qua sự giúp đỡ của những cố vấn (Berater) nói trên. Giám đốc nhân viên ngân hàng Đức Deutsche Bank, Heinz Fischer, còn cho biết thêm **“Chúng tôi phải làm sao duy trì cái sức lôi cuốn của một chủ hãng mặc dầu phải cắt giảm nhân viên”...**

Một ví dụ khác:

Công ty hóa học Bayer cũng đang tìm cách sa thải công nhân viên thặng dư qua mạng lưới Internet của hãng từ 8 tháng nay, được lấy tên là Job@ctive. Qua đó, những người được xem là “không còn cần đến nữa”, hoặc được chuyển đến các văn phòng khác trong công ty, hoặc cho các chi nhánh khác phụ thuộc công ty như Wacker hay Dystar mượn (*ausgeliehen*). Kết quả rất thê thảm, chỉ có vồn vẹn 25 người được chỗ làm mới qua chương trình Job@ctive này. Ông Wolfgang Boeckly, Giám đốc công nhân viên của Bayer nói là chỗ làm trong công ty và ngay cả tại các chi nhánh rất là khan hiếm. Chúng tôi phải cắt giảm 2500 chỗ làm nhưng không biết phải làm sao đây?! Theo sự thỏa thuận của hãng, cho đến năm 2004 Bayer không được cắt giảm nhân viên theo “nguyên tắc sa thải người có điều kiện”. Nếu phương thức Job@ctive trên vô hiệu quả, bắt buộc Boeckly phải sử dụng phương thức cổ điển là “*huỷ hợp đồng làm việc kèm theo một số tiền bồi thường*” hay là giải pháp làm việc có tính cách tạm bợ...

Thêm một ví dụ nữa:

Phần đông, ngân hàng Đức Deutsche Bank đã phải bồi thường tiền để chia tay với những nhân viên họ không còn cần đến nữa. Theo

giám đốc nhân viên, Heinz Fischer, cho biết thì có 50% số nhân viên muốn nhận tiền bồi thường để nghỉ việc. Hiện có một ban gồm 5 người chịu trách nhiệm để tìm cách “sa thải nhân viên một cách thuận buồm mát mái” nằm ngay tại trung tâm chính của Deutsche Bank / Frankfurt. Từ lâu không có một thống kê nào về chỗ làm, mà chỉ có về công việc. Ai làm công việc này, ở đâu, như thế nào và bao lâu xong... Nếu có khiếm khuyết thì người ta có thể điều chỉnh hay thay đổi ngay hôm nay hoặc ngày mai cho chính xác hơn, căn cứ theo một dự án có từ năm 1999 của Deutsche Bank. Dự án này gồm 18 biện pháp riêng biệt đã được công bố và giới thiệu đến nhân viên của ngân hàng.

Để nâng cao trình độ nghiệp vụ cho nhân viên ngân hàng thiếu may mắn được rèn luyện cho thị trường nhân dụng, hãng Bankpower, một cơ quan làm việc chung với Deutsche Bank, giới thiệu việc làm ngắn hạn cho Manpower Đức, đang tìm người làm ngoài phạm vi Deutsche Bank (DB). DB-Management-support chẳng hạn, lo tìm cho những người có chức vụ cao, đang tuổi về hưu những công việc có tính cách cố vấn. Cơ quan khác Bankforce, trực thuộc DB, lo tìm những công việc có tính cách ngắn hạn ngay trong công ty Deutsche Bank. Dù vậy cho đến nay chỉ có khoảng 130 người thật sự tham gia chương trình đề ra của DB nói trên. Con số quá ít so với 9200 nhân viên mà Deutsche Bank muốn sa thải trong vòng hai năm tới đây.

Ông Heinz Fischer cho biết, dựa trên nghệ thuật làm việc, căn bản không phải là cắt giảm vô số chỗ làm. Nguyên tắc của chúng tôi về phương diện chính trị liên quan đến thị trường nhân dụng là “chúng tôi muốn có một sự uyển chuyển, sự tự gánh vác trách nhiệm, tay nghề chuyên môn và như thế giá trị cho nhân viên trong cũng như ngoài công ty sẽ được nâng cao lên từ đó”. Ông hy vọng đây là con đường sẽ đem lại một trình độ hành nghề mới, đó là “tự chủ, tự chịu trách nhiệm và không lệ thuộc vào ai hết”.

Để kết thúc bài này, chúng ta cũng cần biết sơ lược “luật lệ sa thải của Đức” để cùng quan tâm.

Recht: Die rigiden Regeln

Tại Đức, vấn đề sẽ không đơn giản nếu ai (chủ nhân hay hãng) muốn sa thải công nhân viên (tuy nhiên cũng còn tùy theo hợp đồng làm việc đã ký kết)! Trên nguyên tắc hãng chỉ có ba lý do để sa thải người:

- Có điều kiện ví dụ như chỗ làm vì lý do tài chánh phải bị cắt giảm hay một bộ phận của hãng bắt buộc bị đóng cửa (betriebsbedingte Kuendigung).
- Liên quan đến cá nhân (personenbedingt), chẳng hạn đương sự hay đau, đau dài hạn, và
- Liên quan đến hạnh kiểm (verhaltensbedingt) của đương sự, chẳng hạn đương sự vi phạm lỗi cấm đã ghi trong hợp đồng làm việc giữa hai bên.

1) Betriebsbedingte Kuendigung

(Nghỉ việc vì lý do xí nghiệp):

Trong trường hợp này phải dùng đến nguyên tắc chọn lọc (Auswahl) nằm trong dự thảo trợ cấp xã hội (Sozialplan). Ai phải đi hay được ở lại tùy theo các yếu tố xã hội như tuổi tác, tình trạng gia đình và thời hạn làm việc thâm niên, không căn cứ gì đến trình độ chuyên môn (Qualifikation), năng suất (Leistung) hay nghề nghiệp (Taetigkeit). Yếu tố xã hội thường là điểm tranh cãi trong trường hợp sa thải có điều kiện này. Nếu người làm công thiếu may mắn chứng minh được rằng sự chọn lựa của hãng không phù hợp đúng tiêu chuẩn xã hội dựa theo điều I của luật bảo vệ việc làm (§ 1, Kuendigungsschutzgesetz) thì chuyện cho thôi việc sẽ trở thành vô giá trị. Tòa Án Lao Động sẽ cụ thể hóa bản án tùy trường hợp của mỗi cá nhân. Nhà phê bình, Giảng sư Juergen Donges, phản nản rằng hầu như công nhân viên đều được xử thắng kiện trong những bản án liên quan đến việc thừa kiện dựa trên

bình diện “betriebsbedingte Kuendigung”.

2) Sozialplan (chương trình trợ cấp xã hội):

Trong trường hợp nếu hãng xưởng phải sa thải nhiều công nhân viên (Massenentlassung) vì hãng có vài thay đổi, chẳng hạn như hãng đóng cửa, phải dời chỗ hay bị sát nhập lại... thì chủ hãng phải thương lượng với hội đồng quản trị công nhân viên (Betriebsrat) để soạn ra một chương trình trợ cấp xã hội (Sozialplan) hầu giảm bớt phần nào thiệt hại về kinh tế cho giới công nhân. Thông thường thì biện pháp bồi thường tiền được áp dụng trong trường hợp này. Khó khăn một điều là các hãng xưởng lại cần tài chánh để thay đổi lại cấu trúc hãng. Chính vì thế, nếu chủ hãng đệ đơn phá sản thì sẽ đỡ khổ về tài chánh hơn là thi hành sử dụng đúng theo Sozialplan ấn định. Trong trường hợp này, công nhân có quyền tố tụng tại Tòa Án Lao Động là họ “được quyền tiếp tục làm việc” (Recht auf Weiterbeschaeftigung) cho đến khi bản án có hiệu lực.

2) Aufhebungsvertraege (Hủy hiệp đồng làm việc):

Trong trường hợp, công nhân và chủ hãng, đồng ý thỏa thuận hủy hiệp đồng làm việc thì hai bên có thể làm một biên bản hủy bỏ hiệp đồng (Aufhebungs-vertrag). Đây là một phương pháp thông dụng để tránh những trường hợp phức tạp liên quan đến chuyện sa thải đuổi công nhân như đã trình bày ở trên.

*

Tuy nhiên, giới công nhân nói chung phải cân nhắc kỹ lưỡng các điều kiện liên quan đến phương diện này để giảm bớt những thiệt hại kinh tế cho chính mình, đặc biệt cho những ai có gia đình và có con cái. Điều quan trọng là nên cố gắng thương lượng, làm thế nào để mình có thêm một số tiền bồi thường của hãng hầu sau đó, sau khi bị cho thôi việc, có thể ra xoay trở làm ăn bởi vì công ty hay hãng xưởng mình đang làm trước sau gì cũng muốn nói với mình “Danke und Tschuess”.

Vô Ngã Vô Ưu



*Cái Ta có tự bao giờ?
Sống như huyền mộng bất ngờ thế thôi!
Cuộc đời là một cái nôi,
Lắc lư thì ngộ, khi thôi thì buồn.
Cái nôi là lẽ vô thường,
Nghiệp trong nhịp lắc, đoạn trường miên man.
Tham, Sân, Si—bệnh thế gian,
Rước chi cái nghiệp đa mang cho phiền?!
Tâm hư mắc bệnh ham tiền
Xưa nay Đức Phật, Thần, Tiên đâu cần.
Buồn phiền làm hại cái thân,
An nhiên tự tại tinh thần thanh thoi.
Thế gian bày một trò chơi,
Đừng ham quá độ khiến đời long đong.
Cuộc đời sắc tức thị không,
Sao mang tai họa vào trong làm gì?
Có nghe Phật dạy từ bi?
Tu hiền chửa muộn, thử đi sẽ tường.*

(Đức Phổ, ngày 4 tháng 11 năm 2002)

Vĩnh Liêm

Nhà Nông



• Nguyễn Văn Cường

*Em ơi duyên số do trời,
Xui mùa vôi nắng thắm đời hai ta.*

*Lúc thì trồng trọt quanh nhà,
Đến mùa cây cấy phải ra ngoài đồng.
Siêng năng chẳng ngại uống công,
Nhà nông thì có gieo trồng thế thôi.*

*Kìa em bầu đậu quả rồi!
Theo tay tôi chỉ em cười thật xinh.
Hoa màu tươi tốt đất mình,
Luôn chăm tưới bón cho tình mãi xanh.*



Những nút thắt mùa Xuân

● Nguyễn Cầu
PHẠM-TUẤN-HOÀNG

Trong cuộc đời nếu hình dung cuộc sống như một sợi dây dài, thì mỗi lần Tết đến, nó tựa như nút thắt. Nó đánh dấu một tuổi đời trôi qua. Định mệnh cuộc đời cũng giống như người kỹ sư vung dây bắt thú. Để có thể đạt được mục đích, người kỹ sư này phải có động tác vươn tay để dây có đà lao tới. Tôi không quan tâm đến việc người kỹ sư này có bắt được thú hay không mà chỉ muốn mô tả rằng khi vung dây như thế thì sợi dây lượn sóng. Nó tạo lên những đường cong lên xuống như cuộc đời con người vậy. Những nút thắt trên sợi dây, tôi tạm gọi là *những nút thắt mùa xuân*, cũng vì thế mà lên xuống theo quy luật vật lý. Có những nút thắt mùa xuân khiến con người cảm thấy rạo rức sung sướng chờ đón một năm đầy hy vọng trong công việc, tình yêu nhưng cũng có nút thắt mùa xuân làm cho con người đau khổ, ngậm ngùi nhìn lại năm qua đầy bất trắc.

Nút thắt mùa xuân năm nay đến với tôi trong không khí thật lặng lẽ, có lẽ do khí trời mùa đông ở nước Đức. Nó thật chẳng giống không khí ấm áp, đầy mùi hương dịu ngọt khó tả như ở quê nhà. Dù chưa biết điều gì sẽ xảy ra trong ngày vui đặc biệt nhất của người Việt - Tết Nguyên Đán, nhưng tôi vẫn cảm giác rằng nó sẽ đến êm đềm sâu lắng hơn những năm qua của cuộc đời. Có lẽ do 2 lý do: Tôi đã bước qua tuổi 40 và bước đầu thấm nhuần cách nhìn cuộc đời qua ánh mắt người Phật tử: Cuộc đời không có gì là thật mà tất cả chỉ là huyền. Theo lời Sư Phụ nói cách nhìn như thế không có gì là tiêu cực cả, mà nó giúp con người cảm thấy hạnh phúc hơn bởi vì không bám víu vào những nỗi đau cuộc đời bị nó ràng buộc. Nó giúp cho con người nhận lấy những niềm vui cuộc sống một cách ý nhị, chân thật và sâu sắc hơn.

Nhớ những mùa xuân qua, nhất là khi còn tuổi muốn làm những việc thật to tát. Cứ vào những đêm 30, sau lễ đón giao thừa của gia đình, tôi thường có lệ hẹn vài người bạn thân. Chúng tôi tìm một chỗ nào đó, làm một cái nào mà người xưa hay nói "*ôn cố, tri tân*". Nhưng thật ra chỉ là thú vui xốc nổi. Chúng tôi kiểm lại năm qua có gì đáng nhớ, và xem mình có thể làm được gì trong năm tới. Nó như một động tác xốc lại mình. Thế rồi bạn thấy đó, cuộc sống vẫn trôi qua, sợi dây thời gian cứ buộc những nút thắt mùa xuân; nhưng nhìn lại vẫn thấy có gì thay đổi; chẳng có gì đọng lại. Ta cứ vẫn là ta nhất là những lúc đọc lại suy nghĩ mình như lúc này, nhưng dấu sao đó cũng là những cảm xúc đáng quý.

Rồi cũng có mùa xuân xa quê, vì có gia đình ở xa, tôi không về sum họp gia đình bố mẹ được; đón Tết trong căn nhà mới bên cạnh đứa con nhỏ. Còn bây giờ, dù đã quá xa quê nhà yêu dấu, tôi cảm thấy như mùi hương quê nhà vẫn ở đâu gần đây. Có lẽ vì thế người ta gọi đó là cái đặc thù của người Việt xa quê.

VỀ VỚI MÁ



Tết đến

*quây ba-lô về với Má
lòng con như mở hội*

Đường về quê

*ấm Mai vàng bên lối
Rời bước chân trên những nẻo quen
Chị Ba, chị Hai tử xa vẫy gọi
Hàng dừa nghiêng thân thiết ngắm nhìn.*

Bên gốc Mai già

*Má đứng chờ con:
"Tía bay! Sao giờ mới tới".*

Con nép vào vành ngực mởng manh

*hít thật sâu hưởng Trầu hương Cau:
Bão giông dịu lại*

*Đời gió mưa như chưa từng trải
Lệ đắng cay chưa nếm bao giờ
Tóc xác xơ bụi đường ám cháy
Bỗng tỏ mềm trong tay Má vuốt ve*

Má ơi!

*Con cầu trời Má được khỏe mãi
Để những mùa Xuân con mãi thỏ.*

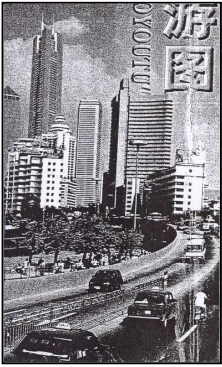
● Đỗ Hương Giang
(Berlin)

Cái mà ta gọi là Vọng Cổ Hương. Cảm xúc ấy khiến mọi người vẫn biết mình là người Việt. Những nút thắt mùa xuân vẫn tiếp tục đan, nhưng vẫn khác khi còn sống ở quê nhà. Bởi vì chỉ có ở những vùng đất tự do, mới khiến con người có thể nhìn lại mình một cách khách quan, mới thấy mình cần định hướng cuộc sống mình một cách vững chắc hơn trong niềm tin đạo lý ngoài những mối bận tâm đời thường. Mặc dù đời sống có văn minh tiên tiến hơn, nhưng cũng chính nơi đây diễn ra sự cạnh tranh khốc liệt hơn về kinh tế, giữa cái tốt, cái xấu, giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần.

(Tháng 11/2002)

Ngũ Dương Thành

Từ Hùng



← (Ngũ Dương Thành ngày nay)

Nếu người La Mã đã tin tưởng, tổ tiên họ thuộc dòng Etrusque, được nuôi dưỡng bằng sữa chó sói, thì dân Quảng Châu lại

tin theo truyền thuyết, vào thời nhà Chu có năm vị tiên trang phục hợp thành ngũ sắc cõi năm con dê hạ sơn xuống vùng đất này đầu tiên. Cho nên du khách đến thành La Mã sẽ được đưa đi xem pho tượng đồng đen, đúc hình con chó sói với nhiều bầu sữa căng đầy, đang đứng cho ba đứa bé con Etrusque bú, còn ai đến thủ phủ Quảng Châu sẽ được dẫn lên núi Việt Tú coi tượng con dê đá đứng vươn lên cao với 4 con dê khác đứng quây quần chung quanh để giới thiệu về thành phố mang tên Canton trên bản đồ do người Pháp in từ xưa, viết y như chữ Canton Hưng Nhơn trong giấy khai sanh của những người sinh vào thời Tây cai trị, có nghĩa là *Tổng*, một đơn vị hành chính gồm nhiều làng hợp lại.

Ngũ Dương Thành đã trải qua 2800 năm lịch sử, đóng vai trò thương cảng lâu đời nhất của lục địa Trung Hoa. Người Ba Tư, Rập đã tới buôn bán và truyền đạo Hồi từ xa xưa, đã xây lên ngôi Thánh đường cổ xưa nhất Trung Quốc, từ thế kỷ thứ 8, thứ 9, mang tên Hoài Thánh tự. Đến thời Minh - Thanh mới mở cửa hạn chế cho người Âu Châu vào trao đổi hàng hóa. Dân số sống trong thành phố hiện nay là 6 triệu 600 ngàn người. Nếu kể cả các vùng ngoại ô, phụ cận chung quanh thì cư dân lên đến 10 triệu người, sử dụng 3 triệu chiếc xe đạp.

Nhiệt độ trung bình ở Quảng Châu là 22 độ C. Nhưng vào mùa nóng nhất, nhiệt độ có thể lên đến 40 độ C, lại không có gió nồm nên mùa hè nóng hơn ở Việt Nam. Vào những ngày bão rớt mùa lạnh, nhiệt độ xuống thấp tới 0

độ C, nhưng chưa bao giờ có tuyết rơi. Mấy năm gần đây hãng Siemens của Đức đã xây dựng cho thành phố này hệ thống đường xe điện ngầm.

Trước Tây lịch 21 thế kỷ, nhà Hạ đã đóng đô ở phía Nam tỉnh Sơn Tây và đã đặt tên cho kinh đô mới là Dương Thành (nay là vùng Đẳng Phong, tỉnh Hà Nam), khi con vua Vũ là Khải giết chết Bá Ích, người được vua Vũ chỉ định thừa kế, mà lên ngôi. Từ đó ngôi vua được truyền cho con, chớ không nhường cho người khác như thời các vua Nghiêu, Thuấn. Nhưng thành phố Năm Con Dê này nằm trong vùng đất Lĩnh Nam thuở xưa, lại trực thuộc vào nước Nam Việt của Triệu Đà, nên đã gây nhiều hứng thú cho các du khách Việt Nam khi nghe tên Việt Tú, đất Việt nở hoa, đặt cho con đường lớn, công viên đẹp nhất thành phố và ngọn đồi tiêu biểu. Người Việt tưởng như mình đã trở về đất Tổ khi đến viếng ngôi đền kỷ niệm từ thời cổ đại như Nam Việt Vương mộ, vào lễ tháp tóc của Ngài Lục Tổ Huệ Năng, nguyên người gốc Lĩnh Nam và lên thăm mộ liệt sĩ Phạm Hồng Thái trên Hoàng Hoa Cương.

• **Nam Việt Vương Mộ**
Tây Hán tảo kỳ kiến đô Phiên Ngung, đích Nam Việt Quốc đệ nhị đại vũống Triệu lăng mộ.



Vào thời kỳ đầu nhà Tây Hán, Nam Việt Vương đã đóng đô ở Phiên Ngung. Nhưng Việt sử ghi là Phiên Ngung... Nhớ lại bài học Sử Ký lớp Dự Bị, tức lớp tư... *Trọng Thủy cưới Mỵ Châu, ở lại Cổ Loa, lập kế lấy nõ Thần về cho cha là Triệu Đà. Họ Triệu đánh lấy nước Âu Lạc, nhập chung thành Nam Việt, đóng đô ở Phiên Ngung.* Cho dù một nhà thơ miền Bắc đã kết án Mỵ Châu:

*"Trái tim lầm lỡ để lên đầu,
Ái tình trót đã trao tay giặc!
Nên nổi cỏ đồ đấm biển sâu!"*

Nhưng phần đông người Việt vẫn mù lòng trước tấm chung tình của chàng rể Trọng Thủy. Sau khi đã làm tròn chữ hiếu, trả nợ nước, chàng đã nhay xuống giếng ngọc chết theo vợ! Việt sử vẫn xem nhà Triệu như một triều vua Việt xưa, nhờ vẫn duy trì chế độ Lạc Tướng, luật lệ và phong tục của nước Âu Lạc, biệt lập với nhà Hán, thời Lữ Hậu. Ngôi lăng mộ này an táng vị vua thứ hai, tức Triệu Văn Vương, người con lớn của Triệu Đà (Triệu Vô Vương). Vào năm 1983, các nhà khảo cổ Trung Quốc mới phát hiện được lăng Nam Việt Vương, tính ngược thời gian biết lăng đã được xây từ năm 290. Nay đã được tạo dựng lại theo kiến trúc hình khối, đường nét thẳng rất mạnh dạn, kết hợp với bác-vật quán, nhà bảo tàng lưu trữ những di tích cổ xưa của nước Nam Việt. Công trình xây tựa vào núi, kinh rạch cống ngầm trên dưới thông nhau, khí thế hùng vĩ, phong cách độc đáo, chung bày hàng ngàn cổ vật trân phẩm, gồm những bô đựng, đồ đồng thau, ngọc ẩn, đồ gốm màu, bình lọ sứ, áo quần, lễ phục trữ danh.

• Hoàng Hoa Cương

Trên ngọn đồi mọc toàn hoa vàng, từ năm 1918 đã được kiến tạo tượng đài khắc ghi 4 đại tự "**Hào Khí Trường Tôn**" và qui hoạch thành khu lăng viên để tôn thờ 72 liệt sĩ Trung Hoa, đã được an táng trên đó vì hy sinh cho Tổ Quốc trong cuộc khởi nghĩa "Tam nhị cửu", 29 tháng ba năm Tân Hợi (27.4.1911), do nhà chí sĩ Tôn Dật Tiên khởi xướng chống triều đại phong kiến Mãn Thanh. Điều đặc biệt là một người Việt ly hương để tranh đấu cho công cuộc độc lập của đất nước mình tên Phạm Hồng Thái, đã bán nhà cửa, chôn dung thân duy nhất nơi đất khách, để phụ tiền chôn cất các liệt sĩ Trung Hoa. Rồi tới phiên mình hành sự cách mạng, đánh bom ở nhà ga Sa Điện toan ám sát quan Toàn quyền Đông Pháp Merlin. Chẳng may việc thất bại, quan Toàn quyền chỉ bị thương. Phạm Hồng Thái bị đuổi bắn, ngã chết trên đường, cũng được dân Quảng Châu cảm nghĩa lo quan quách mai táng trên Hoàng Hoa Cương như các liệt sĩ Trung Hoa.

Về phía tay mặt ngôi mộ lớn của 72 liệt sĩ, đi hơi sâu vào phía trong khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ, một tấm mộ bia cao gần 3 thước, nổi bật lên giữa vùng cây cảnh và vòng lan can trụ bê-

tông, khắc nổi hai loại chữ, mà phần tiếng Việt đọc được như sau:

Mộ Liệt Sĩ Phạm Hồng Thái

Sinh ngày 14.5.1895

Hy sinh ngày 19.6.1924



Vị anh hùng đã hy sinh trên đất khách, hay đứng ra trên lãnh thổ Nam Việt xưa và đi vào lịch sử, khi tuổi đời mới có 29!

• Trấn Hải Lâu



Còn gọi là Ngũ Tầng Lâu vì là kiến trúc cổ xây cao 5 tầng, đứng sừng sững trên đồi Việt Tú nhìn ra biển Đông, ở ngay tường thành Đại Minh, kiến tạo từ thời Minh Hồng Vũ thập tam niên (1380), nay đã được sửa sang thành bác-vật quán, để trưng bày những cổ vật của tỉnh Quảng Đông. Công trình hùng vĩ, tráng lệ này đã được xếp vào Dương Thành bát cảnh.

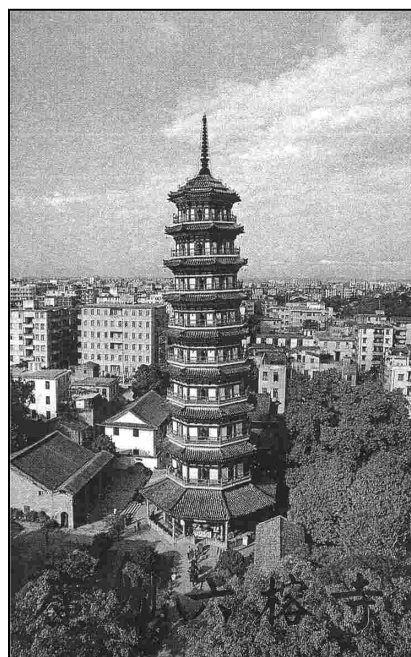
• Trung Sơn Kỷ Niệm Đường

Quảng Châu suốt thời cận đại là chiếc nôi của Cách Mạng Trung Hoa. Một người dân Quảng Đông tên Tôn Dật Tiên, sinh tại huyện Trung Sơn, gần Ma Cao, cách Quảng Châu độ 80 cây số đã lãnh đạo cuộc Cách Mạng Tân Hợi, lật đổ triều đại Mãn Thanh. Toàn dân Trung Hoa ghi ơn vị bác sĩ, thay vì lo chữa bệnh cứu mạng cho từng người, đã cứu đất nước thoát ách phong kiến và sự thống trị của ngoại bang Mãn Châu. Kỷ Niệm Đường là một hội trường lớn hình bát giác chứa 4000 chỗ ngồi, được khởi công năm

1929, xây ngay trên nền cũ của Tổng Thống Phủ thời kỳ đầu Dân Quốc và cũng là Tổng Hành Dinh của Quốc Dân Đảng Trung Hoa thuở trước, do Kiến trúc sư trú danh Lã Ngạn Trục thiết kế, kiến thành vào năm 1931.

Ngoài sân còn trồng hai cây Bạch Lan, mà ta vẫn gọi là sứ Ngọc Lan, cao gần 30 thước che mát một góc sân và tỏa hương thơm ngát cả một vùng.

• Lục Dung Tự



Chùa Sáu Cây Đa (loại cây Si cổ thọ) nằm trên đường Lục Dung, được xây vào năm Đại Đồng đệ tam niên dưới triều nhà Lương (537). Tới năm 1098, chùa gặp hỏa hoạn mới tái thiết vào thời Tống. Đại thi hào Tô Đông Pha đã viếng cảnh chùa, ngắm sáu cây Si đối với ngọn Hoa Tháp cao 8 tầng, đường nét thanh lịch, ghi lại bút tích gọi tên chùa là Lục Dung. Trong chùa còn bảo tồn tượng đồng của Ngài Lục Tổ Huệ Năng, tượng Quán Thế Âm đúc dưới triều Minh và các tượng đồng thau Tam Thế Phật đúc dưới triều nhà Thanh... Bào Tháp của chùa nguyên mang tên là "**Thiên Phật Pháp**", cao 57 thước, bên ngoài lợp 9 mái như phân 9 tầng, nhưng bên trong lại chia ra tới 17 tầng. Về sau tháp mới được gọi là Hoa Tháp do đường nét thanh lịch và màu sắc tươi đẹp của tháp. Trước cửa chùa còn khắc hai câu đối, dịch nghĩa là:

"Một tháp có bia ghi công đức,
Sáu cây đại thọ nhỏ Đông Pha"

• Chùa Quang Hiếu

Chùa rất cổ, do các nhà sư Ấn Độ qua thuyết pháp thành lập trước khi Quảng Châu thành hình. Chính là nơi xuất gia của Ngài Huệ Năng, nên trước cổng chùa còn khắc hai câu đối ghi lại sự ngộ đạo của Lục Tổ về Lý Kim Cang Bát Nhã:

"Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm
Ủ vị lai thế văn thuyết thị pháp"

Dịch nghĩa:

"Tâm này sanh ra từ chỗ không trụ
Nghe như thuyết này đến đời vị lai"

Hiện vẫn còn cây bồ đề, nơi Ngài Huệ Năng xuống tóc, sau mấy mươi năm ẩn mình làm cư sĩ. Tóc của Ngài nay vẫn còn được thờ trong một ngôi tháp nung bằng đất. Ngọn tháp cao 7 thước 8 xây từ đời nhà Đường trải qua hơn một nghìn ba trăm năm vẫn còn sừng sững với gió sương. Vua Đường Phụng Nghi lúc mới lên ngôi đã viếng chùa vào ngày rằm tháng giêng, gặp Ngài Ấn Tông đại sư đã đề tặng 2 câu đối nơi tháp này:

"Vân mê tàng pháp tháp
Yên tỏa dịch kinh đà"

Dịch nghĩa:

"Tháp chứa tóc từ mê
Nơi dịch kinh hưởng khói tỏa"

Chẳng những sinh quán, nơi xuất gia, chốn hành đạo mà cả địa điểm thị tịch của Ngài Lục Tổ Huệ Năng đều nằm trong tỉnh Quảng Đông, thuộc đất Lĩnh Nam xưa. Vua Vạn Lịch, vị vua thứ 13 của nhà Minh, vào năm trị vì thứ 34 có đến chùa này để lại 2 chữ *Lâm Ha*, lưu bút tích cho người đời sau, với nghĩa là *rừng rộng bát ngát*, ý nói nơi đây qui tụ những bậc Bồ Tát, những hàng thức giả nhiều như rừng vậy.

Khách hành hương hay du lịch đời nay dùng chân trước cổng chùa Quang Hiếu, đều nhận ra vẻ cổ kính của ngôi danh lam này khi nghe kể tích xưa, hoặc đọc hai câu đối:

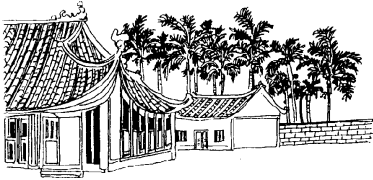
"Ngũ Dương luận cổ tự,
Sở địa phỏng ha lâm"

Dịch nghĩa:

"Năm Đề suy chùa cổ,
Đất mới thăm rừng Thiên" •

Ngày trở về

• VŨ NAM



Mấy ngày sau Đệ cùng chú Huỳnh đi Sài Gòn thăm thầy Hạnh Thảo. Gặp lại thầy Đệ giật mình. Vì không thể ở Nước Ngọt để tiếp tục tu hành, Thầy phải dời chùa về Sài Gòn, mới chưa đầy một năm nhưng trông Thầy đã tiêu tụy. Có lẽ không khí ồn ào của thành phố không thích hợp với cơ thể của Thầy bằng ở Nước Ngọt, một ấp nằm cạnh biển, nơi có gió mát suốt cả ngày. Thầy nhìn Đệ bằng đôi mắt triu mến như ngày nào. Đệ quý sụp xuống chấp tay lạy Thầy ba lạy. Ổn cấu từ ngày nào Đệ đâu thể nào quên được. Thầy Hạnh Thảo đến đỡ Đệ dậy, vò đầu Đệ và mời chú Huỳnh ngồi. Thầy bắt chuyện:

- Mặc dù không có đi thăm con nhưng Thầy vẫn thường hỏi thăm chú Huỳnh về tình trạng sức khỏe của con, việc thăm nuôi con. Và Thầy cũng thường xuyên liên lạc với những người quen của Thầy để xem bao giờ con ra tù. Thôi, như vậy là tai nạn đã qua rồi. Đời con giờ ở trong tay con. Đi tu hay trở lại đời. Nam Mô A Di Đà Phật. Biết khuyên con thế nào cho phải đây! Thầy quay mặt qua nhìn chú Huỳnh: Bây giờ tôi biết khuyên Đệ sao cho phải đây chú Huỳnh? Giờ tôi đã già rồi, không còn thời gian nhiều!

Chú Huỳnh lúc nào cũng kính trọng Thầy Hạnh Thảo. Mặc dù Thầy là Thầy của Đệ, con của chú, nhưng chú vẫn xem Thầy như chính Thầy của mình. Việc của Đệ gây ra trước đây làm chú rất buồn. Chú không biết ăn nói sao cho phải với Thầy. Nay, nghe Thầy Hạnh Thảo gợi ý, chú cũng xin trình bày thật ý kiến của mình:

- Dạ, chắc cũng phải từ từ để xem nó ra sao đã Thầy. Nó mới ở tù ra nên cũng cần một thời gian để nghỉ, để lấy lại sức khỏe, tinh thần. Sau đó thì tùy

con nó quyết định. Đi tu trở lại hay không là chuyện tự nó quyết định. Riêng ý tôi, tôi cũng rất mong con nó trở lại con đường tu hành bên Thầy. Chú xoay qua nói với Đệ: Con đã trưởng thành rồi, đã khổ rồi, bây giờ mọi việc tùy con định liệu. Trở lại tu hành hay ra đời là tự con quyết định.

Đệ nhìn cha, lòng dâng lên nỗi buồn. Suốt cả cuộc đời ông đâu có sung sướng về mặt vật chất. Khi mình bị tai nạn ông đã bị khổ thêm về mặt tinh thần. Những lần ông đi thăm nuôi, ông ít nói chuyện với Đệ. Ông chỉ nói ít lời thăm hỏi con, còn thường ông để cho má Đệ tâm sự với con, chỉ nhìn con bằng cặp mắt thương hại. Giờ ông đã già, tóc bạc, da mặt nhăn nheo, sức khỏe cũng yếu kém, đáng lẽ ông cũng cần có Đệ bên cạnh để chăm sóc ông trong lúc tuổi già. Nhưng lạ, từ ngày Đệ ra tù đến giờ chưa bao giờ ông than van với Đệ và có ý không cản ngăn Đệ trong việc tiếp tục tu hành. Đệ chưa biết mình sẽ làm gì trong thời gian tới. Nay nghe chính ba mình tâm sự với Thầy Hạnh Thảo như vậy cậu thấy an tâm. Vì, nếu cậu đi tu lại với Thầy Hạnh Thảo, ba sẽ không buồn mà còn thấy vui hơn, như ông vừa nói. Như thế cũng dễ dàng cho cậu quyết định.

Ba người đang ngồi nói chuyện thì cô con gái út Thầy Hạnh Thảo xuất hiện. Cô bung nước lên mời khách. Nhà cô ở sát vách chùa Thầy Hạnh Thảo. Chờng đi làm, cô ở nhà lo cho con. Khi có khách đến cô hay chạy qua phụ cha để tiếp khách. Cô lo phần trà nước, bánh trái. Không có cô, chưa chắc gì Thầy Hạnh Thảo được an tâm để tu hành. Ngôi chùa Thầy Hạnh Thảo khá rộng, nằm cách xa đường lớn nên hơi yên tĩnh, mặc dù ở ngay Sài Gòn nhưng tương đối cũng thích hợp cho việc tu hành. Vẫn bộ đồ màu nâu đậm, ánh mắt hiền từ, phong cách ung dung thư thái, dù có hơi tiêu tụy, Đệ thấy Thầy mình vẫn như cách đây mấy năm, khi vừa gặp Thầy lần đầu. Thầy mời cha con chú Huỳnh ở lại Sài Gòn chơi vài ngày. Thầy muốn dẫn đệ tử Đệ thăm viếng lại quang cảnh Sài Gòn: chùa chiền, chợ Bến Thành, Thảo Cầm Viên... Giới thiệu với Đệ về việc đời việc đạo ở Sài Gòn trong hiện tại. Nhưng chú Huỳnh nói bận việc nhà phải về ngay, chỉ có Đệ ở lại Sài Gòn.

Ngày sáng hôm sau, sau khi tiễn chú Huỳnh ra về ở bến xe xong, Thầy Hạnh Thảo dẫn Đệ đi dạo. Thầy nói chỉ đi dạo một chút rồi về, trời buổi sáng còn mát, đi dạo tốt lắm, khi trưa đến, dù mùa xuân nhưng trời Sài Gòn vẫn nóng. Buổi sáng trong ngày xuân thành phố tươi mát. Đoạn đường có

hàng cây đứng hai bên đường như bồng bóng lại sau mùa đông. Nụ non ra đầy trên những cành lá xanh tươi. Đi bên cạnh Thầy cũ lòng chú tiểu Đệ rộn ràng lên như những nhánh cây vừa nảy thêm mầm, chuẩn bị kết hoa ra trái. Những con đường Sài Gòn trong buổi sáng tươi tỉnh reo vui, đón nhịp bước rải đều của hai Thầy trò. Đi trong mùa xuân lòng chú tiểu như tìm lại nguồn sống Đạo cho ngày mai, bỏ qua những ngày đông giống bão, tội tình; bỏ qua những hận thù đã gặp; những yêu thương đã có. Mãi mê vừa đi dạo vừa nói chuyện đạo mà trời sắp đến trưa, Thầy Hạnh Thảo nói với đệ tử thôi về, hôm nay đủ rồi, ngày mai ngày mốt đi dạo tiếp.

Buổi chiều, Thầy Hạnh Thảo kêu Đệ lên chánh điện để cùng Thầy tụng kinh chiều. Sau một thời gian dài không kinh kệ, không tiếng mõ hồi chuông, bây giờ nghe lại lòng Đệ thấy bồi hồi. Nhìn Thầy Hạnh Thảo trong giây phút tĩnh lặng, tay lần chuỗi hạt, miệng đọc kinh, mắt như sắp nhắm lại, Đệ không biết Thầy mình đang nghĩ gì? Tâm tư Thầy vui hay buồn? Đệ chỉ biết lòng cậu đang dâng trào niềm xúc động bởi hình ảnh vị Thầy tu. Hình ảnh của tử bi, xa lánh bạo lực và những hon-thua, đặng-có trong cõi tà ba ô trước này. Lúc nhìn nghiêng, Đệ thấy gương mặt Thầy mình hiện lên nét buồn buồn. Không an nhiên tự tại, sắc mặt không bình yên, như Thầy đang có những dao động trong lúc đọc kinh, như thể Thầy đang có điều gì suy nghĩ. Cậu sẽ rơi nước mắt nếu tiếp tục nhìn Thầy. Cậu nhìn lên bàn Phật. Tấm ảnh Phật A Di Đà to lớn mà Thầy thờ trong chùa ở Nước Ngọt, giờ được Thầy thờ ở đây mới tự tại làm sao. Hình ảnh vẫn thế: tử bi, khuôn mặt vẫn thế: an nhiên, đời đời không thay đổi. Khi Thầy tụng phần hồi hướng, *nguyện đem công đức này, hưởng về khắp tất cả, đệ tử và chúng sanh, đều trọn thành Phật đạo*, Đệ mới trở về thực tại. Định thần lại, Đệ nghĩ cậu mới mơ màng trong lúc tụng kinh chớ Thầy chắc gì có lúc vui lúc buồn như cậu đã nghĩ. Sau bài kinh chiều Đệ nghĩ có lẽ cậu sẽ quyết định tu hành trở lại bên cạnh Thầy Hạnh Thảo đến suốt đời.

Hình ảnh Chi, Thiên, những người yêu cũ giờ bỗng nhiên mờ nhạt trong vùng trí nhớ cậu. Cậu mong muốn làm sao mình quên được hết mọi chuyện đời, chuyện tình cảm và những chuyện ngày qua, chỉ còn nghĩ đến con đường Phật Pháp trong phần đời còn lại.

(Trích trong truyện dài *Hai Khuôn mặt của biển*)

HỮU LOAN

và đảng cộng sản Việt Nam

Nhà thơ Hữu Loan: "Tình hình chung của đất nước bây giờ là thằng nào cũng lợi dụng trèo đầu cối cổ thằng dân chứ có gì đâu...".

• Phạm Trần

Hỏi : "Thưa ông, nhưng mà ông ở trong quê như vậy thì ông có theo dõi những cái tình hình chung của đất nước không ạ ?"

Đáp : "Có chứ, tôi theo dõi chứ. Tôi theo dõi những cái tình hình chung của đất nước bây giờ là lừa đảo rồi bết, ăn tham bần nhất là thằng nào cũng lợi dụng trèo đầu cối cổ thằng dân chứ có cái gì đâu, tức là cái đảng Cộng Sản đấy. Cái đảng CS mà còn lãnh đạo thì còn rồi bết, không có ai là gương mẫu hết".

Hỏi : "Thưa ông, ông có là thành viên của Hội Nhà Văn Việt Nam không ạ ?"

Đáp: "Có chứ. Tôi có cần thành viên đâu mà họ lại tha thiết mời. Tôi xin ra cả Hội Nhà Văn và xin ra cả đảng mà không được đấy chứ".

Đó là đoạn đối thoại thời sự nổi bật giữa Hương Ly, phóng viên BBC tiếng Việt và nhà thơ Hữu Loan trong cuộc phỏng vấn phát thanh ngày 12.10.2002. Cuộc phỏng vấn hiếm hoi của Ban Việt Ngữ BBC được chia làm hai phần:

Phần I (ngày 05.10.02) nói về nguồn gốc của tác phẩm Màu Tím Hoa Sim và những hệ lụy của bài thơ này đối với tính mạng và cuộc sống thăng trầm từ một nhà thơ nổi tiếng tụt xuống hàng lao động và nông dân bần cùng của nhà thơ Hữu Loan.

Và Phần II (12.10.02) Nhà thơ Hữu Loan nói về nhóm Nhân Văn - Giai

Phẩm cùng cuộc sống cơ hàn và những âm mưu ám sát, chế ngự đối với ông và gia đình ông của đảng Cộng Sản Việt Nam từ năm 1956 đến bây giờ. Năm nay ông Hữu Loan 87 tuổi ta (sinh ngày 02.4.1916), đang "ở nhà trồng vườn" ở làng Nguyễn Hoàn -- nơi ông gọi là chỗ "quê đẻ của tôi đấy" thuộc xã Mai Lĩnh, huyện Nga Sơn tỉnh Thanh Hóa. Tuy đã lớn tuổi, nhưng giọng nói của nhà thơ rất rõ ràng, khúc chiết và đanh thép như khi ông còn thanh niên. Nhà thơ Hữu Loan còn có một trí nhớ phi thường vì phần lớn cuộc đời ông đã phải chịu những dày ải lao động cực hình giáng xuống đầu ông và gia đình ông bởi cái đảng mà ông đã đem hết tinh thần và sức lực phục vụ trong thời kháng chiến chống Pháp. Tuy nhiên, dù gian khổ và chết hụt nhiều lần, Hữu Loan vẫn không bao giờ chịu quy lụy hay khuất phục bọn cường quyền lãnh đạo của đảng CSVN. Khí phách hiên ngang của một Hữu Loan trí thức đã tỏa rộng trong cuộc phỏng vấn với BBC-Vietnamese Program.

TÔI KHÔNG QUY LUY ĐƯỢC

Được hỏi "Tại sao từ chỗ một nhà thơ mà bây giờ lại về quê làm nông?".

Hữu Loan đáp: "Cái tính tôi không chịu quy lụy được. Bởi vì (hồi ấy) ra làm ở ngoài Trung Ương thì bắt phải theo Cộng Sản nên tôi bỏ tôi về. Tôi bỏ về nó không cho về... Nó làm tôi tam tình, tứ tội, làm đủ cách để thủ tiêu nhưng mà tôi vẫn tin là tôi có sự che chở của Trời - Phật cho nên không thủ tiêu nổi, bao nhiêu lần đầu độc không xong...".

Cái mà nhà thơ Hữu Loan nói là vào thời kỳ hai năm 1955 - 1956 khi phong trào Văn Nghệ Sĩ chống Đảng bắt đầu bùng lên với sự xuất hiện của nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm chống chính sách độc tài, đảng trị coi trí thức như cục phân, tham những thói nát của cán bộ lãnh đạo, và đồng thời chống những Văn Nghệ Sĩ bồi bút đảng tâm lừa thầy phản bạn, dốc tâm ca tụng Đảng và Hồ Chí Minh để kiếm chút cơm thừa canh cặn của chế độ. Trong số này đứng đầu là Tố Hữu rồi đến Vũ Khiêu, Nguyễn Đình Thi, Xuân Diệu v.v...

Phóng viên Hương Ly đã so sánh nghịch cảnh giữa những lời ca tụng của mọi người Việt Nam vào thời gian

lúc ấy và ngay cả bây giờ đã dành cho tác giả Màu Tím Hoa Sim với những hoạn nạn mà Hữu Loan phải gánh chịu, sau bài thơ này. Nhà thơ Hữu Loan cho biết lý do tại sao ông bị trừ dập vì Màu Tím Hoa Sim: "Bởi vì người ta làm thơ lúc bây giờ là phải làm về Đảng, ca tụng Đảng, ca tụng Cộng Sản, ca tụng cái buôn bán chiến tranh. Bởi vì cái đánh nhau là cái dễ kiếm chác lắm. Mà kiếm chác ở cái chiến tranh ấy thì khó kiểm tra lắm cho nên những cái bọn ăn bần ấy là bao giờ cũng chủ trương chiến tranh, buôn bán chiến tranh. Mà tôi thì tôi thấy cái đấy là cái khổ dân nhất nên tôi chống cái ấy hết sức cho nên vì vậy nên tôi làm cái bài thơ lúc giờ ta đang một tí là người ta đề cao Hồ Chí Minh, hai tí là đề cao Hồ Chí Minh... lúc đó tôi đề cao cái Tình Yêu... đề cao, tôi khóc với người vợ tử tế với mình, hiếm có của mình. Lúc đó khóc như vậy là nó cho là khóc cái tình cảm riêng... Lúc bấy giờ làm thơ là phải có Hồ Chí Minh, có Đảng Cộng Sản". "Tôi làm vào cái lúc mà -- y như trong thơ nói đấy -- tôi lấy bà vợ rồi sau tôi đi vào Bộ Đội thì ở nhà bà ấy đi giặt, bà ấy chết đuối ở sông... Mới lấy nhau được có hơn tháng ấy mà... Thế rồi bà ấy chết ở sông... tôi thấy đau xót tôi làm cái bài thơ ấy tôi khóc. Làm cái bài thơ ấy lúc bấy giờ họ cho là "phản động" ... Lúc bấy giờ làm thơ là phải làm về Cộng Sản, làm về Bác Hồ chứ không được khóc cái đau riêng của mình... Cái đau khổ riêng của con người là không được khóc".

MÀU TÍM HOA SIM

Sau đó, Hương Ly đã yêu cầu ông đọc bài thơ Màu Tím Hoa Sim và Hữu Loan đã dẫn lòng đọc ngắt ra từng chữ một, phân đoạn và run run tức tưởi sững sờ trước mộ phần của người vợ trẻ bạc số của ông:

"Nàng có ba người anh đi bộ đội.
Những em nàng có em chưa biết nói.
Khi tóc nàng xanh xanh. Tôi người Vệ quốc quân xa gia đình. Yêu nàng như tình yêu em gái. Ngày hợp hôn nàng không đòi may áo mới. Tôi mặc đồ quân nhân. Đôi giày đinh bết bùn đất hành quân. Nàng cười xinh xinh bên anh chồng độc đáo. Tôi ở đơn vị về. Cưỡi nhau xong là đi. Từ chiến khu xa nhỏ về ái ngại. Lấy chồng đời chiến chinh. Mấy người đi trở lại. Nhỡ khi

*minh không về. Thì thường người vợ
chờ bé bỏng chiều quê ** Nhưng
không chết người trai khói lửa. Mà chết
người gái nhỏ hậu phường. Tôi về
không gặp nàng. Má tôi ngồi bên mộ
con đầy bóng tối. Chiếc bình hoa ngày
cuối. Thành bình hưởng tàn lạnh vây
quanh. Tóc nàng xanh xanh. Năm
chưa đầy búi. Em ơi giây phút cuối.
Không được nghe nhau nói. Không
được trông nhau một lần. Ngày xưa
nàng yêu hoa sim tím. Áo nàng màu
tím hoa sim. Ngày xưa đèn khuya
bóng nhỏ. Nàng vá áo cho chồng tấm
áo ngày xưa ** Một chiều rừng mưa.
Ba người anh đi chiến trường đông
bắc. Biết tin em gái mất. Trước tin em
lấy chồng. Gió sớm thu về rờn rợn
nước sông. Em nhỏ lớn lên. Ngõ ngàng
nhìn ảnh chị. Khi gió sớm thu về. Cổ
vàng chân mộ chí. Chiều hành quân
qua những đồi hoa sim. Những đồi hoa
sim. Những đồi hoa sim dài trong chiều
không hết. Mâu tím hoa sim tím chiều
hoang biển biệt".*

HỮU LOAN ĐI LAO ĐỘNG

Vì Hồ Chí Minh và đảng CSVN đã xúc phạm đến danh dự và tình cảm thiêng liêng của Hữu Loan dành cho người vợ yêu quý, nên nhà thơ đã quyết định bỏ đảng, bỏ cơ quan, bỏ Vệ quốc quân về mà không cần xin phép, nộp đơn từ nhiệm.

Ông nói: "Năm 1956, tôi không ở nữa mà tôi bỏ tôi về thẳng, bỏ Đảng, bỏ Cơ quan để về thẳng nhà để đi cày, đi thồ. Cán bộ (bạn ấy) không cho bỏ, bắt tôi phải xin, bắt tôi phải viết đơn xin, tôi không xin... tôi có cái tự do của tôi... cái chuyện bỏ Đảng là tôi muốn bỏ là tôi bỏ không ai bắt được... Tôi bỏ tôi về, tôi cứ về... tôi phải đi cày, đi bừa, đi thồ, đi đốn củi đưa về, đi xe đá để bán thì nó làm tôi đủ cách, xe nó không cho xe, nó bắt xe đến nỗi sau cuối cùng không xe được tôi phải đi xe cút-kít (Chú thích: Xe đóng bằng gỗ, có một bánh xe cũng bằng gỗ phía trước, có hai cang phía sau thùng gỗ để đùn hay kéo đi). Tôi làm cái xe cút-kít tôi đi... xe cút-kít nó cũng không cho... nó xui người bắt bánh xe, không bán cho tôi nữa... có lần tôi phải gánh bộ, gánh bằng vai... tôi cũng cứ nhận để tôi gánh... Tôi cứ gánh tôi làm, không bao giờ tôi chịu khuất phục". "... Vợ con nó có về oán tôi lắm... (cho rằng) tại tôi bú dưỡng binh cho nên là

chúng nó khổ... thế nhưng mà tôi làm đủ mọi thứ... không có cái gì là không làm chỉ có cái đi làm hại ai là không bao giờ hại còn cái gì tôi cũng làm hết. Làm thì nó theo dõi, nó ngăn cản, nó tìm cách hại mình nhưng mà... cái chuyện là vẫn là có Trời không bao giờ nó hại được tôi... vì là đi đến đâu cũng có Công an mật đi theo hết. Chỗ nào cũng cho người theo hại tôi, nhưng mà lúc nào là cũng như có người cứu tôi". "Có một cái lạ là những bài thơ của tôi ấy là bài nào là nó cũng cứu sống tôi. Bởi vì lắm khi người ta bố trí công an mật đi để giết tôi mà thì lắm khi nó không nổ giết là vì nó thích thơ tôi mà nó không nổ giết".

Nhà thơ Hữu Loan đã nói đến trường hợp một mật vụ được giao lệnh giết ông: "Nó nói thật với tôi. Nói đúng là người ta bố trí tôi để giết ông nhưng mà tôi là cái thằng rất yêu Quê Hương, yêu với Quê Tôi... tôi nhớ quê tôi tôi đem cái bài thơ của ông, cái bài thơ Yên Mô (tỉnh Ninh Bình) đấy để tôi đọc, để cho đỡ nhớ thì tôi không thể nổ giết ông là vì ông tả cái Quê tôi hay quá. Mỗi một lúc nhớ quê hương thì tôi lại đem cái bài thơ ông làm về Yên Mô ra tôi đọc".

Ngoài bài Yên Mô, ông Hữu Loan còn làm nhiều bài thơ khác trong thời gian đi lao động kiếm ăn, trong đó ông kể thêm cái bài Đèo Cà, bài Tò He, bài Những Nàng Đi Qua, bài Hoa Lúa V.v...

TỰ DO VÀ NHÂN VĂN - GIAI PHẨM

Khi nói đến tư cách của Kề Sĩ bất khuất trước đe dọa và bạo quyền, nhà thơ Hữu Loan nói với BBC: "Tôi là một thằng đích thực tự do, mà bảo vệ tự do của tôi với tự do của mình và tự do của dân tộc... tự do của mọi người. Tôi thấy ai mất tự do thì tôi bênh vực cái người ấy và tôi cũng không bao giờ để cho tôi mất tự do. Như là tôi làm những cái mà... bao giờ cũng làm cái đạo đức tức là thương người. Thấy đối thì thương, ai rách thì cho mà ai bị áp bức thì bênh vực. Nhưng mà có một cái là không ai áp bức tôi được. Áp bức là tôi chống lại. Chống bất cứ ai mà ngay cả đến cần phải đánh nhau... cả hàng lữ người mà làm tôi mất tự do tôi cũng chống lại và nếu cần đánh là cũng phải đánh".

Hữu Loan, theo lời ông, đã tham gia trực tiếp vào những Giai Phẩm Mùa Thu, Giai Phẩm Mùa Xuân và Giai Phẩm Mùa Đông xuất bản chống chính sách Đảng vào giai đoạn 1955-1956. Ông nói: "Đấy là nhà xuất bản của chúng tôi làm... của mấy thằng Nhân Văn làm mà".

Khi Hương Ly hỏi trong nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm hỏi ấy thì ông chơi thân nhất với ai và ai là người mà ông coi là bạn tri kỷ tâm đắc nhất ?

Hữu Loan đáp: "Gần gũi thì đồng. Như là Chế Lan Viên này rồi rồi là cánh Nhà văn thì họ thích tôi hết cả. Xuân Diệu hay là... Nói chung thì cánh Nhà văn thì họ đều thích tôi. Có trừ một vài cái anh bất tài. (Nhiều người) họ cũng chống quân trên, (nhưng) họ không dám nói. Hồi đó thì chúng tôi thành một khối với nhau cả... những Trần Dần với lệ Phùng Quán này...".

Hữu Loan cũng cho biết, ngoài ông đảng CSVN còn thù hận cả gia đình ông, nhất là các con của ông là những người học hành thông minh nhưng cứ nạy cố bắt học đi học lại không cho lên Phổ Thông (Trung Học).

TRẦN ĐỘ VÀ HỮU LOAN

Khi BBC hỏi tại sao khi ông bị rày rà, bị nhiều cấp chính quyền tìm cách phá công chuyện làm ăn kiếm sống của mình thì ông có lên Ủy Ban hay giới chức để hỏi cho ra lẽ không?

Hữu Loan trả lời: "Hỏi thì hỏi cho biết thôi chứ đến với chúng nó là chửi bới thôi chứ hỏi làm gì. Tôi chỉ có chửi bới vào mặt và đánh thôi. Tôi đánh nhiều đứa vỡ mặt vỡ mũi chảy máu mồm máu mặt đấy".

Hương Ly: "Nhưng mà thưa ông, tức là ông dùng bạo lực như thế thì có khi cũng không phải là cái phương cách tốt để mà ngồi xuống nói chuyện, để mà đối thoại với nhau ă ?

Hữu Loan: "Đối thoại có đường cái đồng cánh gì mà đối thoại. Nó là cứ Đảng là trên hết mà. Đảng là chính. Đối thoại không được chứ... Đối thoại là nó lại ấy nó không... Những người binh tôi là bị hết. Anh Trần Độ anh ấy binh tôi rồi anh ấy bị nó hãm hại đấy. Anh có nói như thế này, anh Trần Độ nói như thế này này: Từ thời nhà Lý trên bốn nghìn năm nay thì chọn ra được 11 bài thơ tình thì trong đấy là cái bài thơ Mâu Tím Hoa Sim của ông

Loan là cái bài thơ hay nhất. Thế là anh Trần Độ... đề cao tôi như vậy mà nó bao vây anh Trần Độ, nó không cho làm cái gì".

Nhưng khi được hỏi bây giờ đã sống tới 87 tuổi thì nhà thơ "ngẫm nghĩ về cuộc đời của mình" như thế nào thì Hữu Loan nói ngay: "Tôi rất bằng lòng về tôi bởi vì tôi đã bên vực được những người nghèo. Tôi đã làm được những các chức việc đạo đức mà tôi đã đánh những cái quân gọi là cái quân cường quyền, cái quân mà gọi là lừa đảo, bịp bợm... lừa Trời dối Đất... tôi đã đánh được quân ấy cho cả nước và tôi không có ngại một lúc nào, không có cách nào, là tôi cũng vẫn kiểm cách để tôi đánh chúng nó... Thí dụ như khi tôi về rồi (chú thích: sau 1965) thì thấy cái cảnh Cán bộ khổ quá tôi làm cái bài thơ "Chiếc Chiếu" đây. Chiếu đấy thì tôi làm ra một cái thì, nghĩ về gần Cán bộ khổ quá, nhà ai cũng vậy chiếc chiếu nằm cũng không có mà nằm... Cán bộ đói đến như vậy. Thế thì là đầu tiên tôi làm cái bài ấy thì Trần Dần cũng bảo là đấy cũng là Chiếu của Văn Nghệ. Chiếu của Hữu Loan tức là Chiếu của Văn Nghệ Sĩ. Nhưng mà đến sau này thì cái Chiếu ấy lan ra cả Công nhân, Viên chức, Công nhân, Viên chức nào cũng có cái chiếc chiếu giống như cái chiếc Chiếu mà tôi viết đấy là Chiếu của Hữu Loan đấy".

Sau đó, Hữu Loan đã đọc lại nguyên văn bài thơ Chiếc Chiếu:

"Có ai thấy một người cha. Từng buổi, từng buổi. Trước tủ kính cửa hàng Mậu dịch dòm dòm như nổ mắt. Tì mũi giẹp như quả bóng xuống hơi. Thăm đọc đi đọc lại giá hàng từng thứ đồ chơi. Dù nhiều lần đã hạ giá. Trong óc nổi bóng bong từng mô. Những cơm đến gạo đến quần đến áo. Đồi chiếu nằm rách tử giữa rách ra. Tục ngữ nói rằng những chiếc nhà dột tử nóc trên dột xuống. Từng sáng mai nhìn gầm giường. Đốt cói rụng đây như chiếu rụng đốt xuống. Gió thổi tử dưới thổi lên. Muỗi cũng đốt tử dưới đốt lên. Nhưng con đái dầm lại tiện. Ròng rã muỗi năm kháng chiến. Cầm vững hai tay. Một cái tinh thần. Choáng nhau với súng với bom. Gian khổ còn ử? Bố con ta lại vung cái tinh thần như tráng sĩ vung gươm. Chong chóng không quay. Con vút đi phụng phịu. Sáng kiến làm đồ chơi. Bố thì không thiếu.

*Bố lại lấy lá dứa vấn cho con cái kèn. Bố thổi nó kêu lên tò he... tò he. Con đắc trí giạt kèn đi thổi khắp. Ô Kim Mã tò he... tò he. Như một thiên sứ Hải đồng. Xuống lệnh diêm tin Tò he... tò he. Nhỏ truyện Đông Chu. Sao đỏ, sao đen Tò he... tò he". ****

PHỤC HỒI CÁI GÌ ?

Nhà thơ Hữu Loan xác nhận một số Thơ làm về Bộ Đội của ông đã được nhà xuất bản Quân Đội chọn xuất bản thành tập cũng như một số bài khác, dù có nội dung "chống đối" hay được coi là "có vấn đề" với nhà nước đã được nhà xuất bản Kim Đồng ở Hà Nội in ra, nhưng ông không coi đó là một đặc ân hay nhìn nhận công lao của ông. Ngược lại ông bảo, một phần vì cũng có người "trong cánh ấy" (trong nhóm ấy) biết công nhận thơ của ông. Hoặc như nhà xuất bản Kim Đồng đã viết lời giới thiệu: "Phải đem thơ ông Loan để dạy cho thanh thiếu niên học ở đấy cái đạo làm người".

Hữu Loan nói với Hương Ly: "Nhưng mà cái chuyện mà họ đưa ra in... Nhà xuất bản Kim Đồng in thì đấy là cái to gan rồi đấy vì trước kia là họ không dám. Cái to gan của trí thức Việt Nam.. trí thức Việt Nam vẫn có cái khí phách mà vẫn đi đến chỗ mà gọi là dám làm những điều phải, dám bình vực cái lẽ phải". Nhưng còn cái chuyện được gọi là đảng CSVN bây giờ không trừ dập nữa hay đã phục hồi nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm thì sao, nhà thơ Hữu Loan nói về quan điểm của ông: "Cái phục hồi thì họ phục hồi hay không thì tôi cũng thế, còn tôi thì cũng cứ vẫn là tôi. Tôi vẫn bình vực... tôi vẫn làm đấy thôi chứ còn cái phục hồi kia lắm lúc nó cũng chỉ là, coi là lấy cái hình thức thôi. Thí dụ như là họ phục hồi cái kiểu như thế này: Thụy Điển, nước Thụy Điển ấy thì là xin đến thì nó không cho đến sau đến cuối cùng khi ông ta xin nhiều quá thì nó bảo là tôi chết rồi chứ có cho đến đâu. Thế cho nên là sáu lần xin, sáu lần bảo tôi chết đến nỗi lắm... hồi ấy có người ở Hà Nội tưởng tôi chết thật đã viết thư về gọi là viếng cơ mà. Các bạn như Phùng Cung với các người khác ở Hà Nội đã viết thư để viếng. Họ úp mở... tại đến giờ họ có thật thà đâu mà mình... nghĩa là (họ) không có bao giờ thật thà".

Hương Ly: "Nhưng mà thưa ông là khi mà một số những thành viên trong

nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm mà được phục hồi như vậy đấy thế thì giới chức họ có về gặp ông để mà giống như là ngồi xuống nói chuyện rồi nói rằng là thôi bây giờ cái chuyện cũ đã qua rồi thì bây giờ tất cả những cái gì thuộc về quá khứ thì bỏ qua một bên hay không ạ ?"

Hữu Loan: "Họ về chụp ảnh ấy mà. Hay may cả Xích-Mốc-King (Chú thích: Smoking, loại áo đuôi tôm của đàn ông Tây phương mặc vào các dịp lễ lạc của dân quý phái, quý tộc hay dạ tiệc bây giờ), áo lễ phục cho tôi với lại ấy... nhưng mà tôi cũng không... tôi chán chúng nó chẳng qua cũng chỉ là cái hình thức thôi. Tôi cũng bảo rằng tôi thì tôi sống què mùa nó quen rồi, chứ còn các thứ áo đây thì các anh đem về cho những người khác bởi vì nếu bây giờ tôi mặc thì dân chúng chắc là họ lại kháo nhau bảo là cái ông này ngày trước có vẻ mẫu mực lắm, nhưng bây giờ có vẻ là lại được tí như bồng lộc gì đấy lại đi... gọi là đi theo".

Đó là con người và bản tính bất khuất của một Nhà Thơ nổi tiếng của Văn Học Việt Nam. Hữu Loan còn các bút hiệu khác như Phương Hữu và Hữu Sinh. Ông xuất thân từ một giáo chức dạy Pháp văn năm 1939 và đã từng tham gia cướp chính quyền ở tỉnh Thanh Hóa tháng 8.1945. Từ năm 1946 đến 1951, ông trong Ban Biên Tập chủ lực Tạp chí Chiến Sĩ Quân Khu Tư. Nơi đây Hữu Loan gặp tướng Nguyễn Sơn là một trong số những người yêu quý Văn Nghệ Sĩ kháng chiến. Sau đó, ông đã từng giữ nhiều chức vụ huấn luyện viên cán bộ khác nhau cho đến khi Hữu Loan tham gia chống Đảng trong hai Tạp chí Nhân Văn và Đất Mới. Sau khi bị Hồ Chí Minh và tay sai Văn Nghệ-Công An đàn áp, Hữu Loan đã chịu chung số phận với nhiều Văn Nghệ Sĩ khác bị tù đày và lao động khổ sai, có người cho đến chết. Bây giờ, 48 năm sau kể từ năm 1954, mặc dù Việt Nam đang cố gắng đi lên trong thời kỳ được gọi là "đổi mới tư duy" nhưng đảng CSVN và đám hậu duệ Hồ Chí Minh vẫn chưa biết hối hận về hậu quả của những hành động đàn áp trí thức và Văn Nghệ Sĩ của thời Nhân Văn - Giai Phẩm. Ngược lại họ vẫn tiếp tục đi vào vết xe đổ bằng những đe dọa hung hãn hơn./-

Hoa Thịnh Đốn (10.02)

BỌN ẼN CƯỚP HỢP THỨC HÓA THÀNH TÀI PHIỆT ĐỒ

● LÝ ĐẠI NGUYÊN

Đại hội Đảng Cộng Sản Trung Quốc lần thứ 16, đã chính thức công khai loại bỏ chủ nghĩa Mác Lê ra khỏi suy nghĩ và đời sống chính trị tại Trung Hoa. Khi thuyết “*Ba Đại Diện*” của Giang Trạch Dân được ghi vào cương lĩnh của đảng, nhằm trải thảm nhưng đón “*Giai Cấp Tư Sản*” vào đảng, và nâng vai trò Văn Hóa Trung Hoa lên thành chủ đạo Toàn Dân, thì ở đó không còn chỗ đứng cho chủ nghĩa “*Giai Cấp Đấu Tranh*” của Karl Marx. Nó cũng không còn cần dùng tới danh nghĩa chuyên chính “*Công Nông*” độc quyền lãnh đạo của Lenin nữa. Nó có danh xưng mới là “**Chủ Nghĩa Xã Hội Đặc Trưng Trung Quốc**”. Tức là thứ Xã Hội Chủ Nghĩa Gia Trưởng Đại Hán. Hay có thể gọi là chủ nghĩa **Đại Gia Tài Phiệt Đồ** càng đúng hơn.

Sau phiên họp đầu tiên ngày 16-11-2002 do Hồ Cẩm Đào chủ trì, Bộ Chính Trị Trung Cộng đã công bố bản thông cáo kêu gọi đảng viên cộng sản từ nay: “**hãy chủ động tự giải phóng tư tưởng ra khỏi xiềng xích của những hệ thống thông lệ và khái niệm lỗi thời; khởi những lối diễn dịch chủ nghĩa Mácxit độc đoán sai lạc; khởi gông cùm của chủ nghĩa chủ quan và trừu tượng**”. Đây là bước khởi đi của việc thanh trừng tư tưởng cộng sản ra khỏi người cộng sản, ở những kẻ còn mù quáng tin vào thứ chủ nghĩa xã hội cộng sản lỗi thời.

Thực tế từ khi thuyết “*Mèo Trắng Mèo Đen*” của Đặng Tiểu Bình được đưa vào chủ đạo cho nền kinh tế Trung Quốc, thì những giá trị của học thuyết cộng sản đã bị loại bỏ. Nhưng lớp cộng sản già nua ngu tối vẫn nặng lòng với quá khứ còn quá

nhều, nên phải dùng danh nghĩa cộng sản để thống nhất lãnh đạo. Nhất là danh chính ngôn thuận để độc quyền làm kinh tế thị trường. Nhờ đó nhóm lãnh đạo đảng mới có cơ hội độc đoán chuyên quyền, dùng hình thức quốc doanh, quân doanh để ăn cướp tài sản quốc gia, dùng chính quyền để tham nhũng, buôn lậu, cưỡng đoạt điều kiện phát triển của quốc dân, làm giàu bất chính.

Nay thì Trung Quốc đã chính thức gia nhập sinh hoạt thị trường tự do toàn cầu. Bắt buộc phải sống trong luật lệ minh bạch công khai giống như các nước tự do, để được thế giới cho chơi chung. Nên họ không thể sinh hoạt tùy tiện “*nửa kín, nửa hở*” được nữa. Buộc lòng phải dùng danh nghĩa mở cửa đảng, đón giai cấp tư sản vào, nhằm hợp pháp hóa tài sản của đảng viên đã ăn cướp, tham nhũng, buôn lậu từ xưa tới nay. Sự hiện diện của Dạ Khánh Lâm trong Thường Trực Bộ Chính Trị, cơ quan quyền lực tối cao của đảng, vốn nổi tiếng có liên hệ về tham nhũng, buôn lậu là bằng chứng hùng hồn, Vì dưới chế độ Trung Cộng làm gì có loại tư sản ngoài đảng nữa, ngoại trừ giới Hoa Kiều có quốc tịch nước ngoài.

Vậy, thật ra thứ Xã Hội Chủ Nghĩa đặc trưng Trung Quốc chỉ là chế độ **Đại Gia Tài Phiệt Đế Quốc**, kiểu Tư Bản Thực Dân của Âu Châu xưa, kết hợp với công thức keiretsu của Nhật và chaebol của Nam Hàn nay, nhằm khuyến khích các gia tộc đảng viên làm ăn công khai, tạo ra các Đại Gia Tài Phiệt, rồi bao trùm lên trên hết là Tổng Công Ty của toàn Đế Quốc là Cộng Đảng, để cạnh tranh với Tư Bản Quốc Tế, đồng thời tiến hành chính sách Thực Dân với các nước lân bang; đối tác, đối đầu với siêu cường Hoa Kỳ, Liên Âu, Nhật Bản. Hiện nay con cháu Đặng Tiểu Bình, Giang Trạch Dân, Lý Bằng, nhóm lãnh tụ, cũng như các tướng lãnh đang làm chủ nhiều công ty tư doanh, quốc doanh, quân doanh đã nói lên điều đó. Các công ty quốc doanh, quân doanh có lời, rồi ra sẽ được sang tên cho con cháu lãnh tụ làm chủ là điều trông thấy.

Chính vì vậy, mà đại hội đảng trao quyền cho thế hệ mới này, đã diễn ra trong trật tự êm đềm, vì tất cả quyền lợi của các “Đại Gia” đều

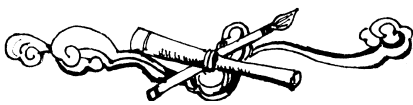
được bảo đảm. Còn chủ quyền quốc dân thì hãy đợi đấy! Đợi đến khi đảng đủ thời gian và điều kiện tẩy xóa đi những vết tích tham nhũng làm giàu bất chính, qua việc sinh hoạt công khai hợp pháp trong luật lệ tự bản, và trở thành thế lực tài phiệt thực quyền về kinh tế, đủ sức khống chế chính trường, lúc đó dân Trung Hoa mới hy vọng được Dân Chủ Hóa. Chính chiều hướng này, đã tạm làm hài lòng các thế lực đầu tư, yên tâm bỏ vốn vào nền kinh tế khổng lồ, có lời, bề ngoài có vẻ ổn định tại Hoa Lục.

Bởi vậy vấn đề quan tâm hàng đầu của ban lãnh đạo mới tại Trung Cộng về: Đối nội, phải dùng sức mạnh Quân Đội để chống nổi loạn. Đối ngoại, phải tránh đối đầu quân sự trực tiếp với siêu cường Hoa Kỳ, khi thực lực của Trung Quốc chưa đủ mạnh. Chính vì vậy, mà Đại Hội Đảng đã phải hoãn lại sau ngày Giang Trạch Dân được Tổng Thống Mỹ, George W Bush thân mật mở cửa trang trại riêng tại Crawford Texas để đón tiếp, mới cho khai mạc. Việc Giang Trạch Dân còn giữ chức Chủ Tịch Quân Ủy Trung Ương là để đảm bảo với Mỹ về đường lối chính sách thân Mỹ của Trung Cộng mỗi ngày một tốt hơn. Đồng thời bằng vào đó, chứng tỏ cho toàn đảng, toàn dân và quốc tế biết, họ Giang vẫn là người cầm lái Trung Hoa.

Là tên học trò ngoan ngoãn của Trung Cộng, chắc Việt Cộng phải học theo quan thầy là đào mỏ chôn đi thứ chủ nghĩa Mác Lê và tư tưởng Hồ, như Trung Cộng đã chôn chủ nghĩa Mác Lê và tư tưởng Mao tại đại hội 16 thôi. Nhưng, nếu Hà Nội khôn hồn thì nhân cơ hội Trung Cộng chưa dám qua mặt Mỹ, hãy vượt đi trước Trung Cộng bằng cách quay về với Quốc Dân, bắt tay ngay vào việc Dân Chủ Hóa chế độ, Tự Do Hóa xã hội, Tư Hữu Hóa kinh tế, nghiêm chỉnh thực hiện Thương Ước Việt Mỹ, nương vào thế Mỹ và các khối Kinh Tế Tự Do, để kịp năm 2004 gia nhập WTO, mới mong thoát khỏi sự khống chế lâu dài của Đế Quốc Đại Hán. Đồng thời làm điểm tựa cho Người Trung Hoa thực hiện một **Quốc Gia Dân Chủ Liên Bang**, góp phần xây dựng nền Hòa Bình Phát Triển lâu dài cho Á Châu và Thế Giới.

(Little Sài Gòn 19-11-2002.)

Bài phát biểu của Bà Trần Lệ Tuyên trong buổi hội thảo tại Paris về "Bổn Phận của người cầm bút trước hiện tình của đất nước".



Kính thưa Trung Tướng Trần Văn Trung, Chuẩn Tướng Hoàng Cơ Lân, Quý vị Sĩ quan cao cấp.

Kính thưa quý vị viên chức chính quyền, quý vị Quân, Cán, Chính Việt Nam Cộng Hòa.

Kính thưa Lão Đồng Chí Võ Thu Tịnh, Lão Đồng Chí Nguyễn Thủy, Đồng Chí Trần Đăng Sơn, Quân ủy Trung ương Pháp định, Việt Nam Quốc Dân Đảng, kiêm Chủ tịch Đảng Bộ Miền Trung (trước 30.4.75), cùng các chiến sĩ Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Kính thưa quý vị Đại diện các Đoàn Thể, Tôn Giáo, các Chính Đảng, cùng quý vị quan khách hiện diện trong buổi hội thảo hôm nay.

Kính thưa quý vị,
Trước hết, tôi chân thành cảm ơn Ban Tổ Chức. Đặc biệt là chiến hữu Đỗ Bình, người mà cách đây hơn 12 năm lúc tôi vừa đến Pháp chưa đầy một tháng, tôi đã gặp anh trong ba ngày tại Đại Hội Quốc Tế Nhân Quyền, do phu nhân Tổng Thống Mitterrand tổ chức tại Paris, gồm có 70 nước tham dự, trong đó có phái đoàn Việt Nam lưu vong, nhận được thư mời của ông Daniel Jacoby, Chủ tịch Quốc tế Nhân quyền, chúng tôi đã đến tham dự và tôi đã gặp anh Đỗ Bình trong đại hội, chính anh đã gợi ý cho tôi có đôi lời phát biểu về "Bổn phận của những người cầm bút trước hiện tình đất nước".

Kính thưa quý vị,

Tuy nhiên, tôi không dám nói lên những lời phạm thượng ấy, đối với các bậc phụ huynh đã từng cầm bút, có vị đã cầm bút đến gần hết cả một đời. Hay với những người đi trước. Vì thật ra tôi chỉ là người học trò mẩu giáo đang tập tành để viết mà thôi.

Song, nhờ sự nâng đỡ của các bậc phụ huynh, của các vị chủ nhiệm, chủ bút nên những bài viết của tôi đã được đăng lên các báo. Vì thế, nhân đây tôi cũng xin thành kính tri ân các bậc phụ huynh đã dìu dắt tôi vào lãnh vực văn hóa, vốn mệnh mỏng và vô tận.

Và hôm nay tôi, người học trò mẩu giáo, chỉ xin được nói lên những ý nghĩ thô thiển và hạn hẹp. Vì thế nên có gì không đúng, kính xin quý vị vui lòng lượng thứ.

Kính thưa quý vị,

Lịch sử đã chứng minh: Mặt trận văn hóa vô cùng quan trọng, bởi ngòi bút là một vũ khí lợi hại, đôi khi còn có hiệu quả hơn cả gươm và súng.

Là người Việt Nam, chắc ai cũng biết đến Bản Tuyên Ngôn đầu tiên của vị anh hùng Lý Thường Kiệt, khi đã minh định bờ cõi nước Nam.

Và cũng không có người nào không biết bài "Hịch Tướng Sĩ" của Hưng Đạo Đại Vương, đã làm sôi lên bầu nhiệt huyết, nấu nung lòng yêu nước diệt thù, đã khiến các tướng sĩ cùng dùng dao thích vào cánh tay với lời thề "Sát thát".

Thật vậy, chính ngòi bút ấy đã quét sạch hàng vạn quân Tàu ra khỏi bờ cõi nước ta.

Kính thưa quý vị,

Đến thời đại chúng ta, gần đây nhất khi cộng sản Bắc Việt xua quân xâm lăng miền Nam tự do thì người cộng sản đã tận dụng mặt trận văn hóa, bằng cách dùng văn, thi, ca để tuyên truyền, kích động những người ngây thơ, tự nguyện làm phụng tiện, lăn xả vào cái chết, để cho họ đạt đến mục đích là thống trị toàn cõi Việt Nam. Mà chúng ta đã thấy qua bài hát "Giải phóng miền Nam".

Trong khi đó tại miền Nam tự do, trừ những bản nhạc của Cục Chính Huấn và một số không nhiều của các thi, văn, nhạc sĩ có tinh thần nêu cao chính nghĩa Quốc Gia. Số còn lại chỉ viết những lời phản chiến, hoặc than mây khóc gió, trong lúc các chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa đang ở tuyến đầu, trên tiền đồn heo hút, hoặc trong rừng

sâu, chốn biên phòng, vai ba-lô, tay súng sống chết với kẻ thù chung.

Sau 30.4.75, đất nước rơi vào tay cộng sản. Nhân danh là những người đi "Giải phóng miền Nam", họ đã lừa hàng triệu Quân, Cán, Chính Việt Nam Cộng Hòa vào các nhà tù lao động khổ sai để hành hạ trả thù.

Kính thưa quý vị,

"Đoạn trường ai có qua cầu mới hay". Ai đã từng qua các nhà tù của cộng sản Việt Nam, thì mới thấu được những cực hình mà người cộng sản đã dành cho người tù cải tạo.

Tôi đã là tù nhân, tám năm qua các nhà tù cộng sản Việt Nam, trong đó có 7 năm tại trại T.154. Cũng như anh Phạm Văn Đức, anh Dương Văn Lợi, anh Đỗ Bình... Nên từng chứng kiến những thảm cảnh đau thương kinh hoàng nhất, ấy là có những vị tù đã bị xử bắn, bị đánh đến gãy tay, đến chết, cũng có vị bị cùm bỏ đói, khi chết rồi mà đôi chân vẫn còn trong đôi cùm sắt treo trên tường, thân thể quắt queo trên nền gạch lạnh lẽo của phòng biệt giam tăm tối.

Những người tù còn sống, hàng ngày như những bộ xương di động. Quý vị ấy đã từng thay trâu bò cày, bừa, đốn, vác củi... Dù nắng như thiêu đốt, hay những ngày đông buốt giá tất cả đều phải dầm mình dưới sinh lầy tới ngực, tới bụng, đĩa đeo tới cổ đục xuyên áo quần hút máu. Nhưng lao động đến tối, nếu ngày nào không đạt chỉ tiêu thì bị phạt không cho tắm. Quý vị làm sao tưởng tượng được, là nam tù thì còn có thể chịu đựng, nhưng với đám nữ tù cả ngày dầm mình dưới sinh lầy đến tối lại bị phạt không được tắm, chỉ được xuống giếng rửa qua loa rồi vào phòng cho công an trại điểm danh, khóa cửa để còn về nhà lo ăn và ngủ. Mặc cho đám nữ tù lên sạp nằm khóc không còn thiết gì đến chén sắn độn cơm nữa.

Không những thế khi mà ra tù họ còn bị quản thúc, quản chế, còn bị công an mở "Tòa án Nhân dân" rồi tổ chức cho những gia đình đảng viên cộng sản đấu tố. Cùng đường họ đành phải liều chết vượt biển tìm tự do, có người đã bị vùi thân dưới lòng biển như số phận của hàng ngàn thuyền nhân trước đó. Và tôi cũng là người vượt biển may mắn đến được nước Pháp.

Là một đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng, trực thuộc Trung ương Pháp định và chính thống do cố Chủ tịch Vũ Hồng Khanh lãnh đạo và cũng là một

quân nhân, mười mấy năm qua tôi vẫn hằng xót đau theo từng nỗi đau của các chiến hữu, đồng bào, đồng chí còn ở lại quê nhà. Tưởng rằng nỗi đau chỉ đến đó. Không ngờ hôm nay lại còn thêm một nỗi đau lớn hơn thế nữa. Ấy là khi biết được Đảng Cộng Sản Việt Nam đã đem một phần đất và biển đặc biệt là i Nam Quan lịch sử hiến dâng cho Trung Quốc. Kẻ thù truyền kiếp của dân tộc.

Như vậy mà trong bài hát "Giải phóng miền Nam" của họ có câu: "Giải phóng miền Nam, chúng ta cùng quyết tiến bước, diệt đế quốc Mỹ đánh tan bè lũ bán nước...". Bây giờ thì toàn dân đã rõ. Lạ lỵ Mỹ cũng chính là Đảng Cộng Sản Việt Nam, và bè lũ bán nước cũng chính là bè lũ Đảng Cộng Sản Việt Nam. Thế nhưng tại quốc nội ai dám lên tiếng đều bị họ bắt bớ, cô lập. Không những thế mà các lãnh đạo tôn giáo cũng đều bị cầm tù, khủng bố, đàn áp dã man, cả gia đình các vị ấy cũng bị tru dập, đến những bé thơ đến trường, họ cũng tổ chức cho thầy, cô và học sinh trong lớp sỉ vả và xa lánh. Vậy giờ đây, chúng ta là những người cầm bút đang sống tự do nơi hải ngoại, lẽ nào lại làm ngơ ngồi viết nhạc, văn và thơ tình bởi:

"Trong hoàn cảnh đất nước hôm nay
Mọi giấc mơ hoa đều có tội"

Chúng ta không sắt máu như người cộng sản. Nhưng bên cạnh những bài thơ, bản nhạc những chuyện tình, chúng ta đừng quên dùng ngòi bút của mình để nêu cao chính nghĩa dân tộc. Nhưng trước hết, chúng ta những người cầm bút chân chính, hãy xóa bỏ mọi bất đồng, đoàn kết lại với nhau, loại trừ những phần tử nhân danh Quốc Gia, ty nạn để làm tay sai, Việt gian, Cộng sản. Không dùng ngòi bút để vu khống, chụp mũ, nhục mạ lẫn nhau gây nên bút chiến. Mà hãy tận dụng ngòi bút của mình, để gọi kêu đoàn kết dân tộc, để cùng nhau tìm phương cứu đất đã rơi vào tay giặc thù phương Bắc. Thu hồi i Nam Quan lịch sử.

Kính thưa quý vị,
Vi vậy hơn lúc nào hết là lúc này. Đứng trước họa Bắc thuộc lần thứ ba. Nếu ai đang tâm đi phá hoại đoàn kết, thì kẻ ấy mới chính là kẻ giặc.

• Trần Lệ Tuyên
(Paris, 03.11.02)

Bến đợi sông chờ

Thân tặng Thi sĩ Tuyền Anh để chung niềm hoài cảm, nhân đọc bài thơ Xuôi Dòng Sông Hương trong thi phẩm Trầm Ngải Thiết Tha do Chùa Viên Giác ở Hannover, Đức Quốc, xuất bản

- HOÀNG SA -



*Người đã ra đi hồn ở lại
Tình trăm năm mây trở về nguồn
Hương Giang vẫn câu hò mái
đáy*

Nét dài trang thấp thoáng đôi bờ

*Em đi khuya giấc hồn ma dậy
Năm tháng chờ nhau ai có hay
Bài thơ che nón trắng huyện sử
Một nửa sơn hà riêng bóng em*

*Thuyền đã khảm nhân tình sao
nhẹ*

*Mái chèo khuya sóng vỗ xa bờ
Tóc thu sương mịn mờ chốn cũ
Hồn Dã Lâu bến đợi sông chờ*

*Gót son dẫm nát lân thành cổ
Ngậm ngùi binh mã người xưa
đâu ?*

*Để bờ cỏ hai đàn đại pháo
Hoàng cung rên phủ tiếng ve sầu*

*Phượng còn thắm sân trường
Đồng Khánh
Mảnh tình riêng một thuở chia đôi
Em nuôi tiếc đường ngói ngả rêu
Nửa cho chồng nửa để cố nhân !*

*Sông song Tử nữ xiêm y trắng
Một thoáng mà sa bồng dậy thì
Tĩnh lặng môi hồng xuân đáng
liền
Ngàn xưa khanh tướng cũng
tướng tu*

*Xin gác mái xuôi buồm Dị Dạ
Sóng hui vô bên lở bên bồi
Ai trời khúc Nam Bình hoan lạc
Lặn xa đào cung oán ngẩn ngơ.*

*Người bỏ, ta đi, tình trở lại
Bến cũ chờ mong nước thay màu
Năm tháng chất chồng trăng cổ
độ
Đàn chùng ca kỹ trôi đi đâu ?*

*Bến vẫn đợi thuyền tình tao ngộ
Nước phân vân chảy suốt dòng đời
Nước vỗ về Nam Ai thốn thốc
Nước phân dòng tâm cảm bó vớ*

*Nước mãi đợi chờ thuyền xuôi
ngược
Thuyền mãi chờ tri kỷ sang sông
Bến ngóng bến u hoài dòng vọng
Người trông người chuyển hóa sắc
không*

*Trăng Thừa Phủ hoang liêu từ
ây
Một nhịp cầu hai bến băng
khuông
Sông đưa nước xuôi nguồn đành
đoạn
Hùng phé còn đâu đáng phi tàn.*



Gia chánh Chay

Bò Bía

• VẬT LIỆU :

400 g trái su
100 g cà rốt
150 g nấm rơm búp
1 miếng tàu hủ ky
100 g đậu phộng
25 bánh tráng dẻo
1 cây mi căn
Xà lách, tương ớt, tương ngọt, muối, đường, bột ngọt, dầu ăn
50 g poirée lấy phần thân trắng băm nhỏ

• CÁCH LÀM:

I. Giai đoạn một : chuẩn bị.

- 1) **Trái su + cà rốt** : gọt vỏ, rửa sạch, bào mỏng, xắt sợi
- 2) **Nấm rơm** : gọt rửa sạch với nước có pha chút muối, để ráo nước xắt mỏng.
Bắc chảo dầu nóng, cho poirée băm nhỏ vào cho thơm, cho nấm rơm vào xào, nêm chút nước tương + đường + bột ngọt cho vừa ăn.
- 3) **Tàu hủ ky** : rửa sơ nước lạnh, chiên với dầu ăn đã khử chút poirée băm nhỏ cho vàng, dùng kéo cắt có bìa độ 5 ly, dài độ 5 cm.
- 4) **Đậu phộng** : rang với chút muối cho vàng, bóc vỏ, giã hơi nát.
- 5) **Mi căn** : xắt sợi, phi dầu với poirée băm nhỏ cho thơm, cho mi căn vào chiên cho vàng đều, nêm chút nước tương + đường + bột ngọt cho vừa ăn.
- 6) **Xà lách** : lật rửa sạch, để ráo nước, xắt có bìa độ 1 cm.
- 7) **Tương ngọt** : Bắc chảo dầu nóng, cho chút poirée băm nhỏ vào cho thơm, cho tương vào chế thêm chút nước sôi, nêm đường + bột ngọt cho vừa ăn, nhắc xuống, để nguội.

II. Giai đoạn hai : cách xào và cuốn.

- 1) Cách xào : bắc chảo dầu nóng, cho poirée băm nhỏ vào cho thơm, cho trái su + cà rốt vào, xào cho chín, nêm chút muối + bột ngọt cho vừa ăn, nhắc xuống để nguội.
- 2) Cách cuốn : bánh tráng vênh bỏ phần cứng ở bìa, thoa sơ nước lạnh, để độ 2 phút cho bánh được dẻo đều, cho bánh tráng lên đĩa to hoặc lên mâm, để xà lách + trái su + cà rốt nấm rơm + mi căn + tàu hủ ky + 1 nhúm đậu phộng để phía ngoài + tương ngọt và tương ớt, cuốn lại cho thật chặt, dùng liền rất ngon.
(số vật liệu trên sửa soạn cho 5 người ăn)

Mùa Xuân có em hái lộc



Viết mấy dòng tản mạn
Bởi đã hiểu, đời là quán tạm
Trong lòng có bầu trời xanh lơ
Chuyện mình vui thì vẫn là thơ
Thơ là bạn chí tình chung thủy
Mỗi ngày mình thường nghĩ
Chuyến xe du hành về miền vạn kỷ
Đang chờ tôi hay bạn trong mỗi sát na
Dòng thời gian lặng qua, mình sắp vào tuổi
Tuổi "thất thập cổ lai hy" đẹp chứ
Đôi khi trở ngược dòng quá khứ,
Thấy tuổi thơ như nắng lụa hiền hòa
Tuổi vào Thu, như mây bạc thiết tha
Tuổi sang Đông, như Đường Thi trầm lắng

Không gian

Thời gian...

vắng lặng

Chuyến xe đời

Mỗi con người

Một thế giới riêng tư,

Một vòng tử sinh

Đâu biển, thế tình

Bữa tiệc đủ đầy vị chua, vị ngọt

Có tiếng chim vừa hót

Trong nắng sớm ban mai

Có tiếng vọng... đại hồng chung ngân dài

Tôi thầm khấn nguyện cho tôi, cho muôn loài

Hài Hòa, An Lạc

Nắng êm đêm... tiếng trẻ thơ đang hát

Bản Xuân Hồng Việt Nam

Đất trời mang mang

Lời Tình Ca Dân Tộc

Mùa Xuân đến có em đi hái lộc

Có Mẹ lên chùa khấn nguyện bình yên

Mùa Xuân Ngát Tiếng Kinh Hiền...

● Tuệ Nga

LÁ THƯ HỘ TRÌ SỐ 6

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư Tôn Đức,
Kính thưa Quý vị,

Tôn tượng Đức Bốn Sư đã về đến Evry và trong 2 hôm nữa, ngày 20.10.02 (*tức Rằm tháng 9 Nhâm Ngọ*) sẽ hành lễ Cầu nguyện Tôn Trí tại Chánh Điện chùa Khánh Anh mới.

Đó là niềm vui to lớn đối với tất cả, từ chư Tăng Ni cho đến hàng Phật tử và bà con đồng hương xa gần, những người đã trực tiếp hay gián tiếp cúng dường cũng như luôn luôn cầu nguyện theo dõi từng bước tiến triển trong việc xây dựng ngôi chùa mới ở Evry suốt bảy năm qua.

Gặp nhau, ai cũng hỏi "*chúng nào có lễ khánh thành ?*" chúng tôi mọi người mong muốn công trình xây dựng mau đến ngày hoàn tất và đại lễ Khánh Thành sẽ diễn ra rực rỡ, trang nghiêm phù hợp với bao ước mơ chờ đợi của tất cả, nhất là bà con Phật tử tại Pháp và vùng Âu Châu.

Kính bạch Chư Tôn Đức,
Kính thưa Quý vị,

Hễ có gieo nhân ắt sẽ sinh quả. Ngày mà quý vị mong đợi chắc chắn rồi cũng phải đến trong một tương lai không xa. Tuy nhiên, từ đây đến cái ngày "*không xa*" đó còn biết bao nhiêu việc phải làm và phải làm một cách cấp bách. Đó là điều mà chúng tôi muốn trình bày để chia sẻ những ưu tư với tất cả quý vị, chư Tôn Đức và bà con Phật tử đồng hương xa gần nhằm rút ngắn thời gian đến cái ngày "*không xa*" kia.

Bởi lẽ, chúng ta không thể để Tôn Tượng Bốn Sư mãi mãi "*lộ thiên*" mặc tình cho mưa gió. Và muốn cho mái ngói được lớp nhanh, cần phải hoàn tất trước đó tất cả công trình còn lại bằng bê-tông, như các cầu thang, 2 bảo tháp và mặt tiền của Chánh Điện. Tất cả những công trình này, theo nhà thầu hiện hữu, phải dứt điểm trong 3 tháng tới, nghĩa là từ đây đến cuối năm 2002 với kinh phí được ước tính không dưới 5 triệu quan Pháp (*khoảng 800 ngàn Euros*).

Nếu tính đến tháng 10.2002, chúng ta đã chi cho chùa mới là 36.891.650 quan Pháp (*tức khoảng 5,3 triệu Mỹ kim*) trong vòng 7 năm, kể từ 1995. Trung bình mỗi năm chi 5 triệu quan. Thế mà bây giờ chỉ có 3 tháng mà phải xuất 5 triệu nữa thì tìm ở đâu ra ? Đó là chưa kể đầu năm 2002 đến nay đã phải trả cho vấn đề xây cất tính ra cũng trên 5 triệu rồi. Như thế là năm chót (*của bê-tông*) phải chi gặp đôi là 10 triệu !

Bởi vậy quý nhà chùa lâm vào cảnh kiệt quệ, đó là lẽ đương nhiên không thể tránh được. Nếu ngưng lại nơi đây thì mái ngói không thể tiến hành được. Mà bước tới thì kẹt một đoạn chót ! Đó là một vấn đề nan giải.

Sau nhiều ngày ưu tư cầu nguyện, chúng tôi mạo muội đưa ra một đề nghị sau đây liệu xem có thể cứu vãn được phần nào không. Nhưng trước khi nói đến vấn đề này, xin được dài dòng một chút cho "*có đầu có đuôi, có nhân có quả*".

Tính đến tháng 10/02: chi tất cả 36.891.650 FF (*coi như 37 triệu quan Pháp cho chẵn*). Trong số này, mắc nợ 8 triệu. Còn 29 triệu là phần cúng dường của chư Tôn Đức, các chùa và bà con Phật tử, đồng hương xa gần. 29 triệu cúng dường trong vòng 7 năm qua là một con số đáng kể, quý báu vô cùng. Nhưng điều mà quý thầy và bà con lo nhiều nhất đó là phần nợ. Nợ rồi làm sao đây, lấy đâu mà trả đây ? Lỡ khi chùa xong rồi, thầy cũng "*đi*" luôn thì lấy ai trả nợ đây ?

Cám ơn quý vị đã có phần lo lắng. Nhưng về cá nhân chúng tôi có chút trách nhiệm lại càng phải lo nhiều hơn. Sống trên đời này đã là "*nợ*" rồi. Mặc thêm "*nợ*" nữa cũng là lẽ thường. Khó nhất là tìm cách trả nợ, trả cho dứt nợ (*nhất là nợ (của) Chùa!*).

Xin phép quý vị để nói vấn đề nợ. Và nói rõ hơn là nợ Chùa mượn. Có 2 loại nợ: Nợ nhà băng BFCC cho vay 3 triệu quan Pháp trong vòng 10 năm. Mỗi tháng trả cả vốn lẫn lời khoảng 40 ngàn quan. Đến nay trả được 8 lần, mỗi lần 3 tháng = 24 x 40.000 tức đã trả gần 1 triệu quan rồi. Nếu được Phật độ cho còn khỏe mạnh thì 8 năm nữa sẽ dứt nợ nhà băng. Nợ thứ hai là nợ các Chùa và chư Phật tử, cho mượn không lời, quen gọi là "*Hội Thiện*" hay Ngân hàng Cấp Cô Độc. Tính số đến nay Ngân hàng Cấp Cô Độc đã vay

được 5 triệu quan Pháp, trong số này cũng có 2 loại: Một loại cho mượn dài hạn, khi nào xong chùa mới trả, hay có việc gì bất thường xảy ra mới đòi lại. Loại thứ hai cho mượn có hạn kỳ trả. Chẳng hạn cho mượn 100 ngàn quan Pháp (*trước đây*) mỗi tháng trả lại 5 ngàn quan. Loại này đã có nhiều vị cho mượn và sau 20 tháng đã trả xong, dứt nợ. Sau khi dứt nợ, có vị lại còn phát tâm cho mượn thêm kỳ 2. Chính nhờ loại này mà giải quyết được một số vấn đề cấp bách xảy ra mà không hện trước.

Cho nên mặc dầu chùa vay nợ, nhưng cũng là chủ trả nợ, trả mỗi tháng vào khoảng 60 ngàn quan. Do đó 5 triệu ngân hàng Cấp Cô Độc vay, hiện nay chỉ còn nợ khoảng 4 triệu, nghĩa là cũng đã trả được trên 1 triệu rồi. Và trong 4 triệu còn lại này, nợ chùa Viên Giác (*Đức*) 2 triệu thuộc loại nợ dài hạn, lâu đời. Cũng có một số chùa và Phật tử cho mượn (*khoảng 1 triệu*) thuộc vào loại kể trên nghĩa là dài hạn. Còn lại 1 triệu của chư đạo hữu có hạn kỳ sẽ được trả dần dần mỗi tháng cho đến khi xong chùa. Như vậy vay nợ cũng là một cách để trả nợ! Mà giữa vay và trả có ra được một khoảng thời gian...

Theo kinh nghiệm "*hội thiện*" trong 7 năm qua, chúng tôi thấy có thể giải quyết khúc ngặt nghèo hiện nay đang gặp phải bằng cách kêu gọi "*hội thiện*" có hạn kỳ trả lại và thực sự trả lại như trong thời gian qua thì mới có thể có ngay được một số tiền ứng vào cho giai đoạn bế tắc này, ít ra cũng từ bây giờ (*10/02*) đến hết năm nay (*1/03*). Chẳng hạn có thể kêu gọi "*hội thiện*" 2.000 Euros (*hoặc nhiều hơn hay ít hơn*) xin trả lại mỗi tháng 500 Euros kể từ tháng 1/2003 (*hay chậm hơn*) tùy theo người cho mượn. Nếu may mắn vay được 50 phần "*hội thiện đặc biệt*" này, thì có thể thôi thóp kéo dài thêm 2 tháng nữa cho đến cuối năm. Thế là qua được một cơn sóng gió phủ đầu !

Có người nghi ngờ hỏi: Bây giờ đã kiệt quệ rồi thì 2 tháng sau, lấy đâu ra trả nợ trong khi phải "*thất lũng buộc bụng*" để lo cho Mái Ngói?

Xin thưa: Như quý vị đã biết, ở khóa học mùa hè năm nay tại Anh quốc, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu đã hứa cúng dường mái ngói cho chùa Khánh Anh mới (*khoảng 1 triệu Euros*). Nhưng ai ai cũng rõ: Giáo Hội hứa cúng mà đâu có sẵn tiền, còn đang quyền góp các nơi. Tuy nhiên Giáo Hội đã hứa thì chắc chắn có và sẽ có từ từ. Do đó, hiện nay quả thật không đủ trả nợ. Nhưng vào đầu năm 2003 trở đi, sẽ được có thêm chút chút để vừa mua ngói vừa trả nợ. Đó là điều mà chúng tôi tin tưởng, mặc dầu đang ở trong cảnh túng thiếu cùng cực.

Kính bạch chư Tôn Đức,

Kính thưa Quý vị,

Trên đây là một vài ý kiến thô thiển được nghĩ ra trong lúc có nhiều ưu tư, chắc không làm sao tránh khỏi sơ sót. Kính mong quý vị thông cảm mà hoan hỉ cho. Và nếu có vị nào xét thấy có thể tiếp tay trong phần "*hội thiện đặc biệt*" này để cứu công trình xây cất qua một cơn khủng hoảng, xin cho biết tôn ý bằng cách liên lạc về chùa Khánh Anh hay điền vào mẫu giấy kèm theo đây.

Xin chân thành tri ân. Kính chúc chư Tôn Đức pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ và toàn thể quý vị, thân tâm thường lạc, Phật sự viên thành.

Nam Mô A Di Đà Phật

Bagneux 18/10/2002

Kính thư,

Trụ Trì Chùa Khánh Anh

Tỳ Kheo Thích Minh Tâm

PHIẾU HỘI THIỆN ĐẶC BIỆT 20/10/2002 xây dựng chùa Khánh Anh mới (*dứt điểm phần bê-tông*)

Phương danh :

Địa chỉ hiện tại : Têl :

-Xin phát tâm cho mượn Hội Thiện đặc biệt 2000 Euros (*hoặc nhiều hay ít hơn*) :

Xin hoàn trả lại mỗi tháng 500 Euros (*hoặc nhiều hay ít hơn*) :

Kể từ tháng 1/2003 (*hay chậm hơn*) :

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT ÂU CHÂU

Văn phòng Thư Ký Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương và
Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Âu Châu

C/o Chùa Viên Giác, Karlsruher Str. 6, 30519 Hannover - Germany. Tel.: 0511-879630 Fax : 0511-8790963
E-mail : viengiactu@t-online.de Homepage : <http://www.viengiact.net>

Phật lịch 2546, Hannover ngày 28 tháng 10 năm 2002

THỦ KÊU GỌI

Kính gửi : - Chư Tôn Đức trụ trì, lãnh đạo các chùa, các Giáo Hội địa phương tại các quốc gia ở Âu châu
- Cùng quý Ban Đại Diện của các Chùa, các Chi Hội Phật Tử tại Âu Châu

Trích yếu : V/v Vận động tịnh tài hỗ trợ kiến lập mái ngói chùa Khánh Anh tại Pháp

Nam Mô Bốn Sở Thích Ca Mâu Ni Phật

Ngưỡng bạch quý Ngài
Kính thưa quý vị

Từ năm 1995 đến nay chúng ta đã nỗ lực dưới nhiều hình thức khác nhau để cúng dường hay khuyến khích Phật Tử địa phương trợ duyên cho việc xây chùa Khánh Anh, là trụ sở trung ương của GHPGVNTN Âu Châu, dưới sự lãnh đạo, trụ trì của Hòa Thượng Thích Minh Tâm. Công việc xây dựng, đóng góp bằng nhiều hình thức khác nhau ấy đã trải qua gần 7 năm và số tịnh tài cúng dường cũng như cho mượn hội thiện đã lên đến con số 35 triệu quan Pháp, tức tương đương với gần 7 triệu Euro. Đến nay thì phần đúc bê tông của chánh điện, nhà Đông, Tây đường cũng như bảo tháp đã tạm xong; nhưng còn phần rui, kèo và mái ngói thì chưa bắt đầu được. Vì tài chánh đang thiếu hụt trầm trọng. Các thợ Trung Quốc đã đến để khảo giá và ngói cũng đã được đặt. Số tiền tổn ít nhất cũng phải là 1 triệu Euro, tương đương với hơn 5 triệu quan Pháp cũ.

Chúng tôi cảm thấy đây là bốn phận chung của chư Tăng Ni và Tín đồ Phật Giáo Việt Nam tại Âu Châu; nên trong kỳ Đại Hội III của Giáo Hội tại Anh quốc trong ngày 27 và 28 tháng 7 năm 2002 vừa qua, chúng tôi đã được tất cả Đại biểu 14 nước tham dự Đại Hội đồng ý là nên đứng ra gánh vác sự tổn kém này. Do vậy hôm nay chúng tôi xin thay mặt cho Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương và Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Âu Châu gửi lời kêu gọi này đến chư Tôn Đức đang trụ trì các Tự Viện tại Âu Châu, quý Ban Đại Diện của các Hội và quý Phật Tử gần xa tiếp tay với Giáo Hội để cho Hòa Thượng Chủ Tịch đỡ đi một gánh nặng trong lúc gặp nhiều khó khăn trong vấn đề tài chánh như hiện nay.

Mọi sự đóng góp cúng dường cho chùa Khánh Anh quý vị có thể liên lạc trực tiếp về Pháp 14 Ave. Henri Barbusse, 92220 Bagneux FRANCE; hoặc trao lại các Ban Đại Diện và quý Thầy, Cô tại địa phương để gửi chung một lần đến chùa Khánh Anh.

Từ nay đến Tết âm lịch Quý Mùi (2003) là thời điểm tốt nhất để vận động kêu gọi, đóng góp. Kính mong quý Ngài và quý vị liễu tri cho. Nếu được, sau khi chuyển tịnh tài về Pháp, xin cho Văn phòng Tổng Thư Ký biết kết quả để làm một con số thống kê về vấn đề này.

Kính nguyện mười phương Tam Bảo tùy từ gia hộ cho chư Tôn Đức pháp thể khinh an, chúng sanh dị độ và cầu chúc cho quý Đạo Hữu, quý Phật Tử vạn sự hanh thông, kiết tùng như ý.

Nay kính,



Như Điển

Viện chủ chùa Viên Giác Hannover Đức quốc
Thư Ký Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương và
Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Âu Châu

Bài thơ tiếng Việt

•Hà Đậu Đồng

Đã có người Việt thuê người Việt thông dịch tiếng Việt!
Bốn ngàn năm Tổ Quốc xót xa nhìn thấy sự thua thiệt
mất mát hôm nay. (HDD)

Bài thơ gửi Mẹ gửi Cha
Gửi Ông gửi Bác gửi Bà gửi Em
Bài thơ viết tận canh đêm
Trăng khuya mờ đục ngọn đèn rung rinh
Bài thơ giấy trắng học sinh
Chấm trên phết dưới mô hình tượng trưng
Bài thơ âm điệu lừng lừng
Ngâm lên thành nhạc tưởng chừng hòa âm
Bài thơ gửi Chị gửi Anh
Gửi Cô gửi Chú trong vành bà con
Bài thơ thắm đá đất mơn
Nhấp nhô sông núi nhuộm hồn quốc âm
Bài thơ giải nghĩa tri âm
Kẻ xa thành bạn người gần làm tin
Bài thơ chữ viết bằng tim
Bằng nguồn giao cảm theo nghìn ước mong
Bài thơ khen lúa trở đồng
Xanh xanh sóng biếc giữa lòng quê hương
Bài thơ chấp nối đoạn đường
Cây rung bóng mát tình thương đổ đầy

Bài thơ lớn mãi từng ngày
Hấp hô dưỡng khí thêm say tình người
Bài thơ tôi viết vào đời
Sau năm thi cử, nhớ lời Cha tôi:
"Con ơi, con học thành người
Làm thân đứng thẳng giữa trời có tre
Lỡ khi bão lụt tràn đê
Tre nghiêng quật gió, làm bè ngược xuôi".
Bài thơ xếp chữ thành lời
Gửi ai ở lại tặng người ra đi
Bài thơ thể thức văn thi
Nửa tình nửa mộng chỉ vì quốc âm
Thơ tôi, tôi đọc tôi ngâm
Tôi nghe Tổ Quốc dặn thầm trong tôi:
"Con ơi, con học thành người
Làm thân đứng thẳng giữa trời mông lung
Quê con lắm vị anh hùng
Dựng đài văn hóa - của chung giống nòi
Ngày mai học tiếng nước người
Nhớ văn quốc ngữ trọn đời của con".

✱

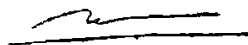
Quốc âm tôi học tôi ôn
Bao nguồn tư tưởng cháy đờn trong tôi
QUỐC ÂM HAI CHỮ ĐỒI ĐỔI
TỪ HỎI THỜ MẸ THÀNH LỜI RU CON

福

*Thấy ai lắm của giàu sang, Bạn càng mừng thêm cho họ
Thấy ai nhiều tài năng thông giỏi, Bạn có cơ hội học hỏi vườn lên
Thấy ai đẹp đẽ có duyên, Bạn khen thầm và dặn dò cố giữ gìn trang điểm.
Thấy ai sống vì TÍN NGƯỠNG có đường đi, Bạn chẳng bao giờ hồ nghi
chuyện nghịch thù, ghen tuông hay bạo động.
Thấy ai hôn Bạn, Bạn can đảm cố gắng bắt chước noi theo
Thấy ai thua bạn, Bạn giúp an ủi, dân dất đỡ nâng.*

*Đó là nỗi vui mừng lớn lao khó mà diễn tả
Đó là bí mật, là sự lạ giúp mau tiến bộ thành công
Đó là tất cả lời chúc cầu mong đẹp đẽ nhất của Bạn của tôi.*

Thượng Tọa Thích Như Điển



上坐釋如典

SH. Hà Đậu Đồng



師兄荷檀桐

Năm Mùi nói chuyện về :

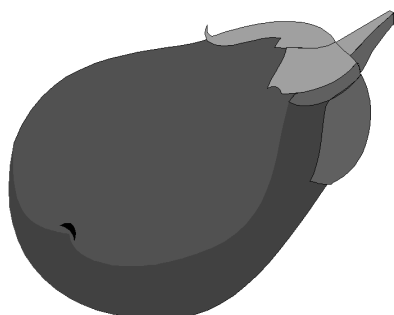
ĐÊ VÀ NHỮNG CÂY THUỐC MANG TÊN ĐÊ



Đê là giống vật được nuôi từ lâu đời. Đê kéo xe, đê nuôi để lấy sữa, làm thực phẩm cho con người, Đông y còn dùng các bộ phận của đê để làm thuốc. Đê có tên khoa học là *Capra sp.* Thuộc họ sừng rỗng (*Bovidae*). Gốc giống đê nuôi là giống đê núi *Capra Prisca*. Con Sơn Dương cũng là đê núi hay đê rừng nhưng hiếm và quý hơn đê nuôi, con Sơn Dương có tên khoa học là *Capricornis Sumatrensis*. Đê có lông dài cứng, sừng dài, chùm râu ở cằm.

Nhiều loại cây thuốc được mang tên Đê hay Dương:

- **Cà Dái Đê Tím** (còn gọi là Cà Tím). Cà này được trồng khắp nơi, quả dùng làm thức ăn. Tên khoa học là *Solanum melongena L.*, họ Cà



Solanaceae. Trong quả cà tươi có chứa 90% nước, rất ít chất béo và protein. Màu tím Cà là do các sắc tố anthocyanoside chủ yếu là chất violanin. Ngoài công dụng làm thức ăn, trong dân gian người ta còn dùng làm thuốc lợi tiểu thông mật.

- **Đê Sữa Tùa** (còn gọi là Chừa dù, hay tà hoàng đồ) tên khoa học *Elsholtzia blanda* họ hoa môi *Labiatae*. Cây mọc hoang dại trên các vùng núi cao nơi khí hậu mát lạnh. Toàn cây được dùng làm thuốc hay để chưng cất lấy tinh dầu.

Tinh dầu hàm lượng cao chứa trong lá, hoa, cành. Thành phần chủ yếu là cineol, tinh dầu mùi thơm như dầu Khuynh Diệp, màu vàng cam hay vàng đỏ. Cây này được dùng làm thuốc chữa cảm cúm, ho, nóng sốt. Trong dân gian, người ta dùng tinh dầu để uống hay xoa bóp thay tinh dầu Khuynh Diệp.

- **Dâm Dương Hoắc**: Cây này được mang tên Dâm Dương Hoắc vì lá cây cho đê ăn có tính chất làm tăng dục tính. Cây này có tại một số tỉnh miền Nam Trung Quốc (Quảng Đông, Quảng Tây, Phúc Kiến, Vân Nam). Tên khoa học *Herba Epimedii*, thuộc họ Hoàng liên gai (*Berberidaceae*). Dâm dương hoắc được dùng trong dân gian dựa vào nhận xét con đê thích ăn và có tác dụng kích thích dục tính. Theo tài liệu xưa, dâm dương hoắc có tác dụng bổ can thận, mạnh gân cốt, trợ dương ích tinh thường dùng làm thuốc bổ thận, mạnh gân cốt chữa liệt dương, nhức mỏi tay chân.

- **Cây Sừng Đê** (còn gọi dương giác nữ, dương giác ảo, cây sừng trâu). Cây này mọc ở Việt Nam và miền Nam Trung Quốc, người ta lấy hạt phơi sấy khô của quả Sừng Đê đã chín gọi là *Semen Strophanthidi divaricati*. Qua các kết quả nghiên cứu

cho thấy dung dịch Glucosid toàn phần của hạt có tác dụng làm tăng rất mạnh sức co bóp của tim. Với liều độc, gây ngừng tim ở trạng thái co thắt tâm thu.

- **Dương Đề** (còn gọi Chút Chít, Ngưu thiết, Lưỡi bò). Dương là Đê, Đề là gót, vì rễ cây giống chân đê. Tên Lưỡi bò hay Ngưu thiết (lưỡi trâu) vì lá cây giống lưỡi bò. Khi cọ hai lá vào nhau phát ra tiếng kêu "chút chút", vì vậy cây cũng mang tên này. Tên khoa học *Rumex wallichii*, họ rau răm *Polygonaceae*. Cây là loại cỏ nhỏ mọc hoang ở nơi ẩm thấp. Trong rễ và lá cây có chứa anthraglucosid. Trong dân gian, người ta dùng để chữa ghè, trứng cá, thoa ngoài da dung dịch nước sắc lá và rễ hoặc dung dịch bột rễ Chút Chít ngâm với rượu.

- **Dương San Hô** (còn gọi Cây Thuốc Giấu, Hồng Tước San Hô). Tên khoa học *Euphorbia tithymaloides* họ thầu dầu *Euphorbiaceae*. Cây nhỏ thân mẫm màu xanh được trồng làm cây cảnh và mọc hoang. Lá mọc so le hình trứng. Toàn cây và lá có nhựa mù trắng, nhiều người dùng cây tươi giã nhỏ đắp lên vết đứt tay chân. Chưa có tài liệu nào nghiên cứu về thành phần hóa học cây này.

- **Dương Đề Thảo** (còn gọi là Cây rau má lá rau muống, hồng bối diệp, nhất điểm hồng, cây tam tóc, rau chua lè, lá mặt trời..) là loại cỏ nhỏ thân nhẵn, lá mép răng của hoa màu hồng hay hơi tím, cây mọc hoang ở khắp nơi. Thành phần hóa học chưa được nghiên cứu. Chỉ được dùng trong phạm vi dân gian, dùng toàn cây tươi giã nát đắp chữa mụn nhọt, có nơi dùng ăn như rau, vị hơi chua hơi đắng. Tên khoa học cây Dương Đề Thảo *Emilia Sonchifolra*. Họ Cúc *Compositae*.

- **Dương Đào** (Khế, khế chua, Ngũ lang tử, Ngũ liêm tử) vì quả khế có 5

cạnh nên được gọi là Ngũ liễm. Trong quả khế có các chất đường, vitamin B1, C, Kali. Khế vị chua tính bình. Trị phong nhiệt (nóng sốt). Quả ép lấy nước uống cho mát. Trong dân gian, người ta dùng lá khế, cành, hoa khế nấu lấy nước sôi lên nơi bị mẩn ngứa lở loét. Ở Cam Bốt (Kampuchia) người ta dùng rễ cây khế kết hợp vỏ cây Kkleng pear (*Bauhinia bassacensis* Pierre) và vỏ cây Lagerstroemia floribunda với gạo (hái ở những cây mọc hoang) tất cả sắc với nước, cô đặc lại thêm đường cho ngọt để uống chữa ngộ độc do mã tiền.

Khế có tên khoa học là *Averrhoa carambola*. Họ chua me đất Oxalidaceae.

- **Dương Xuân Sa** (xuân sa) *Amomum Villosum*. Họ gừng *Gingiberaceae* loại cỏ nhỏ sống lâu năm. Quả hái về phơi khô bóc vỏ lấy hạt, thành phần hóa học có chứa Saponin. Dùng làm vị thuốc kích thích giúp tiêu hóa trong phạm vi dân gian.

● Quỳnh Hoa



VI KHUẨN GÂY BỆNH WEST NILE

Vietmedia, 9.10.2002 - Theo tin của Thông Tấn AP ngày 1.10.02, vi khuẩn gây bệnh West Nile có thể lây nhiễm muỗi, người, chim, ngựa và các giống thú khác như mèo và thỏ. Vi khuẩn lây sang người khi người bị những con muỗi đã nhiễm vi khuẩn đốt. Người bị nhiễm vi khuẩn thường chỉ cảm thấy sốt sơ sơ. Có nhiều người ngay cả không biết mình đã nhiễm trùng. Con sốt nhẹ đó kéo dài vài ngày và dường như không có ảnh hưởng gì đến sức khỏe của người bệnh về lâu về dài.

Tuy nhiên, vi khuẩn cũng có thể gây những bệnh nặng hơn nhiều. Những cơn bệnh nặng này mới là những thứ có thể giết họ. Trong số những bệnh này, có viêm não West Nile và viêm màng não West Nile. Trong những trường hợp này, vi khuẩn theo máu lan ra khắp cơ thể và xâm nhập não bộ, tác động lên hệ thần kinh trung khu và làm tế bào não sưng lên. Người trọng tuổi và những người vốn đã suy yếu hệ miễn dịch dễ bị bệnh nặng sau khi nhiễm vi khuẩn.

Loại vi khuẩn West Nile này xuất hiện lần đầu tại Mỹ hồi mùa hè năm 1999 tại tiểu bang Nữ Ước. Từ đó, mỗi mùa hè thì vi khuẩn lại càng lan rộng ra hơn. Theo các khoa học gia thì nay nó đã vĩnh viễn có cơ sở trên lãnh thổ Hoa Kỳ.

Bốn người đã nhiễm vi khuẩn West Nile sau khi được lắp ghép các cơ quan lấy từ một phụ nữ tử nạn xe hơi. Máu của bà này sau đó được phát giác là có vi khuẩn West Nile. Bà đã được tiếp máu tại nhà thương trước khi chết. Các chuyên viên không rõ bà nhiễm vi khuẩn sau khi được tiếp máu, hay đã nhiễm vì bị muỗi đốt từ trước. Các chuyên viên đang điều tra để xem có người nào nữa nhiễm vi khuẩn, sau khi được tiếp máu ở nhà thương hay không.

Cơ quan Y Dược và Lương Thực Hoa Kỳ (FDA), kiểm soát thuốc men và mọi loại lương thực tại Mỹ, đã cảnh

cáo các tổ chức liên hệ tới việc tiếp nhận máu; yêu cầu họ chờ bao giờ lấy máu của những người trông có vẻ đang bị sốt West Nile. Hiện ở Mỹ vẫn chưa có các cuộc thử nghiệm để biết chắc là máu của một người nào đó có vi khuẩn West Nile hay không. Trung tâm Kiểm dịch Hoa Kỳ đang dự tính đề ra một phương pháp thử nghiệm, nếu thấy vi khuẩn có thể lây truyền qua máu.

Cho mãi đến nay, các chuyên viên Y tế Hoa Kỳ vẫn cho là vi khuẩn West Nile chỉ lây truyền, sau khi ai đó bị muỗi cắn. Sự kiện xảy ra với phụ nữ ở tiểu bang Mississippi và rồi 4 người nhiễm vi khuẩn sau khi được lắp ghép cơ quan ở tiểu bang Georgia như vừa ghi, đã làm giới hữu trách Y tế Hoa Kỳ quan ngại.

Bác sĩ Jesse Goodman thuộc FDA nhận xét rằng rất có thể vi khuẩn này có khả năng lây truyền qua máu. Các chuyên viên Mỹ đang đề ra một phương thức thực nghiệm để thử tất cả những người cho máu, trước khi tiếp nhận máu của họ. Nhưng, theo Bác sĩ Jesse Goodman thì ông không rõ phải mất bao lâu mới ấn định được phương thức thử nghiệm đó. Số các trường hợp mới nhiễm vi khuẩn tại Mỹ cho thấy vi khuẩn West Nile lan tràn mạnh nhất tại các tiểu bang miền Nam nước Mỹ.

Tuy nhiên, các tiểu bang miền Bắc cũng vẫn bị và đã có những trường hợp nhiễm vi khuẩn được ghi nhận. Tình chung trong mùa hè vừa qua đã có đến 36 tiểu bang ở Hoa Kỳ và thủ đô Hoa Thịnh Đốn có người nhiễm vi khuẩn West Nile. Illinois là tiểu bang có nhiều người bị nhất. Illinois là bang nằm trong vùng trung Tây nước Mỹ. Theo ghi nhận thì đã có đến 450 trường hợp nhiễm bệnh tại đó, đồng nhất là vùng chung quanh thành phố Chicago, làm ít nhất 23 người thiệt mạng. Theo lời các viên chức tiểu bang thì trời trở lạnh trong vài tuần nữa sẽ chặn đứng các ca bệnh mới bởi vì độ lạnh sẽ giết gần hết muỗi.-

VÔ ĐỊCH BÓNG TRÒN THẾ GIỚI 2006



Giải vô địch bóng tròn thế giới 2006 sẽ được tổ chức tại Đức. Ông Franz Beckenbauer, Chủ tịch Ủy Ban Tổ Chức đồng thời Chủ tịch Câu Lạc Bộ đội cầu Bayern München đã vừa trình cho ông Chủ tịch Tổng Cuộc Túc Cầu Thế Giới (TCTCTG) Sepp Blatter (Thụy Sĩ) và cho người ham mộ quả da biết cái "Biểu Tượng" của giải. Ông cho biết Đức là một quốc gia vui vẻ, hiếu khách lúc nào cũng cười. Do đó ba cái hình tròn với ba màu sắc khác nhau tượng trưng cho ba khuôn mặt hả hê vui cười!

Để chuẩn bị đón tiếp 32 đội cầu từ khắp nơi trên hoàn vũ, các vận động trường đang được cho tân trang lại hoặc xây cất lại hoàn toàn mới theo tiêu chuẩn ấn định của TCTCTG là mỗi sân phải có sức chứa ít nhất là 30.000 khán giả, đầy đủ tiện nghi, hệ thống giao thông và an ninh v.v... Đặc biệt vừa qua, Hội đồng Quản trị Câu Lạc Bộ đội cầu Bayern München và đội cầu 1860 München đã tổ chức buổi lễ đặt viên đá bắt đầu xây một vận động trường tối tân nhất nước Đức tại khu ngoại ô Fröttmaning, phía Bắc thành phố München. Trong buổi lễ có 2000 quan khách từ chính trị gia, doanh thương, thể thao v.v... tham dự trong một cái lều do hãng bảo hiểm "Allianz" dựng lên. Chi phí xây cất là 390 triệu Euro, được phân chia như sau:

- Hai Câu lạc bộ đội Bayern và đội 1860 München cùng chung nhau là 300 triệu Euro.

- Hãng bảo hiểm "Allianz" chịu 90 triệu Euro, được độc quyền mang tên quảng cáo đến năm 2021.

Vận động trường có sức chứa là 66.000 khán giả. Dự trù xây cất trong hai năm rưỡi, đến tháng 4 năm 2005 thì sẽ hoàn tất và đến tháng 6 năm 2006 sẽ định tổ chức trận đá khai mạc cho giải vô địch thế giới? Nhưng theo ông Beckenbauer cho biết hiện giờ chưa có một quyết định dứt khoát là München hay Berlin, nơi nào tổ chức đá trận khai mạc; nơi nào tổ chức trận đá chung kết. Vì còn quá sớm.

Đồ án xây cất do hai Kiến trúc sư người Thụy Sĩ, ông Jacques Herzog và Pierre de Meuron thực hiện. Phía trước vận động trường, có một lớp bọc ở ngoài như một chiếc thuyền cao-su, cao 50 thước, ban đêm có thể đổi ra màu đỏ, màu của đội cầu Bayern hoặc màu xanh, màu của đội cầu 1860. Đứng xa nhìn thấy như là một quả địa cầu hay một hành tinh nào xa lạ. Thật là độc đáo! Ước mơ đã thành tựu, lời của ông Beckenbauer nói.



Phía trước Vận động trường Bayern và 1860 München.

ĐỘI TUYỂN ĐỨC

Sau giải vô địch thế giới vừa rồi (31.5 - 30.6.02), đội tuyển Đức mặc dù đứng hạng nhì thế giới, mặc dù xếp Völler và HLV Skibbe đang trẻ trung hóa đội ngũ vì có một số cầu thủ rút ra khỏi đội tuyển, nhưng chưa tạo được thành tích. Trong trận đá giao hữu với đội Hòa Lan ngày 20.11.02, đội tuyển Đức thua 1 : 3 ! Có lẽ vì các cầu thủ trẻ thiếu kinh nghiệm, chưa quen rơ (jeu) nên trận đấu còn rời rạc, thiếu mạch lạc, không có những cú đá chính xác để làm bàn.

Hiện giờ đội Đức đang lo tập dợt tranh vòng loại giải vô địch Âu Châu vào năm 2004 sẽ được tổ chức tại Bồ Đào Nha (Portugal). Hy vọng đội Đức sẽ vào được vòng chung kết.

BA MÔN PHỐI HỢP (TRIATHLON)

Trong các cuộc tranh tài thể thao, có lẽ "Ba Môn Phối Hợp" là mệt nhất. Vận động viên cần phải có một thể lực hết sức dồi dào, dẻo dai v.v... Ba môn phối hợp gồm có:

- Bơi lội 3,8 cây số
- Đạp xe đạp 180 cây số
- Chạy bộ 42,195 cây số

Cuộc tranh tài lần này đã được tổ chức tại Kailua-Kona (Hawaii) vào đầu tháng 10 năm 2002. Có 1500 vận động viên trên khắp thế giới tham dự.

Kết quả:

Nam:

1.- **Tim de Boom** (Mỹ) 8:29:56 giờ (gồm có bơi lội 52:02 phút + Đạp xe đạp 4:45:21 giờ + chạy bộ 2:50:22 giờ).

2.- **Peter Reid** (Canada) 8:33:06 giờ (gồm có bơi lội 53:20 phút + Đạp xe đạp 4:44:15 giờ + chạy bộ 2:53:48 giờ).

3.- **Cameron Brown** (Tân Tây Lan) 8:35:34 giờ (gồm có bơi lội 52:13 phút + Đạp xe đạp 4:45:15 giờ + chạy bộ 2:56:06 giờ).

Nữ:

1.- **Natascha Badman** (Thụy Sĩ) 9:07:54 giờ (gồm có bơi lội 59:40 phút + Đạp xe đạp 4:52:26 giờ + chạy bộ 3:12:56 giờ).

2.- **Nina Kraft** (Đức) 9:14:24 giờ (gồm có bơi lội 53:27 phút + Đạp xe đạp 5:06:15 giờ + chạy bộ 3:12:03 giờ).

3.- **Bowden** (Canada) 9:22:27 giờ (gồm có bơi lội 59:52 phút + Đạp xe đạp 5:08:02 giờ + chạy bộ 3:09:32 giờ).



Anh Tim de Boom (Mỹ) về nhất trong cuộc tranh tài một nhọc và gay go nhất!



- Từ phải sang trái: Cô Natascha Badmann (Thụy Sĩ) mang số 26 - Vô địch - Cô Nina Kraft (Đức) hạng nhì. Cả hai đang mang vòng hoa chiến thắng.

Quần Vợt

Thành ngữ Việt Nam có câu :

Tre Già, Măng Mọc

Có nghĩa là lớp người lớn vừa già thì lớp người nhỏ tiến lên thay thế theo lẽ đào thải tự nhiên và luật tiến hóa của vũ trụ.

Môn quần vợt cũng nằm trong định luật này. Bên NAM, cây vợt đã từng làm mưa làm gió trên sân trong suốt một thập niên qua như Peter Sampras (Mỹ), hiện giờ bị tuột xuống hạng thứ 13. Còn bên N , cô Martina Hingis (Thụy Sĩ) rớt xuống hạng thứ 10 !

Những cây vợt trẻ đang lên, bên NAM có Lleyton Hewitt (Úc), Marat Safin (Nga), Juan Carlos Ferrero (Tây Ban Nha). Bên N có cặp bài trùng hai chị em nhà Williams (Mỹ) người đa den đang tung hoành trên sân. Với tài nghệ và phong độ của hai cô hiện giờ, người ta dự đoán là hai chị em sẽ thay phiên nhau giữ ngôi vị Nữ Hoàng Quần Vợt ít nhất là ba bốn năm nữa.

GIẢI VÔ ĐỊCH THẾ GIỚI - NAM

Giải này được tổ chức tại Thượng Hải (Shanghai - Trung Cộng) từ 12 đến 17.11.02. Chỉ lấy 8 tay vợt đứng đầu thế giới và người hạng 9 để phòng hờ. Tổng số tiền thưởng là 3,7 triệu USD.

Thể thức chia toán

Tám người được chia làm hai toán Đỏ và Xanh. Tay vợt hạng nhất thế giới là anh Lleyton Hewitt (Úc) tự động đứng trong toán Đỏ, khỏi bốc thăm. Tay vợt hạng nhì thế giới là anh André Agassi, tự động đứng trong toán Xanh. Sáu người còn lại bốc thăm để đứng vào toán Đỏ hoặc Xanh.

Kết quả như sau:

Toán Đỏ:

Lleyton Hewitt (Úc)
Marat Safin (Nga)
Albert Costa (Tây Ban Nha)
Carlos Moya (Tây Ban Nha)

Toán Xanh:

André Agassi (Mỹ)
Juan Carlos Ferrero (Tây Ban Nha)
Roger Federer (Thụy Sĩ)
Jiri Novak (Tiệp Khắc)

Thể thức tranh hạng

Mỗi toán có 4 tay vợt. Mỗi tay vợt phải đụng nhau một lần. Có nghĩa là mỗi tay vợt phải đánh 3 trận. Người hạng nhất và hạng nhì của mỗi toán sẽ vào vòng bán kết. Người hạng nhất toán Đỏ gặp người hạng nhì toán Xanh. Người hạng nhất toán Xanh đụng người hạng nhì toán Đỏ.

KẾT QUẢ CÁC TRẬN ĐÁNH

Toán Đỏ:

Moya - Safin	6:4, 7:5
Hewitt - Costa	6:3, 4:6, 6:3
Costa - Safin	3:6, 6:4, 6:3
Moya - Hewitt	6:4, 7:5
Hewitt - Safin	6:4, 2:6, 6:4
Moya - Costa	7:6, 3:6, 6:4

Xếp hạng

1. Moya	3 trận	3 thắng	0 thua	6:1
2. Hewitt	3 "	2 "	1 "	4:4
3. Costa	3 "	1 "	2 "	4:5
4. Safin	3 "	0 "	3 "	2:6

Toán Xanh:

Federer - Ferrero	6:3, 6:4
Novak - Agassi	7:5, 6:1
Federer - Novak	6:0, 4:6, 6:2
Ferrero - Agassi	7:5, 2:6, 7:6
Ferrero - Novak	7:5, 6:3
Federer - Johansson *	6:3, 7:5

(* vì Agassi bị thương nên Johansson (Thụy Điển) người phòng hờ lên thay thế).

Xếp hạng

1. Federer	3 trận	3 thắng	0 thua	6:1
2. Ferrero	3 "	2 "	1 "	4:3
3. Novak	3 "	1 "	2 "	3:4
4. Agassi	2 "	0 "	2 "	1:4
5. Johansson *1	" 0 "	1 "	0:2	

(* thay Agassi)

Bán kết

Ferrero - Moya	6:7, 6:4, 6:4
Hewitt - Federer	7:5, 5:7, 7:5

Chung kết

Hewitt - Ferrero 7:5, 7:5, 2:6, 2:6, 6:4

Đến bàn thứ năm Hewitt mới hạ được Ferrero lãnh một cái Cúp vô địch và một ngân phiếu 700.000 USD thêm

một chiếc xe hơi tối tân nhất của hãng Daimler-Chrysler được giao đến tận nhà tại Adelaide (Úc). Đùng là *nhất nghệ tinh, nhất thân vinh* !

MUỖI TAY VỢT ĐỨNG ĐẦU THẾ GIỚI

(Có giá trị đến ngày 25.11.02)

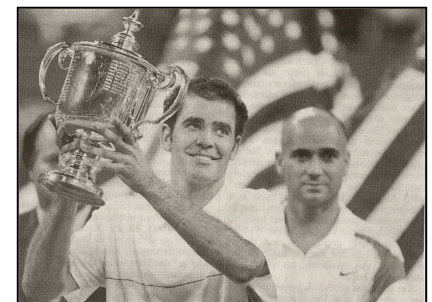
Nữ:

1. Serena Williams (Mỹ)
2. Venus Williams (Mỹ)
3. Jennifer Capriati (Mỹ)
4. Kim Chjsters (Bi)
5. Justine Hemin (Bi)
6. Amelie Mauresmo (Pháp)
7. Monica Seles (Mỹ)
8. Daniela Hantuchova (Slowakei)
9. Jelena Dokic (Nam Tu)
10. Martin Hingis (Thụy Sĩ)

Nam:

1. Lleyton Hewitt (Úc)
2. André Agassi (Mỹ)
3. Marat Safin (Nga)
4. Juan Carlos Ferrero (Tây Ban Nha)
5. Carlos Moya (Tây Ban Nha)
6. Roger Federer (Thụy Sĩ)
7. Jiri Novak (Tiệp)
8. Tim Henman (Anh)
9. Albert Costa (Tây Ban Nha)
10. Andy Roddick (Mỹ)

Nhìn vào bảng "Top Ten" không thấy có cây vợt nào của Đức, cả bên Nam lẫn bên Nữ. Chỉ có một mình anh Tommy Haas đứng hạng thứ 11. Nhưng tài nghệ của anh này bất thường lắm. Khi có hứng (Lust) thì anh đánh hay thật là hay, khi không hứng thì anh đánh dở ỏi là dở, coi phát chán phải tắt đèn đi ngủ sớm !



Anh Peter Sampras cầm cái Cúp đứng cạnh Agassi. Sampras đã từng tung hoành dọc ngang trên sân suốt cả một thập niên, nhưng hiện giờ thời oanh liệt nay còn đâu !

Cùng Chúc Tân Xuân



Tin Thế Giới

NGƯỜI QUAN SÁT

Ngày 23.01.2001, ông George W. Bush (đảng Cộng Hòa) tuyên thệ nhậm chức Tổng Thống, lãnh đạo nước Mỹ, một siêu cường số 1 trên thế giới.

Khoảng 9 tháng sau, ngày 11.09.01, bốn chiếc máy bay của Mỹ bị người Hồi Giáo cướp, 2 chiếc bay đi đánh sập hai tòa nhà chọc trời Trung Tâm Thương Mãi Thế Giới, một chiếc đánh sập một góc Ngũ Giác Đài và chiếc thứ tư bị rớt trên đường bay đi đánh tòa Bạch Ốc. Đây là một cuộc khủng bố, có một không hai trong lịch sử nhân loại, đánh vào trái tim của Mỹ. Kể từ ngày này, ông Bush phát động một cuộc chiến chống khủng bố. Ông kêu gọi các nước đồng minh đứng cùng một chiến tuyến với ông.

Ngày 07.10.2001, Mỹ và Anh tấn công Afghanistan nơi nuôi dưỡng và huấn luyện khủng bố, lật đổ chế độ Taliban và tiêu diệt quân Al-Qaida do Osama bin Laden cầm đầu. Cho tới nay, mặc dù Mỹ và các nước đồng minh cũng như không đồng minh hợp tác nhau để tìm cách tiêu diệt quân khủng bố. Nhưng khủng bố vẫn xảy ra khắp nơi trên thế giới do người Hồi Giáo chủ động.

Hiện giờ Mỹ quyết tâm tấn công Irak, lật đổ hoặc thủ tiêu Tổng Thống độc tài Saddam Hussein. Vì Bush cho rằng Hussein đã và đang bí mật lãnh đạo những cuộc khủng bố ?

Nhưng theo ông Huỳnh Tiểu Đệ thì Mỹ định lật đổ Saddam Hussein nhằm mục tiêu chiến lược gì ? Hậu quả sẽ ra sao ?

Diễn Tiến

Năm 2001

- Ngày 11.9, ngay sau khi vụ khủng bố xảy ra, Tổng Thống Bush đã tuyên bố: "Đây là một hành động chiến tranh. Hoa Kỳ sẽ phát động một cuộc chiến 10 năm, để trừng trị không những cá nhân Osama bin Laden kẻ chủ mưu, mà cả những nước ủng hộ, chứa chấp bọn khủng bố quốc tế".

- Ngày 19-20.9, Do Thái và CIA tố cáo Irak có nhúng tay vào vụ khủng bố 11.9 ở Mỹ.

- Ngày 08.10, Mỹ cho Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc biết, chiếu theo Hiến Chương LHQ về quyền tự vệ chính đáng, nước nào bảo trợ cho bọn khủng bố Hồi Giáo cực đoan, cũng có thể bị Mỹ tấn công như Afghanistan.

- Ngày 21.11, báo chí Mỹ đòi thanh toán Irak để giải quyết vấn đề Trung Đông, đặc biệt là chấm dứt các vụ khủng bố tự sát và ngăn ngừa những vụ sát hại hàng loạt bằng vũ khí hóa học.

Năm 2002

- Ngày 30.1, Trong chuyến công du Á Châu 6 ngày, Tổng Thống Bush chỉ đích danh 3 nước Iran, Irak và Bắc Hàn là "Trục của tội ác".

- Ngày 12.3, TT Bush tuyên bố: "Hoa Kỳ có thể dùng bom nguyên tử đối với một số nước, trong đó có Irak". Mỹ đã tăng thêm 48 tỷ USD cho ngân sách quốc phòng Mỹ.

- Ngày 15.7, Hoàng tử Irak lưu vong ở Jordanie đã hợp trong 3 ngày ở London với 70 sĩ quan Irak, để thành lập "Hội Đồng Quân Sự" yểm trợ cho phe đối lập Irak lật đổ Hussein.

- Ngày 16.7, Thủ tướng Quốc phòng Mỹ họp với Bộ Quốc Phòng Thổ Nhĩ Kỳ vạch kế hoạch lật đổ Hussein.

Irak tuyên bố: "Sẵn sàng bẻ gãy mọi cuộc tấn công của Mỹ".

- Ngày 12.8, Ngoại Trưởng và Bộ Trưởng Quốc Phòng Mỹ họp với các nhóm đối lập Irak, để chuẩn bị một Chính Phủ "Hậu S.Hussein".

- Từ 4 đến 6.9, Thủ Tướng Anh, Tony Blair, và ông Bộ Trưởng Quốc Phòng Mỹ cho biết "sẽ trưng bày bằng cớ cho thấy Irak có vũ khí sát hại người hàng loạt". Hàng trăm phi cơ Mỹ-Anh ồ ạt oanh tạc các giàn phòng không Irak, dọn đường cho kế hoạch "trục thẳng vận" Biệt kích xuống tiêu diệt các giàn hỏa tiễn Skud. Ngoại Trưởng Colin Powell nhấn sâu thêm cái đinh "Gửi Ủy Ban Thanh Tra đến Irak cũng chưa đủ. Phải tấn công tiêu diệt kho vũ khí sát hại hàng loạt của Irak".

- Do Thái lo chích ngừa cho dân chúng, đề phòng vũ khí hóa học.

- Ngày 7.9, TT Bush và Thủ Tướng Tony Blair họp ở Camp David. Quốc tế coi đó là một "Hội đồng chiến tranh".

- Ngày 9.9, Phó TT. Dick Cheney và Ngoại Trưởng Mỹ tuyên bố: "Hoa Kỳ sẽ đón phưởng tấn công Irak nếu ngoại giao thất bại hay không thuyết phục được đồng minh". TT. Bush đòi cả 3 việc: Thanh tra, giải giới Irak và lật đổ Saddam Hussein.

- Phi Luật Tân - Nhật và Ý ủng hộ Mỹ tấn công Irak.

- Ngày 10.9, Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược IIS ở Anh cho biết: "Irak có nhiều vũ khí sinh học".

- Ngày 12.9, diễn văn cứng rắn của TT. Bush đọc trước Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc là một "tối hậu thư" cho Irak, khiến Nga, Ai Cập và một số đồng các nước Rập thay đổi lập trường 180 độ, đòi Irak phải chấp nhận để cho Ủy Ban Thanh Tra LHQ đến giám sát và giải giới. TT. Bush đòi LHQ phải có giải pháp giải giới Irak lập tức và vô điều kiện.

- Ngày 15.9, Bà Rice, Cố vấn An ninh Quốc gia Mỹ bồi thêm: "Rõ ràng Irak có liên hệ với tổ chức khủng bố Al-Qaida".

Arabie Saoudite tuyên bố ủng hộ Mỹ.

- Ngày 17.9, Bộ Trưởng Ngoại Giao Irak trình thư của S. Hussein lên ông Tổng Thư Ký LHQ, Kofi Annan, đồng ý cho Ủy Ban Thanh Tra Vũ Khí LHQ đến giám sát Irak. TT. Mỹ và Thủ Tướng Anh "không tin nơi thủ thuật của Hussein. Sẽ đánh Irak và lật đổ Hussein khi thuận tiện".

- Ngày 19.9, Bộ Trưởng Quốc Phòng Mỹ nói: "Hussein và vợ con nên đi lưu vong, để tránh một cuộc chiến tranh với Mỹ".

- Phó Thủ Tướng Irak, Tarik Azi: "Đây là một sự khiêu khích, Mỹ muốn chiếm đoạt nguồn năng lượng giàu có của Irak".

- Ngày 20.9, TT. Bush yêu cầu Quốc Hội cho phép ông dùng vũ lực giải giới Irak. Nếu LHQ không hành động, Mỹ và đồng minh sẽ làm việc đó.

- Ngày 21.9, TT. Mỹ gửi đến Quốc Hội Mỹ một tài liệu 30 trang, giải thích Học Thuyết Quân Sự mới của Mỹ: "Đánh trước, trước khi bị đánh".

- Ngày 23.9, Cố vấn An ninh Quốc gia cùng với Bộ Trưởng Quốc Phòng Mỹ và TNS Mac Caen tiết lộ: "Mỹ đã

chuẩn bị xong một cuộc chiến tranh chớp nhoáng" để lật đổ Hussein.

- Ngày 24.9, sợ bị đảo chánh. Hussein đã bắt giam hàng trăm sĩ quan bị tình nghi, trong đó có một số tướng lãnh. Một số đã bị hành quyết.

- Thủ Tướng Tony Blair, trình bày trước Quốc Hội Anh, một tài liệu 50 trang, chứng minh Irak có vũ khí sinh học và hóa học. Ông nói: "Bagdad chỉ cần 45 phút để triển khai vũ khí sinh học, hóa học và từ 1 đến 2 năm để có bom nguyên tử nhờ có được chất Uran với số thứ tự 92 từ Phi Châu.

- Ngày 26.9, Bush: "Mỹ sẽ đánh Irak, dù LHQ có đồng ý hay không". Mỹ - Anh sẽ tấn công Irak để lật đổ Hussein hay không? Nếu có thì vào lúc nào? Nhằm mục tiêu gì? Hậu quả ra sao?

Dựa vào các sự kiện nêu trên, có thể đoán việc Mỹ - Anh sẽ tấn công Irak để lật đổ Hussein là điều gần như chắc chắn, khi thời điểm thuận lợi, tức là sau khi đã chuẩn bị xong một Chính Phủ "Hậu Hussein". Ngoại trừ trường hợp, vào giờ phút chót, Hussein thay đổi thái độ, từ thù nghịch sang thân Mỹ. Hoặc Quốc Hội Mỹ không bật đèn xanh cho đánh.

Mục tiêu chiến lược của Mỹ

Theo giới quan sát và bình luận quốc tế, đánh Irak và lật đổ Hussein, Mỹ nhằm mục tiêu:

- **Về chính trị:** Biến Irak thành một nước Tự Do Dân Chủ để làm bàn đạp tiến tới lật đổ các chế độ độc tài Hồi Giáo ở Iran, Syrie cũng như các nước Rập chống Mỹ. Thay vào đó bằng những chế độ thân Mỹ. Tức là Mỹ muốn thiết lập một: "Trật tự mới. Một tương quan lực lượng mới" do Mỹ chủ động trong vùng Trung và Cận Đông.

- **Về kinh tế:** Mỹ muốn nắm các nguồn dầu hỏa to lớn nhất thế giới ở Iran, Irak và các nước lân cận, vì hàng năm Mỹ phải nhập cảng đến 54% nhu cầu dầu hỏa trong nước. Nhu cầu này, ngày càng gia tăng.

Càng phát động chiến tranh, ngành kỹ nghệ sản xuất vũ khí của Mỹ càng phát triển mạnh.

Hậu quả:

a/ Liên minh Quốc tế chống khủng bố mà Mỹ đã dày công kết hợp được sau biến cố 11.9, sẽ bị rạn nứt, do sự chống đối của một số nước đồng minh

lớn như Pháp, Đức và một số nước Rập, đối với hành động đơn phương dùng vũ lực của Mỹ để đánh Irak.

b/ Mỹ sẽ biến các phe Hồi Giáo ôn hòa trên thế giới trở thành cực đoan, chống Mỹ. Các vụ khủng bố đánh vào quyền lợi của Mỹ trên thế giới sẽ gia tăng, không thể lường trước được.

c/ Cũng có thể, sau khi Mỹ thay thế các chế độ Hồi Giáo chống Mỹ bằng các chế độ Hồi Giáo thân Mỹ, sẽ xảy ra một cuộc nội chiến giữa hai phe Hồi Giáo, mà cuối cùng với sự ủng hộ tích cực của Mỹ phe Hồi Giáo ôn hòa sẽ thắng và có thể tiêu diệt được nạn khủng bố.

Quan điểm của người viết thay lời kết :

Điều 2 Hiến Chương LHQ có quy định: "**Không một Quốc Gia nào có quyền dùng vũ lực để áp đặt một chế độ cho một nước khác**". Để hoàn chỉnh Điều 2 này, thiết nghĩ cần phải bổ túc thêm một câu: "*Ngoại trừ trường hợp nước đó bị cai trị bởi một chế độ độc tài, vi phạm và chà đạp Nhân Quyền*".

Chính vì thiếu sót câu này, mà từ ngày thành lập đến nay đã hơn nửa thế kỷ, LHQ vẫn tỏ ra bất lực, để cho các chế độ độc tài tác oai tác quái, chà đạp thô bạo Nhân Quyền, áp bức, bóc lột và làm điêu đứng nhân dân nước họ.

Nếu không có sự đồng ý của LHQ, mà Mỹ đơn phương dùng vũ lực tấn công Irak, lật đổ S. Hussein, áp đặt một chế độ Tự Do Dân Chủ ở Bagdad, tức là Mỹ coi Điều 2 của Hiến Chương LHQ không có giá trị.

Độc tài và khủng bố cũng cùng một loại. Nếu Mỹ dứt khoát đối với Irak, thì cũng phải dứt khoát tương tự đối với bất cứ chế độ độc tài nào trên thế giới hiện nay, cụ thể là đảng Cộng Sản Việt Nam, không những độc tài mà còn liên hệ mật thiết với Irak và nhóm khủng bố quốc tế. Nếu thực sự mục đích của LHQ là bảo vệ Hòa Bình và Nhân Quyền, thì nên tu chính lại Điều 2 để mạnh dạng dùng vũ lực triệt hạ các chế độ độc tài, giúp cho toàn thể nhân loại được sống trong Hòa Bình, Hạnh Phúc, coi nhau như anh em, đúng với nghĩa: "Tứ Hải Giai Huynh Đệ".

Còn theo ý kiến của ông Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh thì sao ?

Ông viết: chớ đồn Hussein đến chỗ chết. Vì một người như Hussein khi biết sẽ chết, ông ta sẽ không từ nan một việc gì. Các thủ đoạn tàn độc của Hussein đã quá rõ, ông ta đã dùng bom hóa học và vi trùng trong cuộc chiến tranh với Iran, ông đã tự bắn phi đạn qua Israel và Saudi Arabia. Hussein còn giỏi ẩn trốn hơn Omar và bin Laden ở Afghanistan. Ông ta không dại ngời chờ ở Bagdad để Mỹ đến bắt hay giết. Hussein đã cai trị Irak trong 36 năm, bao nhiêu mầm mống chống đối trong nước đã bị ông ta tiêu diệt. Quân đội và thủ hạ của ông ta còn nhiều hơn và trung thành hơn bọn Taliban và Al-Qaida đối với chủ tướng của họ.

Nếu quân Mỹ đổ bộ vào Irak, chắc chắn Hussein sẽ dùng bom hơi độc hay bom vi trùng đánh lại. Mới chỉ có một chút "anthrax" gửi trong thư, mà đã làm cho nước Mỹ la hoảng. Nay người lính Mỹ hứng bom hơi độc hay bom vi trùng ở Irak thì dân chúng Mỹ sẽ nghĩ sao? Và nếu các Sứ quán Mỹ ở Trung Đông cũng bị đánh bom vi trùng hay hóa học, chính phủ Mỹ sẽ trở tay như thế nào? Nếu Mỹ đổ bộ Irak mà Hussein biến mất, một Afghanistan thứ hai sẽ thành hình ở Irak, có lẽ còn tệ hơn Afghanistan thứ nhất với những hậu quả có thể làm đảo lộn cả Trung Đông, một khu vực có tầm vóc chiến lược lớn đối với Mỹ và các nước Tây Âu.

Trong lúc này, Mỹ chỉ nên vận dụng tối đa những đòn áp lực để dồn ép Hussein phải lùi dần từng bước, chớ không nên biến Irak thành một Afghanistan thứ hai. Một Osama bin Laden đã quá đủ rồi. Không thể nào quên ngày 11.9.

Nghị quyết mới về Irak : Tối hậu thư 75 ngày giải giới

Mỹ trao cho LHQ bản Tối Hậu Thư mới về biện pháp mạnh để giải giới Irak, hoặc là Mỹ sẽ đơn độc làm việc này. Nga, Pháp đều phản đối bản Nghị Quyết Mỹ vừa mới đưa ra. Vì trong Nghị Quyết (NQ) dự thảo đệ nộp cho Hội Đồng Bảo An LHQ, Mỹ đòi hỏi trong vòng 75 ngày, Irak phải để cho phái bộ Kiểm Tra Vũ Khí LHQ khởi sự giải giới.

Nga và Pháp đều cho rằng, Bản NQ mới không khác gì Bản NQ cũ bao nhiêu và hai nước muốn Mỹ cần phải tỏ thái độ mềm dẻo hơn nữa, nếu không Bản NQ mới sẽ khó có thể được Hội Đồng Bảo An LHQ chấp thuận.

TT. Bush đã dịu giọng, cho rằng Iraq có thể được giải giới một cách êm thấm và ông sẵn sàng theo đuổi đường lối ngoại giao thêm một lần nữa.

Ông Blix, người cầm đầu Ủy Ban Kiểm Tra Vũ Khí của LHQ nói rằng: Iraq có thể tránh được chiến tranh nếu chúng tỏ được là không sở hữu các vũ khí giết người hàng loạt và có sức tàn phá đại qui mô.

Trưng cầu dân ý tại Irak

Bagdad: 11.445.638 người dân Irak đi bỏ phiếu để "Thuận" hay "Không Thuận" cho S. Hussein được tiếp tục cầm quyền trong một nhiệm kỳ 7 năm nữa. Kết quả có 11.445.638 phiếu "Thuận" có nghĩa là 100%. Không có một người nào lộn số ở nhà cả !

Theo lời tiết lộ của báo chí thì mỗi người dân có 1 lá phiếu, họ chỉ gạch chéo chữ "Thuận" hay "Không Thuận" trước mặt viên chức trông coi thùng phiếu với sự xác nhận của máy quay phim. Do đó chỉ có người nào muốn đi "chầu Diêm Vương" mới gạch "Không Thuận". Đấy, nền dân chủ của chế độ độc tài nó diễn ra như thế đó! Chỉ khác chế độ độc tài đảng trị Cộng Sản Việt Nam một chút là ở Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thì "Đảng Cử Dân Bầu" !

Qua cuộc trưng cầu dân ý 100% phiếu "Thuận", Đại diện Chủ tịch Phong trào Cách mạng Irak, ông Issat Ibrahim tuyên bố là nếu bị Mỹ tấn công thì từ thành thị đến thôn xã, tất cả mọi người đều là chiến sĩ chống Mỹ.

Lời người viết: Nói vậy chỗ không phải vậy, trên mấy mươi năm người dân Irak đã và đang bị chế độ độc tài S. Hussein đàn áp, giết hại hết sức dã man. Họ chỉ chờ có hội để vùng lên lật đổ chế độ tàn bạo này để xây dựng lại cuộc sống mới. Hãy chờ xem.

Khủng bố ! Khủng bố và khủng bố !

Những cuộc khủng bố xảy ra trong tháng 10/02, đã chứng tỏ rằng kế hoạch chống khủng bố của Mỹ và đồng minh không có hiệu quả, và cũng chứng tỏ rằng không phải Saddam Hussein điều động và chủ mưu.

Tàu chở dầu của Pháp bị nổ

Ngày 7.10.02, một tàu chở dầu của Pháp đang chạy ngoài khơi nước Yemen bị quân khủng bố giấu chất nổ trên một xuồng bằng cao-su cho chạy

đâm thẳng vào hông tàu gây ra tiếng nổ dữ dội, phá huỷ một bên hông tàu, dầu chảy ra lan một vùng biển gây thiệt hại không ít về môi sinh.

Đánh bom tại Câu Lạc Bộ ở Bali

Ngày 12.10.02, Bali là một hòn đảo được mệnh danh là "Thiên đường hạ giới", trung tâm du lịch, nghỉ mát của khách thập phương. Bali nằm giữa đảo Jawa và Flores thuộc Nam Dương.

Trong một buổi chiều xảy ra hai vụ khủng bố. Vào lúc 23g30, giờ địa phương (17g30 tại Đức), một tiếng nổ trước Tổng Lãnh Sự Mỹ tại Denpasar, không ai bị thương. Liên theo đó, 3 tiếng nổ long trời lở đất tại một Câu Lạc Bộ ở bờ biển Kuta làm tòa nhà bị sụp đổ tan tành, gây tử thương gần 200 người, trên 300 người bị thương. Nạn nhân phần đông (3/4) là người Úc và Nhật. Quân khủng bố giấu chất nổ trong hai chiếc xe hơi đậu sát Câu Lạc Bộ điều chỉnh đồng hồ tự động khai hỏa, và một số chất nổ đã được bí mật đem vào trong Câu Lạc Bộ.

Ngày hôm sau, Tổng Thống Nam Dương, bà Megawati Sukarnoputri, đến tận nơi để quan sát và an ủi nạn nhân. Báo chí quốc tế than phiền là nhà cầm quyền Nam Dương từ trước tới nay không quan tâm trong việc chống khủng bố. Nam Dương có 210 triệu dân, có đến 85% là người Hồi Giáo. Một quốc gia có số dân theo đạo Hồi nhiều nhất thế giới.

Sau cuộc khủng bố, chính quyền đã cho bắt giữ ông Abu Bakar Bashir, Thủ lãnh Tổ chức Hồi Giáo cực đoan Jemaah Islamiah vì tình nghi ông này có quan hệ với quân khủng bố Al-Qaida và là người chủ mưu trong cuộc khủng bố này.

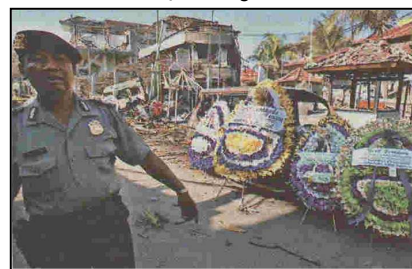
Riêng Tổ chức Hồi Giáo ôn hòa đa số Nahdlatul Ulama do cựu Tổng Thống A. Wahid lãnh đạo thì yêu cầu chính quyền phải có biện pháp thật cứng rắn đối với Tổ Chức Hồi Giáo Cực Đoan thiểu số nêu trên vì chính họ phải chịu trách nhiệm về cuộc khủng bố này.



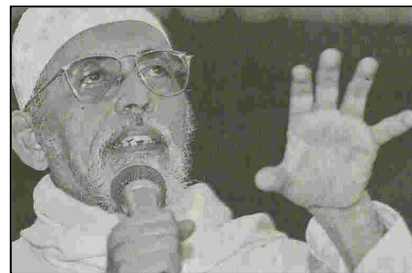
Xe đậu bên đường bị tàn phá sau tiếng nổ.



Bà Tổng Thống Nam Dương Megawati Sukarnoputri đang quan sát hiện tình sau cuộc khủng bố.



Vòng hoa tưởng niệm những người chết sau vụ khủng bố.



Ông Abu Bakar Bashir bị tình nghi chủ mưu cuộc khủng bố.

Đánh bom tại Mc Donald

Ngày 19.10.02, phía Tây Nam Moskau (Nga), quân khủng bố đặt chất nổ trong một chiếc xe hơi, gắn đồng hồ tự động khai hỏa, cho xe đậu trước tiệm Mc Donald. Đúng 13 giờ địa phương, một tiếng nổ vang dội làm 6 người bị thương nhẹ và 1 người bị thương nặng. Những kiếng xe và cửa sổ nhà nằm trong đường bán kính 50m đều bị vỡ tan. Hiện nhà chức trách đang truy tìm thủ phạm. Tại Moskau hiện có độ 20 tiệm Mc Donald.



Xe của quân khủng bố giấu bom bị tan tành sau tiếng nổ. Chuyên viên đang tìm kiếm tang vật.

Bắt giữ con tin

Moskau - Ngày 23.10.02, một toán dân quân Hồi Giáo độ 50 người, phần nữa là phụ nữ, của nước Cộng Hòa Tschetschenien đã tràn vào Hí viện Valeri Girbakin tại Moskau bắt giữ khoảng 800 người làm con tin. Trong số này có độ 100 người ngoại quốc, còn lại là người Nga. Những dân quân được trang bị đầy đủ súng đạn. Mỗi người mang chung quanh lưng một vòng chất nổ. Theo lời thông báo bằng điện thoại của ông Giám Đốc Hí Viện, cũng bị bắt làm con tin, cho biết là đám dân quân cách biệt người ngoại quốc một chỗ, còn người Nga thì ngồi vòng tròn trên sân khấu, ở giữa họ để chất nổ, đồng thời họ gắn chất nổ trên các tường trong Hí Viện.

Lãnh tụ đám dân quân yêu cầu chính quyền Nga chấm dứt ngay cuộc chiến tranh xâm lược tại xứ họ và rút quân đội Nga ra khỏi lãnh thổ.

Đài TV Rập "El Dschasira" có thể được một cuộn băng, trong đó có một phụ nữ mặc quân phục đen, che mặt, tuyên bố: *Chúng tôi đến thủ đô Moskau buộc nhà cầm quyền Moskau chấm dứt cuộc chiến, hoặc nhân danh Thượng Đế, chúng tôi sẽ chết tại đây!*

Quân đội, Cảnh sát, Mật vụ Nga bao vây hí viện. Cuộc thương thuyết được diễn ra trong bầu không khí thật căng thẳng. Trong khi đó có hai phụ nữ con tin định tìm cách chạy trốn, một người bị bắn chết tại chỗ, còn người kia chạy thoát. Sau đó, trong đám con tin có Dân biểu Nga, ông Jossif Kobzon được thả cùng với một số trẻ em và đàn bà, vì ông này đã nhiều lần tại diễn đàn Quốc Hội Nga chỉ trích chính quyền Nga xâm lược Tschetschenien.

Cuộc thương thuyết thất bại, sáng ngày 25.10.02 (Thứ Sáu), lãnh tụ đám dân quân ra một tối hậu thư là đến 7 giờ ngày 26.10.02 (Thứ Bảy), nếu nhà cầm quyền Moskau không đáp ứng yêu cầu của họ, thì họ sẽ cho nổ tung Hí Viện.

Bên ngoài Hí Viện, thân nhân của những con tin tập hợp yêu cầu chính quyền phải có biện pháp thích hợp để tránh sự chết chóc sẽ xảy ra không lường được.

Tổng Thống Putin tuyên bố là chính quyền Nga không quí gối đầu hàng trước đám khủng bố. Ông họp khẩn cấp Nội Các để cùng tìm một biện pháp hữu hiệu hầu chấm dứt cuộc khủng bố nhưng tránh gây thiệt mạng cho nhiều người. Cuối cùng một phương thức tối mật được áp dụng vào tối ngày 26.10.02, là dùng thuốc gây mê thổi vào trong Hí Viện.

Phương thức này đã thành công, nhưng phải trả một giá quá đắt! 67 con tin và 50 người trong đám dân quân bị chết. Một số khác bị ngắt xiut được chở vào bệnh viện, có người được cứu sống, có người chết luôn. Tổng cộng trên 100 người chết!

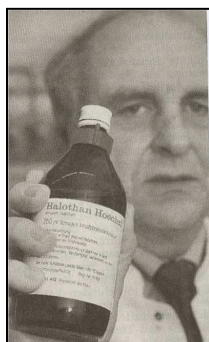
Sau khi giải nghiệm xác chết, các chuyên viên cho biết là toán Đặc Nhiệm Nga dùng thuốc gây mê hiệu Halothan mà các Bác sĩ gây mê thường dùng. Nhưng vì họ sử dụng quá liều, theo ước tính thì họ thổi thuốc gây mê vào trong Hí Viện ít nhất là 10.000 lít để làm cho đám dân quân hít vào bị mê liền không kịp thời phản ứng. Nhưng họ quên rằng đồng thời những con tin cũng bị vạ lây. Sở dĩ bị chết nhiều vì sau 3 ngày thiếu ăn, thiếu uống, thiếu ngủ, mệt mỏi không còn sức đề kháng, khi hít thuốc mê quá nhiều vào phổi làm cho mê, đứng tim chết luôn.

Tổng Thống Putin tuyên bố là ông nhận lãnh trách nhiệm và xin lỗi thân nhân của những nạn nhân.

Thảm kịch con tin chấm dứt, trong dân chúng có hai ý kiến tương phản nhau:

1/- Một số lên án việc bắt người làm con tin là hành động khủng bố.

2/- Một số khác cho rằng đám dân quân là anh hùng. Họ hành động chỉ vì sự Độc Lập Tự Do cho đất nước họ. Mục đích duy nhất của họ là yêu cầu nhà cầm quyền Nga chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút quân về nước trả lại quyền tự quyết cho dân tộc họ. Dù không thành công nhưng tên tuổi họ vẫn được trân trọng ghi vào trang sử của Cộng Hòa Tschetschenien.



↑ *Toán đặc nhiệm đang bao vây Hí Viện.*

← *Chai thuốc gây mê hiệu Halothan Hoechst.*

Bắn lén

Washington - Tên bắn lén đã gieo rắc kinh hoàng cho dân chúng tại thủ đô Washington và vùng phụ cận. Một vụ giết người lạ lùng nhất trên đất Mỹ từ trước tới nay. Hắn đòi chính quyền chuyển vào một Trương Mục ngân hàng 10 triệu đô-la. Trong khi hai bên còn đang thương thảo, để tạo thêm áp lực, tên bắn lén đã lần lượt bắn chết hết 10 người và 3 người bị trọng thương. Nạn nhân của hắn bất cứ là ai, không kể lớn nhỏ, kể cả học sinh, nghề nghiệp, giới tính hay chủng tộc. Trường học tạm thời đóng cửa. Mọi thương vụ bán lẻ trong vùng ba biên giới Maryland - Virginia và Thủ đô Washington DC. đã giảm hơn 25%, và thể thâm nhất là kỹ nghệ du lịch và khách sạn.

Cũng may là Cảnh sát đã tóm cổ được hai tên bắn lén, một tên John Allen Muhammed, người da đen, 42 tuổi, cựu chiến binh trong chiến tranh Vịnh Ba Tư và đứa con ghê tên Lee Malvo, 17 tuổi, khi cả hai đang nằm ngủ trên chiếc xe hơi đậu tại trạm nghỉ bên đường 70 ở Tiểu Bang Maryland. Chiếc xe này bên trong ghế ngồi được hạ xuống như một cái giường ngủ. Tên bắn lén chỉ nằm dài hướng mũi súng ra phía sau, xe đang chạy y cứ nhắm vào người trên đường, bóp cò! Rất khó phát giác. Cảnh sát đã tìm thấy trên xe khẩu súng trường bán tự động hiệu Bushmaster bắn đạn 223, cả ống dòm và giá đặt súng.

Hiện giờ hai tên này đang bị điều tra xem coi nguyên nhân nào thúc đẩy họ có hành động như vậy? Có liên hệ với tổ chức khủng bố Al-Qaida không?

Mỹ:

Khủng bố sẽ phá hoại giao thông, nhất là đường sắt

Washington - FBI (Cơ quan điều tra Liên Bang) vừa ra một thông cáo báo động toàn quốc là khủng bố có thể tấn công vào hệ thống giao thông, nhất là đường sắt tại Mỹ. Các giới chức cho biết là dựa vào những tin tức lấy từ các tù nhân Al-Qaida thì quân khủng bố đang tìm cách đánh sập cầu, cống, đường sắt quan trọng, đầu máy xe lửa để làm tê liệt hệ thống giao thông gây ảnh hưởng đến nền kinh tế Mỹ.

Ngoài ra ngành tin báo Mỹ cũng biết được rằng những kẻ ủng hộ Al-Qaida có thể tổ chức nhiều cuộc tấn công vào các tàu tại Vịnh Ba Tư và các vùng biển lân cận. Điển hình là chúng

đã tấn công một tàu chở dầu của Pháp ở ngoài khơi Yemen.

Mỹ mở Văn phòng FBI ở Trung Cộng

Bắc Kinh - Bộ Trưởng Tư Pháp Mỹ, ông John Ashcroft loan báo hôm 24.10 là việc Mỹ mở một văn phòng của FBI tại Bắc Kinh là một bước tiến có ý nghĩa để củng cố thêm sự hợp tác Mỹ - Trung Quốc trong cuộc chiến chống khủng bố và tội phạm quốc tế.

Phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao Trung Cộng, ông Liu Jianchao cho biết: "*Chúng tôi nghĩ điều này sẽ giúp cho hai bên có thể hợp tác được với nhau về pháp lý và bảo vệ an ninh trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi*".

Bắc Hàn vi phạm thỏa ước về vũ khí nguyên tử

Bình Nhưỡng - Nhà cầm quyền Bắc Hàn đã thú nhận với Đặc sứ Hoa Kỳ James Kelly khi ông này đến Bình Nhưỡng rằng họ bí mật theo đuổi chương trình chế tạo vũ khí hạt nhân.

Ngoại Trưởng Mỹ Colin Powell tuyên bố là lời thú nhận của Bắc Hàn đã cho thấy họ đã vi phạm một lúc bốn cam kết quốc tế, trong đó có thỏa ước gọi là "*Thỏa Ước Khuôn Khô*" đã ký với Mỹ nhằm ngăn chặn Bắc Hàn chế vũ khí nguyên tử để tránh cuộc khủng hoảng trong vùng này trước đây. Do đó thỏa ước này được xem như không còn hiệu lực.

Theo "*Thỏa Ước Khuôn Khô*" thì bên phía Bình Nhưỡng ngừng việc chế tạo vũ khí hạt nhân, còn phía bên Mỹ và Nam Hàn thì vừa viện trợ thực phẩm vừa xây dựng cho Bắc Hàn một nhà máy điện nguyên tử.

Ông Kim Yong Nam, nhân vật số 2 của Bắc Hàn, khi tiếp xúc với Bộ Trưởng Bộ Thống Nhất Nam Hàn Jeong Se-Huyn, cho biết là nếu Mỹ từ bỏ chính sách thù nghịch đối với Bắc Hàn thì họ sẵn sàng đối thoại để giải quyết vấn đề an ninh tại bán đảo Triều Tiên. (Ông Bush tuyên bố là Iran, Irak và Bắc Hàn là "*Trục Tội Ác*").

Bảo vệ môi sinh

New-Delhi (Ấn Độ) - "Bảo vệ môi sinh" là một trong chủ đề quan trọng đã được đưa ra thảo luận tại cuộc họp thượng đỉnh ở Johannesburg (Nam Phi) từ 26.8 đến 4.9.02 nhưng chưa giải quyết được tận gốc vấn đề. Do đó ngày 23.10.02, khoảng 3.000 Đại diện của trên 180 quốc gia lại họp tại New-

Delhi dưới sự bảo trợ của Liên Hiệp Quốc để bàn thảo tiếp. Lý do vì trong những tháng gần đây hàng loạt các thiên tai xảy ra như lũ lụt tại Pháp, Áo, Ba Lan, Tiệp, Đức, Ý, Trung Quốc, Việt Nam, Bangladesh v.v... núi lửa ở Ý, động đất ở Thổ Nhĩ Kỳ, Hy Lạp, Ý v.v...

Bộ Trưởng Môi Sinh Liên Bang Đức, Jürgen Trittin (đảng Xanh) đã lưu ý những quốc gia như Mỹ, Nga, Canada, Úc nên phê chuẩn Hiệp Nghị Thư Kyoto để hạn chế việc thải chất khí Chlorofluorocarbures (CFC) và chất thán khí CO₂ vào trong không khí làm hâm nóng quả địa cầu.

Lập Quỹ Thiên Tai

Quốc Hội Âu Châu đã chấp thuận thành lập một "**Quỹ Thiên Tai**" với số tiền là 1 tỷ Euro để cứu trợ những nạn nhân bị lụt trong mùa hè năm nay như ở Đức, Áo, Tiệp v.v...

Mỹ thả tù

Trong cuộc chiến chống khủng bố tại Afghanistan nhằm lật đổ chế độ Taliban, Mỹ đã bắt 598 thành viên của tổ chức Hồi Giáo Taliban và quân khủng bố Al-Qaida. Số người này được không vận đưa sang cứ điểm Guantanamo ở Cuba để giam giữ thẩm tra.

Theo lời Bộ Trưởng Quốc Phòng Mỹ Donald Rumsfeld cho biết thì tất cả số tù nhân này sẽ không bị đưa ra tòa như đã dự trù, họ sẽ được trả tự do vì chế độ Taliban đã bị lật đổ. Những người này không còn là những con tin quan trọng nữa.

Các nước Á Châu gia tăng lực lượng hải quân. Chạy đua vũ trang.

Để đối phó với chủ nghĩa bành trướng bá quyền của Trung Cộng, các nước Á Châu đang gia tăng lực lượng Hải Quân bằng cách mua thêm Chiến hạm, Tiềm thủy đình và cả Hàng không mẫu hạm để có đủ khả năng hoạt động và kiểm soát vùng biển của mình.

Theo tuần báo Quốc Phòng "Janes" cho biết, Trung Cộng đã đặt mua 8 Tiềm thủy đình loại Kilo của Nga được hiện đại hóa, vũ trang bằng các loại hỏa tiễn hải-hải, tàu có tầm hoạt động xa và di chuyển thật lặng lẽ, nên có thể tránh được sự theo dõi của Hải Quân Mỹ. Tổng số tiền ước lượng là 1,6 tỷ USD, tàu sẽ được giao trong vòng 5 năm tới. Ngoài ra trong 2 năm qua Trung Cộng đã mua 2 Khu trục

hạm và đang tìm cách mua thêm một Hàng không mẫu hạm.

Hồi tháng 4.2001, Mỹ đã loan báo bán cho Đài Loan 8 Tiềm thủy đình, bắt cần sự chống đối của Trung Cộng.

Nhật Bản hiện được coi là có một lực lượng Hải Quân mạnh nhất trong vùng sau Mỹ, cũng đã mua thêm 4 Khu trục hạm Aegis cùng với 8 Tiềm thủy đình.

Các nhà phân tích quân sự cho rằng các nước Á Châu muốn mua Tiềm thủy đình để phòng vệ cũng như tấn công, và thật là lý tưởng cho công tác dò thám, vì các nước này đều nhìn ra biển.

Jiang Zemin (Giang Trạch Dân) viếng Mỹ

Ngày 25.10.02, trên đường sang dự hội nghị thượng đỉnh của Diễn Đàn Hợp Tác Kinh Tế Á Châu - Thái Bình Dương (APEC) tại Mexico, Chủ tịch đảng kiêm Chủ tịch nhà nước Trung Cộng, ông Jiang Zemin (76 tuổi) đã gặp Tổng Thống Bush tại nông trại Crawford - Texas để thảo luận một số vấn đề trọng yếu, trong đó có chương trình phát triển vũ khí hạt nhân mới bị tiết lộ của Bắc Hàn. Trước khi rời chức vụ Chủ tịch đảng và Chủ tịch nhà nước, Jiang Zemin muốn đi một vòng quanh thế giới trong đó có Mỹ để củng cố các mối liên lạc và trấn an các nước trong vùng.

Đại hội đảng công sản trung quốc

Bắc Kinh - Ngày 8.11.02, trên 2000 Đại biểu từ khắp lục địa hội tụ tại Đại sảnh đường ở Bắc Kinh để tham dự Đại hội đảng lần thứ 16. Đại hội đảng cứ 5 năm họp một lần.

Ngoài đường phố, cứ cách vài thước người ta thấy có vài thanh niên mặc áo "*dắc*" (Jacke) màu xanh đậm, tay cầm tờ báo cuốn tròn, trong giấu một cái điện thoại cầm tay nhưng để lộ cái ăng-ten ra ngoài nên người ta mới biết đó là những cảnh sát, an ninh chìm !

Lần đầu tiên trong lịch sử 81 năm đảng Cộng Sản Trung Quốc, Tổng Bí Thư Đảng kiêm Chủ Tịch Nhà Nước, ông Jiang Zemin, sau 13 năm lãnh đạo Trung Quốc tự ý rút lui, không tái ứng cử. Ngoài Jiang Zemin ra còn có Chủ Tịch Quốc Hội Li Peng, người đã dùng quân đội đàn áp dã man sinh viên trong cuộc biểu tình đòi Tự Do Dân Chủ ở quảng trường Thiên An Môn, và Thủ Tướng Zhu Rongji, một nhà cải

cách kinh tế cũng giở nón cúi đầu về hưu ngoài ý muốn, đồng thời bị loại ra khỏi Ủy Ban Trung Ương Đảng !

Mặc dù rút lui, nhưng đảng sau chính trường, Ziang Zemin vẫn còn nắm quyền lực vì ông ta vẫn còn giữ chức Chủ Tịch Quân Ủy tương đương với chức Tổng Tư Lệnh Quân Đội.

Những đảng viên trẻ (gọi là trẻ nhưng cũng từ 59 tuổi trở lên) sẽ thay thế các đàn anh mà Jiang gọi là thế hệ trẻ thứ 4 từ khi đảng Cộng Sản Trung Quốc được thành lập (Thế hệ I - Mao Trạch Đông (Mao Tse-Tung); Thế hệ II - Đặng Tiểu Bình (Deng Xiaoping); Thế hệ III - Giang Trạch Dân (Jiang Zemin).

- **Hu Jintao** (59 tuổi) một khuôn mặt ít người biết đến cả trong lẫn ngoài nước, hiện là Phó Chủ Tịch Đảng, được đôn lên thay thế Jiang Zemin.

- **Wen Jiabao** (60 tuổi) thay Zhu Rongji làm Thủ Tướng. Ông này cũng là một nhà cải cách hướng về kinh tế thị trường nhưng theo định hướng XHCN !

- **Liu Yunshan** (55 tuổi) thay Ding Guoang (73 tuổi) trong chức vụ Trưởng Ban Tuyên Huấn của đảng, là người kiểm soát các hệ thống truyền thông của nhà nước.

- **He Guoqiang** cựu Bí thư Thành ủy Chongqing thay Zeng Qingphong (63 tuổi) cầm đầu cơ quan tổ chức đảng và nhà nước để dọn đường cho Z. Qingphong vào trong Ban Thường Vụ Trung Ương Đảng gồm có 7 thành viên và là cơ quan tối cao quyết định chính sách tức là quyết định số phận của trên 1,2 tỷ người Trung Hoa !

- Một trong những điều quan trọng nhất trong kỳ Đại Hội Đảng lần này là Jiang Zemin muốn đưa học thuyết "**Ba Đại Diện**" vào trong Điều Lệ của Đảng Cộng Sản.

Thuyết "**Ba Đại Diện**" do Jiang đưa ra là giới **Doanh Nhân** cũng được vào đảng, và ông muốn Điều Lệ của đảng sẽ được sửa đổi để công nhận vai trò chính thức của thành phần này sau kỳ Đại Hội.

Lời người viết: Từ trước tới nay, đội ngũ tiên phong của đảng CS là **CÔNG** (Công nhân) **NÔNG** (Nông dân) tức có "**Hai Đại Diện**". Bây giờ Jiang muốn thêm thêm "**Một Đại Diện**" nữa đó là giới **Doanh Nhân** nên gọi là học thuyết "**Ba Đại Diện**". Thật ra đây không phải là thiện tâm của Jiang khi rút lui vào hậu trường, mà đó

là một sự cố ý muốn hợp thức hóa thành phần **Tư Bản Đỏ** tức là những đảng viên CS giàu có nhờ tham nhũng.

Rồi đây Đảng Cộng Sản Việt Nam cũng sẽ bắt chước theo quan thầy Trung Cộng áp dụng cái học thuyết này. Hãy chờ xem !



Ông Hu Jintao (59 tuổi) Tân Tổng Bí Thư Đảng CS Trung Quốc và Chủ Tịch Nhà Nước kể từ tháng 3/2003.



Đại biểu già nua (82 tuổi) tỉnh Fujian tại Đại Hội Đảng lần thứ 16. Cụ đang uống thuốc để có đủ sức giở tay tán thành chính sách của đảng !

Bầu cử lưỡng viện quốc hội Mỹ

Ngày 6.11.02, dân Mỹ đi bầu Thượng và Hạ Viện. Kết quả Đảng Cộng Hòa của Tổng Thống George W. Bush đạt được đa số cả hai Viện.

Ha Viện gồm có 435 ghế

- Đảng Cộng Hòa 227 ghế
- Đảng Dân Chủ 203 ghế
- Độc lập 01 ghế
- 4 Tiểu Bang chưa dứt khoát là: Oregon, Arizona, Alabama và Vermont. 4 ghế

Thượng Viện gồm có 100 ghế

- Đảng Cộng Hòa 51 ghế
- Đảng Dân Chủ 48 ghế
- Độc lập 1 ghế

Đây là lần thứ 3 trong 150 năm, đảng của vị Tổng Thống đang cầm quyền đạt được đa số ghế cả Hạ và Thượng Viện.

- Lần thứ nhất, vị Tổng Thống thứ 26, ông Theodore Roosevelt (1858-1919) đảng Cộng Hòa.

- Lần thứ nhì, năm 1998, Tổng Thống Bill Clinton đảng Dân Chủ.

Qua kết quả cho thấy dân Mỹ chấp nhận đường lối cứng rắn của Tổng Thống Bush trong kế hoạch chống khủng bố mà trước tiên là giải giới Irak, hoặc lật đổ hay thủ tiêu S. Hussein bằng vũ lực. Kế đến là xây dựng hệ thống phòng thủ nội địa.

Tuy nhiên nếu đảng cầm quyền có đa số ghế cả hai Viện sẽ đi đến Độc Quyền dẫn đến Độc Tài.

Sau cuộc bầu cử thất bại, đảng Dân Chủ đang tìm những khuôn mặt mới với kế hoạch mới hầu đương đầu với đảng Cộng Hòa trong lần bầu cử Tổng Thống vào năm 2004.

Chiến tranh hay hòa bình

New York - Ngày 8.11.02, Hội Đồng Bảo An LHQ (HĐBA/LHQ) gồm có 15 nước thành viên đã biểu quyết chấp thuận bản văn về việc kiểm tra vũ khí tại Irak do Mỹ-Anh đề nghị sau khi đã sửa đổi một vài điều khoản do Nga và Pháp yêu cầu.

Nghị Quyết ghi rõ là Irak hiện tại và tương lai không được phép chế tạo hay thử các loại vũ khí hóa học, vi trùng hoặc vũ khí hạt nhân. Đoàn thanh tra vũ khí của LHQ được đi đến bất cứ chỗ nào họ khả nghi để kiểm tra mà chính quyền Irak không được phép cản trở hay cố tình tạo ra những sự khó khăn.

Kể từ ngày Nghị Quyết có hiệu lực (8.11.02) nếu S. Hussein không thi hành thì chiến tranh sẽ bùng nổ, mà hậu quả chưa lường trước được.

Phản ứng của những chính tri gia

- Ông Kofi Annan, Tổng Thư Ký LHQ tuyên bố: "*Đây là một Nghị Quyết để củng cố Hòa Bình, hướng về sự an ninh trong một thế giới đang bấp bênh, thiếu tin tưởng*".

- Ông Jean David Levitte, Đại sứ Pháp tại LHQ nói: "*Nếu S. Hussein muốn tránh một cuộc chiến tranh, ông phải hiểu rằng đây là một cơ hội cuối cùng*".

- Ông Joschka Fischer, Ngoại Trưởng Đức nói: "*Những quốc gia trong cộng đồng quốc tế đã có một sự đồng thuận là Irak phải chịu trách nhiệm để cho Đoàn Kiểm tra Vũ khí hoạt động trở lại càng sớm càng tốt*".

Phản ứng của Liên Đoàn Ả Rập

Liên Đoàn Rập họp khẩn cấp tại Kairo (Ai Cập). Các ông hoàng dầu hòa chia ra làm hai nhóm có hai khuynh hướng khác nhau.

Một nhóm thiểu số trong đó có Tổng Thống Gadaffi nước Lybien bác bỏ thẳng thừng Nghị Quyết.

Một nhóm đa số chấp thuận Nghị Quyết yêu cầu Irak nên tuân theo Nghị Quyết của LHQ nếu không muốn có chiến tranh. Vì lý do này mà Tổng Thống Gadaffi tuyên bố rút ra khỏi Liên Đoàn Rập.

Phản ứng của Irak và các giới chức liên hệ

Saddam Hussein tìm mọi cách để ngăn cản sự biểu quyết Nghị Quyết. Ông kêu gọi 15 nước thành viên trong HĐBA/LHQ, trong đó có một nước Hồi Giáo duy nhất là Cộng Hòa Rập Syrien, bác bỏ bản văn của Mỹ-Anh. Ông nói: "Washington và London đã vi phạm quốc tế Nhân Quyền và Hiến Chương LHQ".

- Ngày 12.11.02, Quốc Hội Irak họp biểu quyết chống Nghị Quyết, không chấp thuận cho Đoàn Kiểm tra Vũ khí trở lại Irak hoạt động.

- Tổng Thống Bush tuyên bố: "Thời gian đã trôi qua, bây giờ chúng ta áp dụng một chính sách **"Không Khoan Dung"**. Việc biểu quyết của Quốc Hội Irak không đáng kể. Chúng ta chỉ chờ đợi sự quyết định của S. Hussein.

- HĐBA/LHQ cho S. Hussein một thời gian cuối cùng là đến ngày 15.11.2002 để suy nghĩ, chọn lựa giữa **Chiến Tranh** hay **Hòa Bình**.

Dù muốn dù không, Nghị Quyết đã có hiệu lực. Bây giờ là lúc S. Hussein phải quyết định:

1/- Không thi hành Nghị Quyết thì sẽ có **chiến tranh** tàn phá đất nước của ông như ở Afghanistan vậy. Và chính sinh mạng của ông cũng không được bảo đảm an toàn.

2/- Thi hành Nghị Quyết sẽ có **hòa bình**, đất nước khỏi bị tàn phá, dân chúng khỏi bị điêu linh.

Người viết hy vọng ông chọn giải pháp thứ hai, vì:

Tránh voi chẳng xấu mặt nào !

Irak chấp nhận Nghị Quyết của LHQ

Ngày 13.11.02, Đại sứ Irak tại LHQ, Mohamed al-Douri đã chuyển lá thư của Tổng Thống đọc tài S. Hussein chấp nhận Nghị Quyết, cho vị Đại diện Tổng Thư Ký LHQ Kofi Annan, vì ông

Annan đang có mặt tại Washington gặp Tổng Thống Bush.

Đại sứ Douri nói: "*Chúng tôi chấp nhận Nghị Quyết số 1441 của HĐBA/LHQ mặc dù nó chứa đựng những nội dung xấu*". Ông tiếp: Irak đang chuẩn bị đón tiếp Đoàn Tranh tra Vũ khí quay trở lại làm việc theo lịch trình đã được ấn định. Chúng tôi muốn thấy họ thực thi nhiệm vụ càng sớm càng tốt, trong khuôn khổ phù hợp với luật pháp quốc tế. Bagdad hiện không có các loại vũ khí giết người hàng loạt. Do đó Irak không phải lo lắng khi Đoàn Kiểm tra Vũ khí quay trở lại Irak.

Hiện giờ chính quyền Bush đã có kế hoạch tấn công Irak bằng Thủy-Lục và Không Quân. Riêng Bộ Binh đã sẵn sàng 250 ngàn quân. Nếu Đoàn Kiểm tra Vũ khí LHQ bị S. Hussein gây khó khăn hoặc đuổi ra khỏi Irak như những lần trước thì Mỹ sẽ tấn công ngay.

Hai cuộc biểu quyết lịch sử



Ngày 8.11.02, HĐBA/LHQ gồm có 15 quốc gia thành viên giơ tay biểu quyết Nghị Quyết yêu cầu Irak chấp nhận cho Đoàn Kiểm tra Vũ khí LHQ trở lại Irak hoạt động (nh HAZ)



Ngày 13.11.02, Quốc Hội bù nhìn Irak giơ tay biểu quyết bác bỏ Nghị Quyết của LHQ (nh HAZ)

Biểu tình chống Mỹ và Do Thái

Florenz (Italy)- Ngày 9.11.02, trên 500 ngàn người xuống đường biểu tình tại Diễn Đàn Xã Hội Châu Âu ở Florenz để chống Mỹ gây chiến tranh với Irak đồng thời chống chính sách Toàn Cầu Hóa. Họ mang các biểu ngữ:

- **Mỹ và Do Thái là một ung thư của loài người.**

- **Mỹ và Do Thái là quân khủng bố**

- **Toàn cầu hóa hay Xích hóa toàn cầu ?**



NATO - Một kỷ nguyên mới

NATO (North Atlantic Treaty Organisation) Tổ Chức Minh Ước Bắc Đại Tây Dương. Tổ chức này thành hình từ năm 1949 nhằm đương đầu lại với Khối Hiệp ước Warsaw của Cộng Sản.

Hiện giờ có 19 Quốc Gia Hội Viên nằm trong NATO:

- Từ năm 1949: Bỉ - Đan Mạch - Pháp - Anh - Island - Ý - Gia Nã Đại - Luxembourg - Hòa Lan - Mỹ - Na Uy

- Từ năm 1952: Hy Lạp - Thổ Nhĩ Kỳ

- Từ năm 1955: Tây Đức

- Từ năm 1982: Tây Ban Nha - Bồ Đào Nha.

- Từ năm 1999: Ba Lan - Cộng Hòa Tiệp (Tschechien) - Hung Gia Lợi.

Dự trù sẽ thâm nhập thêm vào năm 2004:

Bào Gia Lợi - Estland - Litauen - Lettland - Rumanien - Slowakei - Slowanien.

Khi chiến tranh lạnh chấm dứt, Khối Cộng Sản Đông Âu và Cộng Hòa Liên Bang Xô Viết bị sụp đổ chôn vùi luôn Hiệp Ước Warsaw thì Khối NATO không còn đối tượng để đương đầu. Do đó trong tuần lễ từ 19 đến 23.11.02, sẽ có cuộc họp thượng đỉnh của các nước Hội Viên NATO tại Prag, thủ đô Cộng Hòa Tiệp để thảo luận:

1/- Thâm nhập thêm 7 nước Hội Viên mới vào năm 2004.

2/- Chống khủng bố quốc tế.

VIỆT NAM

Quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa được treo vĩnh viễn tại thành phố Lowell, Massachusetts

Từ 9 giờ sáng ngày 19.10.02, đông đảo đồng hương và hầu hết các đoàn thể học sinh, sinh viên tham dự đã tập hợp tại đường Davidson chuẩn bị diễu hành đến tòa thị chính Lowell để thượng Quốc Kỳ Việt Nam Cộng Hòa tại thành phố này cùng với quốc kỳ của 8 quốc gia khác do thành phố Lowell tổ chức nhân ngày Đa Văn Hóa. Hội Cựu Quân Nhân Công Chức Lowell đã tích cực làm việc với các cộng đồng bạn trong việc hỗ trợ tận tâm của Tổ Chức Cộng Đồng tại Massachusetts, Quốc Kỳ Việt Nam Cộng Hòa được treo vĩnh viễn tại tòa thị chính Lowell.

Sau khi diễu hành và thượng kỳ, Bà Rita M. Mercier, Thị Trưởng thành phố chào mừng và khen ngợi những thành quả cùng sự đóng góp của các sắc dân sinh sống tại thành phố Lowell. Bà nhắc đến lịch sử của thành phố là lịch sử do người tỵ nạn và di dân tạo nên. Sự đóng góp của Hội Cựu Quân Nhân Công Chức Lowell trong các sinh hoạt đã làm cho thành phố Lowell ngày một vững mạnh và văn hóa ngày càng phong phú. (VNN).



Lễ thượng Quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa.

Tội của chế độ, Tội của Lê Chí Quang và tội của người dân !

Muốn chặn đứng tội ác của kẻ độc tài, không có cách nào khác hơn là chính nạn nhân của nó đứng lên phế bỏ chế độ độc tài! Người dân bị trị dưới chế độ độc tài muốn đứng lên phế bỏ sự độc tài man rợ đè trên đầu họ, trước tiên người dân phải ý thức và hiểu được nhân quyền và nhân phẩm của mình. Có nghĩa là người dân *đã biết Nhục và không còn chịu Nhục* được nữa.

Ngày hôm nay người dân dù đã hết sợ đảng CSVN như trước đây, nhưng *vẫn chưa biết Nhục*. Cái nhục của Người không được làm Con Người trọn vẹn với đầy đủ ý nghĩa cao quý tôn trọng của nó.

Cứ nhìn bản cáo trạng "tội lỗi" của một công dân lương thiện và có ý thức trách nhiệm như LÊ CHÍ QUANG, một con người bình thường ở thời đại thế kỷ

thứ 21 tất sẽ thấy nhục cho chính mình, cho đất nước mình, cho tương lai con cái mình! Dĩ nhiên bọn cường quyền chế độ CSVN không biết nhục !

Sau đây là bản cáo trạng "tội lỗi" của Lê Chí Quang:

1/- Gặp Nguyễn Thanh Giang, nhận bài "*Nhân Quyền, Khát Vọng Ngàn Đời*", viết bài "*Nguyễn Thanh Giang, một chí sĩ yêu nước*".

2/- Viết những bài luận văn: "*Nhận định về Hiệp Ước Thương Mại Việt-Mỹ*", "*Đối Thoại 2001*", "*Thư gửi một chiến sĩ cách mạng mà tôi chưa gặp mặt*", "*Góp ý sửa đổi Hiến Pháp 1992*", "*Góp ý cải tổ*", "*Hãy cảnh giác với Bắc Triều*".

3/- Gia nhập "*Hội nhân dân chống tham nhũng*" của Phạm Quế Dương, Trần Khuê, Nguyễn Thanh Giang, Minh Chính. Viết tin thư ở quán Café-Internet gửi cho Nguyễn Gia Kiểng.

Như vậy "tội" của Lê Chí Quang và các tông phạm là tội của một con người muốn sống bình thường với những giá trị nhân quyền, nhân phẩm bình thường:

- **Được quyền quan hệ gặp gỡ, kết thân với bất kỳ ai mình yêu quý.**
- **Được quyền tham gia nhập hội với những ai mình đồng quan điểm.**
- **Được quyền suy nghĩ độc lập để được viết tự do.**
- **Được quyền chọn lựa sách vở để đọc.**
- **Được quyền tự do khen chê theo thiên lương.**
- **Được quyền ưu lo đến vận mạng tương lai của nhân dân, đồng bào, đất nước của mình.**
- **Và cuối cùng, cái quyền được Sai! Nếu có !**

Những cái "**quyền căn bản**" này đã trở thành bình thường mà một đứa trẻ con Tiểu Học ở bất cứ quốc gia bình thường nào cũng được học hỏi và nhắc nhở.

Vì thế mà ở những mảnh đất bình thường, một đứa trẻ sẽ rất bực bội khó chịu và sẽ thấy nhục khi nó bị tước đoạt những quyền căn bản như thế. Một đứa bé bình thường khi bị xúc phạm và thấy nhục, nó sẽ phản ứng quyết liệt. Và tất cả những người chung

quanh sẽ đều đồng tình quyết liệt ủng hộ nó để giành lại những cái quyền bình thường này. Vì nó đã là giá trị chung cho cả mọi người. Đây là nền tảng, là sức mạnh bảo vệ Con Người của nền Dân Chủ Tự Do Pháp Trị.

Ở Việt Nam bây giờ, chỉ có những người như Lê Chí Quang, Nguyễn Vũ Bình, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Khắc Toàn, Nguyễn Đan Quế, Linh mục Nguyễn Văn Lý, Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Thích Quảng Độ v.v... là thấy nhục. Thấy nhục cho nên những người này mới phản ứng quyết liệt, bất kể an nguy tánh mạng. Chế độ độc tài không bao giờ buông tha những con người biết nhục.

Vì chế độ CSVN rất sợ những ai biết nhục. Nhân dân Việt Nam kể cả trong lẫn ngoài nước, chưa biết nhục! Dù đã bớt sợ. Vấn đề còn lại là làm sao để biết nhục. Trước hết là cái nhục mình bị mất nhân phẩm nhân quyền! Cái Nhục nằm sát bên cái bị mất nhân phẩm nhân quyền, là cái nhục không tự quyết tự lực, cứ phải ngóng cổ chờ người cứu giúp. Người ta cứu giúp mình thoát cái gông CSVN rồi, Người ta sẽ quàng vào cổ mình cái gông khác sẽ nhục không kém!!! Một con người, một dân tộc mà lấy được "tự do, nhân phẩm" do người khác làm hộ, thì cái "nhân phẩm, tự do" đó không thể có ý nghĩa đích thực và trọn vẹn. Nó sẽ mất ngay khi vừa lấy lại! Nó mất ngay trong não trạng vọng ngoại không tự quyết. Bởi vì chính mình không tranh đấu cõn trí, đòi lại giá trị cho chính mình, thì chính mình không đủ tư cách để gìn giữ những giá trị máu xương này. Sau thời thực dân cho đến nay đã xác quyết điều này. Dân tộc Việt đã trả bằng nước mắt, bằng máu xương, bằng đất đai tổ tiên cho bài học này. Và nó đang nằm sờ sờ trước mặt. Cho nên muốn chặn bàn tay tội ác của bọn cường quyền CSVN, chỉ còn cách duy nhất là vận động dân trí người dân. Mọi người phải nỗ lực vận động chính đồng bào mình! Vì nhìn cho thấu đáo, chế độ độc tài đương nhiên nó là như vậy. Và nó sống hiên ngang vì Người Dân chưa biết nhục!

Còn lại nhân dân Việt Nam hôm nay, cả trong lẫn ngoài nước, cái tội của họ là cái tội chưa biết nhục. Khi người dân đã biết nhục, dù họ sống bất cứ ở nơi nào, thì không có bọn cường quyền hay thế lực ngoại bang nào đè đầu cõn cổ họ được nữa, dù bất cứ dưới

hình thức nào! - Bài của Nguyễn Khả Phạm Thanh Cương.

Dời ngày xử Luật sư Lê Chí Quang

Phiên tòa xử Lê Chí Quang ngày thứ hai 28.10.2002 đã được tòa quyền Hà Nội quyết định dời lại. Tin không chính thức cho biết là ngày xử sắp tới là ngày 08.11.2002.

Đây là phiên tòa xử kín, chỉ những ai có giấy mời mới được tham dự.

Ngày 08.11.02, nhằm ngày thứ sáu ở Việt Nam, tức là trùng vào ngày cuối tuần ở các nước phương Tây. Dự trừ đem Lê Chí Quang ra tòa ngày này, Hà Nội âm mưu làm giảm được dư luận của nước ngoài, nếu tin tức có loan truyền thì cũng rơi vào ngày cuối tuần, sẽ không được nhiều hãng thông tấn để ý và loan tin.

Lý do tạt quyền Hà Nội dời phiên tòa là để tránh cho Trần Đức Lương đỡ bị áp lực và khó ăn khó nói trước Tổng Thống Pháp. Cũng có tin là Bộ Chính Trị khẩn ra lệnh tạm đình vì sau khi đọc bản cáo trạng mới vỡ lẽ ra là Viện Kiểm Sát Tối Cao lại viết một bản luận tội "tồi tệ" chỉ làm bêu xấu thêm chế độ.

Sự kiện bản cáo trạng bí mật được chuyển ra khỏi Viện Kiểm Sát Tối Cao, lưu truyền rộng rãi trong nước và nhanh chóng chuyển ra nước ngoài trước ngày xử Lê Chí Quang đã làm cho Hà Nội hết sức bối rối và tức giận. Các cơ quan an ninh trong nước đang ráo riết dò xét, truy lùng, các bộ phận phản gián hải ngoại, bộ phận quản lý Internet, bộ phận theo dõi, nghe lén và đọc thư trộm thư tín đã nhận được chỉ thị tăng cường mức độ kiểm tra hòng dập tắt mầm mống "phản cách mạng". Ngoài những chiến sĩ dân chủ tên tuổi vang dội trong cũng như ngoài nước, có người còn đang trong vòng lao lý, Hà Nội đang phải lo đối phó với tầng lớp chiến sĩ vô danh. Những "du kích dân chủ" ở ngay trong lòng chế độ, đang tích cực góp phần để loại bỏ chế độ. Bên cạnh đó, việc Công Ty Thương Mại và Khuếch Trương Kỹ Thuật (CTTM/KTKT) của **Trương Gia Bình** làm chỉ điểm, đọc lén các điện thư trong và ngoài nước để báo cáo công an bắt Lê Chí Quang, Nguyễn Vũ Bình, Phạm Hồng Sơn và nhiều người khác là một hành động đê tiện cần cảnh báo và có thái độ đối phó để bảo vệ phong trào dân chủ trong và ngoài nước.

Trương Gia Bình là con rể của Võ Nguyên Giáp, đã từng cư ngụ tại Nga, mang tiếng du học nhưng thực chất đi buôn và làm giàu từ đó. Khác với Lê Chí Quang, khi anh trở về Việt Nam từ Tiệp Khắc, anh đem theo giá trị của Tự Do Dân Chủ mà anh đã chứng kiến và cảm nhận, thì ngược lại Trương Gia Bình chỉ đem đô-la về Việt Nam để thành lập CTTM/KTKT. Một công ty chuyên cung cấp nối mạng điện tử, đồng thời làm công tác chỉ điểm để theo dõi và bắt các nhà hoạt động dân chủ, trong đó có Lê Chí Quang là trường hợp điển hình. Trương Gia Bình cho biết đã cộng tác với công ty chuyên môn về viết phần mềm Ấn Độ tên APTECH để cộng tác và đầu tư trong lãnh vực kỹ thuật tin học, ngân hàng, tài chính, điện tín và an ninh. Bình cho biết là đã thành lập một văn phòng tại Silicon Valley (San José) và dự trừ tại Canada vào cuối năm 2002.

Các lực lượng dân chủ tại hải ngoại có nhiều chuyện cần làm, bên cạnh việc yểm trợ những nỗ lực dân chủ trong nước, việc dọn sạch hai bãi rác của công ty chỉ điểm của Trương Gia Bình tại Mỹ và Canada là điều ưu tiên.

Hứa sẽ can thiệp cho Lê Chí Quang

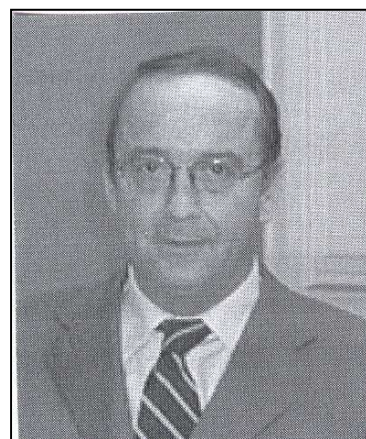
Vào lúc 17 giờ ngày 4.11.02, ông Alain Mear, Chánh văn phòng Thượng Viện Pháp, đã tiếp kiến một phái đoàn Liên Minh Việt Nam Tự Do do bà Nguyễn Thị Thanh Vân hướng dẫn. Trong dịp này hai bên đã trao đổi về tình trạng nhân quyền tại Việt Nam và mối bang giao giữa hai nước.

Mở đầu, ông Mear đã lược thuật cuộc gặp gỡ giữa Chủ Tịch Thượng Viện Pháp, Christian Poncelet, và Chủ tịch Nhà nước CSVN Trần Đức Lương vào lúc 12 giờ 30 ngày 29.10.02. Ông cho biết, ông Poncelet chỉ tiếp Trần Đức Lương trong một bữa cơm trưa và trước đó hai bên không hề tiếp xúc riêng. Trong bữa cơm, ông Poncelet đã nhắc lại vấn đề nhân quyền tại Việt Nam, đặc biệt là vấn đề tự do Tôn Giáo và các quyền tự do cá nhân, mà ông đánh giá rằng đang bị vi phạm trầm trọng tại Việt Nam. Ông còn nhấn mạnh là Việt Nam cần phải dân chủ hóa thực sự vì dân chủ mới thực sự là động cơ để mang lại sự phát triển kinh tế dài hạn của một đất nước. Đây là hai điểm quan trọng mà ông Poncelet kêu gọi phía lãnh đạo Việt Nam phải quan tâm, vì *tôn trọng nhân quyền và thực thi dân chủ là hai điều*

căn bản mà các nước thành viên của khối Pháp ngữ phải tôn trọng. Trần Đức Lương làm thính trước những lời khuyến cáo này và mãi đến lúc ăn, ông Lương mới ngụy biện dời lời một cách ầm ớ, nói rằng: "*Việt Nam chúng tôi hiện nay đang có dân chủ, dân chủ của chúng tôi có công ăn việc làm và được hưởng những quyền tự do quy định trong Hiến Pháp dựa theo tinh thần Mác-xít-Lênin!*"

Trong phần đáp lời, đại diện phái đoàn nhấn mạnh đến tình trạng vi phạm nhân quyền càng ngày càng leo thang tại Việt Nam kể từ khi Nông Đức Mạnh lên thay thế Lê Khả Phiêu làm Tổng Bí Thư Đảng CSVN từ hơn một năm nay. Nhiều nhà lãnh đạo Tôn Giáo đã bị quản chế và cầm tù, những người trẻ can đảm đòi tự do dân chủ như Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Khắc Toàn đều bị bắt giam từ nhiều tháng nay. Đặc biệt phái đoàn cũng cho ông Mear biết là phiên tòa xử anh Lê Chí Quang đã được dự trừ vào ngày 28.10.02 đã được dời lại ngày 8.11.02 và tình trạng sức khỏe nguy kịch của Lê Chí Quang đồng thời yêu cầu Thượng Viện và chính quyền Pháp hãy can thiệp để thực sự thể hiện tinh thần cổ vũ cho dân chủ như đã tuyên bố

Ông Mear hứa là Thượng Viện Pháp sẽ can thiệp cho Lê Chí Quang, vì theo ông, việc Lê Chí Quang bị bắt thực sự là một vi phạm nhân quyền của nhà cầm quyền Hà Nội. Anh Quang chỉ thực hiện quyền tự do tư tưởng, tư do ngôn luận và sử dụng phương tiện thông tin hiện đại mà mọi người trên thế giới đều có quyền sử dụng là Internet, để trao đổi và phổ biến những dòng suy tư của anh



Ông Alain Mear, Chánh văn phòng Chủ Tịch Thượng Viện Pháp.

Lê Chí Quang bị đánh thuốc mê

Như báo chí đã tường thuật trong phiên tòa ngày 8.11.02 là Lê Chí Quang có mọi triệu chứng không bình thường của một người bị đánh thuốc mê. Anh tỏ ra ngỡ ngàng như không biết mình đang ở đâu, không còn khả năng tập trung tinh thần, không nói được gì và lơ đãng đến độ quan tòa phải nhiều lần nhắc nhở anh theo dõi phiên xử !

Nhiều người quen biết Lê Chí Quang đã đưa ra giả thuyết là anh bị tiêm thuốc hoặc cho uống thuốc an thần với liều lượng cao trước khi được dẫn tới phòng xử, vì bình thường Lê Chí Quang biện luận rất trôi chảy và hùng hồn.

Hiện nay những nguồn tin được tiết lộ từ Quân Đội và Công An ngày càng xác nhận khả năng này. Nguồn tin từ Quân Đội cho biết đó là một loại thuốc do Trung Cộng chế tạo dùng để thẩm vấn, làm tê liệt mọi ý chí đề kháng và khiến nạn nhân hoặc chấp nhận tất cả hoặc hoàn toàn bị vô hiệu hóa. Đây là một loại thuốc màu trắng, không mùi vị gì cả, được trộn vào thức ăn hay nước uống. Nạn nhân hoàn toàn không biết mình bị thuốc. Buổi sáng Lê Chí Quang đã được cho ăn sáng hoặc uống nước có pha thuốc. Chỉ có giả thuyết này mới giải thích được thái độ lạ lùng của Lê Chí Quang trong phiên tòa.

Lời người viết: Theo lời bà Nguyễn Thị Kim Chung, mẹ của Lê Chí Quang, cho biết thì tòa xử Lê Chí Quang 4 năm tù giam và 3 năm quản chế về tội đòi Tự Do Dân Chủ cho đất nước! Đây không phải là một bản án cho chiến sĩ dân chủ Lê Chí Quang mà là một trong những bản án sẽ **khai tử** chế độ độc tài toàn trị của đảng CSVN.

Vụ án Năm Cam

Tòa quyền CSVN quyết định đưa vụ án Năm Cam ra xét xử trong vòng một tháng, từ 12.12.02 đến 12.01.03 ! Tin pháp đình cho hay bằng đảng Năm Cam đã thuê hơn 100 Luật sư để bào chữa.

Trong vụ án chiến sĩ dân chủ Lê Chí Quang được xử một cách vội vã trong vòng có 3 tiếng đồng hồ và trước đó các Luật sư bị làm áp lực từ chối bào chữa, thì vụ án Năm Cam này lại diễn ra một cách long trọng, các can phạm có toàn quyền nhờ bất cứ Luật sư nào để bào chữa !

Thật ra nhà cầm quyền CSVN không sợ vụ án Năm Cam, cùng lắm nó chỉ làm cho chế độ mang tiếng xấu, nhưng đã mang nhiều tiếng xấu rồi ! Bây giờ có mang thêm một tiếng xấu nữa cũng chẳng làm lay chuyển được chế độ. Chúng chỉ sợ những vụ án chính trị như vụ án Lê Chí Quang v.v... nên chúng xử một cách hấp tấp, vội vã và hạn chế tối đa người tham dự.

Lời người viết: Rồi đây, cũng tại pháp đình này, những người đảng viên trong guồng máy tà quyền CSVN sẽ ra trình diện trước vành móng ngựa để trả lời về tội ác họ đã gây ra cho đất nước và dân tộc Việt Nam. Lúc đó những phiên tòa sẽ xử công khai và bên bị cáo sẽ được toàn quyền thuê Luật sư ở trong cũng như ở ngoài nước biện hộ. *Hãy chờ xem.*

Trung Tâm Thương Mại Quốc Tế Sài Gòn bị cháy



Chiều ngày 29.10.02, một vụ cháy ở lầu 5 và 6 tại Trung Tâm Thương Mại Quốc Tế Sài Gòn (TTTMMQT - ITC) đã thiêu sống độ 200 người, hàng trăm người khác bị thương tật vĩnh viễn, và những tổn thất không tính được về tinh thần, tài sản cho thân nhân của họ. Đây là vụ cháy nhà khủng khiếp nhất từ trước tới nay tại thành phố Sài Gòn. Sau vụ cháy, người ta đặt ra câu hỏi:

- Tại sao phương tiện chữa cháy quá lạc hậu ?
- Tại sao rầm rộ bao nhiêu phong trào Phòng Cháy Chữa Cháy (PCCC) suốt mấy chục năm qua mà khi có cháy xảy ra thì tốc độ chữa cháy như cọng bún thiu?
- Tại sao không huy động trực thăng để cứu những cánh tay đang vẫy kêu cứu thảm thiết, tuyệt vọng trên sân thượng ? Đến nỗi có người vì quá sợ bị cháy tự nhảy từ trên lầu xuống đất chết ngay tại chỗ !

Tại vì:

- Không có ngân sách để nâng cấp thiết bị (sau khi bị hao hụt vì tham nhũng).

- PCCC chỉ là hình thức thao diễn quần chúng. Làm cho có lệ mà thôi !

- Đang chuẩn bị công văn đề FAX xin Trung ương cấp trực thăng. Qui định vậy, làm sao khác được !

Và để trả lời hàng ngàn câu hỏi "Tại sao" tiếp theo thì có một đáp án chung nhất và dễ được chấp nhận nhất là: **VI CỐ CHẾ**. Có lẽ không sai.

Vi cố chế mà không ai chịu trách nhiệm từ chuyện nhỏ đến chuyện lớn. Một số ai đó có thể sẽ bị "kiểm điểm" hay thậm chí mất chức sau vụ hỏa hoạn này, nhưng đừng lạc quan vội: không phải là vì muốn nâng cao trách nhiệm của cấp lãnh đạo đâu. Thường thì cũng chỉ là những kiểu nhân tiện "thanh lọc nội bộ", "thí tốt", "rượu cũ bình mới".

Vi cố chế mà hiện nay đã sản sinh ra một chủng loại người mới, chỉ chuyên biết "**ăn tục, nói phét**" (cụm từ phổ biến hiện nay ở Việt Nam). Không ngạc nhiên lắm khi mà mọi người dân nghèo đang hoang mang tít tắp tìm kiếm thân nhân khắp nơi thì những kẻ chuyên "**ăn tục, nói phét**" đó đang mừng thầm vì sắp có thêm cơ hội "**lại quả**" rồi! Họ đang tính toán sẽ chọn nhà cung cấp nào, loại thiết bị PCCC nào để đem lại tỷ lệ hoa hồng "**dây nhất**", không cần biết chất lượng thế nào. Rồi sau đó họ trình lên cấp Bộ để duyệt ngân sách và trang bị hàng loạt khắp cả nước. Để rồi sau này khi có một ITC tương tự thì cũng... **vi cố chế** cho phép làm vậy, làm bậy, biết sao được ?

Vi cố chế đó mà bao nhiêu người dân Việt đã chết oan uổng trong nửa thế kỷ qua; môi trường sống trù phú trở thành một thứ địa ngục trần gian dơ bẩn, hùng hực; một dân tộc cần cù, trọng đức tin đang biến thành đáng dấp của một bộ lạc hung dại, kém phát triển trong thiên niên kỷ mới.

Và **cũng nhờ cố chế** đó mà những tội phạm của vong linh tổ quốc vẫn được quyền đóng dục tuyên bố "do dân, vì dân".

Hình ảnh một cụ già quỳ sụp bên đường chấp tay cầu nguyện đất trời gây xúc động nhiều người dân. Không ai biết cụ đang cầu nguyện điều gì. Có lẽ cụ cầu trời cho đứa con, đứa cháu của mình được thoát hiểm. Còn nếu không may thì cũng cầu nguyện cho vong hồn oan uổng của nó cùng với

trăm người khác được mau siêu thoát. Và có thể cụ già cũng đang cầu nguyện cho cái cơ chế gây bao nhiêu khổ nhục cho đất nước này sẽ nhanh chóng tan biến vào lịch sử đau thương của dân tộc. Chúng ta hãy cùng nhau chia sẻ và cầu nguyện với cụ.

Sàigòn nhờ Moskau giải quyết dùm nạn kẹt xe

Nhà cầm quyền CSVN đã nhờ Thụy Điển giải quyết dùm quốc nạn tham nhũng, bây giờ lại nhờ Nga giải quyết dùm nạn kẹt xe. Trong tương lai có lẽ sẽ nhờ một nước nào đó giải quyết dùm cái cơ chế độc tài lạc hậu xong thì sau đó chắc chắn sẽ không còn nhờ ai nữa !

Số là ngày 23.10.02, một phái đoàn của thành phố Moskau đến Sàigòn để giúp nhà cầm quyền giải quyết các vấn đề giao thông trong thành phố, nhất là nạn kẹt xe mà nhà cầm quyền đang dự tính sẽ ngừng không cho đăng ký xe gắn máy tại Sàigòn và Hà Nội. Nhà cầm quyền Sàigòn đã trình bày sơ lược những vấn đề cấp thiết cần giải quyết trước mắt và nêu ra những dự án lâu dài để giải quyết vấn đề giao thông vận tải cho thành phố Sàigòn đến năm 2010 - 2020. Ông Baryukov, Trưởng Khu hành chánh phía Nam Moskau cho biết, Moskau rất có kinh nghiệm trong việc giải quyết các vấn đề giao thông công cộng, quy hoạch và xây dựng hệ thống metro, xe buýt, đường sắt v.v... và hứa sẵn sàng hỗ trợ nhà cầm quyền giải quyết bài toán giao thông.

90% người nghiện ma túy là học sinh!

Bình Thuận 21.10 (TH) - Các nguồn tin địa phương được đăng tải trên tờ Lao Động trong ngày Thứ Hai 21.10.02 cho thấy 90% các con nghiện cũng như những kẻ buôn bán ma túy ở huyện Hàm Tân của tỉnh Bình Thuận là học sinh trung học phổ thông. Công an biết được rằng tại đây có 134 kẻ liên quan đến ma túy với 15 đầu mối buôn bán hàng và tàng trữ ma túy. Sở Cảnh Sát Hình Sự huyện Hàm Tân đổ tội cho các phụ huynh đã không kiểm soát được hành động con cái, dẫn đến tình trạng nghiện ngập, và vì nhu cầu, chúng trở thành những kẻ buôn bán ma túy để phục vụ cho chính mình. Thêm vào nguyên nhân gia đình, huyện Hàm Tân là cửa ngõ mở đi nhiều hướng, có đường giáp ranh đi quốc lộ 1 và quốc lộ 55, lại còn trạm

dừng của xe lửa Bắc-Nam ở ga Sông Pha, nên nhà cầm quyền địa phương nói rằng dân buôn bán ma túy từ các nơi đổ về đây kiếm ăn, tổ chức rủ rê khiến nhiều người lao vào cái chết trắng. Theo báo cáo của Công an huyện Hàm Tân, đa số đối tượng nghiện hút ở địa phương là giới học sinh trung học phổ thông. Mới đây, một học sinh đã bị bắt giữ với 100 tép heroin trong người đem đi phân phối. Nạn nghiện hút, chích choác ma túy tuy ngày càng có dấu hiệu gia tăng trong giới học sinh trên toàn quốc. Các thống kê cho thấy phần lớn những con nghiện chích choác ma túy thuộc thành phần học sinh, sinh viên và đám người trẻ tuổi dưới 30. Từ cuối năm 2001, nhà cầm quyền Hà Nội quyết định tổ chức thêm các trung tâm cai nghiện trên toàn quốc để nhốt khoảng 130.000 con nghiện đã có trong danh sách từng bị bắt. Tuy nhiên, chỉ có Sàigòn chỉ nhốt được khoảng hơn 16.000 người nhưng không còn khả năng chứa. Nhiều nơi khác như Hà Nội, Hải Phòng không có địa điểm nên tỷ lệ con người bị nhốt còn rất thấp

Ngày càng nhiều sản phụ bị nhiễm HIV!

Sàigòn 20.10 - Tờ Thông Tấn Xã CSVN dẫn lời Bác sĩ Vũ Thị Nhung, Giám đốc Bệnh viện Sản phụ Hùng Vương Sàigòn cho biết: Năm 1999 bệnh viện có 46 ca HIV là sản phụ, năm 2000 có 82 ca nhiễm HIV, năm 2001 có 139 ca nhiễm HIV và năm nay con số này tăng lên rất nhiều. Không chỉ ở Bệnh viện Phụ sản Hùng Vương, hầu hết các bệnh viện phụ sản ở Sàigòn đều rơi vào tình trạng này. Bệnh viện Từ Dũ năm 1993 phát hiện 2 ca nhiễm HIV, năm 1994 phát hiện 9 ca, năm 1995 có 13 ca, năm 1997 có 25 ca, năm 1999 có 69 ca, năm 2000 có 103 ca. Theo các bác sĩ ngành sản, những trường hợp thai phụ nhiễm HIV nếu không loại bỏ thai thì trẻ sơ sinh ra đời nguy cơ nhiễm HIV rất lớn.

Nhằm đánh giá khả năng lây truyền từ mẹ sang con, các bệnh viện đã tiến hành nhiều cuộc nghiên cứu để có thêm các dữ liệu phòng ngừa. Từ năm 1996, Bệnh viện Hùng Vương đã tiến hành một cuộc nghiên cứu kéo dài đến tháng 6/2001. Kết quả cho thấy: Trong 5 năm tỷ lệ này đã tăng gấp 10 lần so với năm 1996. Khảo sát những trẻ trên 18 tháng tuổi (sinh từ 1996) ở nội thành Sàigòn thì chỉ có 7 trường hợp quay trở lại để làm xét nghiệm

kiểm tra trong đó có 25 trường hợp trẻ nhiễm HIV. Theo thống kê, số phụ nữ mang thai nhiễm HIV ngày càng trẻ tuổi hơn. Đến thời điểm này, toàn thành phố Sàigòn đã có 12.731 người bị nhiễm HIV; 3.745 người đã chuyển sang giai đoạn AIDS và 1.496 người đã chết. Kết quả giám sát dịch tễ trên các nhóm đối tượng bị nhiễm HIV cho thấy đối tượng sử dụng ma túy chiếm tỷ lệ cao nhất với 25,6%, sau đó là đối tượng mại dâm chiếm tỷ lệ 24,4%. Trong khi đó tại Đồng Nai, một tỉnh cận kề Sàigòn đã có 147 người tử vong do AIDS. Từ đầu năm 2002 đến nay, các Trung tâm Y tế Đồng Nai đã xét nghiệm phát hiện HIV cho 6.033 người, trong đó đã phát hiện 559 người bị nhiễm HIV. Tính từ năm 1993 đến nay, thì toàn tỉnh đã có 1.806 người nhiễm HIV và 301 người đã chuyển sang bệnh AIDS, trong đó có 147 người tử vong...

*
* *

Đôi lời tam biệt

Kính thưa quý độc giả, kể từ tờ báo Viên Giác TÂN NIÊN số 133 phát hành vào cuối tháng 2/2003, ông Phan Ngọc sẽ thay tôi viết mục "TIN TH GI I". Trước đây 5 năm, ông Phan Ngọc cũng đã có phụ trách mục này, nhưng vì đi làm không có thời giờ nên tôi đã thay ông. Bây giờ ông đã nghỉ hưu, rộng rãi thời giờ nên tôi có nhờ ông "đổi gác" cho tôi để tôi lo mục "THỂ THAO".

Trước khi dứt lời, sang năm mới Quý Mùi, Người Quan Sát xin chúc quý độc giả bốn phương gặp được nhiều thuận duyên trong cuộc sống tha hương, nhiều sức khỏe, đầy đủ nghị lực để dẫn thân trên con đường đấu tranh giành lại đất Tổ, loại bỏ chế độ Cộng Sản toàn trị phi nhân.

• Người Quan Sát



SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG

THÔNG BÁO của

Liên Đoàn Công Giáo Việt Nam tại Đức

Được sự chấp thuận của Hội Đồng Giám Mục Đức (HĐGM), qua vị đại diện là Ông Grossimlinghaus, Ban Chấp Hành LDCGVN tại Đức xin thông báo quyết định của HĐGM như sau:

Vào ngày 26.12.2002, nhân ngày Lễ kính Thánh Tử Đạo tiên khởi Giáo Hội, Thánh Stêphanô, HĐGM Đức sẽ dành riêng ngày này cầu nguyện cho Tự Do Tôn Giáo tại Việt Nam.

Trong tâm tình Hiệp Thông với Hội Đồng Giám Mục, và Giáo Hội Đức cùng toàn thể Cộng Đồng Dân Chúa Việt Nam trong cũng như ngoài nước. Kính xin Quý Cộng Đoàn, các đoàn thể Công Giáo Tiến Hành, mọi Tín Hữu; cũng như Quý vị Tín Hữu của các Tôn Giáo bạn: Phật Giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, cùng hiệp lời cầu nguyện cho Tự Do Tôn Giáo tại Việt Nam.

Quý vị sẽ nhận được lời nguyện Giáo Dân, cũng như các tài liệu của HĐGM Đức sau khi đã dịch ra tiếng Việt Nam.

Chúng tôi xin đề nghị tất cả các Cộng Đoàn dùng các lời nguyện này để đọc trong các Thánh Lễ cầu nguyện. Cũng trong ngày 26.12.2002 này, kính xin mọi người trong chúng ta sốt sắng, kêu cầu, khẩn nài Mẹ Maria, tước hiệu La Vang, hiện đang Thánh Du thăm con cái Mẹ khắp nơi trên toàn thế giới, Mẹ là Nữ Vương Hòa Bình luôn bầu cử cho Quê Hương và Giáo Hội Việt Nam.

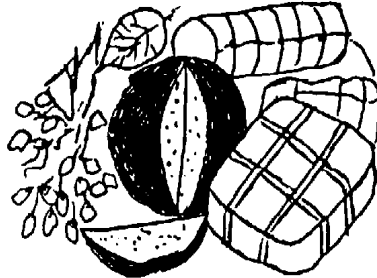
Chúng tôi rất cảm phục và xin chân thành tri ân tất cả Quý Vị cùng Hiệp Thông với Giáo Hội Đức, nhất là ý thức bốn phận của người công dân Công Giáo đối với Quê Hương và Giáo Hội trong giai đoạn lịch sử này.

T/M Ban Chấp Hành

Giuse Đinh Kim-Tâm
Chủ Tịch LDCGVN tại Đức

THÔNG BÁO

Bánh tét, bánh chưng và những đặc sản chay ngày tết



Chùa Viên Giác có phát hành các loại bánh tét, bánh chưng, bánh xanh, chả chay, mứt thái chay và các loại bánh khác... để Phật Tử vui Xuân trong 3 ngày Tết. Quý vị cũng có thể thỉnh tại Chùa, hoặc gửi qua Bưu Điện, giá thành như sau:

- Bánh tét lớn nhưn chuối hoặc nhân đậu xanh 5 € / 1 đòn
- Bánh tét loại nhỏ 3 € / 1 đòn
- Bánh chưng lớn 5 € / 1 cái
- Bánh chưng nhỏ 3 € / 1 cái
- Mứt thái chay 13 € / 1 ký
- Bánh bao 1 € / 1 cái
- Bánh da lợn loại lớn 2 € / 1 cái
- Bánh da lợn loại nhỏ 1 € / 1 cái
- Bánh ú nước tro 1 € / 1 cái
- Bánh bột lọc 1 € / 1 cái
- Bánh tổ 5 € / 1 cái
- Bánh giò 1 € / 1 cái
- Xôi lá dứa 50 Cent / 1 miếng
- Bánh xôi vị miền Trung 50 Cent / 1 miếng
- Bánh oản 1,50 € / 1 cái
- Mè xừng 50 Cent / 1 miếng
- Bánh bò 50 Cent / 1 cái
- Bánh ít lá gai 50 Cent / 1 cái
- Bánh ít trần 50 Cent / 1 cái
- Bánh xanh 50 Cent / 1 cái
- Bánh phu thê có gân dừa 1 € / 1 cái
- Bánh ít có gân dừa 1 € / 1 cái
- Bánh khoai mì nướng 2 € / 1 miếng
- Chả chay tàu hủ ky (đòn nhỏ) 3 € / 1 đòn
- Chả chay tàu hủ ky (đòn to) 5 € / 1 đòn
- Chả cuốn chay tàu hủ ky 5 € / 1 đòn
- Chả ổ chay bằng tàu hủ ky 10 € / 1 ổ

-Chả giò chay 80 Cent / 1 cuốn

(Số tiền trên chưa có cước phí Bưu Điện)

- Số hàng bên trên có thể gửi *Nachnahme*

Mong quý Phật Tử xa gần hỗ trợ để gây thêm quỹ trả nợ xây chùa.
Xin thành thật biết ơn quý vị trước.

THÔNG BÁO

Lịch quý Mùi năm 2003

Giá phát hành tại chùa Viên Giác như sau:

- LỊCH TỬ VI 14 EURO
- LỊCH TREO TƯỜNG 12 EURO

Nếu Chùa nhận được tiền trước, gửi lịch đi thì giá thành + tiền cước + bao bì như sau:

- LỊCH TỬ VI 16 EURO
- LỊCH TREO TƯỜNG 15 EURO

Đề nghị quý vị nên gửi tiền trước về Chùa bằng ngân phiếu (Check) hoặc tiền mặt gói kỹ bỏ trong bao thư hoặc chuyển vào Konto như sau:

Cong. d. Verein. Vietn. Buddh.
Kirche
Konto Nr. 109594-307
BLZ 250 100 30
Postbank Hannover

Trong thư hoặc trên phiếu chuyển tiền xin ghi rõ loại lịch và số lượng để khỏi bị nhầm lẫn và địa chỉ rõ ràng để gửi lịch. Khi nhận được tiền chúng tôi sẽ gửi lịch ngay đến quý vị. Chùa không nhận gửi *Nachnahme* (chuyển hóa giao ngân) vì tiền cước quá đắt.

Kính mong quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần ủng hộ cho.

Cùng Chúc Tân Xuân

THÔNG BÁO

CỦA BAN BIÊN TẬP BÁO VIÊN GIÁC

I. Đổi địa chỉ:

Mặc dầu chúng tôi đã nhiều lần lưu ý quý độc giả khi có đổi địa chỉ nên biên thư về Chùa cho biết:

- Họ và Tên
- Địa chỉ cũ
- Địa chỉ mới

Nhưng trong thời gian qua, chúng tôi vẫn nhận được thư của quý vị đổi chỗ ở mà **chỉ ghi có địa chỉ mới, không có địa chỉ cũ**. Do đó, khi bị trùng Họ & Tên và cùng tỉnh, chúng tôi không biết ai đổi địa chỉ?! Một lần nữa xin quý vị lưu ý cho.

II. Địa chỉ phải được viết thật rõ ràng

(nhất là chữ n hay chữ u - tốt hơn hết là viết chữ Hoa).

III. Ứng hộ báo Viên Giác

Báo Viên Giác mỗi năm phát hành 6 số, trong đó có số Xuân. Báo Xuân Quý Mùi số 132 (200 trang) mà quý độc giả đang cầm trên tay, chúng tôi đã in 6.000 cuốn, gửi đi 34 quốc gia trên thế giới. Chi phí về tiền tem, giấy mực, ấn loát cho 6 số báo rất cao mặc dù vẫn có sự giúp đỡ của chính phủ Đức, nhưng chúng tôi cũng rất cần sự ủng hộ nhiệt tình về tài chánh của quý vị.

Mỗi năm, mỗi độc giả ở ngoài nước Đức xin ứng hộ 30 Euro hay Mỹ kim, còn trong nước Đức 15 Euro thì chúng tôi có đủ phương tiện để trang trải các phí tổn nêu trên và sửa chữa máy móc khi bị hư hỏng.

Số tiền trên, quý vị có thể gửi bằng Check, Money Order, chuyển vào Konto của Chùa (có ghi trên mỗi tờ báo) hoặc gửi bằng tiền mặt xin dán kín.

Xin cảm ơn quý vị trước.

THÔNG BÁO

Chi Hội Phật Tử VNTN tại Aschaffenburg & VPC và Chi Hội Phật Tử VNTN tại Frankfurt & VPC đã mở một trang Web trên Internet qua địa chỉ như sau:

Chi Hội Aschaffenburg & VPC :

www.phattu-aschaffenburg.de.vu
www.phattu-aschaffenburg.net.tc

Chi Hội Frankfurt & VPC :

www.phattu-frankfurt.de.vu
www.phattu-frankfurt.ch.vu

Chú ý: Nên mở xem Browser Internet Explorer (IE) của Microsoft đừng dùng Netscape!

Vậy xin thông báo quý Phật Tử và độc giả báo Viên Giác được rõ.

TÌM THÂN NHÂN

• Tim Cậu và hai đứa con :

Ông **Trần Phát Nghĩa**, anh của bà Trần Thị Phước, có hai con: Trần Hồng Đức (Trai) và Trần Thị Minh Cúc (Gái).

Trước ở Việt Nam, đường Hai Bà Trưng, số 151-55, Gia Định. Đã đi với gia đình qua Mỹ.

Xin liên lạc cho địa chỉ ở bên Đức:

ALY (Mohamed) PALM

Schwabstraße 34 A

70197 Stuttgart - Germany.

Tel: 0049 - 711 - 615 28 36

NHẮN TIN

• TÌM "ANH EM TA"

Nhóm **C/TSQVN** hiện cư ngụ tại **Đức Quốc**. Mong nối lại vòng tay **C/TSQVN** khắp **Âu Châu** (nhất là tại **Đức Quốc**).

Liên lạc về: **Trần Ngọc Nam**
Schubertweg 11. 78713 Schramberg
Email: **ngocnam2@yahoo.de**



PHÂN ƯU

Được tin buồn, Thân mẫu của anh

NGUYỄN VINH GIÁM

Cụu SVSQ/TVBQGVN:

Cụ Bà Nguyễn Vĩnh Mậu
tức là Maria TRẦN THỊ HÒA

Tạ thế ngày 02.08.2002

tại Tam Kỳ, Quảng Nam.

Thượng thọ 95 tuổi

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng gia đình anh Nguyễn Vinh Giám (Bi), anh Trần Thanh Chiêu (Hoa Kỳ) và nguyện cầu Hương Linh Cụ Maria sớm về Nước Chứa.

- Ông Bà Vũ Kỳ (Vương quốc Bỉ)

- Ông Bà Vũ Hối (Hoa Kỳ).

PHÂN ƯU

Vô cùng thương tiếc và đau buồn, nhận được hung tin:

ĐC LÊ HÙNG

Chủ tịch Hội Đồng Pháp Quy -

Việt Nam Quốc Dân Đảng

Đã mệnh chung hồi 17 giờ 38 phút,

ngày 10.11.2002 tại Nam Cali

- Hoa Kỳ

Cả cuộc đời của cố ĐC Chủ Tịch đã hiến dâng hoàn toàn cho VNQDD, chúng tôi, những Đảng Viên hậu bối thuộc Đảng Bộ Châu Âu nguyện lấy tấm gương hy sinh của cố ĐC Chủ Tịch làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động Đảng.

Thành kính chia buồn với Trung Ương VNQDD và tang quyến. Nguyện cầu Hương Linh cố ĐC Chủ Tịch sớm về nơi tiên cảnh.

Đồng kính bái:

-Ban Chấp Hành và toàn thể Cán bộ cấp thuộc ĐBCÁ-VNQDD.

-BCH, Cán bộ và Đảng Viên Khu Bộ Yên Bái.

-BCH, Cán bộ và Đảng Viên Khu Bộ Xá.

-BCH, Cán bộ và Đảng Viên Khu Bộ Phan Bội Châu.

-BCH, Cán bộ và Đảng Viên Phân Bộ Hoàng Đạo.

-BCH, Cán bộ và Đảng Viên Phân Khu Bộ Trần Nhật Đồng.



PHIẾU ỨNG HỘ

Họ và Tên

Địa chỉ

Số tiền

Giấy chứng nhận khai thuế Có : Không

Độc giả mới : Độc giả cũ :

-BCH và Đảng Viên Chi Bộ Vũ Hồng Khanh.
 -BCH và Đảng Viên Chi Bộ Phạm Văn Khuê.
 -BCH và Đảng Viên Chi Bộ Ngô Văn Du.
 -BCH và Đảng Viên Chi Bộ Thăng Long.
 -BCH và Đảng Viên Chi Bộ Bùi Tú Toàn.
 -BCH và Đảng Viên Chi Bộ Lê Hữu Cảnh.
 -BCH và Đảng Viên Chi Bộ Phạm Nhận.
 -BCH và Đảng Viên Chi Bộ Cô Giang.
 -Chủ Nhiệm, Chủ Bút, Ban Biên Tập, Ban Quản Trị, Ấn Loát Tạp Chí Dân Văn.
 -Chủ Nhiệm Thư Xã Nhượng Tống - ĐBCÁ-VNQQĐĐ.
 -Ông Nguyễn Văn Tộ, Hội Trưởng Hội Tình Thương Đức Quốc.
 -Ông Lê Xuân Hồng, Chủ Tịch Hội NVTNCS tại Hamburg (Germany).

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Nam Mô A Di Đà Phật
 Gia đình chúng tôi vô cùng thương tiếc báo tin cùng thân bằng quyến thuộc, chư Đạo hữu gần xa là: Bà Cố, Bà Nội, Bà Ngoại và Thân Mẫu của chúng tôi: Úu Bà Di Giới

BÀ NGUYỄN THỊ HƯỜNG

Pháp danh Hoa Đạo
 Sanh năm 1932.

Tử trần vào lúc 19g40 ngày
**26.09.2002, nhằm ngày 20.08 năm
 Nhâm Ngọ,**
 tại Oberhausen - Đức Quốc. Hưởng
 thọ 71 tuổi.

Gia đình chúng tôi đã thỉnh Thượng Tọa Thích Minh Phú đến tại tư gia để làm: Lễ Phát Tang vào ngày 29.9 lúc 11g tại Oberhausen.
 Lễ Cầu Siêu vào ngày 30.9 lúc 11g tại nghĩa trang Oberhausen
 Lễ chính thức an táng tại nghĩa trang Phật Giáo Việt Nam tại Mönchengladbach vào ngày 17.10.2002 lúc 11g.

Chúng con / chúng tôi xin chân thành tri ân:

-Thượng Tọa Thích Minh Phú, Trụ trì chùa Thiện Hòa Mönchengladbach
 -Chú Huyền Đạo, chùa Thiện Hòa
 Đã chủ trì tang lễ cho Thân Mẫu chúng con và cũng không quên cảm tạ quý Bác, quý Anh Chị xa gần đã điện thoại, Phúng điệu, chia buồn cũng như đến cầu nguyện và tiễn đưa Hương Linh, Bà Cố, Bà Nội, Bà Ngoại và Thân Mẫu của chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng.
 Số tịnh tài của quý Bà con Cô Bác xa gần đi Phúng điệu là 1.410 Euro. Gia đình chúng tôi đã gửi về chùa Thiện Hòa ủng hộ xây chùa mới, để hồi hướng cho Hương Linh của Thân Mẫu chúng tôi nhờ Tam Bảo lực gia hộ được cao đăng Phật Quốc.
 Trong lúc tang gia bối rối, chắc chắn không thể tránh khỏi những điều sơ suất. Kính xin quý vị niệm tình hoan hỷ cho. Thành kính tri ơn.
 Tang gia đồng kính bái
 -Rudolf Thomas

-Trưởng Nam: Nguyễn Việt Cường cùng vợ và các con (Việt Nam, Đức)
 -Thứ Nam: Nguyễn Hoàng Nam cùng vợ và con (Đức)
 -Thứ Nam Nguyễn Hoàng Dung cùng vợ và các con (Đức)
 -Thứ Nam: Nguyễn Văn Bằng cùng vợ và các con (Đức)
 -Trưởng Nữ: Nguyễn Thị Bạch Ngọc cùng chồng và các con (Đức)
 -Thứ Nữ: Erika Thomas và con (Đức)

CHIA BUỒN

Chúa đã đột ngột cất cháu
NGUYỄN, KAREN HƯỜNG
12.08.1979 - 17.10.2002,
Padova, Ý

ra khỏi vòng tay thương yêu của bố mẹ, vĩnh viễn xa người thân, bạn hữu. Chúng tôi xin được chia sẻ sự mất mát quá lớn này với anh chị Nguyễn Học Tập và thân quyến.
 Xin Hương Lan cùng với chúng tôi cầu Chúa cho bố mẹ nhiều nghị lực để vượt qua được nỗi trống vắng và cơn thử thách quyết định này.
 -Phong trào Giáo dân Việt Nam hải ngoại
 -Liên đoàn Công giáo Việt Nam tại Đức
 -Tổ chức Free Vietnam Forum
 -Phong trào Quốc dân Việt Nam Hành động

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi vô cùng thương tiếc báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và bạn hữu xa gần, Chồng, Cha, Ông của chúng tôi:

ÔNG TRỊNH VĂN THOA

Pháp danh Thiện Pháp
 sinh năm Đinh Mão (08.04.1927)
 đã tử trần ngày 25.10.2002, tức ngày
**20.09 Nhâm Ngọ, tại Bá Linh, Đức
 Quốc.**

Hưởng thọ 76 tuổi.

Lễ an táng đã cử hành lúc 11 giờ 30
 ngày 19.11.2002

Đồng thời gia đình chúng con, chúng tôi

xin thành kính tri ân
 -TT Thích Như Điển, Viện chủ chùa Viên Giác.
 -ĐĐ Thích Hạnh Tấn, Phó Viện chủ chùa Viên Giác cùng đại chúng.
 -Sư Bà Thích Nữ Diệu Tâm, Viện chủ chùa Bảo Quang Hamburg cùng Ni chúng.
 -Ni Sư Thích Nữ Hạnh Nghiêm đến từ Việt Nam.
 -Ni Sư Thích Nữ Diệu Chỉ, Trụ trì chùa Bảo Vân quận Bình Thạnh Việt Nam.
 -Ni Sư Thích Nữ Diệu Phước, Trụ trì chùa Linh Thứu Berlin cùng Ni chúng.
 -Sư Cô Thích Nữ Như Giác đến từ Việt Nam.
 -Chi Hội Phật Tử chùa Linh Thứu.
 -Đại diện Tổ chức Liên Minh Dân Chủ Việt Nam.

-Cùng toàn thể quý Đạo Hữu, Phật Tử, Bà con bằng hữu xa gần đã điện thoại, phúng điệu, chia buồn cũng như cầu nguyện cho Chồng, Cha và Ông của chúng con, chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng. Xin chân thành cảm tạ và tri ân sự quan tâm này đến với gia đình chúng con, chúng tôi.
 Trong lúc tang gia bối rối chắc chắn không tránh khỏi những điều sai sót, kính mong quý vị niệm tình hoan hỷ cho.

Tang gia đồng kính bái

-Vợ: Bà quả phụ Trịnh Văn Thoa, Nhũ danh Phạm Thị Coóng, Pháp danh Như Quảng.
 -Trưởng nữ: Trịnh Kim Dung, Pháp danh Diệu Hòa cùng chồng và các con tại Việt Nam.
 -Thứ nữ: Trịnh Kim Phượng, Pháp danh Diệu Hoàng (Đức Quốc).
 -Trưởng Nam: Trịnh Quang Minh, vợ và các con (Đức Quốc)
 -Thứ nam: Trịnh Quang Phúc, vợ và các con (Đức Quốc)
 -Thứ nam: Trịnh Quang Đức, vợ và các con (Đức Quốc)
 Cùng các cháu: Nguyễn Duy Thanh, Nguyễn Duy Bình, Nguyễn Duy Vượng.

CẢM TẠ

Chúng con, chúng tôi xin chân thành tri ân và cảm tạ:
 - Chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni Chùa Viên Giác.
 - Quý Đạo Hữu trong Ban Hộ Trì Chùa Viên Giác
 đã tổ chức lễ cầu siêu và hộ niệm trong 7 Thất cho em chúng con, chúng tôi là:
BÀ NGÔ THỊ CÚC MAI TỰ HIẾN
Mất ngày 28.09.2002
nhằm ngày 22.8 Nhâm Ngọ
Hưởng thọ 67 tuổi.
 - Gia đình Thị Tâm Ngô-Văn-Phát

CÁO PHÓ

Gia đình chúng con (chúng tôi) vô cùng đau đớn và thương kính báo tin cùng tất cả thân bằng, quyến thuộc xa gần: Mẹ, Nội, Ngoại, Cố của chúng con (chúng tôi) là:

BÀ TRẦN THỊ THƯỜNG

Pháp danh Diệu Hạnh
 Sanh năm 1926 (Bính Dần)
 đã tạ thế ngày 20.11.2002 (lúc 17g30
 giờ tại Việt Nam) nhằm ngày 16 tháng
 10 ăi năm Nhâm Ngọ.
 Hưởng thọ 78 tuổi.

Lễ phát tang tại tư gia Việt Nam ngày 21.11.2002 (ngày 17.10 Âm lịch năm Nhâm Ngọ).
 Lễ hỏa thiêu - Trà Tỳ cử hành tại Việt Nam ngày 23.11.2002 (lúc 6 giờ sáng, giờ Việt Nam) nhằm ngày 19 tháng 10 âm lịch năm Nhâm Ngọ.

Tang gia đồng kính bái

Các con và các cháu:

- Trưởng nữ - Hiếu nữ: Gđ Võ Thúy Sương, Pháp danh Diệu Thủy, Chồng, con, cháu tại Việt Nam và Thụy Sĩ.
- Trưởng nam: Gđ Võ Toàn Trung, Pháp danh Hoàng Tín, Vợ, con, cháu tại Hamburg, Đức Quốc.
- Thứ nữ: Gđ Võ Thị Hoàng Mai, Pháp danh Thị Kiến, các con, rể, cháu tại Hamburg, Đức Quốc.
- Thứ nữ: Gđ Trần Thị Hạnh, Pháp danh Diệu Vân, Chồng, con tại Hamburg, Đức Quốc.
- Thứ nam: Gđ Trần Văn Sang, Vợ, con tại Việt Nam.
- Thứ nam: Trần Văn Giàu.
- Thứ nữ - Hiếu nữ: Gđ Trần Thị Thanh Thủy, Chồng, con tại Việt Nam.
- Thứ nữ: Trần Thị Thanh Vân
- Thứ nam: Trần Văn Ngọc.

PHÂN ƯU

Được tin Thân phụ anh Võ Văn Suối :
BÁC VÕ VĂN BIỂN
 Sinh ngày 02.01.1916
 Tạ thế ngày 21.10.2002
 lúc 7 giờ sáng tại Neukirchen
 Thượng thọ 86 tuổi.

Sự ra đi của Bác Võ Văn Biển là sự mất mát rất lớn trong gia đình anh Võ Văn Suối cùng thân nhân.

Gia đình chúng tôi vô cùng thương tiếc và cùng anh góp lời cầu nguyện Bác sớm về nước Chứa.

-Gđ. Lê Minh Cang, Pforzheim - Đức Quốc.

**ĐỒNG BÀO ĐANG XIN TỶ NẠN
 NIEDER-SACHSEN QUYÊN GÓP,
 CỨU TRỢ NẠN NHÂN BẢO LỤT TẠI
 ĐỨC QUỐC**

Hưởng ứng lời kêu gọi của TCSHNV tại CHLB Đức đa số các anh chị em đang xin Tỵ Nạn tại Niesersachsen nhất là những người còn độc thân dù trong hoàn cảnh thật trắc trở: có người chờ ra tòa, người đã bị bác đơn, người chờ trục xuất chưa biết ngày nào bị trả về Việt Nam... cuộc sống rất khó khăn nhưng anh chị em đã cố quyên góp để giúp đỡ những nạn nhân bảo lụt tại Đức trong thời gian qua.

Tại nhiều địa phương tiểu bang Niedersachsen trong vòng 1 tháng từ 22.08 đến 22.09.02 quyên góp được 1.100 Euro.

Biết rằng số tiền 1.100 Euro của chúng ta quyên góp trong vòng 1 tháng qua so với số thiệt hại do bảo lụt chỉ là những giọt muối bỏ biển, nhưng đã nói lên tình nhân loại, tình người cứu mang nhau trong cơn hoạn nạn, đỡ đần nhau trong cơn nguy khốn bất kể khác biệt màu da, tiếng nói, hoàn cảnh... Chúng tôi (Phạm công Hoàng và Trần văn Các) đại diện các anh chị em đang xin tỵ nạn tại Niedersachsen đến Quốc Hội Tiểu Bang trao số tiền quyên góp cho Đại Diện Quốc Hội Tiểu Bang.

Trao tám ngàn phiếu đến Ông Eggelsmann. Ông Phạm công Hoàng đã đại diện anh chị em chia xẻ những đớn đau, mất mát đến

các nạn nhân cũng như với chính quyền Đức. Ông Eggelsmann đã Đại diện Quốc Hội, nạn nhân, cảm ơn chúng tôi và rất cảm động trước việc làm có ý nghĩa của anh chị em.

Thưa các Anh, Chị, Em,

Nạn nhân nào cũng có những mất mát, đau thương... về vật chất và tinh thần. Tôi không dám và không so sánh 2 hoàn cảnh của các nạn nhân. Nghi về đất nước, quê hương mình, số phận anh, chị em chúng mình hiện tại... Tôi chỉ muốn mượn những dòng chữ này để chia xẻ, tâm tình với các anh, chị em...

Con người ta mất của cải, tài sản... người ta có thể tìm lại được nhưng có 1 thứ mất đi người ta rất khó tìm lại được đó là **quyền làm người, quyền tự do** của con người...

Dân tộc Việt Nam phải được quyền làm người, chúng ta phải được quyền làm người !

(Trần Văn Các)

**HT. Quảng Độ và LM.
 Nguyễn Văn Lý được
 mời sang Mỹ nhận giải
 Nhân Quyền năm 2002**

Theo bản tin chính thức do Văn phòng Ban Phối Hợp Mạng Lưới Nhân Quyền phổ biến đến báo chí ngày 30-10-02, nhân ngày lễ Quốc Tế Nhân Quyền năm nay, Mạng Lưới Nhân Quyền Việt Nam (MLNQ) sẽ long trọng tổ chức đại lễ vinh danh và trao tặng giải thưởng Nhân Quyền Năm 2002 cho Hòa Thượng Thích Quảng Độ và Linh Mục Nguyễn Văn Lý vào chiều Chủ Nhật, ngày 8 tháng 12 năm 2002 tại hội trường tòa thị chính thành phố Westminster, vùng Little Sài Gòn, tiểu bang California, Hoa Kỳ.

Được biết, tại Đại Hội Thế Giới Kỳ V được tổ chức hồi trung tuần tháng 3 năm nay, MLNQ đã đồng thanh quyết nghị vinh danh và trao tặng giải thưởng Nhân Quyền Năm 2002 cho Hòa Thượng Thích Quảng Độ và Linh Mục Nguyễn Văn Lý vì họ là hai nhân vật nổi bật trong năm đã can đảm và kiên trì đấu tranh cho Tự Do Tôn Giáo trong tinh thần bất bạo động và hy sinh cao cả nhất.

Từ thượng tuần tháng 9 năm nay, MLNQ đã gửi thư theo đường bưu điện để mời hai vị này sang Hoa Kỳ nhận giải thưởng Nhân Quyền và trình bày hiện tình vi phạm tự do tôn giáo tại Việt Nam. Vì biết rõ nhà

cầm quyền Hà Nội không tôn trọng tự do trao đổi thư tín, rất có thể bưu điện nhà nước sẽ không chịu trao thư cho HT Quảng Độ và LM Lý, vì thế, MLNQ cũng đã gửi hai thư này qua các đường dây tôn giáo cũng như nhờ Quốc hội Hoa Kỳ và các tổ chức nhân quyền quốc tế chuyển giúp.

Tại đại lễ vinh danh này, ngoài sự tham dự của nhiều vị lãnh đạo các tôn giáo và các tổ chức đấu tranh, cộng đồng người Việt, cũng sẽ có sự tham dự của nhiều giới chức dân cử Hoa Kỳ và đại diện các tổ chức nhân quyền quốc tế.

Nhân dịp này, Mạng Lưới Nhân Quyền tha thiết kính mời đồng bào tham dự thật đông để bày tỏ lòng ngưỡng mộ nồng nhiệt và tích cực ủng hộ của người Việt hải ngoại trong công cuộc đấu tranh vô cùng gian nan vì Tự Do Tôn Giáo mà Hòa Thượng Thích Quảng Độ và Linh Mục Nguyễn Văn Lý đã hy sinh và kiên trì theo đuổi chỉ vì phúc lợi của 80 triệu đồng bào ruột thịt tại quê nhà.

(Tin Báo Chí ngày 30.10.2002)

**Hòa Thượng Thích
 Quảng Độ được Human
 Rights Watch trao giải
 Nhân Quyền Hellman /
 Hammett**

Hoà Thượng Thích Quảng Độ, Lê Chí Quang, Nguyễn Đan Quế, Nguyễn Vũ Bình và Trần Văn Khuê (tức Trần Khuê) là 5 người Việt trong số 37 người thuộc 19 quốc gia được Tổ chức Human Rights Watch trao giải Nhân Quyền Hellman / Hammett.

Giải Nhân Quyền Hellman / Hammett của Tổ chức Human Rights Watch có từ năm 1989, được thực hiện với di sản của hai nhà văn quá cố Hoa kỳ là Lillian Hellman và Dashiell Hammett nhằm hỗ trợ cho những nhà văn trên thế giới đang bị truy bức chính trị vì đã can đảm trình bày quan điểm của mình. Trị giá của giải thưởng này năm nay lên đến 175 ngàn Mỹ Kim.

(Thông cáo Báo Chí ngày 24.7.2002 tại New York)

THÔNG BÁO

**25 NĂM CHÙA VIÊN GIÁC - 25 NĂM BÁO VIÊN GIÁC
LÀ CHỦ ĐỀ SỐ BÁO ĐẶC BIỆT
VIÊN GIÁC 135 THÁNG 6.2003**

Trân trọng thông báo đến:

- những thành viên trong Ban Biên Tập và
- những văn-thi-hữu cộng tác thường xuyên với Báo Viên Giác
- những độc giả của Báo Viên Giác,
- những Đạo Hữu và Phật Tử đã góp công sức xây dựng Chùa Viên Giác

Một lần nữa hãy cùng nhau:

- ghi lại những kỷ niệm trong thời gian cộng tác với tờ báo
- ghi lại những kỷ niệm trong thời gian góp sức công quả trong việc xây dựng ngôi Chùa (từ Niệm Phật Đường cho đến Viên Giác Tự)
- nếu có thể được, xin gửi thêm những hình ảnh sinh hoạt và ảnh của tác giả.

Bài vở và hình ảnh xin chuyển về Tòa Soạn:

Chùa Viên Giác. Karlsruher Str. 6.

30519 Hannover - GERMANY

E-Mail : baoviengiacc@viengiacc.de

E-Mail: bao_vien_giac@web.de

hoặc gửi cho Chủ Bút: E-Mail: vongatuong@yahoo.de

Hạn cuối cùng : **30.4.2003**

Trân trọng
VIÊN GIÁC

PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng xúc động nhận được tin buồn: Thân Mẫu của Đạo Hữu Thiện Thịnh Ngô Anh Kiệt, Chương Mẫu của Đạo Hữu Thiện Vận Trần Ngọc Nhung cư ngụ tại Tübingen

CỤ BÀ PHUỞNG TÚ NGUYỆT

Sanh năm Đinh Mão (1927)

tại Long Mỹ (Việt Nam)

đã về cõi Phật ngày 18 tháng 11 năm 2002

nhằm ngày 14 tháng 10 năm Nhâm Ngọ

tại Günzburg (Đức Quốc)

Hưởng thọ 76 tuổi

Chúng tôi xin thành kính chia buồn với hai Đạo Hữu Thiện Thịnh, Thiện Vận cùng quý tang quyến và xin thành tâm cầu nguyện Hương Linh Cụ Bà sớm Vãng Sanh Cõi Tịnh Độ.

- Niệm Phật Đường Tam Bảo
- Chi Hội PTVNTN Reutlingen & VPC
- Chi Hội Rottweil Tuttlingen & VPC
- Chi Hội Stuttgart & VPC.

HỘP THƯ VIÊN GIÁC

Trong thời gian qua VIÊN GIÁC đã nhận được những thư từ, tin tức, tài liệu, bài vở, bài dự thi "Viết về Âu Châu", kinh, sách, báo chí của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Tôn Giáo và các Văn Thi Hữu khắp nơi gửi đến.

• THƯ TÍN

Trần Văn Huyền (Đức), Phạm Công Hoàng (Đức), Đặng Quang Chính (Na Uy), Thích Huệ Giáo (Thái Lan); Thiện Kim (Đức), Thiện Hậu (Đức), Phan Ngọc (Đức), Lý Đại Nguyên (Mỹ), Nguyễn Hoàng Bảo Việt (Thụy Sĩ), Huy Giang (Đức), Thơ Chi Việt (Đức), Ti Thảo (Đức), Trịnh Hưng (Pháp), Huyền Thanh Lữ (Đức), Trần Thanh Cường; Vân Nương Lê Ngọc Chấn (Pháp), Hà Thượng Nhân (Mỹ), Đoàn Văn Thông (Mỹ), Nguyễn Đình Hưng (Đức), Từ Hùng Trần Phong Lưu & Quỳnh Hoa (Đức), Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế (Pháp), Hồ Trọng Khôi (Pháp), Phù Vân (Đức), T.H.H.Đ. (Đức), Huỳnh Minh Lữ (Mỹ), Vũ Nam (Đức), Võ Triều Sơn (Thông tin viên Đài VNN), Hiếu Đệ (Mỹ), Trần Thị Lộc Quê (Đức), T. Huyền (Đức), Vĩnh Liêm (Mỹ), Nguyễn Minh Cần (Nga), Nguyễn Chí Thành (Đức), Chúc Minh (Việt Nam), Hoàng Sa (Mỹ), Võ Trường Sa (Mỹ), Thiện Căn Phạm Hồng Sáu & Hồng Nhiên (Đức), Cô Nga (Đức), Phạm Trần (Mỹ), Nguyễn Thùy (Pháp), Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn (Úc), Minh Trí (Đức), SH Hà Đâu Đông (Đức), Trần Lệ Tuyền (Pháp), Chùa Khánh Anh (Pháp), Người Quan Sát (Đức), Thích Hạnh Nguyên (Đan Mạch), Ngô Minh Hằng (Mỹ), Song Châu Diễm Ngọc Nhân; Nguyễn Văn Cường (Na Uy), Linh Phong; Hà Ly Mạc; Nguyễn Lê Hoài Việt (Đức), Ý Nga (Canada), Đan Hà (Đức), Ngọc Tuyết (Đức), Giuse Đình Kim Tân (Đức), Cư sĩ Đông Phương Mai Lý Cang (Pháp), Nguyễn Cầu Phạm Tuấn Hoàng (Đức), Nhóm Duy Ma (Pháp), Kim Chi Viên Thành (Pháp), Ngọc Lan (Đức), Đỗ Hương Giang (Đức), Người Giám Biên (Đức).

• BÀI DỰ THI "VIẾT VỀ ÂU CHÂU"

Chuyến bay định mệnh; Quà Tặng Mẹ; Cánh chim lạc đàn; Hai bên biên giới; Quà báo nhân tiên; Lưu vực sông Rhône tại Pháp; Cảnh vật và con người; Mở nhà hàng cơm tại Pháp; Xã hội Pháp dưới con mắt một người Việt Nam tỵ nạn cộng sản; Viết từ đất nước tạm dung; Paris thành phố biết làm thơ; Những đoạn tình tha hương; Viết từ đời thông; Bức thư gửi cho tất cả bạn bè ở Việt Nam; Hồi ký Tây Đức; Giá Tự Do; Hạnh nhân nhục; Lễ sinh nhật.

• KINH SÁCH VÀ BÁO CHÍ

Đức: Familien für den Frieden 9/02; Hören Nr.8; Bàn Tin Tâm Giác số 4; AMFN Nr.18; Việt Nam Dân Chủ số 73; Wissen und Wandel Nr.48/02; Bàn Tin Đức Quốc số 195, 196; Lotusblätter Nr.4/02; Diễn Đàn Việt Nam số 132; Dân Chúa Âu Châu số 241; Dân Văn số 88; Bàn Tin Cao Niên tháng 10 + 11/02; Development and Cooperation Nr.6; Développement et Coopération Nr.6; Entwicklung und Zusammenarbeit Nr.11; Ethn Trade Nr.02; Kursprogramm 2003 - Buddha Haus - Metta-Vihara; Rundbrief Buddha Haus Nr. 11; Dân Chủ Phát Triển số 24; Social Responsibility A Commitment to the future 2002.

Pháp: Đặc San Nặng Gỗ số 19; Khánh Anh Bàn Tin 10/02; Nhân Bàn số 15, 16, 17; Phật Pháp số 10; Tiếng nói Người Việt Quốc Gia số 24; Bàn Tin Quân Nhân số 11; Việt Nam Dân Chủ số 74.

Bỉ: Tự Do Dân Bàn số 91.

Hoa Kỳ: Niệm Phật cách nào chắc được vãng sanh? của Cư sĩ Tịnh Hải biên soạn; Trà ta sông núi của Phạm Văn Liễu (Hồi ký 1); Chân Trời Mới số 10/02; Đất Lành số 9, 10; Trúc Lâm số 22; Nguồn Đạo số 57; Tin Lành số 80, 81; Tổng Hội Từ Nhân Chính Trị Việt Nam.

Ấn Độ: Amita July/02.

Đài Loan: Thiên Phật Sơn số 162; Ch'ien Fo Shan Magazine Taipei.

Việt Nam: Kinh Diệu Pháp Liên Hoa thông nghĩa - Chùa Từ Tân.

Úc Đại Lợi: World Buddhist Sangha Council - Executive Conference - Sydney 2001.

Phương danh cúng dường

(Tính đến ngày 01.12.2002)

Trong thời gian gần đây, Chùa có nhận được tiền của quý Đạo Hữu gửi bằng cách chuyển qua Ngân Hàng hay bằng Bưu Phiếu, nhưng không có ghi rõ mục đích. Thí dụ như Cúng Dường, Tu Bồ Chùa, Ấn Tống Kinh, Pháp Bảo, trả tiền bánh trái v.v....

Ngoài ra có Đạo Hữu nhờ người khác đứng tên chuyển tiền nhưng không rõ là chuyển tiền dùm cho ai để Cúng Dường hoặc thanh toán về vấn đề gì. Do đó khi nhận được tiền, Chùa không thể nào ghi vào sổ sách được.

Để tránh những trở ngại nêu trên, kính xin quý Đạo Hữu khi chuyển tiền hoặc gửi tiền về Chùa nhớ ghi rõ Họ & Tên, địa chỉ đầy đủ và mục đích để Chùa tiện ghi vào sổ sách.

Ngoài ra khi quý vị xem Phương Danh Cúng Dường xin đọc phần trên cùng là tính đến ngày...? tháng...? để biết rằng tiền đã chuyển đi ngày nào và tại sao chưa có tên trong danh sách. Chùa có 2 số Konto. Riêng số 870-3449 thì Một Tháng ngân hàng mới báo một lần, nên có sự chậm trễ đăng tải danh sách trên báo. Kính xin quý vị thông cảm cho.

Thành thật cảm ơn quý Đạo Hữu.

Danh sách PDCD của quý Đạo Hữu và Phật Tử, chúng tôi xin phép chỉ đánh máy một lần chữ ĐH (Đạo Hữu) ở bên trên.

● TAM BẢO

ĐH. Nguyễn Thị Phúc Hạnh 10€. Lý Khánh Minh 30€. Đặng Bạch Yến (Suisse) 100FS. Nguyễn Thanh Lý 100€. Đỗ Văn Khuê (Lindau) 30€. Friedr. Wilk. Klein (Bramsche) 10€. F. Glorices 25€. Trần Văn Thuyền 10€. Võ Thị Mỹ Dung (Hòa Lan) 10€. Đỗ Thị Khương (") 30€. Trương Việt Tuấn 5€. Trần Minh Tuấn 10€. Nguyễn Thị Mai Lan (Berghausen) 5€. Family Điền 20€. Family Đặng 5€. Hoàng Văn Tịnh (Pfinztal) 10€. Mark Bnecker (Lehrte) 50€. Phạm Công Trung (Lichtenfelds) 10€. Trần Thanh Hoa 10€. Hoàng Hưng Tường 10€. Felix Ng. Heng Seong 5€. Nguyễn Quốc Hoàn (Osterode) 10€. Hoàng Tú Nam 5€. Trương Thị Kim Hương 10€. Quan Hữu Chí 15€. Hoa Giglberger (Nürnberg) 20€. Nguyễn Đức Anh 11€. Nguyễn Yuang Frenkger 10€. Ấn danh (Berlin) 20€. Quý Cô Sa Di Ni chùa Linh Thứu (Berlin) 200€. Các giới tử Tu Bát Quan Trai (") 100€. Tâm Nghĩa (") 50€. Nguyễn Đình & Tâm Bích (") 500€. Trần Thị Hồng Sâm (Pháp) 50€. Nguyễn Nga (Mannheim) 100€. Trương Thị Kim (Dingolfing) 20€. Trần Quý Minh (Grenbroich) 20€. Thanh - Trung (Hannover) 50€. Đỗ Thị Minh Huệ (Hamel) 10€. Công Chung & Tuyết Lan (Dresden) 10€. Đặng Thị Nguyệt (Herne) 50€. Mai Hồng Tuấn (Lauschatz) 30€. Đường Văn Phương (Neuss) 20€. Thiệu Hiền (") 20€. Võ Thanh Nao (") 20€. Đỗ Ngọc Oanh (Garbsen) 5€. Đặng Künneze (Hannover) 5€. Trương Thị Bích Nga Voigt 10€. Đặng Kim Thu 5€. Katherine Leuzer 2€. Mai - Loi (Langenhagen) 10€. Nguyễn Văn Thắng 30€. Nguyễn Thị Tuyết 7€. Hoàng Ngọc Bảo (Việt Nam) 10€. Phạm Thị Yến (") 20€. Đào Thị Thúy Hiền (Berlin) 30€. Hằng Teickner (Langenhagen) 20€. Trần Thị Lệ Hương (Reutlingen) 30€. Văn Ngọc Xuân (Regensburg) 30€, HHHL ĐH Văn Ngọc Ngộ. Fam. Vương (Borkum) 500€, HHHL Thân Mẫu. Nguyễn Phương Tâm (Mannheim) 5€. Lê Văn Nam (Saarburg) 10€. Tô Bích Lang (Dieburg) 10€. Khúc Văn Mai 20€. Nguyễn An Khanh 25€. Tsang (Rietberg) 30€. Yen Dick 100€. Phạm Kim Hạnh (Ratingen) 4€. Nguyễn Ánh Thủy (Wuppertal) 4€. Thiệu Mân (Tuttlingen) 50€. Chi Hội Phật Tử VNTN tại Reutlingen 300€. Phúc (Sigmaringen)

50€. GĐĐH Chiêm Thị Hiền (Reutlingen) 1.000€. Thị Huệ (Regensburg) 20€. Quy Nguyễn (München) 50€. Nguyễn Hữu Kiểm (Sindelfingen) 50€. Thiệu Giới (") 50€. Ấn danh 20€. Nguyễn Thị Kiều Hạnh (Obersdorf) 50€. Huỳnh Nguyễn (Mosbach) 20€. Vũ Tiến Long (Markanstaedt) 20€. Lê, Trần (Hannover) 20€. Thiệu Mân (Empelde) 10€. Nguyễn Ngọc Hoàng 20€. Phạm Thanh Bình (Osterode) 15€. An & Sen (Dresden) 20€. Thái Văn Thông 200€. Nguyễn Tăng Phi Long 25€. Fam. Lâm 10€. Trần Thị Thu Hà (Sömmarda) 50€. Fernding Hendrich (Vechta) 10€. Phan Thanh Hải (Lehrte) 10€. Huỳnh Thị Lệ Mỹ (Mosbach) 10€. Sascha 2,20€. Trần Qui Minh (Grenbroich) 20€. Nguyễn Thị Bình (Rosengarten) 20€. Nguyễn Đình Hưng (Saarbrücken) 20€. Nguyễn Thị Kim Chi (Lindenberg) 4€. Đỗ Tuyết Phương (Mannheim) 30€. GĐĐH họ Trịnh (Berlin) 300€, HHHL ĐH Trịnh Văn Thoa Pd Thiệu Pháp. Trần Văn Dương (Wittlich) 10€. Nghiêm Xuân Hương (Kupferzell) 4€. Hoàng Hoài Thu & Mươi (Stolberg) 20€. Nguyễn Thị Kim Loan 20€. Nguyễn Thị Mỹ Lệ (Hamel) 5€. Hà Hưng (Hannover) 30€. Đinh Văn Tuyển (Duderstadt) 20€. Bùi Nguyễn Đức Đoá (Halberstadt) 50€. Đào Thị Năm (Sargerhausen) 10€. Thiệu Hội (Mannheim) 10€. Hoàng Thị The (Stolberg) 10€. Tạ Gia Chánh 100€. Soinson Soison 5€. Jantana Imkasen 70€. Anh Tùng & Anh Tuấn (Bielefeld) 10€. Thiệu Từ (Wiesbaden) 40€. Thiệu Chánh (") 20€. Ấn danh (Bi) 50€. Thiệu Đăng & Công Khanh (Langen) 50€. Chi Hội Phật Tử VNTN tại Frankfurt 150€. Nguyễn Thị Ngao (Aschaffenburg) 20€. Thiệu Huệ + T. Tịnh + T. Vũ (Frankfurt) 50€. Chùa Phật Bảo Bartrup 500€. Lê Thị Kim Phương (Kierspe) 10€. Nguyễn Hào 30€. Trần Than Pháp 20€. Huỳnh Trọng Hiếu (Ingolstadt) 20€. Viên Tuyết (Laatzten) 30€. Brigitte Kraft 20€. Nhật Trọng (Mannheim) 200€, HHHL Thân mẫu Trần Thị Mười Pd Nhật Mỹ tuần bách nhật. Trần Văn Đẩu 40€. Trần Thị Thùy Anh (Freising) 50€, HHHL Trần Thùy Trang. Nguyễn Quang Chánh (Wurzen) 50€. Lý Khánh Minh 30€. Nguyễn Theodore (Pháp) 4€. China Rest. Dynastie (Watenbüttel) 50€. Đào Phù Dung (Anh quốc) 20 Anh kim. Viên Đệ (") 20 Anh kim. Lưu Đông Thuận (") 10 Anh kim. Lê Minh Cang (Pforzheim) 10€. Đinh Đức Thắng (Bruchsbach) 14€. Ngọc Thanh (Aurich) 50€. Tâm Thiệu (") 50€. Trần Thị Năm (") 20€. Huỳnh Thị Hậu (") 10€. Thiệu Long (") 10€. Hoàng Tùng (") 20€. Thiệu Hồng (") 50€. Khai Ngô (") 10€. Thiệu Đạo (") 2€. Khai Hào (") 5€. Thiệu Vũ (") 10€. Thiệu Hào (") 10€. Phạm Thị Lãm (") 20€. Nghiên (") 20€. Nguyễn Thị Sánh (") 20€. Mưa (") 50€. Lâm Thị Diễm (") 10€. Huỳnh Thị Khuyển (") 10€. Thiệu Ngọc (") 10€. Thiệu Thuận (") 20€. Diệu Hòa (") 20€. Chin (") 20€. Thiệu Mỹ (") 50€. Dương Ngọc Sương (") 10€. Diệu Đức (") 10€. Thiệu Căn (") 50€. Thái Kim Lâm (") 50€. Thái Văn Mùi (") 50€. Nguyễn Thu (") 60€. GĐPT Minh Hải 75€. Thị Thiệu (Bremen) 30€. Nguyễn Trí (Wilhelmshaven) 20€. Chi Hội PTVN Bremen 50€. Nguyễn Sanh Sứ (Suisse) 50FS. Nguyễn Quốc Hiếu (Việt Nam) 5€. Nguyễn Đức Hoàn (Extertal) 10€. Trịnh Cao Phong (Việt Nam) 10€. Nguyễn Cao Đạc (") 2€. Nguyễn Đức Hân (") 2€. Lâm Mục Trân 5€. Hải + Hà (Hamel) 10€. Ting 5€. Phạm Văn Hải & Hiền 10€. Chu 5€. Nguyễn Thị Kiều Liên 50€. Bernhard 10€. Erken Steffen + Dũng 10€. Blumenthal 10€. Nguyễn Thượng Hải (Berlin) 20€. Cát Tuấn & Lý 20€. Ting Ting 10€. Giru 10€. Võ Thị Lý (Erlangen) 5,60€. Nguyễn Thị Bình (Rosengarten) 100€. Nguyễn Thị Nhung (Homburg) 30€. Ngô Thị Kim Loan (Cloppenburg) 10€. Nguyễn Bạch Ngọc (Fürth) 40€. Lydia Nguyễn (Úc) 30 Úc kim. Nguyễn Hữu Dong 30€. Nguyễn Thanh Trúc (Suisse) 20FS. Đặng Phúc Tiến & Trần Tú Oanh (Nürnberg) 50€. Nguyễn Thị Thu Hồng

(Donaueschingen) 30€. Thái Phương Hi (D'dorf) 50€. Văn Hiệp (Koblenz) 20€. Bùi Thị Thanh Xuân (Schweinfurt) 30€. Dietrich Teickner 320€. Đặng Thị Thu Vân (Alten Erding) 10€. Trung & Thủy 50€. Hằng Lợi (Laatzten) 50€. Đặng Phẩm Hoa (Hannover) 20€. Hoàng Thị Thịnh (Việt Nam) 20€. Hùng + Hà + Tý (Hannover) 50€. Giác An (") 20€. Weinsich (") 30€. Diệu Minh (Torgau) 10€. Trần Thị Hải Yến (Ebingen) 20€. Huỳnh Thị Liên (Döbeln) 50€. Lê Văn Chuyên (Hottenmölsen) 50€. Trần Quang Trung (Oberhausen) 50€. Hồ Ngọc Anh Huy (Göttingen) 10€. Dung Thu (Langenhagen) 5€. Cao (HH) 20€. Đoàn Tuyết Anh 50€. China Rest. Peking (Hamburg) 20€. Sui-Song Tjiong (") 20€. Louis Tjiong (") 20. Ricci Janny (") 50. Huỳnh Hữu Danh (") 10€. Ngọc Hà 10€. Igor Krywen (Hannover) 5€. Sarika Pong Petch 10€. Trần ĐìnhThạch (Rostock) 20€. Pisamai 10€. Nguyễn Đức Trụ (Bottrop) 50€. Võ Thị Bích (Torgau) 20€. Lê Khắc Huy 5€. Hồ Đình Tường & Ngô Thị Cho (Việt Nam 25€. Nguyễn Đức Hiệp (Aschersleben) 20€. Nguyễn Thu Hà (Empelde) 10€. Nguyễn Thị Hòa (Việt Nam) 60€. Phạm Thị Dung 20€. Phan Trương Trần Vũ 10€. Viên Tuyết (Laatzten) 30€. Nguyễn Văn Phúc (Dortmund) 320€. Ngô Thị Nhị (Münster) 50€. Lâm Thị Đạo (") 500€. Trương Thị Hằng (") 50€. Trương Thị Diễm (") 50€. Thiệu Lý Tăng Thị Bích Phân (") 20€. Diệu Hương (") 50€. Lê Văn Tư (") 10€. Lê Văn Hoàng (") 100€. Mã Văn Lợi (") 20€. Phan Vinh Quang (") 30€. Qui (") 50€. Lê Thị Ngọc Hiền (") 20€. Châu Ái Hương (") 50€. Nguyễn Đỗ Tố Nga (") 15€. Mai Thị Tuyên (") 5€. Trương Giang (") 25€. Nguyễn Thị Thế (") 30€. Đỗ Thị Đệp (") 30€. Phạm Bích Hà (") 5€. Nguyễn Bá Lộc (") 20€. Yin Lôi (") 10€. Trần Văn Biểu (") 50€. Ngô Trường Pháp (") 10€. Dr. Hồ Hữu Vện (") 400€. Nguyễn Phạm (") 20€. Hoàng Ngọc Hoa (") 50€. Nguyễn Thị Ánh (") 20€. Trương Vinh Khương (") 20€. Lý Hồng Diễm (Krefeld) 30€. Thiệu Hội (Đan Mạch) 500Kr.

● BẢO VIÊN GIÁC

ĐH. Đỗ Luân (Leipzig) 15€. Đặng Bạch Yến (Suisse) 100FS. Văn Búp Trần (Berlin) 10€. Trịnh Văn Mến (Ludwigshafen) 20€. Nguyễn Hồng Ngọc (Lebach) 20€. Trang Mimi (Michelstadt) 20€. F. Glorices 10€. Nguyễn Thơ (USA) 20US. Lâm Thị Liễu (Bi) 30€. Nguyễn Văn Công (Lindau) 5€. Trần Bá Kiệt (Geretsried) 5€. An Bannach (Vechta) 20€. Thanh Tin Vũ (Essen) 15€. Phạm Văn Đăng 15€. Nguyễn Ngọc Hoa (Mülheim) 30€. Nguyễn Thị Hằng 15€. Hiếu Hiền Đình (Bonn) 30€. Lê Văn Học (Viersen) 20€. B. Mai (Rastede) 20€. Nguyễn Thị Sương (Đan Mạch) 20€. Trần Văn Huyền (Reutlingen) 20€. Nguyễn Thị Tu (Pháp) 15€. Lý Thị Kim Huệ (Pháp) 30€. Nguyễn Kim Anh (") 30€. Trương Ngươn Amélie (") 20€. Nguyễn Đức Ninh (Steinheim) 15€. Hoài Ziang Duy (USA) 100US. Lê Kim Hương (Heilbronn) 50€. Nguyễn Thành Tập (Berlin) 19€. Fam. Vương (Borkum) 100€. Vương Khắc Vũ (") 50€. Lý Khắc Châu (Leipzig) 50€. Hà Ngọc Kim Loan (Erfstadt) 255,69€. Huỳnh Văn Hiệp (Reutlingen) 15€. Huỳnh Hữu Hạnh (Zell) 34€. Chu Văn An (Dresden) 20€. Nguyễn Dương (Frankfurt) 10€. Nguyễn Thị Nam (Pháp) 10€. Mong Thế Cao (") 20€. Nguyễn An Khanh 25€. Nguyễn Thị Chúet (Áo) 50€. Đỗ Kim Thềm (D'dorf) 50€. Nguyễn Thị Mạc (Hannover) 20€. Vũ Văn Thanh 15€. Huỳnh Duy Long (Steinach) 10€. Kim Nguyễn (München) 260€. Dương Tường (Reutlingen) 20€. Hàn Cường (") 20€. Hàn Hiền Quang (Stuttgart) 20€. Jasmin Nguyễn (Sindelfingen) 10€. Nguyễn Thị Kiều Hạnh (Obersdorf) 50€. Lê Thị Bạch Ngọc (Oberhausen) 100€. Bùi Hữu Nghĩa (Gelsenkirchen) 10€. Nguyễn Vũ Bằng (Ottweiler) 15€. Phan Lạc Giản (Pháp) 50€. Nguyễn Thị Phương (Gutach) 15€. Đặng Ngọc Hiến (Trier)

20€. Trần Tứ Kính (freiburg) 5€. Hồ Chí Hòa (Pháp) 30€. Nguyễn K. Tân (Ravensburg) 24€. Vũ Thái Trường Daniel 20€. Quách Minh (Peissenberg) 115€. Nguyễn Thị Tịnh (Diepholz) 14€. Vũ Kim Ngân (Berlin) 10€. Lê Thị Kim Phượng (Kierspe) 15€. Duy Nguyễn (USA) 30US. Nguyễn Thị Cẩm Tú (Đan Mạch) 20€. Bùi Trần Thị Trai (Suisse) 20€. Nguyễn Văn Hoa 20€. Cao Văn Đạt (Borken) 10€. Nguyễn Thị Yến Nga (Frankfurt) 10€. Nguyễn Văn Xuân (Reutlingen) 20€. Phùng Khắc Khoan (Ý) 20€. Thích Linh Phong (Pháp) 20€. Bùi Văn Quê 15€. Nguyễn Tu Hà 20€. Lê Nhất Thanh 15€. Cheung Yuk Ning (Springe) 50€. Lê Minh Cang (Pforzheim) 15€. Nguyễn Văn Tiến (D'dorf) 10€. Lê Thị Tâm (Pháp) 50€. Trần Toàn Xuân (Böblingen) 50€. Lưu Vinh (Hòa Lan) 20€. Thương Ziegler (Bayreuth) 20€. Châu Bảo Chương (") 25€. Vũ Thế Phiệt (Ý) 20€. Trần Ngọc Nam (Schramberg) 10€. Nguyễn Thị Kim Hồng (Nettetal) 19€. Nguyễn (Karlsruhe) 20€. Nguyễn Bạch Ngọc (Fürth) 29€. Đào Huỳnh Thị Tuyết (Suisse) 62,28€. Lê Thọ Văn (Leonberg) 30€. Phạm Đức Huy (Neustadt) 260€. Nguyễn Thị Bê (Hòa Lan) 20€. Đặng Thanh Hải (") 15€. Trịnh Bạch Tuyết (Áo) 10€. Trần Quốc Vinh (Castrop) 15€. Nguyễn Hữu Dong 15€. Phạm Tuấn Khanh (Wüstenrot) 100€. Trương Văn Hiếu (Nettetal) 25€. Phạm Thị Ngọc Nhật (Ahlhorn) 15€. Nguyễn Văn Thuận 78€. Huỳnh Cuối Liễu (Tettngang) 15€. Phạm Văn Sơn (Anh quốc) 5 Anh kim. Trần Văn Bằng (Brilon) 10€. Thiện Thanh & Thiện Niệm (Hannover) 50€. Trần Văn Sanh (Reutlingen) 20€. Trần Khương Ninh (Steinfurt) 20€. Mario Vichweger (Bückerburg) 20€. Trương Quan Phúc (Moschheim) 10€. Trần Thị Thủy (Bamberg) 50€. Nguyễn Thị Nhung (Pháp) 50€. Trần Ngọc Quan (Frankfurt) 15€. Trần Thu Hằng (Datteln) 15€. Lê Văn Lộc (Dingolfing) 10€. Võ Hồ Kim Thanh (Ulm) 20€. Nguyễn Thị Kim Cúc (Wülfrath) 15€. Phan Ngọc Đánh (Offenbach) 10€. Vũ Thị Kiều Hạnh (Eendingen) 25€. Trương Trần (München) 20€. Bethi Leidner (Eisserthal) 20€. Dương Thị Xuân Nương (Pháp) 20€. Phùng Vinh 30€. Khúc Văn Mai (Koblenz) 20€. Bùi Thị Thanh Xuân (Schweinfurt) 20€. Võ Thị Thu (Großholbad) 50€. Trần Mạnh Thắng (Hildesheim) 100€. Lưu Thị Huỳnh (M'Gladbach) 10€. Đỗ Thị Thanh Vân 14€. Bích Huỳnh 260€. Ngô Xuân Nguyên (Gütersloh) 15€. Ngọc Hà 10€. Bùi Thị Thu Dung (Bispingen) 10€. Mã Diệm Anh (Bielefeld) 16€. Phạm Xuân Bằng (Ansbach) 14€. Trần Thị Tươi 25€. Thanh Tâm (Landau) 30€. Hồ Thị nHi6 (Münster) 15€. Thiện Trọng (") 50€. Thiện Lý Tăng Thị Bích Phân (") 20€. Bùi Văn Sắc (") 50€. Trương Giang (") 25€. Nguyễn Thị Thế (") 25€. Đỗ Thị Đẹp (") 20€. Phạm Bích Hà (") 15€. Hồ Thị Hương (") 15€. Lý Kim Phượng (") 20€. Trương Vĩnh Khương (") 20€. Phạm Minh Thông (") 10€. -

● ẨM TỐNG

ĐH. Nguyễn (Heppenheim) 100€. Lê Thị Lệ Thọ (Vettelschloss) 100€, HH cầu an Thân mẫu Từ Thị Quyên. Đặng Thị Nguyệt (Herne) 50€. Lý Khắc Châu (Leipzig) 20€. Vũ Khai Văn (Krefeld) 10€. Lý Quan (Coswig) 10€.

● TƯỢNG QUAN ÂM THIÊN THỦ THIÊN NHÃN

ĐH. Lâm Kim Khánh (M'Gladbach) 50€.

● KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Đh. Huỳnh Ánh Mỹ + Xuân Mai 100€.

● MỘT TƯỢNG PHẬT

ĐH. Dagma Doko Waskönig (Hannover) 100€, HLĐH Johanna Bulkins.

● ẨM TỐNG ĐẠI TẶNG KINH TIẾNG VIỆT TẶNG CHÙA VIÊN GIÁC

Đh. Lê Thị Bạch Ngọc (Oberhausen) 70€.

● TRAI TẶNG

Đh. Lê Kim Hương (Heilbronn) 50€. Lý Quan (Coswig) 10€. Thiện Văn + Tịnh trí (Karlsruhe) 200€, HHHL ĐH Tôn Nữ Thị Tuy Pd Đạo Minh, tuần 49 ngày. Nguyễn Florian 10€. Nguyễn Hạnh Trinh (Künzelsau) 50€. Phạm Bảo Thanh 25€.

● TU SỬA CHÙA

ĐH. Khúc Tony Ratstatt 25€. Nguyễn Thiện Lộc (Heppenheim) 200€. Thái An Giang 50€. Lê Văn Nam (Saarburg) 20€. Dr. J. Dienemann (Hannover) 400€. Lý Quan (Coswig) 10€. Nguyễn Vũ Bằng (Ottweiler) 10€. China Rest. Dynastie (Watenbüttel) 1.350€. Đặng Phúc Tiến & Trần Tú Oanh (Nürnberg) 50€.

● KÝ TỰ HƯỚNG LINH

Đh. Fam. Vương (Borkum) 100€. Nguyễn Thị Tường Nhân (Nürnberg) 100€. Mai Thị Kiêm (Scheimbeck) 25€, HLĐH Lý Huỳnh Đàng.

● RẪM THÁNG GIÊNG

Đh. Bà Trần Văn Ân (Pháp) 20€.

● RẪM THÁNG MƯỜI

Đh. Trương Quan Phúc (Moschheim) 15€.

● PHÓNG SANH

Đh. Lê Thị Bạch Ngọc (Oberhausen) 30€. Nguyễn Thị Thu Hồng (Donaueschingen) 20€.

● CHÙA VIỆT NAM

Đh. Nguyễn Thị Hạnh (Ansbach) 50€.

● QUỸ HỌC BỔNG TẶNG NI VIỆT NAM

Đh. Đặng Thị Nguyệt (Herne) 50€. Nguyễn Đình Vũ (Hòa Lan) 50€. Trần Thị 60€.

● QUỸ HỌC BỔNG TẶNG NI VIỆT NAM TẠI ẤN ĐỘ

Đh. Đặng Thị Nguyệt (Herne) 50€.

● TRAI CÙI + MÙ + CÔ NHI VIỆN + DƯỜNG LÃO

ĐH. Nguyễn Đức Trí (Karlsruhe) 30€. Nguyễn Đình Vũ (Hòa Lan) 50€. Tô Hoàng Dung 30€. Lê Thị Tâm (Pháp) 50€. Lưu Vinh (Hòa Lan) 10€. Võ Hồ Kim Thanh (Ulm) 15€. Pinelli Christi (Pháp) 50€.

● CỨU ĐÓI - GIÚP NGƯỜI NGHÈO

Đh. Lê Kim Hương (Heilbronn) 50€. Ấn danh 5€.

PHƯỚC DANH QUÝ ĐẠO HỮU & PHẬT TỬ ẨM TỐNG KINH

(Tiếp theo VG 131)

● THIÊN MÔN NHỰT TỤNG

ĐH. Đỗ Xuất Lễ + Dương Kim (Sindelfingen) 400US (thay vì in Bạch Y Thần Chú để hồi hướng đến pháp giới chúng sanh). Phan Thị Tuyết (Laupheim) 100€ (thay vì in 1200 quyển BYTC). Bà Trần Văn Ân (Pháp) 100€, HHHL ĐH Từ Thiện Minh Trần Văn Ân. Phạm Mạnh Vi & Hứa Thị Huỳnh Mai (Strasbourg) 250€.

● NGHI THỨC TỤNG NIỆM

Đh. Đỗ Xuất Lễ & Dương Kim (Sindelfingen) 300US (thay vì in Bạch Y Thần Chú để hồi hướng đến pháp giới chúng sanh). Phạm Thị Tuyết (Laupheim) 100€ (thay vì in 1200 quyển BYTC). Bà Trần Văn Ân (Pháp) 25€, HHHL ĐH Từ Thiện

Minh Trần Văn Ân. Phạm Mạnh Vi + Hứa Thị Huỳnh Mai (Strasbourg) 125€.

● KINH ĐỊA TẠNG

Đh. Nguyễn Đức Ninh (Steinheim) 35€. Đỗ Xuất Lễ & Dương Kim (Sindelfingen) 300US (thay vì in Bạch Y Thần Chú để hồi hướng đến pháp giới chúng sanh). Phạm Thị Tuyết (Laupheim) 100€ (thay vì in 1200 quyển BYTC). Bà Trần Văn Ân (Pháp) 77€, HHHL ĐH Từ Thiện Minh Trần Văn Ân. Phạm Mạnh Vi + Hứa Thị Huỳnh Mai (Strasbourg) 225€.

ĐỊNH KỶ HÀNG THÁNG XÂY CHÙA VIÊN GIÁC

Chúng tôi thành tâm kêu gọi quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần hỗ trợ Chùa bằng cách đóng góp Định Kỳ Hàng Tháng qua Ngân Hàng bằng lối Dauerauftrag để việc thực hiện trả nợ xây chùa có khả quan hơn.

Khi chuyển tịnh tài cúng Chùa, xin quý vị vui lòng ghi vào nơi (Verwendungssweck = mục đích cho việc gì) để văn phòng dễ làm việc. Quý vị ở xa ngoài nước Đức cũng có thể gửi tiền mặt hoặc Check trong thư, có thể gửi thường hoặc bảo đảm về Chùa. Xin thành thật cảm ơn quý vị.

Tất cả mọi sự Cúng Dường định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho Chùa, quý vị đều có thể lấy Giấy Khai Thuế Lại (bằng tiếng Đức) để cuối năm quý vị có thể khai khấu trừ thuế với Chính Phủ. Quý vị nào cần, xin liên lạc về Chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại, chúng tôi sẽ gửi giấy đến quý vị.

Quý vị chuyển tịnh tài về Chùa, xin chuyển vào một trong hai số Konto như sau:

1. Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V.

Konto Nr. 870 1633

BLZ 250 700 24

Deutsche Bank Hannover

(Mỗi ngày ngân hàng báo một lần)

2. Pagode Vien Giac

Konto Nr. 870 3449

BLZ 250 700 24

Deutsche Bank Hannover

(Một tháng ngân hàng báo một lần)

Ngôi Chùa thành tựu và phát triển được hay không là nhờ vào sự hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi quý vị hoan hỷ đóng góp phần mình vào việc chung trên để ước nguyện của chúng ta thành tựu viên mãn.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát

TỔNG KẾT DANH SÁCH 6 ĐÓN VỊ ỦNG HỘ TỬ THIÊN VIỆT NAM (04.11.2002)

1. Chùa Viên Giác + 200\$US	2.920€.
2. Chùa Linh Thửu Berlin	2.260€.
3.-Chi Hội Karlsruhe	1.591€.
4.-Chi Hội Nürnberg, Fürth + Erlangen	1.863,50€
5.Chi Hội Reutlingen	3.010€.
6.Chi Hội Frankfurt	1.360€.
Tổng Cộng:	13.004,50€

* Ngày 4.11.2002, Ni Sư Thích Nữ Hạnh Nghiêm nhận 5.656€, để lo xây dựng một trường Mẫu Giáo trong khuôn viên chùa Hà Linh tại Duy Xuyên, Quảng Nam, độ 3.000€. Số tiền còn lại là 2.656€.

sẽ trả tiền dạy học cho Thầy, Cô giáo hằng tháng trong nhiều năm.

* Sư Cô Như Giác đã nhận **7.348.50€** và **200\$US** để thực hiện các chương trình sau:

1/- Cứu lụt đồng bào tại Đồng Bằng Sông Cửu Long và Quảng Trị 3.000€.

2/- Sẽ đóng 300 cái giếng nước cho đồng bào tại ĐBSCL 3.000€.

3/- Số tiền còn lại là chương trình mổ mắt, xe lăn, cầu khí, nồi cháo tình thương và trẻ em mồ côi gồm 1.348,50€ và 200\$US.

CỨU LỤT VIỆT NAM

ĐH. Nguyễn Quốc Thông (Bonn) 100€. Trương Cổ Tùng 30€. Huỳnh Kim Sơn 80€. Lê Hoàng Tân (Troissingen) 30€. Thu & Tú (Hannover) 25€. Nhóm Việt Nam Thanh Niên Thiện Chí (Ý) 100€. Đoàn Bảo 80€. Lý Thanh Hải 30€. Võ Hồ Kim Thanh (Ulm) 15€. Tạ Thị Tường Vi (Saarland) 50€. Huỳnh Thị Chinh 25€.-

* * *

Quý Cứu Lụt và Quý Từ Thiện của Chùa Viên Giác nhận, còn lại trong thời gian qua là:
Viên Giác số 130 tháng 8 năm 2002 là

14.223,78€.

Viên Giác số 131 tháng 10 năm 2002:

- Trang 93

55€.

- Trang 98

330€.

Cộng:

14.608,78€.

Viên Giác số 132 tháng 12 năm 2002

565€.

Tổng cộng:

15.173,78€.

Đã gởi **9.600€** trong tháng 11.2002 qua Ni Sư Hạnh Nghiêm và Sư Cô Như Giác về lại Việt Nam để giúp cho các Chùa, các Tịnh Thất, lớp học Tình Thương, cứu lụt, học bổng cho Tăng Ni Sinh và các công việc từ thiện khác. Số tiền còn lại là: **5.573,78€.**

Từ 18 đến 23 tháng 11 năm 2002 Thượng Tọa Thích Như Điển đã sang Ấn Độ và tại Trung Tâm Tu Học Viên Giác ở Bồ Đề Đạo Tràng đã cấp thêm 15 học bổng cho các Tăng Ni Sinh đang du học tại đây; nâng tổng số học bổng trong hiện tại là 55 vị và kể từ năm 1994 đến nay là 70 vị. Đã có 15 vị ra trường. Số tiền trợ giúp kỳ này là: **8.000€.**

Vậy tổng số tiền đã Chi cho các mục trên, hiện quý này tính đến cuối tháng 12 năm 2002 **đã thiếu 2.426,22€.**

* * *

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Được tin buồn

CỤ BÀ NGUYỄN VĂN TÚ

Khuê danh Tôn Nữ Thị Tụy

Pháp danh Đạo Minh

Đã về cõi Phật ngày 27.09.2002

Thượng thọ 95 tuổi

Xin thành kính phân ưu cùng Chú / Anh Chương và các cháu

-Gđ. Nguyễn Hữu Nam và con/cháu nội ngoại Canada

-Gđ. Nguyễn Phước Tâm và con Việt Nam

-Gđ. Nguyễn Thị Tuyết và 2 con Việt Nam

-Gđ. Duyên Nguyễn Herbière, Pháp.

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Thân này không phải là tôi, tôi không bị kẹt vào thân ấy.

Tôi là sự sống thênh thang

Tôi chứa bao giờ từng sinh mà cũng chứa bao giờ từng diệt.

Hãy cưỡi cùng tôi, hãy vẫy tay chào, để rồi tức thời gặp lại

Gia đình chúng tôi vô cùng đau buồn báo tin đến tất cả quý thân bằng quyến thuộc, bạn hữu xa gần. Chồng, Cha, Ông Nội, Ông Ngoại, Ông Cố Ngoại của chúng tôi

LÝ HUỲNH ĐÀNG

Pháp danh Tuệ Minh Đăng

Sinh ngày 1.8.1930 tại Việt Nam

Mất ngày 24.10.2002

(nhằm ngày 19.9. Nhâm Ngọ)

tại Dorsten - Đức Quốc

Hưởng thọ 73 tuổi

Tang lễ đã được cử hành vào ngày thứ năm 31.10.2002 tại nghĩa trang Công Giáo của thành phố Schermbeck theo nghi lễ Phật Giáo.

Đồng thời chúng con / chúng tôi xin chân thành cảm tạ:

- Thượng Tọa Thích Như Điển, Chùa Viên Giác.

- Thượng Tọa Thích Minh Phú và quí Tăng, chùa Thiện Hòa.

- Ni Sư Thích Nữ Diệu Ân và Ni Cô Diệu Linh, chùa Quán Thế Âm Ni Tự.

- Cùng các Thông Gia, họ hàng và bạn hữu xa gần đã điện thoại, gửi Email phúng điếu và chia buồn cùng như cầu nguyện và tiễn đưa Hương Linh của Chồng, Cha và Ông chúng con/chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng. Trong lúc tang gia bối rối có điều chi sơ suất, kính mong quý vị niệm tình tha thứ.

Tang gia đồng kính bái

Bà Mai Thị Kiêm, các con và các cháu Bá, Ánh và các con Long, Nam Duyên, Hùng và các con Dung, Quang, Hiếu, Lệ và cháu Hậu (VN) Liên, Hùng và các con Đạt, Bích Hoàng, Gerhard và các con Linda, Felix

Dũng, Hiền và các con Thủy-Vi, Khanh Sĩ, Sabina và các con Sandra, Selina Phương.

Số tịnh tài phúng điếu là 2.500 Euro.

Chúng tôi sẽ chuyển đến những tổ chức giúp đỡ trẻ em tàn tật ở Việt Nam.

THÔNG BÁO VÀ PHÂN ƯU

Hội Người Việt Ty Nạn Karlsruhe đau buồn báo tin cùng các Hội bạn:

CỤ BÀ NGUYỄN VĂN TÚ

Khuê danh: Tôn Nữ Thị Tụy

Pháp danh: Đạo Minh

Bút hiệu: Chung Anh

Hội viên danh dự Hội NVTN Karlsruhe từ ngày thành lập 1982.

Đã về cõi Phật ngày 27.09.2002

Thượng thọ 95 tuổi

Hội Người Việt Ty Nạn Karlsruhe thành kính phân ưu cùng gia đình Hội viên Nguyễn Văn Chương và cầu nguyện Hương Linh Cụ Bà sớm tiêu điều nơi Miền Cực Lạc

NHÂN TIN

● **Tìm Thầy Toàn Thiện (Phan Gia Du)** xuất gia ở chùa Diệu Đế - Huế và tu học ở chùa Già Lam Sài Gòn; vượt biên năm 80-82 và nghe nói đã đến Hòa Lan.

Khi nhận được tin này xin liên lạc với: Thích Nguyên An tức Nguyên Kim (Lê Ngân) ở chùa Cổ Lâm ở

Seattle WA, USA. Tel. 001 206 723 - 4741

Fax 001 206 723 0506

để tìm lại người quen.

● **TÌM CHA**

Tên: **TRẦN THANH**, tên thường gọi là **KEN**. Sinh năm 1922. Người Quảng Đông. Quê quán chợ Lái Thiêu, Bình Dương.

Theo tin tức cho biết, Ba tôi đi vượt biên trước năm 1982, và định cư ở nước Mỹ.

Khi nhận được tin này Ba tôi hoặc bà con có ai biết Ba tôi ở đâu xin liên lạc với: Nu Düdder, Kosterstr. 53 - 44797 Bochum - Germany. Xin thành thật cảm ơn.

● **TÌM CHỊ**

Tìm chị **Nguyễn Thị Mai**, quê ở Giao Tất, xã Kim Sơn, Gia Lâm - Hà Nội.

Chị MAI con ông Nguyễn Đức Tăng. Gia đình có anh chị em tên: Tăng, Tắng, Li, ...

Chị Mai sang DDR lần thứ 2 khoảng năm 93-95.

Vậy chị Mai nhận được tin này hoặc ai biết chị Mai ở đâu xin nhắn giùm tôi theo địa chỉ sau. Xin cảm ơn.

Em Luyến - Suder Str.5 - Mainz

Mombach BRD. Tel. 06131 - 681093



VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỆU BẢO VÀ
PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

*Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnam-
Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland*

CHỦ TRƯỞNG (HERAUSGEBER)

Congr. d. Verein Vietn. Buddhi. Kirche e.V
Karlsruher Str.6. 30519 Hannover. Deutschland

CHỦ BÚT

Đạo hữu Nguyễn Trí

QUẢN LÝ TÒA SOẠN

Đạo Hữu Thị Tâm

BAN BIÊN TẬP & CỘNG SỰ VIÊN

Thượng Tọa Thích Như Điển - Huy Giang - Đan Hà
- Quỳnh Hoa - Từ Hùng Trần Phong Lưu - Hồng
Nhiên - Thiên Căn Phạm Hồng Sáu - Thị Tâm -
Phù Vân - Trương Ngọc Thanh

Tùy Anh (Đức) - Người Giám Biên (Đức) - Đông
Phước Mai Lý Cang (Pháp) - Nguyễn Văn Cường
(Na Uy) - Ngô Minh Hằng (Mỹ) - Nguyễn Tấn Hùng
(Mỹ) - Dr. Thái Văn Kiểm (Pháp) - Lê Doãn Kim
(Hoa Kỳ) - G.S. Vũ Kỳ (Bi) - Huyền Thanh Lữ (Đức)
- Vũ Nam (Đức) - Lê Thị Bạch Nga (Canada) - Tuệ
Nga (Hoa Kỳ) - Phong Hùng Lưu Nhơn Nghĩa (Úc) -
Hạnh Nguyễn (Ấn Độ) - Hoàng Phi Lưu Hoàng
Nguyễn (Úc) - Phan Hùng Nhơn (Đức) - Nguyễn
Việt Nữ (Hoa Kỳ) - Vân Nương LNC (Pháp) - Giang
Phúc Đông Sơn (Đức) - T.S. Lâm Như Tạng (Úc) -
B.S. Trương Ngọc Thanh (Đức) - Phạm Thăng
(Canada) - Đoàn Văn Thông (Hoa Kỳ) - Võ Thúc
(Đức)

KỸ THUẬT AN LOÁT (Layout)

Trung Tâm V.H.X.H. P.G Việt Nam tại Đức Quốc

CÙNG SỰ CỘNG TÁC CỦA :

Mitwirkung von :

Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên bang Đức
Vereinigung der Buddhistische-Vietnamflüchtlinge i. d. BRD

TÒA SOẠN & AN QUẢN

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức
Vietnamesisch-Buddhistisches
Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD

c/o Chùa Viên Giác

Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover

Tel. 0511 - 87 96 30. Fax : 0511 - 87 90 963

Homepage : <http://www.viengiac.net>

E-mail : viengiac@t-online.de

E-mail : baoviengiac@viengiac.de

E-mail : bao_vien_giac@web.de

E-mail Chủ Bút : vongatuong@yahoo.de

VIEN GIAC erscheint 6 mal jährlich

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ủng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quân binh thuế lương bổng hoặc lợi tức hằng năm
- Những bài viết của tác giả được đăng và trích đăng trên báo Viên Giác không nhất thiết là lập trường của tờ báo và ban biên tập.

Congr. d. Verein Vietn. Buddhi. Kirche e.V

Konto Nr. : 870 16 33. BLZ 250 700 24

Deutsche Bank Hannover

Mục Lục

Trang

- Thư chúc Tết	1
- Hội Phật Giáo Tăng Già Thế Giới	2 & 9
- Thư tòa soạn	3
- Tâm cảnh	4 - 6
(Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn)	
- Táo Quân 2003 (Đan Hà)	7 - 8
- Đức Phật một nhà siêu chính trị	9
(Nhóm Duy Na)	
- Một đạo tràng an lạc, thanh tịnh	10 - 12
(Minh Trí)	
■ Auf Deutsch	
- Sein und Nicht Sein	13 - 14
(Thích Như Dien)	
■ Hoa Phụng	15 - 19
Ông Thần Nước, Bê Ngỗng Đen, Hạnh Phúc trong tâm tay.	
■ Gia Đình Phật Tử	20 - 24
■ Tin tức nước Đức	25 - 27
- Mùa Xuân bên dáng Mẹ hiền	28 - 30
(Huy Giang)	
- Bữa tiệc nửa đêm (Dương Khánh Sơn)	31 - 33
- Nhà thơ Hữu Loan và bài thơ bất tử	34 - 36
(Trịnh Hùng)	
- Giải thoát thơ (Trần Thị Lộc Quê)	37 - 38
- Người Thầy cũ (Thích Như Điển)	39 - 42
- Dưới chân Thầy con đành lễ	43 - 45
(Thiện Hậu)	
- Những ngôi chùa Việt Nam tại Thái Lan	46 - 48
(Thích Huệ Giáo)	
- Tâm tình người thiếu phụ	49 - 53
(Nguyễn Tấn Hùng)	
- Hành trang ngày trở lại	54 - 57
(Trương Văn Dân)	
- Feng-Shui trên đất Mỹ	58 - 61
(Đoàn Văn Thông)	
- Vô Đỉnh Trí (Hy Trân - Chúc Hạnh)	62 - 66
- Hồng Hạnh (Huỳnh Trung Chánh)	67 - 69
- Tiếng Sáo Ma	70 - 74
(Giang Phúc Đông Sơn)	
- Phong Kiều Dạ Bạc (Huyền Th. Lữ)	75 - 78
- Đoạn trường Tân Thanh	79 - 85
(Nguyễn Thùy)	
- Nguyễn Nghi em Nguyễn Du ...	86 - 90
(Nhất Uyên)	
- Nghĩ gì về chiếc ấn của triều Nguyễn	91 - 92
(Trần Trọng Khoái)	
- Huyền Trân Công Chúa và Vương quốc Chiêm Thành (Ngô Kim Khôi)	93 - 98
- Bàng vào đầu vua Quang Trung đòi Trung Quốc ...	99 - 103
(Võ Thu Tịnh)	
- Vua Duy Tân và mối tình dang dở	104 - 107
(Võ Thu Tịnh)	
- Tham luận về khẩu khí con người	108 - 110
(Trần Trọng Khoái)	
- Cách thức uống và pha trà Nhật Bản	111 - 113
(Lưu An)	
- Chũ An (Quảng Đệ)	114 - 115
- Tranh Đà Kịch (ViVi)	116
- Buổi chia tay cuối năm (Phù Vân)	117 - 123
- Thư gửi bạn (Liễu Pháp)	124 - 128
- Giới thiệu sách báo mới	129 - 130
- Song ma sa lưới (Huỳnh Minh Lữ)	131 - 132

Mục Lục

Trang

- Những cột mốc thu hẹp	(Ng. Đ. Hùng)	132
- Nghèo nàn lạc hậu ...	(Ng. Chí Thành)	132 - 133
- Củng cố quyền lực qua vụ Năm Cam		134
(Lý Đại Nguyên)		
- Lê Chí Quang ...	(Phạm Hồng Tân)	136
- Hãy chặn bàn tay độc ác kẻ cầm quyền		137
độc tài	(Nguyễn Minh Cầm)	
- Liên Hiệp Quốc giữa một nền hòa bình		138 - 141
bấp bênh ...	(Phan Ngọc)	
- Tuồng thuật Đại Hội Văn Bút Quốc Tế		142 - 144
Kỳ thứ 68		
- Phòng vấn đặc biệt T.T. Thích Viên Lý ,		145 - 147
Tổng Thư Ký VP VHĐ II (Võ Triều Sơn)		
- Tri túc bất nhục và hiện tượng Pro.		148 - 158
Đặng Văn Nhâm, Đan Quốc ...		
- "Sanfte Entlassung" ...	(Ngọc Châu p.d)	159 - 161
- Những nút thắt mùa Xuân		162
(Phạm Tuấn Hoàng)		
Ngũ Dương Thành	(Tù Hùng)	163 - 164
- Ngày trở về	(Vũ Nam)	165
- Hữu Loan với đảng CSVN (Phạm Trần)		166 - 168
- Bọn cướp hợp thức hóa thành tài phiệt		169 -
đỏ	(Lý Đại Nguyên)	
- Bài phát biểu của Bà Trần Lệ Tuyên		170 - 171
trong buổi hội thảo "Bốn phận...(TLT)		
■ GIA CHÁNH CHAY		172
- Lá thư hộ trì số 6	(Chùa Khánh Anh)	173
- Thư kêu gọi	(GHPGVNTN&C)	174
■ Y ĐƯỢC THƯỜNG THỨC :		176
- Dê và những cây thuốc mang tên Dê		
(Quỳnh Hoa)		
- Vi khuẩn gây bệnh West Nile		
■ THỂ THAO		178 - 179
■ TIN THẾ GIỚI		180 - 190
■ SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG - THÔNG		191 - 198
BÁO - PHÂN ƯU - CÁO PHÓ - CẨM TẠ		
- PHƯƠNG DANH CÚNG DƯỜNG -		
HỘP THƯ VIÊN GIÁC - NHẮN TIN		
■ THƠ		
6. Ngũ Dục Lạc (Thích Linh Phong). 24. Ngược về chốn		
thời gian (Hạ An). 27. Xuân trở lại (Nguyễn Văn		
Cường). 33. Du Xuân (Trần Thanh Cường). 36. Khóc chi		
Quỳ Hương (Hà Thuông Nhân). 45. Anh Thơ Ngọc Anh		
(Hồ Trọng Khôi). 92. Xuân nhỏ về Thăng Long (Hoàng		
Lan). 98. Xuân lộng lẫy (Lê Mỹ Như Ý). 116. Cắm mốc		
trong tim (o Gián Phan Ngô). 128. Xuân Xa Xứ		
(Nguyễn Thị Hoa). 133. Sầu riêng (Huy Giang). 136. Lê		
Chí Quang đã đi vào lòng dân tộc (Kim Khôi). 146.		
Vườn măng quê ngoại (Thơ Chi Việt). 158. Xuân này		
cha viết gì? (Đỗ Trường). 161. Vô Ngã Vô Ưu (Vinh		
Liêm). 161. Nhà Nông (Nguyễn Văn Cường). 162. Về		
với má (Đỗ Hương Giang). 171. Bến Đợi Sông Chò		
(Hoàng Sa). 172. Mùa Xuân có em hái lộc (Tuệ Nga).		
175. Bài thơ tiếng Việt (Hà Đạu Đồng).		
■ Cáo lỗi : Vì số trang báo có giới hạn nên các bài của		
quý văn thi hữu gửi đến và mục phương danh cúng		
dường không thể đăng trong kỳ này được. Chúng tôi sẽ		
lần lượt tiếp tục đăng trong các kỳ báo tới. Xin thành		
thật cáo lỗi cùng quý vị. - Báo Viên Giác -		

Family Direct

VIEN GIAC, KARLSRUHER STRASSE 6. 30519 HANNOVER
PSdg, Deutsche Post AG, Entgelt bezahlt H 46298



Albania	0,16
China	0,25
Iran	0,17
Lebanon	0,19
Nigeria	0,29
Pakistan	0,28
Philippines	0,15
Poland	0,05
Russia	0,10
Syria	0,39
Thailand	0,18
Turkey	0,12
UK,USA	0,02

Viet nam 0,46₉ Euro/min
10 € 22min. 25 € 53min.

card mới và dễ gọi



Viet Nam	0,47 € /min.
India	0,24 ₉
Pakistan	0,24 ₉
Seri Lanka	0,23 ₉



Luôn dành Rabatt(%) cao nhất cho các tiệm và Đại lý



Viet Nam 0,53₉ €/Min

China	0,30 €/min
China Mobile	0,30 €/min

Thailand ab 0,09 €/min
Thailand Mobile 0,17 €/min

Philippines 0,16 €/min
Philippines Mobile 0,18 €/min



Công ty đang phân phối hơn 50 loại card khác nhau, là nơi tin cậy cung cấp card điện thoại dễ gọi và rẽ về VIỆT Nam cũng như các nước khác. Rất hân hạnh được phục vụ Quý khách. Asia Pacific, CityPlus, Family Direct, African Xpress, Mega Asia, Handy direct, Mega East, Galaxy, Gnamam, Go Bananas, Gosh, Go Spicy, King, Median Hallo (Asia,), Mox, Telewelt, Euro Xtra, Unity & Afrika, Xcess, Best Asia..

Kính chúc Quý khách hàng một mùa Giáng Sinh An Lành và một năm mới An Khang - Thịnh Vượng. Teleworld Team

TELEWORLD GROUP
Celler Straße 110
D-38114 Braunschweig

www.teleworld.de
email: info@teleworld.de

Hotline : 0531 - 250 666 1
0531 5908 555
Fax: 0531 - 250 666 3

